

Số: 168 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 05 tháng 7 năm 2023

GIẤY CHỨNG NHẬN
Đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 26 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 8 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu có bảo đảm ra công chúng của Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Chào bán Chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng cho:

**CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHAI THÁC
CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO**

- Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NUI PHAO MINING COMPANY LTD;

- Tên công ty viết tắt: NUIPHAO MINING;

- Trụ sở chính: Xóm Suối Cát, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam;

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 4600864513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 03 tháng 6 năm 2022;



– Vốn điều lệ: 10.792.915.155.000 đồng (Mười nghìn bảy trăm chín mươi hai tỷ chín trăm mười lăm triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Điều 2. Trái phiếu Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo được đăng ký chào bán ra công chúng theo các nội dung sau:

1. Loại chứng khoán: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm bằng tài sản;
2. Mệnh giá trái phiếu: 100.000 đồng (Một trăm nghìn đồng);
3. Tổng số trái phiếu chào bán ra công chúng: 12.000.000 trái phiếu (Mười hai triệu trái phiếu), bao gồm:
 - Trái phiếu NPMPO2328003: 7.000.000 trái phiếu (Bảy triệu trái phiếu);
 - Trái phiếu NPMPO2328004: 5.000.000 trái phiếu (Năm triệu trái phiếu).
4. Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 1.200.000.000.000 đồng (Một nghìn hai trăm tỷ đồng);
5. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;
6. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
7. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương.

Điều 3. Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

Điều 4. Giấy Chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy Chứng nhận này được lập thành bốn (04) bản chính: 01 bản cấp cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo, 01 bản lưu tại Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam. /L

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Hoàng Văn Thu

Số:45/TB-NPMC.....

Thái Nguyên, ngày 5 tháng 7 năm 2023

THÔNG BÁO CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG

Trái Phiếu NPMPO2328003 và Trái Phiếu NPMPO2328004

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng số 168/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban
Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 5 tháng 7 năm 2023)

I. GIỚI THIỆU VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

- Tên tổ chức phát hành (đầy đủ) : Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo
- Tên viết tắt bằng tiếng nước ngoài : Nui Phao Mining Company Ltd
- Tên công ty viết tắt : NUIPHAO MINING
- Địa chỉ trụ sở chính : Xóm Suối Cát, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
- Điện thoại : 024 3718 2490
Fax : 024 3718 2491
Website : <https://masanhightechmaterials.com/vi/subsidiary/nui-phao-mining-company/>
- Vốn điều lệ : 10.792.915.155.000 đồng (mười nghìn bảy trăm chín mươi hai tỷ chín trăm mười lăm triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng)
- Mã cổ phiếu (nếu có) : Không áp dụng
- Nơi mở tài khoản thanh toán : Ngân hàng Thương mại cổ phần Kỹ Thương Việt Nam ("Techcombank")
Số hiệu tài khoản : 117 2302 7668 015
- Căn cứ pháp lý hoạt động kinh doanh :
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên mã số doanh nghiệp 4600864513 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 05 tháng 07 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 03 tháng 06 năm 2022

- Ngành nghề kinh doanh chính/Mã ngành

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (khai thác, chế biến vàng, đồng, vonfram, fluorit và bismut)	0730
2.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước (thăm dò khoáng sản))	7110
3.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
4.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh mua, bán vàng miếng)	4662
5.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
6.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu (Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công Ty kinh doanh)	8299

- Sản phẩm/dịch vụ chính:

- vonfram, fluorit, đồng và bismut

10. Giấy phép thành lập và hoạt động (theo quy định của pháp luật chuyên ngành):

Giấy phép khai thác khoáng sản số 1710/GP-BTNMT ngày 21 tháng 9 năm 2010

II. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Nhằm mục đích tăng cường tiềm lực và tái cấu trúc năng lực tài chính cho doanh nghiệp, Tổ Chức Phát Hành dự kiến chào bán Trái Phiếu ra công chúng để cơ cấu lại nợ của Tổ Chức Phát Hành.

III. PHƯƠNG ÁN CHÀO BÁN

- Tên trái phiếu : Trái phiếu NPMPO2328003 và Trái phiếu NPMPO2328004 (“**Trái Phiếu**”)
- Loại trái phiếu : Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm bằng tài sản.
- Mệnh giá trái phiếu : 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu
- Tổng số lượng trái phiếu chào bán : 12.000.000 (mười hai triệu) Trái Phiếu, bao gồm:
 - Trái Phiếu NPMPO2328003: 7.000.000 (bảy triệu) trái phiếu
 - Trái Phiếu NPMPO2328004: 5.000.000 (năm triệu) trái phiếu
- Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá : 1.200.000.000.000 đồng (một nghìn hai trăm tỷ đồng), bao gồm:
 - Trái Phiếu NPMPO2328003: 700.000.000.000 đồng (bảy

trăm tỷ đồng)

- Trái Phiếu NPMPO2328004: 500.000.000.000 đồng
(năm trăm tỷ đồng)

6. Kỳ hạn Trái Phiếu : 60 (sáu mươi) tháng
7. Lãi suất : Trái Phiếu có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, cụ thể như sau:
- Đối với 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên: lãi suất bằng 9%/năm (chín phần trăm một năm); và
 - Đối với các Kỳ Tính Lãi còn lại: lãi suất bằng Lãi Suất Tham Chiếu của Kỳ Tính Lãi đó cộng với 4,1%/năm (bốn phẩy một phần trăm một năm).

Trong đó,

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài 6 (sáu) tháng liên tục từ Ngày Phát Hành cho đến ngày đáo hạn của Trái Phiếu (hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn).

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” có nghĩa, là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam công bố vào ngày xác định lãi suất có liên quan.

“**Ngày Phát Hành**” có nghĩa là ngày kết thúc đợt chào bán của Trái Phiếu theo quy định tại Luật Chứng Khoán.

8. Kỳ trả lãi : Lãi Trái Phiếu sẽ được thanh toán vào (i) ngày cuối cùng của mỗi Kỳ Tính Lãi, và (ii) ngày đáo hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn dù là tự nguyện hay bắt buộc
9. Giá chào bán : 100.000 đồng (một trăm nghìn đồng)/Trái Phiếu
10. Phương thức phân phối : Toàn bộ Trái Phiếu được phân phối cho nhà đầu tư thông qua Tổ chức bảo lãnh phát hành là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (“**TCBS**”) với phương thức cố gắng tối đa
11. Số lượng đăng ký đặt mua tối thiểu :

➤ *Áp dụng cho Trái Phiếu NPMPO2328003*

- Đối với bên đặt mua là cá nhân : tối thiểu 5.000 (năm nghìn) trái phiếu, tương đương với tối thiểu 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) mệnh giá Trái Phiếu
- Đối với bên đặt mua là tổ chức : tối thiểu 10.000 (mười nghìn) trái phiếu, tương đương với tối thiểu 1.000.000.000 đồng (một tỷ đồng) mệnh giá Trái Phiếu.

Để tránh nhầm lẫn, số lượng Trái Phiếu được đặt mua bởi nhà đầu tư phải là số chẵn đến hàng đơn vị.

➤ *Áp dụng cho Trái Phiếu NPMPO2328004*

- Đối với bên đặt mua là cá nhân : tối thiểu 6.000 (sáu nghìn) trái phiếu, tương đương với tối thiểu 600.000.000 đồng (sáu trăm triệu đồng) mệnh giá Trái Phiếu
- Đối với bên đặt mua là tổ chức : tối thiểu 15.000 (mười lăm nghìn) trái phiếu, tương đương với tối thiểu 1.500.000.000 đồng (một tỷ năm trăm triệu đồng) mệnh giá Trái Phiếu.

Để tránh nhầm lẫn, số lượng Trái Phiếu được đặt mua bởi nhà đầu tư phải là số chẵn đến hàng đơn vị.

12. Thời gian nhận đăng ký đặt mua : Từ ngày 8/7/2023 đến ngày 27/7/2023;
13. Địa điểm nhận đăng ký đặt mua trái phiếu : Tại trụ sở của Tổ chức bảo lãnh phát hành: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương
- Địa chỉ: Tầng 27, Techcombank D'Capital Tower C5, 119 Trần Duy Hưng, Quận Cầu Giấy, Hà Nội
 - Hotline: 1800 588 826

Chi tiết hướng dẫn thủ tục đăng ký mua Trái Phiếu được đăng tải trên trang chủ của TCBS tại: <https://www.tcbs.com.vn/>

14. Thời gian nhận tiền đặt mua trái phiếu : Từ ngày 8/7/2023 đến ngày 27/7/2023;

Tổ Chức Phát Hành chỉ định cho Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương với tư cách Tổ chức bảo lãnh phát hành (“TCBS”) được thay mặt Tổ Chức Phát Hành thực hiện các thủ tục vận hành trong quá trình phân phối sơ cấp Trái Phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn nhận Giấy Đăng Ký Mua Trái Phiếu của các bên đặt mua, mở và quản lý tài khoản chuyên dụng nhận tiền đặt mua Trái Phiếu, chuyển tiền đặt mua Trái Phiếu vào tài khoản phong tỏa của Tổ Chức Phát Hành (được quy định tại Mục 16 của Thông báo này), ký và gửi xác nhận đặt mua thành công cho các bên đặt mua.

Các bên đặt mua nộp tiền đặt cọc mua Trái Phiếu vào tài khoản chuyên dụng của TCBS theo hướng dẫn tại Hướng Dẫn Thực Hiện Đăng Ký Và Nộp Tiền Đặt Cọc Mua Trái Phiếu. Kết thúc

thời gian chào bán Trái Phiếu, TCBS sẽ chuyển số tiền đặt cọc mua Trái Phiếu từ tài khoản chuyên dụng của TCBS vào Tài Khoản Phong Tỏa của Tổ Chức Phát Hành tương ứng với số lượng Trái Phiếu đăng ký mua thành công của đợt chào bán.

15. Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu (“**Tài Khoản Phong Tỏa**”)

➤ *Áp dụng cho Trái Phiếu NPMPO2328003*

- Tên tài khoản : Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo
- Số tài khoản : 285476321
- Mở tại : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

➤ *Áp dụng cho Trái Phiếu NPMPO2328004*

- Tên tài khoản : Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo
- Số tài khoản : 285477007
- Mở tại : Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng

16. Các điều khoản về chuyển đổi : Không có Trái Phiếu

17. Các điều khoản đối với chứng : Không có quyền kèm theo Trái Phiếu

18. Các thông tin liên quan đến Trái Phiếu có bảo đảm:

➤ *Áp dụng cho Trái Phiếu NPMPO2328003*

- Hình thức bảo đảm: bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba.
- Giá trị Trái Phiếu được bảo đảm: 700.000.000.000 đồng (bảy trăm tỷ đồng).
- Bảo đảm bằng tài sản:
 - (i) Tài sản bảo đảm: Tài sản bảo đảm ban đầu cho Trái Phiếu là phần vốn góp của Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên, một công ty được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0309960069 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 5 năm 2010 (được sửa đổi tại từng thời điểm), trong Tổ Chức Phát Hành (“**Phần Vốn Góp NPM**”). Tài sản bảo đảm cho Trái Phiếu có thể được thay đổi theo thỏa thuận giữa Tổ Chức Phát Hành, chủ sở hữu trái phiếu và/hoặc các bên có liên quan.
 - (ii) Giá trị định giá cho Phần Vốn Góp NPM thế chấp cho Trái Phiếu là 1.403.756.064.000 đồng (một nghìn bốn trăm lẻ ba tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn đồng).
Trị giá Phần Vốn Góp NPM thế chấp theo vốn điều lệ: 1.176.427.751.895 đồng (bằng chữ: một nghìn một trăm bảy mươi sáu tỷ bốn trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi một nghìn tám trăm chín mươi lăm đồng), tương đương tỷ lệ 10,9% vốn điều lệ của Công Ty;
 - (iii) Tổ chức thẩm định giá Phần Vốn Góp NPM: Công Ty Cổ Phần Thẩm Định Giá và Tư Vấn Quốc Tế (VALUCO) được chỉ định theo Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐTV ngày 08 tháng 06 năm 2023 của Tổ Chức Phát Hành;
 - (iv) Chủ sở hữu tài sản bảo đảm (bên bảo đảm): Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên.

(v) Tổ chức quản lý tài sản bảo đảm ban đầu: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.

➤ **Áp dụng cho Trái Phiếu NPMPO2328004**

- Hình thức bảo đảm: bảo đảm bằng tài sản của bên thứ ba.
- Giá trị Trái Phiếu được bảo đảm: 500.000.000.000 đồng (năm trăm tỷ Đồng).
- Bảo đảm bằng tài sản:

(i) Tài sản bảo đảm: Tài sản bảo đảm ban đầu cho Trái Phiếu là phần vốn góp của Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên, một công ty được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0309960069 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 5 năm 2010 (được sửa đổi tại từng thời điểm), trong Tổ Chức Phát Hành ("**Phần Vốn Góp NPM**"). Tài sản bảo đảm cho Trái Phiếu có thể được thay đổi theo thỏa thuận giữa Tổ Chức Phát Hành, chủ sở hữu trái phiếu và/hoặc các bên có liên quan.

(ii) Giá trị định giá cho Phần Vốn Góp NPM thế chấp cho Trái Phiếu NPMPO2328004 là 1.004.522.688.000 Đồng (một nghìn không trăm lẻ bốn tỷ năm trăm hai mươi hai triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn Đồng).

Trị giá Phần Vốn Góp NPM thế chấp (theo vốn điều lệ): 841.847.382.090 đồng (tám trăm bốn mươi một tỷ tám trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm tám mươi hai nghìn không trăm chín mươi Đồng), tương đương tỷ lệ 7,8% vốn điều lệ của Công Ty.

(iii) Tổ chức thẩm định giá Phần Vốn Góp NPM: Công Ty Cổ Phần Thẩm Định Giá và Tư Vấn Quốc Tế (VALUCO) được chỉ định theo Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐTV ngày 08 tháng 06 năm 2023 của Tổ Chức Phát Hành;

(iv) Chủ sở hữu tài sản bảo đảm (bên bảo đảm): Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên.

(v) Tổ chức quản lý tài sản bảo đảm ban đầu: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương.

19. Địa điểm công bố bản cáo bạch : Bản cáo bạch và các tài liệu liên quan được đăng tải tại <https://www.tcbs.com.vn> và <https://masanhightechmaterials.com/vi/subsidiary/nui-phao-mining-company/>

IV. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN

1. Tổ chức tư vấn và tổ chức bảo lãnh phát hành : TCBS
2. Tổ chức tư vấn niêm yết : TCBS
3. Đại diện chủ sở hữu trái phiếu : TCBS
4. Đại lý đăng ký và quản lý chuyển nhượng ban đầu : TCBS
5. Tổ chức lưu ký ban đầu : TCBS
6. Tổ chức quản lý tài sản bảo đảm ban đầu : TCBS

**CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN
KHOANG SẢN NÚI PHÁO**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)



Nguyễn Chiêu Nam



ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CHỨNG KHOÁN ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CÔNG TY VÀ GIÁ TRỊ CỦA CHỨNG KHOÁN. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

(Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hai Thành Viên Trở Lên số 4600864513 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 5 tháng 7 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 03 tháng 06 năm 2022)



NuiPhao Mining

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số 168 /GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 05 tháng 7 năm 2023)

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

TECHCOMSECURITIES



BeSpoke

Bản Cáo Bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp từ ngày _____ tại:

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

Địa chỉ: Xóm Suối Cát, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên

Điện thoại: (+84-20) 80382 4063 Fax: (+84-20) 80382 4063

Website: <https://masanhightechmaterials.com/subsidiary/nui-phao-mining-company/>

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

Địa chỉ: Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: (84-24) 3944 6368

Fax: (84-24) 3944 6583

Website: www.tcbs.com.vn

Phụ trách công bố thông tin:

Họ tên: Phạm Nguyên Hải

Chức vụ: Trưởng phòng Pháp lý của Tổ Chức Phát Hành

Số điện thoại: (84-24) 3718 2490

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

(Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp Công Ty Trách Nhiệm Hữu Hạn Hai Thành Viên Trở Lên số 4600864513 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 5 tháng 7 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 03 tháng 06 năm 2022)

CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Dưới đây là các thông tin tóm tắt về các điều khoản và điều kiện chính của các trái phiếu được chào bán theo bản cáo bạch này (sau đây gọi là “**Bản Cáo Bạch**”) bao gồm:

Tên trái phiếu: Trái Phiếu NPMPO2328003 và Trái Phiếu NPMPO2328004.

Trái Phiếu NPMPO2328003 và Trái Phiếu NPMPO2328004 sau đây được gọi chung là “**Các Trái Phiếu**”, và “**Trái Phiếu**” có nghĩa là bất kỳ trái phiếu nào trong số Các Trái Phiếu. Để biết thêm các thông tin chi tiết liên quan đến các điều khoản và điều kiện chính của Trái Phiếu (như được định nghĩa dưới đây), vui lòng xem Phần VI có tiêu đề “**THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN**” của Bản Cáo Bạch này.

Loại trái phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm bằng tài sản

Mệnh giá: 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu

Tổng số lượng trái phiếu chào bán: 12.000.000 (mười hai triệu) Trái Phiếu, bao gồm:

- Trái Phiếu NPMPO2328003: 7.000.000 (bảy triệu) trái phiếu; và
- Trái Phiếu NPMPO2328004: 5.000.000 (năm triệu) trái phiếu.

Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá: 1.200.000.000.000 VND (một nghìn hai trăm tỷ Đồng), bao gồm:

- Trái Phiếu NPMPO2328003: 700.000.000.000 VND (bảy trăm tỷ Đồng)
- Trái Phiếu NPMPO2328004: 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng)

Kỳ hạn trái phiếu: Trái Phiếu NPMPO2328003 và Trái Phiếu NPMPO2328004 có kỳ hạn 60 (sáu mươi tháng) kể từ Ngày Phát Hành của Trái Phiếu đó.

Lãi suất: được quy định cụ thể tại Điều 7 Phần VI – Thông Tin Về Đợt Chào Bán của Bản Cáo Bạch này.

TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ BẢO LÃNH PHÁT HÀNH (theo hình thức cố gắng tối đa):**Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương**

- Địa chỉ: Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, Tòa C5 D’Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-4) 3944 6368 Fax: (84-4) 3944 6583
- Website: www.tcbs.com.vn

(sau đây gọi là “**Tổ Chức Tư Vấn**” hoặc “**Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành**”, tùy từng ngữ cảnh)

TỔ CHỨC ĐỒNG BẢO LÃNH PHÁT HÀNH: Không có

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:

Công Ty TNHH KPMG

- Địa chỉ: Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng, Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Hà Nội
- Số điện thoại: (84-24) 3946 1600
- Website: <https://home.kpmg.com>

ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

- Địa chỉ: Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-24) 3944 6368
- Fax: (84-24) 3944 6583
- Website: www.tcbs.com.vn

TỔ CHỨC LƯU KÝ BAN ĐẦU:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

- Địa chỉ: Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-24) 3944 6368
- Fax: (84-24) 3944 6583
- Website: www.tcbs.com.vn

ĐẠI LÝ ĐĂNG KÝ BAN ĐẦU: *(trong giai đoạn trước khi đăng ký lưu ký tập trung Trái Phiếu tại VSD và niêm yết)*

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

- Địa chỉ: Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
- Điện thoại: (84-24) 3944 6368
- Fax: (84-24) 3944 6583
- Website: www.tcbs.com.vn

*[Mục Lục bắt đầu từ trang sau.
Phần còn lại của trang này được chú ý để trống]*

MỤC LỤC

	Trang
I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	7
1. Tổ Chức Phát Hành	7
2. Tổ Chức Bảo Lệnh Phát Hành, Tổ Chức Tư Vấn	7
II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	8
1. Rủi Ro Về Kinh Tế.....	8
2. Rủi Ro Về Luật Pháp.....	10
3. Rủi Ro Đặc Thù Liên Quan Đến Hoạt Động Của Tổ Chức Phát Hành	12
3.1 Rủi ro đặc thù liên quan đến ngành	12
3.2 Rủi ro đặc thù liên quan đến công ty.....	13
3.3 Rủi ro đặc thù liên quan đến lĩnh vực hoạt động.....	15
4. Rủi Ro Liên Quan Đến Các Trái Phiếu Và Đợt Chào Bán	17
5. Rủi Ro Liên Quan Đến Biện Pháp Bảo Đảm Và Tài Sản Bảo Đảm	18
6. Rủi Ro Quản Trị Công Ty	20
7. Rủi Ro Khác	20
III. CÁC KHÁI NIỆM.....	22
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	25
1. Thông Tin Chung Về Tổ Chức Phát Hành	25
2. Tóm Tắt Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển Của Tổ Chức Phát Hành.....	26
3. Cơ Cấu Tổ Chức Của Tổ Chức Phát Hành	28
4. Cơ Cấu Quản Trị Và Bộ Máy Quản Lý Của Tổ Chức Phát Hành	30
4.1 Hội Đồng Thành Viên	30
4.2 Tổng Giám Đốc Và Đội Ngũ Quản Lý	31
5. Thông Tin Về danh Sách Công Ty Mẹ Và Công Ty Con Của Tổ Chức Phát Hành, Những Công Ty Năm Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần, Phần Vốn Góp Chi Phối Đối Với Tổ Chức Phát Hành, Những Công Ty Mà Tổ Chức Phát Hành Năm Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần, Phần Vốn Góp Chi Phối Tại Thời Điểm 31/12/2022	32
5.1 Danh Sách Các Công Ty Con Mà Tổ Chức Phát Hành Năm Giữ Quyền Kiểm Soát Hoặc Phần Vốn Góp Chi Phối Trong 02 Năm Liên Tục Liên Trước Năm Đăng Ký Chào Bán Và Đến Thời Điểm Hiện Tại	32
5.2 Công Ty Mẹ Năm Quyền Kiểm Soát Hoặc Phần Vốn Góp Chi Phối Đối Với Tổ Chức Phát Hành Trong 02 Năm Liên Tục Liên Trước Năm Đăng Ký Chào Bán Và Đến Thời Điểm Hiện Tại	33
6. Giới Thiệu Về Quá Trình Tăng, Giảm Vốn Điều Lệ Của Tổ Chức Phát Hành	34
7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành	37
8. Hoạt Động Kinh Doanh.....	39
8.1 Đặc Điểm Hoạt Động Kinh Doanh	39
8.2 Tài Sản Của Tổ Chức Phát Hành	53
8.3 Thị Trường Hoạt Động.....	54
8.4 Các Hợp Đồng Lớn Quan Trọng Đang Được Thực Hiện Hoặc Đã Được Ký Kết	56
8.5 Vị Thế Của Tổ Chức Phát Hành Trong Ngành	57
8.6 Quyền Sở Hữu Trí Tuệ, Nhãn Hiệu, Tên Thương Mại, Sáng Chế Và Bản Quyền.....	59
8.7 Chiến Lược Kinh Doanh	60
8.8 Việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật có liên quan của Tổ Chức Phát Hành	61
9. Thông Tin Về Thành Viên Sở Hữu Từ 10% Vốn Điều Lệ Của Tổ Chức Phát Hành Trở Lên.....	62
10. Hội Đồng Thành Viên, Ban Giám Đốc, Kế Toán Trưởng	64
10.1 Hội Đồng Thành Viên	64

10.2	Ban Giám Đốc Và Kế Toán Trưởng	72
11.	Chính Sách Chia Lợi Nhuận.....	75
12.	Tình Hình Thanh Toán Góc Và Lãi Trái Phiếu Đã Phát Hành Trong 03 Năm Liên Tục Liên Trước Năm Đăng Ký Chào Bán Và Đến Thời Điểm Hiện Tại.....	75
13.	Thông Tin Về Những Cam Kết Nhưng Chưa Thực Hiện Của Tổ Chức Phát Hành	75
13.1	Thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất.....	75
13.2	Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán	77
13.3	Thông tin về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán.....	79
14.	Các Thông Tin, Nghĩa Vụ Nợ Tiềm Ẩn, Tranh Chấp Kiện Tụng Liên Quan Tới Tổ Chức Phát Hành Có Thể Ảnh Hưởng Đến Hoạt Động Kinh Doanh, Tình Hình Tài Chính Của Tổ Chức Phát Hành, Đợt Chào Bán, Phương Án Sử Dụng Vốn Thu Được Từ Đợt Chào Bán.....	80
14.1	Công tác đền bù giải phóng mặt bằng	80
14.2	Tình Hình Thanh Tra Của BTNMT	80
14.3	Nợ Tiềm Tàng	80
15.	Thông Tin Về Cam Kết Của Tổ Chức Phát Hành Không Thuộc Trường Hợp Đang Bị Truy Cứu Trách Nhiệm Hình Sự Hoặc Đã Bị Kết Án Về Một Trong Các Tội Xâm Phạm Trật Tự Quản Lý Kinh Tế Mà Chưa Được Xóa Án Tích.....	82
V.	KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH	82
1.	Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh	82
1.1	Tóm Tắt Một Số Chỉ Tiêu Về Hoạt Động Kinh Doanh Của Tổ Chức Phát Hành	82
1.2	Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành	84
2.	Tình Hình Tài Chính	86
2.1	Các Chỉ Tiêu Cơ Bản	86
2.2	Các Chỉ Tiêu Tài Chính Chủ Yếu	89
3.	Ý Kiến Của Tổ Chức Kiểm Toán Đối Với Báo Cáo Tài Chính.....	91
4.	Kết Quả Xếp Hạng Tín Nhiệm: <i>không áp dụng</i>	93
5.	Kế Hoạch Lợi Nhuận Các Năm Tiếp Theo	93
5.1	Kế Hoạch Lợi Nhuận.....	93
5.2	Căn Cứ Đề Đạt Được Kế Hoạch Lợi Nhuận Nêu Trên.....	93
5.3	Đánh Giá Của Tổ Chức Tư Vấn Về Kế Hoạch Lợi Nhuận.....	94
5.4	Đánh giá của Tổ chức kiểm toán độc lập về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận	95
6.	Kế Hoạch Chào Bán Trái Phiếu Trong 3 Năm Tiếp Theo	95
VI.	THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN	96
1.	Tên trái phiếu: Trái Phiếu NPMPO2328003 và Trái Phiếu NPMPO2328004.....	97
2.	Loại Và Tính Chất Trái Phiếu	97
3.	Mệnh Giá.....	97
4.	Tổng Số Trái Phiếu Dự Kiến Chào Bán.....	97
5.	Tổng Giá Trị Trái Phiếu Chào Bán Theo Mệnh Giá.....	97
6.	Kỳ Hạn Trái Phiếu.....	97
7.	Lãi Suất.....	97
8.	Kỳ Hạn Trả Lãi, Trả Góc	98
9.	Giá Chào Bán Dự Kiến.....	98
10.	Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán Trong Trường Hợp Tổ Chức Phát Hành Mất Khả Năng Trả Nợ/Chấm Dứt Hoạt Động.....	98
11.	Quyền Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu	99
12.	Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.....	101
13.	Cam Kết Về Bảo Đám.....	102
13.1	Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám	102
13.2	Hình Thức Bảo Đám	103

13.3	Tài Sản Bảo Đảm Đối Với Trái Phiếu NPMPO2328003.....	103
13.4	Tài Sản Bảo Đảm Đối Với Trái Phiếu NPMPO2328004.....	107
14.	Việc Mua Lại Trái Phiếu.....	112
14.1	Mua Lại Vào Ngày Đáo Hạn.....	112
14.2	Mua Lại Trước Hạn Theo Quyền Chọn Của Tổ Chức Phát Hành.....	112
14.3	Mua lại Trái Phiếu Sau Khi Niêm Yết.....	112
14.4	Mua Lại Khi Không Bổ Sung Tài Sản Bảo Đảm.....	112
14.5	Mua Lại Khi Xảy Ra Sự Kiện Vi Phạm.....	113
15.	Phương Thức Phân Phối.....	116
16.	Đăng Ký Mua Trái Phiếu.....	116
17.	Lịch Trình Dự Kiến Phân Phối Trái Phiếu.....	118
18.	Tài Khoản Phong Tồn Nhận Tiền Mua Trái Phiếu.....	119
19.	Ý Kiến Của Cơ Quan Có Thẩm Quyền Về Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng Của Tổ Chức Phát Hành.....	119
20.	Các Loại Thuế Có Liên Quan.....	119
20.1	Thuế Thu Nhập Cá Nhân.....	119
20.2	Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp.....	121
20.3	Thuế Giá Trị Gia Tăng.....	123
21.	Thông Tin Về Các Cam Kết.....	124
22.	Thông Tin Về Các Loại Chứng Khoán Khác Đang Được Chào Bán.....	125
VII.	MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN.....	125
VIII.	KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN .	125
1.	Kế Hoạch Sử Dụng.....	125
1.1	Kế hoạch sử dụng chi tiết.....	125
1.2	Mô tả cụ thể về kế hoạch sử dụng.....	127
2.	Kế Hoạch Trả Nợ.....	132
IX.	CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN.....	134
X.	CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ.....	135
XI.	PHỤ LỤC.....	136

NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH**I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH****1. Tổ Chức Phát Hành****CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO**

Ông: **Nguyễn Thiệu Nam** Chức vụ: Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên
Ông: **Craig Richard Bradshaw** Chức vụ: Tổng Giám Đốc
Bà: **Nguyễn Thị Thanh Mai** Chức vụ: Kế Toán Trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản Cáo Bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót mà có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản Cáo Bạch.

2. Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành, Tổ Chức Tư Vấn**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG (“TCBS”)**

Bà: **Nguyễn Thị Thu Hiền** Chức vụ: Tổng Giám đốc (văn bản ủy quyền của Người đại diện theo pháp luật ủy quyền cho bà Nguyễn Thị Thu Hiền thực hiện một số công việc liên quan đến hoạt động của TCBS số 010/2018/UQ-CT ngày 14/08/2018 của Chủ tịch Hội đồng Quản trị)

Bản Cáo Bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do TCBS tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn chào bán trái phiếu ra công chúng, bảo lãnh phát hành và tư vấn niêm yết số 02/2023/BLPH/NPM-TCBS ngày 05 tháng 5 năm 2023 với Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo, thỏa thuận sửa đổi hợp đồng tư vấn chào bán trái phiếu ra công chúng, bảo lãnh phát hành và tư vấn niêm yết số 02/2023/TTSD01/BLPH/NPM-TCBS và các thỏa thuận sửa đổi tại từng thời điểm. Trong phạm vi trách nhiệm và thông tin được biết, chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản Cáo Bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo cung cấp.

*[Mục II. Các Nhân Tố Rủi Ro bắt đầu từ trang sau.
Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]*

II. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Ngoài những thông tin có tại các phần khác của Bản Cáo Bạch này, nhà đầu tư dự kiến mua Trái Phiếu nên xem xét kỹ lưỡng các yếu tố rủi ro dưới đây trước khi mua Trái Phiếu. Việc xảy ra một hoặc nhiều sự kiện được trình bày dưới đây có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính hoặc kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và có thể ảnh hưởng đến khả năng Tổ Chức Phát Hành thanh toán tiền gốc và tiền lãi của Trái Phiếu. Ngoài ra, có thể có những vấn đề cần quan tâm và những rủi ro khác có thể gây ảnh hưởng bất lợi đến khoản đầu tư vào Trái Phiếu nhưng Tổ Chức Phát Hành hiện nay chưa biết đến hoặc được cho là không trọng yếu.

1. Rủi Ro Về Kinh Tế

Thay đổi về điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách ở Việt Nam có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành

Hoạt động kinh doanh chính của Tổ Chức Phát Hành phụ thuộc vào các điều kiện kinh tế, chính trị, pháp lý và chính sách ở Việt Nam mà các điều kiện đó khác biệt so với điều kiện ở các nước có nền kinh tế phát triển hơn xét trên các khía cạnh quan trọng, bao gồm cả mức độ can thiệp của chính phủ, trình độ phát triển, tốc độ tăng trưởng, quản lý ngoại hối, kiểm soát lương và giá cả, và hạn chế đối với hàng hóa nhập khẩu.

Mặc dù nền kinh tế Việt Nam đã tăng trưởng đáng kể trong những thập kỷ qua, tỷ lệ tăng trưởng vẫn không đồng đều, cả về mặt địa lý lẫn giữa các ngành khác nhau của nền kinh tế. Chính Phủ đã thực hiện nhiều biện pháp khác nhau để khuyến khích tăng trưởng kinh tế và hướng dẫn phân bổ các nguồn lực. Một số trong các biện pháp này có thể mang lại lợi ích cho tổng thể nền kinh tế Việt Nam, nhưng có khả năng tác động tiêu cực đến Tổ Chức Phát Hành. Ví dụ, việc tăng lãi suất để kiểm soát tốc độ tăng trưởng kinh tế có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Nhà nước có thể can thiệp vào nền kinh tế Việt Nam và đôi lúc tạo ra những thay đổi quan trọng về chính sách, bao gồm cả thay đổi cơ chế kiểm soát lương và giá cả, quản lý vốn và ngoại hối và hạn chế đối với hàng hóa xuất khẩu và/hoặc nhập khẩu. Các thay đổi chính sách đó có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành.

Tình hình kinh tế Việt Nam cũng ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành. Các yếu tố đã và có khả năng tiếp tục ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam bao gồm những đợt bùng phát bệnh dịch truyền nhiễm xảy ra gần đây và có khả năng xảy ra trong tương lai; biến động tỷ giá; tỷ lệ lạm phát cao và việc Ngân Hàng Nhà Nước Việt Nam tăng lãi suất; thay đổi về thuế; các thiên tai, bao gồm cả sóng thần, hỏa hoạn, lũ lụt và các thảm họa tương tự khác; việc tăng giá dầu; sự phát triển về chính sách, chính trị hoặc kinh tế khác ở Việt Nam hoặc ảnh hưởng đến Việt Nam, và các xu hướng kinh tế toàn cầu mang tính tiêu cực bao gồm khủng hoảng kinh tế toàn cầu dẫn đến những đợt điều chỉnh trên thị trường bất động sản và chứng khoán, thiếu nguồn cung vốn, suy giảm mang tính hệ quả đối với hoạt động đầu tư nước ngoài và đình trệ tăng trưởng kinh tế.

Tổ Chức Phát Hành không thể đưa ra bất kỳ bảo đảm nào liên quan đến sự phát triển của nền kinh tế Việt Nam trong tương lai. Một đợt suy thoái của nền kinh tế Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng

của Tổ Chức Phát Hành. Tuy nhiên, Tổ Chức Phát Hành luôn cam kết nỗ lực tối đa trong việc kiểm soát và nhận diện sớm các rủi ro có thể xảy ra và xây dựng các biện pháp khắc phục phù hợp nhất.

Mức độ lạm phát cao ở Việt Nam có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

Theo số liệu của Tổng Cục thống kê, từ năm 2011 trở về trước, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam luôn ở mức cao hai con số. Tuy nhiên, trong giai đoạn 2011 đến nay, NHNN đã điều hành chủ động, linh hoạt các công cụ chính sách tiền tệ, phối hợp chặt chẽ với chính sách tài khóa góp phần quan trọng trong kiểm soát và đưa lạm phát ở mức cao 23% vào tháng 8/2011 xuống còn 6,81% năm 2012, 6,04% năm 2013, và duy trì mức lạm phát dưới 5% xuyên suốt từ năm 2014 đến nay. Trong 5 năm gần nhất từ năm 2018 đến năm 2022, lạm phát lần lượt đạt mức 3,54%, 2,79%, 3,23%, 1,84% và 3,15% đều nằm trong giới hạn mục tiêu mà Quốc hội đặt ra tương ứng cho các năm.

Mặc dù tỷ lệ lạm phát được duy trì ở mức ổn định trong một vài năm trở lại đây, không thể bảo đảm rằng nền kinh tế Việt Nam sẽ không lặp lại các giai đoạn lạm phát cao trong tương lai, đặc biệt trong thời gian tới khi giá dầu có xu hướng tăng dần trở lại và nền kinh tế được dự báo tiếp tục tăng trưởng nhanh. Nếu lạm phát của Việt Nam tăng cao đáng kể thì chi phí của Tổ Chức Phát Hành, bao gồm cả chi phí nguyên liệu thô, chi phí trả lương người lao động, chi phí nhiên liệu, chi phí vận chuyển, chi phí xây dựng, chi phí bảo trì, chi phí tài chính và chi phí quản lý khác dự kiến sẽ tăng. Nếu Tổ Chức Phát Hành không thể chuyển các chi phí và phí tổn gia tăng này vào giá dịch vụ cho khách hàng, thì các chi phí đó sẽ có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành. Hơn nữa, tỷ lệ lạm phát và mức lãi suất cho vay cao có thể ảnh hưởng bất lợi đến nền kinh tế Việt Nam, môi trường kinh doanh và niềm tin của người tiêu dùng nói chung, và do đó ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Ngoài ra, Tổ Chức Phát Hành không bảo đảm rằng Chính Phủ sẽ không tiếp tục thực hiện các chính sách chống lạm phát, bao gồm cả việc cấm tăng hoặc hạn chế tăng giá cả một số mặt hàng và sản phẩm do Chính Phủ kiểm soát.

Diễn biến lãi suất có thể làm gia tăng chi phí vận hành của Tổ Chức Phát Hành

Lãi suất luôn đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển và hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp. Các biến động về lãi suất có thể làm gia tăng chi phí vay vốn và từ đó tác động chi phí vận hành và kết quả hoạt động của doanh nghiệp, bao gồm cả Tổ Chức Phát Hành.

Mọi biến động đối với lãi suất vay cũng sẽ tác động đến chi phí vận hành và từ đó ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành. Mặc dù từ đầu năm 2020 đến nay, Ngân Hàng Nhà Nước đã nhiều lần hạ mặt bằng lãi suất, đây được xem là động thái của Ngân Hàng Nhà Nước nhằm hỗ trợ doanh nghiệp phục hồi sau các ảnh hưởng từ dịch bệnh COVID-19 cũng như giúp kích thích nền kinh tế hoạt động sôi nổi trở lại. Tổ Chức Phát Hành không thể cam kết rằng các ngân hàng hoặc tổ chức tín dụng sẽ không tăng lãi suất cũng như việc Ngân Hàng Nhà Nước sẽ không tăng lãi suất trung tâm trong thời gian tới. Bất kỳ sự gia tăng lãi suất nào trong thời gian tới cũng có thể ảnh hưởng đến chi phí vay và do đó ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả của hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Nền kinh tế Việt Nam vẫn còn phải chịu các rủi ro gắn liền với một nền kinh tế mới nổi

Nền kinh tế Việt Nam vẫn phải chịu các rủi ro gắn liền với nền kinh tế mới nổi. Các nhà đầu tư tại

các thị trường mới nổi, như Việt Nam, nên lưu ý rằng các thị trường mới nổi này có thể tiềm ẩn nhiều rủi ro hơn các nền kinh tế đã phát triển, trong một số trường hợp bao gồm rủi ro đáng kể về kinh tế và pháp lý. Hơn thế nữa, những thay đổi chính sách quản lý của Nhà Nước cũng như việc diễn giải về mặt pháp lý đối với pháp luật áp dụng có thể gây ra các hệ quả không lường trước mà có thể ảnh hưởng bất lợi đến hoạt động kinh doanh trong nước. Các nhà đầu tư cũng nên lưu ý rằng các nền kinh tế mới nổi như nền kinh tế Việt Nam thường biến đổi một cách nhanh chóng. Do đó, các nhà đầu tư nên thận trọng trong việc đánh giá các rủi ro có liên quan và từ đó đưa ra các quyết định đầu tư phù hợp có tính đến các rủi ro đó. Nhìn chung, hoạt động đầu tư ở các thị trường mới nổi chỉ phù hợp cho những nhà đầu tư có tổ chức và chuyên nghiệp và có khả năng đánh giá một cách toàn diện tầm quan trọng của các rủi ro có liên quan.

Xếp hạng tín dụng của Việt Nam và các công ty Việt Nam giảm có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến Tổ Chức Phát Hành và khả năng huy động vốn của Tổ Chức Phát Hành

Công ty xếp hạng tín dụng Standard & Poor's Financial Services và các cơ quan xếp hạng tín dụng khác có thể sẽ thay đổi xếp hạng tín dụng của Việt Nam hoặc của các công ty Việt Nam. Việc thay đổi xếp hạng như vậy có thể ảnh hưởng bất lợi đến tính thanh khoản trong các thị trường tài chính của Việt Nam, đến khả năng của Chính Phủ và các doanh nghiệp Việt Nam, bao gồm cả Tổ Chức Phát Hành, trong việc huy động vốn bổ sung, và có thể tác động đến lãi suất và các điều khoản thương mại khác mà việc huy động vốn bổ sung được thực hiện trên cơ sở lãi suất và các điều khoản thương mại khác đó. Tất cả các yếu tố đó có thể tác động bất lợi đáng kể đến Tổ Chức Phát Hành.

2. Rủi Ro Về Luật Pháp

Những thay đổi cơ bản đối với các quy định pháp luật của Việt Nam có thể tác động không tích cực đến hoạt động của Tổ Chức Phát Hành

Các hoạt động kinh doanh chủ chốt của Tổ Chức Phát Hành bao gồm hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản thuộc lĩnh vực chịu sự quản lý chặt chẽ của Nhà Nước.

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản chịu sự điều chỉnh của luật và các quy định bảo vệ môi trường của Việt Nam. Các luật và quy định này nhằm hạn chế ảnh hưởng bất lợi đến môi trường, kiểm soát tình trạng môi trường xuống cấp, ô nhiễm môi trường và khuyến khích sử dụng hiệu quả nguồn tài nguyên thiên nhiên. Tổ chức, cá nhân có hành vi vi phạm luật và quy định đó sẽ bị phạt tiền và/hoặc các hình thức khác theo quy định của pháp luật. Ngoài ra, đối với hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản, các hoạt động khác của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến việc sử dụng nước, bóc dỡ đất đá, xây dựng khu chứa đuôi quặng, lưu trữ lớp đất phủ bề mặt và xả thải từ các nhà máy nghiền và lọc quặng là những hoạt động có thể ảnh hưởng bất lợi đến môi trường, sức khỏe người lao động và người dân các vùng xung quanh, nên bên cạnh các luật và quy định về bảo vệ môi trường, Tổ Chức Phát Hành và các công ty con của Tổ Chức Phát Hành còn phải chịu sự điều chỉnh của các luật và quy định về y tế, an toàn, lao động, bảo vệ rừng và các quy định khác có liên quan đến hoạt động khai khoáng. Thêm vào đó, các quy định về thuế và thương mại liên quan đến hoạt động khai thác và xuất khẩu khoáng sản cũng ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và các công ty con của Tổ Chức Phát Hành.

Tổ Chức Phát Hành không bảo đảm rằng các luật, quy định và quy chế điều chỉnh hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản sẽ không thay đổi trong tương lai, hoặc các luật, quy định và quy chế nghiêm ngặt hơn điều chỉnh các lĩnh vực đó sẽ được ban hành. Những thay đổi đó có thể yêu cầu các Tổ Chức Phát Hành và các công ty con của Tổ Chức Phát Hành phải sửa đổi cơ chế hoạt động hoặc dẫn đến việc gia tăng chi phí để tuân thủ các thay đổi đó, và do vậy ảnh hưởng bất lợi đến

công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành.

Hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành phụ thuộc vào khả năng xin, duy trì và cấp mới hoặc gia hạn các giấy phép và chấp thuận do Cơ quan Nhà nước Việt Nam cấp

Hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành yêu cầu các giấy phép và chấp thuận khác nhau từ các cơ quan Nhà Nước có thẩm quyền của Việt Nam cấp, chẳng hạn như giấy phép khai thác khoáng sản và các chấp thuận về môi trường khác do BTNMT cấp, chấp thuận của BCT về thiết kế nhà máy, cũng như các giấy phép khác cần thiết cho hoạt động khai thác và sản xuất của Tổ Chức Phát Hành. Các giấy phép và chấp thuận này trong một số trường hợp nhất định sẽ cần được nộp hồ sơ xin cấp, sửa đổi, cấp mới hoặc gia hạn tùy từng trường hợp. Tổ Chức Phát Hành không thể bảo đảm với các nhà đầu tư tiềm năng rằng cơ quan nhà nước có liên quan sẽ cấp các giấy phép mới, giấy phép sửa đổi, cấp mới hoặc gia hạn đối với các giấy phép hiện có cũng như sẽ cấp các giấy phép nói trên trong thời hạn mà Tổ Chức Phát Hành dự đoán. Việc không thể sửa đổi, xin cấp mới hoặc gia hạn bất kỳ giấy phép hoặc chấp thuận quan trọng nào cần phải có để thực hiện hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành đều có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành.

Giấy phép quan trọng nhất phải có đối với hoạt động khai thác mỏ của Tổ Chức Phát Hành là Giấy phép khai thác khoáng sản do BTNMT cấp, và các quyền của Tổ Chức Phát Hành để khai thác và phát triển Dự Án Núi Pháo phụ thuộc vào khả năng của Tổ Chức Phát Hành trong việc đáp ứng các điều khoản của giấy phép đó, bao gồm việc trả cho Chính Phủ các khoản phí và thuế như quy định trong giấy phép, cũng như việc đáp ứng các điều kiện cấp phép khác liên quan đến yêu cầu về môi trường, y tế, an toàn và lao động. Nếu Tổ Chức Phát Hành không có khả năng đáp ứng các điều kiện cấp phép, quyền khai thác khoáng sản đối với Dự Án Núi Pháo có thể bị hạn chế hoặc thay đổi và kết quả là hạn chế hoặc thay đổi này có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành.

Pháp luật thuế Việt Nam thay đổi

Tất cả các luật và quy định về các khoản thuế chính ở Việt Nam (bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tài nguyên và thuế xuất khẩu) đã thay đổi đáng kể kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2009 và vẫn đang tiếp tục được bổ sung và làm rõ để đáp ứng yêu cầu thực tiễn khi có các vấn đề phát sinh trong quá trình thu và nộp thuế. Các thay đổi về tình trạng thuế của Tổ Chức Phát Hành hoặc luật thuế hoặc các cách diễn giải khác nhau về pháp luật và chính sách thuế ở Việt Nam nhìn chung có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình hoạt động và kết quả kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và làm tăng nghĩa vụ thuế mà Tổ Chức Phát Hành phải chịu.

Đối với các rủi ro về mặt pháp lý, Tổ Chức Phát Hành luôn đảm bảo việc theo dõi, cập nhật tình trạng của các giấy phép và quy định pháp luật có liên quan đồng thời có phương án xử lý kịp thời để tránh rủi ro nêu trên.

Khuôn khổ kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các vấn đề chính trị, tư pháp, quy định và biến đổi khí hậu hoặc các vấn đề về tuân thủ bị cáo buộc tại các quốc gia mà Tổ Chức Phát Hành hoạt động

Hiện tại, Tổ Chức Phát Hành tiến hành hoạt động kinh doanh của mình trong một môi trường toàn cầu bao gồm nhiều khu vực pháp lý và các khuôn khổ pháp lý phức tạp. Các quy trình quản trị và

tuân thủ của Tổ Chức Phát Hành (bao gồm việc xem xét các kiểm soát nội bộ đối với báo cáo tài chính và các kiểm soát nội bộ cụ thể liên quan đến cạnh tranh, bảo vệ dữ liệu và quyền riêng tư, cung cấp bất kỳ điều gì có giá trị cho các quan chức Chính phủ và đại diện của các doanh nghiệp nhà nước và tiết lộ thông tin nhà nước hoặc bí mật thương mại) không được hoạt động để xác định các sai sót tài chính hoặc ngăn chặn các hành vi vi phạm pháp luật tiềm ẩn, hoặc thông lệ kế toán hoặc quản trị. Bộ Quy tắc Ứng xử của Tổ Chức Phát Hành, cùng với các chính sách của Tổ Chức Phát Hành, chẳng hạn như chính sách chống tham nhũng và cạnh tranh, không thể ngăn chặn các trường hợp hành vi gian lận và không trung thực cũng như đảm bảo tuân thủ các yêu cầu pháp lý hoặc quy định. Điều này có thể dẫn đến tiền phạt theo quy định, mất lợi nhuận, kiện tụng, cáo buộc hoặc điều tra bởi cơ quan quản lý, mất giấy phép hoạt động hoặc thiệt hại về danh tiếng.

3. Rủi Ro Đặc Thù Liên Quan Đến Hoạt Động Của Tổ Chức Phát Hành

3.1 Rủi ro đặc thù liên quan đến ngành

Rủi ro biến động giá khoáng sản toàn cầu

Giá khoáng sản toàn cầu mang tính chu kỳ và có thể biến động mạnh, do đó nếu giá khoáng sản sụt giảm thì sẽ ảnh hưởng bất lợi đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty Núi Pháo.

Thị trường vonfram, florit, đồng và bismut toàn cầu khá nhạy cảm với những thay đổi trong công suất và sản lượng khai thác khoáng sản. Do nhu cầu về vonfram, florit, đồng và bismut đến từ hầu hết các ứng dụng công nghiệp, giá của các khoáng sản này thường có mối liên hệ với sự tăng trưởng kinh tế toàn cầu. Ngoài ra, thị trường Trung Quốc là tác nhân thúc đẩy nhu cầu giá và nguyên liệu toàn cầu trong thập kỷ qua, việc tăng trưởng kinh tế dài hạn và nhu cầu của Trung Quốc tiếp tục giảm tốc có thể dẫn đến việc chuyển hướng dòng chảy thương mại, dẫn đến giảm giá sản phẩm của Công Ty Núi Pháo và tác động đến hiệu quả hoạt động kinh doanh chung.

Theo các hợp đồng bao tiêu và hợp đồng bán sản phẩm của Dự Án Núi Pháo đối với vonfram, fluorit, đồng và bismut, giá của các khoáng sản này nhìn chung sẽ được đàm phán và điều chỉnh định kỳ có tham chiếu giá thị trường hiện hành. Do vậy, sự sụt giảm và biến động đáng kể của giá các khoáng sản đã chế biến này trên thế giới, hoặc giá các thành phẩm đã qua chế biến đều có thể ảnh hưởng và tác động bất lợi đến hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành. Đây là một rủi ro mang tính hệ thống và khó dự báo.

Giá tăng chi phí vận chuyển và việc gián đoạn vận chuyển có thể ảnh hưởng bất lợi đến chi phí sản xuất và khả năng thực hiện hợp đồng đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành

Chi phí vận chuyển chiếm một phần đáng kể chi phí sản xuất của Tổ Chức Phát Hành và là một yếu tố quan trọng cần xem xét khi Tổ Chức Phát Hành thương lượng giá mua với khách hàng. Việc gia tăng chi phí vận chuyển có thể khiến giá thành sản phẩm của Tổ Chức Phát Hành đắt hơn và do đó hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành sẽ giảm tính cạnh tranh so với các nhà sản xuất khác. Hơn nữa, bất kỳ gián đoạn nào xảy ra trên hệ thống đường bộ hoặc đường sắt nội tỉnh Thái Nguyên, nơi mỏ Núi Pháo tọa lạc, với các cảng gần nhất là Hải Phòng và Quảng Ninh, nơi sản phẩm được chuyển đi cho khách hàng, chẳng hạn như vì các vấn đề thời tiết, tranh chấp lao động, bảo trì đường bộ và/hoặc đường sắt, đều có thể tạm thời hạn chế khả năng vận chuyển sản phẩm đến khách hàng đúng hạn của Tổ Chức Phát Hành.

Ngoài ra, các hoạt động của Công Ty Núi Pháo cũng chịu tác động của sự dịch chuyển của các nguồn lực logistics trên toàn thế giới đã khiến mọi thách thức đối với chuỗi cung ứng trở nên lớn hơn. Các cảng biển lớn trên thế giới tại các thời điểm nhất định đều có thể bị ùn tắc hoặc xáo trộn.

Các cảng biển chính cung cấp cho Việt Nam (Trung Quốc và Singapore) nằm trong số các cảng ứn ứ nhất và có những thời điểm tình hình này đã ảnh hưởng xấu đến các tuyến cung ứng trên toàn thế giới của Tổ Chức Phát Hành. Bộ phận Cung ứng của Tổ Chức Phát Hành đã phải đối mặt với tình hình khó khăn này và đã thực hiện một số chiến lược đối với hàng tồn kho và giao nhận hàng hóa.

Bất kỳ yếu tố nào kể trên đều có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành. Đây là những rủi ro khách quan nằm ngoài khả năng dự đoán của Công Ty Núi Pháo, tuy nhiên Tổ Chức Phát Hành luôn nỗ lực tối đa để tính toán và phân bổ hợp lý chi phí vận chuyển để tối ưu hóa kết quả kinh doanh.

3.2 Rủi ro đặc thù liên quan đến công ty

Tổ Chức Phát Hành có một quá trình hoạt động còn giới hạn

Tổ Chức Phát Hành được thành lập năm 2010 khi Tập Đoàn Masan tiếp quản Dự Án Núi Pháo. Quá trình hoạt động của Tổ Chức Phát Hành và Dự Án Núi Pháo còn tương đối ngắn để có thể đánh giá được khả năng của Tổ Chức Phát Hành và Dự Án Núi Pháo trong tương lai. Mặc dù đội ngũ quản lý và người lao động thuộc Tổ Chức Phát Hành có kinh nghiệm và chuyên môn trong lĩnh vực hoạt động khai thác mỏ và tài nguyên, chúng tôi vẫn không thể bảo đảm chắc chắn sự tăng trưởng thành công và hoạt động trong tương lai của mình. Tổ Chức Phát Hành không đảm bảo chắc chắn có thể tạo ra doanh thu lớn hơn chi phí trong tương lai để có lợi nhuận từ hoạt động khai thác khoáng sản, và do đó có thể ảnh hưởng bất lợi đến tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Rủi ro từ khả năng mất hoặc giảm đáng kể đơn hàng từ các khách hàng lớn

Sản lượng florit và bismut của Dự án Núi Pháo được bán cho Traxys Europe S.A. và Vital Materials Co., Ltd theo các hợp đồng bao tiêu giữa Công Ty với các khách hàng này. Đối với vonfram, phần lớn các sản phẩm sẽ được cung cấp cho Nhóm Công ty H.C. Starck, ngoài ra còn có các đối tác tiêu thụ tại Bắc Mỹ, Nhật Bản và EU.

Nếu Công Ty Núi Pháo mất đi bất kỳ khách hàng nào trong số các khách hàng này mà không có các khách hàng khác thay thế hoặc nếu bất kỳ khách hàng nào trong số các khách hàng này không thể thực hiện đầy đủ các cam kết bao tiêu của họ với Công Ty Núi Pháo, thì tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành có thể bị ảnh hưởng bất lợi và đáng kể. Tuy nhiên đây là các nhà sản xuất lớn trên thế giới đã hoạt động lâu đời và có uy tín trong ngành, và các sản phẩm khoáng sản khai thác từ Dự Án Núi Pháo là những sản phẩm có tính hữu dụng cao nên Tổ Chức Phát Hành có cơ sở tin tưởng về tính bền vững trong bao tiêu cũng như tiêu thụ các sản phẩm của Công Ty Núi Pháo.

Chi phí hoạt động tại Dự Án Núi Pháo tăng đáng kể có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến khả năng sinh lời và lợi ích kinh tế dự tính nhận được từ hoạt động khai thác mỏ của Tổ Chức Phát Hành

Chi phí hoạt động của Tổ Chức Phát Hành có thể thay đổi phụ thuộc vào một số yếu tố, chẳng hạn như những điều chỉnh trong kế hoạch khai thác mỏ của Dự Án Núi Pháo dựa trên những thông tin địa kỹ thuật thu được khi mỏ phát triển và thông tin về giá của hàng hóa đầu vào như nhiên liệu, điện, hoá chất, chất nổ, và sắt thép. Chi phí hàng hóa có thể chịu sự biến động giá thất thường, bao gồm cả việc tăng giá dẫn đến hoạt động kinh doanh ít sinh lời hơn, và phụ thuộc vào những thay

đổi của pháp luật, quy chế và quy định ảnh hưởng đến giá cả, quá trình sử dụng và vận chuyển hàng hóa. Chi phí vốn cũng có thể tăng do những yếu tố nằm ngoài tầm kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành, bao gồm giá nguyên liệu, nhiên liệu, sắt thép, các hàng hoá khác và chi phí nhân công. Nếu chi phí hoạt động của Dự Án Núi Pháo tăng lên đáng kể có thể gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến lợi nhuận và lợi ích kinh tế từ hoạt động khoáng sản của Tổ Chức Phát Hành. Để giảm thiểu rủi ro này, Tổ Chức Phát Hành luôn nỗ lực tối đa để theo dõi các biến động có thể ảnh hưởng đến chi phí hoạt động của Dự Án Núi Pháo để chủ động có biện pháp kiểm soát.

Tổ Chức Phát Hành dựa vào các nhà thầu thứ ba trong việc cung cấp dịch vụ khai thác mỏ

Hiện tại, Công Ty Núi Pháo đang thuê các nhà thầu để thực hiện hoạt động khai thác mỏ và tất cả các hoạt động hỗ trợ khai thác mỏ như bảo trì và sửa chữa trang thiết bị và bảo trì đường bộ. Do đó, hoạt động của Dự Án Núi Pháo có thể bị ảnh hưởng bởi việc thực hiện dịch vụ của các nhà thầu thứ ba này. Mặc dù Tổ Chức Phát Hành giám sát công việc của các nhà thầu này để bảo đảm công việc được thực hiện phù hợp với kế hoạch khai thác mỏ, ngân sách và các chỉ dẫn kỹ thuật của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành không thể kiểm soát các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn và môi trường đối với công việc do các nhà thầu thứ ba thực hiện với mức độ cần trọng như đối với công việc do nhân viên của chính Tổ Chức Phát Hành thực hiện. Nếu bất kỳ nhà thầu thứ ba nào không đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng, an toàn và môi trường của Tổ Chức Phát Hành, việc đó có thể ảnh hưởng đến việc Tổ Chức Phát Hành tuân thủ các quy định có liên quan và cũng có thể dẫn đến trách nhiệm đối với các bên thứ ba, từ đó có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, danh tiếng, tình hình tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành. Công Ty Núi Pháo luôn nỗ lực tối đa sử dụng những nhà thầu thứ ba có uy tín, có kinh nghiệm để đảm bảo vận hành dự án đúng kỹ thuật, an toàn và hiệu quả.

Rủi ro hỏng hóc máy móc, thiết bị chính và môi đe dọa an ninh mạng

Hoạt động của Dự Án Núi Pháo và các nhà máy trên toàn cầu của Tổ Chức Phát Hành phụ thuộc vào các bộ phận trọng yếu của nhà máy chế biến, thiết bị và máy móc hiện đại với đặc điểm kỹ thuật-công nghệ phức tạp, đa dạng và có giá trị lớn. Việc bảo trì những máy móc và thiết bị có liên quan hiện được thực hiện bởi các nhân viên của Tổ Chức Phát Hành hoặc, nếu cần thiết, bởi các nhà thầu thứ ba dưới sự giám sát của Tổ Chức Phát Hành.

Tổ Chức Phát Hành sử dụng chiến lược sở hữu và vận hành tài sản có tuổi thọ cao và chi phí thấp, được củng cố bởi khả năng trở nên tích hợp hoàn toàn và tự động hóa cao, từ tài nguyên đến khách hàng sử dụng cuối và thị trường. Do vậy, quy trình hoạt động và kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành phụ thuộc nhiều vào các công nghệ truyền thống và mới nổi để cải thiện độ an toàn, hạ giá thành và mở khóa giá trị. Khi Tổ Chức Phát Hành tiếp tục hiện thực hóa thành công chiến lược tăng trưởng của mình, thì danh sách toàn cầu nổi bật hơn và sự hiện diện trực tuyến ngày càng tăng có thể sẽ trở thành mục tiêu hấp dẫn hơn cho các cuộc tấn công an ninh mạng. Bất kỳ thiệt hại đáng kể nào kể trên đều có ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành. Tổ Chức Phát Hành luôn nỗ lực tối đa trong việc vận hành, bảo dưỡng và kiểm tra máy móc thiết bị theo đúng quy định của nhà sản xuất, cũng như nâng cao tinh thần phòng chống tội phạm mạng để đảm bảo cho các máy móc thiết bị được hoạt động tốt nhất, và ngăn chặn bất kỳ sự kiện mạng nào dẫn đến vi phạm đáng kể môi trường công nghệ quan trọng trong kinh doanh hoặc tiết lộ thông tin nhạy cảm với thị trường.

Các số liệu trữ lượng của Dự Án Núi Pháo chỉ là số liệu ước tính trữ lượng tài nguyên khoáng sản thực tế và dựa trên nhiều giả định mâu chốt khác nhau mà có thể thay đổi trong tương lai

Trữ lượng khoáng sản tiềm năng đã được chứng minh trên cơ sở những phán đoán dựa trên kiến thức, kinh nghiệm và thực tiễn trong nghề và bất kỳ thay đổi nào đối với trữ lượng khoáng sản tiềm năng đã được chứng minh ước tính đều có thể ảnh hưởng bất lợi đến các kế hoạch phát triển và hoạt động khai thác mỏ của Tổ Chức Phát Hành, từ đó ảnh hưởng đến giá trị khoản đầu tư của Tổ Chức Phát Hành. Trữ lượng khoáng sản của Dự Án Núi Pháo được nêu trong Bản Công Bố Thông Tin này chỉ là số liệu ước tính về quy mô các vỉa khoáng sản nằm trong khu vực khai thác của Dự Án Núi Pháo. Tính chất của thân quặng, sự phân bố và phẩm cấp quặng cũng như tính chất của quặng trong quá trình khai thác và chế biến khoáng sản là những yếu tố không bao giờ có thể dự đoán đầy đủ, và các số liệu ước tính về trữ lượng không thể được lập mà không có biến động, vì cần thiết phải dựa vào nhiều giả định khác nhau chẳng hạn như các giả định liên quan đến điều kiện địa chất, lịch sử sản xuất của các mỏ tại vùng lân cận khu vực khai thác mỏ của Tổ Chức Phát Hành, ảnh hưởng của các yêu cầu luật định và chi phí hoạt động. Những giả định này có thể cần thay đổi, chẳng hạn, dựa trên kinh nghiệm sản xuất thực tế, khi có thông tin mới làm thay đổi những giả định cơ bản hoặc thay đổi trong cách phân loại trữ lượng thành loại “đã chứng minh” hoặc “tiềm năng”. Bên cạnh đó, chất lượng và đặc tính của khoáng sản thực tế khai thác được từ Dự Án Núi Pháo có thể thay đổi đáng kể so với ước tính của Tổ Chức Phát Hành hoặc có thể không đạt yêu cầu của khách hàng.

Do những số liệu ước tính về khối lượng, phẩm cấp và hàm lượng kim loại tổng thể của một vỉa khoáng sản không phải lúc nào cũng được tính toán chính xác, trữ lượng khoáng sản tiềm năng đã được chứng minh có thể cần được điều chỉnh và bất kỳ điều chỉnh nào như vậy đều có thể ảnh hưởng đến kế hoạch phát triển và khai thác mỏ và bất kỳ suy giảm đáng kể nào đối với khối lượng và phẩm cấp của trữ lượng thuộc Dự Án Núi Pháo có thể gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng kinh doanh Tổ Chức Phát Hành. Tuy nhiên mỏ Núi Pháo có quá trình hoạt động thăm dò và khai thác khoáng sản lâu dài. “Báo cáo các kết quả thăm dò chi tiết mỏ vonfram-đa kim Núi Pháo” được phê duyệt bởi Hội Đồng Đánh Giá Trữ Lượng Khoáng Sản Quốc Gia xác nhận tổng trữ lượng quặng của mỏ Núi Pháo có thể được coi là đáng tin cậy.

Rủi ro về mặt địa chất đối với Dự Án Núi Pháo

Nhà máy Núi Pháo đi vào hoạt động và thực hiện sản xuất thương mại đối với sản phẩm đầu tiên vào ngày 1 tháng 3 năm 2014. Bất ổn địa kỹ thuật có thể khó dự đoán và thường bị ảnh hưởng bởi những rủi ro và nguy hiểm ngoài tầm kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành, chẳng hạn như thời tiết khắc nghiệt và mưa lớn, có thể dẫn đến lũ lụt, sạt bùn, lở đất và vách móng không ổn định. Mỗi một hậu quả tiềm năng này đều có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành. Tuy nhiên, ngoài việc mua bảo hiểm đầy đủ, ban điều hành Dự Án Núi Pháo sẽ luôn đảm bảo vận hành dự án theo đúng các quy chuẩn kỹ thuật để giảm thiểu tối đa ảnh hưởng bất lợi (nếu có).

3.3 Rủi ro đặc thù liên quan đến lĩnh vực hoạt động

Rủi ro từ việc gia tăng chi phí và nguồn lực để bảo vệ môi trường từ hoạt động khai thác mỏ và các đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế về biến đổi khí hậu

Hoạt động của Dự Án Núi Pháo và Nhóm Công Ty H.C. Starck, cụ thể là nhà máy chế biến, phát sinh ra những chất thải thông thường và nguy hại mà có thể ảnh hưởng bất lợi đến môi trường nếu các loại chất thải đó không được kiểm soát và quản lý một cách phù hợp. Hoạt động thăm dò, khai thác và chế biến khoáng sản của Dự Án Núi Pháo và hoạt động chế biến của Nhóm Công Ty H.C. Starck đều phải tuân thủ pháp luật và quy định về môi trường, y tế và an toàn của Việt Nam và các nước nơi Nhóm Công Ty H.C. Starck đặt nhà máy. Những quy định này điều chỉnh nhiều phương

diện khác nhau của hoạt động khai thác mỏ của Công Ty Núi Pháo, chẳng hạn như việc xả thải vào không khí và nguồn nước, việc thu gom, quản lý, lưu trữ, xử lý chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại, vệ sinh công trường, chất lượng nước ngầm, cải tạo và phục hồi môi trường sau khi kết thúc khai thác. Chi phí cho việc tuân thủ pháp luật và quy định này được dự kiến là sẽ ảnh hưởng đến chi phí hoạt động và vị thế cạnh tranh của Tổ Chức Phát Hành. Ngoài ra, bất kỳ vi phạm nào đối với, bất kỳ trách nhiệm nào theo, hoặc bất kỳ thay đổi nào của pháp luật về môi trường, y tế và an toàn có thể làm phát sinh các chi phí và chế tài đáng kể. Giấy phép và các chấp thuận phải có liên quan đến hoạt động khai thác khoáng sản cũng có thể bị đình chỉ hoặc thu hồi trong trường hợp không đáp ứng các tiêu chuẩn mà pháp luật yêu cầu. Tổ Chức Phát Hành không bảo đảm rằng Công Ty Núi Pháo sẽ có khả năng tuân thủ các yêu cầu về môi trường trong hiện tại hoặc tương lai. Bên cạnh đó, các quy định trong tương lai có thể đặt ra nhiều yêu cầu nghiêm ngặt hơn về việc tuân thủ và phục hồi môi trường, từ đó có thể dẫn đến chi phí tuân thủ cao hơn và có thể ảnh hưởng bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành. Tuy nhiên, đây là những chi phí bắt buộc và Tổ Chức Phát Hành sẽ luôn tuân thủ quy định của pháp luật Việt Nam về việc sản xuất kinh doanh đi đôi với phát triển bền vững và bảo vệ môi trường.

Do tính chất của các hoạt động kinh doanh chính của Tổ Chức Phát Hành là những hoạt động được điều chỉnh chặt chẽ bởi các luật liên quan đến các tác động đến cộng đồng, sức khỏe, môi trường và an toàn. Các yêu cầu ngày càng tăng liên quan đến các phê duyệt về quy định, cộng đồng, sức khỏe, môi trường và an toàn có thể dẫn đến sự chậm trễ hoặc gián đoạn đáng kể và có thể ảnh hưởng tiêu cực đến tính kinh tế của sự phát triển mới, việc mở rộng các tài sản và hoạt động hiện có cũng như hiệu suất của các tài sản hoạt động của Tổ Chức Phát Hành. Khi các tiêu chuẩn quy định và kỳ vọng liên tục phát triển, Tổ Chức Phát Hành có thể phải chịu chi phí tuân thủ và quy định tăng lên để đáp ứng các tiêu chuẩn báo cáo và vận hành mới, cũng như các chi phí đóng cửa và khôi phục địa điểm khai khoáng không lường trước được. Việc thiếu sự chắc chắn về quy định, sự không nhất quán về chính sách toàn cầu và những thách thức liên quan đến việc quản lý danh mục doanh nghiệp đa dạng trên nhiều các khuôn khổ quy định có khả năng ảnh hưởng xấu đến tài sản và chuỗi cung ứng của Tổ Chức Phát Hành.

Rủi ro trong quá trình hoạt động do các trở ngại ngoài dự kiến như các thảm họa tự nhiên và hoạt động không mong muốn có thể tác động xấu đến tài sản, chức năng hoặc con người

Hoạt động khai thác khoáng sản có thể phụ thuộc vào các sự kiện và điều kiện vận hành mà các sự kiện và điều kiện vận hành như thiên tai, tai nạn và hỏng hóc đó có thể phá vỡ kế hoạch khai thác, sản xuất, bốc dỡ và vận chuyển vonfram, florit, đồng và bismut của Dự Án Núi Pháo trong một thời gian dài. Công Ty hiện sở hữu các tài sản sản xuất ở một số quốc gia trên toàn cầu như: Đức, Trung Quốc, Canada. Do vậy, quá trình hoạt động của Công Ty có thể gặp phải các tai nạn vận hành, chẳng hạn như hỏa hoạn, rò rỉ khí đốt, sự cố đường bộ và phương tiện, sự cố cảng và vận chuyển, sự cố máy bay, sự cố thành hồ lộ thiên hoặc hầm chứa, kho chứa chất thải, mất nguồn điện, ô nhiễm môi trường, lỗi thiết bị quan trọng cơ học và các cuộc tấn công bảo mật mạng hoặc thông thường vào cơ sở hạ tầng của Công Ty. Tài sản khoáng sản của Công Ty cũng có thể chịu những thảm họa thiên nhiên bất ngờ như động đất, bão lũ. Ngoài ra, Công Ty vận hành các văn phòng và hoạt động trên toàn cầu. Nếu xảy ra thiên tai nghiêm trọng (đại dịch), bất ổn dân sự, khủng bố hoặc sự kiện tội phạm ở bất kỳ hoặc tất cả các địa điểm này có thể có tác động đến các dịch vụ được cung cấp cho nhân sự của Công Ty tại đó và cộng đồng địa phương liên quan, hoặc nếu một cuộc khủng hoảng hoạt động xảy ra, việc không cung cấp phản hồi liên lạc đầy đủ cho các bên liên quan bên ngoài có thể dẫn đến thiệt hại về uy tín của toàn Công Ty. Tác động của những sự kiện này có thể dẫn đến gián đoạn sản xuất, tăng chi phí và mất cơ sở vật chất.

Đối với những rủi ro nêu trên, Tổ Chức Phát Hành luôn cam kết đảm bảo vận hành dự án đúng quy trình, đảm bảo an toàn lao động, kiểm soát vận hành, chấp hành nghiêm chỉnh các quy định pháp luật để hạn chế tối đa những sự kiện bất lợi nói trên.

Rủi ro thu xếp chi phí khắc phục tổn thất

Tổ Chức Phát Hành duy trì bảo hiểm đối với tất cả những rủi ro bao gồm tổn thất hoặc thiệt hại vật chất đối với mỏ, công trình, nhà máy, máy móc và cơ sở hạ tầng hỗ trợ của các cơ sở sản xuất-kinh doanh. Ngoài ra, Công Ty cũng luôn duy trì bảo hiểm trách nhiệm cho bên thứ ba của các nhà thầu đối với những tổn thương hoặc thiệt hại. Tổ Chức Phát Hành không thể bảo đảm rằng phạm vi bảo hiểm này sẽ đủ để chi trả tất cả các tổn thất và trách nhiệm có thể phát sinh. Một số trách nhiệm và rủi ro về mặt kinh doanh, hoạt động và tài sản của Tổ Chức Phát Hành có thể không được bảo hiểm chi trả hoặc chi trả không đầy đủ vì nhiều nguyên nhân như thiệt hại do lỗi thiết kế, vật liệu hoặc tay nghề, khiếm khuyết của hàng hóa, sự giảm dần giá trị, gián đoạn nguồn nước, hệ thống khí đốt, điện hoặc nhiên liệu, hỏng hóc hệ thống xử lý chất thải ra và vào cơ sở, hiện tượng bốc cháy tự phát, xói mòn, sụp lún bờ biển hoặc bờ sông, chuyển dịch ngang nền đất và lở đất, dịch chuyển của trái đất, bất cóc, nguy cơ đánh bom, nguy cơ dịch bệnh, lừa đảo, tổng tiền nhưng không loại trừ những tổn thất hệ quả, chiến tranh, xâm lược, hành động hoặc kẻ thù ngoại quốc, tình trạng chiến tranh hoặc các hành động hiếu chiến, nội chiến, bạo loạn, bạo động, leo thang quân sự, nổi dậy, nổi loạn, cách mạng, sức mạnh quân sự hoặc chiếm đoạt quyền lực, hành động khủng bố, hủy hoại tài sản theo lệnh của bất kỳ cơ quan nhà nước nào, vũ khí hạt nhân và bức xạ ion hoá hoặc nhiễm phóng xạ từ bất kỳ nhiên liệu hạt nhân hoặc từ bất kỳ chất thải hạt nhân nào. Những trường hợp phát sinh không được bảo hiểm, hoặc ngoài phạm vi được bảo hiểm, có thể ảnh hưởng đáng kể và bất lợi đến tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành.

4. Rủi Ro Liên Quan Đến Các Trái Phiếu Và Đợt Chào Bán

Nguồn tiền để thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu khi Trái Phiếu đáo hạn

Căn cứ trên báo cáo tài chính hợp nhất được kiểm toán năm 2022 của Tổ Chức Phát Hành, tính đến ngày 31/12/2022, tổng dư nợ vay của Tổ Chức Phát Hành là khoảng 13.098 tỷ Đồng (trong đó, tổng số dư của các trái phiếu đã phát hành là 7.300 tỷ Đồng) và vốn chủ sở hữu khoảng 12.396 tỷ Đồng, do vậy nếu Tổ Chức Phát Hành tiếp tục phát hành các trái phiếu khác trong tương lai, mặc dù số dư nợ trái phiếu không tăng lên, cũng vẫn tạo ra áp lực trả nợ và có rủi ro ảnh hưởng đến khả năng thanh toán của Tổ Chức Phát Hành cho Trái Phiếu.

Tuy nhiên, như đã phân tích ở trên, mặc dù giá các sản phẩm chế biến sâu từ khoáng sản trên thế giới có thể có những biến động tại từng thời kỳ, nhưng trong thời gian tới dự kiến cải thiện hơn rất nhiều và qua đó sẽ cải thiện doanh thu cho Tổ Chức Phát Hành rất nhiều, từ đó góp phần đảm bảo nguồn trả lãi Trái Phiếu.

Những thay đổi đáng kể về lãi suất của Trái Phiếu

Trái Phiếu có lãi suất thả nổi. Lãi suất thả nổi có thể thay đổi đáng kể phụ thuộc vào mức lãi suất tham chiếu vào ngày xác định lãi suất có liên quan. Bất kỳ thay đổi đáng kể nào về lãi suất có thể ảnh hưởng bất lợi đến dòng lưu chuyển tiền tệ và điều kiện tài chính của Tổ Chức Phát Hành cũng như nhà đầu tư Trái Phiếu.

Tiền lãi Trái Phiếu có thể bị khấu trừ thuế nếu pháp luật Việt Nam có quy định

Các nhà đầu tư cần biết rằng tiền lãi Trái Phiếu và lợi nhuận thu được từ việc chuyển nhượng Trái Phiếu có thể là đối tượng chịu thuế theo quy định của pháp luật Việt Nam. Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ, theo quy định của pháp luật khấu trừ thuế (nếu có) đối với các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu.

Quyền đối với Trái Phiếu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể bị hạn chế

Theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu, khi xảy ra một sự kiện vi phạm, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải thực hiện quyền của mình đối với Trái Phiếu thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chứ không được tự mình chủ động thực hiện quyền.

Việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền này cũng phụ thuộc vào các điều kiện khác, như Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được tuyên bố xảy ra sự kiện vi phạm và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu nếu có nghị quyết chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc chỉ được tiến hành các thủ tục tố tụng đối với Tổ Chức Phát Hành sau khi Tổ Chức Phát Hành không đảm bảo thực hiện đầy đủ nghĩa vụ mua lại của mình.

Đây là những quy định chặt chẽ, có thể ảnh hưởng đến quyền tự quyết của chủ sở hữu Trái Phiếu. Vì thế Tổ Chức Phát Hành khuyến nghị nhà đầu tư nên tham khảo ý kiến tư vấn đầy đủ trước khi đầu tư vào Trái Phiếu.

Rủi ro sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán

Do đặc thù liên quan đến mục đích chào bán của Trái Phiếu (như được trình bày tại Mục VIII của Bản Cáo Bạch này), việc sử dụng vốn thu được sẽ phụ thuộc nhiều vào việc Tổ Chức Phát Hành có thể hoàn tất chào bán đúng thời gian như dự kiến. Vì vậy, trong trường hợp vì các lý do khách quan mà việc chào bán không đúng như tiến độ, (i) Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng nguồn vốn tạm thời của Tổ Chức Phát Hành (bao gồm vốn lưu động từ hoạt động kinh doanh và các nguồn tiền khác của Tổ Chức Phát Hành) hoặc vốn vay từ các bên liên quan của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán cho các trái phiếu tại thời điểm đáo hạn như được nêu tại Mục VIII của Bản cáo bạch này; và (ii) toàn bộ số vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng sẽ được sử dụng để bù đắp cho nguồn vốn tạm thời của Tổ Chức Phát Hành hoặc hoàn trả/tất toán khoản vốn vay từ các bên liên quan đã được sử dụng để thanh toán cho các trái phiếu tại thời điểm đáo hạn như được nêu tại đoạn (i) liên trước, chi tiết như được nêu tại Mục VIII của Bản cáo bạch này.

Mặc dù Tổ Chức Phát Hành sẽ luôn nỗ lực để phối hợp cùng các đơn vị có liên quan để đảm bảo tiến độ hoàn tất việc chào bán như dự kiến, tuy nhiên nếu trường hợp như được nêu trên xảy ra, Tổ Chức Phát Hành cam kết sẽ thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin đến nhà đầu tư và các trách nhiệm có liên quan khác.

5. Rủi Ro Liên Quan Đến Biện Pháp Bảo Đảm Và Tài Sản Bảo Đảm

Tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm khi xảy ra sự kiện vi phạm có thể không đủ để thanh toán các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với Các Trái Phiếu

Khả năng của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, nhân danh các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, thu giữ tài sản bảo đảm khi xảy ra sự kiện vi phạm hoặc các sự kiện khác, phụ thuộc vào tình trạng đăng ký giao dịch bảo đảm và thứ tự ưu tiên trong một số trường hợp nhất định theo quy định của pháp luật Việt Nam tùy từng trường hợp. Mặc dù các thủ tục sẽ được tiến hành để đảm bảo tính hiệu lực và

khả năng thi hành các biện pháp bảo đảm, không có gì bảo đảm chắc chắn rằng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thực hiện được các quyền đối với tài sản bảo đảm.

Trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm, giá trị của tài sản bảo đảm được cầm cố/thế chấp sẽ phụ thuộc vào các điều kiện thị trường và các yếu tố khác. Hơn nữa, giá trị tài sản bảo đảm có thể biến động giảm trong tương lai. Vì thế, Tổ Chức Phát Hành không thể cam kết với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rằng khoản tiền thu được từ bất kỳ việc bán các tài sản bảo đảm sau khi xảy ra sự kiện vi phạm theo Các Điều Khoản Trái Phiếu sẽ đủ để đáp ứng, hoặc sẽ không ít hơn một cách đáng kể so với, các khoản tiền đến hạn và phải thanh toán của Trái Phiếu này. Nếu khoản tiền thu được từ bất kỳ việc bán các tài sản bảo đảm không đủ để thanh toán tất cả các nghĩa vụ theo Trái Phiếu này thì mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ nhận được khoản thanh toán theo tỷ lệ tương ứng giữa tổng mệnh giá trái phiếu mình đang nắm giữ với tổng giá trị khoản nợ theo Trái Phiếu này.

Khó khăn có thể gặp phải khi xử lý tài sản bảo đảm

Việc xử lý tài sản bảo đảm phụ thuộc vào quy định của pháp luật Việt Nam tại thời điểm xử lý. Nếu vào bất kỳ thời điểm nào trong tương lai, pháp luật Việt Nam hạn chế việc chuyển nhượng hoặc áp đặt các điều kiện chuyển nhượng đối với tài sản bảo đảm thì Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gặp khó khăn khi xử lý tài sản này. Đồng thời, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể phải chịu các chi phí có liên quan khi xử lý tài sản bảo đảm.

Ngoài ra, tùy thuộc vào pháp luật quản lý ngoại hối của Việt Nam, tiền thu được từ việc xử lý tài sản bảo đảm trước khi được chuyển cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ở nước ngoài để thanh toán cho các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu phải tuân thủ các quy định về quản lý ngoại hối tại Việt Nam.

Theo quy định tại các hợp đồng bảo đảm, tài sản bảo đảm được định giá định kỳ (tùy theo từng tài sản bảo đảm), nếu giá trị giảm xuống dưới cam kết về tỷ lệ bảo đảm, bên bảo đảm có liên quan và/hoặc Tổ Chức Phát Hành sẽ phải bổ sung ngay tài sản bảo đảm hiện tại hoặc tài sản khác (theo chấp thuận của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu). Hơn nữa, các biện pháp bảo đảm được tạo lập theo các hợp đồng bảo đảm cũng sẽ được đăng ký với cơ quan đăng ký giao dịch bảo đảm có thẩm quyền phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng để hoàn thiện lợi ích bảo đảm của các nhà đầu tư đối với Trái Phiếu.

Nếu Tổ Chức Phát Hành tiến hành thủ tục phá sản hoặc trở thành đối tượng bị yêu cầu tuyên bố phá sản trong thủ tục phá sản sẽ ảnh hưởng đáng kể đến khả năng xử lý tài sản bảo đảm và giá trị tài sản bảo đảm

Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành tiến hành thủ tục phá sản hoặc trở thành đối tượng bị yêu cầu tuyên bố phá sản trong thủ tục phá sản, khoản nợ Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành sẽ được xem là khoản nợ có bảo đảm và việc xử lý khoản nợ này sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 53 của Luật Phá sản.¹

Như đã đề cập bên trên, trong trường hợp xử lý tài sản bảo đảm, giá trị của tài sản bảo đảm được cầm cố/thế chấp sẽ phụ thuộc vào các điều kiện thị trường và các yếu tố khác. Trong trường hợp phá sản, Tổ Chức Phát Hành đã lâm vào trình trạng mất khả năng thanh toán, khi đó tài sản của Tổ Chức Phát Hành cũng suy giảm đáng kể và điều này ảnh hưởng đến việc định giá của Tổ Chức Phát Hành. Đối với Tài Sản Bảo Đảm là phần vốn góp của MRTN trong vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành và được thế chấp cho Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (thay mặt và đại diện cho

¹ Luật Phá sản số 51/2014/QH13 (Quốc hội, ngày 19 tháng 6 năm 2014) (“**Luật Phá Sản**”).

các chủ sở hữu trái phiếu), giá trị của Tài Sản Bảo Đảm tỷ lệ thuận với giá trị thị trường của Tổ Chức Phát Hành và do đó, có thể bị suy giảm đáng kể so với nghĩa vụ được bảo đảm và trong trường hợp xấu nhất có thể không còn giá trị về mặt kinh tế khi Tổ Chức Phát Hành phá sản, khi đó, Tài Sản Bảo Đảm có thể không còn tính thanh khoản và việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm để thanh toán cho nghĩa vụ được bảo đảm có thể trở nên bất khả thi.

6. Rủi Ro Quản Trị Công Ty

Tổ Chức Phát Hành là một công ty nắm giữ cổ phần, phần vốn góp trong nhiều công ty

Tổ Chức Phát Hành nắm giữ tài sản trong, và thực hiện một số hoạt động kinh doanh quan trọng thông qua các công ty con của Tổ Chức Phát Hành, bao gồm MTC và các công ty con/công ty liên kết khác của MTC liên quan đến nền tảng kinh doanh vonfram của H.C. Starck Group GmbH. Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng mọi nguồn thu hợp pháp của mình để đáp ứng các nghĩa vụ theo Trái Phiếu, trong đó có thu nhập từ các khoản phân chia lợi nhuận và các khoản thu khác từ các công ty con đó. Thu nhập từ các khoản phân chia lợi nhuận phụ thuộc vào lợi nhuận sau thuế, tỷ lệ phân chia lợi nhuận của công ty con và tỷ lệ sở hữu của Tổ Chức Phát Hành tại công ty đó. Mặc dù nắm tỷ lệ sở hữu chi phối tại phần lớn các công ty con, tỷ lệ chi trả cổ tức hoặc phân chia lợi nhuận của các công ty con có thể bị ảnh hưởng bởi các cam kết hạn chế tỷ lệ chia trả cổ tức hoặc phân chia lợi nhuận mà các công ty con đó đã ký kết với các đối tác (ví dụ: các chủ nợ, các nhà đầu tư) và phụ thuộc vào luật áp dụng cũng như điều lệ của các công ty con đó. Ngoài ra, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cũng không được yêu cầu thanh toán trực tiếp đối với tài sản của công ty con của Tổ Chức Phát Hành, trừ trường hợp yêu cầu thi hành biện pháp bảo đảm phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu và các hợp đồng bảo đảm có liên quan mà công ty con của Tổ Chức Phát Hành là một bên bảo đảm trong hợp đồng bảo đảm đó.

Rủi ro mất đi nhân sự chủ chốt hoặc thiếu hụt lao động có tay nghề cao

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản là ngành sử dụng lao động tập trung. Tổ Chức Phát Hành sẽ dựa vào một số nhân sự chủ chốt để quản lý hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, bao gồm các nhà quản lý, lao động có tay nghề cao, các nhà thầu và các nhân viên khác. Tổ Chức Phát Hành không thể bảo đảm việc tuyển dụng và duy trì các nhân sự chủ chốt đó hoặc bảo đảm rằng Tổ Chức Phát Hành có khả năng thu hút và giữ chân nhân sự có tay nghề và trình độ cao trong tương lai. Ngoài ra, một số thành viên điều hành của Tổ Chức Phát Hành là người nước ngoài và họ có thể sẽ chọn nơi sinh sống khác trong tương lai. Nếu Tổ Chức Phát Hành mất đi những nhân sự quản lý chủ chốt có thâm niên này hoặc phần lớn các lao động có tay nghề cao, Tổ Chức Phát Hành không thể bảo đảm rằng Tổ Chức Phát Hành có thể tuyển dụng được nhân sự thay thế phù hợp để vận hành mỏ. Bất kỳ khó khăn nào trong tương lai liên quan đến khả năng thu hút, tuyển dụng và giữ chân nhân sự có tay nghề và trình độ cao của Tổ Chức Phát Hành có thể ảnh hưởng bất lợi đáng kể và bất lợi đến công việc kinh doanh, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và triển vọng của Tổ Chức Phát Hành. Ngoài ra, bất kỳ thiếu hụt lao động có tay nghề cao nào cũng có thể dẫn đến sự gia tăng chi phí sản xuất, điều đó có thể làm giảm đáng kể doanh thu thuần và khả năng sinh lời của Dự Án Núi Pháo. Hiện nay, Công Ty Núi Pháo vẫn đang thực hiện duy trì chương trình thu hút và giữ chân nhân lực cho công ty, bao gồm chương trình lương thưởng, phúc lợi và chế độ đãi ngộ tốt, các chương trình đào tạo và sử dụng nhân sự trên địa bàn khu vực tỉnh Thái Nguyên hoặc lân cận, do đó chúng tôi có cơ sở tin tưởng sẽ giữ chân và phát triển được những nhân sự chủ chốt và nhân lực có tay nghề cao.

7. Rủi Ro Khác

Ngoài các rủi ro trình bày ở trên, hoạt động của Tổ Chức Phát Hành còn chịu ảnh hưởng của các

rủi ro bất khả kháng như động đất, thiên tai, hỏa hoạn, bãi công, đảo chính, chiến tranh... là những sự kiện ít gặp trong thực tế, ngoài tầm kiểm soát, khả năng phòng ngừa và dự kiến của Tổ Chức Phát Hành. Mặc dù Tổ Chức Phát Hành và các công ty con của Tổ Chức Phát Hành đã mua bảo hiểm rủi ro tài sản cho Dự Án Núi Pháo và các công trình, giao dịch quan trọng, các rủi ro này, nếu xảy ra, sẽ gây thiệt hại cho tài sản, con người cũng như các hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và các công ty con của Tổ Chức Phát Hành và qua đó ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và các công ty con của Tổ Chức Phát Hành.

Minh chứng cho sự ảnh hưởng của những rủi ro này đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành đó chính là sự bùng phát đại dịch Covid-19 đã và đang diễn ra trên toàn thế giới và bao gồm cả Việt Nam từ cuối năm 2019 cho đến nay. Trong giai đoạn này, hầu hết các ngành, lĩnh vực kinh tế đều chịu tác động tiêu cực. Tuy nhiên, hiện tại dịch bệnh đã được kiểm soát chặt chẽ tại Việt Nam và nhiều nơi trên thế giới, vì vậy hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành đã được cải thiện tích cực và trở lại hoạt động bình thường.

DANH MỤC CÁC NHÂN TỐ RỦI RO NÊU TRÊN KHÔNG PHẢI LÀ BẢNG LIỆT KÊ HAY GIẢI THÍCH ĐẦY ĐỦ VỀ TẤT CẢ CÁC RỦI RO LIÊN QUAN ĐẾN VIỆC ĐẦU TƯ VÀO TRÁI PHIẾU.

[Mục III. Các Khái Niệm bắt đầu từ trang sau. Phần còn lại của trang này được chú ý để trống]

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các công ty trong Tập Đoàn Masan và nhóm công ty Masan Resources

<i>“Masan Group” hoặc “Tập Đoàn Masan” hoặc “MSN”</i>	Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Masan
<i>“Masan Horizon”</i>	Công Ty Cổ phần Tầm Nhìn Masan
<i>“MHT”</i>	Công Ty Cổ Phần Masan High-Tech Materials
<i>“Nhóm Công Ty H.C. Starck” hoặc “HCS”</i>	H.C.Starck Holding (Germany) GmbH và các công ty con/công ty liên kết khác của H.C.Starck Holding (Germany) GmbH
<i>“Nhóm công ty Masan High-Tech Materials”</i>	Công Ty Cổ Phần Masan High-Tech Materials và các công ty con của Công Ty Cổ Phần Masan High-Tech Materials, bao gồm MRTN, TNTI, Công Ty Núi Pháo, MTC và các công ty con/công ty liên kết khác của MTC liên quan đến nền tảng kinh doanh vonfram của H.C. Starck Group GmbH
<i>“NHTCM”</i>	Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo – H.C.Starck
<i>“MRTN”</i>	Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên
<i>“MTC” hoặc “Masan Tungsten”</i>	Công Ty TNHH Vonfram Masan
<i>“TNTI”</i>	Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại Và Đầu Tư Thái Nguyên
<i>“Tổ Chức Phát Hành” hoặc “Công Ty Núi Pháo” hoặc “Công Ty”</i>	Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo

Thuật ngữ chuyên môn về hoạt động của Tổ Chức Phát Hành

<i>“AMEC”</i>	Hiệp Hội Các Công Ty Khai Thác Khoáng Sản (“AMEC”) – Association of Mining and Exploration Companies
<i>“APT”</i>	Ammonium paratungstate, là muối kết tinh màu trắng amoni và vonfram
<i>“BTO”</i>	Oxit vonfram tinh chế thể màu xanh (Blue tungsten oxide)
<i>“CRU”</i>	Công ty tư vấn CRU, Anh Quốc

“Dự Án Núi Pháo”	Dự án mang tên “Dự án khai thác, chế biến khoáng sản Núi Pháo” được cấp phép theo Giấy Chứng Nhận Đầu Tư số 17121000026 cấp lần đầu ngày 21 tháng 7 năm 2010 bởi Ủy Ban Nhân Dân Tỉnh Thái Nguyên và các sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm
“Mã JORC”	Mã Báo Cáo Kết Quả Thăm Dò, Tài Nguyên Khoáng Sản Và Trữ Lượng Quặng của Úc (<i>Australasian Code for Reporting of Exploration Results, Mineral Resources and Ore Reserves</i>) do Ủy Ban Liên Tịch Trữ Lượng Quặng của Viện Khai Khoáng Và Luyện Kim Úc, Viện Các Nhà Nghiên Cứu Địa Chất và Hội Đồng Khoáng Sản Úc (<i>Joint Ore Reserves Committee of the Australasian Institute of Mining and Metallurgy, Australian Institute of Geoscientists and Mineral Council of Australia</i>) ban hành, [Ấn phẩm năm 2012]
“SGS”	Công Ty TNHH SGS Việt Nam
“ST”	Sodium Tungstate – sản phẩm trung gian giữa tinh quặng vonfram và vonfram giá trị gia tăng cao
“YTO”	Oxit vonfram tinh chế thể màu vàng (Yellow tungsten oxide)
<u>Định nghĩa chung</u>	
“Chính Phủ”	Chính Phủ Nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam
“Bản Cáo Bạch”	Bản Cáo Bạch này và cũng là bản cung cấp thông tin của Tổ Chức Phát Hành về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư Trái Phiếu
“BTNMT”	Bộ Tài Nguyên Và Môi Trường Việt Nam
“BCT”	Bộ Công Thương Việt Nam
“BCTC”	Báo cáo tài chính
“BKS”	Ban kiểm soát
“CPI”	Chỉ số giá tiêu dùng
“DTT”	Doanh thu thuần
“Điều Lệ”	Điều lệ hợp nhất của Công Ty Núi Pháo ngày 24 tháng 05 năm 2021 như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm
“GDP”	Tổng sản phẩm quốc nội – Gross Domestic Products
“HĐQT”	Hội đồng quản trị
“HĐTV”	Hội đồng thành viên

“ <i>LNST</i> ”	Lợi nhuận sau thuế
“ <i>MTV</i> ”	Một thành viên
“ <i>SGDCK</i> ”	Sở Giao Dịch Chứng Khoán
“ <i>Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành</i> ”	TCBS
“ <i>Tổ Chức Tư Vấn</i> ”	TCBS
“ <i>TNHH</i> ”	Trách nhiệm hữu hạn
“ <i>UBND</i> ”	Ủy Ban Nhân Dân
“ <i>UBCKNN</i> ”	Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước


Tiền tệ, đơn vị và khác

“ <i>km</i> ”	Ki-lô-mét
“ <i>lb</i> ”	Pound (đơn vị đo khối lượng, 1 lb bằng khoảng 0,45 ki-lô-gram)
“ <i>m³</i> ”	Mét khối
“ <i>mtu</i> ”	Metric Ton Unit, 1 mtu tương đương với 10 ki-lô-gram.
“ <i>%</i> ”	Phần trăm
“ <i>USD</i> ”	Đô-la Mỹ
“ <i>VND</i> ”	Đồng Việt Nam

Các từ ngữ, khái niệm khác được sử dụng trong Bản Cáo Bạch này nhưng không được giải thích/định nghĩa trong mục này sẽ có nghĩa như được giải thích/định nghĩa trong các mục khác của Bản Cáo Bạch này hoặc trong các điều kiện và điều khoản Trái Phiếu đính kèm tại Phụ lục I của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (“**Các Điều Kiện Trái Phiếu**”).

[*Mục IV. Tình Hình Và Đặc Điểm Của Tổ Chức Phát Hành bắt đầu từ trang sau. Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống*]

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH**1. Thông Tin Chung Về Tổ Chức Phát Hành**

- Tên Tổ Chức : Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo Phát Hành (*tên đầy đủ*)
- Tên công ty viết tắt bằng tiếng nước ngoài : Nui Phao Mining Company Ltd
- Tên công ty viết tắt : Nuiphao Mining
- Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp : Số 4600864513 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 5 tháng 7 năm 2010, đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 03/06/2022
- Logo : 
- Trụ sở chính : Xóm Suối Cát, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
- Điện thoại : 024 3718 2490
- Fax : 024 3718 2491
- Website : <https://masanhightechmaterials.com/vi/subsidiary/nui-phao-mining-company/>
- Vốn điều lệ đã đăng ký : 10.792.915.155.000 VND
- Vốn điều lệ thực góp : 10.792.915.155.000 VND
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Thiệu Nam – Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên
- Ngành nghề kinh doanh chính :
 - Khai thác quặng kim loại quý hiếm (khai thác, chế biến vonfram, fluorit, đồng, bismut và vàng);
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (hoạt động thăm dò địa chất và tài nguyên nước (thăm dò khoáng sản);
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh mua, bán vàng miếng);

- Sản xuất kim loại màu và kim loại quý; và
 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công Ty kinh doanh (đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật).
- Sản phẩm chính : vonfram, fluorit, đồng, bismut.

2. Tóm Tắt Quá Trình Hình Thành Và Phát Triển Của Tổ Chức Phát Hành

Công Ty Núi Pháo được thành lập ngày 5 tháng 7 năm 2010 dưới hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên với vốn điều lệ ban đầu là 837.900.000.000 VND. Tại ngày phát hành Bản Cáo Bạch này, Công Ty Núi Pháo có vốn điều lệ là 10.792.915.155.000 VND, với hai thành viên góp vốn là MRTN chiếm 80% vốn điều lệ và TNTI chiếm 20% vốn điều lệ. Công Ty Núi Pháo trực tiếp vận hành Dự Án Núi Pháo để khai thác và chế biến khoáng sản tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Các sự kiện quan trọng trong quá trình hoạt động của Công Ty Núi Pháo và Dự Án Núi Pháo được trình bày dưới đây:

- | | |
|---------------|--|
| Tháng 2/2004 | Công Ty Liên Doanh Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo (Nuiphaovica), một công ty thành lập bởi các nhà đầu tư trước đây của Công Ty Núi Pháo, được thành lập theo giấy phép đầu tư số 2377/GP do Bộ Kế Hoạch Và Đầu Tư cấp để thực hiện dự án. |
| Tháng 2/2005 | BTNMT phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường của dự án. |
| Tháng 3/2008 | BTNMT phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường bổ sung của dự án. |
| Tháng 4/2010 | Tập Đoàn Masan ký các thỏa thuận chính thức với các quỹ đầu tư do Dragon Capital sở hữu và quản lý để mua lại quyền kiểm soát trong Nuiphaovica. |
| Tháng 7/2010 | Công Ty Núi Pháo được thành lập nhằm mục đích sở hữu và vận hành Dự Án Núi Pháo.

Công Ty Núi Pháo được UBND Tỉnh Thái Nguyên cấp giấy chứng nhận đầu tư số 17121000026 ngày 21 tháng 7 năm 2010 để thực hiện Dự Án Núi Pháo, theo đó Công Ty Núi Pháo sẽ kế thừa toàn bộ quyền và nghĩa vụ của Nuiphaovica như được quy định trong giấy phép đầu tư số 2377/GP ngày 03 tháng 02 năm 2004. |
| Tháng 9/2010 | Công Ty Núi Pháo được BTNMT cấp giấy phép khai thác khoáng sản số 1710/GP-BTNMT ngày 21 tháng 9 năm 2010.

Tập Đoàn Masan hoàn thành giao dịch mua lại quyền kiểm soát trong Công Ty Núi Pháo. |
| Tháng 12/2011 | Hội Đồng Đánh Giá Trữ Lượng Khoáng Sản Quốc Gia công nhận kết quả chuyển đổi cấp trữ lượng và cấp tài nguyên của Dự Án Núi Pháo. |
| Tháng 2/2012 | Công Ty Núi Pháo nhận được chấp thuận chính thức của BCT đối với thiết kế cơ bản mỏ của Dự Án Núi Pháo. |
| Tháng 7/2013 | Công Ty Núi Pháo và H.C. Starck, nhà sản xuất kim loại công nghệ cao hàng đầu thế giới, đã ký kết các hợp đồng liên doanh để thành lập một liên doanh |

sản xuất hóa chất vonfram giá trị gia tăng tại Việt Nam.

- Tháng 1/2014 Liên doanh giữa Công Ty Núi Pháo và H.C. Starck nhận được giấy chứng nhận đầu tư cho nhà máy của liên doanh do UBND tỉnh Thái Nguyên cấp.
- Tháng 3/2014 Dự Án Núi Pháo bắt đầu sản xuất thương mại vonfram và đồng.
- Tháng 6/2014 Dự Án Núi Pháo bắt đầu sản xuất thương mại fluorit.
- Tháng 9/2014 Dự Án Núi Pháo bắt đầu sản xuất thương mại bismut.
- Dự Án Núi Pháo đạt kỷ lục về sản lượng khai thác đối với tất cả 4 dòng sản phẩm.
- 2015 Nhà máy chế biến sâu của Núi Pháo – H.C. Starck (nay là MTC) nghiệm thu vận hành và đi vào hoạt động sản xuất.
- Núi Pháo – H.C. Starck được trao Chứng nhận Dự án Ứng dụng Công nghệ cao của Bộ Khoa Học Và Công Nghệ Việt Nam.
- 2016 Dự Án Núi Pháo bắt đầu sản xuất Bismut Xi măng thương mại từ ngày 1 tháng 7.
- Triển khai các sáng kiến và đầu tư đổi mới quy trình và công nghệ, tiết kiệm chi phí, thay đổi quy trình nghiệp vụ, và xây dựng các mối liên kết và hợp tác mới. MTC (trước đây là liên doanh Núi Pháo – H.C.Starck) đã đạt sản lượng và doanh thu vượt bậc đối với sản phẩm hóa chất vonfram giá trị gia tăng.
- 2017 Việc nâng cấp chu trình tuyển trọng lực vonfram giúp tăng tỷ lệ thu hồi vonfram lên 67% và vẫn còn khả năng cải thiện thông qua các biện pháp tối ưu hoá.
- Giá của tất cả các sản phẩm của Công Ty đều tăng đáng kể cùng với nâng cao hiệu suất sản xuất đã giúp Nhóm công ty Masan High-Tech Materials đạt được kết quả kỷ lục trên tất cả các mặt từ sản xuất, doanh thu đến lợi nhuận ròng.
- Tháng 8/2018 Công Ty Núi Pháo đã mua lại 49% phần vốn góp của H.C.Starck GmbH trong Công ty TNHH Tinh Luyện Vonfram Núi Pháo – H.C.Starck. Công ty TNHH Tinh luyện Vonfram Núi Pháo – H.C.Starck sau đó được đổi tên thành Công Ty TNHH Vonfram Masan và chính thức trở thành công ty con do Tổ Chức Phát Hành sở hữu 100% theo ghi nhận tại Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 6 ngày 11 tháng 9 năm 2018.
- 2019 Công Ty Núi Pháo tăng vốn điều lệ từ 4.789.010.000.000 VND lên 8.048.709.226.169 VND.
- Công Ty Núi Pháo thông qua công ty con là Công Ty TNHH Vonfram Masan đã ký hợp đồng mua lại nền tảng kinh doanh vonfram của H.C.Starck GmbH – nhà sản xuất bột kim loại vonfram và vonfram các-bua công nghệ cao hàng đầu thế giới.

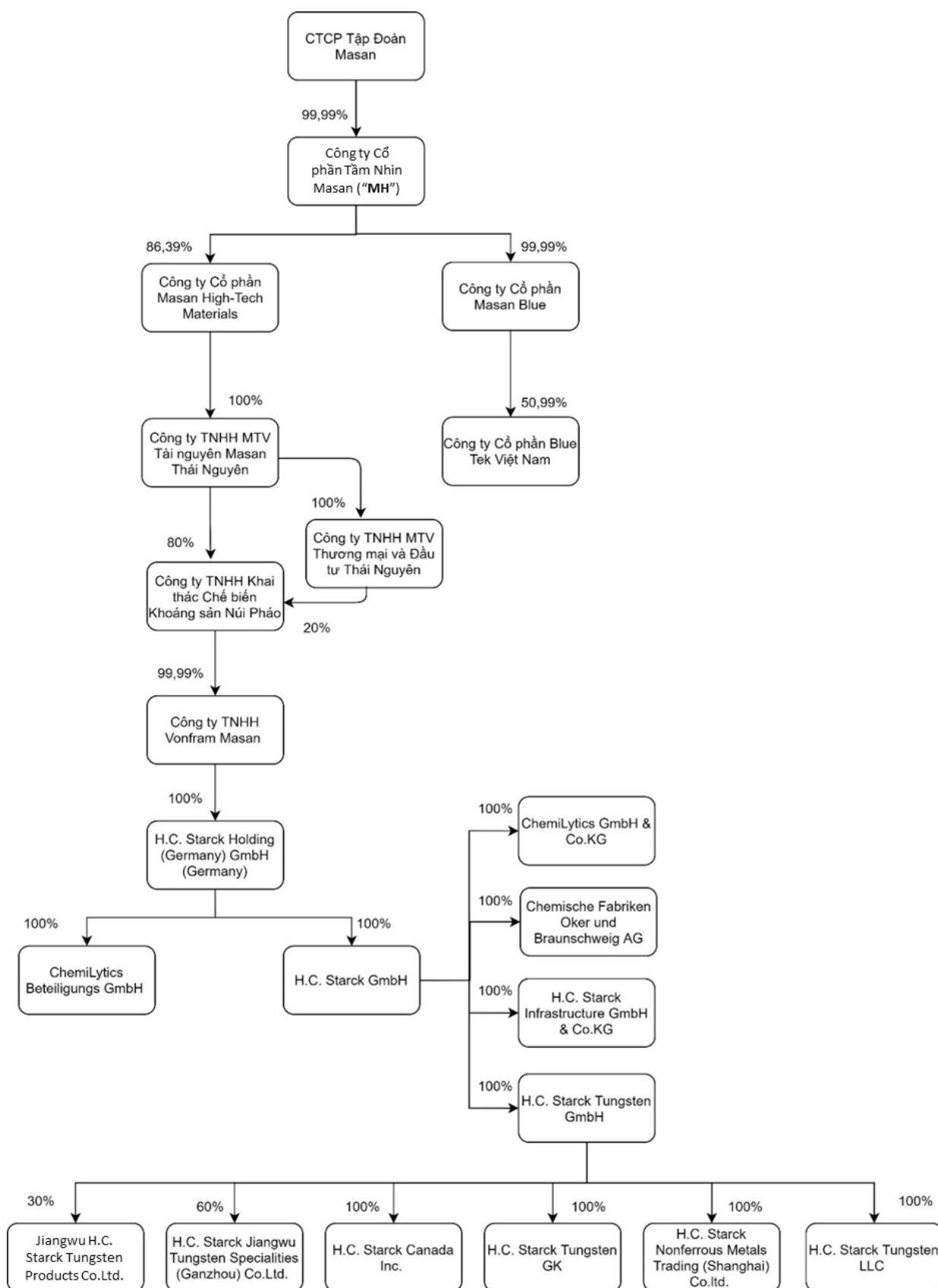
2020	Công Ty Núi Pháo thông qua công ty con là Công Ty TNHH Vonfram Masan đã công bố hoàn tất giao dịch mua lại nền tảng kinh doanh vonfram của H.C.Starck GmbH.
2021	<p>Tính trên cơ sở hợp nhất (bao gồm cả nền tảng kinh doanh H.C.Starck GmbH), sản lượng vonfram của Công Ty Núi Pháo và các công ty con trong năm 2021 tăng 97% so với năm 2020.</p> <p>Giá của tất cả các sản phẩm của Công Ty Núi Pháo đều tăng, cùng với các lợi thế cộng hưởng sau khi mua lại nền tảng kinh doanh của H.C.Starck GmbH đã giúp kết quả kinh doanh hợp nhất của Công Ty Núi Pháo năm 2021 tốt hơn đáng kể so với năm 2020.</p>
Tháng 7/2022	<p>H.C. Starck Tungsten Powders, công ty con của MHT đã tiến hành ký kết thỏa thuận đầu tư 45 triệu bảng Anh (tương đương 52 triệu Euro) vào Nyobolt Limited (“Nyobolt”), một công ty chuyên cung cấp giải pháp pin Li-ion sạc nhanh ứng dụng vật liệu Vonfram công nghệ cao của HCS cho lớp phủ cực anode.</p> <p>Thương vụ hợp tác được thực hiện với kỳ vọng sẽ thúc đẩy tầm nhìn của Nhóm Công Ty H.C. Starck trở thành nhà cung ứng vật liệu công nghiệp công nghệ cao, mang lại giá trị gia tăng cho khách hàng, thông qua việc phát triển các ứng dụng Vonfram mới có ý nghĩa quan trọng cho các phát kiến của tương lai.</p> <p>Công ty bắt đầu tiến hành các thủ tục xin cấp phép khai thác cho giai đoạn 2 của Dự án Núi Pháo cho phần trữ lượng hàm lờ 28.028.000 tấn tại mỏ Núi Pháo theo quy định trong Giấy phép Khai thác số 1710/GP–BTNMT, và xin quy hoạch thăm dò cho khu vực Núi Chiếm với diện tích 11,79 km²</p>

3. Cơ Cấu Tổ Chức Của Tổ Chức Phát Hành

Tính đến ngày lập Bản Công Bố Thông Tin này, cơ cấu tổ chức của Tổ Chức Phát Hành và các công ty thuộc Masan Group và Nhóm công ty Masan High-Tech Materials được trình bày trong sơ đồ dưới đây:

(Nguồn: Công Ty)

*[Sơ đồ cơ cấu tổ chức bắt đầu từ trang sau.
Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]*

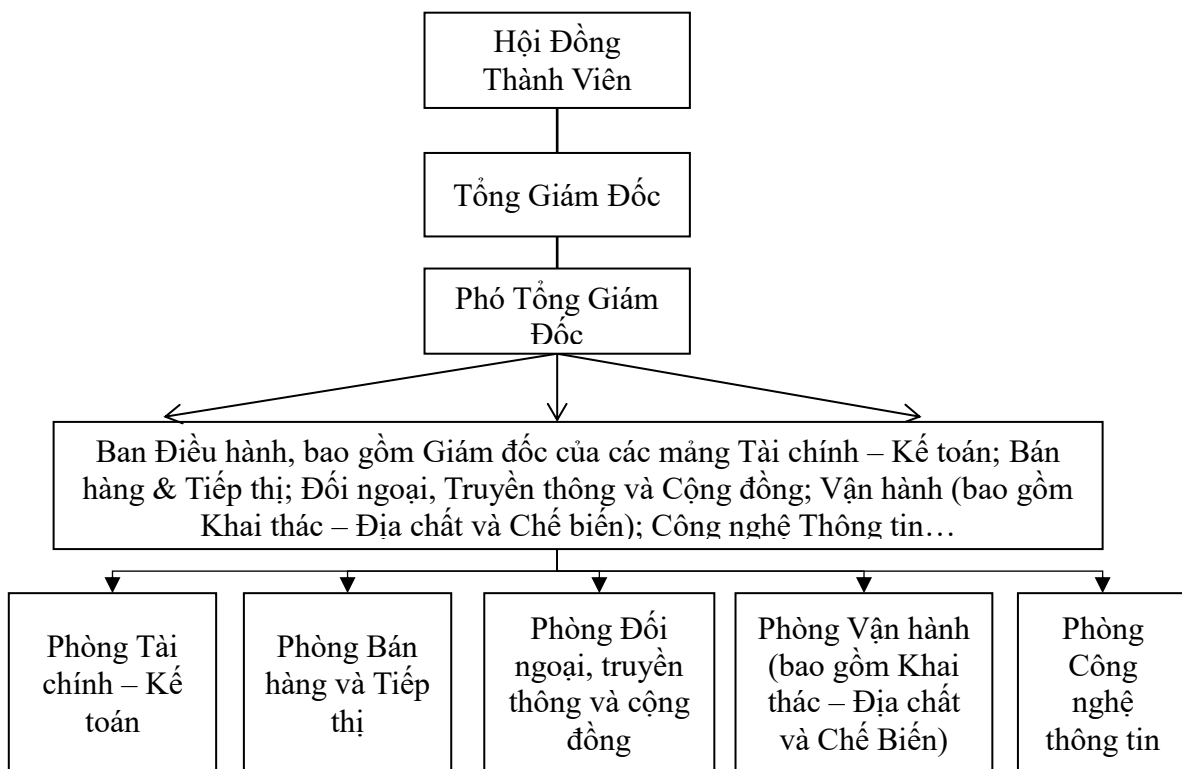


4. Cơ Cấu Quản Trị Và Bộ Máy Quản Lý Của Tổ Chức Phát Hành

Tổ chức và hoạt động của Tổ Chức Phát Hành căn cứ vào các văn bản pháp lý chính sau đây:

- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020;
- Điều Lệ; và
- Các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật khác liên quan đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành.

Tính đến ngày lập Bản Cáo Bạch này, cơ cấu quản lý của Tổ Chức Phát Hành như sau:



Quyền và nghĩa vụ của HĐQT, Chủ Tịch HĐQT và Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành được quy định trong Điều Lệ. Theo Điều Lệ, HĐQT là cơ quan có thẩm quyền quyết định cao nhất của Tổ Chức Phát Hành.

4.1 Hội Đồng Thành Viên

HĐTV chịu trách nhiệm quản lý hoạt động kinh doanh và bổ nhiệm nhân sự quản lý chủ chốt của Tổ Chức Phát Hành. Chủ Tịch HĐQT do MRTN đề cử và được HĐQT bầu chọn. Nhiệm kỳ của Chủ Tịch HĐQT là 5 năm, và có thể được bầu với số nhiệm kỳ không hạn chế.

HĐTV có thẩm quyền quyết định những vấn đề sau đây:

- Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công Ty;

- b) Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động thêm vốn;
- c) Quyết định dự án đầu tư phát triển của Công Ty;
- d) Quyết định giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ, thông qua các hợp đồng vay, cho vay, phát hành trái phiếu, mua, bán tài sản hoặc giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 2% (hai phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất gần nhất của Công ty trên mỗi giao dịch hoặc các chuỗi giao dịch có liên quan;
- e) Thông qua việc Công Ty cấp bảo lãnh; thông qua việc Công ty dùng tài sản để cầm cố, thế chấp, hoặc làm biện pháp bảo đảm khác, để bảo đảm cho nghĩa vụ của Công ty hoặc nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khác;
- f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch HĐQT; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc Công ty;
- g) Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc Công Ty;
- h) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của Công Ty;
- i) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công Ty;
- j) Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công Ty;
- k) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công Ty;
- l) Quyết định tổ chức lại Công Ty;
- m) Quyết định giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công Ty; và
- n) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều Lệ.

4.2 Tổng Giám Đốc Và Đội Ngũ Quản Lý

Tổng Giám Đốc của Tổ Chức Phát Hành được đề cử bởi MRTN và bổ nhiệm bởi HĐQT và có trách nhiệm quản lý hàng ngày và thực hiện các quyết định do HĐQT ban hành.

Tổng Giám Đốc có các quyền hạn, nhiệm vụ và nghĩa vụ cụ thể như sau:

- a) Tổ chức thực hiện các nghị quyết của HĐQT;
- b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công Ty;
- c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công Ty;

- d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công Ty;
- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức các chức danh quản lý trong Công ty, trừ các chức danh thuộc thẩm quyền của HĐQT theo quy định tại Điều lệ Công Ty;
- f) Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh quy định tại điểm (e) trên đây;
- g) Ký kết hợp đồng nhân danh Công Ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch HĐQT;
- h) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công Ty;
- i) Trình báo cáo quyết toán tài chính hằng năm lên HĐQT;
- j) Kiến nghị phương án sử dụng lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- k) Tuyển dụng lao động; và
- l) Các quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại nghị quyết, quyết định của HĐQT, hợp đồng lao động mà Tổng giám đốc ký với Công Ty.

5. Thông Tin Về danh Sách Công Ty Mẹ Và Công Ty Con Của Tổ Chức Phát Hành, Những Công Ty Năm Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần, Phần Vốn Góp Chi Phối Đối Với Tổ Chức Phát Hành, Những Công Ty Mà Tổ Chức Phát Hành Năm Quyền Kiểm Soát Hoặc Cổ Phần, Phần Vốn Góp Chi Phối Tại Thời Điểm 31/12/2022

5.1 Danh Sách Các Công Ty Con Mà Tổ Chức Phát Hành Năm Giữ Quyền Kiểm Soát Hoặc Phần Vốn Góp Chi Phối Trong 02 Năm Liên Tục Liên Trước Năm Đăng Ký Chào Bán Và Đến Thời Điểm Hiện Tại

Danh sách các công ty con/công ty liên kết mà Tổ Chức Phát Hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần/phần vốn góp chi phối trực tiếp/gián tiếp trong năm 2021, năm 2022 và tính tại ngày 31/03/2023 như sau:

STT	Tên Công Ty	Ngày thành lập	Mã số doanh nghiệp	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của Tổ Chức Phát Hành		
					31/12 /2021	31/12 /2022	31/03 /2023
CÔNG TY CON SỞ HỮU TRỰC TIẾP							
1	Công ty TNHH Vonfram Masan	15/01/2014	460116374 3	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	99,999%	99,999%	99,999%
CÔNG TY CON SỞ HỮU GIÁN TIẾP							
1	H.C. Starck Holding (Germany) GmbH	23/4/2007	HRB 200744	Tư vấn quản lý	99,999%	99,999%	99,999%
2	Chemilytics Beteiligungs GmbH	27/12/2018	HRB 207566	Tư vấn quản lý	99,999%	99,999%	99,999%

STT	Tên Công Ty	Ngày thành lập	Mã số doanh nghiệp	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ sở hữu của Tổ Chức Phát Hành		
					31/12 /2021	31/12 /2022	31/03 /2023
3	H.C. Starck GmbH	20/4/2007	HRB 200743	Tư vấn quản lý	99,999%	99,999%	99,999%
4	Chemische Fabriken Oker und Branschweig AG	14/2/2006	HRB 110008	Sản xuất hóa chất dùng trong sản xuất giấy và phụ gia cho ngành vật liệu hấp thụ	99,999%	99,999%	99,999%
5	H.C. Starck Infrastructure GmbH & Co. KG	26/11/2015	HRA10461 3	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	99,999%	99,999%	99,999%
6	ChemiLytics GmbH & Co. KG	10/10/2018	HRB 202206	Phân tích hoá học và dữ liệu đo lường vật lý	99,999%	99,999%	99,999%
7	H.C. Starck Tungsten GmbH	26/11/2015	HRB 222201	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	99,999%	99,999%	99,999%
8	H.C. Starck Nonferrous Metals Trading (Shanghai) Co. Ltd.	14/11/2018	120000022 018111400 11	Kinh doanh và phân phối	99,999%	99,999%	99,999%
9	H.C. Starck Canada Inc.	18/5/2006	4358201	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	99,999%	99,999%	99,999%
10	H.C. Starck Tungsten GK	26/3/2018	0100-03-027237	Kinh doanh và phân phối	99,999%	99,999%	99,999%
11	H.C. Starck Tungsten LLC	19/9/2019	7609450	Kinh doanh và phân phối	99,999%	99,999%	99,999%
12	H.C. Starck Jiangwu Tungsten Specialities (Ganzhou) Co., Ltd	31/7/2012	360700520 011685	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	59,999%	59,999%	59,999%
CÔNG TY LIÊN KẾT							
1	Jiangwu H.C. Starck Tungsten Products Co., Ltd	27/11/2012	360700520 012039	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	29,999%	29,999%	29,999%

5.2 Công Ty Mẹ nắm Quyền Kiểm Soát Hoặc Phần Vốn Góp Chi Phối Đối Với Tổ Chức Phát Hành Trong 02 Năm Liên Tục Liên Trước Năm Đăng Ký Chào Bán Và Đến Thời Điểm Hiện Tại

- Tên công ty : Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên
- Địa chỉ : Phòng 802, tầng 8, Tòa Nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

- Giấy Chứng nhận : Số 0309960069 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 5 năm 2010, như được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm đăng ký kinh doanh
- Điện thoại : 84-28 6256 3862
- Fax : 84-28 3827 4115
- Vốn điều lệ đăng ký : 12.156.476.389.000 VND
- Vốn điều lệ thực góp : 12.156.476.389.000 VND
- Tỷ lệ góp vốn tại Tổ Chức Phát Hành : 80% vốn điều lệ
- Ngành nghề kinh doanh chính : - Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (cụ thể: nghiên cứu thị trường); và
- Hoạt động tư vấn quản lý (cụ thể: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán).

6. Giới Thiệu Về Quá Trình Tăng, Giảm Vốn Điều Lệ Của Tổ Chức Phát Hành

Kể từ ngày thành lập đến nay, Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện 6 lần tăng vốn điều lệ từ 837.900.000.000 VND lên 10.792.915.155.000 VND cụ thể như:

- **Vốn góp từ thời điểm thành lập** theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600864513 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 5 tháng 7 năm 2010 là 837.900.000.000 VND.
- **Tăng vốn điều lệ lần 1 từ 837.900.000.000 VND lên 2.227.892.822.000 VND**
 - Vốn điều lệ trước khi tăng vốn : 837.900.000.000 VND
 - Vốn điều lệ sau khi tăng vốn : 2.227.892.822.000 VND
 - Số vốn tăng thêm : 1.389.992.822.000 VND
 - Cơ quan chấp thuận việc tăng vốn : HĐQT Công Ty Núi Pháo và Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Thái Nguyên
 - Mục đích tăng vốn : Để đáp ứng nhu cầu về vốn kinh doanh
 - Phương thức tăng vốn : Chuyển đổi từ vốn vay của các thành viên thành vốn điều lệ
 - Số lượng thành viên góp vốn sau khi tăng vốn : 02
 - Ngày hoàn thành việc tăng vốn : Ngày 23 tháng 11 năm 2010
 - Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn : ➤ Nghị quyết của HĐQT Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo số 02/NQ-10 ngày 9 tháng 11 năm 2010

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600864513 thay đổi lần thứ 1 ngày 23 tháng 11 năm 2010

- **Tăng vốn điều lệ lần 2 từ 2.227.892.822.000 VND lên 4.100.000.000.000 VND**

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn : 2.227.892.822.000 VND
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn : 4.100.000.000.000 VND
- Số vốn tăng thêm : 1.872.107.178.000 VND
- Cơ quan chấp thuận việc tăng vốn : HĐQT Công Ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Thái Nguyên
- Mục đích tăng vốn : Để đáp ứng nhu cầu về vốn kinh doanh
- Phương thức tăng vốn : Chuyển đổi từ vốn vay của các thành viên thành vốn điều lệ và tăng vốn góp bằng tiền của các thành viên
- Số lượng thành viên góp vốn sau khi tăng vốn : 02
- Ngày hoàn thành việc tăng vốn : Ngày 1 tháng 3 năm 2011
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn :
 - Quyết định của HĐQT Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo số 03/QĐ-HĐTV-11 ngày 24/2/2011
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600864513 thay đổi lần thứ 2 ngày 1 tháng 3 năm 2011

- **Tăng vốn điều lệ lần 3 từ 4.100.000.000.000 VND lên 4.729.010.000.000 VND**

- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn : 4.100.000.000.000 VND
- Vốn điều lệ sau khi tăng vốn : 4.729.010.000.000 VND
- Số vốn tăng thêm : 629.010.000.000 VND
- Cơ quan chấp thuận việc tăng vốn : HĐQT Công Ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Thái Nguyên
- Mục đích tăng vốn : Để đáp ứng nhu cầu về vốn kinh doanh
- Phương thức tăng vốn : Chuyển đổi từ vốn vay của các thành viên thành vốn điều lệ
- Số lượng thành viên góp vốn sau khi tăng vốn : 02
- Ngày hoàn thành việc tăng vốn : 15 tháng 7 năm 2013
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn :
 - Quyết định của HĐQT Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo số 06-2013/QĐ-HĐTV ngày 5 tháng 7 năm 2013
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600864513 thay đổi lần thứ 6 ngày 15 tháng 7 năm 2013

- **Tăng vốn điều lệ lần 4 từ 4.729.010.000.000 VND lên 4.789.010.000.000 VND**

-
- Vốn điều lệ trước khi tăng vốn : 4.729.010.000.000 VND
 - Vốn điều lệ sau khi tăng vốn : 4.789.010.000.000 VND
 - Số vốn tăng thêm : 60.000.000.000 VND
 - Cơ quan chấp thuận việc tăng vốn : HĐQT Công Ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Thái Nguyên
 - Mục đích tăng vốn : Để đáp ứng nhu cầu về vốn kinh doanh
 - Phương thức tăng vốn : Chuyển đổi từ vốn vay của các thành viên thành vốn điều lệ
 - Số lượng thành viên góp vốn sau khi tăng vốn : 02
 - Ngày hoàn thành việc tăng vốn : 22 tháng 8 năm 2013
 - Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn :
 - Nghị quyết của HĐQT Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo số 07-2013/NQ-HĐTV ngày 6 tháng 8 năm 2013
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600864513 thay đổi lần thứ 7 ngày 22 tháng 8 năm 2013
-
- **Tăng vốn điều lệ lần 5 từ 4.789.010.000.000 VND lên 8.048.709.226.169 VND**
 - Vốn điều lệ trước khi tăng vốn : 4.789.010.000.000 VND
 - Vốn điều lệ sau khi tăng vốn : 8.048.709.226.169 VND
 - Số vốn tăng thêm : 3.259.699.226.169 VND
 - Cơ quan chấp thuận việc tăng vốn : HĐQT Công Ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Thái Nguyên
 - Mục đích tăng vốn : Để đáp ứng nhu cầu về vốn kinh doanh
 - Phương thức tăng vốn : Tăng vốn góp của các thành viên hiện hữu của Công Ty
 - Số lượng thành viên góp vốn sau khi tăng vốn : 02
 - Ngày hoàn thành việc tăng vốn : Ngày 5 tháng 7 năm 2019
 - Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn :
 - Nghị quyết của HĐQT Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo số 09/2019/NQ-HĐTV ngày 24 tháng 6 năm 2019
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600864513 thay đổi lần thứ 11 ngày 5 tháng 7 năm 2019
-
- **Tăng vốn điều lệ lần 6 từ 8.048.709.226.169 VND lên 10.792.915.155.000 VND**
 - Vốn điều lệ trước khi tăng vốn : 8.048.709.226.169 VND
 - Vốn điều lệ sau khi tăng vốn : 10.792.915.155.000 VND
 - Số vốn tăng thêm : 2.744.205.928.831 VND
 - Cơ quan chấp thuận việc tăng vốn : HĐQT Công Ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo và Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Thái Nguyên
 - Mục đích tăng vốn : Để đáp ứng nhu cầu về vốn kinh doanh
-

- Phương thức tăng vốn : Tăng vốn góp của các thành viên hiện hữu của Công Ty
- Số lượng thành viên góp vốn sau khi tăng vốn : 02
- Ngày hoàn thành việc tăng vốn : Ngày 10 tháng 12 năm 2020
- Cơ sở pháp lý của đợt tăng vốn :
 - Nghị quyết của HĐQT Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo số 15/2020/NQ-HĐTV ngày 7 tháng 12 năm 2020
 - Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600864513 thay đổi lần thứ 12 ngày 10 tháng 12 năm 2020

7. Thông tin về chứng khoán đang lưu hành

• **Cổ Phiếu Phổ Thông**

Công ty có hình thức doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn nên không có cổ phiếu phổ thông.

• **Cổ Phiếu Ưu Đãi**

Công ty có hình thức doanh nghiệp là công ty trách nhiệm hữu hạn nên không có cổ phiếu ưu đãi.

• **Các Loại Chứng Khoán Khác:**

Tính đến thời điểm của Bản Báo Bạch, Tổ Chức Phát Hành có các trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến thời hạn thanh toán với các đặc điểm như sau (không bao gồm các trái phiếu của các công ty con phát hành):

ST T	Các trái phiếu	Tên trái phiếu	Kỳ Hạn	Ngày Phát Hành	Dư nợ tại thời điểm của Bản cáo bạch (tỷ VND)	Lãi suất	Năm đáo hạn
TỔNG CỘNG					7.300		
1	Trái phiếu có đảm bảo	NPM082023 (mã niêm yết NPM11805)	5 năm	13/8 /2018	500	+ 12 tháng đầu: 10% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 3,25%	2023

2	Trái phiếu có đảm bảo	NPM052024 (mã niêm yết NPM11911)	5 năm	27/5 /2019	500	+ 12 tháng đầu: 10,2% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 3,3%	2024
3	Các trái phiếu có đảm bảo	6 trái phiếu có mã trái phiếu từ NPMCB202 3024 đến NPMCB202 3029 (gọi chung là “Trái Phiếu NPM 700”)	3 năm	30/7 /2020	700	+ 12 tháng đầu: 10% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 3,2%	2023
4	Trái phiếu có đảm bảo	NPMPO202 2_02	3 năm	8/7/2 020	1.000	+ 12 tháng đầu: 10% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 3,1%	2023
5	Trái phiếu có đảm bảo	NPMPO202 2_03	3 năm	7/8/2 020	1.000	+ 12 tháng đầu: 10% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 3,1%	2023
6	Trái phiếu có đảm bảo	NPMCH222 7001	5 năm	25/5 /2022	500	+ 12 tháng đầu: 9,3% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 4,24%	2027
7	Trái phiếu có đảm bảo	NPMCB222 7002	5 năm	22/9 /2022	290	+ 12 tháng đầu: 10% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 4,4%	2027
8	Trái phiếu có đảm bảo	NPMCB222 7003	5 năm	26/10 /2022	210	+ 12 tháng đầu: 11% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 4,6%	2027
9	Trái phiếu có đảm bảo	NPMCB232 8001	5 năm	25/5/ 2023	640	+ 12 tháng đầu: 9% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các	2028

						ngân hàng tham chiếu + biên độ 4,1%	
10	Trái phiếu có đảm bảo	NPMCB232 8002	5 năm	25/5/2023	720	+ 12 tháng đầu: 9% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 4,1%	2028
11	Trái phiếu có đảm bảo	NPMCB232 8003	5 năm	25/5/2023	630	+ 12 tháng đầu: 9% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 4,1%	2028
12	Trái phiếu có đảm bảo	NPMCB232 8004	5 năm	25/5/2023	610	+ 12 tháng đầu: 9% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 4,1%	2028

Nguồn: Công Ty

8. Hoạt Động Kinh Doanh

8.1 Đặc Điểm Hoạt Động Kinh Doanh

(a) Giới Thiệu Các Sản Phẩm Của Công Ty Núi Pháo

Ngành nghề kinh doanh chính của Công Ty là khai thác và chế biến khoáng sản với các sản phẩm chính bao gồm vonfram, fluorit, đồng và bismut. Đây là các kim loại được giao dịch trên toàn cầu và được sử dụng rộng rãi trong nhiều ngành công nghiệp.

Vonfram

Vonfram là một kim loại rất cứng có điểm nóng chảy cao nhất trong tất cả các kim loại và nặng gần như bằng vàng. Vonfram cứng hơn gấp ba lần crom, cobalt và titanium và cứng hơn gấp năm lần nickel, sắt và platinum. Hợp kim vonfram có thể hàn tốt với các kim loại khác, và có nhiệt độ nóng chảy cao nhất trong tất cả các kim loại và có khả năng chống mài mòn cao.

Vonfram được sử dụng chủ yếu trong sản xuất các hợp kim các-bua cứng hoặc các kim loại cứng, được dùng làm vật liệu chống mài mòn sử dụng trong các ngành công nghiệp gia công kim loại, khai thác mỏ, dầu khí và xây dựng. Vonfram là kim loại hầu như không thể thay thế trong một loạt các ứng dụng công nghiệp như sản xuất máy công cụ hiệu suất cao và các hợp kim thép, được sử dụng trong các ngành công nghiệp như ô tô, năng lượng, xây dựng, hàng không vũ trụ... Vonfram cũng được sử dụng trong các ứng dụng đa dạng về quân sự và sản xuất điện.

Mỏ Núi Pháo là mỏ đa kim có trữ lượng vonfram lớn nhất thế giới đang hoạt động bên ngoài Trung Quốc, và Công Ty Núi Pháo cũng là nhà sản xuất fluorit và bismut hàng đầu thế giới. Quặng vonfram từ mỏ Núi Pháo được trực tiếp khai thác và chế biến thành oxit vonfram có hàm lượng vonfram trên 50% bởi Công Ty Núi Pháo. Oxit vonfram tiếp tục được tinh luyện thành các sản phẩm vonfram giá trị cao như APT/YTO/BTO tại nhà máy tinh luyện của MTC, công ty

con do Tổ Chức Phát Hành sở hữu 99,99%. MTC trực tiếp phân phối thành phẩm hoặc phân phối thông qua Công Ty Núi Pháo. Hiện nay, Công Ty Núi Pháo và công ty con đang xuất khẩu vonfram sang các thị trường Đức, Nhật Bản, Singapore, Mỹ, Ấn Độ. Ngoài ra trong năm 2020, MTC đã hoàn tất giao dịch mua lại nền tảng kinh doanh Vonfram của H.C. Starck GmbH, giúp Nhóm công ty Masan High-Tech Materials mở rộng quy mô thị trường đầu ra từ 1,3 tỷ Đô la Mỹ lên 4,6 tỷ Đô la Mỹ với mức giá bán cao hơn so với các sản phẩm APT hiện tại.

Fluorit (CaF₂)

Florit được sản xuất thành 2 loại chính:

- Acidspar, chứa ít nhất 97% CaF₂. Sản phẩm chất lượng cao này được dùng để sản xuất axit flohydric (HF), được sử dụng trong sản xuất nhôm và chất bán dẫn. HF cũng được sử dụng trong sản xuất chất làm lạnh. Mỏ Núi Pháo đang sản xuất acidspar; và
- Metspar, chứa ít nhất 60% CaF₂ và được sử dụng chủ yếu trong sản xuất thép để nâng cao chất lượng thép.

Bismut (Bi)

Bismut là nguyên tố không phóng xạ tự nhiên nặng nhất. Đây là một kim loại cơ bản trên Trái Đất với trữ lượng trên thế giới tương tự như với trữ lượng của bạc, và hầu như không bao giờ xuất hiện ở dạng tinh khiết. Bismut gần như hoàn toàn được sản xuất như một sản phẩm phụ trong quy trình chế biến chì, kẽm, đồng và vonfram. Bismut được sử dụng nhiều trong các ngành công nghiệp nhuộm, dược phẩm và mỹ phẩm. Kim loại này được sử dụng như sản phẩm thay thế cho chì trong các ứng dụng hàn, chống thấm và bom. Gần đây, bismut đang dần thay thế chì trong nhiều ứng dụng sản phẩm.

Trung Quốc chiếm 50% sản lượng bismut trên toàn cầu. Trong trường hợp không có thêm nhà cung cấp bismut nào đi vào hoạt động trên toàn cầu, thì sự thâm hụt cung cầu dự kiến sẽ ngày càng gia tăng, điều này sẽ là tác nhân tích cực cho biến động tăng giá. Hiện nay, Công Ty Núi Pháo xuất khẩu Bismut sang thị trường Hong Kong (Trung Quốc).

Đồng (Cu)

Đồng là kim loại quan trọng với rất nhiều ứng dụng, được sử dụng rộng rãi trong ngành công nghiệp và trong sản xuất hàng hoá tiêu dùng. Trung Quốc là nước tiêu thụ đồng lớn nhất. Đồng cũng rất quan trọng trong các ứng dụng không dùng điện như hàn, tấm lợp, và khi kết hợp với kẽm, dùng để sản xuất đồng thau cho các ứng dụng công nghiệp và tiêu dùng. Hoạt động xây dựng, sản xuất thiết bị điện và điện tử, và các thiết bị giao thông vận tải chiếm hơn 80% nhu cầu thị trường.

Nhu cầu đối với đồng được ước tính sẽ tiếp tục tăng. Trung Quốc là nước đã có ảnh hưởng lớn nhất đến việc tăng nhu cầu này. Các lĩnh vực chính liên quan đến việc tăng nhu cầu này là hạ tầng, các phương tiện dùng điện và ngành năng lượng tái tạo. Hiện nay, Công Ty Núi Pháo bán sản phẩm đồng cho thị trường trong nước và là một đối tác chiến lược của Tổng công ty Khoáng sản – TKV (VIMICO).

(b) Giá Trị Sản Xuất

Bảng dưới đây thể hiện khối lượng quặng được khai thác và chế biến, sản lượng của mỗi loại sản phẩm cho các giai đoạn được thể hiện:

	Mười hai tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2020	Mười hai tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2021	Mười hai tháng kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2022
Quặng được chế biến (theo nghìn tấn)	3.869	3.737	3.794
Sản lượng vonfram (quy về tấn kim loại)	10.171	19.997	19.517
Sản lượng fluorit (quy về tấn khô)	219.920	215.027	217.975
Sản lượng đồng (quy về tấn kim loại)	9.061	9.208	6.953
Sản lượng bismut (quy về tấn kim loại)	993	2.067	1.938

(Nguồn: Công Ty trên cơ sở hợp nhất)

(c) Sản Lượng Sản Phẩm, Giá Trị Dịch Vụ Qua Các Năm

Bảng dưới đây thể hiện chi tiết doanh thu của Tổ Chức Phát Hành đối với mỗi loại sản phẩm trong các giai đoạn được thể hiện:

Sản phẩm	Năm 2021		% tăng/ (giảm)	Năm 2022		% tăng/ (giảm)	Quý I năm 2023	
	Doanh thu thuần (triệu VND)	% DTT		Doanh thu thuần (triệu VND)	% DTT		Doanh thu thuần (triệu VND)	% DTT
Vonfram	11.912.310	88%	139%	13.465.667	87%	13%	3.013.992	80%
Fluorit	1.347.940	10%	-10%	1.758.591	11%	30%	552.494	15%
Đồng	56.404	0,4%	-92%	48.416	0,3%	-14%	146.384	4%
Bismut ²	247.635	1,6%	392%	276.873	1,7%	12%	73.631	2%
Tổng cộng	13.564.289	100%	86%	15.549.548	100%	15%	3.786.501	100%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 của Công Ty)

Năm 2021, tổng doanh thu của Công Ty đạt 13.564 tỷ Đồng, tăng trưởng 86% so với doanh thu cùng kỳ và tăng trưởng hơn 97% tổng sản lượng sản xuất vonfram so với năm 2020. Thành quả này nhờ vào kết quả hợp nhất nền tảng kinh doanh H.C.Starck và nhu cầu từ các khách hàng trên toàn cầu phục hồi sau khi các quốc gia đã kiểm soát được dịch bệnh và mở cửa nền kinh tế trở

² Bao gồm bismut và các sản phẩm phụ của bismut.

lại. Đặc biệt, giá vonfram tăng mạnh trong quý 4 năm 2021 lên mức giá trên 320 USD/MTU, và trung bình giá vonfram cả năm 2021 tăng hơn 29% từ 222 USD/mtu lên 286 USD/MTU. Nhu cầu sản xuất mạnh mẽ toàn cầu trong các lĩnh vực kỹ thuật tổng hợp, hạ tầng, khai khoáng, sản xuất ô tô và sản xuất chip, cùng với việc các đối tác đang tìm cách ổn định hàng tồn kho trong bối cảnh khối lượng đặt hàng tăng và chuỗi cung ứng không ổn định là các yếu tố làm cho giá thị trường các sản phẩm của Công Ty tăng cao so với năm 2020, và dự kiến nửa đầu năm 2022 sẽ tiếp tục tăng mạnh do nguồn cung thiếu hụt. Giá Đồng cũng tăng hơn 51% vào năm 2021 và các sản phẩm như bismuth, florit, coban cũng có mức giá tăng lần lượt là 38%, 4% và 60% so với năm 2020.

Năm 2022, Công Ty ghi nhận mức doanh thu thuần là 15.550 tỷ Đồng, tăng 15% so với mức 13.564 tỷ Đồng trong năm 2021. Trong đó, doanh thu từ vonfram cao hơn 13% nhờ sản lượng và giá thị trường tăng, nhờ Trung Quốc thực hiện gỡ bỏ chính sách “Không Covid” cùng các biện pháp kích thích tăng trưởng kinh tế trong cuối năm 2022, khiến nhu cầu nội địa Trung Quốc tăng trưởng. Tuy nhiên, do căng thẳng địa chính trị ở Châu Âu nên nhu cầu toàn cầu đối với vonfram vẫn thấp hơn so với những năm trước đây. Doanh thu fluorit năm 2022 tăng 30%, đạt 1.758 tỷ Đồng nhờ sản lượng bán hàng tăng và giá thực tế cao hơn, giá fluorit vẫn ổn định trong khoảng 450-500USD/tấn khô trong Quý 4 năm 2022, mặc dù nền kinh tế Trung Quốc có dấu hiệu chững lại nhưng nhờ các chính sách trên thế giới ưu tiên mạnh mẽ cho việc cung cấp nguyên liệu thô, nên thị phần nguồn cung của Công Ty vào Nhật Bản đã tăng trong năm 2022 và các khách hàng của Công Ty đang tăng cường các hoạt động mở rộng công suất và phát triển kinh doanh. Doanh thu Bismut đạt 276 tỷ Đồng tăng nhẹ do giá và sản lượng bán hàng cao hơn. Doanh thu Đồng đạt 48 tỷ Đồng nhờ bán đồng cho một nhà máy luyện đồng trong nước trong Quý 4 năm 2022. Trong Quý 1 năm 2023, tổng doanh thu thuần đạt 3.786 tỷ đồng, trong đó cơ cấu doanh thu được duy trì với tỷ trọng của Vonfram và Florit lần lượt là 80% và 15% của tổng doanh thu.

(d) Chi Tiết Chi Phí Theo Sản Phẩm

Công Ty không phân bổ một cách chính xác chi phí khấu hao cũng như các chi phí khác như nhân công, chi phí nguyên vật liệu...cho từng sản phẩm nên không có chi tiết số liệu lợi nhuận trên từng sản phẩm.

(e) Tính Thời Vụ Của Hoạt Động Sản Xuất Kinh Doanh

Do hoạt động kinh doanh chính của Tổ Chức Phát Hành thuộc lĩnh vực khai thác và chế biến khoáng sản nên có thể thực hiện hoạt động trong năm và không bị ảnh hưởng bởi tính thời vụ của thị trường.

(f) Nguyên Vật Liệu

Nguồn nguyên liệu thô

Nguyên liệu thô cần thiết cho hoạt động sản xuất của Dự Án Núi Pháo bao gồm nguyên liệu thô cơ bản và hóa chất chuyên dùng trong hoạt động chế biến. Công Ty Núi Pháo đang mở rộng nguồn cung cấp, không chỉ mua nguyên liệu thô cơ bản mà còn mua một phần các hóa chất từ các nhà cung cấp trong nước, đảm bảo giá mua hợp lý và chất lượng phù hợp. Các hóa chất chuyên dùng còn lại được nhập khẩu từ các nhà cung cấp nước ngoài có quan hệ lâu dài, giá cả cạnh tranh và chất lượng được đảm bảo.

Bảng dưới đây thể hiện danh sách các nguyên liệu thô, các hóa chất và các nhà cung cấp chính của Công Ty Núi Pháo tính đến thời điểm 31 tháng 12 năm 2022:

Nguyên liệu thô	Nhà cung cấp trong nước	Nhà cung cấp nước ngoài
Sodium Carbonate	X	
Đá vôi	X	
Sodium Hydroxide	X	
Bì nghiền quặng	X	X
PAX		X
Sodium Sulphite		X
Copper Sulphate	X	X
Chất tập hợp	X	X
Sodium Cyanide	X	
Chất tạo váng/bọt		X
Sodium Chloride	X	
Chất tăng xúc tác		X
Hydrogen Peroxide	X	
Bột sắt		X
Axit Sunphuric	X	
Thanh nghiền		X
Acid phosphoric	X	
Hydrogen peroxide 50%	X	
Chất đông tụ polyeste nhôm clorua	X	

(Nguồn: Công Ty)

Tính ổn định của các nguồn cung cấp

Nguyên liệu thô và một phần các hóa chất mà Công Ty Núi Pháo mua từ các nhà cung cấp trong nước (như sodium carbonate, đá vôi) nhìn chung là những nguyên liệu có sẵn mà các nhà cung cấp và thương nhân khác có thể thay thế nguồn cung cấp. Công Ty tin rằng điều này làm giảm các rủi ro trong chuỗi cung ứng trong trường hợp có bất kỳ gián đoạn nào trong việc cung cấp hoặc bất kỳ biến động nào về chất lượng các nguyên liệu. Nguyên liệu mà Công Ty lấy từ các nhà cung cấp nước ngoài (như sodium hydroxide, PAX...) nhìn chung là những hóa chất chuyên dùng được sản xuất bởi các nhà sản xuất công nghiệp danh tiếng trên thị trường quốc tế.

Công Ty đã ký kết các hợp đồng dài hạn, thông thường với thời hạn từ hai đến ba năm, với các nhà cung cấp trong nước và quốc tế để đảm bảo nguồn cung nguyên liệu thô dự kiến phù hợp với tiến độ giao hàng như đã thỏa thuận. Để giảm thiểu rủi ro về nguồn cung nguyên liệu thô, Công Ty thường xuyên xem xét các nhà cung cấp thay thế tiềm năng khác mà có thể đáp ứng các yêu cầu về chất lượng và giao nhận cần thiết cho hoạt động kinh doanh của Công Ty.

Nguyên liệu dự trữ được duy trì để đảm bảo đủ cho nhu cầu phục vụ hoạt động sản xuất, có tính đến thời gian hoàn thành việc sản xuất, giao hàng, thanh toán, thông quan nội địa bao gồm cả các thủ tục hải quan và vận chuyển đến khu vực dự án. Đối với các nhà cung cấp địa phương, Công

Ty chú trọng duy trì mức dự trữ nguyên liệu hợp lý. Ngoài ra, Công Ty cũng duy trì danh sách các nhà cung cấp thay thế để giảm thiểu rủi ro về nguồn cung nguyên liệu.

Ảnh hưởng của giá nguyên liệu đối với doanh thu và lợi nhuận

Giá cả nguyên vật liệu không ảnh hưởng trọng yếu tới doanh thu và lợi nhuận của Công Ty Núi Pháo do chi phí nguyên vật liệu chỉ chiếm khoảng 10% tổng chi phí và Công Ty Núi Pháo đã duy trì ổn định được nguồn cung cấp nên chỉ bị ảnh hưởng rất nhỏ bởi biến động giá cả nguyên vật liệu.

Để giảm thiểu tác động của biến động giá nguyên liệu đối với kết quả hoạt động kinh doanh, Công Ty ký kết các hợp đồng dài hạn, thông thường với thời hạn từ hai đến ba năm, với mức giá cố định. Trước khi các hợp đồng này hết hạn, Công Ty tiến hành quy trình đấu thầu để có được giá tốt nhất trên thị trường trong khi vẫn bảo đảm được các yêu cầu về chất lượng do Công Ty đưa ra, và hoàn thiện các hợp đồng mới trên cơ sở đó. Đối với bất kỳ nguyên liệu nào không có hợp đồng dài hạn, đấu thầu cạnh tranh sẽ được thực hiện và dựa trên chi phí, chất lượng và thời gian giao hàng, các đơn hàng giao ngay sẽ được áp dụng với giá thị trường để mang lại hiệu quả kinh tế cao nhất cho Công Ty.

(g) Chi Phí Sản Xuất, Tỷ Lệ Chi Phí/Doanh Thu Thuần

Bảng dưới đây thể hiện cơ cấu chi phí cho hoạt động kinh doanh của Công Ty trên cơ sở hợp nhất:

Đơn vị: tỷ VND

Chỉ tiêu	Năm 2021		% tăng/ (giảm)	Năm 2022		% tăng/ (giảm)	Quý I năm 2023	
	Giá trị	% DTT		Giá trị	% DTT		Giá trị	% DTT
Chi phí giá vốn hàng bán	11.172	82%	61%	13.041	84%	17%	3.213	85%
Chi phí tài chính	1.443	11%	-13%	1.991	13%	38%	501	13%
Chi phí bán hàng	445	3%	97%	452	3%	2%	99	3%
Chi phí quản lý doanh nghiệp	629	5%	127%	579	4%	-8%	77	2%
Tổng cộng	13.689	101%	51%	16.063	103%	17%	3.890	103%

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 của Công Ty)

Chi phí giá vốn hàng bán là chi phí chiếm tỷ lệ trọng yếu trong cơ cấu tổng chi phí trên doanh thu thuần của Công Ty, chủ yếu bao gồm các chi phí nguyên liệu thô, công cụ dụng cụ, nhà thầu và khấu hao, ngoài ra còn bao gồm các chi phí nhân công, dịch vụ và các chi phí khác. Trong năm 2020 chi phí này chiếm đến 95% chủ yếu do giá bán thực tế trong năm 2020 thấp đối với sản phẩm vonfram và đồng liên quan tới đại dịch Covid-19, và sau đó đã giảm xuống trong năm 2021 và 2022 về mức tỷ trọng lần lượt là 82% và 84% nhờ vào tình hình dịch bệnh được kiểm soát cùng với nhu cầu sản xuất dần hồi phục và đặc biệt Trung Quốc hủy bỏ chính sách Không Covid trong quý 4 năm 2022 đã khiến thị trường phục hồi.

Trong năm 2021, tổng chi phí chỉ tăng trưởng 51%, thấp hơn so với tốc độ tăng trưởng của tổng doanh thu ở mức 86%, điều này đã mang lại kết quả lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh lãi gần 220 tỷ so với mức lỗ trong năm 2020. Chi phí giá vốn hàng bán chiếm 82% tổng doanh thu, thấp hơn so với mức 95% trong năm 2020, một phần vì công ty đã sản xuất và tích trữ hàng tồn kho với chi phí thấp và đồng thời giá bán các sản phẩm tăng trưởng mạnh trong năm 2021. Chi phí tài chính giảm 13% so với năm 2020, cải thiện đáng kể chỉ còn ở mức 11% trên tổng doanh thu, đồng thời, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp giữ ổn định ở mức 3% và 5% so với tổng doanh thu.

Đến năm 2022, mặc dù chi phí sản xuất và nguyên liệu đầu vào vẫn đang tăng do các yếu tố lạm phát đang diễn ra trên toàn thế giới, tổng chi phí chỉ tăng 13% so với năm 2021 và thấp hơn so với mức tăng trưởng doanh thu 15% trong năm 2022, nhờ vào ban điều hành Công Ty đã luôn nỗ lực kiểm soát chi phí, áp dụng các sáng kiến khác nhau về tiết kiệm chi phí và cải thiện hiệu suất nhà máy nhằm giảm thiểu tác động của chi phí đầu vào ngày càng tăng, đáng biệt là chi phí năng lượng, gas và hóa chất, cụ thể là chi phí quản lý doanh nghiệp giảm 8% so với năm 2022, và các chi phí khác được giữ ở mức hợp lý. Trong Quý 1 năm 2023, tổng các chi phí cho hoạt động kinh doanh là 3.890 tỷ, tương đương 103% doanh thu thuần. Tỷ trọng các chi phí được duy trì tương tự trong năm 2022, theo đó chi phí giá vốn hàng bán và chi phí tài chính chiếm tỷ trọng lớn nhất lần lượt là 85% và 13% trên tổng doanh thu thuần.

(h) Trình Độ Công Nghệ

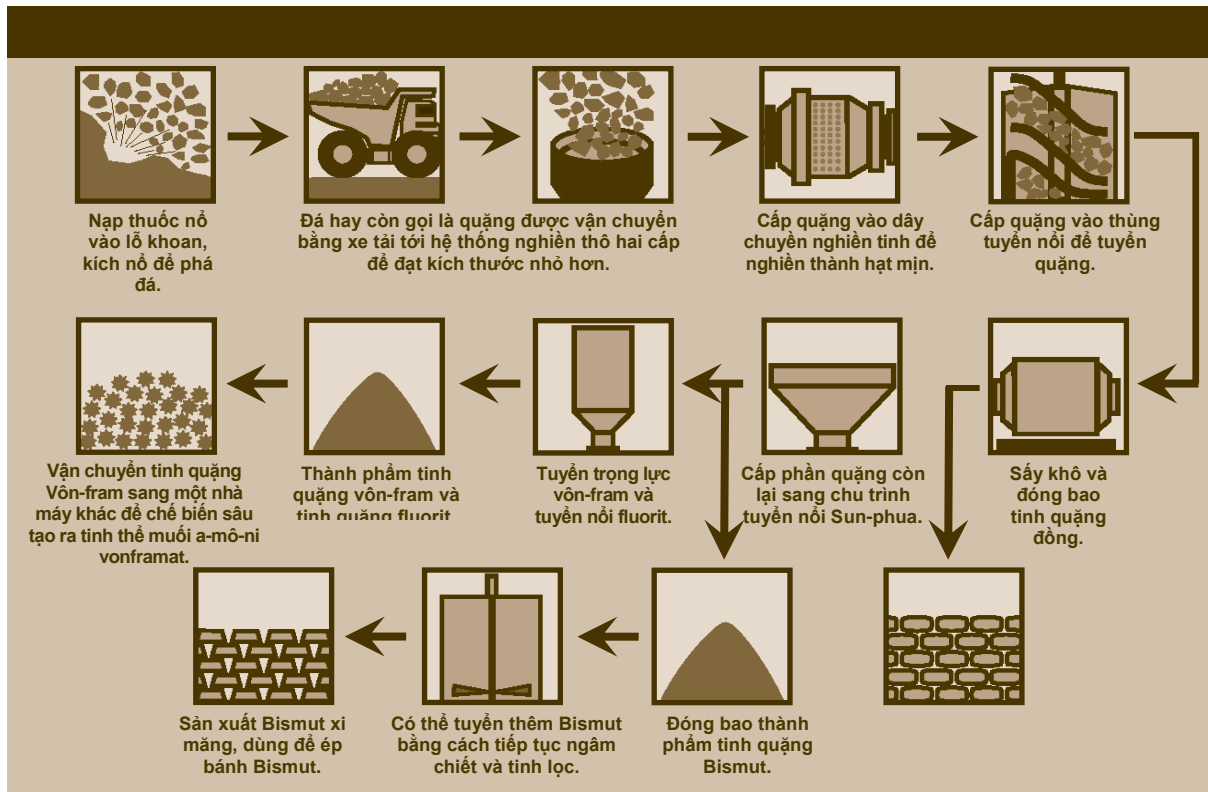
Nhà máy chế biến khoáng sản

Nhà máy chế biến khoáng sản của Công Ty Núi Pháo được thiết kế để chế biến 3,5 triệu tấn quặng nguyên khai một năm, được lắp đặt công nghệ tiên tiến nhất hiện có trong ngành công nghiệp chế biến khoáng sản từ các khâu nghiền thô, nghiền tinh, tuyển nổi sunfua (để sản xuất đồng) và tuyển nổi ôxít (để sản xuất fluorspar cấp axit), tuyển trọng lực (để sản xuất tinh quặng vonfram), lọc và đông cứng clorua (để sản xuất bismut). Các quy trình sản xuất này được tích hợp và vận hành trong một chuỗi nối tiếp kéo dài 24 giờ mỗi ngày và 365 ngày mỗi năm. Chi tiết các giai đoạn vận hành như sau:

1. Chu trình nghiền thô hai giai đoạn: Chu trình nghiền thô biến quặng mỏ thành quặng nhỏ thông qua một quá trình nghiền hai giai đoạn;
2. Kho dự trữ và thu hồi quặng nhỏ: Quặng mịn từ chu trình nghiền thô được đưa vào một kho dự trữ hình nón mở. Quặng nhỏ được thu hồi từ kho dự trữ thông qua ba băng chuyền, đưa vào băng tải nghiền và chuyển quặng đến chu trình nghiền tinh;
3. Chu trình nghiền tinh bằng thanh nghiền hai giai đoạn: Chu trình nghiền tinh được thiết kế để xử lý 444 tấn/giờ từ quặng khô thành sản phẩm được nghiền mịn;
4. Chu trình tuyển nổi, khử nước cho tinh quặng và đóng gói đồng: Chu trình tuyển nổi đồng được thiết kế để tách đồng sunfua từ sản phẩm được nghiền mịn. Tinh quặng đồng cuối cùng sau khi tuyển nổi được bơm vào một bể lắng có tốc độ đông tụ nhanh tại khu vực đầu ra của tinh quặng. Sau đó, tinh quặng cô đặc được tách nước bằng cách sử dụng một bộ đai lọc chân không. Sản phẩm sau khi lọc được đóng gói vào bao lớn tại trạm băng chuyền và đóng gói;

5. Chu trình tuyển nổi sunfua số lượng lớn: Quy trình tuyển nổi sunfua số lượng lớn (BSF) được thiết kế để tách khoáng chất sunfua, có chứa bismut và sắt, từ oxit vonfram và khoáng chất florit;
6. Chu trình tuyển trọng lực, làm giàu tinh quặng, sấy và đóng gói vonfram: quy trình tuyển trọng lực được thiết kế để thu hồi các khoáng chất vonfram, chủ yếu là khoáng Scheelite, từ dòng sản phẩm đầu ra của quy trình tuyển nổi sunfua. Sau quy trình làm giàu tinh quặng, tinh quặng vonfram đã tách nước được đưa vào máy sấy chạy bằng dầu diesel để loại bỏ hơi ẩm còn lại. Sau khi làm mát, thành phẩm tinh quặng vonfram được đóng gói vào bao lớn tại trạm đóng gói. Thành phẩm này là sản phẩm công nghiệp với tên giao dịch là ôxít vonfram thương phẩm;
7. Hóa chất vonfram: Tinh quặng vonfram từ chu trình tuyển trọng lực vonfram được tiếp tục chế biến sâu thành hóa chất vonfram có giá trị gia tăng tại nhà máy của công ty liên doanh nằm ngay cạnh mỏ. Tinh quặng vonfram được sản xuất thành sản phẩm APT (muối Ammonium paratungstate) với hàm lượng cao qua quá trình chiết tách bằng hóa chất, tiếp đó là quá trình tinh chế vật lý và hóa học, và cuối cùng là bước kết tinh. APT sau đó được đóng bao để xuất bán hoặc tiếp tục được xử lý tại lò nung để sản xuất ra BTO và YTO;
8. Chu trình tuyển nổi, lọc, luyện, và đóng gói bismut ximăng: quy trình tuyển nổi bismut được thiết kế để tách các khoáng chất giàu bismut từ tinh quặng BSF và đuôi quặng đồng được làm sạch. Tinh quặng bismut cuối cùng sau khi tuyển nổi được bơm vào một bể lắng có tốc độ đông tụ nhanh tại khu vực xử lý tinh quặng. Tinh quặng cô đặc được tách nước bằng cách sử dụng một bộ đai lọc chân không. Bánh lọc sau đó được chuyển bằng băng chuyền xoắn ốc đa chiều đến giai đoạn lọc. Tinh quặng bismut tuyển nổi được lọc và làm sạch bằng phương pháp sử dụng muối (NaCl) và axit sulphuric (H_2SO_4) trong quy trình lọc hai giai đoạn. Chất thải từ quy trình luyện bismut ximăng có chứa H_2SO_4 và NaCl còn lại được tái sử dụng để lọc bismut. Quy trình luyện bismut ximăng được tiến hành trên cơ sở hàng loạt trong một lò phản ứng dao động đơn. Sản phẩm bismut ximăng được lọc và rửa trong một bộ lọc áp lực nhỏ trước khi cân và đóng gói để giao hàng;
9. Quy trình xử lý chất thải từ chu trình lọc bismut: xử lý chất thải từ chu trình lọc bismut được yêu cầu để trung hòa axit và kết tủa kim loại nặng chứa trong chất thải trước khi thải ra ngoài;
10. Chu trình tuyển nổi fluorit, khử nước cho tinh quặng và lưu trữ: chu trình tuyển nổi fluorit được thiết kế để thu hồi calcium fluorite (CaF_2) phẩm cấp cao cuối quy trình tuyển trọng lực vonfram. Sau khi chế biến, calcium fluorite cuối cùng được bơm vào một bể lắng tại khu vực đầu ra của dây chuyền chế biến. Thành phần fluorit cuối cùng được tách nước bằng quy trình lọc và lắng cặn tiêu chuẩn, sau đó được thu hồi từ kho dự trữ bằng máy xúc gàu ngược và được vận chuyển đến cảng bằng đường bộ và xả lan; và
11. Quy trình trộn thuốc thử và lưu trữ: Các thuốc thử quan trọng được nhận và lưu trữ trong khu vực dự án. Các thiết bị trộn, lưu trữ và định lượng chuyên dụng được cung cấp cho mỗi thuốc thử.

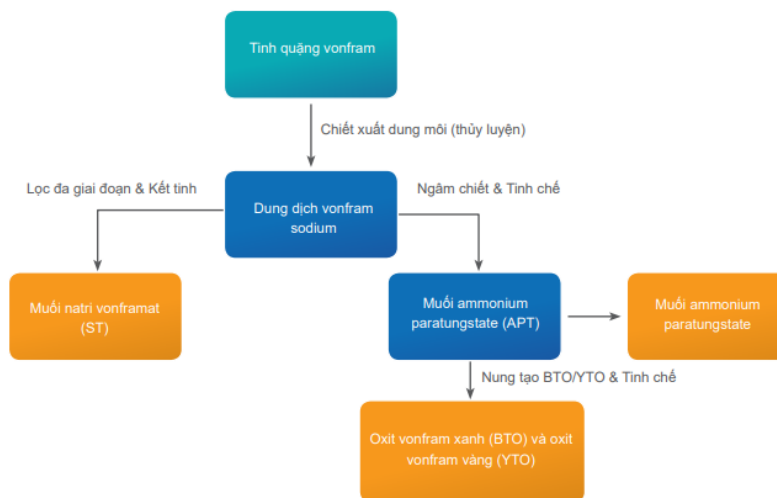
Quá trình sản xuất các sản phẩm của Công Ty được trình bày trong các biểu đồ dưới đây:



Nhà máy chế biến sâu tinh luyện Vonfram tại các công ty con

Nhà máy sản xuất các sản phẩm APT và các sản phẩm oxit vonfram BTO và YTO đã được xây dựng theo công nghệ của CHLB Đức do H.C.Starck GmbH chuyển giao. Thiết bị mới được nhập khẩu đồng bộ từ khâu thiết kế đến thi công và lắp đặt. Các hệ thống công nghệ được đầu tư mới từ khâu đầu vào vonfram cho đến khâu đóng gói sản phẩm. Công nghệ sản xuất của Nhà máy được thể hiện tại sơ đồ dưới đây.

Sơ đồ công nghệ sản xuất các sản phẩm APT/BTO/YTO



Quy trình sản xuất các sản phẩm APT/BTO/YTO được mô tả chi tiết dưới đây:

Giai đoạn 1: Sản xuất Dung dịch Natri Vonfram

1. *Nghiên cứu nguyên liệu ôxít vonfram:* Mục tiêu của công đoạn này là nghiền và trộn đồng nhất nguyên liệu đầu vào là ôxít vonfram thành kích thước hạt theo yêu cầu và để các hạt rắn này tiếp xúc với xút và nhiều hóa chất khử tạp chất khác nhau. Công tác nghiền được thực hiện theo từng mẻ trong chuỗi 6 khoang nghiền song song.
2. *Phân hóa bằng dung dịch kiềm:* Giai đoạn này nhằm chiết xuất vonfram từ pha rắn trong hỗn hợp đậm đặc và chuyển thành Natri Vonfram được hòa tan. Hỗn hợp đậm đặc này được bơm vào các bể khuấy phản ứng. Phản ứng này trước đây được thực hiện ở nhiệt độ và áp suất cao. Để cải thiện sự an toàn và giảm thiểu chi phí bảo trì, quy trình chiết xuất này hiện nay đang được tiến hành trong điều kiện khí quyển ở nhiệt độ nhất định. Sự thay đổi này trong những điều kiện chiết xuất không gây hại cho việc thu hồi WO_3 . Sau phản ứng, hỗn hợp đậm đặc này chuyển tới một bể pha loãng để trộn với dung dịch tuần hoàn từ bước lọc thứ nhất để làm mát trước khi bơm sang những máy lọc sơ cấp. Có 3 bể chứa được trang bị bộ khuấy trộn và vách ngăn để thực hiện chức năng của một bể chứa cấp liệu cho máy lọc, lưu trữ dung dịch từ các bể pha loãng. Điều này sẽ làm giảm sự trì hoãn giữa các lò phản ứng và các máy lọc sơ cấp và tăng công suất nhà máy.
3. *Quy trình lọc và phân tách dung dịch:* Mục tiêu của công đoạn này chủ yếu là để loại bỏ các bã lọc khỏi các dung dịch giàu vonfram bằng một máy lọc ép đứng. Quy trình lọc được thực hiện theo ba bước. Quy trình được thiết kế nhằm giảm thiểu xút vì phần lớn lượng xút (dung dịch kiềm) còn sót lại có thể được tái chế trở lại các bể trộn trước khi xút bổ sung được thêm vào để tăng cường hàm lượng.

Sản phẩm thu được từ Giai đoạn này là Dung dịch Natri Vonfram đậm đặc. Sau khi lọc dung dịch kiềm Natri Vonfram đậm đặc được đưa vào bể trộn để tiếp tục chế biến Muối Ammonium Paratungstate.

Giai đoạn 2: Chế biến Ammonium Paratungstate (“APT”)

1. *Làm sạch giai đoạn 1:* Giai đoạn này nhằm mục đích làm giảm nồng độ tạp chất không mong muốn trong dung dịch kiềm Natri Vonfram đậm đặc. Đây là một quá trình liên tục và quan trọng đối với chất lượng của sản phẩm cuối cùng. Trước khi làm sạch, dung dịch kiềm Natri Vonfram được trộn với dung dịch tuần hoàn từ quá trình xử lý bã lọc trong năm bể trộn để trộn đều dung dịch và đảm bảo rằng dung dịch cần có nồng độ ổn định khi tiến hành giai đoạn tinh lọc. Quá trình làm sạch xảy ra trong bốn bể khuấy dựa trên phản ứng kết tủa. Chất kết tủa hình thành trong suốt quá trình tinh lọc được lọc qua máy lọc ép dạng tấm đứng.
2. *Làm sạch giai đoạn 2:* Mục đích của giai đoạn này là làm giảm nồng độ các tạp chất còn lại trong dung dịch Natri Vonfram kiềm trước khi chuyển sang giai đoạn chiết xuất. Quá trình làm sạch được thực hiện thông qua kết tủa hóa học trong một loạt 5 bể phản ứng khép kín có khuấy trộn. Bùn tạo ra trong suốt quá trình kết tủa được lọc bằng máy lọc ép dạng tấm đứng và được tái chế. Dung dịch sau lọc được chuyển đến công đoạn chiết xuất bằng dung môi để chế biến tiếp.

3. *Chiết xuất bằng dung môi:* Chiết xuất bằng dung môi là một công nghệ hiện đại, hiệu quả, thân thiện với môi trường và mang lại chất lượng sản phẩm cao hơn so với các công nghệ khác. Mục đích của giai đoạn này là chiết xuất vonfram từ Natri Vonframat để tạo ra dung dịch amoni vonframat.
4. *Lắng cặn:* Mục tiêu của công đoạn này nhằm phân tách các chất kết tủa và phân dung môi hữu cơ còn lại bằng cách sử dụng một hệ thống các bể tách và lọc tinh. Phần chất hữu cơ này được thu gom và đưa vào bể xử lý bùn trước khi tái sử dụng.
5. *Kết tinh và sấy khô:* Mục tiêu của công đoạn này là làm bay hơi lượng nước dư và amoniac trong dung dịch ammonium tungstate để quá trình kết tinh APT được diễn ra dễ dàng. Công đoạn kết tinh đầu tiên được thiết kế để tạo ra APT tinh khiết nhất có thể, công đoạn kết tinh thứ hai là để đảm bảo đạt chất lượng APT theo yêu cầu.

Sản phẩm APT khô từ máy sấy được thu gom vào phễu trước khi được lưu trữ trong các thùng chứa nhỏ. Các thùng chứa này sẽ được chuyển đến khu vực đóng gói APT hoặc lò nung để sản xuất BTO hoặc YTO.

Sản phẩm hoàn thành của Giai đoạn này là Muối Ammonium Paratungstate (APT) chứa vonfram hàm lượng $WO_3 \geq 88,5\%$. Đây là chất trung gian để điều chế các sản phẩm cao cấp hơn là BTO, YTO, Axít vonframic và Metatungstate amoni.

Giai đoạn 3: Pha trộn và đóng gói APT ($WO_3 \geq 88,5\%$)

APT có kích thước đạt yêu cầu được chứa trong các thùng chứa nhỏ được chở thủ công từ khu Kết tinh sang khu đóng gói. Tùy theo yêu cầu khách hàng, việc phân loại kích cỡ được thực hiện nhờ một loạt các máng cấp và sàng để chia thành hai cỡ khác nhau. Tại khu đóng gói, các mẻ APT được pha trộn đồng nhất và đóng gói riêng biệt trong các bao tiêu chuẩn. Các túi hoặc thùng sản phẩm được cân và dán nhãn để vận chuyển. Đóng gói APT được thực hiện riêng so với đóng gói BTO/YTO để tránh các sản phẩm này bị lẫn vào nhau.

Giai đoạn 4: Tinh chế BTO/YTO (hàm lượng $WO_3 \geq 99,62\%$)

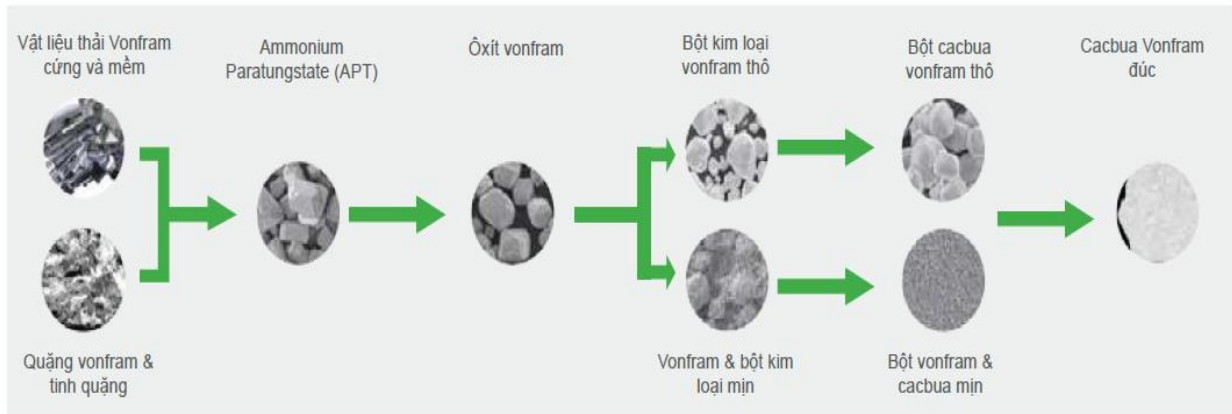
1. *Nung:* Mục đích của công đoạn này là chuyển hóa APT thành BTO hoặc YTO bằng cách nung APT trong ba lò nung để loại bỏ amoniac. APT được chuyển trong các thùng chứa nhỏ đến các phễu cấp liệu cho lò nung. Từ đó, APT được cấp vào các lò nung thông qua các bộ phận cấp liệu trực vít. Để sản xuất BTO, khí nitơ (được bơm từ bộ phận chứa nitơ) được thổi liên tục vào lò để tránh quá trình oxy hóa BTO thành YTO. Đối với sản xuất YTO, không khí được hút liên tục vào lò để làm oxy hóa APT thành YTO. Việc sản xuất BTO và YTO có thể hoán đổi từ lò này sang lò khác.
2. *Pha trộn và đóng gói BTO, và YTO:* Mục tiêu của công đoạn này nhằm pha trộn và đóng gói riêng biệt các sản phẩm (BTO, và YTO) trước khi chuyển đi cho khách hàng. Công đoạn đóng gói này được thực hiện riêng biệt để tránh các sản phẩm này bị lẫn vào nhau. Các sản phẩm không đạt tiêu chuẩn được gom lại và tái chế. Sản phẩm đã phân loại theo yêu cầu được chuyển theo từng mẻ tới máy trộn BTO/YTO. Tại đây, các mẻ BTO/YTO được đồng nhất trước khi đổ vào túi hoặc thùng chứa bằng trọng lực. Các túi hoặc thùng được cân và dán nhãn để vận chuyển.

Tóm tắt công nghệ sản xuất Vonfram tinh luyện sâu ở các nhà máy của Nhóm công ty H.C. Starck

H.C. Starck Tungsten sản xuất các sản phẩm Vonfram chủ yếu từ nguyên liệu chính là APT (Ammonia Paratungstate).

Dựa trên APT, các tuyến sản xuất khác nhau có thể được sử dụng để tạo ra các sản phẩm đa dạng như hóa chất vonfram (bao gồm Axit Vonfram, AMT (Ammonium Metatungstate)); bột Vonfram kim loại với nhiều loại kích thước hạt được xác định rõ và Cacbua Vonfram.

Quặng và tinh quặng Vonfram từ MHT



Các hóa chất Vonfram được sử dụng trong thị trường hóa chất cuối chuỗi sản xuất, ví dụ: làm chất xúc tác trong tinh chế dầu thô hoặc trong công nghiệp bột màu. Bột kim loại Vonfram được sử dụng trong hàng không, công nghiệp điện tử, điện và y tế và các ứng dụng cho thăm dò khí đốt và dầu mỏ.

Cacbua Vonfram là hợp chất Vonfram quan trọng nhất về khối lượng. Tùy thuộc vào đặc điểm kỹ thuật của khách hàng, H.C. Starck Tungsten cung cấp một loạt sản phẩm bao gồm bột nano siêu mịn đến bột thô. Cacbua Vonfram có độ cứng cao là vật liệu được lựa chọn để sản xuất các công cụ chính xác.

Bên cạnh đó, H.C. Starck Tungsten cũng sở hữu công nghệ tiên tiến để tái chế chất thải công nghiệp, xỉ chế biến và phế liệu, thu hồi các thành phần kim loại hữu ích (vonfram, niken, coban...) và chuyển hóa chúng thành kim loại công nghệ chất lượng cao và hiệu suất cao.

(i) Tình Hình Nghiên Cứu Và Phát Triển Sản Phẩm Mới

Công Ty có kế hoạch tái đầu tư một phần doanh thu hàng năm cho hoạt động nghiên cứu phát triển, với chiến lược trở thành nhà sản xuất hóa chất công nghiệp vonfram tích hợp lớn trên thế giới, chế biến các sản phẩm cacbua vonfram, bột kim loại vonfram, xi măng cacbua, sản phẩm máy phay và hóa chất công nghiệp.

Bên cạnh hoạt động nghiên cứu và phát triển sản phẩm mới, Tổ Chức Phát Hành cũng quan tâm nghiên cứu cải tiến quy trình sản xuất bằng cách khảo sát công nghệ tốt nhất trong hệ thống công ty con, với định hướng tiết kiệm chi phí sản xuất thông qua tiết kiệm năng lượng và tiết kiệm hoá chất – điển hình như quy trình thu hồi bùn APT từ công đoạn chiết xuất, khảo sát đa dạng hoá nguồn tinh quặng đầu vào được lên kế hoạch từ năm 2021-2022, nâng cao khả năng xử lý và công suất của quy trình sản xuất.

(j) Tình Hình Kiểm Soát Chất Lượng Sản Phẩm***Hệ Thống Quản Lý Chất Lượng Hiện Tại***

Nhà máy chế biến phục vụ hoạt động của Công Ty bao gồm các tổ vận hành đang được sử dụng rộng rãi trong ngành công nghiệp chế biến khoáng sản để thu hồi các sản phẩm đồng, bismut, vonfram và fluorit phẩm cấp cao. Việc sản xuất ra sản phẩm chất lượng cao và đồng nhất là một trong những ưu tiên hàng đầu của Công Ty. Để đảm bảo đạt được mục tiêu này, một số chương trình và chiến lược đang được thực hiện đối với toàn bộ nhà máy chế biến như:

- Để đảm bảo rằng nhà máy chế biến được tối ưu hóa, các quy trình hoạt động chi tiết từ vận hành thiết bị cho đến chuẩn bị mẫu thử đều được tuân thủ theo các chiến lược vận hành được thiết lập sẵn. Quy trình đảm bảo chất lượng này cũng được lồng ghép vào;
- Lấy mẫu thử thường xuyên trong suốt quy trình từ quặng đến thành phẩm;
- Sử dụng công nghệ phân tích quang phổ Mobile XRF để giám sát việc phân tích các quy trình chế biến quan trọng trong thời gian thực tế. Điều này cho phép phát hiện sớm bất kỳ bất thường nào trong quá trình chế biến;
- Thường xuyên tiến hành phân tích toàn diện quy trình chế biến đối với toàn bộ nhà máy chế biến trên cơ sở mỗi 4 giờ, trong đó việc phân tích được hoàn thành tại các phòng thí nghiệm độc lập được công nhận được vận hành bởi Công Ty SGS Việt Nam TNHH (“SGS”) mà các phòng thí nghiệm này được đặt trong khu vực dự án của Núi Pháo;
- Từ năm 2013 đến nay, hơn 63.416 mẫu nước đã được lấy để phân tích và giám sát chất lượng môi trường;
- Phòng kiểm soát quy trình – luôn có người điều khiển, tất cả các quy trình đều được giám sát và mọi hoạt động được ghi lại trong Hệ Thống Điều Khiển Phân Tán ABB;
- Toàn bộ nhà máy chế biến được kiểm soát và giám sát từ một phòng điều khiển trung tâm sử dụng một Hệ Thống Điều Khiển Phân Tán ABB 800XA tích hợp. Phòng điều khiển luôn có người điều khiển tại mọi thời điểm để đảm bảo rằng thiết bị đang hoạt động phù hợp với các chiến lược vận hành được thiết lập sẵn;
- Các thông số thời gian thực và thay đổi quy trình được thực hiện bằng cách sử dụng Hệ Thống Điều Khiển Phân Tán được lưu trữ và dễ dàng được cung cấp để phân tích bằng cách sử dụng phần mềm thu thập dữ liệu Quản Lý Tri Thức ABB;
- Nhân sự vận hành có kinh nghiệm chuyên môn được bố trí khắp nhà máy để tăng cường giám sát quy trình và liên lạc bằng vô tuyến với phòng điều khiển trung tâm. Các nhân sự này cũng hoàn thành việc kiểm tra định kỳ và lập sổ ghi chép đối với tất cả các thiết bị và các thông số quan trọng của quá trình;
- Quản lý/giám sát có mặt trong nhà máy 24/7; và

- Sử dụng các chuyên gia của bên thứ ba để kiểm tra thường xuyên quá trình và quy trình được sử dụng bởi Công Ty Núi Pháo.

Bộ Phận Kiểm Soát Chất Lượng

Việc phân tích các mẫu thử được thực hiện bằng cách sử dụng phòng thí nghiệm tại chỗ của SGS, là một công ty cung cấp dịch vụ phân tích và chứng nhận độc lập. SGS được công nhận đạt tiêu chuẩn ISO17025 về hệ thống quản lý chất lượng áp dụng chuyên biệt cho phòng thí nghiệm do tổ chức quốc tế về tiêu chuẩn hóa ISO ban hành và do đó có chương trình giám sát và kiểm soát chất lượng nghiêm ngặt riêng của họ tại chỗ. Hơn nữa SGS được công nhận đạt tiêu chuẩn phòng thí nghiệm VILAS bởi Văn Phòng Công Nhận Chất Lượng của Bộ Khoa Học và Công Nghệ Việt Nam và được chứng nhận kiểm soát chất lượng đối với tất cả các sản phẩm mà Công Ty sản xuất. Ngoài ra, SGS cung cấp trên cơ sở hàng quý các chứng nhận đối với sản phẩm được Công Ty sản xuất.

Nhà máy chế biến của Công Ty được vận hành bởi một đội ngũ quản lý quốc tế là các chuyên gia công nghiệp với nhiều năm kinh nghiệm chế biến khoáng sản. Yếu tố này kết hợp với thiết kế nhà máy tinh vi và trình độ giám sát trực tuyến và tự động hóa quy trình chế biến cao cũng như chương trình đào tạo quan trọng cho nhân viên vận hành đảm bảo nhà máy chế biến luôn được vận hành phù hợp với quy trình đã được thống nhất để luôn sản xuất các sản phẩm chất lượng cao và đồng nhất như khách hàng của Công Ty yêu cầu.

Nếu có bất kỳ xáo trộn quy trình nào xảy ra, nguyên nhân gốc rễ được xác định và giải quyết nhanh chóng trong khi bất kỳ thành phẩm nào mà có thể bị ảnh hưởng sẽ được cách ly để lấy mẫu thử bổ sung. Nếu có bất kỳ nghi ngờ nào về chất lượng của thành phẩm, thành phẩm đó sẽ được lưu trữ riêng biệt và xử lý phù hợp có tham vấn với bộ phận bán hàng.

Bộ phận bán hàng và tiếp thị làm việc chặt chẽ với đội ngũ quản lý chuỗi cung ứng để giao thành phẩm cho khách hàng của Công Ty theo các loại hợp đồng miễn trách nhiệm trên boong tàu nơi đi (FOB) và hợp đồng giá thành, bảo hiểm và cước phí vận chuyển (CIF), và các phương thức bán hàng nội địa mà thông thường được bán trên cơ sở giá xuất xưởng (EXW) tại địa điểm của Dự Án Núi Pháo. Như là một phần của chương trình bảo đảm chất lượng, các công ty giám định độc lập, ví dụ như A.H. Knight, được thuê thực hiện giám định lại các kết quả phân tích để giao nhận và vận chuyển hàng hóa. Tất cả dữ liệu về chất lượng sản phẩm và sản lượng đều được quản lý bằng phần mềm hoạch định nguồn lực doanh nghiệp của Công Ty để đảm bảo tính toàn vẹn và minh bạch của dữ liệu.

(k) Các Hoạt Động Tiếp Thị Và Bán Hàng

Hiện nay, các sản phẩm đồng của Công Ty được tiêu thụ trong thị trường Việt Nam. Vonfram, Fluorit và Bismut được xuất khẩu cho các khách hàng ở Châu Á, Bắc Mỹ, Châu Âu và Trung Đông. Bộ phận bán hàng và tiếp thị của Công Ty được đặt tại Hà Nội. Công Ty đã tạo dựng và duy trì mối quan hệ với mạng lưới các khách hàng quan trọng trong Việt Nam và trên toàn cầu. Nhu cầu đối với các sản phẩm của Dự Án Núi Pháo bắt nguồn từ chính chất lượng sản phẩm. Vonfram, fluorit, đồng và bismut là các nguyên liệu thiết yếu được sử dụng cho nhiều sản phẩm tiêu dùng hiện đại.

Sản phẩm của Công Ty được bán cho các khách hàng thuộc nhiều phân khúc công nghiệp khác nhau (như công nghiệp chế tạo máy, hóa chất, chế tạo hợp kim...) và thường là các khách hàng

truyền thống theo các hợp đồng cung cấp dài hạn đã ký. Trong mọi trường hợp, giá quốc tế được coi như là mức định giá cơ sở trong các công thức tính giá của hợp đồng bao gồm các khoản phí bảo đảm chất lượng sản phẩm cũng như các điều khoản thanh toán và giao hàng.

Chiến lược quản lý quan hệ khách hàng của Công Ty là tiếp cận đối tác dài hạn, theo đó Công Ty nỗ lực làm việc với nhân sự chủ chốt tại tất cả các cấp trong cơ cấu tổ chức của từng khách hàng, từ đó cho phép Công Ty đưa ra giải pháp tốt nhất cho tất cả các bên. Như một phần trong chiến lược của Công Ty, Công Ty khuyến khích việc trao đổi phi độc quyền với các khách hàng để chia sẻ thông tin về phát triển sản phẩm, công nghệ chế biến và các yêu cầu chi tiết của khách hàng.

Bộ phận bán hàng và tiếp thị của Công Ty làm việc chặt chẽ với bộ phận tài chính để thường xuyên xem xét hạn mức tín dụng cho tất cả các bên đối tác. Trong một số trường hợp, Công Ty yêu cầu phải thanh toán trước hoặc có thư tín dụng; tuy nhiên, các điều khoản thanh toán thường không quá 45 ngày kể từ ngày lập hóa đơn, để đảm bảo dòng tiền kịp thời.

Chiến lược quản lý quan hệ khách hàng của nhóm các công ty phát triển Dự Án Núi Pháo là mở rộng quan hệ với khách hàng trọng yếu để phát triển thêm nữa mạng lưới khách hàng tin cậy và đa dạng hoá khách hàng. Công Ty khuyến khích trao đổi kỹ thuật với khách hàng nhằm chia sẻ thông tin quan trọng, bao gồm các kỹ thuật phân tích và phát triển sản phẩm. Hơn nữa, các lãnh đạo cấp cao trong Công Ty đóng một vai trò tích cực trong việc phát triển mối quan hệ cấp cao với các khách hàng lớn, đặc biệt trong các ngành công nghiệp fluorit, bismut và vonfram.

8.2 Tài Sản Của Tổ Chức Phát Hành

Nguyên giá của Tài sản

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	Quý I năm 2023
Tài sản cố định hữu hình	24.497.975	24.564.313	24.618.414
Nhà cửa và vật kiến trúc	6.780.904	6.912.013	6.930.500
Máy móc và thiết bị	17.562.140	17.497.369	17.532.983
Dụng cụ văn phòng	43.104	43.104	43.104
Phương tiện vận chuyển	22.706	22.706	22.706
Các tài sản khai khoáng khác	89.121	89.121	89.122
Tài sản cố định vô hình	4.501.880	4.420.728	4.466.069
Đất	31.680	30.896	31.292
Phần mềm máy vi tính	402.749	396.245	400.526
Quyền khai thác khoáng sản	792.655	792.655	792.655
Chi phí triển khai	622.125	608.152	615.945
Tên thương hiệu	1.016.397	993.569	1.006.300
Quan hệ với khách hàng	208.741	204.053	206.668
Công nghệ	1.402.017	1.370.529	1.388.090

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	Quý I năm 2023
Tài sản cố định vô hình khác	25.516	24.629	24.593

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 của Công Ty)

Giá trị còn lại của Tài sản

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	Quý I năm 2023
Tài sản cố định hữu hình	14.491.203	13.580.855	13.375.790
Nhà cửa và vật kiến trúc	4.770.958	4.599.132	4.525.690
Máy móc và thiết bị	9.640.660	8.908.629	8.778.566
Dụng cụ văn phòng	1.978	1.262	1.117
Phương tiện vận chuyển	5.996	4.024	3.559
Các tài sản khai khoáng khác	71.611	67.808	66.858
Tài sản cố định vô hình	3.590.769	3.321.408	3.308.524
Đất	31.680	30.896	31.292
Phần mềm máy vi tính	25.261	13.062	11.759
Quyền khai thác khoáng sản	556.921	509.857	498.091
Chi phí triển khai	500.728	454.720	452.010
Tên thương hiệu	962.306	907.360	910.662
Quan hệ với khách hàng	199.435	189.222	190.215
Công nghệ	1.293.838	1.198.114	1.196.817
Tài sản cố định vô hình khác	20.600	18.177	17.677

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 của Công Ty)

8.3 Thị Trường Hoạt Động

Công Ty hoạt động trên thị trường toàn cầu trong chuỗi giá trị chế biến về khoáng sản và kim loại công nghiệp, trong đó hai các sản phẩm như vonfram và florit đang nắm giữ vai trò chính trong chiến lược phát triển kinh tế và công nghiệp của nhiều nền kinh tế trên thế giới. Đây cũng là các dòng sản phẩm mang lại doanh thu lớn nhất cho Công Ty. Về thị trường vonfram toàn cầu, theo báo cáo thị trường vonfram của Roskill, tổng nguồn cung vonfram toàn cầu được ước tính 104.000 tấn vào năm 2019, với 75.000 tấn sản xuất mới và 29.000 tấn từ vonfram tái chế. Trong số 75.000 tấn sản lượng vonfram sơ cấp, 81% đến từ các mỏ của Trung Quốc, phần còn lại có nguồn gốc từ các quốc gia khác. Trong năm 2020 và nửa đầu năm 2021 là một năm khó khăn đối với ngành vonfram toàn cầu do Covid-19 và đặc biệt là tác động của nó đối với sự suy thoái kinh tế toàn cầu. Tuy nhiên, sau khi kinh tế toàn cầu hồi phục trong nửa cuối năm 2021, điều này đã hỗ trợ thị trường vonfram vì tiêu thụ gắn liền với sự phát triển của nền kinh tế toàn cầu khi mà cacbua vonfram, hợp kim và hóa chất được sử dụng rộng rãi trong các ngành xây dựng, điện tử,

khai thác mỏ, ô tô và hóa dầu. Theo Roskill, phần lớn vonfram trên toàn cầu được tiêu thụ ở dạng cacbua xi măng (chiếm khoảng 55%), tiếp theo là thép và hợp kim (23%), các sản phẩm nghiền (14%), và hóa chất/các chất khác chiếm 8%. Các nhóm sản phẩm vonfram này có thể được chia nhỏ hơn nữa thành các lĩnh vực ứng dụng; vận tải 18%, công nghiệp 13%, khai khoáng 14%, quốc phòng 6%, khác/y tế 11%, xây dựng 8%, năng lượng 8% và hàng tiêu dùng lâu bền 9%. Nhu cầu vonfram trên thế giới năm 2021 đã tăng mạnh mẽ do sự phục hồi các nền kinh tế và các ngành công nghiệp, công nghệ, ô tô, hạ tầng kỹ thuật và khai khoáng, cùng với nguồn cung khan hiếm và đứt gãy chuỗi cung ứng toàn cầu được là các tác nhân làm cho giá sản phẩm tiếp tục tăng trong năm 2021. Đến năm 2022, những lo ngại về tình hình kinh tế toàn cầu, căng thẳng địa chính trị giữa Mỹ và Trung Quốc và xung đột ở Ukraine, cùng với chính sách “Không Covid” của Trung Quốc đã làm thị trường chững lại trong nửa cuối năm 2022. Tuy nhiên đến tháng 12 năm 2022 thị trường dần cải thiện hơn khi Trung Quốc bắt đầu tái mở cửa biên giới, cùng với các dấu hiệu về lạm phát thế giới dần được kiểm soát, chuỗi cung ứng không bị tắc nghẽn và giá năng lượng trở lại mức ổn định sẽ tạo kỳ vọng trong năm 2023 với đà tăng trưởng trở lại và nhu cầu vonfram thế giới phục hồi.

Năm 2020, Công Ty MTC đã mua lại H.C. Starck Tungsten Powder - một trong những nhà tái chế Vonfram lớn nhất châu Âu, phục vụ khách hàng trên toàn thế giới với các tổ hợp sản xuất tại châu Âu, Bắc Mỹ và Trung Quốc. Việc mua lại nền tảng kinh doanh Vonfram của H.C Starck Tungsten Powders với lịch sử hơn 100 năm hoạt động đã mang lại cho Công Ty các trung tâm sản xuất tiên tiến ở mỗi khu vực thị trường trọng yếu như NAFTA, EU và APAC với các cơ sở sản xuất tại Đức, Canada và Trung Quốc; một nền tảng công nghệ tái chế đẳng cấp thế giới, có thể mở rộng và nhân rộng ra mọi địa điểm cơ sở kinh doanh. Điều này sẽ giúp Công Ty và Nhóm Công Ty Masan High-Tech Materials tạo ra dòng tiền ổn định qua các chu kỳ thị trường, đồng thời mở rộng quy mô thị trường đầu ra lên gấp 3,5 lần, từ 1,3 tỷ USD lên 4,6 tỷ USD. Nhu cầu và giá Vonfram tăng mạnh từ năm 2021, cùng với nền tảng kinh doanh của HCS đã chứng minh được thương vụ này mang lại giá trị và tạo đà vững chắc cho Tổ Chức Phát Hành và các công ty con tăng trưởng trong tương lai khi đóng góp đáng kể vào kết quả kinh doanh chung của Tổ Chức Phát Hành cho năm 2021 và 2022 với lợi nhuận trước lãi vay, khấu hao và thuế cao kỷ lục từ trước đến nay của Masan High-Tech Materials và các công ty con, lần lượt là 3.070 tỷ Đồng và 3.203 tỷ Đồng.

Vào ngày 15 tháng 7 năm 2022, Nhóm Công Ty H.C. Starck đã tiến hành ký kết thỏa thuận đầu tư 45 triệu bảng Anh (tương đương 52 triệu Euro) vào Nyobolt, một công ty chuyên cung cấp giải pháp pin Li-ion sạc nhanh. Sau khi ký kết thỏa thuận, Ban điều hành đã và đang tiếp tục hợp tác với Nyobolt để phát triển và đa dạng hóa danh mục sản phẩm, tăng cường cơ hội hợp tác sản xuất và thúc đẩy quá trình thương mại hóa để đưa các sản phẩm pin nằm trong chiến lược vào các ứng dụng vonfram giá trị gia tăng cao hơn.

Theo vùng địa lý	Năm 2022 (triệu VND)			
	Doanh thu bán ra ngoài	Tỷ trọng doanh thu	Tài sản của bộ phận	Chi tiêu vốn
Việt Nam	62.730	0%	27.640.392	1.207.096
Bỉ	161.866	1%	0	0
Đức	2.536.011	16%	4.512.600	76.692
Nhật Bản	1.365.711	9%	284.784	0
Mỹ	3.394.403	22%	1.579.650	0

Trung Quốc	2.792.535	18%	1.636.333	18.310
Luxembourg	1.709.454	11%	480.098	0
Các nước khác	3.526.839	23%	2.047.305	23.772
Tổng cộng	15.549.548	100%	38.181.161	1.325.871

Theo vùng địa lý	Năm 2021 (triệu VND)			
	Doanh thu bán ra ngoài	Tỷ trọng doanh thu	Tài sản của bộ phận	Chi tiêu vốn
Việt Nam	103.897	1%	26.826.341	821.276
Bỉ	77.128	1%	221.363	0
Đức	2.254.194	17%	3.795.214	69.172
Nhật Bản	890.305	7%	298.008	0
Mỹ	2.739.884	20%	1.080.375	0
Trung Quốc	3.172.105	23%	1.829.894	5.102
Luxembourg	1.223.018	9%	68.450	0
Các nước khác	3.103.758	23%	1.787.774	1.047
Tổng cộng	13.564.290	100%	35.907.420	896.597

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2022 của Công Ty)

Nguồn doanh thu của Tổ Chức Phát Hành chủ yếu phát sinh tại nước ngoài. Theo đó, doanh thu hoạt động nước ngoài chiếm khoảng 98-99% trong tổng doanh thu của Tổ Chức Phát Hành trong 3 năm gần nhất.

Công Ty không phân bổ một cách chính xác chi phí đầu tư, như nhân công, chi phí nghiên cứu phát triển, chi phí nguyên vật liệu...cho từng vùng địa lý nên không có chi tiết số liệu lợi nhuận trên từng vùng địa lý.

8.4 Các Hợp Đồng Lớn Quan Trọng Đang Được Thực Hiện Hoặc Đã Được Ký Kết

STT	Khách hàng	Sản phẩm	Sản lượng	Thời điểm ký kết	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện	Điều khoản quan trọng
1.	CMC Comets, đã chuyển quyền lợi và nghĩa vụ cho Traxys Comets Europe S.à.r.l.	Fluorit	Tối thiểu 200.000 tấn khô / năm	Thời hạn đầu là 6 năm tính từ ngày đạt công suất đầy đủ 12.000 mt/tháng trong 3 tháng liên tiếp (Từ ngày 1 tháng 3 năm 2015). Tự động gia hạn đến ngày 31 tháng 12 năm 2027	Theo thỏa thuận 2 bên	Từ năm 2012	Khối lượng bán một năm tối thiểu là 200.000 tấn khô và hàm lượng không thấp hơn 97% CaF ₂ .
2.	Công Ty TNHH Vonfram	Vonfram	~100% sản lượng	Công Ty Núi Pháo và H.C. Starck đã thành lập liên doanh để cùng khai	Theo thỏa thuận	Từ năm 2013	Hợp đồng bao tiêu ký ngày 1/7/2014 và có

STT	Khách hàng	Sản phẩm	Sản lượng	Thời điểm ký kết	Giá trị hợp đồng	Thời gian thực hiện	Điều khoản quan trọng
	Masan	vonfram	hàng năm	thác và bao tiêu 100% sản phẩm, hiện nay liên doanh đã trở thành công ty con của Công Ty Núi Pháo	2 bên		hiệu lực đến khi hết thời hạn khai thác của dự án Núi Pháo.

Nguồn: Công Ty

Ghi chú:

- Đối với các hợp đồng bao tiêu Florit, Vonfram: các hợp đồng được ký kết là các hợp đồng khung mang tính nguyên tắc. Tùy từng thời kỳ khi giá khoáng sản trên thế giới thay đổi, đơn giá các loại khoáng sản này sẽ được các bên thống nhất và sẽ áp dụng với từng lô hàng được bàn giao tại từng thời điểm.*
- Đối với sản phẩm đồng theo công suất thiết kế của nhà máy, lượng đồng khai thác được trong năm sẽ được Công Ty chủ động bán cho các đối tác trong nước theo giá cả tại từng thời điểm do hai bên thống nhất.*

8.5 Vị Thế Của Tổ Chức Phát Hành Trong Ngành

8.5.1 Vị thế của Tổ Chức Phát Hành

Công Ty Núi Pháo, trong vai trò là đơn vị khai thác mỏ Núi Pháo, là mỏ đầu tiên của Việt Nam vận hành theo tiêu chuẩn quốc tế và có lượng vonfram lớn nhất thế giới ngoài Trung Quốc, có phạm vi hoạt động toàn cầu với vị thế đáng kể trong thị trường. Nhiều đối thủ cạnh tranh của Công Ty đến từ Trung Quốc, với tư cách là một trong những nhà sản xuất và tiêu thụ các sản phẩm vonfram lớn nhất thế giới với nhiều quy mô và mức độ sở hữu/hỗ trợ khác nhau của chính phủ. Công Ty có lợi thế là một nhà sản xuất hóa chất ổn định và tin cậy với các sản phẩm vonfram có độ tinh khiết cao, có sức cạnh tranh trên toàn cầu và đồng thời được vận hành tại Việt Nam, điều này khiến Công Ty trở thành một trong số ít nhà cung cấp vonfram ngoài Trung Quốc trực tiếp sản xuất ra sản phẩm tại nguồn. Với việc mua lại H.C. Starck, Công Ty đang thâm nhập sâu hơn vào chuỗi giá trị vonfram bằng cách sản xuất các sản phẩm vonfram theo đặt hàng riêng và phức tạp hơn, có chất lượng cao hơn và cạnh tranh ít hơn về giá.

Về lợi thế cạnh tranh, với đội ngũ chuyên gia kỹ thuật chuyên sâu và chuyên nghiệp trong lĩnh vực nghiên cứu và phát triển (R&D), kỹ thuật ứng dụng, cùng với công nghệ sản xuất tự động hiện đại để đảm bảo cung cấp cho khách hàng các sản phẩm có chất lượng vượt trội và ổn định. Công Ty cũng sở hữu tài sản trí tuệ áp dụng trong sản xuất các sản phẩm tiên tiến như hợp chất Vonfram có cấu trúc siêu mịn. Ngoài ra, Công Ty còn vận hành một nền tảng công nghệ thu hồi vonfram chất lượng cao qua quá trình tái chế phức tạp nhưng vẫn thân thiện với môi trường, nhờ các bí kíp công nghệ mà Công Ty sở hữu. Sự hợp nhất này là bước đi chiến lược trong quá trình thực hiện tầm nhìn của Công Ty, là trở thành nhà chế tạo vật liệu công nghiệp công nghệ cao dựa trên nền tảng chuỗi giá trị tích hợp xuyên suốt ở tầm cỡ thế giới. Nguồn cung APT sơ cấp ổn định với giá thành thấp kết hợp với năng lực tái chế vonfram tại các cơ sở sản xuất của Công Ty ở châu Âu sẽ mang lại cho Công Ty năng lực cạnh tranh toàn cầu.

Nhà máy sản xuất của MTC có những lợi thế về cơ sở sản xuất hiện đại có khả năng sản xuất các sản phẩm chất lượng cao đáp ứng yêu cầu cụ thể của khách hàng nhờ các lợi thế cạnh tranh như: chi phí chuyên đổi thấp và được hưởng các chính sách ưu đãi về thuế; uy tín tốt trên thị trường nhờ sự hỗ trợ về công nghệ và kỹ thuật từ H.C. Starck với gần 100 năm kinh nghiệm hoạt động và là nhà cung cấp sản phẩm kim loại công nghệ cao ưu việt hàng đầu thế giới; chuyên giao công nghệ từ H.C. Starck (Đức) và cơ hội để tiếp tục phát triển các nguồn phế liệu vonfram trong nước thành các sản phẩm công nghệ cao đặc thù. Công Ty sẽ trở thành nhà cung cấp các sản phẩm Vonfram hàng đầu cho nhiều ngành công nghiệp quan trọng như cơ khí chế tạo máy và công cụ, khai mỏ, động cơ cơ giới và năng lượng, hàng không và công nghiệp hóa chất. Việc trở thành nhà sản xuất các sản phẩm Vonfram chế biến cận sâu sẽ làm gia tăng đáng kể giá trị công ty, do các sản phẩm Vonfram công nghệ cao có giá bán cao hơn 30-50% so với các sản phẩm APT hiện tại. Cùng với chiến lược gia tăng giá trị cho các sản phẩm, trong năm 2022, Nhóm Công Ty H.C. Starck đã tiến hành ký kết thỏa thuận đầu tư 45 triệu bảng Anh (tương đương 52 triệu Euro) vào Nyobolt, một công ty chuyên cung cấp giải pháp pin Li-ion sạc nhanh để phát triển và đa dạng hóa danh mục sản phẩm, tăng cường cơ hội hợp tác sản xuất và thúc đẩy quá trình thương mại hóa để đưa các sản phẩm pin nằm trong chiến lược vào các ứng dụng vonfram giá trị gia tăng cao hơn.

Điều này đã tạo ra một công ty vật liệu công nghiệp công nghệ cao của Việt Nam với quy mô toàn cầu hàng đầu. Quan trọng hơn nữa, vị thế cạnh tranh của Việt Nam trên thị trường vonfram toàn cầu sẽ có được nền tảng nghiên cứu phát triển và sản xuất hàng đầu thế giới. Đây là cơ hội để đào tạo và phát triển các chuyên gia kỹ thuật trong ngành vật liệu công nghệ cao của Việt Nam, như một phần trong quá trình toàn cầu hóa nền tảng kinh doanh của Công Ty.

Bảng dưới đây thể hiện một số thông tin so sánh quy mô và vị thế giữa Công Ty Núi Pháo và một số công ty khác hoạt động trong cùng ngành, trong đó, Công Ty Núi Pháo có quy mô doanh thu thuần, tổng tài sản và vốn chủ sở hữu lớn so với các công ty còn lại trong ngành. Do hạn chế về các thông tin được công bố của các công ty nên Tổ Chức Phát Hành không thể tổng hợp thông tin liên quan đến thị phần của các công ty trong ngành.

Đơn vị: Triệu VND

Chỉ tiêu năm 2022	NPM	KSV	MVB
Doanh thu thuần	15.549.547	12.251.080	5.475.736
Lợi nhuận sau thuế	213.353	65.101	261.589
Tổng tài sản	38.181.161	10.447.701	3.404.811
Vốn chủ sở hữu	12.396.411	2.958.233	1.992.538

(Nguồn: BCTC kiểm toán hợp nhất năm 2022 của NPM, BCTC quý 4 năm 2022 của Tổng Công ty Khoáng sản TKV (“KSV”) và Tổng Công ty Công nghiệp mỏ Việt Bắc TKV (“MVB”))

8.5.2 Triển Vọng Ngành Khai Thác Và Chế Biến Khoáng Sản

Nhờ tính ứng dụng cao của các nguyên liệu chính như vonfram, đồng, bismuth, fluorit nên nhu cầu tiêu thụ kim loại kỳ vọng sẽ được gia tăng song hành cùng với sự phát triển kinh tế thế giới. Tuy nhiên, nguồn cung vonfram đang tăng trưởng với tốc độ chậm hơn cầu, thị trường sẽ trở lại cân bằng và giá vonfram sẽ phục hồi do Trung Quốc đang nỗ lực kiểm soát trữ lượng, tập trung đáp ứng nhu cầu trong nước, hạn chế xuất khẩu thông qua các biện pháp kiểm soát buôn lậu và áp đặt các tiêu chuẩn về môi trường, công suất cho các nhà máy vonfram. Giá vonfram thấp trong những năm trước khiến nhiều mỏ có chi phí hoạt động cao ngừng sản xuất và nếu muốn hoạt động lại, các mỏ này cũng mất thời gian ít nhất là một năm sau khi giá vonfram phục hồi. Mỏ Núi Pháo sau khi kết thúc giai đoạn đầu tư cơ bản sẽ bước vào giai đoạn bền vững và có cơ hội

trở thành nhà cung cấp lớn cho các nước ngoài Trung Quốc khi nhu cầu vonfram đang được các chuyên gia kinh tế dự báo tăng trưởng cùng với nền kinh tế toàn cầu.

8.5.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Tổ Chức Phát Hành so với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước, xu thế chung trên thế giới

Thế giới cần nguồn cung vật liệu và khoáng sản tiên tiến ổn định để đáp ứng các xu thế lớn trên toàn cầu về năng lượng tái tạo, xe điện, tái chế, đô thị hóa và phát triển bền vững. Công Ty Núi Pháo với các sản phẩm của mình không chỉ sẵn sàng tham gia mà còn ở vị thế dẫn dắt sự phát triển công nghệ trong những lĩnh vực này. Điều quan trọng là nhu cầu nguồn nguyên liệu toàn cầu được đáp ứng một cách bền vững và Công Ty Núi Pháo ở vị thế vững vàng để đạt được điều này thông qua thành tích ấn tượng về công tác môi trường, năng lực tái chế hàng đầu, nguồn cung ứng có trách nhiệm, tạo ra giá trị cho xã hội, phát huy phẩm chất và năng lực con người.

Với sự thuận lợi mỏ Núi Pháo là mỏ lộ thiên, kết hợp cùng với việc liên tục cải tiến công nghệ, đặc biệt là sau khi hợp nhất nền tảng kinh doanh với H.C.Starck – đơn vị sản xuất hàng đầu trên thế giới, bên cạnh chế biến từ các nguyên liệu thô, Công Ty Núi Pháo và Nhóm Công Ty H.C.Starck còn đẩy mạnh các sản phẩm vonfram cận sâu, đồng thời phát triển công nghệ để tái chế các phế liệu cứng và mềm thành các sản phẩm kim loại có giá trị cao, đóng góp vào việc phát triển bền vững. Ngoài ra, nhu cầu mạnh mẽ trên thế giới về xe điện là xu hướng của tương lai, Nhóm Công Ty H.C.Starck còn đầu tư vào Nyobolt công ty chuyên cung cấp giải pháp pin sạc nhanh có công suất và độ bền cao ứng dụng từ vật liệu vonfram của Công Ty, đã giúp Công Ty hiện thực hóa tầm nhìn trở thành chế biến vật liệu công nghệ cao, mang lại giá trị gia tăng và phát triển nền kinh tế tuần hoàn cho vonfram và vật liệu pin. Đây được xem là các chính sách phát triển đúng đắn, phù hợp với định hướng chiến lược phát triển bền vững của công ty và xu thế chung trên thế giới.

8.6 Quyền Sở Hữu Trí Tuệ, Nhãn Hiệu, Tên Thương Mại, Sáng Chế Và Bản Quyền

Tính đến ngày lập Bản Cáo Bạch này, Nhóm công ty Masan High-Tech Materials đã và đang đăng ký bảo hộ cho các nhãn hiệu sau:



Nhãn hiệu “NuiPhao Mining” và hình theo Giấy Chứng Nhận Nhãn Hiệu số 170797 do Cục Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam cấp ngày 31 tháng 8 năm 2011, như được sửa đổi, bổ sung, gia hạn tùy từng thời điểm; và



Nhãn hiệu “Masan High-Tech Materials” và hình theo Đơn Đăng Ký Nhãn Hiệu số 4-2020-38785 nộp tại Cục Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam ngày 22 tháng 09 năm 2020.



Nhãn hiệu “Masan Tungsten” và hình theo Đơn Đăng Ký Nhãn Hiệu số 4-2018-42236 nộp tại Cục Sở Hữu Trí Tuệ Việt Nam ngày 30 tháng 11 năm 2018.



Nhãn hiệu “H.C. Starck” và hình theo Chứng nhận Đăng ký Nhãn hiệu số 955512 cấp ngày 11/07/2007 tại CHLB Đức. Phạm vi bảo hộ toàn cầu trong 20 năm tại trên 120 quốc gia theo quy định của Tổ chức Sở hữu Trí tuệ Thế giới (WIPO).

Masan High-Tech Materials, Công Ty Núi Pháo, MTC không có sáng chế hoặc bản quyền nào được đăng ký.

H.C. Starck Tungsten sở hữu 105 bằng sáng chế (đã được cấp và đang đăng ký) và sở hữu trí tuệ đối với các sản phẩm vonfram hàng đầu như hợp chất vonfram có cấu trúc siêu mịn (ultrafine).

8.7 Chiến Lược Kinh Doanh

Tầm nhìn của Công Ty Núi Pháo là trở thành công ty hàng đầu thế giới và là đối tác tin cậy khi ngành vật liệu công nghệ cao tiếp tục định hình tương lai của thế giới và song song với đó là chiến lược phát triển bền vững. Công Ty đã hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược toàn cầu bằng bước đi đầu tiên vào tháng 6 năm 2020 sau khi hoàn tất giao dịch mua lại nền tảng kinh doanh vonfram toàn cầu của HCS, thương hiệu H.C.Starck và ChemiLytics. Thông qua việc mua lại mạng lưới phân phối và bán hàng toàn cầu của HCS, điều quan trọng là giúp Công Ty củng cố cam kết cùng nhau hợp tác với khách hàng để không ngừng tham gia vào việc phát triển, nâng cao năng suất sản phẩm đặc thù cũng như các sáng kiến công nghệ mới nhất.



Để thực hiện chiến lược phát triển kinh doanh toàn cầu, Công Ty tập trung vào ba phương diện chiến lược chủ chốt bao gồm (i) nguồn nhân lực, am hiểu khách hàng và năng lực đổi mới sáng tạo, (ii) năng lực tài chính, và (iii) khả năng quản trị rủi ro biến động giá cả.

Về nguồn nhân lực, am hiểu khách hàng và năng lực đổi mới sáng tạo, Công Ty sẽ tối ưu các hoạt động của công ty trên cơ sở kiến thức và nguồn lực trong nước và nước ngoài. Công Ty chú trọng giải quyết các nhu cầu và các mối quan tâm của cộng đồng địa phương và của khách hàng để phát triển bền vững. Chúng tôi đã chứng minh điều này tại Việt Nam trong suốt 10 năm qua và tại tất cả các cơ sở hoạt động của HCS trong hơn 100 năm qua bằng cách chủ động phối hợp với cộng đồng địa phương và khách hàng toàn cầu thông qua đội ngũ quản lý địa phương và quốc tế của Công Ty. Ngoài ra, Công Ty cũng không ngừng mở rộng mạng lưới khách hàng, danh mục

sản phẩm và xâm nhập các thị trường mới dựa vào nguồn cung sản phẩm trung gian Vonfram cạnh tranh từ Việt Nam và thay đổi chiến lược bán hàng sang “Tập trung vào giải pháp cho khách hàng”. Quan hệ đối tác chiến lược của Công ty cũng ngày càng được củng cố vững chắc với các công ty dẫn đầu thị trường trong các lĩnh vực có xu hướng lớn toàn cầu như đô thị hóa, giải pháp di chuyển tiên tiến, chuyển đổi số. Công Ty đang nghiên cứu phát triển các vật liệu khoáng sản tiên tiến, mang tính chiến lược và cùng với các đối tác hàng đầu toàn cầu khác trong lĩnh vực đổi mới sáng tạo, tìm kiếm các giải pháp cung ứng ổn định, dài hạn nhằm hạn chế rủi ro trong chuỗi cung ứng của doanh nghiệp. Vị thế trên thị trường của Công Ty chủ yếu dựa vào năng lực đổi mới sáng tạo và chuyên môn cao về công nghệ.

Về nguồn lực tài chính, Công Ty luôn tận dụng khả năng nhằm tiếp cận và tối ưu hóa vốn và dòng tiền để mua lại và phát triển các dự án giá trị. Khi đã xác định được giá trị của các dự án có tiềm năng sinh lời cao, với sự hỗ trợ của nhóm công ty Masan High-Tech Materials, Công Ty luôn có khả năng tiếp cận nguồn vốn tự có và vốn vay bên ngoài bao gồm nguồn vốn trong nước và quốc tế, để mua lại, phát triển và ổn định những dự án nhằm đảm bảo hiện thực hóa các giá trị lâu dài và bền vững của Công Ty. Tháng 11/2020, Công Ty Masan High-Tech Materials (công ty mẹ gián tiếp của Công Ty Núi Pháo) đã chào đón cổ đông lớn Mitsubishi Materials Corporation (“MMC”) thông qua việc chuyển vốn cổ phần giúp Công ty Masan High-Tech Materials củng cố cơ cấu tài chính cũng như ký kết thỏa thuận ghi nhớ với MMC về mở rộng hợp tác kỹ thuật cho Công Ty Núi Pháo và các công ty con. Năm 2021, Công Ty tiếp tục hợp nhất các đơn vị kinh doanh để tối ưu hóa kết quả kinh doanh, đồng thời hiện thực hóa tầm nhìn chiến lược.

Trên phương diện về quản trị rủi ro, Công Ty phòng ngừa biến động giá cả hàng hóa thông qua việc đa dạng hóa danh mục các loại kim loại, khoáng sản và loại tiền tệ doanh thu. Thương vụ mua lại HCS đã giúp Công ty giảm thêm biến động doanh thu vonfram thông qua việc mở rộng danh mục sản phẩm và chế biến phế liệu được thu mua trên toàn cầu mà không cần định giá theo chỉ số giá. Cùng với chiến lược gia tăng giá trị cho các sản phẩm, trong năm 2022, Nhóm Công Ty H.C. Starck đã tiến hành ký kết thỏa thuận đầu tư 45 triệu bảng Anh (tương đương 52 triệu Euro) vào Nyobolt Limited, một công ty chuyên cung cấp giải pháp pin Li-ion sạc nhanh để phát triển và đa dạng hóa danh mục sản phẩm, tăng cường cơ hội hợp tác sản xuất và thúc đẩy quá trình thương mại hóa để đưa các sản phẩm pin nằm trong chiến lược vào các ứng dụng vonfram giá trị gia tăng cao hơn.

Ngoài chiến lược triển khai kinh doanh toàn cầu, Công ty luôn coi phát triển bền vững là một vấn đề trọng tâm và được áp dụng ở cấp độ địa phương lẫn toàn cầu. Phát triển bền vững liên quan đến quản trị rủi ro, giảm thiểu các tác động tiêu cực đối với môi trường, xã hội, kinh tế và văn hóa, đồng thời hỗ trợ và duy trì các ngành công nghiệp, cộng đồng và môi trường mà Công Ty hoạt động. Công Ty chú trọng phát triển bền vững bằng việc xét đến các vấn đề toàn cầu như kiểm soát dịch bệnh, biến đổi khí hậu, ủng hộ và tôn trọng quyền con người, ủng hộ sự thay đổi về xã hội bằng cách ủng hộ quyền con người tại các khu vực xung đột và các sáng kiến chuỗi cung ứng có trách nhiệm giúp khách hàng có sự lựa chọn rõ ràng đối với các sản phẩm và thương hiệu mà họ chấp nhận.

8.8 Việc đáp ứng các điều kiện kinh doanh theo quy định pháp luật có liên quan của Tổ Chức Phát Hành

Công ty được cấp Giấy phép khai thác khoáng sản số 1710/GP-BTNMT ngày 21 tháng 9 năm 2010 và các giấy phép khác để đầu tư và thực hiện hợp pháp hoạt động khai thác, chế biến khoáng sản tại mỏ Vonfram đa kim Núi Pháo.

Công ty luôn đảm bảo đáp ứng đủ các điều kiện kinh doanh theo quy định của pháp luật trước khi thực hiện bất kỳ hoạt động kinh doanh có điều kiện nào.

9. Thông Tin Về Thành Viên Sở Hữu Từ 10% Vốn Điều Lệ Của Tổ Chức Phát Hành Trở Lên

Danh sách các thành viên sở hữu từ 10% trở lên của Tổ Chức Phát Hành tại ngày của Bản Cáo Bạch này như sau:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÀI NGUYÊN MASAN THÁI NGUYÊN

- Tên công ty : Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên
- Năm thành lập : 2010
- Địa chỉ : Phòng 802, tầng 8, Tòa Nhà Central Plaza, 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh : Số 0309960069 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 5 năm 2010, như được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm
- Vốn điều lệ đăng ký : 12.156.476.389.000 VND
- Vốn điều lệ thực góp : 12.156.476.389.000 VND
- Người đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Bích Hà Nguyễn
Chủ tịch công ty của Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên
- Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành : Ủy quyền theo cá nhân:
 - + Ông Nguyễn Thiệu Nam, Người đại diện theo pháp luật và Chủ tịch Hội đồng thành viên Công ty Núi Pháo, mang căn cước công dân số 042070007840 do cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 11/8/2021, đại diện cho số vốn góp 3.453.732.849.600 đồng chiếm 32% vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành.
 - + Ông Danny Le, Thành viên Hội đồng Thành viên Công ty Núi Pháo, mang hộ chiếu số 565709439 cấp ngày 19/9/2017 tại Hoa Kỳ, đại diện cho số vốn góp 2.590.299.637.200 đồng chiếm 24% vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành.
 - + Ông Craig Richard Bradshaw, Thành viên Hội đồng Thành viên và Tổng Giám đốc Công ty Núi Pháo, mang hộ chiếu số PE0407775 cấp ngày 12/12/2016 tại

Úc, đại diện cho số vốn góp 2.590.299.637.200 đồng chiếm 24% vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành.

- Giá trị phần vốn góp và tỷ lệ phần vốn góp của Thành viên sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên và những người có liên quan của họ tại Tổ Chức Phát Hành : 8.634.332.124.000 VND, tương đương với tỷ lệ phần vốn góp là 80% tại Tổ Chức Phát Hành
- Giá trị phần vốn góp và tỷ lệ phần vốn góp của người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ tại Tổ Chức Phát Hành : + Ông Nguyễn Thiệu Nam, đại diện cho số vốn góp 3.453.732.849.600 đồng chiếm 32% vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành. Ông Nguyễn Thiệu Nam và những người có liên quan của mình không có sở hữu vốn trực tiếp tại Tổ Chức Phát Hành.
+ Ông Danny Le, đại diện cho số vốn góp 2.590.299.637.200 đồng chiếm 24% vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành. Ông Danny Le và những người có liên quan của mình không có sở hữu vốn trực tiếp tại Tổ Chức Phát Hành.
+ Ông Craig Richard Bradshaw, đại diện cho số vốn góp 2.590.299.637.200 đồng chiếm 24% vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành. Ông Craig Richard Bradshaw và những người có liên quan của mình không có sở hữu vốn trực tiếp tại Tổ Chức Phát Hành.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành : Có quyền và nghĩa vụ như các thành viên góp vốn của Công Ty theo quy định của Luật Doanh Nghiệp

Lợi ích khác: Không có

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ THÁI NGUYÊN

- Tên công ty : Công Ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại và Đầu Tư Thái Nguyên
- Năm thành lập : 2010
- Địa chỉ : Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
- Giấy Chứng nhận đăng ký kinh doanh : Số 0310352925 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15 tháng 10 năm 2010, như được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm
- Vốn điều lệ đăng ký : 2.158.702.686.000
- Vốn điều lệ thực góp : 2.158.702.686.000

- Người đại diện theo pháp luật : Ông Nguyễn Bích Hà Nguyên
Chủ tịch Công ty TNHH Một Thành Viên Thương Mại và Đầu Tư Thái Nguyên
- Người đại diện theo ủy quyền tại Tổ Chức Phát Hành : Ông Nguyễn Văn Thắng, Phó chủ tịch Hội đồng Thành viên Công ty Núi Pháo mang căn cước công dân số 019057005737 do cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 17/8/2021, đại diện cho số vốn góp 2.158.583.031.000 đồng, chiếm 20% vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành.
- Giá trị phần vốn góp và tỷ lệ phần vốn góp của Thành viên sở hữu từ 10% vốn điều lệ trở lên và những người có liên quan của họ tại Tổ Chức Phát Hành : 2.158.583.031.000 VND, tương đương với tỷ lệ phần vốn góp là 20% tại Tổ Chức Phát Hành
- Giá trị phần vốn góp và tỷ lệ phần vốn góp của người đại diện theo ủy quyền và những người có liên quan của họ tại Tổ Chức Phát Hành : Ông Nguyễn Văn Thắng đại diện cho số vốn góp 2.158.583.031.000 VND, tương đương với tỷ lệ phần vốn góp là 20% tại Tổ Chức Phát Hành. Ông Nguyễn Văn Thắng và những người có liên quan của mình không có sở hữu vốn trực tiếp tại Tổ Chức Phát Hành.
- Lợi ích liên quan đối với Tổ Chức Phát Hành : Có quyền và nghĩa vụ như các thành viên góp vốn của Công Ty theo quy định của Luật Doanh Nghiệp

Lợi ích khác: Không có

10. Hội Đồng Thành Viên, Ban Giám Đốc, Kế Toán Trưởng

10.1 Hội Đồng Thành Viên

Tên	Năm sinh	Số CMND/CCCD/Số Hộ Chiếu	Chức vụ
Ông Nguyễn Thiệu Nam	1970	042070007840	Chủ tịch Người đại diện theo pháp luật
Ông Nguyễn Văn Thắng	1957	090470619	Phó Chủ tịch HĐQTV
Ông Craig Richard Bradshaw	1971	PE0407775	Thành viên
Ông Danny Le	1984	565709439	Thành viên

Dưới đây là chi tiết về các thành viên HĐQTV của Tổ Chức Phát Hành:

1. Ông Nguyễn Thiệu Nam – Chủ tịch HĐQTV, Người đại diện theo pháp luật
 - Giới tính: Nam
 - Ngày tháng năm sinh: 11/12/1970

- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh Tế, Đại Học Thương Mại Việt Nam
- Quá trình công tác:
 - 1993 – 1997: Giám đốc Công ty CP Đa My
 - 1997 – 2002: Tổng Giám Đốc Công ty CP Việt Tiến
 - 2002 – 2008: Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Thương Mại Masan
 - 2003 – 2005: Phó Tổng Giám Đốc – Công Ty Đầu Tư Masan
 - 2005 - 2008: Tổng Giám đốc – Công ty Cổ Phần Đầu Tư Masan
 - 2010- 2019: Thành viên HĐQT – Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo
 - 2013 – 2021: Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
 - 2009 – nay: Thành viên HĐQT kiêm Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
 - 2014 – nay: Thành viên HĐQT – Công ty CP Masan
 - 2011 – nay: Chủ tịch công ty – Công ty TNHH MTV Xây dựng Hoa Hướng Dương
 - 2011 – nay: Giám đốc – Công ty TNHH MTVH Xây dựng Hoa Hướng Dương
 - 2011 – nay: Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Tập đoàn Baltic Titan
 - 2015 – nay: Chủ tịch công ty – Công ty TNHH MTV Masan Brewery HG; Chủ tịch công ty – Công ty TNHH MTV Masan Brewery PY; Chủ tịch công ty – Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution
 - 2016 – nay: Chủ tịch công ty – Công ty TNHH Masan Master Brewer
 - 2017 – nay: Thành viên HĐQT – Công ty TNHH MTV Masan Consumer Holdings; Thành viên HĐQT – Công ty TNHH Masan Brewery
 - 2017 – nay: Phó Tổng Giám đốc – Công ty Cổ phần Masan
 - 2018 – nay: Chủ tịch công ty – Công ty TNHH Masan Brewery MB
 - 2019 – nay: Thành viên HĐQT – Công ty TNHH Vonfram Masan
 - 2019 – nay: Chủ tịch HĐQT – Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
 - 2020 – nay: Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần The CrownX

2020 – 2021: Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần The CrownX
2021 – nay: Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
2021 – nay: Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT – Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials
2021 – nay: Chủ tịch công ty và Tổng Giám đốc – Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp WinEco
2021 – nay: Chủ tịch HĐQT và Giám đốc – Công Ty TNHH Nông Nghiệp Đồng Nai – Wineco; Chủ tịch HĐQT và Giám đốc – Công Ty TNHH Đầu Tư Sản Xuất Và Phát Triển Nông Nghiệp WinEco – Tam Đảo

- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành:
- Chức vụ tại tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT

Thành viên HĐQT và Phó Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Masan
Phó Chủ tịch thứ nhất HĐQT - Masan High-Tech Materials
Thành viên HĐQT - Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
Thành viên HĐQT - Công ty TNHH Masan Brewery
Thành viên HĐQT – Công ty TNHH Vonfram Masan
Chủ Tịch Công ty và Giám đốc Công ty TNHH MTV Xây Dựng Hoa Hướng Dương
Chủ tịch Công ty - Công ty TNHH MTV Masan Brewery Distribution
Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH MTV Masan Brewery PY
Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH MTV Masan Brewery HG
Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH Masan Master Brewer
Chủ tịch Công ty – Công ty TNHH MTV Masan Brewery MB
Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Nước khoáng Quảng Ninh
Thành viên HĐQT – Công ty CP Tập đoàn Baltic Titan
Chủ tịch công ty và Tổng Giám đốc – Công ty TNHH Đầu tư Sản xuất Phát triển Nông nghiệp WinEco
Chủ tịch HĐQT và Giám Đốc - Công ty TNHH Nông Nghiệp Đồng Nai – WinEco

Chủ tịch HĐQT và Giám đốc – Công ty
TNHH Đầu Tư Sản Xuất và Phát Triển Nông
Nghệ nghiệp WinEco – Tam Đảo
Thành viên HĐQT của Công ty Cổ Phần The
CrownX

- Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên độc lập Hội đồng thành viên và những người có liên quan của họ (loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận): *Không có*

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2021 (VND)	Năm 2022 (VND)
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng	0	0
Cổ phiếu ESOP	0	0

+ Trường hợp thành viên độc lập Hội đồng thành viên có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành: *Không có*

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổ Chức Phát Hành: Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không
- Giá trị, tỷ lệ sở hữu phần vốn góp tại Tổ Chức Phát Hành của bản thân và những người có liên quan: Không

2. Ông **Nguyễn Văn Thắng** – Phó Chủ tịch HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 14/9/1957
- Số Chứng minh nhân dân: 090470619
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế, Đại học Tổng hợp
- Quá trình công tác: 1993 – 2004: Giám đốc Chi nhánh Geleximco Thái Nguyên và Chi nhánh Geleximco Tuyên Quang - Công ty Xuất nhập khẩu Tổng hợp Hà Nội (Geleximco)
2005 – 2010: Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Liên doanh Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (Nuiphaovica)

2006 – 2010: Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Xuất nhập khẩu và Đầu tư Thái Nguyên (INTRACORP)

2007 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu và Đầu tư Thái Nguyên (INTRACO - LTD)

2007 – nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Nhiệt điện An Khánh

2007 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Tập đoàn Baltic Titan

2010 – 2016: Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Khoáng sản An Khánh

2010 – 2016: Chủ tịch Hội Đồng Quản Trị - Công ty Cổ phần Đầu tư và Công nghiệp An Khánh

Tháng 4/2016 – 2021: Thành viên HĐQT – Masan High-Tech Materials

3/2013 – nay: Phó chủ tịch thứ nhất Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên

2014 – nay: Phó Chủ tịch HĐQT - Công Ty Núi Pháo

2014 – nay: Chủ tịch HĐQT – MTC

2015 – nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng An Khánh

- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành:

Phó Chủ tịch HĐQT

- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác:

Chủ tịch HĐQT – MTC

Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Xuất Nhập khẩu và Đầu tư Thái Nguyên (INTRACO - LTD)

Phó Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Tập đoàn Baltic Titan

Chủ tịch HĐQT - Công ty cổ phần Vật liệu xây dựng An Khánh

Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Nhiệt điện An Khánh

Phó chủ tịch thứ nhất Hiệp hội doanh nghiệp tỉnh Thái Nguyên

- Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên độc lập Hội đồng thành viên và những người có liên quan của họ (loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận):
Không có

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2021 (VND)	Năm 2022 (VND)
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng	0	0
Cổ phiếu ESOP	0	0

+ Trường hợp thành viên độc lập Hội đồng thành viên có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành: *Không có*

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổ Chức Phát Hành: Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không
- Giá trị, tỷ lệ sở hữu phần vốn góp tại Tổ Chức Phát Hành của bản thân và những người có liên quan: Không

3. Ông **Craig Richard Bradshaw** – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 28/9/1971
- Số Hộ chiếu: PE0407775
- Quốc tịch: Australia
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh doanh, Đại học Southern Queensland, Úc
- Quá trình công tác: Từ 8/2017 – nay : Tổng Giám Đốc – Tổ Chức Phát Hành
Tháng 5/2015 – nay: Tổng Giám Đốc - Công Ty Núi Pháo; 2011 – 2015: Giám Đốc Vận Hành - Công Ty Núi Pháo
Trước 2011: Tổng Giám đốc Toàn quốc - Toll tại Thái Lan; Giám Đốc Thương Mại Cao Cấp - Lane Xang Minerals Ltd.
- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành: Tổng Giám Đốc
- Chức vụ đang nắm giữ tại các tổ chức khác: Tổng Giám Đốc - MHT
Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám Đốc - Công Ty TNHH Vonfram Masan
Giám đốc Điều hành - H.C. Starck Holding (Germany) GmbH
Giám đốc Điều hành - H.C. Starck GmbH
- Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên độc lập Hội đồng thành viên và những người có liên quan của họ (loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận): *Không có*

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2021	Năm 2022
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (triệu VNĐ)	39.110	23.084
Cổ phiếu ESOP	0	0

+ Trường hợp thành viên độc lập Hội đồng thành viên có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành: *Không có*

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổ Chức Phát Hành: Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không
- Giá trị, tỷ lệ sở hữu phần vốn góp tại Tổ Chức Phát Hành của bản thân và những người có liên quan: Không

4. Ông **Danny Le** – Thành viên HĐQT

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 13/7/1984
- Số hộ chiếu: 565709439
- Quốc tịch: Mỹ
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành Xã hội học và Kinh tế, Cao đẳng Bowdoin
- Quá trình công tác:
 - 2006 – 2010: Morgan Stanley - Chuyên viên phân tích, Bộ phận Ngân hàng Đầu tư
 - 2010 – 2020: Giám đốc Chiến Lược và Phát Triển (Head of Strategy & Development) - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan
 - 2015 – 2019: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Dinh dưỡng Nông nghiệp Quốc tế
 - 2016 – 2018: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Masan MEATLife
 - 2018 – 2020: Thành viên HĐQT - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan
 - 2020 – 05/2022: Thành viên HĐQT – Công ty TNHH The Sherpa

2020 – nay: Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

2016 – nay: Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH MasanConsumerHoldings
Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH Masan Brewery

2018 – nay: Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Masan MEATLife

2019 – nay: Thành viên Hội đồng Thành viên - Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo

Chủ tịch HĐQT - Masan High-Tech Materials

2020 – nay: Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần The CrownX

2020 – nay: Chủ tịch HĐQT – Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

05/2020 – nay: Chủ tịch HĐQT – Công ty TNHH The Sherpa

2021 – nay: Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Mobicast; Thành viên HĐQT – Công ty Cổ phần Phúc Long Heritage

- Chức vụ công tác hiện nay tại Tổ Chức Phát Hành:
- Chức vụ tại tổ chức khác:

Thành viên HĐQT

Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Masan MEATLife

Chủ tịch HĐQT - Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan

Tổng Giám đốc - Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan

Chủ tịch HĐQT - Công ty TNHH The Sherpa

Thành viên HĐQT - Công Ty Cổ Phần The CrownX

Thành viên HĐQT - Công ty TNHH MasanConsumerHoldings

Thành viên HĐQT - Công ty TNHH Masan Brewery

Chủ tịch HĐQT – Masan High-Tech Materials

Thành viên HĐQT – Công ty Cổ Phần Mobicast

Thành viên HĐQT – Công ty Cổ Phần Phúc Long Heritage

- Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành:

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên độc lập Hội đồng thành viên và những người có liên quan của họ (loại giao dịch, giá trị

giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận): *Không có*

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2021 (VND)	Năm 2022 (VND)
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng	0	0
Cổ phiếu ESOP	0	0

+ Trường hợp thành viên độc lập Hội đồng thành viên có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành: *Không có*

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổ Chức Phát Hành: Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành: Không
- Giá trị, tỷ lệ sở hữu phần vốn góp tại Tổ Chức Phát Hành của bản thân và những người có liên quan: Không

10.2 Ban Giám Đốc Và Kế Toán Trưởng

Tên	Năm sinh	Số CMND/CCCD/ Hộ Chiếu	Chức vụ
Ông Craig Richard Bradshaw	1971	PE0407775	Tổng Giám Đốc
Bà Đinh Lệ Hằng	1972	001172020418	Phó Tổng Giám Đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Mai	1974	001174022785	Kế toán trưởng

Dưới đây là chi tiết về các thành viên trong Ban Giám Đốc và Kế Toán Trưởng của Tổ chức Phát hành:

1. Ông **Craig Richard Bradshaw** – Tổng Giám Đốc

Vui lòng xem chi tiết tại phần giới thiệu các thành viên HĐTV.

2. Bà **Đinh Lệ Hằng** – Phó Tổng Giám đốc

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 03/05/1972
- Số Chứng minh nhân dân : 001172020418
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán – ĐH Hà Nội, Thạc sĩ Kế toán Quốc tế - ĐH Công nghệ Swinburne, Úc.
Chứng chỉ CPA – Bộ Tài chính,

- Quá trình công tác

Chứng chỉ CPA Australia : 2/2023 – nay: Phó Tổng Giám đốc – Công ty Núi Pháo
 10/2018 – 3/2019: Phó Tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Tài chính – Công ty cổ phần nghiên cứu và sản xuất Vinsmart
 2/2013 – 7/2016: Chuyên viên tài chính cao cấp – Ensign Group (Australia)
 11/2011 – 01/2013: Kiểm soát tài chính – Ngân hàng Standard Chartered.
 10/2010 – 11/2011: Kiểm soát tài chính – Công ty cổ phần quản lý quỹ VinaCapital.
 11/2008-3/2010 : Trưởng phòng tư vấn tài chính – Ngân hàng HSBC Việt Nam.
 8/1997-11/2007 : Quản lý cấp cao – Công ty TNHH Ernst & Young Việt Nam.
 1995-1997 : Kế toán tổng hợp – Trung tâm công nghệ quốc tế Hà Nội.
- Chức vụ công tác hiện nay tại : Phó Tổng Giám đốc Công Ty Núi Pháo
- Chức vụ tại tổ chức khác : Phó Tổng Giám đốc tại MHT, MTC
- Lợi ích liên quan đến Tổ Chức : Phát Hành

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên độc lập Hội đồng thành viên và những người có liên quan của họ (loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận): *Không có*

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2021 (VND)	Năm 2022 (VND)
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng	0	0
Cổ phiếu ESOP	0	0

+ Trường hợp thành viên độc lập Hội đồng thành viên có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành: *Không có*

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổ Chức Phát Hành : Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không

- Tỷ lệ sở hữu phần vốn góp tại Tổ Chức Phát Hành của bản thân và những người có liên quan : Không

3. Bà **Nguyễn Thị Thanh Mai** – Kế Toán Trưởng

- Giới tính : Nữ
- Ngày tháng năm sinh : 21/01/1974
- Số Chứng minh nhân dân : 001174022785
- Quốc tịch : Việt Nam
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kế toán – ĐH Kinh tế Quốc Dân
Chứng chỉ Kiểm toán viên – Bộ Tài chính
- Quá trình công tác : 6/2018 – nay: Kế Toán Trưởng – Công ty Núi Pháo
6/2018 – nay: Kế Toán Trưởng – MHT
6/2018 – nay: Kế Toán Trưởng – MRTN; 11/2005 – 4/2018: Kế Toán Trưởng – Công ty TNHH Mỏ Nikel Bản Phúc
9/1995 – 10/2005: Kiểm toán viên, Trưởng nhóm, Giám sát kiểm toán, Phó Giám đốc Kiểm toán – Công ty TNHH Arthur Andersen Việt Nam và Công ty TNHH KPMG Việt Nam
- Chức vụ công tác hiện nay tại : Kế Toán Trưởng Công Ty Núi Pháo
- Chức vụ tại tổ chức khác : Kế Toán Trưởng tại MHT, MTC và MRTN
- Lợi ích liên quan đến Tổ Chức Phát Hành :

+ Thông tin về các hợp đồng, giao dịch đang thực hiện hoặc đã ký kết và chưa thực hiện giữa Tổ Chức Phát Hành, công ty con của Tổ Chức Phát Hành, công ty do Tổ Chức Phát Hành nắm quyền kiểm soát trên 50% vốn điều lệ với thành viên độc lập Hội đồng thành viên và những người có liên quan của họ (loại giao dịch, giá trị giao dịch, các điều khoản quan trọng khác của hợp đồng; cấp có thẩm quyền chấp thuận): *Không có*

+ Thù lao, tiền lương và các lợi ích khác (tiền thưởng, cổ phiếu được nhận theo chương trình lựa chọn cho người lao động (số lượng, giá) ...) trong 02 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán và đến thời điểm hiện tại:

Thù lao, tiền thưởng và lợi ích khác	Năm 2021	Năm 2022
Thù lao, tiền lương, tiền thưởng (triệu VNĐ)	1.634	1.999
Cổ phiếu ESOP	0	0

+ Trường hợp thành viên độc lập Hội đồng thành viên có lợi ích liên quan tại doanh nghiệp khác hoạt động kinh doanh trong cùng lĩnh vực với Tổ Chức Phát Hành hoặc là khách hàng/nhà cung cấp lớn của Tổ Chức Phát Hành: *Không có*

- Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích của Tổ Chức Phát Hành : Không
- Các khoản nợ đối với Tổ Chức Phát Hành : Không
- Tỷ lệ sở hữu phần vốn góp tại Tổ Chức Phát Hành của bản thân và những người có liên quan : Không

11. Chính Sách Chia Lợi Nhuận

Tại thời điểm phát hành Bản Cáo Bạch này, Công Ty chưa có kế hoạch chia lợi nhuận. Tuy nhiên tùy vào tình hình thực tế, HĐQT của Công Ty có thể sẽ xem xét và quyết định việc chia lợi nhuận trong khoảng thời gian còn lại của năm 2023.

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022
Giá trị khoản phân chia lợi nhuận đã trả	-	-	-
Hình thức chi trả và phê duyệt của cấp có thẩm quyền	-	-	-

Nguồn: Công Ty

12. Tình Hình Thanh Toán Gốc Và Lãi Trái Phiếu Đã Phát Hành Trong 03 Năm Liên Tục Liên Trước Năm Đăng Ký Chào Bán Và Đến Thời Điểm Hiện Tại

Các trái phiếu được Tổ Chức Phát Hành phát hành trong 3 năm liên trước đều được thanh toán gốc, lãi đúng hạn theo như cam kết với người sở hữu trái phiếu.

13. Thông Tin Về Những Cam Kết Chưa Thực Hiện Của Tổ Chức Phát Hành

13.1 Thông tin về các hợp đồng thuê sử dụng đất

Nghĩa vụ trả tiền thuê đất theo các hợp đồng thuê đất đã ký sẽ được bù trừ toàn bộ với tiền đền bù giải phóng mặt bằng mà Tổ Chức Phát Hành đã chi trả theo quy định hiện nay của pháp luật.

Chi tiết các hợp đồng thuê đất của Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm 31/3/2023 như sau:

Số Hợp đồng thuê đất	Diện tích (m ²)	Tổng tiền thuê đất phải nộp (đã trừ tiền thuê được miễn) (VND)
671-10	139.681	2.243.476.604
01-2011	133.581	2.290.633.630
28-11	174.487	16.352.408.648
65-13	126.594	11.446.690.245
65-11	194.666	17.464.279.151
63-13	76.498	7.013.055.127
84-11	160.783	14.323.538.455

Số Hợp đồng thuê đất	Diện tích (m ²)	Tổng tiền thuê đất phải nộp (đã trừ tiền thuê được miễn) (VND)
86-11	210.701	18.770.540.891
124-11	37.338	4.748.719.649
126-11	55.369	7.041.937.390
128-11	56.978	5.040.173.029
99-13	6.239	547.483.605
11-12	38.067	5.028.669.734
46-12	74.766	9.705.000.630
85-11	91.893	8.186.393.582
94-12	35.046	5.231.491.650
108-12	20.146	1.273.215.314
103-12	43.639	6.322.379.531
22-13	35.497	3.785.045.110
29-13	138.545	14.535.995.928
54-13	3.004	320.468.763
52-13	98.467	3.721.204.799
59-13	4.294	1.667.562.941
58-13	5.077	1.891.573.023
68-13	7.162	1.646.250.158
69-13	17.356	2.696.530.908
71-13	3.942	866.316.941
70-13	161.603	4.307.236.681
98-13	141.833	10.886.383.405
110-13	144.122	10.947.711.773
09-14	39.348	2.988.929.954
37-14	54.200	3.982.706.514
48-14	77.595	6.501.420.658
81-15	96.039	15.410.799.488
13-17	48.331	6.421.112.150
12-17	62.886	6.544.839.629
62-17	80.209	8.174.580.444
66-17	133.583	11.653.555.497
102-17	56.424	6.296.627.121
103-17	32.409	2.024.361.747
10-18	94.320	5.688.711.785
11-18	79.129	5.368.578.221
32-18	70.837	5.001.629.018
119-18	57.158	5.236.932.242
116-18	87.537	6.863.219.435
117-18	28.244	2.895.527.431
120-18	26.198	3.244.890.830
118-18	138.521	9.858.410.938
106-18	35.005	484.204.044
45-19	126.404	8.740.648.559
75-19	33.296	2.476.902.758
25-16	46.130	6.759.082.925

Số Hợp đồng thuê đất	Diện tích (m2)	Tổng tiền thuê đất phải nộp (đã trừ tiền thuê được miễn) (VND)
94-19	28.167	1.762.066.403
129-19	50.919	4.298.224.744
130-19	60.928	3.591.544.729
83-2020	14.872	1.090.135.873
84-2020	40.047	2.733.191.731
56-2021	25.953	2.601.552.435
05-2023	6.744	386.724.159
06-2023	10.634	786.171.021
34-2023	2.869	162.142.109
35-2023	7.823	697.626.351
01-2023	225.970	36.533.551.917
42-11	48.941	6.204.427.208
64-13	37.944	2.901.618.678
09-12	39.443	2.971.892.228
10-12	1.103.718	83.161.294.630
23-12	61.651	4.645.187.424
85-12	17.026	1.273.276.103
38-13	21.939	1.452.198.574
49-14	86.963	5.329.903.297
125-2020	32.817	5.516.942.450
124-2020	22.157	1.684.332.100
126-2020	36.283	6.545.582.600
20/2019	147.133	22.084.663.300
103-14	41.683	7.278.686.391
PL-70	32.928	1.152.771.171
99-18	30.968	2.341.614.033
123-18	177.220	11.022.240.094

Nguồn: Công Ty

13.2 Thông tin về các loại trái phiếu đã phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán

Cho đến ngày phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành có 12 trái phiếu đã được phát hành nhưng chưa đến hạn thanh toán bao gồm chi tiết như bên dưới:

ST T	Các trái phiếu	Tên trái phiếu	Kỳ Hạn	Ngày Phát Hành	Dư nợ tại thời điểm của Bản cáo bạch (tỷ VND)	Lãi suất	Năm đáo hạn	Các điều khoản quan trọng
TỔNG CỘNG					7.300			
1	Trái phiếu có đảm bảo	NPM082023 (mã niêm yết NPM11805)	5 năm	13/8 /2018	500	+ 12 tháng đầu: 10% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 3,25%	2023	Không có

2	Trái phiếu có đảm bảo	NPM052024 (mã niêm yết NPM11911)	5 năm	27/5 /2019	500	+ 12 tháng đầu: 10,2% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 3,3%	2024	Không có
3	Các trái phiếu có đảm bảo	6 trái phiếu có mã trái phiếu từ NPMCB20230 24 đến NPMCB20230 29 (gọi chung là “ Trái Phiếu NPM 700 ”) ^(*)	3 năm	30/7 /2020	700	+ 12 tháng đầu: 10% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 3,2%	2023	Không có
4	Trái phiếu có đảm bảo	NPMPO2022_02	3 năm	8/7 /2020	1.000	+ 12 tháng đầu: 10% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 3,1%	2023	Không có
5	Trái phiếu có đảm bảo	NPMPO2022_03	3 năm	7/8 /2020	1.000	+ 12 tháng đầu: 10% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 3,1%	2023	Không có
6	Trái phiếu có đảm bảo	NPMCH22270 01	5 năm	25/5 /2022	500	+ 12 tháng đầu: 9,3% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 4,24%	2027	Không có
7	Trái phiếu có đảm bảo	NPMCB22270 02	5 năm	22/9 /2022	290	+ 12 tháng đầu: 10% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 4,4%	2027	Không có
8	Trái phiếu có đảm bảo	NPMCB22270 03	5 năm	26/10 /2022	210	+ 12 tháng đầu: 11% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 4,6%	2027	Không có
9	Trái phiếu có đảm bảo	NPMCB23280 01	5 năm	25/5/2 023	640	+ 12 tháng đầu: 9% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 4,1%	2028	Không có
10	Trái phiếu có đảm bảo	NPMCB23280 02	5 năm	25/5/2 023	720	+ 12 tháng đầu: 9% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 4,1%	2028	Không có

11	Trái phiếu có đảm bảo	NPMCB2328003	5 năm	25/5/2023	630	+ 12 tháng đầu: 9% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 4,1%	2028	Không có
12	Trái phiếu có đảm bảo	NPMCB2328004	5 năm	25/5/2023	610	+ 12 tháng đầu: 9% + Các kỳ sau: lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãi trả sau của các ngân hàng tham chiếu + biên độ 4,1%	2028	Không có

Nguồn: Công Ty

(*) Trái Phiếu NPM 700 có tên trái phiếu ban đầu tại thời điểm phát hành và mã trái phiếu như sau:

STT	Tên trái phiếu ban đầu	Mã trái phiếu	Số tiền (VND)	Ngày đáo hạn
1	BondNPM242023	NPMCB2023024	160.000.000.000	30/7/2023
2	BondNPM252023	NPMCB2023025	160.000.000.000	30/7/2023
3	BondNPM262023	NPMCB2023026	95.000.000.000	30/7/2023
4	BondNPM272023	NPMCB2023027	95.000.000.000	30/7/2023
5	BondNPM282023	NPMCB2023028	95.000.000.000	30/7/2023
6	BondNPM292023	NPMCB2023029	95.000.000.000	30/7/2023
	Tổng cộng		700.000.000.000 (bảy trăm tỷ Đồng)	

13.3 Thông tin về các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(A) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau

	31/12/2022 Triệu đồng	1/1/2022 Triệu đồng
Trong vòng 1 năm	17.090	12.395
Trong vòng 2 năm đến 5 năm	11.878	16.227
	<u>28.968</u>	<u>28.662</u>

(B) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán

	31/12/2022 Triệu Đồng	1/1/2022 Triệu Đồng
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	3.287.792	3.099.626
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	413.393	82.949
	<u>3.701.185</u>	<u>3.182.575</u>

14. Các Thông Tin, Nghĩa Vụ Nợ Tiềm Ẩn, Tranh Chấp Khiếu Tụng Liên Quan Tới Tổ Chức Phát Hành Có Thể Ảnh Hưởng Đến Hoạt Động Kinh Doanh, Tình Hình Tài Chính Của Tổ Chức Phát Hành, Đợt Chào Bán, Phương Án Sử Dụng Vốn Thu Được Từ Đợt Chào Bán

Tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành cam kết không có các nghĩa vụ nợ tiềm ẩn, tranh chấp khiếu tụng có thể ảnh hưởng đến (i) hoạt động kinh doanh, (ii) tình hình tài chính, (iii) đợt chào bán hoặc (iv) phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành.

14.1 Công tác đền bù giải phóng mặt bằng

Đến hết Quý I năm 2023, Công Ty Núi Pháo về cơ bản đã đền bù và giải phóng mặt bằng cho hầu hết các diện tích đất phục vụ cho hoạt động khai thác chế biến và chế biến khoáng sản, và ký 79 hợp đồng thuê đất đối với 612,9 ha trên tổng diện tích 631 ha đất được Nhà nước giao để thực hiện dự án. Tổ Chức Phát Hành sẽ phối hợp với Ủy ban nhân dân các cấp tiếp tục thực hiện việc thu hồi đất đối với các diện tích còn lại trong năm 2023-2024.

14.2 Tình Hình Thanh Tra Của BTNMT

Trong năm 2017, BTNMT đã hoàn tất cuộc thanh tra về việc chấp hành pháp luật về bảo vệ môi trường, khoáng sản, đất đai và tài nguyên nước đối với Tổ Chức Phát Hành và theo đó đã ban hành bản kết luận thanh tra. Bản kết luận thanh tra này đã chỉ ra một số điểm cần khắc phục liên quan đến những vấn đề thanh tra nêu trên và đưa ra một số yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với Tổ Chức Phát Hành. Ngoài khoản phạt vi phạm hành chính không trọng yếu, Tổ Chức Phát Hành không bị áp dụng hình thức xử phạt nào khác liên quan đến môi trường.

Cho đến ngày phát hành Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện hầu hết các biện pháp khắc phục theo khuyến nghị của bản Kết luận Thanh tra. Kết quả thực hiện các yêu cầu của Kết luận Thanh tra đã được Tổ Chức Phát Hành báo cáo thường xuyên đến Tổng cục Môi trường – BTNMT để được hướng dẫn và giám sát. Chấp thuận cuối cùng về việc hoàn thành các biện pháp khắc phục phụ thuộc vào quá trình làm việc, trao đổi cũng như sự phê duyệt của các cơ quan chức năng liên quan, vì vậy Tổ Chức Phát Hành chưa có ước tính đáng tin cậy về ảnh hưởng tài chính của việc thực hiện các biện pháp khắc phục. Do đó, không có khoản dự phòng nào được ghi nhận trong BCTC của Tổ Chức Phát Hành.

14.3 Nợ Tiềm Tàng

Báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất và riêng lẻ năm 2022 của Công Ty có đề cập về Nợ Tiềm Tàng trong phần thuyết minh báo cáo tài chính như sau: vào ngày 23 tháng 8 năm 2021, Bộ TNMT ban hành Quyết định số 1640/QĐ/BTNMT (“**Quyết định 1640**”) để phê duyệt tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (“**TCQKTKS**”) cho mỏ Núi Pháo, thay thế phê duyệt tạm thu TCQKTKS theo Quyết định số 500/QĐ-BTNMT (“**Quyết định 500**” do Bộ Tài Nguyên và Môi trường (“**BTNMT**”) ban hành ngày 4 tháng 3 năm 2015 và Công văn 3724/ĐCKS-KTĐCKS ngày 28 tháng 12 năm 2018 (“**Công văn 3724**”) mặc dù giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công Ty chưa được xác định. Khi ban hành Quyết định 1640 này, BTNMT tiếp tục sử dụng giá tính thuế tài nguyên cho sản phẩm tài nguyên áp dụng cho quặng vonfram (hàm lượng $0,1\% < WO_3 < 0,3\%$) thay vì sử dụng giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp mà việc ban hành này đã được Công ty nêu rõ trước đây. Giá tính TCQKTKS

chính thức theo Quyết định 1640 là 1.831.085 đồng/tấn trong khi Giá tính TCQKTKS tạm thu theo Quyết định 500 là 775.026 đồng/tấn. Theo đó, số TCQKTKS phải nộp thêm do chênh lệch Giá tính TCQKTKS trong giai đoạn từ 2015 đến 2021 là 394,5 tỷ Đồng.

Sau khi Quyết định 1640 được ban hành, Công Ty đã gửi nhiều công văn đến Thủ tướng Chính phủ và BTNMT để đề xuất tạm thời chưa thực hiện thu bổ sung thu TCQKTKS theo Quyết định 1640 và yêu cầu xác định TCQKTKS áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty.

Vào ngày 6 tháng 10 năm 2021, Công Ty nhận được Thông báo nộp TCQKTKS từ Cục thuế tỉnh Thái Nguyên căn cứ theo Quyết định 1640. Ngày 8 tháng 12 năm 2021, Cục thuế tỉnh Thái Nguyên ban hành Công văn số 4883/CTTNG-QLN yêu cầu Công ty nộp bổ sung 125,8 tỷ Đồng TCQKTKS cho giai đoạn 2018 đến 2021 và 4,1 tỷ Đồng tiền chậm nộp tương ứng.

Ban Giám đốc tin rằng Công Ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản nợ phải trả về TCQKTKS dựa trên diễn giải của Công ty về quy định pháp luật liên quan, bao gồm các quy định về TCQKTKS và quy định về thuế tài nguyên. Do đó, Ban Giám đốc Công ty đã gửi công văn lên cơ quan quản lý các cấp để nêu rõ vấn đề và xin giải quyết phù hợp cho việc xác định TCQKTKS của Công Ty.

Trong năm 2021, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 978/VPCP-KTTH ngày 8 tháng 2 năm 2021 và Công văn số 5987/VPCP-KTTH ngày 28 tháng 8 năm 2021, vụ việc đang được BTC, BTNMT, UBND tỉnh Thái Nguyên và Sở Tài chính (“STC”) tỉnh Thái Nguyên xem xét để báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Kinh tế Quốc hội.

Năm 2022, các cơ quan liên quan của trung ương và của tỉnh, thông qua cuộc họp do Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (“TCĐCKSVN”) chủ trì, đã thống nhất xác định có bất cập về giá tính thuế tài nguyên làm căn cứ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho dự án Núi Pháo. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Thái Nguyên đã làm việc với BTC và BTNMT để tìm kiếm đơn vị tư vấn kỹ thuật, đồng thời chỉ đạo STC tỉnh Thái Nguyên phối hợp với các sở, ngành liên quan của địa phương hoàn thiện thủ tục lựa chọn đơn vị tư vấn kỹ thuật phù hợp để xây dựng cơ chế xác định giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm công nghiệp của Công Ty. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng, UBND tỉnh Thái Nguyên, STC tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan chức năng có liên quan vẫn đang phối hợp làm việc để xác định giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công Ty.

Ban Giám đốc đánh giá rằng vì giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công Ty chưa được BTNMT và UBND tỉnh Thái Nguyên xác định, cho nên giá tính TCQKTKS làm căn cứ xác định TCQKTKS theo Quyết định 1640 chưa phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Do đó, Công Ty tin rằng khi giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty được xác định, TCQKTKS chính thức của mỏ Núi Pháo cho giai đoạn từ 2015 trở đi sẽ được xác định, và thay thế TCQKTKS như đã phê duyệt tại Quyết định 1640.

Kết quả cuối cùng của vấn đề này hiện nay vẫn chưa có và phụ thuộc vào việc giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công Ty được xác định và BTNMT có chấp thuận tính toán lại TCQKTKS tại Quyết định 1640 theo Giá tính TCQKTKS đó khi được xác định. Do đó, Công Ty chưa ghi nhận TCQKTKS bổ sung theo Quyết định 1640 là nợ phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất và báo cáo tài chính riêng.

Trong các năm vừa qua, Công Ty luôn có văn bản đồng ý đóng TCQKTKS và liên tục trao đổi với các cơ quan có thẩm quyền. Mặc dù cơ quan nhà nước đang xem xét lại về giá và chưa có kết quả cuối cùng về TCQKTKS, Công Ty vẫn đã và đang tuân thủ theo mọi quyết định của cơ quan nhà nước, bao gồm Quyết định 1640. Đến hiện nay, chúng tôi đã nộp tổng cộng hơn 1.155 tỉ đồng bắt kể các vướng mắc đang tồn tại.

Ngoài ra, thuyết minh báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2022 có đề cập vấn đề này cho thấy một yếu tố không chắc chắn có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng và đã được đơn vị kiểm toán nêu Vấn đề cần nhấn mạnh tại báo cáo tài chính riêng kiểm toán năm 2022.

15. Thông Tin Về Cam Kết Của Tổ Chức Phát Hành Không Thuộc Trường Hợp Đang Bị Truy Cứu Trách Nhiệm Hình Sự Hoặc Đã Bị Kết Án Về Một Trong Các Tội Xâm Phạm Trật Tự Quản Lý Kinh Tế Mà Chưa Được Xóa Án Tích

Tính đến thời điểm của Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành cam kết không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

V. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH, TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ DỰ KIẾN KẾ HOẠCH

1. Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh

1.1 Tóm Tắt Một Số Chỉ Tiêu Về Hoạt Động Kinh Doanh Của Tổ Chức Phát Hành

Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh Hợp Nhất

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2021	% tăng giảm	Năm 2022	% tăng giảm	Quý I năm 2023
Tổng giá trị tài sản	35.907.419	-2%	38.181.161	6%	38.443.157
Doanh thu thuần	13.564.289	86%	15.549.547	15%	3.786.502
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	219.827	-119%	33.048	-85%	2.380
Lợi nhuận/(Lỗ) khác	57.758	-95%	74.772	29%	11.716
Lợi nhuận trước thuế	277.586	192%	107.821	-61%	14.097
Lợi nhuận sau thuế	360.365	75%	213.353	-41%	39.806
Tỷ lệ khoản phân chia lợi nhuận (%)	-	-	-	-	-
Cách thức chia lợi nhuận	-	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 của Công Ty)

Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh Công Ty Mẹ (riêng lẻ)

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	Năm 2021	% tăng giảm	Năm 2022	% tăng giảm	Quý I năm 2023
Tổng giá trị tài sản	24.859.885	0%	25.947.861	4%	25.527.483

Chỉ tiêu	Năm 2021	% tăng giảm	Năm 2022	% tăng giảm	Quý I năm 2023
Doanh thu thuần	3.840.512	-7%	4.370.319	14%	1.067.967
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	-295.288	N/A	-3.132	N/A	-98.851
Lợi nhuận/(Lỗ) khác	86.863	N/A	53.005	-39%	4.927
Lợi nhuận trước thuế	-208.426	N/A	49.873	N/A	-93.923
Lợi nhuận sau thuế	-242.336	N/A	20.845	N/A	-93.923
Tỷ lệ khoản phân chia lợi nhuận (%)	-	-	-	-	-
Cách thức chia lợi nhuận	-	-	-	-	-

(Nguồn: BCTC riêng lẻ kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC riêng lẻ Quý I năm 2023 của Công Ty)

Tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 theo báo cáo tài chính riêng lẻ, Công ty có khoản lỗ sau thuế là 93,9 tỷ Đồng và có lỗ lũy kế là 176 tỷ Đồng. Tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo báo cáo tài chính riêng lẻ kiểm toán năm 2022 của Công Ty, mặc dù công ty có lợi nhuận sau thuế nhưng có lỗ lũy kế tại bảng cân đối kế toán riêng là 82,1 tỷ Đồng. Khoản lỗ sau thuế trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh tại báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2023 và khoản mục lỗ lũy kế trên bảng cân đối kế toán riêng tại báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2022 và báo cáo tài chính riêng quý 1 năm 2023 phát sinh là vì công ty hoạt động theo mô hình công ty mẹ và các công ty con, trong đó các hoạt động kinh doanh chính tạo ra doanh thu, lợi nhuận chủ yếu phát sinh từ hoạt động kinh doanh của các công ty con của Công Ty. Công Ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) – Công ty con của Tổ Chức Phát Hành, sở hữu nhà máy chế biến sâu tích hợp và nhà máy tinh luyện vonfram (APT) công nghệ cao, MTC cũng trực tiếp phân phối thành phẩm xuất khẩu vonfram sang các thị trường Đức, Nhật Bản, Singapore, Mỹ, Ấn Độ... Ngoài ra trong năm 2020, MTC đã hoàn tất giao dịch mua lại nền tảng kinh doanh Vonfram của H.C. Starck GmbH, giúp Nhóm công ty Masan High-Tech Materials mở rộng quy mô thị trường đầu ra từ 1,3 tỷ Đô la Mỹ lên 4,6 tỷ Đô la Mỹ với mức giá bán cao hơn so với các sản phẩm APT hiện tại.

Do đó, việc đánh giá hoạt động kinh doanh của Công Ty cần dựa trên tất cả hoạt động kinh doanh hợp nhất của Công Ty và các công ty con và căn cứ theo báo cáo tài chính hợp nhất của Công Ty. Theo Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2022, khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và lãi sau thuế lần lượt là 1.181 tỷ Đồng và 213,3 tỷ Đồng. Theo Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1 năm 2023 của Công Ty, khoản mục lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và lãi sau thuế lần lượt là 1.212 tỷ Đồng và 40 tỷ Đồng.

Nhận xét về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

BCTC riêng lẻ và hợp nhất được kiểm toán năm 2021, 2022 của Tổ Chức Phát Hành thể hiện ý kiến kiểm toán chấp thuận toàn bộ, BCTC đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu.

Năm 2021 đánh dấu sự tăng trưởng mạnh mẽ trở lại của Công Ty, khi doanh thu thuần tăng 86% và lợi nhuận sau thuế tăng trưởng 75% so với cùng kỳ năm 2020, mặc dù nửa đầu năm 2021

Công Ty bị ảnh hưởng trong hoạt động kinh doanh bởi dịch bệnh COVID-19. Sự tăng trưởng về các kết quả kinh doanh trong năm 2021 là nhờ vào giá các sản phẩm tăng trở lại trong quý 3 và quý 4 năm 2021 sau khi các nền kinh tế lớn mở cửa và khôi phục các hoạt động kinh tế, đồng thời, sự hiệu quả của nền tảng kinh doanh H.C.Starck GmbH trên toàn cầu, đặc biệt là nhà máy tại Trung Quốc đạt doanh thu và sản lượng kỷ lục, đã góp phần tạo đà phát triển vững chắc cho Công Ty.

Năm 2022, sản xuất toàn cầu bị ảnh hưởng bởi căng thẳng chính trị và chính sách “Không Covid” của Trung Quốc. Tuy nhiên, Trung Quốc mở cửa lại nền kinh tế vào cuối Q4 2022, đưa ra tín hiệu phục hồi tích cực trong năm 2023. Doanh thu thuần của Công ty tăng 15% so với năm 2021 nhờ giá hàng hóa và sản lượng bán hàng tăng. Tuy nhiên, lợi nhuận thuần giảm 85% do chi phí năng lượng và nguyên liệu thô tăng cao. Lợi nhuận sau thuế giảm 41% do lạm phát và chi phí vốn cao hơn. Trong Quý 1 năm 2023, nhu cầu của các nước trên thế giới về các sản phẩm vonfram của Công Ty giảm tạm thời vì các khách hàng lớn quốc tế giảm hàng tồn kho, áp lực về giá năng lượng và chi phí sản xuất đầu vào cao. Ngoài ra trong Quý 1 năm 2023, Công Ty đã bắt đầu bán được lượng Đồng tồn kho với tổng doanh thu Đồng là 146 tỷ Đồng (trong khi Quý 1 năm 2022 không có doanh thu từ Đồng).

Trên báo cáo tài chính hợp nhất của Công Ty năm 2021 và 2022, lợi nhuận hợp nhất sau thuế của Công Ty chịu ảnh hưởng của việc ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại nên đã tăng lên so với lợi nhuận hợp nhất trước thuế. Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả của Công Ty. Các chênh lệch tạm thời này được ghi nhận vào tài sản thuế thu nhập hoãn lại tạo ra lợi ích thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công Ty. Các khoản chênh lệch tạm thời tạo ra lợi ích thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty năm 2021 và 2022 chủ yếu liên quan đến việc tái xác định nghĩa vụ với mức trợ cấp xác định - dự phòng trợ cấp hưu trí của Tập đoàn H.C.Starck, giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang, tài sản vô hình và tài sản hữu hình được xác định từ hợp nhất kinh doanh.

Ý kiến của Tổ chức kiểm toán độc lập đối với các chỉ tiêu về hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

Không có.

1.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

(a) Những nhân tố chính tác động đến tình hình hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành trong 2 năm liên tục liền trước năm đăng ký chào bán:

Những thuận lợi về hoạt động kinh doanh của Công Ty

Mỏ Núi Pháo và các khu vực lân cận có trữ lượng quặng lớn để hỗ trợ kế hoạch tăng trưởng trong tương lai. Mỏ Núi Pháo được xem là một trong các mỏ vonfram có quy mô lớn trên thế giới, và về bản chất, mỏ Núi Pháo là một mỏ lộ thiên nơi có thể tìm thấy các vỉa khoáng sản hoặc đá có giá trị thương mại gần bề mặt, do đó chi phí khai thác thấp hơn so với chi phí khai thác mỏ dưới lòng đất.

Công Ty đã phát triển mạng lưới khách hàng lớn ổn định trên phạm vi toàn cầu và bán phần lớn các sản phẩm của mình cho các khách hàng theo các hợp đồng bao tiêu dài hạn.

Công Ty đã tập trung đặc biệt vào thiết kế và xây dựng Dự Án Núi Pháo để đảm bảo rằng thiết kế và xây dựng được tiến hành theo tiêu chuẩn quốc tế. Nhà máy Núi Pháo được xây dựng có vòng đời và khối lượng chế biến tương xứng với thời hạn của Dự Án Núi Pháo và sức tăng trưởng và khả năng sản xuất dự kiến. Hơn nữa, Công Ty tin rằng sự kết hợp các nhà máy chế biến của mình, cụ thể là nhà máy chế biến hiện tại, nhà máy chế biến sâu tích hợp và nhà máy tinh luyện APT công nghệ cao của MTC, sẽ tăng hiệu quả của các nhà máy này và vì vậy mang lại chi phí sản xuất thấp hơn.

Ngoài ra, xu hướng toàn cầu đang được đánh giá cần nguồn cung vật liệu và khoáng sản tiên tiến ổn định để đáp ứng các xu thế lớn về năng lượng tái tạo, xe điện, tái chế, đô thị hóa và phát triển bền vững. Công Ty Núi Pháo cũng như Nhóm Công Ty Masan High-Tech Materials không chỉ sẵn sàng tham gia mà còn nhắm tới vị thế dẫn dắt sự phát triển công nghệ trong những lĩnh vực này. Điều quan trọng là nhu cầu nguồn nguyên liệu toàn cầu được đáp ứng một cách bền vững và ở vị thế vững vàng để đạt được điều này thông qua thành tích ấn tượng về công tác môi trường, năng lực tái chế, nguồn cung ứng có trách nhiệm, tạo ra giá trị cho xã hội, phát huy phẩm chất và năng lực con người.

Trong năm 2022, Công Ty Núi Pháo tiếp tục phát triển trên cơ sở hợp nhất nền tảng kinh doanh của H.C. Starck. Chúng tôi đang thúc đẩy quá trình cải tiến hiệu suất thông qua việc rà soát, đánh giá quản lý quy trình nghiệp vụ để chuẩn hóa và tối ưu hóa mô hình hoạt động kinh doanh toàn cầu. Việc này sẽ mất thời gian để thực hiện nhưng được kỳ vọng sẽ đem lại hiệu suất hoạt động kinh doanh đáng kể và cải thiện khả năng sinh lời trong hai năm tới.

Diễn biến phức tạp của dịch Covid-19 và tình hình chính trị của các quốc gia trên thế giới ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất toàn cầu và giá các sản phẩm của Công Ty

Năm 2020 thực sự là một năm khó khăn do đại dịch Covid-19 và đặc biệt là những tác động của dịch bệnh lên giá và nhu cầu đối với Vonfram - sản phẩm chính của Công ty với ảnh hưởng sâu rộng đến nhu cầu và sản xuất trên toàn cầu. Trong suốt năm 2020, do tình trạng đóng cửa của các cảng biển, nhà máy và quốc gia trên thế giới, doanh thu và giá của các sản phẩm của Công ty đều bị ảnh hưởng đáng kể. Các ngành sản xuất ô tô, hàng không vũ trụ, khoan khai thác dầu khí, cơ sở hạ tầng, kỹ thuật tổng hợp đều bị ảnh hưởng đáng kể do phải đóng cửa kéo dài do các công ty muốn bảo vệ an toàn cho người lao động và người dân. Khách hàng có nhu cầu hạn chế hoặc định kỳ không có nhu cầu vì họ điều chỉnh chuỗi cung ứng của mình xuống mức thấp hơn đáng kể. Một số khách hàng tìm cách hoạt động ngược chu kỳ và tiếp tục sản xuất ở mức trước đại dịch Covid-19 khi họ có thể hoạt động nhằm cố gắng tự hồi phục lại.

Tuy nhiên, trong năm 2021, với nỗ lực của các quốc gia trong việc mở rộng tiêm chủng, các chính sách giãn cách phù hợp và kế hoạch mở cửa nền kinh tế thích nghi với đại dịch đã mang đến kết quả nền kinh tế toàn cầu tăng trưởng dự kiến đạt 5,9% trong năm 2021, theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế. Sự phục hồi toàn cầu tiếp tục diễn ra, GDP ở hầu hết các quốc gia hiện đã gần đến con đường trước đại dịch. Hỗ trợ tài chính và tiền tệ khổng lồ cho các hộ gia đình và doanh nghiệp ngay từ đầu cuộc khủng hoảng, sự phát triển tương đối nhanh chóng của vaccine đã giúp chúng ta đạt được kết quả này. Nhờ nhu cầu ngày càng tăng cao đối với các sản phẩm vonfram và các sản phẩm khác của Công Ty, giá các sản phẩm này cũng theo xu hướng tăng liên tục trong cuối năm 2021.

Năm 2022 được xem là một năm khó khăn vì nhiều biến động trên thế giới, trong đó số lượng đơn hàng trên thế giới chững lại trong nửa cuối năm 2022 do những lo ngại về tình hình kinh tế

toàn cầu và chính sách “Không Covid” của Trung Quốc. Đồng thời cuộc xung đột tại Ukraina gây tác động đến sức ép ngày càng tăng về giá năng lượng và các chi phí sản xuất đầu vào khác, cùng với đó là các chính sách kiểm soát vĩ mô tài chính thắt chặt của các nền kinh tế lớn để kiểm soát lạm phát cũng là yếu tố trọng yếu ảnh hưởng đến chi phí đầu vào tăng. Tuy nhiên, đến tháng 12 năm 2022, thị trường dần cải thiện hơn với việc Trung Quốc bắt đầu tái mở cửa biên giới và các nền kinh tế công bố các số liệu về việc kiểm soát dần lạm phát là những tín hiệu tích cực cho sự tăng trưởng vào năm 2023.

Chính sách liên quan đến thị trường tài chính trong nước

Do đặc thù ngành chủ yếu của Tổ Chức Phát Hành là khai thác, chế biến khoáng sản và hóa chất công nghiệp, đây là ngành có nhu cầu về vốn rất lớn và thời gian thu hồi vốn dài. Do đó, để thực hiện tốt các hoạt động kinh doanh và đầu tư, Tổ Chức Phát Hành phải phụ thuộc khá lớn vào nguồn vốn tự có và nguồn vay của các ngân hàng. Chính vì vậy, các chính sách về cho vay của ngân hàng có ảnh hưởng trực tiếp đến hiệu quả đầu tư và hoạt động của Tổ Chức Phát Hành.

Trong năm 2019-2021, dưới chính sách siết chặt nguồn vốn ngắn hạn cho vay trung và dài hạn, Tổ Chức Phát Hành đã gặp một số khó khăn nhất định trong công tác huy động vốn nhằm phục vụ đầu tư. Tuy nhiên, nhờ sự phát triển mạnh của thị trường trái phiếu cũng như uy tín và hiệu quả kinh doanh khả quan, Công Ty hứa hẹn sẽ tập trung nguồn lực lớn trong huy động vốn từ thị trường trái phiếu nhằm giảm thiểu phụ thuộc vào nguồn vốn vay ngân hàng trong thời gian tới.

Trong nửa cuối năm 2022, tình hình kinh tế thế giới và các diễn biến phức tạp của thị trường tài chính trong nước đã ảnh hưởng đến chi phí tài chính của Công Ty tại Việt Nam tăng cao, tác động đến lợi nhuận của Công Ty.

- (b) **Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới kết quả hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:** không có ảnh hưởng nào đáng kể ngoài các yếu tố đã được liệt kê ở trên.

2. Tình Hình Tài Chính

2.1 Các Chỉ Tiêu Cơ Bản

Tình hình công nợ hiện nay:

(i) Các khoản phải thu:

Chỉ tiêu	<i>Đơn vị: triệu VND</i>		
	31/12/2021	31/12/2022	Quý I năm 2023
Các khoản phải thu ngắn hạn	2.706.513	2.982.434	3.100.771
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.988.261	2.170.552	2.233.448
Trả trước cho người bán ngắn hạn	243.333	371.154	415.040
Phải thu về cho vay ngắn hạn	21.200	21.200	21.200
Phải thu ngắn hạn khác	453.719	434.403	445.956
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-14.875	-14.874

Các khoản phải thu dài hạn	1.334.575	1.403.254	1.403.683
Phải thu dài hạn khác	1.334.575	1.403.254	1.403.683
Tổng các khoản phải thu	4.041.088	4.385.688	4.504.454

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 của Công Ty)

(ii) Các khoản phải trả:

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	Quý I năm 2023
Các khoản phải trả ngắn hạn	7.899.659	16.661.285	16.796.885
Phải trả người bán ngắn hạn	1.505.351	1.566.468	1.385.926
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	34.709	489.804	729.354
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	166.761	160.004	115.446
Phải trả người lao động	4.778	14.842	5.286
Chi phí phải trả ngắn hạn	950.999	763.179	905.372
Phải trả ngắn hạn khác	417.867	2.049.516	1.454.542
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	4.800.093	11.607.475	12.193.263
Dự phòng phải trả ngắn hạn	19.101	9.997	7.697
Các khoản trả dài hạn	16.625.808	9.123.463	9.180.054
Phải trả dài hạn khác	3.000.000	2.000.000	2.000.000
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	6.261.142	1.490.595	1.561.463
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	1.013.941	1.010.086	994.594
Dự phòng phải trả dài hạn	6.350.725	4.622.782	4.623.997
Tổng các khoản phải trả	24.525.467	25.784.749	25.976.939

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 của Công Ty)

Tổng dư nợ vay:

Đơn vị: triệu VND

Chỉ tiêu	31/12/2021	31/12/2022	Quý I năm 2023
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	4.800.093	11.607.475	12.193.263
Vay ngắn hạn	3.801.630	5.818.241	6.397.498
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả	998.463	5.789.234	5.795.765
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	6.261.141	1.490.595	1.561.463
Phát hành trái phiếu dài hạn	7.259.604	7.279.829	7.287.021
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	-998.463	-5.789.234	-5.795.765
Vay dài hạn	-	-	70.206
Tổng	11.061.234	13.098.070	13.754.726

(Nguồn: BCTC hợp nhất kiểm toán năm 2021, 2022 và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 của Công Ty)

- Tình hình thanh toán các khoản nợ đến hạn: Các khoản nợ của Công Ty Núi Pháo đều được thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong những năm qua. Các nghĩa vụ nợ khác như: phải trả người bán, phải trả công nhân viên, và các khoản phải trả và phải nộp khác đã được Công Ty Núi Pháo thanh toán đúng hạn và đầy đủ.
- Tổ Chức Phát Hành và công ty con không vi phạm các điều khoản khác trong hợp đồng/cam kết liên quan đến các khoản nợ.
- Thông tin trái phiếu chưa đáo hạn của Tổ Chức Phát Hành: xem điểm 13.2 mục IV của Bản Cáo Bạch này.

Các khoản phải nộp theo luật định:

Các loại thuế, phí, bảo hiểm phải nộp theo luật định đã được Công Ty Núi Pháo thực hiện kê khai theo đúng các quy định hiện hành và được thanh toán cho cơ quan thuế đúng hạn. Cụ thể các khoản phải nộp theo luật định tại ngày 31/12/2022 và 31/3/2023 chi tiết như sau:

	1/1/2022 (triệu VND)	Số phải nộp trong năm (triệu VND)	Số đã nộp/bù trừ trong năm (triệu VND)	Chênh lệch chuyển đổi tỷ giá (triệu VND)	31/12 /2022 (triệu VND)	31/3 /2023 (triệu VND)
Thuế phải nộp tại Việt Nam	14.814	1.362.384	-1.345.845	-	31.353	10.108
Thuế giá trị gia tăng	-	474.599	-474.599	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	221.906	-221.906	-	-	1.272
Thuế thu nhập doanh nghiệp	909	21.697	-1.053	-	21.553	-
Thuế thu nhập cá nhân	9.157	136.285	-136.421	-	9.021	8.536
Thuế bảo vệ môi trường	-	20.868	-20.868	-	-	-
Thuế tài nguyên	-	459.286	-459.286	-	-	-
Các loại thuế khác	4.748	27.743	-31.712	-	779	301
Thuế phải nộp tại nước ngoài	151.946	337.406	-357.383	-3.319	128.650	105.337
Thuế thu nhập doanh nghiệp	82.427	23.387	-45.928	-2.014	57.872	35.238
Thuế khác	69.519	314.019	-311.455	-1.305	70.778	70.099
Tổng cộng	166.761	1.699.790	-1.703.228	-3.319	160.004	115.446

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất quý I năm 2023 của Công Ty)

- **Trích lập các quỹ theo quy định:**

Trong năm 2020, 2021 và 2022, Tổ Chức Phát Hành trên cơ sở riêng lẻ không thực hiện trích các quỹ nhằm ưu tiên nguồn lợi nhuận để lại vào việc đầu tư vào các hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, Việc trích lập các quỹ sẽ được thực hiện theo nghị quyết của Hội đồng Thành viên của Tổ Chức Phát Hành.

- **Những biến động lớn có thể ảnh hưởng tới tình hình tài chính của Tổ Chức Phát Hành kể từ thời điểm kết thúc năm tài chính gần nhất:** Không có.

2.2 Các Chỉ Tiêu Tài Chính Chủ Yếu

Các chỉ tiêu tài chính trên cơ sở hợp nhất

Chỉ tiêu	2021	2022	Quý I năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			
Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	1,34	0,73	0,74
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,59	0,32	0,33
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	30,80%	34,31%	35,78%
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	97,18%	105,66%	110,34%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (vòng)			
Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân ^(*)	0,37	0,42	0,40
Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân ^(*)	1,34	1,37	1,23
Vòng luân hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân ^(*)	2,09	2,06	1,90
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	2,66%	1,37%	1,05%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA) ^(*)	1,00%	0,58%	0,42%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) ^(*)	3,22%	1,79%	1,28%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	-	-	-

(Nguồn: BCTC hợp nhất năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC hợp nhất Quý I năm 2023 của Công Ty)

^(*) Số liệu cho Quý I năm 2023 đã được ngoại suy cho cả năm

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu của Công Ty mẹ (riêng lẻ)

Chỉ tiêu	2021	2022	Quý I năm 2023
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (lần)			

BẢN CÁO BẠCH

Hệ số thanh toán ngắn hạn: Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,90	0,51	0,48
Hệ số thanh toán nhanh: (Tài sản ngắn hạn – Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn	0,48	0,26	0,23
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	38,92%	38,33%	39,01%
Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	90,51%	92,86%	93,82%
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (vòng)			
Vòng quay tổng tài sản: Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân ^(*)	0,15	0,17	0,17
Vòng quay vốn lưu động: Doanh thu thuần/Tổng tài sản ngắn hạn bình quân ^(*)	0,81	0,83	0,78
Vòng luân hàng tồn kho: Giá vốn hàng bán/ Hàng tồn kho bình quân ^(*)	1,44	1,35	1,20
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)			
Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu (ROS): Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	-6,31%	0,48%	-8,79%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân (ROA) ^(*)	-0,97%	0,08%	-0,36%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế /Vốn chủ sở hữu bình quân (ROE) ^(*)	-2,24%	0,19%	-3,52%
Thu nhập trên cổ phần (EPS)	-	-	-

(Nguồn: BCTC riêng lẻ năm 2021, 2022 đã kiểm toán và BCTC riêng lẻ Quý I năm 2023 của Công Ty)

^(*) Số liệu cho Quý I năm 2023 đã được ngoại suy cho cả năm

Về khả năng thanh toán:

Trong năm 2021, các chỉ số về khả năng thanh toán được cải thiện, với hệ số thanh toán ngắn hạn tăng từ 1,29 lần lên 1,34 lần và hệ số thanh toán nhanh ổn định ở mức 0,59 lần. Hệ số thanh toán cải thiện từ các yếu tố như tiền và các khoản tương đương tiền tăng thêm 300 tỷ, các khoản phải thu ngắn hạn bằng với mức năm 2020, tăng tích lũy hàng tồn kho và sản lượng sản xuất của các sản phẩm như vonfram (sản lượng tăng lên 96%), trong khi tổng nợ ngắn hạn được kiểm soát tương đương với năm 2020. Trong năm 2022, chỉ số về khả năng thanh toán giảm về mức 0,73 lần, lý do vì các khoản vay dài hạn đến hạn trả trong năm 2023 được chuyển đổi thành nợ ngắn hạn nên làm cho tổng nợ phải trả tăng lên, mặc dù tài sản ngắn hạn đã tăng trưởng 15%. Trong Quý 1 năm 2023, các chỉ tiêu về khả năng thanh toán duy trì ổn định như mức năm 2022.

Về cơ cấu vốn:

Các chỉ tiêu về nợ như tỷ lệ Nợ/Tổng tài sản được duy trì ổn định ở mức 34,31% trong năm 2022, có tăng 3,5% so với năm 2021, do Công Ty chủ động tăng thêm khoản nợ vay ngắn hạn và vốn lưu động để hỗ trợ hoạt động sản xuất và kinh doanh tăng trưởng trong năm 2022, nợ vay dài hạn từ trái phiếu và các khoản phải trả trong vòng 12 tháng không có nhiều biến động. Tỷ lệ Nợ trên vốn chủ sở hữu duy trì ở mức 105% và hệ số này được duy trì ổn định ở mức xấp xỉ 100% từ năm 2020 đến 2022. Trong Quý 1 năm 2023, các chỉ tiêu về cơ cấu vốn duy trì ổn định như mức chỉ tiêu năm 2022.

Về năng lực hoạt động:

Trong năm 2022, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động đều được cải thiện so với năm 2021 và năm 2020, với vòng quay tổng tài sản từ 0,23 lên 0,42 lần, vòng quay vốn lưu động từ 0,85 lên 1,37 lần và vòng quay hàng tồn kho từ 1,75 lên 2,06 lần. Yếu tố chính để các chỉ số về năng lực hoạt động của Công Ty cải thiện là nhờ vào sự hoạt động và kiểm soát hiệu quả việc khai thác dự án Núi Pháo, tích lũy đủ lượng hàng tồn kho trong các năm trước và sự đóng góp của nền tảng kinh doanh H.C.Starck GmbH trên toàn cầu mà Công Ty đã mua lại trong năm 2020, đồng thời giá các sản phẩm trên thị trường tăng cao và nhu cầu trên thế giới tăng trưởng mạnh mẽ đã thúc đẩy doanh thu tăng trưởng liên tục trong năm 2021 và 2022 so với năm 2020. Trong Quý 1 năm 2023, các chỉ tiêu về năng lực hoạt động duy trì ổn định như mức chỉ tiêu năm 2022.

Về khả năng sinh lời:

Mặc dù có các yếu tố tích cực từ giá bán và sản lượng bán các sản phẩm của Tổ Chức Phát Hành, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời giảm trong năm 2022 so với năm 2021 như tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu giảm từ 2,66% về mức 1,37%, hệ số lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản bình quân từ 1% xuống mức 0,58% và hệ số lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu bình quân từ 3,22% xuống 1,79%. Lý do các hệ số sinh lời giảm trong năm 2022 mặc dù doanh thu tăng trưởng là chi phí năng lượng và nguyên liệu thô đầu vào tăng ở tất cả các hoạt động của Công Ty tại Việt Nam và trên thế giới, cùng với diễn biến phức tạp xung đột Ukraina, chính sách “Không Covid” của Trung Quốc đều dẫn đến áp lực lên chi phí cho nguồn nguyên liệu đầu vào. Đồng thời, chi phí sản xuất và nguyên liệu đầu vào cũng tăng do các yếu tố lạm phát đang diễn ra trên toàn thế giới và chi phí tài chính cao do chi phí vốn cao hơn tại Việt Nam trong nửa cuối năm 2022 cũng tác động tiêu cực đến lợi nhuận sau thuế và các chỉ số khả năng sinh lời. Trong Quý 1 năm 2023, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời thấp hơn như mức chỉ tiêu năm 2022, vì chủ yếu do nhu cầu toàn cầu trong Quý 1 tạm thời giảm và chi phí đầu vào tăng.

3. Ý Kiến Của Tổ Chức Kiểm Toán Đối Với Báo Cáo Tài Chính

BCTC hợp nhất và riêng kiểm toán năm 2021 và 2022 của Tổ Chức Phát Hành được kiểm toán bởi Công ty TNHH KPMG. Trong đó, ý kiến kiểm toán đối với các BCTC cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 và 31/12/2022 (bao gồm kết quả riêng lẻ và hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành) như sau:

- Ý kiến kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: *“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.*
- Ý kiến kiểm toán báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: *“Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính”.*

Trong báo cáo kiểm toán của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 có nêu vấn đề cần nhấn mạnh: "Chúng tôi lưu ý người đọc tới Thuyết minh 33 của báo cáo tài chính riêng đề cập đến việc trong năm 2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường ("BTNMT") đã ban hành Quyết định số 1640/QĐ/BTNMT ("Quyết định 1640") xác định mức giá được sử dụng để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ("Giá tính TCQKTKS") và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ("TCQKTKS") của mỏ Núi Pháo thay thế Giá tính TCQKTKS và TCQKTKS tạm tính trong Quyết định số 500/QĐ-BTNMT do BTNMT ban hành vào ngày 4 tháng 3 năm 2015, mặc dù tại thời điểm ban hành Quyết định này giá tính thuế áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được xác định. Giá tính TCQKTKS theo Quyết định 1640 là 1.831.085 VND/tấn trong khi Giá tính TCQKTKS tạm thu theo quyết định trước đây là 775.026 VND/tấn. Theo đó, TCQKTKS bổ sung do thay đổi về Giá tính TCQKTKS trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2021 là 394,5 tỷ VND. Ban Giám đốc Công ty đã đề nghị các cơ quan quản lý có thẩm quyền tạm hoãn thi hành Quyết định 1640 và xác định Giá tính TCQKTKS áp dụng với sản phẩm công nghiệp của Công ty. Kết quả cuối cùng của vấn đề này hiện nay vẫn chưa được xác định và phụ thuộc vào việc xác định giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty và BTNMT có chấp thuận tính toán lại TCQKTKS tại Quyết định 1640 khi Giá tính TCQKTKS được xác định. Do đó, TCQKTKS bổ sung theo Quyết định 1640 chưa được ghi nhận là nợ phải trả trong báo cáo tài chính riêng. Vấn đề này cho thấy một yếu tố không chắc chắn có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng. Kết luận kiểm toán của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề cần nhấn mạnh này."

- Ý kiến kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".
- Ý kiến kiểm toán báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021: "Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính".

Trong báo cáo kiểm toán của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 có nêu vấn đề cần nhấn mạnh: "Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc tới Thuyết minh 7(b) và Thuyết minh 35 của báo cáo tài chính riêng đề cập đến việc trong năm 2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường ("BTNMT") đã ban hành Quyết định số 1640/QĐ/BTNMT ("Quyết định 1640") xác định mức giá được sử dụng để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ("Giá tính TCQKTKS") và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ("TCQKTKS") của mỏ Núi Pháo thay thế TCQKTKS tạm tính trong các quyết định trước đây mặc dù tại thời điểm ban hành Quyết định này giá tính thuế áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa có. Giá tính TCQKTKS theo Quyết định 1640 là 1.831.085 VND/tấn trong khi Giá tính TCQKTKS tạm thu theo quyết định trước đây là 775.026 VND/tấn. Theo đó, TCQKTKS bổ sung do thay đổi về Giá tính TCQKTKS

trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2021 là 394,5 tỷ VND. Hiện Ban Giám đốc Công ty đã đề nghị các cơ quan quản lý có thẩm quyền tạm hoãn thi hành Quyết định 1640 và xác định lại Giá tính TCQKTKS áp dụng với sản phẩm công nghiệp của Công ty. Kết quả cuối cùng của vấn đề này hiện chưa được xác định và có thể phụ thuộc vào việc BTNMT có chấp thuận sử dụng Giá tính TCQKTKS áp dụng với sản phẩm công nghiệp của Công ty để thực hiện tính toán lại TCQKTKS trong quyết định 1640 hay không. Do đó, Công ty chưa thực hiện ghi nhận bất cứ nghĩa vụ nào liên quan đến TCQKTKS bổ sung trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2021 như đã nêu trong Quyết định 1640 trong báo cáo tài chính riêng. Vấn đề này cho thấy một yếu tố không chắc chắn có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng. Kết luận kiểm toán của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề cần nhấn mạnh này."

4. **Kết Quả Xếp Hạng Tín Nhiệm:** không áp dụng.

5. **Kế Hoạch Lợi Nhuận Các Năm Tiếp Theo**

5.1 **Kế Hoạch Lợi Nhuận**

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2023	2022	Đơn vị: tỷ VND
				% TĂNG GIẢM
1.	Doanh thu thuần	16.500 - 18.200	15.563	6% - 17%
2.	Lợi nhuận sau thuế	đến 300	213	đến 41%
3.	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần	đến 1,6%	1,4%	đến 14%
4.	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân	đến 2,4%	1,8%	đến 33%
5.	Tỷ lệ phân chia lợi nhuận	-	-	-

(Nguồn: Công Ty)

Cấp Có Thẩm Quyền Thông Qua Kế Hoạch nêu trên: Hội đồng Thành viên đã thông qua nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐTV ngày 08 tháng 06 năm 2023.

5.2 **Căn Cứ Để Đạt Được Kế Hoạch Lợi Nhuận Nêu Trên**

Kế hoạch hoạt động của các lĩnh vực kinh doanh

Sau khi các quốc gia trên thế giới đã kiểm soát được đại dịch Covid-19 và mở cửa nền kinh tế, đặc biệt Trung Quốc đã bãi bỏ hoàn toàn các biện pháp hạn chế để phòng chống dịch bệnh, các yếu tố về lạm phát trên thế giới đang được kiểm soát, Công Ty dự đoán giá và nhu cầu thị trường Vonfram và các sản phẩm khác của Công Ty đang kinh doanh nói chung sẽ tiếp tục tăng trưởng mạnh mẽ, cùng với việc Công ty sẽ tiếp tục thực hiện các biện pháp nhằm gia tăng hiệu quả sản xuất và hoạt động của Công Ty sẽ là các cơ sở để thực hiện kế hoạch trong năm 2023. Đồng thời, chúng tôi tin tưởng là cơ hội ghi nhận doanh thu từ việc bán đồng trong bối cảnh giá đồng đang tăng cao và công ty đã tích lũy tồn kho đồng trong nhiều năm, cùng với sự vận hành hiệu quả của nền tảng kinh doanh Vonfram của HCS trên toàn cầu sẽ giúp Công ty vượt đạt được các kế hoạch trên.

Kế hoạch đầu tư

Trong năm 2023, Công Ty có kế hoạch đầu tư nâng cấp, thay thế, mua mới các tài sản cố định phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công Ty và một số hoạt động nâng cao hiệu suất nhà máy, mở rộng hoạt động khai thác với tổng giá trị khoảng 20 triệu USD. Hoạt động đầu tư này góp phần thúc đẩy sản xuất để đạt được mức lợi nhuận kỳ vọng.

5.3 Đánh Giá Của Tổ Chức Tư Vấn Về Kế Hoạch Lợi Nhuận

Về kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành

Kế hoạch lợi nhuận của Tổ Chức Phát Hành được đưa ra trên cơ sở các dự báo về kinh tế nói chung, các rủi ro dự đoán cũng như thực trạng và triển vọng kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành. Trên cơ sở phân tích kết quả hoạt động kinh doanh mà Tổ Chức Phát Hành đã đạt được trong việc sản xuất và kinh doanh khoáng sản, đặc biệt là vonfram qua các năm, kế hoạch mở rộng và phát triển cũng như tình hình tài chính khả quan của Tổ Chức Phát Hành. Tổ Chức Tư Vấn nhận thấy khả năng đạt được kế hoạch lợi nhuận năm 2023 như đã đề ra ở mục trên của Tổ Chức Phát Hành là khả thi nếu không gặp phải những rủi ro bất khả kháng.

Về khả năng cân đối thanh toán trả nợ gốc và lãi của Trái Phiếu

Về khả năng thanh toán lãi Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng phần lợi nhuận thu được từ các hoạt động kinh doanh, đầu tư và các nguồn thu hợp pháp khác để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư. Theo kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp cho Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán lãi Trái Phiếu.

Gốc Trái Phiếu được thanh toán một lần vào Ngày Đáo Hạn hoặc ngày mua lại trước hạn Trái Phiếu dù là tự nguyện hoặc mua lại bắt buộc. Tùy tình hình thị trường thực tế, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng (i) lợi nhuận kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, nguồn thu từ hoạt động tài chính, đầu tư và các nguồn thu hợp pháp khác của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc (ii) vốn huy động từ nền kinh tế để thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc thời điểm Trái Phiếu được mua lại trước hạn.

Với triển vọng về giá và nhu cầu của các sản phẩm của Công Ty tăng trưởng do tình hình thế giới dần được ổn định, lạm phát đang được các quốc gia kiểm soát và việc Trung Quốc mở cửa nền kinh tế vào cuối năm 2022 là những tín hiệu tích cực về việc dự đoán nhu cầu thế giới sẽ phục hồi, đồng thời việc tích hợp nền tảng kinh doanh Vonfram của H.C.Starck Group GmbH cho phép Tổ Chức Phát Hành mở rộng danh mục sản phẩm, mạng lưới khách hàng và vươn ra các thị trường toàn cầu; và gia tăng sản lượng kinh doanh đồng trong tương lai dự kiến sẽ mang lại kết quả kinh doanh khả quan cho Tổ Chức Phát Hành. Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành nhận thấy rằng kế hoạch và khả năng thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành có thể thực hiện được nếu không xảy ra các rủi ro bất khả kháng.

Tổ Chức Tư Vấn xin lưu ý rằng, ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của Tổ Chức Tư Vấn, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và tính toán dựa trên lý thuyết về tài chính mà không hàm ý bảo đảm giá trị chứng khoán cũng như tính chắc chắn của các số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo đối với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành.

5.4 Đánh giá của Tổ chức kiểm toán độc lập về kế hoạch doanh thu, lợi nhuận

Không có.

6. Kế Hoạch Chào Bán Trái Phiếu Trong 3 Năm Tiếp Theo

Ngoài Trái Phiếu dự kiến được chào bán theo thông tin tại Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành đang có kế hoạch thực hiện chào bán ra công chúng các trái phiếu như sau:

Trái phiếu NPMPO2328005 và Trái phiếu NPMPO2328006:

Tổ Chức Phát Hành dự kiến chào bán ra công chúng các trái phiếu NPMPO2328005 và Trái phiếu NPMPO2328006 được phê duyệt phương án phát hành theo Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐTV ngày 8 tháng 6 năm 2023 của HĐTV của Công Ty, với các thông tin chi tiết như sau:

Thông tin trái phiếu NPMPO2328005 và NPMPO2328006

Phê duyệt phương án phát hành của HĐTV	Nghị quyết số 29/2023/NQ-HĐTV ngày 8 tháng 6 năm 2023 của HĐTV của Công Ty.
Hình thức phát hành	Chào bán trái phiếu ra công chúng.
Loại trái phiếu	Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, và có bảo đảm.
Mệnh giá mỗi trái phiếu	100.000 VND/trái phiếu.
Tổng Số lượng trái phiếu chào bán	10.000.000 (mười triệu) trái phiếu, trong đó: - Đối với Trái phiếu NPMPO2328005: 5.500.000 trái phiếu - Đối với Trái phiếu NPMPO2328006: 4.500.000 trái phiếu
Tổng giá trị trái phiếu chào bán theo mệnh giá	1.000.000.000.000 VND (một nghìn tỷ Đồng), trong đó: - Đối với Trái phiếu NPMPO2328005: 550.000.000.000 VND - Đối với Trái phiếu NPMPO2328006: 450.000.000.000 VND
Kỳ hạn	60 tháng kể từ ngày phát hành của trái phiếu.
Lãi suất trái phiếu	Kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.
Thời điểm chào bán dự kiến	Quý II và Quý III năm 2023.
Mục đích chào bán:	Tổ Chức Phát Hành dự kiến chào bán Trái Phiếu ra công chúng để cơ cấu lại nợ của Tổ Chức Phát Hành.

[Mục VI. Thông Tin Về Đợt Chào Bán bắt đầu từ trang sau. Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

VI. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN

Mục VI này chỉ trình bày tóm tắt (mà không phải toàn bộ) các điều khoản và điều kiện của Các Trái Phiếu được chào bán theo Bản Cáo Bạch này. Các điều khoản và điều kiện đầy đủ của Các Trái Phiếu (sau đây gọi là “**Các Điều Kiện Trái Phiếu**”) được quy định tại Phụ Lục I của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu số 07/2023/BHA/NPM-TCBS (đối với Trái Phiếu NPMPO2328003) được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Phụ Lục I của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu số 08/2023/BHA/NPM-TCBS (đối với Trái Phiếu NPMPO2328004) được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (được xác định tại Đoạn 12 có tiêu đề “Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu” của Mục VI dưới đây) (sau đây gọi là “**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**”).

Ngoài Các Điều Kiện Trái Phiếu, Trái Phiếu còn chịu sự điều chỉnh của Các Văn Kiện Trái Phiếu. Các Văn Kiện Trái Phiếu được lưu tại địa chỉ của Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (nêu tại trang đầu của Bản Cáo Bạch) để Nhà Đầu Tư nghiên cứu, xem xét và sao chụp (nếu cần).

Một khi đăng ký mua Trái Phiếu, Nhà Đầu Tư (i) được coi là đã nghiên cứu và chấp thuận toàn bộ nội dung của Các Điều Kiện Trái Phiếu, Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, (ii) phụ thuộc vào việc đã thanh toán đầy đủ tiền mua Trái Phiếu, được hưởng các quyền và lợi ích quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và (iii) chịu sự ràng buộc của Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

Các Văn Bản Pháp Lý Liên Quan Đến Đợt Chào Bán

- Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 17 tháng 06 năm 2020, cùng các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
- Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26/11/2019;
- Nghị Định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
- Thông Tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
- Các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật khác có liên quan;
- Nghị Quyết số 27/2023/NQ-HĐTV ngày 08/06/2023 của HĐTV của Tổ Chức Phát Hành phê duyệt phương án phát hành, phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán Các Trái Phiếu và phương án trả nợ Các Trái Phiếu và các nghị quyết sửa đổi, bổ sung khác tại từng thời điểm (nếu có) (“**Nghị Quyết Phê Duyệt Phương Án Phát Hành**”); và
- Nghị Quyết số 28/2023/NQ-HĐTV ngày 08/06/2023 của HĐTV của Tổ Chức Phát Hành phê duyệt hồ sơ chào bán ra công chúng Các Trái Phiếu và các nghị quyết sửa đổi, bổ sung khác tại từng thời điểm (nếu có).

1. **Tên trái phiếu:** Trái Phiếu NPMPO2328003 và Trái Phiếu NPMPO2328004

2. **Loại Và Tính Chất Trái Phiếu**

- Loại Trái Phiếu: Các Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm bằng tài sản.
- Tính chất Trái Phiếu: Trái Phiếu tạo thành các nghĩa vụ nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành. Các Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang bằng mà không Trái Phiếu nào sẽ có quyền ưu tiên thanh toán hơn so với các Trái Phiếu còn lại vì bất kỳ lý do nào. Nếu sau khi xử lý Tài Sản Bảo Đảm mà nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu còn tồn đọng do số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm không đủ thì phần nghĩa vụ còn tồn đọng (nếu có) sẽ có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ khác không được bảo đảm ở thời điểm hiện tại hoặc tương lai của Tổ Chức Phát Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan).

3. **Mệnh Giá**

Mệnh giá mỗi Trái Phiếu là 100.000 VND (Một trăm nghìn Đồng).

4. **Tổng Số Trái Phiếu Chào Bán**

Tổng số lượng Trái Phiếu chào bán là 12.000.000 (mười hai triệu) Trái Phiếu, bao gồm

- Trái Phiếu NPMPO2328003: 7.000.000 (bảy triệu) Trái Phiếu; và
- Trái Phiếu NPMPO2328004: 5.000.000 (năm triệu) Trái Phiếu.

5. **Tổng Giá Trị Trái Phiếu Chào Bán Theo Mệnh Giá**

Tổng giá trị 1.200.000.000.000 VND (một nghìn hai trăm tỷ Đồng) (tính theo mệnh giá) trong một đợt chào bán ra công chúng ("**Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng**"), bao gồm

- Trái Phiếu NPMPO2328003: 700.000.000.000 VND (bảy trăm tỷ Đồng); và
- Trái Phiếu NPMPO2328004: 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng).

6. **Kỳ Hạn Trái Phiếu**

Các Trái Phiếu có kỳ hạn 60 (sáu mươi) tháng kể từ Ngày Phát Hành.

"**Ngày Phát Hành**" có nghĩa là ngày kết thúc đợt chào bán của Trái Phiếu theo quy định tại Luật Chứng Khoán.

7. **Lãi Suất**

Lãi suất áp dụng chung cho Các Trái Phiếu là lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, cụ thể như sau:

- Đối với 2 (hai) Kỳ Tính Lãi (như được định nghĩa dưới đây) đầu tiên: lãi suất cố định 9%/năm (chín phần trăm một năm); và
- Đối với các Kỳ Tính Lãi còn lại: Lãi suất thả nổi, được tính bằng tổng của 4,1% (bốn phẩy một phần trăm)/năm và Lãi Suất Tham Chiếu của Kỳ Tính Lãi đó.

Trong đó,

“Kỳ Tính Lãi” có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài 6 (sáu) tháng liên tục từ Ngày Phát Hành cho đến đến ngày đáo hạn của Trái Phiếu (hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn). Để tránh nhầm lẫn, Kỳ Tính Lãi đầu tiên sẽ bắt đầu vào Ngày Phát Hành và mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo sẽ bắt đầu vào ngày liền sau ngày kết thúc Kỳ Tính Lãi liền trước đó.

“Lãi Suất Tham Chiếu” có nghĩa là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam công bố vào hoặc vào khoảng 11:00 giờ sáng (giờ Việt Nam) của Ngày Xác Định Lãi Suất (như được định nghĩa dưới đây) của Kỳ Tính Lãi đó.

“Ngày Xác Định Lãi Suất” có nghĩa là đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là Ngày Làm Việc thứ 11 (mười một) trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó.

8. Kỳ Hạn Trả Lãi, Trả Gốc

Lãi áp dụng cho Trái Phiếu sẽ được thanh toán sau, định kỳ vào ngày tròn 6 (sáu) tháng từ Ngày Phát Hành cho đến ngày tròn 60 (sáu mươi) tháng kể từ Ngày Phát Hành (**“Ngày Đáo Hạn”**) hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn hoặc mua lại bắt buộc. Gốc Trái Phiếu được thanh toán một lần vào Ngày Đáo Hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn hoặc mua lại bắt buộc.

9. Giá Chào Bán Dự Kiến

Giá chào bán dự kiến là 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu.

10. Thứ Tự Ưu Tiên Thanh Toán Trong Trường Hợp Tổ Chức Phát Hành Mất Khả Năng Trả Nợ/Chấm Dứt Hoạt Động

Các Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang bằng mà không Trái Phiếu nào sẽ có quyền ưu tiên thanh toán hơn so với các Trái Phiếu còn lại vì bất kỳ lý do nào. Nếu sau khi xử lý Tài Sản Bảo Đảm mà nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu còn tồn đọng do số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm không đủ thì phần nghĩa vụ còn tồn đọng (nếu có) sẽ có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ khác không được bảo đảm ở thời điểm hiện tại hoặc tương lai của Tổ Chức Phát Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan).

Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành mất khả năng trả nợ, chấm dứt hoạt động, tiến hành thủ tục phá sản hoặc trở thành đối tượng bị yêu cầu tuyên bố phá sản trong thủ tục phá sản, khoản nợ Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành sẽ được xem là khoản nợ có bảo đảm và việc xử lý khoản nợ

này sẽ được thực hiện theo quy định tại Điều 53 của Luật Phá sản.³ Theo đó việc xử lý tài sản bảo đảm trong các trường hợp nêu trên được thực hiện như sau:⁴

- (A) Đối với khoản nợ có bảo đảm được xác lập trước khi Tòa án nhân dân thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản **được thanh toán bằng tài sản bảo đảm đó**; và
- (B) Trường hợp giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán số nợ thì phần nợ còn lại sẽ được thanh toán trong quá trình thanh lý tài sản của doanh nghiệp; nếu giá trị tài sản bảo đảm lớn hơn số nợ thì phần chênh lệch được nhập vào giá trị tài sản của doanh nghiệp.

Sau khi xử lý Tài Sản Bảo Đảm của Trái Phiếu mà giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán số nợ thì phần nợ còn lại sẽ được thanh toán trong quá trình thanh lý tài sản của doanh nghiệp theo thứ tự như được quy định tại Điều 54 của Luật Phá sản như sau:

- a) Chi phí phá sản;
- b) Khoản nợ lương, trợ cấp thôi việc, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế đối với người lao động, quyền lợi khác theo hợp đồng lao động và thỏa ước lao động tập thể đã ký kết;
- c) Khoản nợ phát sinh sau khi mở thủ tục phá sản nhằm mục đích phục hồi hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp;
- d) Nghĩa vụ tài chính đối với Nhà nước; khoản nợ không có bảo đảm phải trả cho chủ nợ trong danh sách chủ nợ; khoản nợ có bảo đảm chưa được thanh toán do giá trị tài sản bảo đảm không đủ thanh toán nợ.
- e) Trường hợp giá trị tài sản của doanh nghiệp, sau khi đã thanh toán đủ các cho các khoản (a) đến (d) nêu trên mà vẫn còn thì phần còn lại này thuộc về: Thành viên của công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên.

11. Quyền Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

- (a) Được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ các khoản tiền liên quan đến Trái Phiếu, bao gồm cả tiền lãi và gốc;
- (b) Được đại diện bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (như được định nghĩa bên dưới) trong việc thi hành một số quyền của mình;
- (c) Được sử dụng Trái Phiếu để chuyển nhượng, chiết khấu, làm tài sản bảo đảm, để tặng, cho, để lại thừa kế, góp vốn, hoán đổi, trao đổi, chuyển quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác hoặc tham gia các giao dịch thương mại/dân sự/tín dụng hợp pháp khác phù hợp với các quy định liên quan đến Trái Phiếu và các quy định có liên quan của pháp luật;
- (d) Được cấp trích lục Sổ Đăng Ký (nếu có yêu cầu);

³ Luật Phá sản số 51/2014/QH13 (Quốc hội, ngày 19 tháng 6 năm 2014) (“**Luật Phá Sản**”).

⁴ Luật Phá Sản, Điều 53.3.

- (e) Được tham dự các cuộc họp của tất cả Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (“**Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**”) và biểu quyết tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và được lấy ý kiến và biểu quyết về các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu mà yêu cầu phải lấy ý kiến của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (“**Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**”);
- (f) Được nhận các thông báo, thông tin liên quan đến Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Phát Hành; và
- (g) Các quyền khác có liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của pháp luật hiện hành, Các Điều Kiện Trái Phiếu và Các Văn Kiện Trái Phiếu.
 - Ngoại trừ các vấn đề yêu cầu phải được quyết định bởi Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối, nghị quyết hoặc quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được coi là thông qua hợp lệ nếu được chấp thuận bởi hoặc nhân danh một hoặc nhiều Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) của (i) tổng mệnh giá các Trái Phiếu được nắm giữ bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự hội nghị nếu được biểu quyết tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc (ii) tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm thông qua nghị quyết hoặc quyết định đó nếu được biểu quyết dưới hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
 - Mọi Vấn Đề Loại Trừ phải được quyết định bởi một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối (dù tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hay bằng cách Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu). Tỷ lệ cần thiết để thông qua Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối được xác định trong định nghĩa “Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối” tại Các Điều Kiện Trái Phiếu (như được định nghĩa dưới đây).
 - Nghị quyết được thông qua bằng hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được tiến hành phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có giá trị như nghị quyết được thông qua tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Thủ tục Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

“**Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối**” có nghĩa là nghị quyết hoặc quyết định bằng văn bản được thông qua bởi hoặc nhân danh một hoặc nhiều Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) của tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm thông qua nghị quyết hoặc quyết định đó (dù tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hay bằng cách Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu).

“**Vấn Đề Loại Trừ**” có nghĩa là bất kỳ vấn đề nào dưới đây:

- (i) điều chỉnh Ngày Đáo Hạn hoặc bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào;
- (ii) giảm hoặc ngừng thanh toán gốc Trái Phiếu;
- (iii) điều chỉnh Lãi Suất;
- (iv) thay đổi loại tiền tệ thanh toán đối với Trái Phiếu;

- (v) thay đổi điều kiện tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hợp lệ;
 - (vi) thay đổi tỷ lệ chấp thuận cần thiết để thông qua nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
 - (vii) thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
 - (viii) thay đổi chủng loại Tài Sản Bảo Đảm hoặc các thay đổi khác liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm cần hành động theo chỉ thị của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm và Các Điều Kiện Trái Phiếu mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không thể tự quyết định theo quy định của Các Văn Kiện Trái Phiếu;
 - (ix) sửa đổi định nghĩa về Sự Kiện Vi Phạm và Vấn Đề Loại Trừ; và
 - (x) bất kỳ vấn đề nào khác được yêu cầu một cách cụ thể là phải được thông qua bởi Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối theo Các Điều Kiện Trái Phiếu hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác.
- Trường hợp thay đổi quyền của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu: *không có*.

12. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

- Tên đại diện chủ sở hữu trái phiếu của các Trái Phiếu NPMPO2328003 và Trái Phiếu NPMPO2328004: **Công ty Cổ phần Chứng Khoán Kỹ Thương**.

Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương làm đại diện chủ sở hữu trái phiếu ban đầu theo Hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu số 07/2023/BHA/NPM-TCBS ngày 08/06/2023 được ký giữa Tổ Chức Phát Hành và Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (đối với Trái Phiếu NPMPO2328003) và Hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu số 08/2023/BHA/NPM-TCBS ngày 08/06/2023 được ký giữa Tổ Chức Phát Hành và Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (đối với Trái Phiếu NPMPO2328004) ("**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**");

- Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện quyền và trách nhiệm của mình theo quy định tại Khoản 3 Điều 24 Nghị Định 155 và có các nhiệm vụ cơ bản như được nêu sau đây:
 - Ký kết và thực hiện Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu số 07/2023/BHA/NPM-TCBS ngày 8/6/2023 (đối với Trái Phiếu NPMPO2328003); và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu số 08/2023/BHA/NPM-TCBS ngày 8/6/2023 (đối với Trái Phiếu NPMPO2328004) với Tổ Chức Phát Hành và bất kỳ văn kiện Trái Phiếu nào khác có liên quan mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là một bên nhân danh và vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
 - Thay mặt các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền lợi của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các văn kiện Trái Phiếu khác có liên quan;

- Giám sát việc tuân thủ các cam kết của Tổ Chức Phát Hành trong hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu; báo cáo cho UBCKNN trong trường hợp phát hiện và có bằng chứng rõ ràng về việc Tổ Chức Phát Hành có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- Triệu tập và tổ chức hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lấy ý kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- Ký biên bản Hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhân danh các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, biên bản kiểm phiếu, các quyết định/ngợi quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao;
- Nhận và thông báo ngay cho các bên liên quan các nội dung như được quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- Hỗ trợ Tổ Chức Phát Hành gửi thông báo về việc chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại từng thời điểm cho VSD;
- Thông báo và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành và các bên có liên quan khác thực hiện các quyết định của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc các quyết định/ngợi quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao;
- Tạo điều kiện cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rà soát, nghiên cứu và sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ; và
- Các nhiệm vụ khác theo quy định của các Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đáp ứng các điều kiện theo quy định tại Điểm 2 Điều 24 Nghị Định 155 về việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không thuộc một trong số các đối tượng sau: (i) tổ chức bảo lãnh thanh toán của Tổ Chức Phát Hành, (ii) bên sở hữu tài sản bảo đảm của Trái Phiếu hoặc (iii) cổ đông lớn hoặc người có liên quan của Tổ Chức Phát Hành.

13. Cam Kết Về Bảo Đảm

13.1 Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm

- Tên Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm của các Trái Phiếu NPMPO2328003 và Trái Phiếu NPMPO2328004: **Công ty Cổ phần Chứng Khoán Kỹ Thương (“TCBS”)**.
- Tổ Chức Phát Hành và Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“**Bên Bảo Đảm**”) đã chỉ định Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương làm Tổ chức quản lý tài sản bảo đảm theo Hợp đồng quản lý tài sản bảo đảm số 03/2023/HDQLTSBD/NPM-TCBS ngày 05/05/2023 và thỏa thuận sửa đổi hợp đồng quản lý tài sản bảo đảm số 03/2023/TTSD01/HDQLTSBD/NPM-TCBS ngày 8/6/2023 được ký giữa Tổ Chức Phát Hành, Bên Bảo Đảm và Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (đối với Trái Phiếu NPMPO2328003); và Hợp đồng quản lý tài sản bảo đảm số 04/2023/HDQLTSBD/NPM-TCBS ngày 05/05/2023 và thỏa thuận sửa đổi hợp đồng quản lý tài sản bảo đảm số 04/2023/TTSD01/HDQLTSBD/NPM-TCBS ngày 8/6/2023

được ký giữa Tổ Chức Phát Hành, Bên Bảo Đảm và Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương (đối với Trái Phiếu NPMPO2328004) (“**Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm**”);

TCBS (nhận tài sản thế chấp với vai trò Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hành động nhân danh và thay mặt cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) và/hoặc một tổ chức/cá nhân đáp ứng các yêu cầu của quy định pháp luật có liên quan do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ định để cùng với hoặc thay thế cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận và quản lý các tài sản bảo đảm (“**Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm**”).

13.2 Hình Thức Bảo Đảm

Các Trái Phiếu được bảo đảm toàn bộ bằng tài sản bảo đảm của bên thứ ba.

Các nghĩa vụ được bảo đảm theo Các Điều Khoản Trái Phiếu là toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu (“**Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm**”) bao gồm nhưng không giới hạn: (i) nghĩa vụ thanh toán gốc của các Trái Phiếu đang lưu hành tại từng thời điểm áp dụng, (ii) nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản lãi đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán tính trên các Trái Phiếu (bao gồm cả lãi trong hạn và lãi quá hạn), (iii) số tiền phạt và bồi thường thiệt hại của Tổ Chức Phát Hành đối với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và (iv) các nghĩa vụ thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Trái Phiếu và Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

13.3 Tài Sản Bảo Đảm Đối Với Trái Phiếu NPMPO2328003

- (a) Tài Sản Bảo Đảm: phần vốn góp của của Tổ Chức Phát Hành thuộc sở hữu của Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“**Phần Vốn Góp NPM**”).
- (b) Thông Tin Về Chủ Sở Hữu Tài Sản/Bên Bảo Đảm:
 - Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“**Bên Bảo Đảm**” hoặc “**MRTN**”) được Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty thông qua việc thế chấp một số lượng Phần Vốn Góp NPM để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của Trái Phiếu NPMPO2328003 theo Quyết định của Chủ tịch Công ty số 239/2023/QĐ-CT ngày 04/5/2023 và số 295/2023/QĐ-CT ngày 8/6/2023; và Quyết định của Giám đốc Công ty số 240/2023/QĐ-GD ngày 04/5/2023 và số 296/2023/QĐ-GD ngày 8/6/2023.
 - Thông tin về MRTN:
 - o Mã số doanh nghiệp Số 0309960069 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 5 năm 2010, như được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;
 - o Địa chỉ: Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam;
 - o Lĩnh vực hoạt động: Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (cụ thể: nghiên cứu thị trường); và Hoạt động tư vấn quản lý (cụ thể: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán);
 - o Vốn điều lệ: 12.156.476.389.000 Đồng;
 - o Mối quan hệ với Tổ Chức Phát Hành: Công ty mẹ nắm giữ trực tiếp phần vốn góp chi phối tại Tổ Chức Phát Hành.

- Cam kết của bên thứ ba sở hữu tài sản bảo đảm về việc dùng tài sản đó để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trái phiếu: theo Hợp Đồng Thế Chấp Phần Vốn Góp NPM số 03/2023/HĐBĐ-PVGNPM/MRTN-TCBS ngày 05/5/2023, thỏa thuận sửa đổi hợp đồng thế chấp phần vốn góp số 03/2023/TTSD01/HĐBĐ-PVGNPM/MRTN-TCBS ngày 8/6/2023 và các sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm (đối với Trái Phiếu NPMPO2328003) (“**Hợp Đồng Bảo Đảm Phần Vốn Góp NPM**”), Bên Bảo Đảm sẽ thực hiện mọi công việc và thủ tục (kể cả ký kết và chuyển giao tài liệu) bắt buộc hoặc phải được Bên Bảo Đảm thực hiện theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan để đảm bảo hiệu lực và giá trị pháp lý của giao dịch bảo đảm và hoàn tất việc xử lý tài sản bảo đảm theo hợp đồng thế chấp đã được ký kết.
- (c) Giá trị định giá cho toàn bộ Phần Vốn Góp NPM là 12.878.496.000.000 Đồng (mười hai nghìn tám trăm bảy mươi tám tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu Đồng).
- (d) Giá trị định giá cho Phần Vốn Góp NPM thế chấp cho Trái Phiếu NPMPO2328003 là 1.403.756.064.000 Đồng (một nghìn bốn trăm lẻ ba tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu không trăm sáu mươi bốn nghìn Đồng).

Trị giá Phần Vốn Góp NPM thế chấp theo vốn điều lệ: 1.176.427.751.895 VND (*bằng chữ: một nghìn một trăm bảy mươi sáu tỷ bốn trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi một nghìn tám trăm chín mươi lăm Đồng*), tương đương tỷ lệ 10,9% vốn điều lệ của Công Ty;
- (e) Tổ chức thẩm định giá Phần Vốn Góp NPM: Công Ty Cổ Phần Thẩm Định Giá và Tư Vấn Quốc Tế (VALUCO) được chỉ định theo Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐTV ngày 08 tháng 06 năm 2023 của Tổ Chức Phát Hành.
- (f) Tài liệu định giá: Chứng thư thẩm định giá số 205/2023/CT-VALUCO ký ngày 11 tháng 4 năm 2023.
- (g) Tổng Giá Trị Bảo Đảm của Trái Phiếu NPMPO2328003: 701.878.032.000 VND (bảy trăm lẻ một tỷ tám trăm bảy mươi tám triệu không trăm ba mươi hai nghìn Đồng).
- (h) Các Nghĩa Vụ Khác Được Đảm Bảo Bằng Tài Sản Này: không có.
- (i) Hợp Đồng Có Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm:
 - Việc thế chấp Tài sản bảo đảm được quy định theo Hợp Đồng Bảo Đảm Phần Vốn Góp NPM giữa MRTN với tư cách là Bên Bảo Đảm và TCBS với tư cách là Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm;
 - Các điều khoản quan trọng được quy định tại hợp đồng bảo đảm:
(A) Mô tả Tài sản bảo đảm:

Tài sản bảo đảm theo hợp đồng bảo đảm (“**Tài Sản Bảo Đảm**”) gồm:
 - (i) Phần vốn góp NPM được thế chấp cho Trái Phiếu (“**Phần Vốn Góp Thế Chấp**”);

- (ii) các quyền, quyền lợi và lợi ích mà Bên Bảo Đảm có, được hưởng theo hoặc đối với các Phần Vốn Góp Thế Chấp, kể cả các khoản tiền và khoản phân chia liên quan đến hoặc phát sinh từ Phần Vốn Góp Thế Chấp, ngoại trừ các quyền, quyền lợi hoặc lợi ích không được coi là quyền tài sản theo quy định của Bộ Luật Dân Sự; và
- (iii) tất cả các quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác mà Bên Bảo Đảm nhận được hoặc sẽ nhận được để thay thế cho, thuộc về, hoặc liên quan đến, và mọi tài sản thuộc mọi tính chất và chủng loại nhằm để trao đổi, thay đổi hoặc thay thế cho bất kỳ quyền và tài sản nào được đề cập tại các đoạn từ (i) đến (ii) trên đây.

(B) Đăng ký giao dịch bảo đảm:

Bên Bảo Đảm có trách nhiệm phối hợp với Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm hoàn thành việc đăng ký Giao Dịch Bảo Đảm với Cơ Quan ĐKGDBĐ phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và sẽ cung cấp cho Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm bản gốc của các tài liệu đăng ký đó phù hợp với quy định của Hợp Đồng Bảo Đảm Phần Vốn Góp NPM trước hoặc vào Ngày Phát Hành.

Bên Bảo Đảm có nghĩa vụ thực hiện tất cả các công việc cần thiết để Giao Dịch Bảo Đảm được tạo lập theo Hợp Đồng Bảo Đảm Phần Vốn Góp NPM được hoàn thiện và có hiệu lực đầy đủ. Trong suốt Thời Hạn Bảo Đảm, Bên Bảo Đảm phải thực hiện tất cả các công việc theo chỉ thị hợp lý của Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (tùy từng trường hợp áp dụng) để bảo đảm hiệu lực của Giao Dịch Bảo Đảm.

(C) Bổ sung tài sản bảo đảm:

Nếu theo thông báo kết quả định giá lại mà Tổng Giá Trị Bảo Đảm thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu thì Tổ Chức Phát Hành phải bảo đảm Tổ Chức Phát Hành, Bên Bảo Đảm và/hoặc bất kỳ bên thứ ba nào khác bổ sung Tài Sản Bảo Đảm sao cho sau khi bổ sung, tổng giá trị bảo đảm duy trì không thấp hơn giá trị bảo đảm tối thiểu.

Bên Bảo Đảm có nghĩa vụ thực hiện tất cả các công việc cần thiết để Giao Dịch Bảo Đảm được tạo lập theo hợp đồng bảo đảm có liên quan được hoàn thiện và có hiệu lực đầy đủ và đảm bảo quyền của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các bên liên quan đến Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm theo hợp đồng bảo đảm có liên quan có thứ tự ưu tiên cao nhất.

(j) Văn Bản Xác Nhận Đăng Ký Biện Pháp Bảo Đảm:

- Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm số 1497436421 ngày 11 tháng 05 năm 2023 của Trung Tâm Đăng Ký Giao Dịch, Tài Sản tại Thành Phố Đà Nẵng (“**NRAST**”) đối với Phần Vốn Góp Thế Chấp.
- Văn bản cập nhật kết quả đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm số 2058052984 ngày 9 tháng 6 năm 2023 của Trung Tâm Đăng

Ký Giao Dịch, Tài Sản tại Thành Phố Đà Nẵng (“NRAST”) đối với Phần Vốn Góp Thế Chấp.

- (k) Hợp Đồng Bảo Hiểm Tài Sản: *không áp dụng*.
- (l) Phương Thức Xử Lý Tài Sản Bảo Đảm:

Quy Định Chung:

Khi một Sự Kiện Vi Phạm được xác định là đã xảy ra theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã nhận được thông báo bằng văn bản của bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi thông báo buộc mua lại trước hạn cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Các Bên Bảo Đảm và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Nếu các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm của Tổ Chức Phát Hành chưa được thanh toán vào hoặc trước ngày thanh toán cuối cùng, phụ thuộc vào các quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm sẽ thực hiện các hành động nhằm xử lý toàn bộ hoặc bất kỳ phần nào của Tài Sản Bảo Đảm phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng, Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm tương ứng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm gửi thông báo xử lý tài sản (như được định nghĩa trong Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan) cho Tổ Chức Phát Hành, Các Bên Bảo Đảm, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký và Tổ Chức Lưu Ký (nếu áp dụng) và đăng ký Thông Báo Xử Lý Tài Sản và/hoặc việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm với (các) Cơ Quan ĐKGDBĐ có thẩm quyền (nếu các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có yêu cầu).

Trong đó, “**Cơ Quan ĐKGDBĐ**” có nghĩa là Cục Đăng Ký Quốc Gia Giao Dịch Bảo Đảm thuộc Bộ Tư Pháp, bất kỳ trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản nào trực thuộc Cục Đăng Ký Quốc Gia Giao Dịch Bảo Đảm tại các địa phương hoặc bất kỳ cơ quan Nhà Nước nào khác có thẩm quyền đăng ký các biện pháp bảo đảm liên quan đến động sản và bất động sản theo các văn bản quy phạm pháp luật được áp dụng.

Phương Thức Xử Lý Tài Sản Bảo Đảm:

Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm, theo chỉ thị của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động nhân danh và vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu), có thể xử lý Tài Sản Bảo Đảm, theo một hoặc các phương thức sau đây:

- (i) bán hoặc chuyển nhượng Tài Sản Bảo Đảm theo quy định của pháp luật có liên quan;
- (ii) nhận chính Tài Sản Bảo Đảm (hành động vì lợi ích của Các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) hoặc chuyển Tài Sản Bảo Đảm để các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận chính Tài Sản Bảo Đảm thay thế cho việc thực hiện Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm;
- (iii) định đoạt Tài Sản Bảo Đảm theo cách thức khác không trái với quy định của pháp luật có liên quan; và/hoặc

- (iv) áp dụng bất kỳ phương thức xử lý Tài Sản Bảo Đảm nào khác mà Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan cho phép,

theo cách thức, vào thời điểm, tại địa điểm và theo các điều kiện mà Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm cho là cần thiết hoặc thích hợp để tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan và Các Văn Kiện Trái Phiếu.

Để tránh nhầm lẫn Bên Bảo Đảm đồng ý rằng nếu theo quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật điều kiện để Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm thực hiện bất kỳ quyền nào quy định tại đoạn này là các bên phải có thỏa thuận về việc đó thì quy định tại đoạn này chính là thỏa thuận như vậy và điều kiện đó coi như đã được thỏa mãn).

Thứ Tư Thanh Toán Sau Tiền Thu Được Từ Xử Lý Tài Sản Bảo Đảm:

Tất cả các khoản tiền mà Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm nhận được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm theo Các Điều Kiện Trái Phiếu và hợp đồng bảo đảm (trong phạm vi các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan cho phép) sẽ được thanh toán theo thứ tự như sau:

- a. thứ nhất, thanh toán tất cả các chi phí, phí tổn và phí liên quan đến việc thu nhận, chiếm hữu, di chuyển, bảo hiểm, sửa chữa, bảo quản và định đoạt Tài Sản Bảo Đảm và bất kỳ hoặc tất cả các khoản tiền khác liên quan đến việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm;
- b. thứ hai, thanh toán bất kỳ và tất cả thuế, lệ phí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ấn định đối với việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm;
- c. thứ ba, (i) nếu số tiền còn lại lớn hơn hoặc bằng tổng Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm chưa được thanh toán thì số tiền tương đương với tổng Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm này sẽ được chia thành các phần bằng với nghĩa vụ thanh toán tương ứng đối với Trái Phiếu; và (ii) nếu số tiền còn lại nhỏ hơn tổng Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm chưa được thanh toán thì sẽ được chuyển cho Tổ Chức Lưu Ký. Sau đó Tổ Chức Lưu Ký sẽ thực hiện thanh toán cho các bên có liên quan và mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu và theo thứ tự thanh toán áp dụng đối với Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu có liên quan; và
- d. thứ tư, trả khoản tiền còn lại (nếu có) cho Bên Bảo Đảm hoặc Bên Bảo Đảm có liên quan.

Trong trường hợp số tiền sau khi xử lý Tài Sản Bảo Đảm không đủ để thanh toán hết các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm thì Tổ Chức Phát Hành tiếp tục có nghĩa vụ phải thanh toán các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.

Trong phạm vi được pháp luật Việt Nam cho phép, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm theo quyết định của toàn bộ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền thay đổi thứ tự thanh toán nêu trên

13.4 Tài Sản Bảo Đảm Đối Với Trái Phiếu NPMPO2328004

- (a) Tài Sản Bảo Đảm: Phần Vốn Góp NPM thuộc sở hữu của Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (MRTN).
- (b) Thông Tin Về Chủ Sở Hữu Tài Sản/Bên Bảo Đảm:
- MRTN được Chủ tịch Công ty và Giám đốc Công ty thông qua việc thế chấp một số lượng Phần Vốn Góp NPM để đảm bảo cho nghĩa vụ thanh toán của Trái Phiếu NPMPO2328004 theo Quyết định của Chủ tịch Công ty số 239/2023/QĐ-CT ngày 04/5/2023 và số 295/2023/QĐ-CT ngày 8/6/2023; và Quyết định của Giám đốc Công ty số 240/2023/QĐ-GD ngày 04/5/2023 và số 296/2023/QĐ-GD ngày 8/6/2023.
 - Thông tin về Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên:
 - o Mã số doanh nghiệp Số 0309960069 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 5 năm 2010, như được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm;
 - o Địa chỉ: Phòng 802, tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
 - o Lĩnh vực hoạt động: Nghiên cứu thị trường và thăm dò dư luận (cụ thể: nghiên cứu thị trường); và Hoạt động tư vấn quản lý (cụ thể: dịch vụ tư vấn quản lý, tư vấn đầu tư, ngoại trừ tư vấn tài chính, kế toán)
 - o Vốn điều lệ: 12.156.476.389.000 Đồng
 - o Mối quan hệ với Tổ Chức Phát Hành: Công ty mẹ nắm giữ trực tiếp phần vốn góp chi phối tại Tổ Chức Phát Hành.
 - Cam kết của bên thứ ba sở hữu tài sản bảo đảm về việc dùng tài sản đó để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trái phiếu: theo Hợp Đồng Bảo Đảm Bằng Phần Vốn Góp NPM số 04/2023/HĐBD/PVGNPM/MRTN-TCBS ngày 05/5/2023, thỏa thuận sửa đổi hợp đồng thế chấp phần vốn góp số 04/2023/TTSD01/HĐBD-PVGNPM/MRTN-TCBS ngày 8/6/2023 và các sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm (đối với Trái Phiếu NPMPO2328004) (“**Hợp Đồng Bảo Đảm Phần Vốn Góp NPM**”), Bên Bảo Đảm sẽ thực hiện mọi công việc và thủ tục (kể cả ký kết và chuyển giao tài liệu) bắt buộc hoặc phải được Bên Bảo Đảm thực hiện theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan để đảm bảo hiệu lực và giá trị pháp lý của Giao Dịch Bảo Đảm và hoàn tất việc xử lý Tài Sản Thế Chấp theo hợp đồng thế chấp đã được ký kết.
- (c) Giá trị định giá cho toàn bộ Phần Vốn Góp NPM là 12.878.496.000.000 Đồng (*mười hai nghìn tám trăm bảy mươi tám tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu Đồng*).
- (d) Giá trị định giá cho Phần Vốn Góp NPM thế chấp cho Trái Phiếu NPMPO2328004 là 1.004.522.688.000 Đồng (*một nghìn không trăm lẻ bốn tỷ năm trăm hai mươi hai triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn Đồng*).

Trị giá Phần Vốn Góp NPM thế chấp (theo vốn điều lệ): 841.847.382.090 VND (*tám trăm bốn mươi một tỷ tám trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm tám mươi hai nghìn không trăm chín mươi Đồng*), tương đương tỷ lệ 7,8% vốn điều lệ của Công Ty.

- (e) Tổ chức thẩm định giá Phần Vốn Góp NPM: Công Ty Cổ Phần Thẩm Định Giá và Tư Vấn Quốc Tế (VALUCO) được chỉ định theo Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐTV ngày 08 tháng 06 năm 2023 của Tổ Chức Phát Hành.
- (f) Tài liệu định giá: Chứng thư thẩm định giá số 205/2023/CT-VALUCO ngày 11 tháng 4 năm 2023.
- (m) Tổng Giá Trị Bảo Đảm của Trái Phiếu NPMPO2328004: 502.261.344.000 VND (năm trăm lẻ hai tỷ hai trăm sáu mươi một triệu ba trăm bốn mươi bốn nghìn Đồng).
- (g) Các Nghĩa Vụ Khác Được Đảm Bảo Bằng Tài Sản Đây: không có.
- (h) Hợp Đồng Có Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm:
 - Việc thế chấp Tài sản bảo đảm được quy định theo Hợp Đồng Bảo Đảm Phần Vốn Góp NPM giữa MRTN với tư cách là Bên Bảo Đảm và TCBS với tư cách là Tổ Chức Nhận Tài Sản Bảo Đảm;
 - Các điều khoản quan trọng được quy định tại hợp đồng bảo đảm:

(A) Mô tả Tài sản bảo đảm:

Tài sản bảo đảm theo hợp đồng bảo đảm (“**Tài Sản Bảo Đảm**”) gồm:

- (i) Phần vốn góp NPM được thế chấp cho Trái Phiếu (“**Phần Vốn Góp Thế Chấp**”);
- (ii) các quyền, quyền lợi và lợi ích mà Bên Bảo Đảm có, được hưởng theo hoặc đối với các Phần Vốn Góp Thế Chấp, kể cả các khoản tiền và khoản phân chia liên quan đến hoặc phát sinh từ Phần Vốn Góp Thế Chấp, ngoại trừ các quyền, quyền lợi hoặc lợi ích không được coi là tài sản theo quy định của Bộ Luật Dân Sự; và
- (iii) tất cả các quyền, lợi ích, các khoản bồi hoàn và các khoản thanh toán khác mà Bên Bảo Đảm nhận được hoặc sẽ nhận được để thay thế cho, thuộc về, hoặc liên quan đến, và mọi tài sản thuộc mọi tính chất và chủng loại nhằm để trao đổi, thay đổi hoặc thay thế cho bất kỳ quyền và tài sản nào được đề cập tại các đoạn từ (i) đến (ii) trên đây.

(B) Đăng ký giao dịch bảo đảm:

Bên Bảo Đảm có trách nhiệm phối hợp với Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm hoàn thành việc đăng ký Giao Dịch Bảo Đảm với Cơ Quan ĐKGDBĐ phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và sẽ cung cấp cho Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm bản gốc của các tài liệu đăng ký đó phù hợp với quy định của Hợp Đồng Bảo Đảm Phần Vốn Góp NPM trước hoặc vào Ngày Phát Hành.

Bên Bảo Đảm có nghĩa vụ thực hiện tất cả các công việc cần thiết để Giao Dịch Bảo Đảm được tạo lập theo Hợp Đồng Bảo Đảm Phần Vốn Góp NPM được hoàn thiện và

có hiệu lực đầy đủ. Trong suốt Thời Hạn Bảo Đảm, Bên Bảo Đảm phải thực hiện tất cả các công việc theo chỉ thị hợp lý của Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (tùy từng trường hợp áp dụng) để bảo đảm hiệu lực của Giao Dịch Bảo Đảm.

(C) Bổ sung tài sản bảo đảm

Nếu theo thông báo kết quả định giá lại mà Tổng Giá Trị Bảo Đảm thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu thì Tổ Chức Phát Hành phải bảo đảm Tổ Chức Phát Hành, Bên Bảo Đảm và/hoặc bất kỳ bên thứ ba khác bổ sung Tài Sản Bảo Đảm sao cho sau khi bổ sung, tổng giá trị bảo đảm duy trì không thấp hơn giá trị bảo đảm tối thiểu.

Bên Bảo Đảm có nghĩa vụ thực hiện tất cả các công việc cần thiết để Giao Dịch Bảo Đảm được tạo lập theo hợp đồng bảo đảm có liên quan được hoàn thiện và có hiệu lực đầy đủ và đảm bảo quyền của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các bên liên quan đến Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm theo hợp đồng bảo đảm có liên quan có thứ tự ưu tiên cao nhất.

(i) Văn Bản Xác Nhận Đăng Ký Biện Pháp Bảo Đảm:

- Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm số 1497434402 ngày 11 tháng 05 năm 2023 của NRAST đối với Phần Vốn Góp Thẻ Chấp.
- Văn bản cập nhật kết quả đăng ký thay đổi biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm số 2058052639 ngày 9 tháng 6 năm 2023 của Trung Tâm Đăng Ký Giao Dịch, Tài Sản tại Thành Phố Đà Nẵng (“NRAST”) đối với Phần Vốn Góp Thẻ Chấp.

(j) Hợp Đồng Bảo Hiểm Tài Sản: *không áp dụng.***(k) Phương Thức Xử Lý Tài Sản Bảo Đảm:****Quy Định Chung:**

Khi một Sự Kiện Vi Phạm được xác định là đã xảy ra theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã nhận được thông báo bằng văn bản của bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Các Bên Bảo Đảm và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Nếu các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm của Tổ Chức Phát Hành chưa được thanh toán vào hoặc trước Ngày Thanh Toán Cuối Cùng, phụ thuộc vào các quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm sẽ thực hiện các hành động nhằm xử lý toàn bộ hoặc bất kỳ phần nào của Tài Sản Bảo Đảm phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng, Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm tương ứng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm gửi Thông Báo Xử Lý Tài Sản (như được định nghĩa trong Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan) cho Tổ Chức Phát Hành, Các Bên Bảo Đảm, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký và Tổ Chức Lưu

Ký (nếu áp dụng) và đăng ký Thông Báo Xử Lý Tài Sản và/hoặc việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm với (các) Cơ Quan ĐKGDBĐ có thẩm quyền (nếu các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có yêu cầu).

Phương Thức Xử Lý Tài Sản Bảo Đảm:

Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm, theo chỉ thị của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động nhân danh và vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu), có thể xử lý Tài Sản Bảo Đảm theo một hoặc các phương thức sau đây:

- (i) nhận chính Tài Sản Bảo Đảm (hành động vì lợi ích của Các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) hoặc chuyển Tài Sản Bảo Đảm để các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận chính Tài Sản Bảo Đảm thay thế cho việc thực hiện Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm;
- (ii) bán hoặc chuyển nhượng Tài Sản Bảo Đảm theo quy định của pháp luật có liên quan;
- (iii) định đoạt Tài Sản Bảo Đảm theo cách thức khác không trái với quy định của pháp luật có liên quan; và/hoặc
- (iv) áp dụng bất kỳ phương thức xử lý Tài Sản Bảo Đảm nào khác mà Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan cho phép,

theo cách thức, vào thời điểm, tại địa điểm và theo các điều kiện mà Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm cho là cần thiết hoặc thích hợp để tuân thủ các quy định của pháp luật có liên quan và Các Văn Kiện Trái Phiếu.

Để tránh nhầm lẫn Bên Bảo Đảm đồng ý rằng nếu theo quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật điều kiện để Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm thực hiện bất kỳ quyền nào quy định tại đoạn này là các bên phải có thỏa thuận về việc đó thì quy định tại đoạn này chính là thỏa thuận như vậy và điều kiện đó coi như đã được thỏa mãn.

Thứ Tự Thanh Toán Sau Tiên Thu Được Từ Xử Lý Tài Sản Bảo Đảm:

Tất cả các khoản tiền mà Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm nhận được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm theo Các Điều Kiện Trái Phiếu và hợp đồng bảo đảm (trong phạm vi các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan cho phép) sẽ được thanh toán theo thứ tự như sau:

- a. thứ nhất, thanh toán tất cả các chi phí, phí tổn và phí liên quan đến việc thu nhận, chiếm hữu, di chuyển, bảo hiểm, sửa chữa, bảo quản và định đoạt Tài Sản Bảo Đảm và bất kỳ hoặc tất cả các khoản tiền khác liên quan đến việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm;
- b. thứ hai, thanh toán bất kỳ và tất cả thuế, lệ phí do cơ quan nhà nước có thẩm quyền ấn định đối với việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm;
- c. thứ ba, (i) nếu số tiền còn lại lớn hơn hoặc bằng tổng Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm chưa được thanh toán thì số tiền tương đương với tổng Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm này sẽ được chia thành các phần bằng với nghĩa vụ thanh toán tương ứng đối với Trái Phiếu;

và (ii) nếu số tiền còn lại nhỏ hơn tổng Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm chưa được thanh toán thì sẽ được chuyển cho Tổ Chức Lưu Ký. Sau đó Tổ Chức Lưu Ký sẽ thực hiện thanh toán cho các bên có liên quan và mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu và theo thứ tự thanh toán áp dụng đối với Trái Phiếu theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu có liên quan;

- d. cuối cùng, phần còn lại (nếu có) sẽ được chuyển trả cho các Bên Bảo Đảm có liên quan.

Trong trường hợp số tiền sau khi xử lý Tài Sản Bảo Đảm không đủ để thanh toán hết các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm thì Tổ Chức Phát Hành tiếp tục có nghĩa vụ phải thanh toán các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.

Trong phạm vi được pháp luật Việt Nam cho phép, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm theo quyết định của toàn bộ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền thay đổi thứ tự thanh toán nêu trên.

14. Việc Mua Lại Trái Phiếu

14.1 Mua Lại Vào Ngày Đáo Hạn

Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại toàn bộ các Trái Phiếu đang lưu hành với mức giá mua lại mỗi Trái Phiếu bằng tổng của mệnh giá, lãi và tất cả các khoản tiền khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán đối với Trái Phiếu tính đến Ngày Đáo Hạn.

14.2 Mua Lại Trước Hạn Theo Quyền Chọn Của Tổ Chức Phát Hành

Tổ Chức Phát Hành được phép mua lại toàn bộ hoặc một phần số Trái Phiếu đang lưu hành và để tránh nhầm lẫn, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có toàn quyền bán lại (một phần hoặc toàn bộ) hoặc không bán lại số Trái Phiếu được chào mua của mình cho Tổ Chức Phát Hành khi nhận được chào mua như vậy.

14.3 Mua lại Trái Phiếu Sau Khi Niêm Yết

Nếu Trái Phiếu được niêm yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán thì Tổ Chức Phát Hành được mua lại Trái Phiếu từ bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào và theo bất kỳ giá nào phù hợp với quy định của pháp luật có liên quan, quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

14.4 Mua Lại Khi Không Bổ Sung Tài Sản Bảo Đảm

- (a) Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không tự mình hoặc yêu cầu một hoặc một số Tổ Chức/Cá Nhân khác bổ sung Tài Sản Bảo Đảm hoặc tạo lập Các Biện Pháp Bảo Đảm bổ sung hoặc thực hiện các biện pháp khắc phục khác có liên quan theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu, Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm, và Các Hợp Đồng Bảo Đảm để đảm bảo Tổng Giá Trị Bảo Đảm không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu, Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại từ tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và khi đó tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại cho Tổ Chức Phát Hành, một số Trái Phiếu nhất định theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu các Trái Phiếu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan sao cho Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì được xác định

theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm ngay sau khi mua lại số lượng Trái Phiếu đó không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm đó.

- (b) Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ công bố, công khai thông tin về việc mua lại Trái Phiếu và gửi thông báo mua lại Trái Phiếu (nêu rõ số lượng Trái Phiếu mua lại, giá mua lại và Ngày Mua Lại Trước Hạn) cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) và Tổ Chức Lưu Ký (nếu áp dụng) chậm nhất 10 (mười) Ngày Làm Việc trước Ngày Mua Lại Trước Hạn có liên quan.
- (c) Trừ trường hợp việc thanh toán giá mua lại Trái Phiếu sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD và/hoặc giao dịch tập trung trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán được quy định tại Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán, trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc thời hạn bổ sung Tài Sản Bảo Đảm (để làm rõ, thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc này là thời hạn khắc phục vi phạm cam kết quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu), Tổ Chức Phát Hành sẽ, thông qua Tổ Chức Lưu Ký, thanh toán cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mức giá mua lại bằng tổng của (i) khoản gốc của các Trái Phiếu được mua lại, (ii) bất kỳ khoản lãi nào đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán tính trên khoản gốc của các Trái Phiếu được mua lại kể từ (và bao gồm cả) Ngày Thanh Toán Lãi gần nhất cho đến (nhưng không bao gồm) ngày thực hiện thanh toán giá mua lại tương ứng, và (iii) tất cả các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu được mua lại mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm đó theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này (nếu có). Ngoại trừ khoản thanh toán giá mua lại các Trái Phiếu theo quy định tại câu liên trước, Tổ Chức Phát Hành không có nghĩa vụ phải thanh toán bất kỳ khoản tiền nào khác liên quan đến các Trái Phiếu được mua lại nêu trên vào hoặc sau Ngày Mua Lại Trước Hạn đó.

14.5 Mua Lại Khi Xảy Ra Sự Kiện Vi Phạm

Nếu (i) có bất kỳ sự kiện nào dưới đây đã xảy ra và đang tiếp diễn và (ii) đã có một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối được thông qua hợp lệ xác định sự kiện đó đã xảy ra và cấu thành một vi phạm theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và do đó Trái Phiếu cần bị tuyên bố đến hạn để Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn (điều kiện nêu tại mục (ii) này không áp dụng đối với bất kỳ sự kiện nào quy định tại đoạn (a) đến đoạn (c) dưới đây) thì sự kiện đó được xem là một sự kiện vi phạm (“**Sự Kiện Vi Phạm**”):

(a) **Không Thanh Toán**

Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ gốc hoặc lãi Trái Phiếu vào ngày đến hạn thanh toán có liên quan và việc không thanh toán đó không được Tổ Chức Phát Hành khắc phục trong thời hạn 7 (bảy) Ngày Làm Việc liên tục từ ngày đến hạn thanh toán có liên quan.

(b) **Vi Phạm Pháp Luật Và/Hoặc Phương Án Phát Hành Trái Phiếu**

Tổ Chức Phát Hành vi phạm nghiêm trọng bất kỳ quy định có liên quan nào của pháp luật Việt Nam về chào bán trái phiếu ra công chúng (trong phạm vi liên quan đến Trái Phiếu) hoặc Phương Án Phát Hành Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành không chấm dứt và/hoặc không khắc phục vi phạm đó trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được thông báo của Đại Diện

Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về sự kiện có liên quan.

(c) Không Xác Lập Biện Pháp Bảo Đảm

Tổ Chức Phát Hành không xác lập và hoàn thiện Các Biện Pháp Bảo Đảm trong thời gian theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.

(d) Vi Phạm Cam Kết

Tổ Chức Phát Hành vi phạm một số cam kết được quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu mà việc không tuân thủ đó không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về sự kiện có liên quan, tuy nhiên với điều kiện là việc không tuân thủ các cam kết quy định tại các điều kiện sau:

- (i) Tuân Thủ Luật;
- (ii) Quản Lý Tài Chính Và Kế Toán;
- (iii) Bảo Hiểm;
- (iv) Thuế;
- (v) Các Chấp Thuận; và
- (vi) Giao Dịch Với Người Có Liên Quan,

sẽ chỉ được xem là Sự Kiện Vi Phạm nếu gây ra, hoặc có thể được dự tính một cách hợp lý và rõ ràng là sẽ gây ra, một Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể cho Tổ Chức Phát Hành. Cho dù có quy định tại câu liên trước, việc Tổ Chức Phát Hành không tuân thủ các cam kết nêu trên là kết quả của hoặc có liên quan đến việc thực hiện các hành động phù hợp với các điều kiện liên quan đến cam kết không giải thể và/hoặc tổ chức lại doanh nghiệp và chuyển nhượng tài sản được quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu sẽ không được xem là Sự Kiện Vi Phạm trong bất kỳ trường hợp nào và theo bất kỳ cách thức nào.

(e) Sự Kiện Vi Phạm Tiềm Tàng Theo Các Thỏa Thuận Khác

- (i) Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành không thanh toán bất kỳ Khoản Nợ nào (cho dù là một Khoản Nợ riêng lẻ hay một nhóm các Khoản Nợ có liên quan) khi đến hạn (nhưng chỉ sau khi kết thúc khoảng thời gian ân hạn có liên quan) hoặc có bất kỳ Khoản Nợ nào phải được thanh toán trước ngày đáo hạn của Khoản Nợ đó do vi phạm của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Khoản Nợ đó.

Vì mục đích của quy định này, “**Khoản Nợ**” có nghĩa là bất kỳ khoản nợ nào với tổng số tiền gốc trên 200.000.000.000 VND (hai trăm tỷ Đồng) (hoặc tương đương nếu được ghi nhận bằng loại tiền tệ khác) của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến:

- (A) các khoản tiền vay;
 - (B) giấy nhận nợ, trái phiếu, hối phiếu nhận nợ hoặc các chứng khoán nợ tương tự khác;
 - (C) thư tín dụng chấp nhận thanh toán (acceptance credit);
 - (D) các khoản phải thu đã bán hoặc chiết khấu (trừ trường hợp được bán hoặc chiết khấu trên cơ sở không truy đòi);
 - (E) chi phí mua bất kỳ tài sản nào phải thanh toán trước hoặc sau thời điểm người có nghĩa vụ thanh toán mua hoặc sở hữu tài sản đó nếu khoản thanh toán trước hoặc khoản tiền trả chậm chủ yếu được thu xếp như một phương thức huy động vốn hoặc tài trợ tài chính cho việc mua tài sản đó;
 - (F) bất kỳ hợp đồng thuê tài sản nào được ký kết chủ yếu như là một phương thức huy động vốn hoặc tài trợ tài chính cho việc mua tài sản đó;
 - (G) bất kỳ giao dịch hoán đổi tiền tệ hay hoán đổi lãi suất nào, giao dịch về mức trần hoặc mức sàn hoặc bất kỳ giao dịch phái sinh nào được ký kết nhằm tránh bị ảnh hưởng bởi hoặc nhằm thu lợi từ việc biến động lãi suất hoặc giá (trừ trường hợp đối với một khoản tiền không được thanh toán, khoản tiền đó sẽ được tính bằng cách sử dụng giá trị được điều chỉnh theo giá trị thị trường của bất kỳ giao dịch phái sinh nào);
 - (H) bất kỳ khoản tiền nào được huy động theo bất kỳ giao dịch nào khác có giá trị về mặt thương mại như là một khoản vay hoặc hoạt động huy động vốn;
 - (I) bất kỳ nghĩa vụ bồi hoàn đối ứng nào đối với bất kỳ bảo lãnh, bồi hoàn, trái phiếu, thư tín dụng hoặc bất kỳ công cụ nào khác do một ngân hàng hoặc một định chế tài chính cấp; hoặc
 - (J) bất kỳ bảo lãnh, bồi hoàn hoặc biện pháp đảm bảo có tính chất tương tự nào cho tồn thất tài chính của một Tổ Chức/Cá Nhân nào liên quan đến bất kỳ mục nào nêu tại các đoạn từ (A) đến (I) trên.
- (ii) Có bất kỳ tài sản nào có giá trị lớn hơn 200.000.000.000 VND (hai trăm tỷ Đồng) (hoặc tương đương nếu được ghi nhận bằng loại tiền tệ khác) của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành bị xử lý theo diện xử lý tài sản bảo đảm.

(f) **Mất Khả Năng Thanh Toán**

Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành bị lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán (kể cả do ngừng hoặc đe dọa ngừng toàn bộ hoặc một phần đáng kể hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó) làm phát sinh quyền yêu cầu mở thủ tục tuyên bố phá sản đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó của chủ nợ nói chung (kể cả các chủ nợ đối với các khoản phải thanh

toán của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó theo bất kỳ bản án hoặc quyết định nào của tòa án được ban hành và có hiệu lực thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó) theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật về phá sản doanh nghiệp và tình trạng đó không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

(g) Quốc Hữu Hóa

Bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào tịch thu, quốc hữu hóa, tịch biên, sung công hoặc bằng cách khác đoạt quyền chiếm hữu hoặc kiểm soát tất cả hoặc về cơ bản là (i) tất cả các công việc kinh doanh, hoạt động, bất động sản hoặc tài sản khác của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con Chính hoặc Các Bên Bảo Đảm hoặc (ii) vốn điều lệ/phần vốn góp của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con Chính hoặc Các Bên Bảo Đảm và biện pháp hoặc hành động đó không được giải trừ hoặc hủy bỏ trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

(h) Bất Hợp Pháp

Việc Tổ Chức Phát Hành hoặc Các Bên Bảo Đảm thực hiện hoặc tuân thủ các nghĩa vụ quan trọng của mình theo Các Điều Kiện Trái Phiếu là hoặc trở nên bất hợp pháp theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và sự kiện này không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

Nếu bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào xảy ra, bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có quyền gửi thông báo bằng văn bản cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn.

15. **Phương Thức Phân Phối**

Toàn bộ Trái Phiếu được phân phối cho nhà đầu tư thông qua Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành là Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương với phương thức cố gắng tối đa. Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành và Tổ Chức Phát Hành sẽ phân phối Trái Phiếu công bằng, công khai và bảo đảm thời hạn đăng ký mua cho nhà đầu tư tối thiểu là **20 (hai mươi) ngày**.

Trường hợp số lượng đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép phát hành thì Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành sẽ phân phối hết số Trái Phiếu được phép phát hành cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư.

16. **Đăng Ký Mua Trái Phiếu**

(a) Thời hạn chào bán: Sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng, Tổ Chức Phát Hành sẽ công bố thông tin về việc phát hành Trái Phiếu ra công chúng ("**Bản Thông Báo Phát Hành**") theo quy định của pháp luật hiện hành, và thời gian đăng ký mua Trái Phiếu dự kiến là kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành công bố Bản Thông Báo Phát Hành cho tới ngày kết thúc Thời Hạn Phân Phối Trái Phiếu.

(b) Tổng số lượng chào bán: 12.000.000 (mười hai triệu) Trái Phiếu, trong đó

- Đối với Trái Phiếu NPMPO2328003: 7.000.000 (bảy triệu) Trái Phiếu; và

- Đối với Trái Phiếu NPMPO2328004: 5.000.000 (năm triệu) Trái Phiếu.
- (c) Số lượng trái phiếu đặt mua tối thiểu:
- (i) Áp dụng cho Trái Phiếu NPMPO2328003
- a. Đối với nhà đầu tư cá nhân: tối thiểu 500.000.000 VND (năm trăm triệu Đồng) mệnh giá Trái Phiếu; và
 - b. Đối với nhà đầu tư tổ chức: tối thiểu 1.000.000.000 VND (một tỷ Đồng) mệnh giá Trái Phiếu.
- (ii) Áp dụng cho Trái Phiếu NPMPO2328004
- a. Đối với nhà đầu tư cá nhân: tối thiểu 600.000.000 VND (sáu trăm triệu Đồng) mệnh giá Trái Phiếu; và
 - b. Đối với nhà đầu tư tổ chức: tối thiểu 1.500.000.000 VND (một tỷ năm trăm triệu Đồng) mệnh giá Trái Phiếu.
- Số lượng Trái Phiếu đặt mua tối thiểu cho các đối tượng nhà đầu tư nêu trên có thể được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện chào bán thực tế và sẽ do Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên, hoặc Tổng Giám Đốc, hoặc Phó Tổng Giám Đốc, hoặc Giám Đốc Tài chính hoặc Quyền Giám Đốc Tài Chính hoặc Kế Toán Trưởng của Tổ Chức Phát Hành quyết định phù với quy định pháp luật liên quan được quy định tại Nghị Quyết Phê Duyệt Phương Án Phát Hành.
- (d) Phương thức đăng ký mua và thanh toán: (i) Việc đăng ký mua Trái Phiếu của nhà đầu tư chỉ được coi là đã hoàn thành khi nhà đầu tư đã đăng ký và thanh toán đầy đủ tiền mua theo hướng dẫn của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành; và (ii) Thời gian tối thiểu cho nhà đầu tư đăng ký và nộp tiền mua là 20 (hai mươi) ngày theo quy định pháp luật.
- (e) Phương thức thanh toán: tiền mua Trái Phiếu của nhà đầu tư sẽ được nộp vào Tài Khoản Phong Tòa nhận tiền mua Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành mở tại ngân hàng quản lý tài khoản phong tỏa.
- (f) Quyền lợi của nhà đầu tư Trái Phiếu: Nhà đầu tư sau khi hoàn thành việc mua Trái Phiếu sẽ được ghi tên trong Sổ Đăng Ký với tư cách là Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, được cấp bản gốc trích lục Sổ Đăng Ký (nếu Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có yêu cầu) và được hưởng các quyền và lợi ích của Người Sở Hữu Trái Phiếu.
- (g) Chuyển giao trái phiếu: Trong vòng 30 (ba mươi) ngày làm việc kể từ Ngày Phát Hành, nhà đầu tư sẽ nhận được bản gốc trích lục Sổ Đăng Ký (nếu Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có yêu cầu).
- (h) Đối tượng được đăng ký mua: Tổ chức và cá nhân, trong nước và nước ngoài theo quy định của pháp luật.

- (i) Trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép phát hành thì Trái Phiếu sẽ được phân phối cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư. Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua trong trường hợp này như sau:
- (i) Thời hạn: Trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày Phát Hành.
- (ii) Cách thức: Chuyển vào tài khoản của người đặt mua Trái Phiếu theo thông tin đăng ký đặt mua Trái Phiếu có liên quan.
- (iii) Trong trường hợp khối lượng Trái Phiếu được phân bổ của nhà đầu tư thấp hơn khối lượng đăng ký đặt mua tối thiểu theo quy định tại Mục 16(c) Phần VI của Bản Cáo Bạch này thì nhà đầu tư sẽ vẫn được coi là đã đăng ký mua thành công với khối lượng Trái Phiếu đã được phân bổ.
- (j) Thời hạn và cách thức trả lại tiền đặt mua trái phiếu trong trường hợp số lượng trái phiếu đặt mua của nhà đầu tư không đáp ứng đủ số lượng trái phiếu đặt mua tối thiểu được quy định tại Mục 16(c) Phần VI nêu trên:
- (i) Thời hạn: Trong vòng 5 (năm) ngày làm việc kể từ Ngày Phát Hành.
- (ii) Cách thức: Chuyển vào tài khoản của người đặt mua Trái Phiếu theo thông tin đăng ký đặt mua Trái Phiếu có liên quan.

17. Lịch Trình Dự Kiến Phân Phối Trái Phiếu

Sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được Giấy chứng nhận chào bán Trái Phiếu ra công chúng (“Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng”) do UBCKNN cấp, Tổ Chức Phát Hành sẽ tiến hành phân phối Các Trái Phiếu với tổng số lượng Trái Phiếu phát hành dự kiến là 12.000.000 (mười hai triệu) Trái Phiếu, tương đương với 1.200.000.000.000 VND (một nghìn hai trăm tỷ Đồng) tính theo mệnh giá với kỳ hạn 60 (sáu mươi) tháng, thời gian chào bán dự kiến trong Quý II và Quý III năm 2023.

Cụ thể, lịch trình phân phối các Trái Phiếu dự kiến như sau:

STT	NỘI DUNG	THỜI GIAN DỰ KIẾN
1.	Tổ Chức Phát Hành nhận Giấy chứng nhận chào bán từ UBCKNN	T
2.	Tổ Chức Phát Hành công bố thông tin về đợt chào bán	T đến T + 3 (“T ₁ ”)
3.	Tổ Chức Phát Hành thực hiện phân phối Trái Phiếu	T ₁ đến T ₁ + 20
	- Thời hạn bắt đầu nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu dự kiến	T ₁
	- Thời gian cung cấp thông tin cho nhà đầu tư và nhận đơn đăng ký và nộp tiền mua Trái Phiếu dự kiến	T ₁ đến T ₁ + 20
	- Thời hạn cuối cùng nhận đơn đăng ký mua Trái Phiếu dự kiến	T ₁ + 20

STT	NỘI DUNG	THỜI GIAN DỰ KIẾN
4.	Tổ Chức Phát Hành kết thúc phân phối Trái Phiếu	$T_1 + 21$
5.	Tổ Chức Phát Hành thực hiện báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN và thực hiện công bố thông tin về kết quả phát hành	Trong vòng 10 ngày kể từ ngày kết thúc đợt chào bán

Ghi chú:

- Thời gian phân phối cụ thể của Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng sẽ được Tổ Chức Phát Hành thông báo chi tiết trong Bản Thông Báo Phát Hành của Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng; và
- Thời hạn phân phối trái phiếu (“**Thời Hạn Phân Phối Trái Phiếu**”): theo quy định của pháp luật hiện hành và được quy định tại Giấy chứng nhận đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng do UBCKNN cấp cho Tổ Chức Phát Hành.

18. Tài Khoản Phong Tỏa Nhận Tiền Mua Trái Phiếu**Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu đối với Trái Phiếu NPMPO2328003**

- Tên người thụ hưởng: **Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo**
- Số tài khoản: 285476321
- Tên ngân hàng nơi mở tài khoản: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng**

Tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu đối với Trái Phiếu NPMPO2328004

- Tên người thụ hưởng: **Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo**
- Số tài khoản: 285477007
- Tên ngân hàng nơi mở tài khoản: **Ngân hàng Thương mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng**

19. Ý Kiến Của Cơ Quan Có Thẩm Quyền Về Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng Của Tổ Chức Phát Hành

Tổ Chức Phát Hành không thuộc ngành nghề kinh doanh có điều kiện mà pháp luật chuyên ngành quy định phải có chấp thuận của cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.

20. Các Loại Thuế Có Liên Quan**20.1 Thuế Thu Nhập Cá Nhân**

Tại Việt Nam, thuế thu nhập cá nhân được điều chỉnh bởi các văn bản pháp luật sau đây:

- (i) Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân số 04/2007/QH12 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 21/11/2007; Luật số 26/2012/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân; và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế (gọi chung là “**Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân**”);
- (ii) Nghị định số 65/2013/NĐ-CP ngày 27/6/2013 của Chính Phủ hướng dẫn Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân; Nghị định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 sửa đổi, một số điều tại các Nghị định quy định về thuế và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
- (iii) Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Luật Thuế Thu Nhập Cá Nhân;
- (iv) Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;
- (v) Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định số 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế; và
- (vi) Thông tư số 92/2015/TT-BTC ngày 15/6/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn thực hiện thuế Giá trị gia tăng và Thuế thu nhập cá nhân đối với cá nhân cư trú có hoạt động kinh doanh; hướng dẫn thực hiện một số nội dung sửa đổi, bổ sung về thuế thu nhập cá nhân quy định tại luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế số 71/2014/QH13 và Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/02/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
- (vii) Thông Tư số 80/2021/TT-BTC ngày ngày 29 tháng 9 năm 2021 hướng dẫn Luật Quản lý thuế và Nghị định 126/2020/NĐ-CP hướng dẫn Luật Quản lý thuế; và
- (viii) Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan

Căn cứ vào các văn bản trên:

Thu nhập từ đầu tư vốn bao gồm, ngoài các khoản khác, khoản thu nhập cá nhân nhận được từ lãi trái phiếu, tín phiếu và các giấy tờ có giá khác do các tổ chức trong nước phát hành, trừ thu nhập từ lãi tiền gửi tại các tổ chức tín dụng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài và thu nhập từ lãi trái phiếu Chính Phủ. Đối với cá nhân cư trú và không cư trú, thuế suất đối với thu nhập từ đầu tư vốn áp dụng theo biểu thuế toàn phần là 5%; và

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm, ngoài các khoản khác, khoản thu nhập cá

nhân nhận được từ chuyển nhượng cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu, tín phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định của Luật Chứng khoán; thu nhập từ chuyển nhượng cổ phần của các cá nhân trong công ty cổ phần theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Đối với cá nhân cư trú và không cư trú, thuế suất đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán là 0,1% trên giá bán chứng khoán từng lần.

20.2 Thuế Thu Nhập Doanh Nghiệp

Văn bản pháp luật hướng dẫn về TTNDN như sau:

- (i) Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 14/2008/QH12 ngày 3/6/2008; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp số 32/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013; và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế;
- (ii) Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế;
- (iii) Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 hướng dẫn thi hành Nghị định số 218/2013/NĐ-CP ngày 26/12/2013 của Chính Phủ quy định và hướng dẫn thi hành Luật Thuế thu nhập doanh nghiệp;
- (iv) Thông tư số 103/2014/TT-BTC ngày 6/8/2014 về việc hướng dẫn thực hiện nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam;
- (v) Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;
- (vi) Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;
- (vii) Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; và
- (viii) Thông tư số 96/2015/TT-BTC ngày 22/6/2015 của Bộ Tài Chính hướng dẫn về TTNDN tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi

hành luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014, Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014, Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài Chính,

- (ix) Thông Tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 hướng dẫn Nghị định số 146/2017/NĐ-CP ngày 15 tháng 12 năm 2017 của Chính Phủ và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông Tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài Chính, Thông Tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15 tháng 8 năm 2013 của Bộ Tài Chính; và
- (x) Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Căn cứ vào các văn bản trên:

Đối với nhà đầu tư là tổ chức trong nước

Doanh nghiệp có thu nhập từ lãi cho vay thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính TTNDN. Thuế suất đối với thu nhập này là 22%. Từ ngày 1/1/2016, thuế suất áp dụng là 20%.

Thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán của doanh nghiệp là thu nhập có được từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại chứng khoán khác theo quy định. Doanh nghiệp có thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán thì khoản thu nhập này được xác định là khoản thu nhập khác và kê khai vào thu nhập chịu thuế khi tính TTNDN. Thuế suất đối với thu nhập này là 22%. Từ ngày 1/1/2016, thuế suất áp dụng là 20%.

Đối với nhà đầu tư là tổ chức nước ngoài

Theo quy định pháp luật về nghĩa vụ thuế áp dụng đối với tổ chức, cá nhân nước ngoài kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập tại Việt Nam thì tổ chức nước ngoài kinh doanh có cơ sở thường trú tại Việt Nam hoặc không có cơ sở thường trú tại Việt Nam; cá nhân nước ngoài kinh doanh là đối tượng cư trú tại Việt Nam hoặc không là đối tượng cư trú tại Việt Nam kinh doanh tại Việt Nam hoặc có thu nhập phát sinh tại Việt Nam trên cơ sở hợp đồng, thoả thuận, hoặc cam kết giữa Nhà thầu nước ngoài với tổ chức, cá nhân Việt Nam hoặc giữa Nhà thầu nước ngoài với Nhà thầu phụ nước ngoài để thực hiện một phần công việc của Hợp đồng nhà thầu thì là đối tượng chịu thuế nhà thầu.

Theo quy định về thuế nhà thầu thì thu nhập từ lãi tiền vay là thu nhập của bên cho vay từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào mà khoản vay đó có hay không được đảm bảo bằng thế chấp, người cho vay đó có hay không được hưởng lợi tức của người đi vay; thu nhập từ lãi tiền gửi (trừ lãi tiền gửi của các cá nhân người nước ngoài và lãi tiền gửi phát sinh từ tài khoản tiền gửi để duy trì hoạt động tại Việt Nam của cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế, tổ chức phi Chính Phủ tại Việt Nam), kể cả các khoản thưởng đi kèm lãi tiền gửi (nếu có); thu nhập từ lãi trả chậm theo quy định của các hợp đồng; thu nhập từ lãi trái phiếu, chiết khấu giá trái phiếu (trừ trái phiếu thuộc diện miễn thuế), tín phiếu kho bạc; thu nhập từ lãi chứng chỉ tiền gửi. Lãi tiền vay bao gồm cả các khoản phí mà bên Việt Nam phải trả theo quy định của hợp đồng.

Do vậy, thu nhập từ lãi trái phiếu do tổ chức nước ngoài nắm giữ sẽ chịu thuế nhà thầu. Tỷ lệ (%)

TTNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với lãi tiền vay (lãi trái phiếu) là 5%.

Ngoài ra, trường hợp tổ chức nước ngoài chuyên nhượng trái phiếu thì áp dụng thuế tỷ lệ (%) TTNDN tính trên doanh thu tính thuế đối với hoạt động chuyển nhượng chứng khoán (bao gồm chuyển nhượng trái phiếu) là 0,1%.

Trong trường hợp Hiệp định Tránh đánh thuế hai lần có quy định khác đi và có lợi hơn, các doanh nghiệp này có thể áp dụng các điều khoản của Hiệp định và thông báo cho bên Việt Nam về việc miễn, giảm thuế theo Hiệp định tại Việt Nam.

Tổ Chức Phát Hành sẽ tiến hành khấu trừ thuế thay cho nhà thầu nước ngoài. Tuy nhiên, Tổ Chức Phát Hành có quyền, vào bất kỳ thời điểm nào và không phụ thuộc vào phương pháp khấu trừ thuế, khấu trừ thuế với mức cao hơn để nộp cho Ngân sách Nhà nước nếu Tổ Chức Phát Hành tin rằng làm như vậy theo đúng quy định của pháp luật. Tổ Chức Phát Hành không chịu trách nhiệm về bất kỳ nghĩa vụ thuế nào của các nhà đầu tư trái phiếu tiềm năng liên quan đến Trái Phiếu và bất kỳ khiếu nại nào về việc áp dụng phương thức khấu trừ thuế.

20.3 Thuế Giá Trị Gia Tăng

Văn bản pháp luật hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng như sau:

- (i) Luật Thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 ngày 03 tháng 6 năm 2008 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng số 31/2013/QH13 ngày 19 tháng 6 năm 2013; và Luật số 71/2014/QH13 ngày 26/11/2014 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế; và luật số 106/2016/QH13 ngày 6/4/2016 luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế;
- (ii) Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Thuế giá trị gia tăng; Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12/2/2015 quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế, Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật thuế tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý thuế; Nghị định số 10/2017/NĐ-CP ngày 9/2/2017 ban hành quy chế quản lý tài chính của Tập đoàn Điện lực Việt Nam và sửa đổi, bổ sung khoản 4 điều 4 Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2013;
- (iii) Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 hướng dẫn thi hành Luật thuế Giá trị gia tăng và Nghị định số 209/2013/NĐ-CP ngày 18/12/2013 của Chính Phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật thuế Giá trị gia tăng;
- (iv) Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013, Thông tư số 111/2013/TT-BTC ngày 15/8/2013, Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013, Thông tư số 08/2013/TT-BTC ngày 10/1/2013, Thông tư số 85/2011/TT-BTC ngày 17/6/2011, Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 và Thông tư số 78/2014/TT-BTC ngày 18/6/2014 của Bộ Tài chính để cải cách, đơn giản các thủ tục hành chính về thuế;

- (v) Thông tư số 151/2014/TT-BTC ngày 10/10/2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Nghị Định 91/2014/NĐ-CP ngày 1/10/2014 của Chính Phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều tại các Nghị định quy định về thuế;
- (vi) Thông tư số 26/2015/TT-BTC ngày 27/2/2015 hướng dẫn về thuế giá trị gia tăng và quản lý thuế tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của các Luật về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định về thuế và sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 39/2014/TT-BTC ngày 31/3/2014 của Bộ Tài chính về hóa đơn bán hàng hóa, cung ứng dịch vụ; và
- (vii) Thông tư số 130/2016/TT-BTC ngày 12/8/2016 hướng dẫn Nghị định số 100/2016/NĐ-CP ngày 1/7/2016 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế Giá trị gia tăng, Luật thuế Tiêu thụ đặc biệt và Luật quản lý Thuế và sửa đổi một số điều tại các thông tư về thuế,
- (viii) Thông Tư số 173/2016/TT-BTC ngày 28 tháng 10 năm 2016 sửa đổi khổ thứ nhất khoản 3 Điều 15 Thông tư 219/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi theo Thông tư 119/2014/TT-BTC, 151/2014/TT-BTC, 26/2015/TT-BTC);
- (ix) Thông Tư số 93/2017/TT-BTC ngày 19 tháng 9 năm 2017 sửa đổi Khoản 3, Khoản 4 Điều 12 Thông tư 219/2013/TT-BTC (đã được sửa đổi tại Thông tư 119/2014/TT-BTC) và bãi bỏ Khoản 7 Điều 11 Thông tư 156/2013/TT-BTC;
- (x) Thông Tư số 25/2018/TT-BTC ngày 16 tháng 3 năm 2018 hướng dẫn Nghị định 146/2017/NĐ-CP sửa đổi Thông tư 78/2014/TT-BTC, 111/2013/TT-BTC;
- (xi) Thông Tư số 82/2018/TT-BTC ngày 30 tháng 8 năm 2018 bãi bỏ nội dung ví dụ 37 quy định tại điểm a.4 Khoản 10 Điều 7 Thông tư 219/2013/TT-BTC hướng dẫn thi hành Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định 209/2013/NĐ-CP hướng dẫn Luật Thuế giá trị gia tăng;
- (xii) Thông Tư số 43/2021/TT-BTC ngày 11 tháng 6 năm 2021 sửa đổi Khoản 11 Điều 10 Thông tư 219/2013/TT-BTC hướng dẫn Luật Thuế giá trị gia tăng và Nghị định 209/2013/NĐ-CP Luật Thuế giá trị gia tăng (đã được sửa đổi tại Thông tư 26/2015/TT-BTC); và
- (xiii) Các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan.

Theo quy định trên, hoạt động chuyển nhượng chứng khoán và lãi cho vay không thuộc đối tượng chịu thuế giá trị gia tăng. Theo đó, chuyển nhượng trái phiếu và lãi trái phiếu sẽ không chịu thuế giá trị gia tăng. Trong trường hợp pháp luật Việt Nam có quy định áp dụng thuế giá trị gia tăng đối với việc chuyển nhượng Trái Phiếu sau Ngày Phát Hành thì chủ sở hữu trái phiếu có nghĩa vụ thanh toán thuế giá trị gia tăng này.

21. Thông Tin Về Các Cam Kết

Tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng, Tổ Chức Phát Hành cam kết:

- (a) thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn ở các cam kết về (i) điều kiện chào bán Trái Phiếu ra công chúng, (ii) việc thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu, (iii) việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư liên quan đến Trái Phiếu và (iv) các điều kiện khác được nêu cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các điều khoản và điều kiện Trái Phiếu được đính kèm tại Phụ Lục I của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nêu trên.
- (b) không có bất kỳ khoản nợ phải trả nào quá hạn trên 1 (một) năm và đã hoàn thành các nghĩa vụ tài chính với Nhà nước.
- (c) sẽ hoàn thiện hồ sơ đăng ký niêm yết Trái Phiếu trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng theo đúng quy định của pháp luật.
- (d) không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích.

22. Thông Tin Về Các Loại Chứng Khoán Khác Đang Được Chào Bán

Ngoài Trái Phiếu dự kiến được chào bán theo thông tin tại Bản Cáo Bạch này, Tổ Chức Phát Hành đang có kế hoạch thực hiện chào bán ra công chúng các trái phiếu NPMPO2328005 và Trái phiếu NPMPO2328006. Thông tin các trái phiếu đang được chào bán được nêu cụ thể tại Mục 6 Phần V Bản Cáo Bạch này.

VII. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

Nhằm mục đích tăng cường tiềm lực và tái cấu trúc năng lực tài chính cho doanh nghiệp, Tổ Chức Phát Hành dự kiến chào bán Trái Phiếu ra công chúng để cơ cấu lại nợ của Tổ Chức Phát Hành.

VIII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG VÀ TRẢ NỢ VỐN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

1. Kế Hoạch Sử Dụng

1.1 Kế hoạch sử dụng chi tiết

Toàn bộ số tiền thu được từ việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng tối đa là 1.200.000.000.000 VND (một nghìn hai trăm tỷ Đồng) sẽ được Tổ Chức Phát Hành sử dụng phù hợp với mục đích chào bán nêu trên. Cụ thể như sau:

(A) Kế hoạch sử dụng chi tiết đối với Trái Phiếu NPMPO2328003

- Thanh toán gốc các trái phiếu được phát hành bởi Tổ Chức Phát Hành ngày 30 tháng 07 năm 2020 và đáo hạn ngày 30 tháng 07 năm 2023 cho các chủ sở hữu trái phiếu như được liệt kê bên dưới, có phương án phát hành trái phiếu nêu tại Nghị quyết Hội đồng thành viên của Công Ty số 06/2020/NQ-HĐTV ngày 16/7/2020 (gọi chung là “**Trái Phiếu NPM 700**”). Các trái phiếu này được nêu tại Thuyết minh số 21(b) tại Báo cáo tài chính

hợp nhất kiểm toán năm 2022, là trái phiếu có bảo đảm, loại tiền VND, năm đáo hạn 2023 và có số dư tại ngày 31/12/2022 là 697.900.000.000 VND.

Tổng số tiền dự kiến sử dụng: 700.000.000.000 VND (bảy trăm tỷ Đồng).

- Thời gian sử dụng vốn dự kiến: trong Quý III năm 2023.
- Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ Trái Phiếu NPMPO2328003 để thanh toán các trái phiếu đã được phát hành của Tổ Chức Phát Hành vào ngày đáo hạn các trái phiếu đó như sau:

STT	Tên trái phiếu	Mã trái phiếu	Số tiền (VND)	Ngày đáo hạn
1	BondNPM242023	NPMCB2023024	160.000.000.000	30/7/2023
2	BondNPM252023	NPMCB2023025	160.000.000.000	30/7/2023
3	BondNPM262023	NPMCB2023026	95.000.000.000	30/7/2023
4	BondNPM272023	NPMCB2023027	95.000.000.000	30/7/2023
5	BondNPM282023	NPMCB2023028	95.000.000.000	30/7/2023
6	BondNPM292023	NPMCB2023029	95.000.000.000	30/7/2023
	Tổng cộng		700.000.000.000 (bảy trăm tỷ Đồng)	

- Các thông tin cụ thể khác của các trái phiếu được cơ cấu nợ được nêu tại Bảng 1 mục 1.2 bên dưới.
- Trong trường hợp đợt chào bán Trái Phiếu NPMPO2328003 không hoàn thành trước thời điểm đáo hạn của Trái Phiếu NPM 700 hoặc số tiền thu được từ đợt chào bán không kịp giải tỏa để thanh toán vào thời điểm đáo hạn của Trái Phiếu NPM 700, Tổ Chức Phát Hành sẽ:
 - (i) sử dụng nguồn vốn tạm thời của Tổ Chức Phát Hành (bao gồm vốn lưu động từ hoạt động kinh doanh và các nguồn tiền khác của Tổ Chức Phát Hành) hoặc vốn vay từ các bên liên quan của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán Trái Phiếu NPM 700 tại thời điểm đáo hạn;
 - (ii) Toàn bộ số vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu NPMPO2328003 sẽ được sử dụng để bù đắp cho nguồn vốn tạm thời của Tổ Chức Phát Hành hoặc hoàn trả/tất toán khoản vốn vay từ các bên liên quan đã được sử dụng để thanh toán Trái Phiếu NPM 700 tại thời điểm đáo hạn như được nêu tại đoạn (i) liên trước.
- Trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu NPMPO2328003 ra công chúng không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích chào bán nêu trên, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng (i) lợi nhuận thu được từ các hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc (ii) vốn huy động từ nguồn vốn hợp pháp khác để tài trợ cho mục đích nêu trên.

(B) Kế hoạch sử dụng chi tiết đối với Trái Phiếu NPMPO2328004

- Toàn bộ số tiền thu được từ Trái Phiếu NPMPO2328004 sẽ được sử dụng để thanh toán toàn bộ gốc Trái phiếu NPM082023 (mã niêm yết NPM11805) đã được phát hành bởi Tổ Chức Phát Hành ngày 13 tháng 8 năm 2018 và đáo hạn ngày 13 tháng 8 năm 2023 cho các chủ sở hữu trái phiếu với tổng mệnh giá trái phiếu là 500.000.000.000 (năm trăm tỷ Đồng), có phương án phát hành theo Nghị quyết hội đồng thành viên số 08/2018/NQ-HĐTV ngày 23/7/2018 (“**Trái Phiếu NPM082023**”). Các trái phiếu này được nêu tại Thuyết minh số

- 21(b) tại Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2022, là trái phiếu có bảo đảm, loại tiền VND, năm đáo hạn 2023 và có số dư tại ngày 31/12/2022 là 499.509.872.000 VND.
- Tổng số tiền dự kiến sử dụng: 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ đồng)
 - Thời gian sử dụng vốn dự kiến: trong Quý III năm 2023.
 - Các thông tin cụ thể khác của trái phiếu được cơ cấu nợ được nêu tại Bảng 2 mục 1.2 bên dưới.
 - Trong trường hợp đợt chào bán Trái Phiếu NPMPO2328004 không hoàn thành trước thời điểm đáo hạn của Trái Phiếu NPM082023 hoặc số tiền thu được từ đợt chào bán không kịp giải tỏa để thanh toán vào thời điểm đáo hạn của Trái Phiếu NPM082023, Tổ Chức Phát Hành sẽ:
 - (iii) sử dụng nguồn vốn tạm thời của Tổ Chức Phát Hành (bao gồm vốn lưu động từ hoạt động kinh doanh và các nguồn tiền khác của Tổ Chức Phát Hành) hoặc vốn vay từ các bên liên quan của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán Trái Phiếu NPM082023 tại thời điểm đáo hạn; và
 - (iv) Toàn bộ số vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu NPMPO2328004 sẽ được sử dụng để bù đắp cho nguồn vốn tạm thời của Tổ Chức Phát Hành hoặc hoàn trả/tất toán khoản vốn vay từ các bên liên quan đã được sử dụng để thanh toán Trái Phiếu NPM082023 tại thời điểm đáo hạn như được nêu tại đoạn (i) liên trước.
 - Trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu NPMPO2328004 ra công chúng không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích chào bán nêu trên, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng (i) lợi nhuận thu được từ các hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc (ii) vốn huy động từ nguồn vốn hợp pháp khác để tài trợ cho mục đích nêu trên.

Theo ủy quyền của Hội đồng Thành viên (“HĐTV”), Chủ tịch HĐTV, hoặc Tổng Giám Đốc, hoặc Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài chính hoặc Quyền Giám Đốc Tài Chính, hoặc Kế Toán Trưởng của Tổ Chức Phát Hành có quyền quyết định mức phân bổ số tiền thu được từ việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng cho các mục đích và phương án nêu trên trên cơ sở linh hoạt và phù hợp với quy định của pháp luật, Điều Lệ và quy chế nội bộ của Tổ Chức Phát Hành.

Việc sử dụng tiền thu được từ Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng được thực hiện sau khi Tổ Chức Phát Hành nhận được công văn xác nhận kết quả chào bán trái phiếu ra công chúng của UBCKNN cho Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng, đồng thời tiền thu được từ Đợt Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng tại tài khoản phong tỏa trái phiếu được giải tỏa.

1.2 Mô tả cụ thể về kế hoạch sử dụng

Thông tin sơ bộ về phương án sử dụng vốn thu được từ Trái Phiếu được trình bày sau đây:

Nhằm mục đích tăng cường tiềm lực và tái cấu trúc năng lực tài chính cho doanh nghiệp, Tổ Chức Phát Hành dự kiến chào bán Trái Phiếu ra công chúng để cơ cấu lại nợ của Tổ Chức Phát Hành, cụ thể như sau:

- toàn bộ số tiền thu được từ Trái Phiếu NPMPO2328003 sẽ được sử dụng để thanh toán toàn bộ gốc các trái phiếu tại ngày đáo hạn (thông tin chi tiết tại Bảng 1 bên dưới).

Trong trường hợp đợt chào bán Trái Phiếu NPMPO2328003 không hoàn thành trước thời điểm đáo hạn của Trái Phiếu NPM 700 hoặc số tiền thu được từ đợt chào bán không kịp giải tỏa để thanh toán vào thời điểm đáo hạn của Trái Phiếu NPM 700, Tổ Chức Phát Hành sẽ:

- (i) sử dụng nguồn vốn tạm thời của Tổ Chức Phát Hành (bao gồm vốn lưu động từ hoạt động kinh doanh và các nguồn tiền khác của Tổ Chức Phát Hành) hoặc vốn vay từ các bên liên quan của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán Trái Phiếu NPM 700 tại thời điểm đáo hạn;
- (ii) Toàn bộ số vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu NPMPO2328003 sẽ được sử dụng để bù đắp cho nguồn vốn tạm thời của Tổ Chức Phát Hành hoặc hoàn trả/tất toán khoản vốn vay từ các bên liên quan đã được sử dụng để thanh toán Trái Phiếu NPM 700 tại thời điểm đáo hạn như được nêu tại đoạn (i) liền trước

- toàn bộ số tiền thu được từ Trái Phiếu NPMPO2328004 sẽ được sử dụng để thanh toán toàn bộ gốc Trái phiếu NPM082023 tại ngày đáo hạn (thông tin như Bảng 2 bên dưới).

Trong trường hợp đợt chào bán Trái Phiếu NPMPO2328004 không hoàn thành trước thời điểm đáo hạn của Trái Phiếu NPM082023 hoặc số tiền thu được từ đợt chào bán không kịp giải tỏa để thanh toán vào thời điểm đáo hạn của Trái Phiếu NPM082023, Tổ Chức Phát Hành sẽ:

- (i) sử dụng nguồn vốn tạm thời của Tổ Chức Phát Hành (bao gồm vốn lưu động từ hoạt động kinh doanh và các nguồn tiền khác của Tổ Chức Phát Hành) hoặc vốn vay từ các bên liên quan của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán Trái Phiếu NPM082023 tại thời điểm đáo hạn; và
- (ii) Toàn bộ số vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu NPMPO2328004 sẽ được sử dụng để bù đắp cho nguồn vốn tạm thời của Tổ Chức Phát Hành hoặc hoàn trả/tất toán khoản vốn vay từ các bên liên quan đã được sử dụng để thanh toán Trái Phiếu NPM082023 tại thời điểm đáo hạn như được nêu tại đoạn (i) liền trước.

BẢNG 1:

THÔNG TIN CÁC TRÁI PHIẾU NPMCB2023024, NPMCB2023025, NPMCB2023026, NPMCB2023027, NPMCB2023028, NPMCB2023029 ĐÁO HẠN TẠI NGÀY 30/7/2023 ĐƯỢC NÊU TẠI MỤC 1.1(A) PHẦN VIII BẢN CÁO BẠCH NÀY

	- Nghị quyết HĐQT số 06/2020/NQ-HĐTV ngày 16 tháng 7 năm 2020 về phương án phát hành trái phiếu;
Cơ sở pháp lý:	- Các bản công bố thông tin được ký kết ngày 16/7/2020 tương ứng với từng trái phiếu; - Các bản công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu riêng lẻ tương ứng với từng trái phiếu ngày 04 tháng 08 năm 2020.
Loại trái phiếu:	Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành.
Tổng mệnh giá các trái phiếu tại ngày	700.000.000.000 VND (bảy trăm tỷ Đồng)

phát hành và đang lưu hành đến thời điểm hiện tại	Các trái phiếu này được nêu tại Thuyết minh số 21(b) tại Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2022 của Công Ty, là trái phiếu có bảo đảm, loại tiền VND, năm đáo hạn 2023 và có số dư tại ngày 31/12/2022 là 697.900.000.000 VND
Tên chủ sở hữu trái phiếu:	Các tổ chức và cá nhân
Quan hệ với Tổ Chức Phát Hành và người có liên quan của Tổ Chức Phát Hành:	Chủ sở hữu trái phiếu không phải là người có liên quan của Tổ Chức Phát Hành
Tài sản bảo đảm	<ul style="list-style-type: none"> - Công ty Cổ phần Tập Đoàn Masan cấp bảo lãnh thanh toán không hủy ngang cho việc thực hiện các nghĩa vụ được bảo đảm; - Một phần hoặc toàn bộ tài sản Dự án Núi Pháo để đảm bảo cho các nghĩa vụ được bảo đảm.
Lãi Suất	<ul style="list-style-type: none"> - Lãi suất cho 2 (hai) Kỳ Tính Lãi (như được định nghĩa dưới đây) đầu tiên: cố định 10% (mười phần trăm)/năm; - Lãi suất cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo: thả nổi bằng tổng của 3,5% (ba phẩy năm phần trăm)/năm và Lãi Suất Tham Chiếu. <p>Trong đó: “Kỳ Tính Lãi” có nghĩa là mỗi thời hạn kéo dài 6 (sáu) tháng liên tục bắt đầu từ ngày phát hành đến ngày đáo hạn (hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn dù là tự nguyện hay bắt buộc). “Lãi Suất Tham Chiếu” có nghĩa, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân với lãi trả sau, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam công bố vào hoặc vào khoảng 11:00 giờ sáng (giờ Việt Nam) của Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi đó.</p>
Kỳ hạn:	36 (ba mươi) tháng
Ngày phát hành của trái phiếu:	30/7/2020
Ngày đáo hạn của các trái phiếu:	30/7/2023
Thời hạn dự kiến thanh toán:	Quý III năm 2023
Mục đích phát hành:	Tổ Chức Phát Hành đã sử dụng vốn huy động được từ trái phiếu để (i) tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành; và/hoặc (ii) cơ cấu lại các khoản nợ của Tổ Chức Phát Hành.
Mục đích sử dụng vốn chi tiết:	Tổ Chức Phát Hành đã sử dụng vốn trái phiếu để trả nợ trước hạn một phần cho các khoản gốc và lãi của trái phiếu do Tổ Chức Phát Hành đã phát hành ngày 13/8/2015, đáo hạn 13/8/2020 (Trái Phiếu NPM082020) với tổng mệnh giá các trái phiếu được trả nợ trước hạn

	tối đa là 700.000.000.000 VND (bảy trăm tỷ Đồng).
	Tại thời điểm hiện tại, Công Ty đã hoàn tất sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành đề chi theo đúng mục đích sử dụng vốn nêu trên.
Cơ sở cho việc thanh toán gốc các trái phiếu đáo hạn	Các trái phiếu được nêu tại bảng này sẽ đáo hạn vào ngày 30/7/2023 và được thanh toán gốc trái phiếu theo các quy định tại Điều kiện “ <i>Mua Lại Vào Ngày Đáo Hạn</i> ” của Các điều khoản và điều kiện trái phiếu của các trái phiếu.
Tình hình thanh toán lãi trái phiếu	Tính đến thời điểm của Bản cáo bạch này, Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện thanh toán đầy đủ lãi của trái phiếu vào các kỳ thanh toán lãi.
	Theo Nghị Quyết HĐQT số 27/2023/NQ-HĐTV ngày 08/06/2023, Hội Đồng thành viên của Công Ty đã thông qua việc thanh toán gốc của các Trái Phiếu NPM 700 cho chủ sở hữu trái phiếu sẽ theo thứ tự ưu tiên như sau sử dụng:
Kế hoạch trả nợ của các Trái Phiếu NPM 700 đáo hạn ngày 30/7/2023	<p>(i) nguồn vốn huy động từ việc chào bán ra công chứng Trái Phiếu NPMPO2328003 với tổng mệnh giá phát hành 700.000.0000.000 VND (bảy trăm tỷ Đồng) có phương án phát hành được nêu tại Nghị Quyết Phê Duyệt Phương Án Phát Hành và/hoặc</p> <p>(ii) tùy tình hình thị trường thực tế sẽ sử dụng lợi nhuận kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, nguồn thu từ hoạt động tài chính, đầu tư và các nguồn thu hợp pháp khác của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc vốn huy động từ nền kinh tế để thanh toán gốc các Trái Phiếu NPM 700 đáo hạn tại thời điểm 30/7/2023.</p>

BẢNG 2:**THÔNG TIN CÁC TRÁI PHIẾU NPM082023 (MÃ NIÊM YẾT NPM11805) ĐÁO HẠN TẠI NGÀY 13/8/2023 ĐƯỢC NÊU TẠI MỤC 1.1(B) PHẦN VIII BẢN CÁO BẠCH NÀY**

	- Nghị quyết HĐQT số 08/2018/NQ-HĐTV ngày 23 tháng 7 năm 2018 về phương án phát hành trái phiếu;
Cơ sở pháp lý:	- Bản công bố thông tin được ký kết ngày 10/8/2018; - Báo cáo kết quả phát hành trái phiếu doanh nghiệp số 337B/2018/CV ngày 13 tháng 8 năm 2018.
Loại trái phiếu:	Trái phiếu doanh nghiệp không chuyên đổi, không kèm chứng quyền, được bảo đảm bằng tài sản và không phải nợ thứ cấp của Tổ Chức Phát Hành.
Tổng mệnh giá các trái phiếu tại ngày phát hành và đang lưu hành đến thời điểm hiện tại	500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng) Các trái phiếu này được nêu tại Thuyết minh số 21(b) tại Báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán năm 2022 của Công Ty, là trái phiếu có bảo đảm, loại tiền VND, năm đáo hạn 2023 và có số dư tại ngày

31/12/2022 là 499.509.872.000VND

Tên chủ sở hữu trái phiếu:	Các tổ chức và cá nhân
Quan hệ với Tổ Chức Phát Hành và người có liên quan của Tổ Chức Phát Hành:	Chủ sở hữu trái phiếu không phải là người có liên quan của Tổ Chức Phát Hành
Tài sản bảo đảm	<ul style="list-style-type: none"> - Cổ phần phổ thông MSR (Công Ty Cổ Phần Masan High-Tech Materials (“MSR”)) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Tâm Nhìn Masan; - Lãi suất cho 2 (hai) Kỳ Tính Lãi (như được định nghĩa dưới đây) đầu tiên: cố định 10% (mười phần trăm)/năm; - Lãi suất cho các Kỳ Tính Lãi tiếp theo: thả nổi bằng tổng của 3,25% (ba phẩy hai mươi lăm phần trăm)/năm và Lãi Suất Tham Chiếu.
Lãi Suất	<p>Trong đó:</p> <p>“Kỳ Tính Lãi” có nghĩa là mỗi thời hạn kéo dài 6 (sáu) tháng liên tục bắt đầu từ ngày phát hành đến ngày đáo hạn (hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn dù là tự nguyện hay bắt buộc).</p> <p>“Lãi Suất Tham Chiếu” có nghĩa, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân với lãi trả sau, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng Nông Nghiệp Và Phát Triển Nông Thôn Việt Nam công bố vào hoặc vào khoảng 11:00 giờ sáng (giờ Việt Nam) của Ngày Xác Định Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi đó.</p>
Kỳ hạn:	60 (sáu mươi) tháng
Ngày phát hành của trái phiếu:	13/8/2018
Ngày đáo hạn của các trái phiếu:	13/8/2023
Thời hạn dự kiến thanh toán:	Quý III năm 2023
Mục đích phát hành:	Tổ Chức Phát Hành đã sử dụng vốn huy động được từ trái phiếu để (i) tăng quy mô vốn hoạt động của Tổ Chức Phát Hành; và/hoặc (ii) thực hiện các chương trình, dự án đầu tư của Tổ Chức Phát Hành.
Mục đích sử dụng vốn chi tiết:	<p>Tổng số tiền thu được từ việc chào bán Trái Phiếu 500 tỷ đồng đã được Tổ Chức Phát Hành sử dụng để mua 49% phần vốn góp của Công Ty TNHH Tinh Luyện Vonfram Núi Pháo – H.C.Starck.</p> <p>Tại thời điểm hiện tại, Công Ty đã hoàn tất sử dụng toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành để chi theo đúng mục đích sử dụng vốn nêu trên.</p>

Cơ sở cho việc thanh toán gốc Trái Phiếu NPM082023 đáo hạn

Trái phiếu NPM082023 sẽ đáo hạn vào ngày 13/8/2023 và được thanh toán gốc trái phiếu theo các quy định tại Điều kiện “*Mua Lại Vào Ngày Đáo Hạn*” của Các điều khoản và điều kiện của trái phiếu.

Tình hình thanh toán lãi trái phiếu

Tính đến thời điểm của Bản cáo bạch này, Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện thanh toán đầy đủ lãi của trái phiếu vào các kỳ thanh toán lãi.

Kế hoạch trả nợ của trái phiếu NPM082023

Theo Nghị Quyết HĐQT số 27/2023/NQ-HĐTV ngày 08/06/2023, Hội Đồng thành viên của Công Ty đã thông qua việc thanh toán gốc của các trái phiếu NPM082023 đã phát hành bởi Tổ Chức Phát Hành ngày 13 tháng 8 năm 2018 và đáo hạn ngày 13 tháng 8 năm 2023 cho các chủ sở hữu trái phiếu với tổng mệnh giá trái phiếu là 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng) cho chủ sở hữu trái phiếu bằng:

(i) nguồn vốn huy động từ việc chào bán ra công chứng Trái Phiếu NPMPO2328004 với tổng mệnh giá phát hành 500.000.0000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng) có phương án phát hành được nêu tại Nghị Quyết này (trong trường hợp Trái Phiếu NPMPO2328004 có thể được phát hành trước thời điểm đáo hạn của các Trái Phiếu NPM082023) và/hoặc

(ii) tùy tình hình thị trường thực tế sẽ sử dụng lợi nhuận kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, nguồn thu từ hoạt động tài chính, đầu tư và các nguồn thu hợp pháp khác của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc vốn huy động từ nền kinh tế để thanh toán gốc trái phiếu NPM082023 tại thời điểm đáo hạn.

2. Kế Hoạch Trả Nợ

- **Thanh toán lãi Trái Phiếu:** Lãi Trái Phiếu được thanh toán định kỳ 6 (sáu) tháng một lần kể từ ngày phát hành Trái Phiếu. Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng phần lợi nhuận thu được từ các hoạt động kinh doanh, đầu tư và các nguồn thu hợp pháp khác để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư. Theo kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp cho Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán lãi Trái Phiếu.
- **Thanh toán gốc Trái Phiếu:** Gốc Trái Phiếu được thanh toán một lần vào Ngày Đáo Hạn hoặc ngày mua lại trước hạn Trái Phiếu dù là tự nguyện hoặc mua lại bắt buộc. Tùy tình hình thị trường thực tế, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng (i) lợi nhuận kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, nguồn thu từ hoạt động tài chính, đầu tư và các nguồn thu hợp pháp khác của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc (ii) vốn huy động từ nền kinh tế để thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc thời điểm Trái Phiếu được mua lại trước hạn.

Tổ Chức Phát Hành nêu dự phóng cân đối dòng tiền trong giai đoạn 2023-2028 theo bảng bên dưới cho phương án kế hoạch trả nợ như sau:

Bảng dự phóng cân đối dòng tiền của Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn 2023-2028

Đơn vị: tỷ VNĐ

Năm	2023	2024	2025	2026	2027	2028
Số dư tiền đầu kỳ	1.558	823	598	1.206	2.214	4.074
Dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh	3.698	4.397	4.343	4.140	5.238	4.137
Các khoản chi đầu tư dài hạn	(1.335)	(2.850)	(2.185)	(1.251)	(732)	(1.382)
Trả gốc dài hạn	(5.800)	(2.619)	-	-	(1.000)	(6.377)
Trả lãi	(1.821)	(1.682)	(1.626)	(1.617)	(1.550)	(1.434)
Các khoản thu/chi khác từ hoạt động tài chính	4.524	2.528	76	(263)	(96)	2.635
Số dư tiền cuối kỳ	823	598	1.206	2.214	4.074	1.653

- Theo kết quả kinh doanh thực tế trong năm 2021 và 2022, mặc dù bị ảnh hưởng bởi các điều kiện khách quan như dịch bệnh, lạm phát hoặc căng thẳng địa chính trị trên thế giới tác động đến hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và các công ty con, doanh thu thuần năm 2021 và 2022 có mức tăng trưởng tương ứng là 86% và 15%, Công Ty đã đạt mức doanh thu cao là 15.549 tỷ Đồng trong năm 2022. Đây là kết quả do nhiều yếu tố đến từ nhu cầu thị trường, cũng như hiệu quả việc mở rộng đầu tư, tập trung vào nghiên cứu và phát triển, tối ưu hóa chi phí và tận dụng lợi thế chiến lược sau khi hợp nhất nền tảng kinh doanh HC.Starck.
- Trong giai đoạn 2023-2028, dựa trên cơ sở những hiểu biết tốt nhất về diễn biến thị trường, giả định các yếu tố vĩ mô ổn định, Công Ty dự phóng rằng dòng tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh sẽ ở mức ổn định như được nêu tại bảng dự phóng.
- Trong năm 2023 và các năm tiếp theo, Công Ty đang ở giai đoạn phát triển mở rộng, vì vậy Công Ty sẽ tiếp tục đẩy mạnh vào đầu tư dài hạn để nâng cao về mặt công nghệ, đầu tư vào tài sản cố định, nâng cao hiệu suất nhà máy và hoạt động khai thác, và sẽ đầu tư vào nhiều lĩnh vực khác phù hợp với chiến lược công ty.
- Với kế hoạch đầu tư dài hạn cùng với kế hoạch trả gốc dài hạn và trả lãi như bảng dự phóng trong 5 năm 2023-2028, nhằm mục đích cân đối nguồn tiền, ngoài việc sử dụng dòng tiền từ hoạt động kinh doanh, Công Ty có kế hoạch huy động từ các nguồn vốn khác bao gồm các khoản vay, huy động vốn từ việc chào bán trái phiếu, và/hoặc các nguồn vốn khác huy động từ nền kinh tế để thanh toán cho các nghĩa vụ nợ và bổ sung vốn cho hoạt động đầu tư, kinh doanh.

Tổ Chức Phát Hành xin lưu ý rằng dự phóng cân đối dòng tiền của Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn 2023-2028 được nêu tại bảng trên dựa trên các giả định thị trường kinh doanh ổn định, thuận lợi và không có diễn biến bất lợi ngoài tầm kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành. Bảng Dự phóng dòng tiền này có thể được thay đổi, điều chỉnh tại từng thời điểm, phụ thuộc vào tình hình thị trường và hoạt động kinh doanh thực tế của Công Ty trong từng giai đoạn, trên cơ sở các phê duyệt kế hoạch kinh doanh của Công Ty.

[Mục IX. Các Đối Tác Liên Quan Đến Đợt Chào Bán bắt đầu từ trang sau. Phần còn lại của trang này được chú ý để trống]

IX. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN**1. TỔ CHỨC PHÁT HÀNH:****CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO**

Địa chỉ : Xóm Suối Cát, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên,
Việt Nam
Số fax : (84-208) 3824 063
Số điện thoại : (84-208) 3824 063
Website : <https://masanhightechmaterials.com/vi/subsidiary/nui-phao-mining-company/>

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN:**CÔNG TY TNHH KPMG**

Địa chỉ : Tầng 46, Tòa tháp Keangnam Landmark 72, Lô E6, Đường Phạm Hùng,
Phường Mỹ Trì, Quận Nam Từ Liêm, Thành phố Hà Nội
Số điện thoại : (84-24) 3946 1600
Website : <https://home.kpmg.com>

3. TỔ CHỨC TƯ VẤN VÀ TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH:**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG**

Địa chỉ : Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng,
phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Số fax : (84-24) 3944 6583
Số điện thoại : (84-24) 3944 6368
Website : www.tcbs.com.vn

Ý kiến của Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành:

Trên cơ sở những thông tin về đợt chào bán và phương án sử dụng số tiền thu được từ đợt chào bán của Tổ Chức Phát Hành đã được HĐQT của Công Ty thông qua tại Nghị Quyết Phê Duyệt Phương Án Phát Hành và những nhận định về tình hình thị trường kinh tế nói chung và thị trường chứng khoán Việt Nam nói riêng, với tư cách là Tổ chức bảo lãnh phát hành cho đợt chào bán Trái Phiếu, Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương nhận định kế hoạch chào bán các Trái Phiếu của Tổ Chức Phát Hành là hợp lí và mang tính khả thi, trừ trường hợp có những biến động bất thường và nằm ngoài tầm kiểm soát của Tổ Chức Phát Hành làm ảnh hưởng đến đợt chào bán. Số lượng Trái Phiếu được bảo lãnh phát hành cho đợt chào bán là toàn bộ số Trái Phiếu đang được đăng ký chào bán. Việc bảo lãnh phát hành được thực hiện trên cơ sở nỗ lực tối đa.

Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành cũng xin lưu ý rằng các ý kiến nhận xét của Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành được đưa ra với góc độ của một tổ chức tư vấn, dựa trên kinh nghiệm thực tế cũng như các thông tin Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành đã thu thập và đánh giá một cách khách quan trên lý thuyết về lĩnh vực tài chính, kinh tế và chứng khoán nói chung. Những nhận xét đánh giá của Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành không hàm ý đảm bảo giá trị của các Trái Phiếu và chỉ mang tính chất tham khảo.

4. ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU:

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG

Địa chỉ : Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Số fax : (84-24) 3944 6583

Số điện thoại : (84-24) 3944 6368

Website : www.tcbs.com.vn

5. Ý KIẾN CỦA CÁC CHUYÊN GIA VỀ ĐỢT CHÀO BÁN: *không có.*

X. CÁC THÔNG TIN QUAN TRỌNG KHÁC CÓ THỂ ẢNH HƯỞNG ĐẾN QUYẾT ĐỊNH CỦA NHÀ ĐẦU TƯ

Không có.

XI. PHỤ LỤC

1. **Phụ lục I:** Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 4600864513 được Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 5/7/2010, được đăng ký thay đổi lần thứ 14 ngày 3/6/2022;
2. **Phụ lục II:** Các nghị quyết Hội Đồng Thành Viên phê duyệt phương án phát hành Trái Phiếu và hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu gồm:
 - Nghị quyết số 27/2023/NQ-HĐTV ngày 08/06/2023 phê duyệt phương án phát hành Trái Phiếu
 - Nghị quyết số 28/2023/NQ-HĐTV ngày 08/06/2023 phê duyệt bộ hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu.
3. **Phụ lục III:** Điều lệ công ty;
4. **Phụ lục IV:**
 - Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ năm 2021, năm 2022 đã kiểm toán của Công Ty; và
 - Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ Quý I năm 2023 của Công Ty;
5. **Phụ lục V:** Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ chức phát hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác;
6. **Phụ lục VI:**
 - Hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu số 07/2023/BHA/NPM-TCBS ngày 08/06/2023 được ký giữa Tổ Chức Phát Hành và Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương; và
 - Hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu số 08/2023/BHA/NPM-TCBS ngày 08/06/2023 được ký giữa Tổ Chức Phát Hành và Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ Thương.

[Phần ký bắt đầu từ trang sau. Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống]

Được lập tại tỉnh Thái Nguyên, ngày 30 tháng 06 năm 2023

TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN




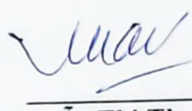
Nguyễn Thiệu Nam



TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG


Craig Richard Bradshaw


Nguyễn Thị Thanh Mai

TỔ CHỨC BẢO LÃNH PHÁT HÀNH

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG



TỔNG GIÁM ĐỐC
Nguyễn Thị Thu Hiền

**GIẤY CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ DOANH NGHIỆP
CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN HAI THÀNH VIÊN TRỞ LÊN**

Mã số doanh nghiệp: 4600864513

Đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 07 năm 2010

Đăng ký thay đổi lần thứ: 14, ngày 03 tháng 06 năm 2022

1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHÉ BIÊN
KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: NUI PHAO MINING COMPANY LTD

Tên công ty viết tắt: NUIPHAO MINING

2. Địa chỉ trụ sở chính

xóm Suối Cát, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Điện thoại: 02437182490

Fax: 024 3718 2491

Email:

Website:

3. Vốn điều lệ

10.792.915.155.000 đồng

Bằng chữ: Mười nghìn bảy trăm chín mươi hai tỷ chín trăm mười lăm triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng

4. Danh sách thành viên góp vốn

STT	Tên thành viên	Quốc tịch	Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức	Phần vốn góp (VNĐ và giá trị tương đương theo đơn vị tiền nước ngoài, nếu có)	Tỷ lệ (%)	Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức	Ghi chú
1	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÀI NGUYÊN MASAN THÁI NGUYÊN		Phòng 802, tầng 8, tòa nhà Central Plaza, Số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	8.634.332.124.000	80,000	0309960069	

2	CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ THÁI NGUYỄN	Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam	2.158.583.031. 000	20,000	0310352925
---	--	--	-----------------------	--------	------------

5. Người đại diện theo pháp luật của công ty

* Họ và tên: NGUYỄN THIỀU NAM

Giới tính: *Nam*

Chức danh: Chủ tịch hội đồng thành viên

Sinh ngày: *11/12/1970*

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: *042070007840*

Ngày cấp: *11/08/2021*

Nơi cấp: *Cục Cảnh sát QLHC về TTXH*

Địa chỉ thường trú: *25/13 Hậu Giang, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *25/13 Hậu Giang, Phường 4, Quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam*

TRƯỞNG PHÒNG



Đào Minh Sơn

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC
CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO
NUI PHAO MINING COMPANY LTD
Số/No.: 27/2023/NQ-HĐTV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Thái Nguyên, ngày 8 tháng 6 năm 2023
Thai Nguyen, June 8, 2023

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO
RESOLUTION OF THE MEMBERS' COUNCIL
OF NUI PHAO MINING COMPANY LTD

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
MEMBERS' COUNCIL

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Pursuant to Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 adopted by the National Assembly of Vietnam on June 17, 2020 and its guiding documents;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Pursuant to Law on Securities No. 54/2019/QH14 adopted by the National Assembly of Vietnam on November 26, 2019 and its guiding documents;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
Pursuant to Decree No. 155/2020/ND-CP adopted by the Government on December 31, 2020 detailing the implementation of several articles of Law on Securities;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
Pursuant to Circular No. 118/2020/TT-BTC adopted on December 31, 2020 guiding offer and issue of securities, tender offer, shares redemption, registration of and cancellation of status of public companies;
- Căn cứ Điều lệ ngày 24 tháng 5 năm 2021 (“**Điều Lệ**”) của Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo (“**Công Ty**”); và
*Pursuant to the Charter dated May 24, 2021 (“**Charter**”) of Nui Phao Mining Company Ltd (the “**Company**”); and*
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Thành viên số 27/2023/BBH-HĐTV ngày 08 tháng 06 năm 2023,
Pursuant to Minutes of Meeting of the Members' Council No. 27/2023/BBH-HĐTV dated 08 June, 2023,



**QUYẾT NGHỊ:
RESOLVES:**

Điều 1. Thông qua toàn bộ nội dung liên quan đến việc Công Ty chào bán ra công chúng các trái phiếu doanh nghiệp với tổng giá trị phát hành theo mệnh giá tối đa là 1.200.000.000.000 VND (một nghìn hai trăm tỷ Đồng) (“**Trái Phiếu**”) theo phương án phát hành Trái Phiếu chi tiết (“**Phương Án Phát Hành**”) được đính kèm tại Phụ Lục 1 của Nghị quyết này.

*Article 1. To approve all contents in relation to the public offering of corporate bonds by the Company with the aggregate principal amount of up to VND 1,200,000,000,000 (one thousand two hundred billion Vietnamese Dong) (the “**Bonds**”) in accordance with the detailed issuance plan (“**Issuance Plan**”) attached to Annex 1 of this Resolution.*

Điều 2. Thông qua kế hoạch bố trí nguồn vốn cho:

Article 2. Approve capital plan for:

- (i) việc thanh toán gốc của các trái phiếu được phát hành bởi Tổ Chức Phát Hành ngày 30 tháng 7 năm 2020 và đáo hạn ngày 30 tháng 7 năm 2023 với tổng mệnh giá trái phiếu là 700.000.000.000 (bảy trăm tỷ đồng) (“**Trái Phiếu NPM 700**”) cho chủ sở hữu trái phiếu sẽ theo thứ tự ưu tiên như sau (i) ưu tiên sử dụng nguồn vốn huy động từ việc chào bán ra công chúng Trái Phiếu NPMPO2328003 với tổng mệnh giá phát hành 700.000.000.000 VND (bảy trăm tỷ Đồng) có phương án phát hành được nêu tại Nghị Quyết này (trong trường hợp Trái Phiếu NPMPO2328003 có thể phát hành trước thời điểm đáo hạn của các Trái Phiếu NPM 700) và/hoặc (ii) tùy tình hình thị trường thực tế sẽ sử dụng lợi nhuận kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, nguồn thu từ hoạt động tài chính, đầu tư và các nguồn thu hợp pháp khác của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc vốn huy động từ nền kinh tế để thanh toán gốc Trái Phiếu NPM 700 tại thời điểm đáo hạn.

*The payment of principal of the bonds issued by the Issuer on July 30, 2020 and maturing on July 30, 2023 with a total bond face value of VND 700,000,000,000 (seven hundred billion dong) (“**Bond NPM 700**”) to bondholders by (i) capital raised from the public offering of NPMPO2328003 Bonds with a total issuance face value of VND 700,000,000,000 (seven hundred billion Dong) with the issuance plan stated in this Resolution and/or (ii) depending on the actual market situation, using the Issuer’s business profits, revenue from financial and investment activities and other legitimate sources of revenue of the Issuer and/or capital mobilized from the economy to pay the principal of Bond NPM 700 at maturity.*

- (ii) việc thanh toán gốc của các trái phiếu NPM082023 đã phát hành bởi Tổ Chức Phát Hành ngày 13 tháng 8 năm 2018 và đáo hạn ngày 13 tháng 8 năm 2023 cho các chủ sở hữu trái phiếu với tổng mệnh giá trái phiếu là 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng) cho chủ sở hữu trái phiếu bằng (i) nguồn vốn huy động từ việc chào bán ra công chúng Trái Phiếu NPMPO2328004 với tổng mệnh giá phát hành 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng) có phương án phát hành được nêu tại Nghị Quyết này (trong trường hợp Trái Phiếu NPMPO2328004 có thể được phát hành trước

thời điểm đáo hạn của các Trái Phiếu NPM082023) và/hoặc (ii) tùy tình hình thị trường thực tế sẽ sử dụng lợi nhuận kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, nguồn thu từ hoạt động tài chính, đầu tư và các nguồn thu hợp pháp khác của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc vốn huy động từ nền kinh tế để thanh toán gốc trái phiếu NPM082023 tại thời điểm đáo hạn.

The payment of principal of NPM082023 bonds issued by the Issuer on August 13, 2018 and maturing on August 13, 2023 to bondholders with a total bond face value of VND 500,000,000,000 (five hundred billion dong) to bondholders by (i) capital raised from the public offering of NPMPO2328004 Bonds with a total issuance face value of VND 500,000,000,000 (five hundred billion Dong) with the issuance plan stated in Resolution 17 and/or (ii) depending on the actual market situation, using the Issuer's business profits, revenue from financial and investment activities and other legitimate sources of revenue of the Issuer and/or capital mobilized from the economy to pay the principal of NPM082023 bonds at maturity.

Điều 3. Thông qua các nội dung dưới đây liên quan đến biện pháp bảo đảm cho Trái Phiếu:
Article 3. *To approve the following matters relating to the security interests for the Bonds:*

- (i) Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên ("**Bên Bảo Đảm**") sử dụng một phần của phần vốn góp thuộc sở hữu của mình tại Công Ty để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của Công Ty đối với Trái Phiếu theo (các) hợp đồng bảo đảm được ký kết giữa Bên Bảo Đảm và Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương ("**TCBS**") với tư cách là tổ chức quản lý tài sản bảo đảm, thông tin chi tiết về tài sản bảo đảm được nêu tại Phụ Lục 1 đính kèm Nghị quyết này; và/hoặc
*Masan Resources Thai Nguyen Limited Liability Company with One Member ("**Securing Party**") uses a portion of its contributed capital in the Company to secure the Company's payment obligations for Bonds according to the security contract(s) signed between the Securing Party and Techcom Securities Joint Stock Company ("**TCBS**") as the security management agency, detailed information on secured assets is stated in Appendix 1 attached to this Resolution; and/or*
- (ii) các tài sản khác của Công Ty và/hoặc tài sản của (các) bên thứ ba khác theo quyết định của người được uỷ quyền quy định tại Điều 7 của Nghị Quyết này,
other assets of the Company and/or assets of the other third party(ies) as may be decided by the authorized representatives as specified in Article 7 hereof,

(các hợp đồng và thỏa thuận được các bên ký kết để tạo lập các biện pháp bảo đảm theo các đoạn từ (i) đến (ii) nêu trên được gọi chung là "**Các Hợp Đồng Bảo Đảm**").
*(contracts and agreements executed by parties to create the security arrangements as prescribed in items (i) to (ii) above shall be hereinafter referred to collectively as the "**Security Agreements**").*

Điều 4. Thông qua các giao dịch được quy định trong, và việc Công Ty ký kết, chuyển giao và thực hiện, tất cả các thỏa thuận, hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến Trái

Phiếu mà Công Ty là một bên tham gia, bao gồm nhưng không giới hạn bởi:

Article 4. *To approve the transactions contemplated in, and the execution, delivery and performance by the Company of, all agreements, contracts and other documents relating to the Bonds to which the Company is a party, including but not limited to:*

- (i) mỗi hợp đồng/thỏa thuận đặt mua trái phiếu được ký kết với mỗi bên đặt mua trái phiếu (nếu có);
each bond subscription agreement to be signed with each bond subscriber (if any);
- (ii) hợp đồng tư vấn chào bán trái phiếu ra công chúng, bảo lãnh phát hành và tư vấn niêm yết trái phiếu giữa Công Ty và TCBS;
the public offering of bonds, underwriting and bond listing consultancy agreement between the Company and TCBS;
- (iii) hợp đồng đại lý đăng ký và quản lý chuyển nhượng giữa Công Ty và TCBS;
the bond depository and transfer management agency agreement between the Company and TCBS;
- (iv) hợp đồng dịch vụ lưu ký giữa Công Ty và TCBS;
the custodian agency agreement between the Company and TCBS;
- (v) hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu giữa Công Ty và TCBS;
the bondholders' agency agreement between the Company and TCBS;
- (vi) Các Hợp Đồng Bảo Đảm, hợp đồng quản lý tài sản bảo đảm, và các thỏa thuận, hợp đồng khác liên quan đến việc thế chấp tài sản bảo đảm và việc tạo lập, đăng ký các biện pháp bảo đảm được quy định trong Các Hợp Đồng Bảo Đảm;
the Security Agreements, security agency agreement, and other agreements, contracts in relation to collaterals and the creation and registration of the security interests contemplated under the Security Agreements;
- (vii) bản cáo bạch nhằm chào bán Trái Phiếu ra công chúng;
offering circular for purpose of the public offering of the Bonds;
- (viii) các thỏa thuận, hợp đồng và các tài liệu khác liên quan đến Trái Phiếu; và
other agreements, contracts and documents relating to the Bonds; and
- (ix) các bản sửa đổi, bổ sung, chấm dứt hoặc thay thế của các tài liệu được nêu từ mục (i) đến mục (viii) của Điều này,
the amendments, supplementations, terminations or replacements of the documents as prescribed in items (i) to (viii) of this Article,

(các hợp đồng, thỏa thuận quy định tại phần này được gọi chung là “**Các Tài Liệu Giao Dịch**”).

*(the aforementioned agreements, contracts and documents shall be referred to collectively as the “**Transaction Documents**”).*

Điều 5. Thông qua việc Công Ty đăng ký Trái Phiếu tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán

Việt Nam hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (tùy trường hợp áp dụng) (“VSD”) và việc niêm yết Trái Phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam và/hoặc (các) công ty con nơi Trái Phiếu được niêm yết và/hoặc giao dịch tập trung phù hợp với quy định của pháp luật (“Sở Giao Dịch Chứng Khoán”) sau khi hoàn tất đợt chào bán Trái Phiếu theo Phương Án Phát Hành đã được phê duyệt theo Nghị quyết này và theo quy định của pháp luật có liên quan hiệu lực tại từng thời điểm.

Vào ngày thông qua Nghị quyết này, Sở Giao Dịch Chứng Khoán có thẩm quyền niêm yết Trái Phiếu là Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Trường hợp Công Ty quyết định niêm yết Trái Phiếu tại một Sở Giao Dịch Chứng Khoán khác, nếu được cho phép theo quy định của pháp luật, việc lựa chọn Sở Giao Dịch Chứng Khoán khác đó sẽ được quyết định bởi Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên, hoặc Tổng Giám Đốc, hoặc Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài chính hoặc Quyền Giám Đốc Tài Chính hoặc Kế Toán Trưởng của Công Ty.

Article 5. To approve the registration of the Bonds at the Vietnam Securities Depository or Vietnam Securities Depository and Clearing Corporation (as applicable) (“VSD”) and the listing of the Bonds at the Vietnam Stock Exchange and/or the subsidiaries where the Bonds is listed and/or centrally traded in accordance with the law (the “Stock Exchange”) upon completion of issuance of the Bonds in accordance with the Issuance Plan approved under this Resolution and the applicable laws.

On the date of this Resolution, the Stock Exchange having the authority to list the Bonds is the Hanoi Stock Exchange. In case the Company decides to list the Bonds at another Stock Exchange, if permitted by law, the decision of choosing that other Stock Exchange will be decided by the Chairman of the Members’ Council, or the General Director, or the Deputy General Director, the Chief Financial Officer or the Acting Chief Financial Officer or the Chief Accountant of the Company.

Điều 6. Thông qua việc lựa chọn tổ chức thẩm định giá độc lập nằm trong danh sách doanh nghiệp thẩm định giá đủ điều kiện thẩm định giá được Bộ Tài Chính cấp phép là Công Ty Cổ Phần Thẩm Định Giá Và Tư Vấn Quốc Tế (giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305995166) thực hiện định giá ban đầu các tài sản bảo đảm nêu tại Điều 3 Nghị Quyết này để bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của Công Ty liên quan đến Trái Phiếu.

Article 6. To approve the decisions to appoint an independent valuation company provided in the list of eligible valuation enterprises licensed by the Ministry of Finance being International Assess Valuation And Consultancy Corporation (enterprise registration certificate No. 0305995166) to initially appraise the security assets provided in Article 3 of this Resolution securing for the payment obligations of the Company related to the Bonds.

Điều 7. Thông qua việc ủy quyền cho Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên, hoặc Tổng Giám Đốc, hoặc Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài chính hoặc Quyền Giám Đốc Tài Chính hoặc Kế Toán Trưởng, và cho phép những người này ủy quyền lại cho người quản lý khác của Công Ty như được quy định tại Điều Lệ, được thay mặt và đại diện cho Công Ty:

Article 7. To approve the authorization in favor of the Chairman of the Members’ Council, or the General Director, or the Deputy General Director, or the Chief Financial

Officer or the Acting Chief Financial Officer, the Chief Accountant, and allow these persons to re-authorize other management personnel of the Company as provided in the Charter, to act for and on behalf of the Company to:

- (i) quyết định việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh Phương Án Phát Hành, bao gồm phương án sử dụng vốn, thời điểm phát hành, thời gian sử dụng vốn thu được từ Trái Phiếu và các nội dung khác theo yêu cầu của cơ quan nhà nước có thẩm quyền, phù hợp với quy định của pháp luật, Điều Lệ, điều kiện thị trường và lợi ích của Công Ty;
decide the amendments, supplements or adjustments to the Issuance Plan, including plan on use of proceeds, issuance time, time for use of proceeds from the Bonds and other contents as requested by the competent authorities, the applicable law), the Charter, market conditions and interests of the Company;
- (ii) quyết định các vấn đề liên quan đến việc thực hiện Phương Án Phát Hành;
decide the matters relating to implement the Issuance Plan;
- (iii) thực hiện các thủ tục liên quan đến việc đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng;
implement the registration procedures of the public offering of the Bonds;
- (iv) quyết định loại, giá trị tài sản khác của Công Ty (nếu có) và/hoặc của (các) bên thứ ba (nếu áp dụng) khác làm tài sản bảo đảm cho nghĩa vụ thanh toán của Công Ty liên quan đến Trái Phiếu; quyết định các vấn đề liên quan đến việc thực hiện thẩm định giá tài sản bảo đảm, lựa chọn, thay đổi tổ chức thẩm định giá cho tài sản bảo đảm;
decide the type and value of other assets of the Company (if any) and/or those of third party(ies) (where applicable) which are to be used as collateral to secure the payment obligations of the Company relating to the Bonds; decided the matters relating to valuation of security assets, appointment and change of valuation organization for security assets;
- (v) quyết định nội dung các điều khoản và điều kiện cụ thể của Trái Phiếu và Các Tài Liệu Giao Dịch phù hợp với Phương Án Phát Hành;
decide specific terms and conditions of the Bonds and the Transaction Documents in accordance with the Issuance Plan;
- (vi) quyết định cách thức sử dụng tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu, các vấn đề khác liên quan đến việc sử dụng tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu phù hợp với phương án sử dụng vốn được nêu tại Phương Án Phát Hành, và việc bố trí nguồn trả nợ gốc và lãi Trái Phiếu;
decide the matters relating to the usage of the proceeds from the issuance of the Bonds, the payment method and resources for payment of the principal and interest of the Bonds;
- (vii) quyết định danh sách các nhà đầu tư mua Trái Phiếu;
decide the list of investors of the Bonds;

- (viii) quyết định và tổ chức thực hiện các công việc cần thiết để Công Ty thực hiện việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu được thông qua tại Điều 5 của Nghị quyết này, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc sau: (A) quyết định và ký kết các hồ sơ, tài liệu sẽ nộp cho cơ quan Nhà nước có thẩm quyền liên quan đến việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu phù hợp với quy định của pháp luật; và (B) làm việc và giải trình với các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền và các đơn vị có liên quan về hồ sơ đăng ký và niêm yết Trái Phiếu và các vấn đề khác liên quan đến việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu; *decide and organize the tasks necessary for registration and listing of the Bonds approved in Article 5 of this Resolution, including but not limited to the following tasks: (A) decide and sign the dossiers and documents to be submitted to the relevant competent authorities for registration and listing of the Bonds in accordance with the laws; and (B) work with and explain to the relevant competent authorities and related regulatory bodies regarding the registration and listing of the Bonds and other matters relating to the registration and listing of the Bonds;*
- (ix) quyết định việc mua lại Trái Phiếu trước hạn theo phương án mua lại Trái Phiếu được quy định trong Các Tài Liệu Giao Dịch; và *decide the early redemption of the Bonds in accordance with the plan of Bonds redemption as provided under the Transaction Documents; and*
- (x) quyết định và thực hiện tất cả các hành động cần thiết khác phù hợp với quy định của pháp luật, Điều Lệ của Công Ty, Các Tài Liệu Giao Dịch và Nghị quyết này để hoàn tất việc đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng, việc phân phối và chuyển giao Trái Phiếu, việc đăng ký và niêm yết Trái Phiếu, và việc công bố thông tin và báo cáo liên quan đến Trái Phiếu. *decide and implement all other necessary tasks in accordance with the laws, the Charter of the Company, the Transaction Documents, and this Resolution to complete the public offering of the Bonds, the registration and listing of the Bonds and information disclosure and reports relating to the Bonds.*

Điều 8. Các thành viên Hội Đồng Thành Viên, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Giám Đốc Tài Chính hoặc Quyền Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng và các phòng ban có liên quan của Công Ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Article 8. *The members of the Members' Council, the General Director, the Deputy General Director, Chief Financial Officer or the Acting Chief Financial Officer, the Chief Accountant and the relevant departments of the Company shall be responsible for implementing this Resolution.*

Điều 9. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ghi tại trang đầu của Nghị quyết. Kể từ ngày Nghị Quyết này có hiệu lực, Nghị Quyết này sẽ thay thế cho toàn bộ nội dung Nghị quyết Hội đồng thành viên số 17/2023/NQ-HĐTV ngày 4 tháng 5 năm 2023 (“**Nghị Quyết 17**”) và Nghị Quyết 17 sẽ chấm dứt hiệu lực.

Article 9. *This Resolution shall be effective as from the date first above written. From the effective date of this Resolution, this Resolution shall replace the entire content of Resolution No. 17/2023/NQ-HĐTV of the Board of Members dated May 4, 2023 (“Resolution 17”) and Resolution 17 shall cease to be effective.*

TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
FOR AND ON BEHALF OF THE MEMBERS' COUNCIL



Nguyễn Thiệu Nam
Chủ tịch Hội đồng Thành viên
Nguyen Thieu Nam
Chairman of the Members' Council

CH
M

1/2/2011

PHỤ LỤC 1

PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA CÔNG CHỨNG CỦA CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

(đính kèm theo Nghị Quyết số 27/2023/NQ-HĐTV
của Hội Đồng Thành Viên Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo)

Phương án phát hành này (“**Phương Án Phát Hành**”) là cơ sở cho việc chào bán các trái phiếu ra công chúng bằng Đồng Việt Nam, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm của với Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo (“**Tổ Chức Phát Hành**”) theo quy định tại Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 của Quốc hội ban hành ngày 26 tháng 11 năm 2019 (“**Luật Chứng Khoán**”), Nghị định số 155/2020/NĐ-CP của Chính phủ ban hành ngày 31 tháng 12 năm 2020 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán (“**Nghị Định 155**”) và Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng (“**Thông Tư 118**”), với tổng mệnh giá tối đa **1.200.000.000.000 VND (một nghìn hai trăm tỷ Đồng)** và đáo hạn năm 2028 (“**Trái Phiếu**”) theo các nội dung trình bày trong Phương Án Phát Hành này.

Phương Án Phát Hành này chỉ quy định các điều kiện, điều khoản chính của Trái Phiếu và nội dung chính của việc chào bán Trái Phiếu. Các điều kiện, điều khoản cụ thể của Trái Phiếu và nội dung khác của việc chào bán Trái Phiếu sẽ được quy định trong các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu (“**Các Điều Kiện Trái Phiếu**”) và các hợp đồng, thỏa thuận và tài liệu khác được ký kết bởi hoặc nhân danh Tổ Chức Phát Hành nhằm mục đích chào bán Trái Phiếu.

I. THÔNG TIN VỀ TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Thông Tin Chung Về Tổ Chức Phát Hành

- Tên Tiếng Việt : Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo
- Tên Tiếng Anh : Nui Phao Mining Company Ltd
- Trụ Sở Giao Dịch : Xóm Suối Cát, xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam
- Loại hình doanh nghiệp : Công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên
- Thành Lập : Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 4600864513 ngày 5 tháng 7 năm 2010 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Thái Nguyên cấp, được sửa đổi lần thứ 14 ngày 03 tháng 06 năm 2022
- Người Đại Diện Theo Pháp Luật : Ông Nguyễn Thiệu Nam
- Vốn Điều Lệ : 10.792.915.155.000 VND



- Ngành Nghề Kinh Doanh :
 - Khai thác quặng kim loại quý hiếm (khai thác, chế biến vonfram, florit, đồng, bismut và vàng);
 - Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt;
 - Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (hoạt động thăm dò địa chất và tài nguyên nước (thăm dò khoáng sản));
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác;
 - Bán buôn kim loại và quặng kim loại (không bao gồm kinh doanh mua, bán vàng miếng);
 - Sản xuất kim loại màu và kim loại quý;
 - Hoạt động tư vấn quản lý;
 - Sửa chữa máy móc, thiết bị;
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
 - Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
 - Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
 - Bốc xếp hàng hóa;
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải;
 - Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác);
 - Xuất nhập khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (Đối với các ngành nghề kinh doanh có điều kiện, doanh nghiệp chỉ được phép kinh doanh khi đáp ứng đủ điều kiện theo quy định của pháp luật);
 - Khai thác, xử lý và cung cấp nước;
 - Thoát nước và xử lý nước thải;
 - Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác;
 - Thu gom rác thải không độc hại;
 - Thu gom rác thải độc hại;
 - Xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại;
 - Xử lý và tiêu huỷ rác thải độc hại;
 - Tái chế phế liệu;
 - Xây dựng công trình cấp, thoát nước;
 - Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu; và
 - Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu.

2. Tình Hình Tài Chính Và Kết Quả Hoạt Động Kinh Doanh Của Tổ Chức Phát Hành

2.1. Các chỉ tiêu tài chính tiêu biểu của Tổ Chức Phát Hành trong vòng 2 (hai) năm liên tiếp trước đợt chào bán Trái Phiếu và tính đến thời điểm hiện tại:

Chỉ tiêu (triệu đồng)	31/12/2021	31/12/2022	Quý I năm 2023
Doanh thu thuần	13.564.289	15.562.992	3.786.502
Lợi nhuận trước thuế	277.586	107.821	14.097
Lợi nhuận sau thuế	360.365	213.353	39.806
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông của công ty	294.852	177.227	30.665
Tổng tài sản	35.907.419	38.181.161	38.443.157
Tiền và các khoản tương đương tiền	1.032.986	1.496.827	1.440.110
Tài sản ngắn hạn	10.549.879	12.180.692	12.380.053
Tài sản dài hạn	25.357.540	26.000.469	26.063.104
Vốn điều lệ	10.792.915	10.792.915	10.792.915
Vốn chủ sở hữu	11.381.949	12.396.411	12.466.217
Nợ ngắn hạn	7.899.661	16.661.285	16.796.885
Nợ dài hạn	16.625.808	9.123.463	9.180.054
Hệ số nợ/vốn chủ sở hữu ¹ (lần)	0,97	1,06	1,10
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân ² (%)	2,65%	1,51%	1,01%

(Nguồn: Báo cáo tài chính hợp nhất đã kiểm toán năm 2021, 2022 và Báo cáo tài chính hợp nhất Quý I năm 2023 của Tổ Chức Phát Hành)

2.2. Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu đã phát hành trong 3 (ba) năm liên tiếp trước đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng

Tổ Chức Phát Hành đã thực hiện thanh toán đầy đủ gốc và lãi của các trái phiếu đã phát hành và các khoản nợ đến hạn khác trong 3 (ba) năm liên tiếp trước đợt chào bán Trái Phiếu ra công chúng.

2.3. Ý Kiến Kiểm Toán Đối Với Báo Cáo Tài Chính Năm 2022 Của Tổ Chức Phát Hành

- Công ty kiểm toán: Công Ty TNHH KPMG Việt Nam.
- Ý kiến kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: “*Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính*”.

¹ Giá trị nợ được sử dụng để tính toán bao gồm tổng của nợ vay, trái phiếu phát hành và nợ thuê tài chính ngắn hạn và dài hạn tại thời điểm tài chính có liên quan.

² Giá trị lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu bình quân được sử dụng để tính toán đã loại bỏ lợi ích của cổ đông không kiểm soát, số liệu cho Quý I năm 2023 đã được ngoại suy cho cả năm.

- Ý kiến kiểm toán báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022: “*Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính*”.
- Trong báo cáo kiểm toán của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, đơn vị kiểm toán có nêu vấn đề cần nhấn mạnh liên quan đến việc xác định mức giá được sử dụng để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản của mỏ Núi Pháo, như được nêu chi tiết xem tại Thuyết minh 33 của báo cáo tài chính riêng được kiểm toán năm 2022.

II. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN VÀ KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC

1. Mục Đích Chào Bán

Nhằm mục đích tăng cường tiềm lực và tái cấu trúc năng lực tài chính cho doanh nghiệp, Tổ Chức Phát Hành dự kiến chào bán Trái Phiếu ra công chúng để tái cơ cấu lại nợ của Tổ Chức Phát Hành.

2. Phương Án Sử Dụng Vốn Chi Tiết

Toàn bộ số tiền thu được từ việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng tối đa là 1.200.000.000.000 VND (một nghìn hai trăm tỷ Đồng) sẽ được Tổ Chức Phát Hành sử dụng phù hợp với mục đích chào bán nêu trên. Cụ thể như sau:

- (a) Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc chào bán Trái Phiếu NPMPO2328003:
- Thanh toán gốc các trái phiếu được phát hành bởi Tổ Chức Phát Hành ngày 30 tháng 7 năm 2020 và đáo hạn ngày 30 tháng 7 năm 2023 cho các chủ sở hữu trái phiếu như bảng thông tin chi tiết bên dưới (các trái phiếu này được gọi chung là “**Trái Phiếu NPM 700**”, có phương án phát hành trái phiếu nêu tại Nghị quyết Hội đồng thành viên của Công Ty số 06/2020/NQ-HĐTV ngày 16/7/2020).
 - Tổng số tiền dự kiến sử dụng: 700.000.000.000 VND (bảy trăm tỷ Đồng).
 - Thời gian sử dụng vốn dự kiến: trong Quý III năm 2023 (dự kiến thanh toán vào ngày đáo hạn của các Trái Phiếu NPM 700).
 - Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ Trái Phiếu NPMPO2328003 để thanh toán các trái phiếu đã phát hành của Tổ Chức Phát Hành cụ thể như sau:

STT	Tên trái phiếu	Mã trái phiếu	Số tiền gốc trái phiếu cần thanh toán (VND)	Ngày đáo hạn
1	BondNPM242023	NPMCB2023024	160.000.000.000	30/7/2023

STT	Tên trái phiếu	Mã trái phiếu	Số tiền gốc trái phiếu cần thanh toán (VND)	Ngày đáo hạn
2	BondNPM252023	NPMCB2023025	160.000.000.000	30/7/2023
3	BondNPM262023	NPMCB2023026	95.000.000.000	30/7/2023
4	BondNPM272023	NPMCB2023027	95.000.000.000	30/7/2023
5	BondNPM282023	NPMCB2023028	95.000.000.000	30/7/2023
6	BondNPM292023	NPMCB2023029	95.000.000.000	30/7/2023
	Tổng cộng		700.000.000.000 (bảy trăm tỷ Đồng)	

Trong trường hợp đợt chào bán Trái Phiếu NPMPO2328003 không hoàn thành trước thời điểm đáo hạn của Trái Phiếu NPM 700 hoặc số tiền thu được từ đợt chào bán không kịp giải tỏa để thanh toán vào thời điểm đáo hạn của Trái Phiếu NPM 700, Tổ Chức Phát Hành sẽ:

- (i) sử dụng nguồn vốn tạm thời của Tổ Chức Phát Hành (bao gồm vốn lưu động từ hoạt động kinh doanh và các nguồn tiền khác của Tổ Chức Phát Hành) hoặc vốn vay từ các bên liên quan của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán Trái Phiếu NPM 700 tại thời điểm đáo hạn;
- (ii) Toàn bộ số vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu NPMPO2328003 sẽ được sử dụng để bù đắp cho nguồn vốn tạm thời của Tổ Chức Phát Hành hoặc hoàn trả/tất toán khoản vốn vay từ các bên liên quan đã được sử dụng để thanh toán Trái Phiếu NPM 700 tại thời điểm đáo hạn như được nêu tại đoạn (i) liên trước.

Trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu NPMPO2328003 ra công chúng không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích chào bán nêu trên, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng (i) lợi nhuận thu được từ các hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc (ii) vốn huy động từ nguồn vốn hợp pháp khác để tài trợ cho mục đích nêu trên.

- (b) Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ việc chào bán Trái Phiếu NPMPO2328004:
 - Toàn bộ số tiền thu được từ Trái Phiếu NPMPO2328004 sẽ được sử dụng để thanh toán toàn bộ gốc Trái phiếu NPM082023 (mã niêm yết NPM11805) đã phát hành bởi Tổ Chức Phát Hành ngày 13 tháng 8 năm 2018 và đáo hạn ngày 13 tháng 8 năm 2023 cho các chủ sở hữu trái phiếu với tổng mệnh giá trái phiếu là 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng), có phương án phát hành theo Nghị quyết hội đồng thành viên số 08/2018/NQ-HĐTV ngày 23/7/2018 (“**Trái Phiếu NPM082023**”).
 - Tổng số tiền dự kiến sử dụng: 500.000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng).
 - Thời gian sử dụng vốn dự kiến: trong Quý III năm 2023 (dự kiến thanh toán vào ngày đáo hạn của Trái Phiếu NPM082023).

Trong trường hợp đợt chào bán Trái Phiếu NPMPO2328004 không hoàn thành trước thời điểm đáo hạn của Trái Phiếu NPM082023 hoặc số tiền thu được từ đợt

chào bán không kịp giải tỏa để thanh toán vào thời điểm đáo hạn của Trái Phiếu NPM082023, Tổ Chức Phát Hành sẽ:

- (iii) sử dụng nguồn vốn tạm thời của Tổ Chức Phát Hành (bao gồm vốn lưu động từ hoạt động kinh doanh và các nguồn tiền khác của Tổ Chức Phát Hành) hoặc vốn vay từ các bên liên quan của Tổ Chức Phát Hành để thanh toán Trái Phiếu NPM082023 tại thời điểm đáo hạn;
- (iv) Toàn bộ số vốn thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu NPMPO2328004 sẽ được sử dụng để bù đắp cho nguồn vốn tạm thời của Tổ Chức Phát Hành hoặc hoàn trả/tất toán khoản vốn vay từ các bên liên quan đã được sử dụng để thanh toán Trái Phiếu NPM082023 tại thời điểm đáo hạn như được nêu tại đoạn (i) liên trước.

Trong trường hợp số tiền thu được từ đợt chào bán Trái Phiếu NPMPO2328004 ra công chúng không đủ để sử dụng cho toàn bộ mục đích chào bán nêu trên, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng (i) lợi nhuận thu được từ các hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc (ii) vốn huy động từ nguồn vốn hợp pháp khác để tài trợ cho mục đích nêu trên.

Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên, hoặc Tổng Giám Đốc, hoặc Phó Tổng Giám Đốc, hoặc Giám Đốc Tài chính hoặc Quyền Giám Đốc Tài Chính hoặc Kế Toán Trưởng của Tổ Chức Phát Hành, theo ủy quyền của Hội Đồng Thành Viên, có quyền quyết định mức phân bổ số tiền thu được từ việc chào bán Trái Phiếu ra công chúng cho các mục đích và phương án nêu trên trên cơ sở linh hoạt và phù hợp với quy định của pháp luật, Điều Lệ và quy chế nội bộ của Tổ Chức Phát Hành.

III. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CƠ BẢN CỦA TRÁI PHIẾU

1. Tên Trái Phiếu: Trái Phiếu NPMPO2328003 và Trái Phiếu NPMPO2328004.
2. Loại Trái Phiếu: Trái phiếu doanh nghiệp không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm bằng tài sản.
3. Tính Chất Trái Phiếu: Trái Phiếu tạo thành các nghĩa vụ nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành. Các Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang bằng mà không Trái Phiếu nào sẽ có quyền ưu tiên thanh toán hơn so với các Trái Phiếu còn lại vì bất kỳ lý do nào. Nếu sau khi xử lý Tài Sản Bảo Đảm mà nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu còn tồn đọng do số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm không đủ thì phần nghĩa vụ còn tồn đọng (nếu có) sẽ có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ khác không được bảo đảm ở thời điểm hiện tại hoặc tương lai của Tổ Chức Phát Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan).
4. Khối Lượng Trái Phiếu Chào Bán: Tổng mệnh giá phát hành là 1.200.000.000.000 VND (một nghìn hai trăm tỷ Đồng), bao gồm:
 - Trái phiếu với tổng mệnh giá phát hành là 700.000.000.000 VND (bảy trăm tỷ Đồng) (sau đây gọi là “**Trái Phiếu NPMPO2328003**”); và

- Trái phiếu với tổng mệnh giá phát hành là 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng) (sau đây gọi là “**Trái Phiếu NPMPO2328004**”).
5. Số Lượng Trái Phiếu Chào Bán: 12.000.000 (mười hai triệu) Trái Phiếu, bao gồm:
- Trái Phiếu NPMPO2328003: 7.000.000 (bảy triệu) trái phiếu; và
 - Trái Phiếu NPMPO2328004: 5.000.000 (năm triệu) trái phiếu.
6. Kỳ Hạn Trái Phiếu: 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày phát hành của Trái Phiếu NPMPO2328003 và Trái Phiếu NPMPO2328004.
7. Mệnh Giá Trái Phiếu: 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng)/Trái Phiếu.
8. Hình Thức Trái Phiếu: bút toán ghi sổ và/hoặc dữ liệu điện tử, có cấp trích lục sổ đăng ký chủ sở hữu trái phiếu và/hoặc giấy chứng nhận sở hữu trái phiếu trong trường hợp văn bản quy phạm pháp luật hoặc các quy chế có liên quan của VSD, Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan và các cơ quan Nhà nước khác có yêu cầu hoặc theo các trường hợp khác được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và/hoặc Các Tài Liệu Giao Dịch.
9. Hình Thức Chào Bán: Chào bán ra công chúng theo quy định của (i) Luật Chứng Khoán, (ii) Nghị Định 155, và (iii) Thông Tư 118.
10. Loại Tiền Tệ Phát Hành và Thanh Toán: Đồng Việt Nam (VND).
11. Giá Chào Bán: 100% mệnh giá Trái Phiếu.
12. Ngày Phát Hành: có nghĩa là ngày kết thúc đợt chào bán của Trái Phiếu theo quy định tại Luật Chứng Khoán.
- Trái Phiếu NPMPO2328003 và Trái Phiếu NPMPO2328004 dự kiến sẽ được phát hành trong Quý III năm 2023.
13. Ngày Đáo Hạn: đối với từng loại Trái Phiếu, là ngày kết thúc kỳ hạn của Trái Phiếu đó.
14. Đối Tượng Tham Gia Đợt Chào Bán: các nhà đầu tư là tổ chức và cá nhân trong nước và nước ngoài phù hợp với quy định của pháp luật.
15. Lãi Suất: các Trái Phiếu NPMPO2328003 và Trái Phiếu NPMPO2328004 có lãi suất kết hợp giữa lãi suất cố định và lãi suất thả nổi, cụ thể như sau:
- Đối với 2 (hai) Kỳ Tính Lãi (như được định nghĩa dưới đây) đầu tiên: lãi suất cố định 9%/năm (chín phần trăm một năm); và
 - Đối với các Kỳ Tính Lãi còn lại: lãi suất thả nổi, được tính bằng tổng của 4,1%/năm (bốn phẩy một phần trăm một năm) và Lãi Suất Tham Chiếu (như được định nghĩa dưới đây) của Kỳ Tính Lãi đó.

Trong đó:

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài 6 (sáu) tháng liên tục từ ngày phát hành Trái Phiếu cho đến ngày đáo hạn của Trái Phiếu (hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn).

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” có nghĩa là là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam công bố vào hoặc vào khoảng 11:00 giờ sáng (giờ Việt Nam) của Ngày Xác Định Lãi Suất (như được định nghĩa dưới đây) của Kỳ Tính Lãi đó. Để làm rõ, trong trường hợp tổ chức lưu ký không xác định được hay không có cơ sở để xác định một hay nhiều mức lãi suất tiền gửi nêu trên, Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được xác định theo các quy định liên quan tại hợp đồng dịch vụ lưu ký.

“**Ngày Xác Định Lãi Suất**” có nghĩa là đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là Ngày Làm Việc thứ 11 (mười một) trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó.

16. **Biện Pháp Bảo Đảm**: Nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành đối với Trái Phiếu được bảo đảm bởi các biện pháp bảo đảm sau:

- (a) Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“**Bên Bảo Đảm**”) thế chấp cho tổ chức quản lý tài sản bảo đảm (hành động vì lợi ích của tất cả các chủ sở hữu trái phiếu) một phần của phần vốn góp thuộc sở hữu của mình tại Tổ Chức Phát Hành (“**Phần Vốn Góp NPM**”) để bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành đối với Trái Phiếu theo các điều kiện được quy định cụ thể tại Các Điều Khoản Trái Phiếu và các hợp đồng bảo đảm có liên quan. Tại ngày của Nghị quyết này, các thông tin về tài sản bảo đảm được nêu tại bên dưới và có thể được cập nhật, thay đổi tại từng thời điểm trong suốt kỳ hạn Trái Phiếu lưu hành:
- Bên Bảo Đảm: Công ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên;
 - Giá trị định giá cho toàn bộ Phần Vốn Góp NPM là 12.878.496.000.000 Đồng (mười hai nghìn tám trăm bảy mươi tám tỷ bốn trăm chín mươi sáu triệu Đồng), theo Chứng thư thẩm định giá số 205/2023/CT-VALUCO ký ngày 11 tháng 4 năm 2023 của Công Ty Cổ Phần Thẩm Định Giá và Tư Vấn Quốc Tế (VALUCO);
 - Giá trị định giá cho Phần Vốn Góp NPM của Bên Bảo Đảm thế chấp cho nghĩa vụ thanh toán đối với Trái Phiếu NPMPO2328003 là 1.403.756.064.000 Đồng (một nghìn bốn trăm lẻ ba tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu không trăm sáu mươi bốn Đồng), tương đương tỷ lệ 10,9% vốn điều lệ của Công Ty; trị giá Phần Vốn Góp NPM thế chấp theo vốn điều lệ: 1.176.427.751.895 VND (bằng chữ: một nghìn một trăm bảy mươi sáu tỷ bốn trăm hai mươi bảy triệu bảy trăm năm mươi một nghìn tám trăm chín mươi lăm Đồng) ;

- Giá trị định giá cho Phần Vốn Góp NPM của Bên Bảo Đảm thế chấp cho Trái Phiếu NPMPO2328004 là 1.004.522.688.000 Đồng (một nghìn không trăm lẻ bốn tỷ năm trăm hai mươi hai triệu sáu trăm tám mươi tám nghìn Đồng), tương đương tỷ lệ 7,8% vốn điều lệ của Công Ty; trị giá Phần Vốn Góp NPM thế chấp theo vốn điều lệ: 841.847.382.090 VND (bằng chữ: tám trăm bốn mươi một tỷ tám trăm bốn mươi bảy triệu ba trăm tám mươi hai nghìn không trăm chín mươi Đồng)

(b) Các biện pháp bảo đảm khác (nếu có).

17. Phương Thức Thanh Toán Gốc Và Lãi Trái Phiếu:

- (a) *Thanh toán gốc:* Gốc được thanh toán một lần vào (i) ngày đáo hạn, (ii) ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo quy định tại Mục 18(a), hoặc (iii) ngày mà các Trái Phiếu đến hạn thanh toán do bị thu hồi nợ trước hạn do vi phạm hoặc do nguyên nhân khác phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu); và
- (b) *Thanh toán lãi:* Lãi Trái Phiếu sẽ được thanh toán vào (i) ngày cuối cùng của mỗi Kỳ Tính Lãi, và (ii) ngày đáo hạn hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn dù là tự nguyện hay bắt buộc theo quy định tại Mục 17(a) bên trên.

18. Quyền Mua Lại Trái Phiếu Của Tổ Chức Phát Hành:

- (a) Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác, Tổ Chức Phát Hành có quyền mua lại, trong một hoặc nhiều lần vào bất kỳ thời điểm nào đối với các Trái Phiếu được sở hữu bởi các chủ sở hữu Trái Phiếu chấp thuận bán lại.
- (b) Tại bất kỳ thời điểm nào sau khi Trái Phiếu được niêm yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổ Chức Phát Hành có thể mua Trái Phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán theo phương thức phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan và các quy chế của Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hoặc Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam (tùy từng trường hợp áp dụng) và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan.

19. Phương Thức Phát Hành: Bảo lãnh phát hành theo hình thức cố gắng tối đa.

20. Đăng Ký Và Niêm Yết: Trái Phiếu sẽ được đăng ký và lưu ký tại Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam hoặc Tổng Công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam (tùy trường hợp áp dụng) và đăng ký niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

21. Đăng Ký Mua Trái Phiếu:

(a) Số lượng Trái Phiếu đặt mua tối thiểu:

(i) Áp dụng cho Trái Phiếu NPMPO2328003:

- Đối với nhà đầu tư cá nhân: tối thiểu 500.000.000 VND (năm trăm triệu Đồng) tính theo mệnh giá Trái Phiếu; và

- Đối với nhà đầu tư tổ chức: tối thiểu 1.000.000.000 VND (một tỷ Đồng) tính theo mệnh giá Trái Phiếu.
- (ii) Áp dụng cho Trái Phiếu NPMPO2328004:
- Đối với nhà đầu tư cá nhân: tối thiểu 600.000.000 VND (sáu trăm triệu Đồng) tính theo mệnh giá Trái Phiếu; và
 - Đối với nhà đầu tư tổ chức: tối thiểu 1.500.000.000 VND (một tỷ năm trăm triệu Đồng) tính theo mệnh giá Trái Phiếu.
- (b) Trường hợp số lượng Trái Phiếu đăng ký mua vượt quá số lượng Trái Phiếu được phép chào bán thì Trái Phiếu sẽ được phân phối cho nhà đầu tư tương ứng với tỷ lệ đăng ký mua của từng nhà đầu tư. Trong trường hợp khối lượng Trái Phiếu được phân bổ của nhà đầu tư thấp hơn khối lượng đăng ký đặt mua tối thiểu nêu trên thì nhà đầu tư sẽ vẫn được coi là đã đăng ký mua thành công với khối lượng Trái Phiếu đã được phân bổ.
- (c) Số lượng Trái Phiếu đặt mua tối thiểu cho các đối tượng nhà đầu tư có thể được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện chào bán thực tế và sẽ do Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên, hoặc Tổng Giám Đốc, hoặc Phó Tổng Giám Đốc, hoặc Giám Đốc Tài chính hoặc Quyền Giám Đốc Tài Chính hoặc Kế Toán Trưởng của Tổ Chức Phát Hành quyết định phù với quy định pháp luật liên quan.

22. Quyết Định Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu:

- (a) Chủ sở hữu trái phiếu thông qua các quyết định/ng nghị quyết thuộc thẩm quyền của mình đối với các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu bằng hình thức biểu quyết tại hội nghị chủ sở hữu Trái Phiếu hoặc bằng cách lấy ý kiến thông qua các hình thức khác.
- (b) Quyết định/ng nghị quyết của chủ sở hữu trái phiếu về một số vấn đề trọng yếu được coi là thông qua hợp lệ nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số chủ sở hữu trái phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm thông qua quyết định/ng nghị quyết đó (dù được biểu quyết tại hội nghị chủ sở hữu Trái Phiếu hay biểu quyết bằng cách lấy ý kiến chủ sở hữu Trái Phiếu), bao gồm các vấn đề sau:
- (i) Điều chỉnh ngày đáo hạn hoặc bất kỳ ngày thanh toán lãi nào;
 - (ii) Giảm hoặc ngừng thanh toán tiền gốc Trái Phiếu;
 - (iii) Điều chỉnh lãi suất;
 - (iv) Thay đổi loại tiền tệ thanh toán của Trái Phiếu;
 - (v) Thay đổi điều kiện tổ chức hội nghị chủ sở hữu trái phiếu hợp lệ;
 - (vi) Thay đổi tỷ lệ chấp thuận cần thiết để thông qua quyết định/ng nghị quyết chủ sở hữu trái phiếu;

- (vii) Thay thế đại diện chủ sở hữu trái phiếu (không bao gồm các trường hợp thay thế đã được quy định tại hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu);
 - (viii) Thay đổi chủng loại Tài Sản Bảo Đảm hoặc các thay đổi khác liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm cần hành động theo chỉ thị của chủ sở hữu trái phiếu theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm và Các Điều Kiện Trái Phiếu mà đại diện chủ sở hữu trái phiếu không thể tự quyết định theo quy định của các văn kiện trái phiếu;
 - (ix) Sửa đổi định nghĩa về sự kiện vi phạm và vấn đề loại trừ trong Các Điều Kiện Trái Phiếu; và
 - (x) Bất kỳ vấn đề nào khác được yêu cầu một cách cụ thể là phải được thông qua bởi nghị quyết đa số tuyệt đối theo Các Điều Kiện Trái Phiếu hoặc bất kỳ văn kiện trái phiếu nào khác.
- (c) Quyết định/nghị quyết của chủ sở hữu trái phiếu về các vấn đề không phải là các vấn đề trọng yếu nêu trên sẽ được quy định cụ thể tại các văn kiện Trái Phiếu.

23. Quyền Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu:

Chủ sở hữu Trái Phiếu sẽ có các quyền sau:

- (a) được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ, đúng hạn gốc, lãi Trái Phiếu khi đến hạn và đảm bảo việc thực hiện các quyền kèm theo (nếu có) theo các văn kiện Trái Phiếu có liên quan;
- (b) được dùng Trái Phiếu để bán, chuyển nhượng, cho, tặng, để lại thừa kế, chiết khấu hoặc chuyển giao quyền sở hữu Trái Phiếu theo hình thức khác và sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm trong các quan hệ dân sự và quan hệ thương mại theo quy định của pháp luật hiện hành; và
- (c) các quyền khác theo các quy định của pháp luật hiện hành, Các Điều Kiện Trái Phiếu và Các Tài Liệu Giao Dịch.

24. Tổ Chức Bảo Lãnh Phát Hành: Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương (“TCBS”).

25. Tổ Chức Tư Vấn Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán Trái Phiếu Ra Công Chúng: TCBS.

26. Tổ Chức Tư Vấn Niêm Yết: TCBS.

27. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu: TCBS.

28. Đại Lý Đăng Ký Và Quản Lý Chuyển Nhượng ban đầu: TCBS.

29. Tổ Chức Lưu Ký ban đầu: TCBS.

30. Tổ Chức Quản Lý Tài Khoản Phong Tỏa: Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Việt Nam Thịnh Vượng.
31. Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm ban đầu (đối với tài sản bảo đảm là Phần Vốn Góp NPM): TCBS
32. Luật Điều Chỉnh: Luật Việt Nam.
33. Trách Nhiệm Và Nghĩa Vụ Của Các Tổ Chức, Cá Nhân Cung Cấp Dịch Vụ Liên Quan Đến Trái Phiếu: Các tổ chức, cá nhân cung cấp các dịch vụ liên quan đến Trái phiếu có trách nhiệm và nghĩa vụ được quy định cụ thể theo các quy định pháp luật hiện hành và các văn kiện Trái Phiếu có liên quan.
34. Các Điều Kiện Khác: sẽ được quy định cụ thể trong Các Điều Kiện Trái Phiếu và các hợp đồng, thỏa thuận và các tài liệu khác được ký kết nhằm mục đích chào bán Trái Phiếu theo Phương Án Phát Hành này và do Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên, hoặc Tổng Giám Đốc, hoặc Phó Tổng Giám Đốc, hoặc Giám Đốc Tài chính hoặc Quyền Giám Đốc Tài Chính hoặc Kế Toán Trưởng của Tổ Chức Phát Hành quyết định.
35. Các Cam Kết Khác: như được quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu và Các Tài Liệu Giao Dịch.
36. Sửa Đổi, Bổ Sung : việc sửa đổi, bổ sung Phương Án Phát Hành này (nếu cần thiết) sẽ được thực hiện theo quyết định của Chủ tịch Hội Đồng Thành Viên, hoặc Tổng Giám Đốc, hoặc Phó Tổng Giám Đốc, hoặc Giám Đốc Tài chính hoặc Quyền Giám Đốc Tài Chính hoặc Kế Toán Trưởng của Tổ Chức Phát Hành.

IV. KẾ HOẠCH BỐ TRÍ NGUỒN VỐN CHO VIỆC THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU

1. **Thanh toán lãi Trái Phiếu**: Lãi Trái Phiếu được thanh toán định kỳ 6 (sáu) tháng một lần kể từ ngày phát hành Trái Phiếu. Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng phần lợi nhuận thu được từ các hoạt động kinh doanh, đầu tư và các nguồn thu hợp pháp khác để thanh toán lãi Trái Phiếu cho nhà đầu tư. Theo kế hoạch kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, tiền thu được từ hoạt động kinh doanh, đầu tư và các hoạt động khác, sau khi trừ đi các nghĩa vụ thuế phải nộp cho Nhà nước và chi phí hoạt động, vẫn đủ để thanh toán lãi Trái Phiếu.
2. **Thanh toán gốc Trái Phiếu**: Gốc Trái Phiếu được thanh toán một lần vào Ngày Đáo Hạn hoặc ngày mua lại trước hạn Trái Phiếu dù là tự nguyện hoặc mua lại bắt buộc. Tùy tình hình thị trường thực tế, Tổ Chức Phát Hành dự kiến sẽ sử dụng (i) lợi nhuận kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành, nguồn thu từ hoạt động tài chính, đầu tư và các nguồn thu hợp pháp khác của Tổ Chức Phát Hành và/hoặc (ii) vốn huy động từ nền kinh tế để thanh toán gốc Trái Phiếu tại thời điểm đáo hạn hoặc thời điểm Trái Phiếu được mua lại trước hạn.

V. KẾ HOẠCH LỢI NHUẬN HỢP NHẤT NĂM 2023

Đơn vị: tỷ VND

STT	CHỈ TIÊU	Kế hoạch 2023
1.	Doanh thu thuần	16.500 - 18.200
2.	Lợi nhuận sau thuế	đến 300
3.	Tỷ lệ Lợi nhuận sau thuế /Doanh thu thuần (%)	đến 1,6%
4.	Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu bình quân (%)	đến 2,4%
5.	Tỷ lệ phân chia lợi nhuận (%)	-

Kế hoạch lợi nhuận sẽ được cấp có thẩm quyền của Công Ty điều chỉnh theo từng thời kỳ, phụ thuộc vào tình hình thị trường và hoạt động kinh doanh thực tế của Công Ty.

Thái Nguyên, ngày 8 tháng 6 năm 2023
Thai Nguyen, June 8, 2023

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO
RESOLUTION OF THE MEMBERS' COUNCIL
OF NUI PHAO MINING COMPANY LTD

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
MEMBERS' COUNCIL

- Căn cứ Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2020, và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Pursuant to Law on Enterprises No. 59/2020/QH14 adopted by the National Assembly of Vietnam on June 17, 2020 and its guiding documents;
- Căn cứ Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019 và các văn bản hướng dẫn thi hành;
Pursuant to Law on Securities No. 54/2019/QH14 adopted by the National Assembly of Vietnam on November 26, 2019 and its guiding documents;
- Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán;
Pursuant to Decree No. 155/2020/ND-CP dated December 31, 2020 of the Government detailing the implementation of several articles of the Law on Securities;
- Căn cứ Thông tư số 118/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng;
Pursuant to Circular No. 118/2020/TT-BTC dated December 31, 2020 guiding offer and issue of securities, tender offer, shares redemption, registration of and cancellation of status of public companies;
- Căn cứ Điều lệ ngày 24 tháng 5 năm 2021 (“**Điều Lệ**”) của Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo (“**Công Ty**” hoặc “**Tổ Chức Phát Hành**”); và
*Pursuant to the Charter dated May 24, 2021 (“**Charter**”) of Nui Phao Mining Company Ltd (the “**Company**” or the “**Issuer**”); and*
- Căn cứ Biên bản họp Hội đồng Thành viên số 28/2023/BBH-HĐTV ngày 08 tháng 06 năm 2023 về việc phê duyệt các tài liệu của bộ hồ sơ đăng ký chào bán ra công chúng các trái phiếu bằng Đồng Việt Nam, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm với tổng mệnh giá tối đa 1.200.000.000.000 VND (một nghìn hai trăm tỷ



Đồng), bao gồm các Trái Phiếu NPMPO2328003 và Trái Phiếu NPMPO2328004 (gọi chung là “**Các Trái Phiếu**”).

*Pursuant to Minutes of Meeting of the Members’ Council No. 28/2023/BBH-HĐTV dated 08 June, 2023 approving the documents of the application dossiers for registration of public offering of bonds in Vietnamese Dong, non-convertible, unwarranted, secured with a maximum total par value of VND1,200,000,000,000,000 (one thousand two hundred billion Vietnamese Dong), including the NPMPO2328003 Bonds and the NPMPO2328004 Bonds (collectively, the “**Bonds**”).*

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phê duyệt các tài liệu của bộ hồ sơ đăng ký chào bán Các Trái Phiếu ra công chúng theo danh sách được liệt kê tại Phụ lục 1 của Nghị quyết này (gọi chung là “**Các Tài Liệu Của Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán**”) có nội dung phù hợp với phương án phát hành Các Trái Phiếu được phê duyệt bởi Hội Đồng Thành Viên được Công Ty nộp cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước (và/hoặc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền khác (nếu có)) để đăng ký chào bán Các Trái Phiếu ra công chúng.

*Article 1. To approve the documents of the application dossiers for registration of public offering of the Bonds as listed in Annex 1 of this Resolution (collectively, “**Offering Documents**”) having the contents in accordance with the issuance plan of the Bonds as approved by the Members’ Council to be submitted by the Company to the State Securities Committee (and/or the competent authorities (if any)) for registration of public offering of the Bonds.*

Điều 2. Thông qua việc ủy quyền cho Chủ Tịch Hội Đồng Thành Viên, hoặc Tổng Giám Đốc, hoặc Phó Tổng Giám Đốc, hoặc Giám Đốc Tài Chính, hoặc Quyền Giám Đốc Tài Chính, hoặc Kế Toán Trưởng của Công Ty, và cho phép những người này ủy quyền lại cho người quản lý khác của Công Ty như được quy định tại Điều Lệ, được thay mặt và đại diện cho Hội Đồng Thành Viên, căn cứ yêu cầu của Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước và tình hình cụ thể, toàn quyền quyết định và chịu trách nhiệm tổ chức triển khai thực hiện các công việc sau đây:

Article 2. To approve the authorization to the Chairman of the Members’ Council, or the General Director, or the Deputy General Director, or Chief Financial Officer, or the Acting Chief Financial Officer, or the Chief Accountant of the Company, acting on behalf of the Members’ Council, per the request of the State Securities Commission and the specific situation, in its sole discretion and being responsible to implement the following tasks:

- (i) thương lượng và quyết định các nội dung cụ thể của Các Tài Liệu Của Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán phù hợp theo quy định của pháp luật liên quan và phương án phát hành Các Trái Phiếu được phê duyệt;
negotiate and decide the specific contents of the Offering Documents in accordance with the applicable law and the approved issuance plan of the Bonds;
- (ii) quyết định việc sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh Các Tài Liệu Của Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán vào từng thời điểm (nếu có); và
decide to amend, supplement or adjust the Offering Documents from time to time (if any); and

- (iii) chuẩn bị, ký kết và tổ chức thực hiện Các Tài Liệu Của Hồ Sơ Đăng Ký Chào Bán và các sửa đổi, bổ sung hoặc điều chỉnh (nếu có) theo quy định pháp luật.
prepare, execute and implement the Offering Documents and any amendments, supplements or adjustments (if any) in accordance with law.

Điều 3. Các thành viên Hội Đồng Thành Viên, Tổng Giám Đốc, Phó Tổng Giám Đốc, Giám Đốc Tài Chính hoặc Quyền Giám Đốc Tài Chính, Kế Toán Trưởng và các phòng ban có liên quan của Công Ty có trách nhiệm thi hành Nghị quyết này.

Article 3. *The members of the Members' Council, the General Director, the Deputy General Director, Chief Financial Officer or the Acting Chief Financial Officer, the Chief Accountant and the relevant departments of the Company shall be responsible for implementing this Resolution.*

Điều 4. Nghị quyết này có hiệu lực kể từ ngày ghi tại phần đầu của Nghị quyết. Kể từ ngày Nghị Quyết này có hiệu lực, Nghị Quyết này sẽ thay thế cho toàn bộ nội dung Nghị quyết Hội đồng thành viên số 19/2023/NQ-HĐTV ngày 5 tháng 5 năm 2023 ("**Nghị Quyết 19**") và Nghị Quyết 19 sẽ chấm dứt hiệu lực

Article 4. *This Resolution shall be effective as from the date first above written. From the effective date of this Resolution, this Resolution shall replace the entire content of Resolution No. 19/2023/NQ-HĐTV of the Board of Members dated May 5, 2023 ("Resolution 19") and Resolution 19 shall cease to be effective.*

[Phần còn lại của trang được chú ý để trống]



TM. HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN
FOR AND ON BEHALF OF THE MEMBERS' COUNCIL



Nguyễn Thiệu Nam
Chủ tịch Hội đồng Thành viên
Nguyen Thieu Nam
Chairman of the Members' Council



PHỤ LỤC 1

CÁC TÀI LIỆU CỦA HỒ SƠ ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN

1. Giấy đăng ký chào bán trái phiếu;
2. Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng, kèm theo các tài liệu sau:
 - a. Phụ lục I: Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp;
 - b. Phụ lục II: Các nghị quyết Hội đồng Thành viên có liên quan, bao gồm:
 - Nghị quyết Hội đồng Thành viên số 27/2023/NQ-HĐTV ngày 8/6/2023 phê duyệt phương án phát hành trái phiếu được chào bán ra công chúng;
 - Nghị quyết Hội đồng Thành viên số 28/2023/NQ-HĐTV ngày 8/6/2023 phê duyệt hồ sơ đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng;
 - c. Phụ lục III: Điều lệ công ty;
 - d. Phụ lục IV:
 - Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2021 của Công Ty;
 - Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ kiểm toán năm 2022 của Công Ty;
 - Báo cáo tài chính hợp nhất và riêng lẻ Quý I năm 2023 của Công Ty.
 - e. Phụ lục V: Cam kết thực hiện nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành đối với nhà đầu tư về điều kiện phát hành, thanh toán, bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư và các điều kiện khác;
 - f. Phụ lục VI:
 - Hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu số 07/2023/BHA/NPM-TCBS ngày 8/6/2023 ký giữa Tổ Chức Phát Hành và Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương (“TCBS”);
 - Hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu số 08/2023/BHA/NPM-TCBS ngày 8/6/2023 ký giữa Tổ Chức Phát Hành và TCBS;
3. Văn bản cam kết bảo lãnh phát hành Trái Phiếu giữa Công Ty và TCBS;
4. Cam kết của bên thứ ba sở hữu tài sản bảo đảm về việc dùng tài sản đó để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ thanh toán trái phiếu;
5. Văn bản cam kết Công Ty không thuộc trường hợp đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc đã bị kết án về một trong các tội xâm phạm trật tự quản lý kinh tế mà chưa được xóa án tích;
6. Văn bản cam kết của Công Ty về việc triển khai niêm yết trái phiếu sau khi kết thúc đợt chào bán;



7. Văn bản cam kết của Công Ty về việc không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên một năm;
8. Văn bản xác nhận của Ngân Hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng về việc mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua trái phiếu của đợt chào bán trái phiếu ra công chúng;
9. Hợp đồng tư vấn chào bán chứng khoán, bảo lãnh phát hành và tư vấn niêm yết trái phiếu số 02/2023/BLPH/NPM-TCBS ký giữa Công Ty và TCBS và các thỏa thuận sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm;
10. Văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của công ty kiểm toán có liên quan ký kết và ký sao y báo cáo tài chính;
11. Văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Tổ Chức Phát Hành cho người ký kết và ký sao y các văn bản có liên quan đến đợt chào bán;
12. Văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng ký kết và ký sao y các văn bản có liên quan đến đợt chào bán;
13. Văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của TCBS cho người ký kết và ký sao y các văn bản có liên quan đến đợt chào bán;
14. Các tài liệu liên quan đến biện pháp bảo đảm là phần vốn góp tại Công ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo thuộc sở hữu của Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên để đảm bảo nghĩa vụ cho Trái Phiếu:
 - Quyết định số 239/2023/QĐ-CT ngày 04/5/2023 và Quyết định số 295/2023/QĐ-CT ngày 8/6/2023 của Chủ tịch Công ty; Quyết định số 240/2023/QĐ-GD ngày 04/5/2023 và Quyết định số 296/2023/QĐ-GD ngày 8/6/2023 của Giám đốc của Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”) về việc sử dụng phần vốn góp của MRTN trong Công Ty để thế chấp cho các nghĩa vụ thanh toán liên quan đến Trái Phiếu;
 - Hợp đồng quản lý tài sản bảo đảm số 03/2023/HDQLTSBD/NPM-TCBS ngày 05/5/2023 được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành, MRTN và TCBS với tư cách là tổ chức quản lý tài sản bảo đảm và thỏa thuận sửa đổi hợp đồng quản lý tài sản bảo đảm số 03/2023/TTSD01/HDQLTSBD/NPM-TCBS ngày 8/6/2023;
 - và Hợp đồng quản lý tài sản bảo đảm số 04/2023/HDQLTSBD/NPM-TCBS ngày 05/5/2023 được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành, MRTN và TCBS với tư cách là tổ chức quản lý tài sản bảo đảm và thỏa thuận sửa đổi hợp đồng quản lý tài sản bảo đảm số 04/2023/TTSD/HDQLTSBD/NPM-TCBS ngày 8/6/2023;
 - Hợp đồng thế chấp phần vốn góp số 03/2023/HDBD-PVGNPM/MRTN-TCBS ngày 05/5/2023 được ký kết giữa MRTN với tư cách là bên bảo đảm và TCBS với tư cách là tổ chức quản lý tài sản bảo đảm và đại diện chủ sở hữu trái phiếu và thỏa thuận sửa đổi hợp đồng thế chấp phần vốn góp số 03/2023/TTSD01/HDBD-PVGNPM/MRTN-TCBS ngày 8/6/2023;
 - Hợp đồng thế chấp phần vốn góp số 04/2023/HDBD-PVGNPM/MRTN-TCBS



ngày 05/5/2023 được ký kết giữa MRTN với tư cách là bên bảo đảm và TCBS với tư cách là tổ chức quản lý tài sản bảo đảm và đại diện chủ sở hữu trái phiếu và thỏa thuận sửa đổi hợp đồng thế chấp phân vốn góp số 04/2023/TTSD01/HDBD-PVGNPM/MRTN-TCBS ngày 8/6/2023;

- Chứng thư thẩm định giá số 205/2023/CT-Valuco của Công ty Cổ phần Thẩm Định Giá Và Tư Vấn Quốc Tế ngày 11/04/2023; và
- Văn bản chứng nhận đăng ký biện pháp bảo đảm, thông báo xử lý tài sản bảo đảm của Trung tâm Đăng ký giao dịch, tài sản.



BẢN SAO



ĐIỀU LỆ
CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH
NGÀY: 16-09-2022
SỐ CHỨNG THỰC: **33711** QUYỀN SỐ: 01.SCT/BS



Tháng 05 năm 2021

CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Thị Thùy Trang

ĐIỀU LỆ
CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội thông qua ngày 17/06/2020 và các văn bản hướng dẫn thi hành (sau đây gọi là “**Luật Doanh nghiệp**”),

Chúng tôi, gồm những thành viên có tên như sau:

1.1. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN TÀI NGUYÊN MASAN THÁI NGUYÊN

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 802, Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0309960069, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 07/05/2010, như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bích Hà Nguyên

Chức vụ: Chủ tịch công ty

1.2. CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI VÀ ĐẦU TƯ THÁI NGUYÊN

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà Central Plaza, số 17 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, TP. Hồ Chí Minh, Việt Nam

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0310352925, do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 15/10/2010, như được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Bích Hà Nguyên

Chức vụ: Chủ tịch công ty

Cùng đồng ý phê duyệt bản Điều lệ dưới đây nhằm điều chỉnh việc tổ chức và hoạt động của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (sau đây gọi là “**Công ty**”).

Bản Điều lệ này thay thế bản Điều lệ của Công ty ngày 15/10/2019, được sửa đổi, bổ sung theo Phụ lục sửa đổi ngày 22/10/2019 và Phụ lục sửa đổi ngày 07/12/2020.

Chương I
ĐIỀU KHOẢN CHUNG

Điều 1. Phạm vi trách nhiệm

Mỗi thành viên trong Công ty chỉ chịu trách nhiệm về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi vốn góp tương ứng của mình đã góp vào Công ty.

Điều 2. Tên Công ty

1. Tên Công ty viết bằng tiếng Việt: **CÔNG TY TRÁCH NHIỆM HỮU HẠN KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO.**
2. Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài: **NUI PHAO MINING COMPANY LTD.**
3. Tên Công ty viết tắt: **NUIPHAO MINING.**

Điều 3. Trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện

1. Trụ sở chính của Công ty đặt tại: Xóm 2, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam.
2. Công ty có thể thành lập chi nhánh hoặc văn phòng đại diện tại Việt Nam hoặc nước ngoài theo quyết định của Hội đồng thành viên.

Điều 4. Ngành, nghề kinh doanh

1. Ngành nghề kinh doanh của Công ty là:

STT	Tên ngành	Mã ngành
1.	Khai thác quặng kim loại quý hiếm (Khai thác, chế biến vàng, đồng, vonfram, fluorit, và bismut)	0730 (Chính)
2.	Khai thác quặng kim loại khác không chứa sắt	0722
3.	Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan (Hoạt động thăm dò địa chất, nguồn nước (thăm dò khoáng sản))	7110
4.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai khoáng khác	0990
5.	Sản xuất kim loại màu và kim loại quý	2420
6.	Bán buôn kim loại và quặng kim loại	4662
7.	Hoạt động tư vấn quản lý	7020
8.	Sửa chữa máy móc, thiết bị	3312
9.	Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê	6810
10.	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ	4933
11.	Kho bãi và lưu giữ hàng hóa	5210
12.	Bốc xếp hàng hóa	5224
13.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải	5229
14.	Photo, chuẩn bị tài liệu và các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác (Các hoạt động hỗ trợ văn phòng đặc biệt khác)	8219
15.	Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu Chi tiết: Xuất khẩu, nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh	8299
16.	Khai thác, xử lý và cung cấp nước	3600
17.	Thoát nước và xử lý nước thải	3700
18.	Xử lý ô nhiễm và hoạt động quản lý chất thải khác	3900
19.	Thu gom rác thải không độc hại	3811
20.	Thu gom rác thải độc hại	3812
21.	Xử lý và tiêu hủy rác thải không độc hại	3821
22.	Xử lý và tiêu hủy rác thải độc hại	3822
23.	Tái chế phế liệu	3830
24.	Xây dựng công trình cấp, thoát nước	4222
25.	Bán buôn chuyên doanh khác chưa được phân vào đâu Chi tiết: - Bán buôn hóa chất (Trừ loại Nhà nước cấm)	4669

- Ngoài các ngành nghề kinh doanh nêu trên, Công ty có thể tiến hành các hoạt động kinh doanh khác mà pháp luật không cấm và Hội đồng thành viên xét thấy có lợi nhất cho Công ty.

Điều 5. Thời hạn hoạt động của Công ty

- Thời hạn hoạt động của Công ty là vô thời hạn.
- Công ty có thể chấm dứt hoạt động theo quyết định của Hội đồng thành viên hoặc theo quy định của pháp luật.

Điều 6. Người đại diện theo pháp luật của Công ty

- Người đại diện theo pháp luật của Công ty là cá nhân đại diện cho Công ty thực hiện các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ giao dịch của Công ty, đại diện cho Công ty với tư cách người yêu cầu giải quyết việc dân sự, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trước Trọng tài hoặc Tòa án và các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của Điều lệ này, Luật Doanh nghiệp và các quy định pháp luật khác.
- Công ty có một người đại diện theo pháp luật.
- Chủ tịch Hội đồng thành viên là người đại diện theo pháp luật của Công ty.

Chương II VỐN ĐIỀU LỆ VÀ CÁC QUY ĐỊNH VỀ CHUYỂN NHƯỢNG VỐN

Điều 7. Vốn điều lệ

- Vốn điều lệ của Công ty là 10.792.915.155.000 đồng (*Bằng chữ: Mười nghìn bảy trăm chín mươi hai tỷ chín trăm mười lăm triệu một trăm năm mươi lăm nghìn đồng*).
- Vốn điều lệ của Công ty bao gồm các phần vốn góp của các thành viên Công ty cụ thể như sau:

STT	Tên thành viên	Giá trị phần vốn góp (VND)	Tỷ lệ phần vốn góp (%)
1.	Công ty TNHH một thành viên Tài nguyên Masan Thái Nguyên	8.634.332.124.000	80
2.	Công ty TNHH một thành viên Thương mại và đầu tư Thái Nguyên	2.158.583.031.000	20
Tổng cộng		10.792.915.155.000	100

- Vốn điều lệ của Công ty có thể được tăng hoặc giảm theo quyết định của Hội đồng thành viên.

Điều 8. Thực hiện góp vốn và cấp giấy chứng nhận phần vốn góp

1. Thành viên phải góp vốn đầy đủ và đúng hạn vào Công ty bằng loại tài sản góp vốn như đã cam kết. Thành viên Công ty chỉ được góp vốn cho Công ty bằng các tài sản khác với loại tài sản và thời hạn góp vốn đã cam kết nếu được sự tán thành của trên 50% số các thành viên còn lại.
2. Thành viên Công ty phải chuyển quyền sở hữu tài sản góp vốn cho Công ty theo quy định sau đây:
 - a) Đối với tài sản có đăng ký quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng đất thì người góp vốn phải làm thủ tục chuyển quyền sở hữu tài sản đó hoặc quyền sử dụng đất cho Công ty theo quy định của pháp luật.
 - b) Đối với tài sản không đăng ký quyền sở hữu, việc góp vốn phải được thực hiện bằng việc giao nhận tài sản góp vốn có xác nhận bằng biên bản, trừ trường hợp được thực hiện thông qua tài khoản.
3. Trường hợp có thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ và đúng thời hạn đối với số vốn đã cam kết, Công ty phải đăng ký thay đổi vốn điều lệ và tỷ lệ phần vốn góp của các thành viên bằng số vốn đã góp trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày cuối cùng phải góp đủ phần vốn góp mà thành viên đó đã cam kết. Các thành viên chưa góp vốn hoặc chưa góp đủ số vốn đã cam kết phải chịu trách nhiệm tương ứng với tỷ lệ phần vốn góp đã cam kết đối với các nghĩa vụ tài chính của công ty phát sinh trong thời gian trước ngày Công ty đăng ký thay đổi vốn điều lệ và tỷ lệ phần vốn góp của thành viên.
4. Trường hợp có thành viên không góp hoặc không góp đủ số vốn sau thời hạn đã cam kết thì số vốn chưa góp của thành viên đó sẽ được chào bán theo quyết định của Hội đồng thành viên.
5. Người góp vốn trở thành thành viên của Công ty kể từ thời điểm đã thanh toán phần vốn góp và những thông tin về người góp vốn quy định tại các điểm b, c và d khoản 2 Điều 48 của Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên. Tại thời điểm góp đủ phần vốn góp, Công ty phải cấp giấy chứng nhận phần vốn góp cho thành viên tương ứng với giá trị phần vốn đã góp.
6. Trường hợp giấy chứng nhận phần vốn góp bị mất, bị hư hỏng hoặc bị hủy hoại dưới hình thức khác, thành viên được Công ty cấp lại giấy chứng nhận phần vốn góp.

Điều 9. Sổ đăng ký thành viên

1. Công ty phải lập sổ đăng ký thành viên ngay sau khi được cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp. Sổ đăng ký thành viên có thể là văn bản giấy, tập hợp dữ liệu điện tử ghi nhận thông tin sở hữu phần vốn góp của các thành viên Công ty. Sổ đăng ký thành viên phải có các nội dung theo quy định tại Điều 48 của Luật Doanh nghiệp.
2. Sổ đăng ký thành viên được lưu trữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 10. Mua lại phần vốn góp

1. Thành viên có quyền yêu cầu Công ty mua lại phần vốn góp của mình, nếu thành viên đó đã bỏ phiếu không tán thành đối với nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên về một trong các vấn đề sau đây:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các nội dung trong Điều lệ này liên quan đến quyền và nghĩa vụ của thành viên hoặc Hội đồng thành viên; hoặc
 - b) Tổ chức lại Công ty theo quy định tại Điều lệ này.
2. Yêu cầu mua lại phần vốn góp phải bằng văn bản và được gửi đến Công ty trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày Hội đồng thành viên thông qua nghị quyết, quyết định về một trong các vấn đề nêu trên.
3. Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu mua lại phần vốn góp của thành viên quy định tại khoản 1 Điều này, thì Công ty phải mua lại phần vốn góp của thành viên đó theo giá thị trường hoặc, theo mức giá do công ty định giá độc lập được Công ty và thành viên đó thống nhất chỉ định đưa ra, trừ trường hợp hai bên thỏa thuận được về giá. Việc thanh toán chỉ được thực hiện nếu sau khi thanh toán đủ phần vốn góp được mua lại, Công ty vẫn thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.
4. Trường hợp Công ty không thanh toán được phần vốn góp được yêu cầu mua lại theo quy định tại khoản 3 Điều này thì thành viên đó có quyền tự do chuyển nhượng phần vốn góp của mình cho thành viên khác hoặc cho người không phải là thành viên Công ty.

Điều 11. Chuyển nhượng phần vốn góp

1. Trừ trường hợp quy định tại khoản 4 Điều 10, khoản 5 và khoản 6 Điều 12 của Điều lệ này, thành viên Công ty có quyền chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho người khác theo quy định sau đây:
 - a) Thành viên chào bán một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình cho các thành viên còn lại theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp tương ứng của họ trong Công ty với cùng điều kiện chào bán; và
 - b) Thành viên chuyển nhượng với cùng điều kiện chào bán đối với các thành viên còn lại theo quy định tại điểm a khoản này, cho người không phải là thành viên Công ty nếu các thành viên còn lại của Công ty không mua hoặc không mua hết trong thời hạn ba mươi (30) ngày, kể từ ngày chào bán.

2. Thành viên chuyển nhượng vẫn có các quyền và nghĩa vụ đối với Công ty tương ứng với phần vốn góp có liên quan cho đến khi thông tin về người mua quy định tại các Điểm b, c và đ Khoản 2 Điều 48 Luật Doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký thành viên của Công ty.
3. Trường hợp chuyển nhượng hoặc thay đổi phần vốn góp của các thành viên dẫn đến chỉ còn một thành viên Công ty, thì Công ty phải tổ chức quản lý theo loại hình công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên và thực hiện đăng ký thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc chuyển nhượng.

Điều 12. Xử lý phần vốn góp trong các trường hợp khác

1. Trong trường hợp thành viên Công ty là cá nhân chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của thành viên đó là thành viên Công ty.
2. Trong trường hợp thành viên là cá nhân bị Tòa án tuyên bố mất tích thì quyền và nghĩa vụ của thành viên được thực hiện thông qua người quản lý tài sản của thành viên đó theo quy định của pháp luật về dân sự.
3. Trong trường hợp thành viên bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi thì quyền và nghĩa vụ của thành viên đó trong Công ty được thực hiện thông qua người đại diện của thành viên đó.
4. Phần vốn góp của thành viên được Công ty mua lại hoặc chuyển nhượng theo quy định tại Điều 10 và Điều 11 của Điều lệ này trong các trường hợp sau đây:
 - a) Người thừa kế không muốn trở thành thành viên Công ty;
 - b) Người được tặng cho theo quy định tại khoản 6 Điều này không được Hội đồng thành viên chấp thuận làm thành viên Công ty; hoặc
 - c) Thành viên Công ty là tổ chức giải thể hoặc phá sản.
5. Trường hợp phần vốn góp của thành viên công ty là cá nhân chết mà không có người thừa kế, hoặc người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì phần vốn góp đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.
6. Trường hợp thành viên tặng cho một phần hoặc toàn bộ phần vốn góp của mình tại Công ty cho người khác thì người được tặng cho trở thành thành viên công ty theo quy định sau đây:
 - a) Người được tặng cho thuộc đối tượng thừa kế theo pháp luật theo quy định của Bộ luật Dân sự thì người này đương nhiên là thành viên Công ty.
 - b) Người được tặng cho không thuộc đối tượng quy định tại điểm a khoản này thì người này chỉ trở thành thành viên Công ty khi được Hội đồng thành viên chấp thuận. Trong trường hợp này, thành viên tặng cho sẽ không có quyền biểu quyết.
7. Trường hợp thành viên Công ty sử dụng phần vốn góp để trả nợ thì người nhận thanh toán có quyền sử dụng phần vốn góp đó theo một trong hai hình thức sau đây:

- a) Trở thành thành viên Công ty nếu được Hội đồng thành viên chấp thuận. Trong trường hợp này, thành viên đó sẽ không có quyền biểu quyết;
- b) Chào bán và chuyển nhượng phần vốn góp đó theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ này.

8. Trường hợp thành viên Công ty là cá nhân bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc thì thành viên đó ủy quyền cho người khác thực hiện một số hoặc tất cả quyền và nghĩa vụ của mình tại Công ty.

9. Trường hợp thành viên Công ty là cá nhân bị Tòa án cấm hành nghề, làm công việc nhất định hoặc thành viên Công ty là pháp nhân thương mại bị Tòa án cấm kinh doanh, cấm hoạt động trong một số lĩnh vực nhất định thuộc phạm vi ngành, nghề kinh doanh của Công ty thì thành viên đó không được hành nghề, làm công việc đã bị cấm tại Công ty hoặc Công ty tạm ngừng, chấm dứt kinh doanh ngành, nghề có liên quan theo quyết định của Tòa án.

Điều 13. Tăng, giảm vốn điều lệ

1. Theo quyết định của Hội đồng thành viên, Công ty có thể tăng vốn điều lệ bằng các hình thức sau đây:
 - a) Tăng vốn góp của thành viên; và/hoặc
 - b) Tiếp nhận thêm vốn góp của thành viên mới.
2. Trường hợp tăng vốn góp của thành viên thì vốn góp thêm được chia cho các thành viên theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ Công ty. Thành viên có thể chuyển nhượng quyền góp vốn của mình cho người khác theo quy định tại Điều 11 của Điều lệ này. Trường hợp có thành viên không góp hoặc chỉ góp một phần phần vốn góp thêm thì số vốn còn lại của phần vốn góp thêm của thành viên đó sẽ được chia cho các thành viên khác theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong vốn điều lệ Công ty nếu các thành viên không có thỏa thuận khác.
3. Công ty có thể giảm vốn điều lệ trong trường hợp sau đây:
 - a) Hoàn trả một phần phần vốn góp cho các thành viên Công ty theo tỷ lệ phần vốn góp tương ứng của họ trong vốn điều lệ của Công ty nếu Công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục từ hai năm trở lên kể từ ngày đăng ký thành lập doanh nghiệp; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty sau khi đã hoàn trả cho thành viên; hoặc
 - b) Công ty mua lại phần vốn góp của thành viên theo quy định tại Điều 10 của Điều lệ này.
 - c) Vốn điều lệ không được các thành viên thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 47 của Luật Doanh nghiệp.

Chương III
QUYỀN VÀ NGHĨA VỤ CỦA THÀNH VIÊN CÔNG TY

Điều 14. Quyền của thành viên Công ty

1. Thành viên Công ty có các quyền sau:
 - a) Tham dự họp Hội đồng thành viên, thảo luận, kiến nghị, biểu quyết các vấn đề thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên.
 - b) Có số phiếu biểu quyết tương ứng với phần vốn góp của mình.
 - c) Được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp của mình sau khi Công ty đã nộp đủ thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
 - d) Được chia giá trị tài sản còn lại của Công ty tương ứng với phần vốn góp của mình khi Công ty giải thể hoặc phá sản.
 - e) Được ưu tiên góp thêm vốn vào Công ty khi Công ty tăng vốn điều lệ.
 - f) Định đoạt phần vốn góp của mình bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ, tặng cho và hình thức khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
 - g) Tự mình hoặc nhân danh Công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật và người quản lý khác theo quy định tại Điều 72 của Luật Doanh nghiệp.
 - h) Các quyền khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
2. Ngoài các quyền quy định tại khoản 1 Điều này, thành viên, nhóm thành viên sở hữu từ 10% số vốn điều lệ Công ty trở lên hoặc thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này có các quyền sau đây:
 - a) Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên để giải quyết những vấn đề thuộc thẩm quyền;
 - b) Kiểm tra, xem xét, tra cứu sổ ghi chép và theo dõi các giao dịch, sổ kế toán, báo cáo tài chính hằng năm;
 - c) Kiểm tra, xem xét, tra cứu và sao chụp sổ đăng ký thành viên, biên bản họp, nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên và tài liệu khác của Công ty;
 - d) Yêu cầu Tòa án hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày kết thúc họp Hội đồng thành viên, nếu trình tự, thủ tục, điều kiện cuộc họp hoặc nội dung nghị quyết, quyết định đó không thực hiện đúng hoặc không phù hợp với quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
3. Trường hợp Công ty có bất kỳ thành viên nào sở hữu trên 90% vốn điều lệ, thì nhóm thành viên còn lại đương nhiên có quyền theo quy định tại khoản 2 Điều này.

Điều 15. Nghĩa vụ của thành viên Công ty

Thành viên Công ty có các nghĩa vụ sau:

1. Góp đủ, đúng hạn số vốn đã cam kết, chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty, trừ trường hợp quy định tại khoản 2 và khoản 4 Điều 47 của Luật Doanh nghiệp.
2. Không được rút vốn đã góp ra khỏi Công ty dưới mọi hình thức, trừ trường hợp quy định tại các Điều 51, 52, 53 và 68 của Luật Doanh nghiệp.
3. Tuân thủ Điều lệ này của Công ty.
4. Chấp hành nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên.
5. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh Công ty để thực hiện các hành vi sau đây:
 - a) Vi phạm pháp luật;
 - b) Tiến hành kinh doanh hoặc giao dịch khác không nhằm phục vụ lợi ích của Công ty và gây thiệt hại cho người khác;
 - c) Thanh toán khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với Công ty.
6. Nghĩa vụ khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

Điều 16. Người đại diện theo ủy quyền của thành viên là tổ chức

1. Người đại diện theo ủy quyền của thành viên Công ty là tổ chức phải là cá nhân được ủy quyền bằng văn bản nhân danh thành viên đó thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.
2. Trường hợp thành viên Công ty là tổ chức cử nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền thì phải xác định cụ thể phần vốn góp cho mỗi người đại diện theo ủy quyền. Trường hợp thành viên Công ty không xác định phần vốn góp tương ứng cho mỗi người đại diện theo ủy quyền, thì phần vốn góp sẽ được chia đều cho tất cả người đại diện theo ủy quyền.
3. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải được thông báo cho Công ty và chỉ có hiệu lực đối với Công ty kể từ ngày Công ty nhận được văn bản. Văn bản cử người đại diện theo ủy quyền phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của thành viên;
 - b) Số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ sở hữu phần vốn góp tương ứng của mỗi người đại diện theo ủy quyền;
 - c) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân từng người đại diện theo ủy quyền;

- d) Thời hạn ủy quyền tương ứng của từng người đại diện theo ủy quyền; trong đó ghi rõ ngày bắt đầu được đại diện;
 - e) Họ, tên, chữ ký của người đại diện theo pháp luật của thành viên và của từng người đại diện theo ủy quyền.
4. Người đại diện theo ủy quyền phải có đầy đủ các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
- a) Có năng lực hành vi dân sự đầy đủ; và
 - b) Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.

Chương IV

CƠ CẤU TỔ CHỨC QUẢN LÝ, NGUYÊN TẮC HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 17. Cơ cấu tổ chức quản lý

Cơ cấu tổ chức của Công ty gồm có:

- Hội đồng thành viên;
- Chủ tịch Hội đồng thành viên; và
- Tổng giám đốc.

Điều 18. Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên là cơ quan quyết định cao nhất của Công ty, bao gồm tất cả thành viên Công ty là cá nhân và người đại diện theo ủy quyền của thành viên Công ty là tổ chức. Hội đồng thành viên họp ít nhất mỗi năm một lần.
2. Hội đồng thành viên có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Quyết định chiến lược phát triển và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Công ty;
 - b) Quyết định tăng hoặc giảm vốn điều lệ, quyết định thời điểm và phương thức huy động thêm vốn; quyết định phát hành trái phiếu;
 - c) Quyết định dự án đầu tư phát triển của Công ty; Giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và chuyển giao công nghệ;
 - d) Thông qua hợp đồng vay, cho vay, phát hành trái phiếu, mua, bán tài sản hoặc giao dịch khác có giá trị bằng hoặc lớn hơn 2% (hai phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất gần nhất của Công ty trên mỗi giao dịch hoặc các chuỗi giao dịch có liên quan;
 - e) Thông qua việc Công ty cấp bảo lãnh; thông qua việc Công ty dùng tài sản để cầm cố, thế chấp, hoặc làm biện pháp bảo đảm khác, để bảo đảm cho nghĩa vụ của Công ty hoặc nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân khác;
 - f) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc Công ty;

- g) Quyết định mức lương, thù lao thường và lợi ích khác đối với Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và Phó Tổng giám đốc Công ty;
- h) Thông qua báo cáo tài chính hằng năm, phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc phương án xử lý lỗ của Công ty;
- i) Quyết định cơ cấu tổ chức quản lý Công ty;
- j) Quyết định thành lập công ty con, chi nhánh, văn phòng đại diện của Công ty;
- k) Sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty;
- l) Quyết định tổ chức lại Công ty;
- m) Quyết định giải thể hoặc yêu cầu phá sản Công ty; và
- n) Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

Điều 19. Chủ tịch Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên bầu một thành viên trong số các thành viên của Hội đồng thành viên làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng thành viên có thể kiêm Tổng giám đốc Công ty.
2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Chuẩn bị chương trình, kế hoạch hoạt động của Hội đồng thành viên;
 - b) Chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp Hội đồng thành viên hoặc để lấy ý kiến Hội đồng thành viên bằng văn bản;
 - c) Triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên hoặc tổ chức việc lấy ý kiến Hội đồng thành viên bằng văn bản;
 - d) Giám sát hoặc tổ chức giám sát việc thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;
 - e) Thay mặt Hội đồng thành viên ký nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;
 - f) Thay mặt Công ty ký kết hợp đồng lao động hoặc các văn bản khác về tuyển dụng, bổ nhiệm, miễn nhiệm và cách chức đối với các chức danh quản lý Công ty do Hội đồng thành viên bổ nhiệm;
 - g) Thông qua hợp đồng vay, cho vay, phát hành trái phiếu, mua, bán tài sản hoặc giao dịch khác có giá trị nhỏ hơn 2% (hai phần trăm) tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính kiểm toán hợp nhất gần nhất của Công ty;
 - h) Các quyền và nhiệm vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.

3. Nhiệm kỳ của Chủ tịch Hội đồng thành viên là năm (5) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.
4. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên vắng mặt hoặc không đủ năng lực để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình thì phải ủy quyền bằng văn bản cho một thành viên khác thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Chủ tịch Hội đồng thành viên. Trường hợp không có thành viên được ủy quyền hoặc Chủ tịch Hội đồng thành viên chết, mất tích, bị tạm giam, đang chấp hành hình phạt tù, đang chấp hành biện pháp xử lý hành chính tại cơ sở cai nghiện bắt buộc, cơ sở giáo dục bắt buộc, trốn khỏi nơi cư trú, bị hạn chế hoặc mất năng lực hành vi dân sự, có khó khăn trong nhận thức, làm chủ hành vi, bị Tòa án cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì một trong số các thành viên Hội đồng thành viên triệu tập họp các thành viên còn lại bầu một người trong số các thành viên tạm thời làm Chủ tịch Hội đồng thành viên theo nguyên tắc đa số thành viên còn lại tán thành cho đến khi có quyết định mới của Hội đồng thành viên.

Điều 20. Triệu tập họp Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên có thể được triệu tập họp theo yêu cầu của Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc theo yêu cầu của thành viên hoặc nhóm thành viên quy định tại khoản 2 và khoản 3 Điều 14 của Điều lệ này. Cuộc họp của Hội đồng thành viên được tổ chức tại trụ sở chính của Công ty, hoặc tại một địa điểm khác do Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người triệu tập họp quyết định. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo yêu cầu của thành viên, nhóm thành viên trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thì thành viên, nhóm thành viên đó triệu tập họp Hội đồng thành viên. Chi phí hợp lý cho việc triệu tập và tiến hành họp Hội đồng thành viên sẽ được công ty hoàn lại.
2. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người triệu tập họp chuẩn bị chương trình, nội dung, tài liệu họp, triệu tập, chủ trì và làm chủ tọa cuộc họp Hội đồng thành viên. Thành viên có quyền kiến nghị bổ sung nội dung chương trình họp bằng văn bản. Kiến nghị phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức; họ, tên, chữ ký của thành viên kiến nghị hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ;
 - b) Tỷ lệ phần vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp;
 - c) Nội dung kiến nghị đưa vào chương trình họp; và
 - d) Lý do kiến nghị.
3. Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc người triệu tập họp phải chấp thuận kiến nghị và bổ sung chương trình họp Hội đồng thành viên nếu kiến nghị có đủ nội dung theo quy định tại khoản 2 Điều này và được gửi đến trụ sở chính của Công ty chậm nhất là một (01) ngày làm việc trước ngày họp Hội đồng thành viên; trường hợp kiến nghị được trình ngay trước khi bắt đầu họp thì kiến nghị được chấp thuận nếu đa số các thành viên dự họp tán thành.

4. Thông báo mời họp Hội đồng thành viên có thể gửi bằng giấy mời, điện thoại, fax, phương tiện điện tử hoặc phương thức khác và được gửi trực tiếp đến từng thành viên Hội đồng thành viên. Nội dung thông báo mời họp phải xác định rõ thời gian, địa điểm và chương trình họp.
5. Chương trình và tài liệu họp phải được gửi cho thành viên Công ty trước khi họp. Tài liệu sử dụng trong cuộc họp liên quan đến quyết định về sửa đổi, bổ sung Điều lệ Công ty, thông qua chiến lược phát triển Công ty, thông qua báo cáo tài chính hằng năm, tổ chức lại hoặc giải thể Công ty phải được gửi đến các thành viên chậm nhất là bảy (07) ngày làm việc trước ngày họp. Thời hạn gửi các tài liệu khác là chậm nhất một (01) ngày làm việc trước ngày họp.
6. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định tại khoản 1 Điều này phải bằng văn bản và bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân đối với thành viên là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số giấy tờ pháp lý của tổ chức, địa chỉ trụ sở chính đối với thành viên là tổ chức; tỷ lệ phần vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của từng thành viên yêu cầu;
 - b) Lý do yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên và vấn đề cần giải quyết;
 - c) Dự kiến chương trình họp; và
 - d) Họ, tên, chữ ký của từng thành viên yêu cầu hoặc người đại diện theo ủy quyền của họ.
7. Trường hợp yêu cầu triệu tập họp Hội đồng thành viên không có đủ nội dung theo quy định tại khoản 6 Điều này thì Chủ tịch Hội đồng thành viên phải thông báo bằng văn bản về việc không triệu tập họp Hội đồng thành viên cho thành viên, nhóm thành viên có liên quan biết trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu.

Trong các trường hợp khác, Chủ tịch Hội đồng thành viên phải triệu tập họp Hội đồng thành viên trong thời hạn mười lăm (15) ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu.
8. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng thành viên không triệu tập họp Hội đồng thành viên theo quy định tại khoản 7 Điều này thì phải chịu trách nhiệm cá nhân về thiệt hại xảy ra đối với Công ty và thành viên Công ty có liên quan.

Điều 21. Điều kiện và thể thức tiến hành họp Hội đồng thành viên

1. Cuộc họp Hội đồng thành viên được tiến hành khi có số thành viên dự họp trực tiếp hoặc thông qua ủy quyền cho người khác dự họp sở hữu phần vốn góp tương đương từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) vốn điều lệ trở lên.

Nếu trong vòng một (1) giờ kể từ thời điểm dự kiến họp, mà không có đủ số lượng thành viên tối thiểu, thì cuộc họp sẽ được dời sang ngày làm việc tiếp theo, vào cùng thời gian và tại cùng địa điểm, và nếu tại cuộc họp này mà vẫn không có đủ số lượng thành viên tối thiểu, thì cuộc họp sẽ được dời đến ngày sau năm (5) ngày làm việc kể từ ngày dự kiến họp đầu tiên (hoặc, nếu ngày đó không phải là ngày làm việc, là ngày làm việc gần nhất sau ngày đó), vào cùng thời gian và tại cùng địa điểm.

2. Trường hợp cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ nhất không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại khoản 1 Điều này thì việc triệu tập họp Hội đồng thành viên được thực hiện như sau:
 - a) Thông báo mời họp lần thứ hai phải được gửi trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ hai được tiến hành khi có số thành viên dự họp sở hữu từ 50% vốn điều lệ trở lên;
 - b) Trường hợp cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ hai không đủ điều kiện tiến hành theo quy định tại điểm a khoản này, thông báo mời họp lần thứ ba phải được gửi trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ hai. Cuộc họp Hội đồng thành viên lần thứ ba được tiến hành không phụ thuộc số thành viên dự họp và số vốn điều lệ được đại diện bởi số thành viên dự họp.
3. Thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên phải tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên.
4. Trường hợp cuộc họp đủ điều kiện quy định tại Điều này không hoàn thành chương trình họp trong thời hạn dự kiến, thì có thể kéo dài nhưng không được quá ba mươi (30) ngày, kể từ ngày khai mạc cuộc họp đó.

Điều 22. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên

1. Hội đồng thành viên thông qua nghị quyết, quyết định thuộc thẩm quyền bằng biểu quyết tại cuộc họp hoặc lấy ý kiến bằng văn bản.
2. Nghị quyết, quyết định về các vấn đề sau đây phải được thông qua bằng biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên:
 - a) Sửa đổi, bổ sung các quy định tại Điều 14 và Điều 15 của Điều lệ này về quyền và nghĩa vụ của các thành viên Hội đồng thành viên;
 - b) Quyết định phương hướng phát triển của Công ty;
 - c) Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm Chủ tịch Hội đồng thành viên; bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm, cách chức Tổng Giám đốc;
 - d) Thông qua báo cáo tài chính hợp nhất kiểm toán hằng năm của Công ty; và
 - e) Tổ chức lại, giải thể Công ty.
3. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:
 - a) Được các thành viên dự họp sở hữu từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số vốn góp của các thành viên dự họp trở lên tán thành, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này; hoặc

- b) Được các thành viên dự họp sở hữu từ 75% tổng số vốn góp của các thành viên dự họp trở lên tán thành đối với nghị quyết, quyết định bán tài sản có giá trị từ 50% tổng giá trị tài sản trở lên được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty; sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty; tổ chức lại, giải thể công ty.
4. Thành viên được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng thành viên trong trường hợp sau đây:
- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - b) Ủy quyền cho người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
 - c) Tham dự và biểu quyết thông qua cuộc họp trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác; hoặc
 - d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.
5. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên có thể được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản khi được số thành viên sở hữu phần vốn góp tương đương từ sáu mươi lăm phần trăm (65%) vốn điều lệ trở lên tán thành.

Điều 23. Biên bản họp Hội đồng thành viên

1. Cuộc họp Hội đồng thành viên phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác.
2. Biên bản họp Hội đồng thành viên phải thông qua ngay trước khi kết thúc cuộc họp. Biên bản phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Thời gian và địa điểm họp; mục đích, chương trình họp;
 - b) Họ, tên, tỷ lệ phần vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện theo ủy quyền dự họp; họ, tên, tỷ lệ phần vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên không dự họp;
 - c) Vấn đề được thảo luận và biểu quyết; tóm tắt ý kiến phát biểu của thành viên về từng vấn đề thảo luận;
 - d) Tổng số phiếu biểu quyết hợp lệ, không hợp lệ; tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết;
 - e) Các quyết định được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng;

- f) Họ, tên, chữ ký và nội dung ý kiến của người dự họp không đồng ý thông qua biên bản họp (nếu có);/
 - g) Họ, tên, chữ ký của người ghi biên bản và chủ tọa cuộc họp, trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều này.
3. Trường hợp chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng thành viên tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại các điểm a, b, c, d, đ và e khoản 2 Điều này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, người ghi biên bản từ chối ký biên bản họp. Người ký biên bản họp chịu trách nhiệm liên đới và riêng rẽ về tính chính xác và trung thực của nội dung biên bản họp Hội đồng thành viên.

Điều 24. Thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản

Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến thành viên bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên được thực hiện theo quy định sau đây:

- 1. Chủ tịch Hội đồng thành viên quyết định việc lấy ý kiến thành viên Hội đồng thành viên bằng văn bản để thông qua nghị quyết, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền.
- 2. Chủ tịch Hội đồng thành viên có trách nhiệm tổ chức việc soạn thảo, gửi các báo cáo, tờ trình về nội dung cần quyết định, dự thảo nghị quyết, quyết định và phiếu lấy ý kiến đến các thành viên Hội đồng thành viên.
- 3. Phiếu lấy ý kiến phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của Công Ty;
 - b) Họ, tên, địa chỉ liên lạc, quốc tịch, số giấy tờ pháp lý của cá nhân, tỷ lệ phần vốn góp của thành viên Hội đồng thành viên;
 - c) Vấn đề cần lấy ý kiến và ý kiến trả lời tương ứng theo thứ tự tán thành, không tán thành và không có ý kiến;
 - d) Thời hạn cuối cùng phải gửi phiếu lấy ý kiến về Công ty; và
 - e) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Phiếu lấy ý kiến có nội dung đầy đủ, có chữ ký của thành viên Hội đồng thành viên và được gửi về Công ty trong thời hạn quy định được coi là hợp lệ.

- 4. Chủ tịch Hội đồng thành viên tổ chức việc kiểm phiếu, lập báo cáo và thông báo kết quả kiểm phiếu, nghị quyết, quyết định được thông qua đến các thành viên trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc thời hạn mà thành viên phải gửi ý kiến về Công ty. Báo cáo kết quả kiểm phiếu có giá trị tương đương biên bản họp Hội đồng thành viên và phải bao gồm các nội dung chủ yếu sau đây:
 - a) Mục đích, nội dung lấy ý kiến;

- b) Họ, tên, tỷ lệ phần vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên đã gửi lại phiếu lấy ý kiến hợp lệ; họ, tên, tỷ lệ phần vốn góp, số và ngày cấp giấy chứng nhận phần vốn góp của thành viên mà Công ty không nhận lại được phiếu lấy ý kiến hoặc gửi lại phiếu lấy ý kiến nhưng không hợp lệ;
- c) Vấn đề được lấy ý kiến và biểu quyết; tóm tắt ý kiến của thành viên về từng vấn đề lấy ý kiến (nếu có);
- d) Tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ, không hợp lệ, không nhận được; tổng số phiếu lấy ý kiến hợp lệ tán thành, không tán thành, không có ý kiến đối với từng vấn đề biểu quyết;
- e) Nghị quyết, quyết định được thông qua và tỷ lệ phiếu biểu quyết tương ứng; và
- f) Họ, tên, chữ ký của người kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng thành viên. Người kiểm phiếu và Chủ tịch Hội đồng thành viên chịu trách nhiệm liên đới về tính đầy đủ, chính xác, trung thực của nội dung báo cáo kết quả kiểm phiếu.

Điều 25. Hiệu lực nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên

1. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên có hiệu lực thi hành kể từ ngày được thông qua hoặc từ ngày có hiệu lực được ghi tại nghị quyết, quyết định đó.
2. Nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên được thông qua bằng 100% tổng số vốn điều lệ là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả trong trường hợp trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định đó không được thực hiện đúng quy định.
3. Trường hợp thành viên, nhóm thành viên yêu cầu tòa án hoặc trọng tài hủy bỏ nghị quyết, quyết định đã được thông qua thì nghị quyết, quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành theo quy định tại khoản 1 Điều này cho đến khi có quyết định hủy bỏ của tòa án hoặc trọng tài có hiệu lực pháp luật, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

Điều 26. Tổng Giám đốc

1. Tổng giám đốc là người điều hành hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng thành viên về việc thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình.
2. Tổng giám đốc có quyền và nghĩa vụ sau đây:
 - a) Tổ chức thực hiện nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên;
 - b) Quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động kinh doanh hằng ngày của Công ty;
 - c) Tổ chức thực hiện kế hoạch kinh doanh và phương án đầu tư của Công ty;
 - d) Ban hành quy chế quản lý nội bộ của Công ty;

- e) Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức người quản lý trong Công ty, trừ chức danh thuộc thẩm quyền của Hội đồng thành viên theo điểm f, khoản 2, Điều 18 của Điều lệ này. Để tránh nhầm lẫn, các chức danh quản lý cụ thể được bổ nhiệm theo quy định tại Điều này sẽ được quy định tại Phụ lục I của Điều lệ;
- f) Quyết định mức lương, thưởng và lợi ích khác đối với các chức danh quy định tại điểm (e) khoản 2 Điều này;
- g) Ký kết hợp đồng nhân danh Công ty, trừ trường hợp thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Hội đồng thành viên;
- h) Kiến nghị phương án cơ cấu tổ chức Công ty;
- i) Trình báo cáo tài chính hằng năm lên Hội đồng thành viên;
- j) Kiến nghị phương án sử dụng và phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ trong kinh doanh;
- k) Tuyển dụng lao động; và
- l) Quyền và nghĩa vụ khác được quy định tại nghị quyết, quyết định của Hội đồng thành viên, hợp đồng lao động.

Điều 27. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng giám đốc

1. Không thuộc đối tượng quy định tại khoản 2 Điều 17 của Luật Doanh nghiệp.
2. Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản trị kinh doanh.

Điều 28. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và (những) người quản lý khác

1. Công ty trả tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác cho Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và (những) người quản lý khác theo kết quả và hiệu quả kinh doanh.
2. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc và (những) người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh theo quy định của pháp luật có liên quan và phải được thể hiện thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của Công ty.

Điều 29. Trách nhiệm của Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật và (những) người quản lý khác

1. Chủ tịch Hội đồng thành viên, Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật và (những) người quản lý khác của Công ty có trách nhiệm sau đây:
 - a) Thực hiện quyền và nghĩa vụ một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm bảo đảm lợi ích hợp pháp tối đa của Công ty;

- b) Trung thành với lợi ích của Công ty; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh tài sản khác của Công ty để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;
 - c) Thông báo kịp thời, đầy đủ, chính xác cho Công ty về các doanh nghiệp mà mình làm chủ hoặc có cổ phần, phần vốn góp và doanh nghiệp mà người có liên quan của mình làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối; và
 - d) Trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ này.
2. Tổng giám đốc không được tăng tiền lương, trả thưởng khi Công ty không có khả năng thanh toán đủ các khoản nợ đến hạn.
3. Thông báo quy định tại điểm c khoản 1 Điều này phải bằng văn bản và bao gồm các nội dung sau đây:
- a) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp mà họ làm chủ, có sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó; và
 - b) Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng cổ phần, phần vốn góp chi phối.
4. Thông báo quy định tại khoản 3 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn năm (05) ngày làm việc, kể từ ngày phát sinh hoặc có thay đổi liên quan. Công ty phải tập hợp và cập nhật danh sách đối tượng quy định tại khoản 3 Điều này và các Hợp đồng, giao dịch của họ với Công ty. Danh sách này phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Thành viên, người quản lý của Công ty và người đại diện theo ủy quyền của họ có quyền xem, trích lục và sao một phần hoặc toàn bộ nội dung thông tin quy định tại khoản 3 Điều này trong giờ làm việc.

Điều 30. Hợp đồng, giao dịch phải được Hội đồng thành viên chấp thuận

1. Hợp đồng, giao dịch giữa Công ty với đối tượng sau đây phải được Hội đồng thành viên chấp thuận:
- a) Thành viên, người đại diện theo ủy quyền của thành viên, Tổng giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty;
 - b) Người có liên quan của người quy định tại điểm a khoản này;
 - c) Người quản lý công ty mẹ, người có thẩm quyền bổ nhiệm người quản lý công ty mẹ; và
 - d) Người có liên quan của những người quy định tại điểm c khoản này.

2. Người nhân danh công ty ký kết hợp đồng, giao dịch phải thông báo cho các thành viên Hội đồng thành viên về các đối tượng có liên quan và lợi ích có liên quan đối với hợp đồng, giao dịch đó; kèm theo dự thảo hợp đồng hoặc nội dung chủ yếu của giao dịch dự định tiến hành. Hội đồng thành viên phải quyết định chấp thuận hoặc không chấp thuận hợp đồng, giao dịch trong thời hạn mười (10) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được thông báo; trong trường hợp này, hợp đồng, giao dịch được chấp thuận nếu có sự tán thành của số thành viên đại diện ít nhất sáu mươi lăm phần trăm (65%) tổng số vốn có quyền biểu quyết. Thành viên Hội đồng thành viên có liên quan đến các bên trong hợp đồng, giao dịch không được tính vào việc biểu quyết.
3. Hợp đồng, giao dịch bị vô hiệu theo quyết định của Tòa án và xử lý theo quy định của pháp luật khi được ký kết không đúng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này. Người ký kết hợp đồng, giao dịch, thành viên có liên quan và người có liên quan của thành viên đó tham gia hợp đồng, giao dịch phải bồi thường thiệt hại phát sinh, hoàn trả cho Công ty các khoản lợi thu được từ việc thực hiện hợp đồng, giao dịch đó.

Điều 31. Nguyên tắc giải quyết tranh chấp

1. Tranh chấp giữa các thành viên Công ty trước hết phải được giải quyết thông qua thương lượng và hoà giải.
2. Trong trường hợp các bên tranh chấp vẫn không thỏa thuận được với nhau thì vụ tranh chấp sẽ được đưa ra giải quyết cuối cùng bằng trọng tài theo thỏa thuận của các thành viên hoặc theo quy định của pháp luật Việt Nam. Phán quyết của trọng tài có giá trị cuối cùng và ràng buộc các bên.

Chương V KẾ TOÁN, TÀI CHÍNH, PHÂN CHIA LỢI NHUẬN, CON DẤU

Điều 32. Năm tài chính

1. Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 dương lịch và chấm dứt vào ngày 31/12 cùng năm dương lịch.
2. Năm tài chính đầu tiên của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày được cơ quan đăng ký kinh doanh cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đến ngày 31/12 của năm đó.

Điều 33. Sổ sách kế toán và báo cáo tài chính

1. Sổ sách kế toán của Công ty được lập và lưu giữ đầy đủ theo các quy định pháp luật có liên quan.
2. Báo cáo tài chính hợp nhất hàng năm có kiểm toán của Công ty sẽ được Hội đồng thành viên thông qua theo quy định tại Điều lệ này.

Điều 34. Nguyên tắc sử dụng lợi nhuận sau thuế và xử lý lỗ trong kinh doanh

- 1) Công ty chỉ được chia lợi nhuận cho các thành viên sau khi đã hoàn thành nghĩa vụ thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật và bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản đến hạn trả khác sau khi chia lợi nhuận.
- 2) Nguyên tắc xử lý lỗ trong kinh doanh: Trường hợp quyết toán năm tài chính bị lỗ, Hội đồng thành viên được quyết định theo các hướng sau:
 - a. Trích quỹ dự trữ để bù.
 - b. Chuyển sang năm sau để trừ vào lợi nhuận của năm tài chính sau trước khi phân phối lợi nhuận.

Điều 35. Thu hồi phần vốn góp đã hoàn trả hoặc lợi nhuận đã chia

Trường hợp hoàn trả một phần vốn góp do giảm vốn điều lệ trái với quy định tại khoản 3 Điều 68 của Luật Doanh nghiệp hoặc chia lợi nhuận cho thành viên trái với quy định tại Điều 69 của Luật Doanh nghiệp thì các thành viên Công ty phải hoàn trả cho Công ty số tiền, tài sản khác đã nhận, phải cùng liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của Công ty tương ứng với số tiền, tài sản chưa hoàn trả đủ cho đến khi hoàn trả đủ số tiền, tài sản khác đã nhận.

Điều 36. Con dấu

1. Hình thức, nội dung và số lượng con dấu của Công ty, của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty sẽ do Hội đồng thành viên quyết định.
2. Công ty, chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty có thể có nhiều con dấu với hình thức và nội dung như nhau.
3. Con dấu của Công ty được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty. Việc quản lý và sử dụng con dấu Công ty sẽ do Tổng giám đốc quyết định.
4. Con dấu của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện của Công ty được lưu giữ tại trụ sở của chi nhánh hoặc văn phòng đại diện. Việc quản lý và sử dụng con dấu sẽ do giám đốc chi nhánh hoặc trưởng văn phòng đại diện quyết định.

Chương VI TỔ CHỨC LẠI, GIẢI THỂ

Điều 37. Giải thể Công ty

1. Công ty bị giải thể trong các trường hợp sau đây:
 - a) Theo quyết định của Hội đồng thành viên; hoặc
 - b) Công ty không còn đủ số lượng thành viên tối thiểu theo quy định của Luật Doanh nghiệp trong thời hạn 06 tháng liên tục mà không làm thủ tục chuyển đổi loại hình doanh nghiệp;
 - c) Bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.
2. Công ty chỉ được giải thể khi bảo đảm thanh toán hết các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác. Trình tự giải thể và thủ tục thanh lý tài sản Công ty được thực hiện theo quy định của pháp luật có liên quan.

Điều 38. Tổ chức lại Công ty

Việc chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi Công ty theo quyết định của Hội đồng thành viên (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

**Chương VII
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

Điều 39. Hiệu lực của Điều lệ, sửa đổi, bổ sung Điều lệ

1. Điều lệ này có hiệu lực kể từ ngày được Hội đồng thành viên thông qua.
2. Việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ sẽ do Hội đồng thành viên của Công ty quyết định.
3. Người đại diện theo pháp luật của Công ty là người ký ban hành Điều lệ hoặc bản sửa đổi, bổ sung Điều lệ sau khi Hội đồng thành viên thông qua.

Điều 40. Các quy định khác

1. Những vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty không được quy định trong Điều lệ này sẽ do Luật Doanh nghiệp và các văn bản pháp luật khác điều chỉnh.
2. Trong trường hợp Điều lệ này có điều khoản trái với quy định của pháp luật, thì điều khoản đó không có hiệu lực thi hành và sẽ được xem xét sửa đổi ngay trong kỳ họp gần nhất của Hội đồng thành viên.

Điều lệ này được Hội đồng thành viên Công ty thông qua ngày 24 tháng 5 năm 2021

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY



Chữ ký: _____
Họ tên: Nguyễn Thiệu Nam
Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên

PHỤ LỤC I: DANH MỤC CHỨC DANH NHÀ QUẢN LÝ

STT	Chức danh
1	Giám đốc Khai thác
2	Giám đốc Điều hành
3	Giám đốc Tài chính
4	Giám đốc Công nghệ thông tin
5	Giám đốc Sáng kiến chiến lược
6	Giám đốc Công nghệ và cải tiến
7	Giám đốc Nhân sự
8	Giám đốc Bán hàng và Marketing
9	Giám đốc Bộ phận Cộng đồng, Môi trường và Quan hệ Đối ngoại
10	Giám đốc Vận hành nhà máy
11	Giám đốc Dự án
12	Trưởng Bộ phận Bán hàng và Marketing
13	Trưởng Bộ phận Quản lý chuỗi cung ứng
14	Trưởng Bộ phận An toàn
15	Trưởng Bộ phận Pháp lý
16	Trưởng Bộ phận An ninh
17	Trưởng Bộ phận Sản xuất
18	Trưởng Bộ phận Bảo trì
19	Trưởng Bộ phận Xây dựng
20	Trưởng Bộ phận Kỹ thuật dự án
21	Trưởng Bộ phận Cơ sở hạ tầng dự án
22	Trưởng Bộ phận Vận hành
23	Trưởng Bộ phận Quan hệ chính phủ
24	Trưởng Bộ phận Ứng dụng SAP
25	Trưởng Bộ phận Hạ tầng công nghệ thông tin
26	Trưởng Bộ phận Quản lý thương mại và rủi ro
27	Trưởng Bộ phận Thăm dò
28	Trưởng phòng Mua bán
29	Trưởng phòng Môi trường
30	Trưởng phòng Nhân sự
31	Trưởng phòng Kế toán
32	Trưởng phòng Thuế
33	Trưởng phòng Lập kế hoạch và Phân tích tài chính
34	Trưởng phòng Nguồn vốn
35	Trưởng phòng Quan hệ Cộng đồng và Phục hồi kinh tế
36	Trưởng phòng Công nghệ và Cải tiến
37	Trưởng phòng Truyền thông
38	Trưởng phòng Bán hàng
39	Trưởng phòng Triển khai Bán hàng
40	Trưởng phòng Logistic
41	Kế toán trưởng
42	Kỹ sư trưởng





BẢN SAO

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản
Núi Pháo**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 16-09-2022

SỐ CHỨNG THỰC 3.3718 QUYỀN SỞ Q.1. SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN
Vũ Thị Thùy Trang

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 4600864513 ngày 5 tháng 7 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 11 tháng 1 năm 2022. Giấy Chứng nhận và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 4600864513 được cấp vào ngày 5 tháng 7 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 17121000026 ngày 21 tháng 7 năm 2010
17121000026-điều chỉnh lần 1 ngày 23 tháng 2 năm 2011
17121000026-điều chỉnh lần 2 ngày 6 tháng 2 năm 2013
17121000026-điều chỉnh lần 3 ngày 23 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đầu tư và các bản điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư "Dự án Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo". Dự án có thời gian hoạt động 30 năm kể từ ngày 3 tháng 2 năm 2004.

Hội đồng Thành viên Ông Nguyễn Thiệu Nam Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thắng Phó Chủ tịch
Ông Craig Richard Bradshaw Thành viên
Ông Danny Le Thành viên

Ban Giám đốc Ông Craig Richard Bradshaw Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký Xóm 2, Xã Hà Thượng
Huyện Đại Từ
Tỉnh Thái Nguyên
Việt Nam

Văn phòng đại diện Hà Nội 106 Hoàng Quốc Việt
Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 67 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể tái cơ cấu nợ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.



Thay mặt Ban Giám đốc

Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi các Nhà đầu tư
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo ("Công ty") và các công ty con (gọi chung là "Tập đoàn"), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 67.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG



Báo cáo kiểm toán số: 21-02-00184-22-2

Trần Anh Quân

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3064-2019-007-1

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		10.549.879.151	9.659.445.024
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.032.986.478	704.171.736
Tiền	111		642.986.478	704.171.736
Các khoản tương đương tiền	112		390.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6(a)	7.400.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		7.400.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.706.513.883	2.783.153.302
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	1.988.261.387	1.166.693.898
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		243.333.108	139.861.845
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	21.200.000	1.143.479.452
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	453.719.388	333.118.107
Hàng tồn kho	140	10	5.860.959.677	4.829.004.498
Hàng tồn kho	141		5.888.939.435	4.887.721.425
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(27.979.758)	(58.716.927)
Tài sản ngắn hạn khác	150		942.019.113	1.343.115.488
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		46.128.020	56.241.220
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		895.835.495	1.286.793.842
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		55.598	80.426

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		25.357.540.829	26.807.477.281
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.344.574.789	1.296.265.451
Phải thu dài hạn khác	216	9	1.344.574.789	1.296.265.451
Tài sản cố định	220		18.081.973.425	20.219.196.499
Tài sản cố định hữu hình	221	11	14.491.203.874	16.261.083.071
Nguyên giá	222		24.497.975.139	25.653.021.485
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.006.771.265)	(9.391.938.414)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		67.300.000	67.300.000
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(67.300.000)	(67.300.000)
Tài sản cố định vô hình	227	12	3.590.769.551	3.958.113.428
Nguyên giá	228		4.501.880.813	4.695.131.860
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(911.111.262)	(737.018.432)
Bất động sản đầu tư	230	13	800.547.308	-
Nguyên giá	231		1.156.174.253	-
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(355.626.945)	-
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.132.520.931	1.467.480.229
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	1.132.520.931	1.467.480.229
Đầu tư tài chính dài hạn	250		180.510.490	202.627.868
Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết	252	6(b)	180.510.490	195.227.868
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255	6(a)	-	7.400.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.817.413.886	3.621.907.234
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	3.520.610.013	2.928.423.558
Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	16	296.803.873	693.483.676
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		35.907.419.980	36.466.922.305

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		24.525.470.058	25.445.852.181
Nợ ngắn hạn	310		7.899.661.590	7.467.309.922
Phải trả người bán ngắn hạn	311	17	1.505.351.358	952.963.265
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	18	34.709.351	955.735.222
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	19	166.761.026	162.220.778
Phải trả người lao động	314		4.777.953	16.064.491
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	950.999.313	855.085.502
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	417.868.732	1.354.079.788
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	22(a)	4.800.093.173	3.164.644.018
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		19.100.684	6.516.858
Nợ dài hạn	330		16.625.808.468	17.978.542.259
Phải trả dài hạn khác	337	21	3.000.000.000	2.000.500.170
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	22(b)	6.261.141.910	7.229.909.187
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	1.013.941.412	1.290.756.500
Dự phòng phải trả dài hạn	342	23	6.350.725.146	7.457.376.402
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		11.381.949.922	11.021.070.124
Vốn chủ sở hữu	410	24	11.381.949.922	11.021.070.124
Vốn góp	411	25	10.792.915.155	10.792.915.155
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(365.829.110)	(189.058.585)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	418		(170.252.387)	(358.967.342)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.004.187.789	709.335.437
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		709.335.437	515.834.608
- LNST năm nay	421b		294.852.352	193.500.829
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		120.928.475	66.845.459
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		35.907.419.980	36.466.922.305

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:




Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		13.729.801.227	7.365.774.085
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		165.511.381	74.593.427
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	27	13.564.289.846	7.291.180.658
Giá vốn hàng bán	11		11.172.649.273	6.919.741.859
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.391.640.573	371.438.799
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	343.675.897	638.887.799
Chi phí tài chính	22	29	1.443.627.160	1.652.450.825
Phần lợi nhuận/(lỗ) trong công ty liên kết	24		3.064.567	(29.488.203)
Chi phí bán hàng	25	30	445.622.393	226.224.066
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	629.303.710	276.804.415
Lợi nhuận/(lỗ) thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	30		219.827.774	(1.174.640.911)
Thu nhập khác	31	32	162.183.553	1.328.986.069
Chi phí khác	32	33	104.424.966	59.310.118
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		57.758.587	1.269.675.951
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		277.586.361	95.035.040
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	34	59.427.541	26.593.749
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	34	(142.206.318)	(137.655.061)
Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60		360.365.138	206.096.352
Lợi nhuận thuần phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		294.852.352	193.500.829
Cổ đông không kiểm soát	62		65.512.786	12.595.523

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
 Kế toán trưởng

Người soát xét:



Stuart James Wells
 Giám đốc Tài chính

Người thuyết:



Craig Richard Bradshaw
 Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	277.586.361	95.035.040
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	1.448.638.449	1.360.819.693
Lợi thế thương mại âm khi mua công ty con	02	-	(1.298.081.205)
Các khoản dự phòng	03	14.073.974	130.075.431
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	15.702.295	2.927.769
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(12.264.294)	(26.784.711)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06	1.153.496.285	1.285.273.854
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.897.233.070	1.549.265.871
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(738.358.041)	(218.183.450)
Biến động hàng tồn kho	10	(1.001.218.010)	(112.664.816)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(333.518.703)	(570.677.041)
Biến động chi phí trả trước	12	43.931.473	(199.342.244)
		868.069.789	448.398.320
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay đã trả	14	(1.335.762.652)	(1.622.779.538)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	15	(122.733.347)	(154.592.206)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(590.426.210)	(1.328.973.424)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(896.596.721)	(1.111.958.156)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	21.625.809	17.195.678
Gửi tiền gửi có kỳ hạn và tiền chi cho vay các bên khác	23	(21.200.000)	(1.931.153.425)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và thu hồi cho vay đối với các bên khác	24	1.143.479.452	1.787.321.421
Mua công ty con (đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua)	25	26.476.816	(1.053.739.472)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	28.417.140	35.254.964
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	302.202.496	(2.257.078.990)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	2.744.207.209
Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu	33	5.608.097.474	13.350.723.554
Tiền chi trả nợ gốc vay và trái phiếu	34	(4.966.849.015)	(12.671.079.066)
Tiền chi trả chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu	34	(21.756.393)	(144.430.313)
Tiền trả cổ tức	36	-	(700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	619.492.066	2.579.421.384
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	331.268.352	(1.006.631.030)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	704.171.736	1.713.168.936
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(2.453.610)	(2.366.170)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	1.032.986.478	704.171.736

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập:



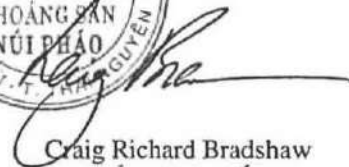
Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Hình thức sở hữu vốn và cấu trúc Tập đoàn

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“Công ty” hoặc “NPM”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác và chế biến vonfram, flourit, bismuth và đồng tại xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để xuất khẩu và bán tại thị trường nội địa.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”).

Các hoạt động chính của các công ty con và công ty liên kết được trình bày như sau:

11/11/2022

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công ty con:
Tên công ty con

Địa chỉ

Hoạt động chính

**Tỷ lệ lợi ích kinh tế
 31/12/2021 và 1/1/2021**

Công ty con trực tiếp

Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (i) Tỉnh Thái Nguyên Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram) 99,999%

Các công ty con gián tiếp

H.C. Starck Holding (Germany) GmbH (“HCS”) (ii) Goslar, Đức Tư vấn quản lý 99,999%

ChemiLytics Beteiligungs GmbH (ii) Goslar, Đức Tư vấn quản lý 99,999%

H.C. Starck GmbH (ii) Goslar, Đức Tư vấn quản lý 99,999%

Chemische Fabriken Oker und Branschweig AG (ii) Goslar, Đức Sản xuất hóa chất dùng trong sản xuất giấy và phụ gia cho ngành vật liệu hấp thụ 99,999%

H.C. Starck Infrastructure GmbH & Co. KG (ii) Munich, Đức Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram) 99,999%

ChemiLytics GmbH & Co. KG (ii) Goslar, Đức Phân tích hóa học và dữ liệu đo lường vật lý 99,999%

H.C. Starck Tungsten GmbH (ii) Munich, Đức Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram) 99,999%

H.C. Starck Nonferrous Metals Trading (Shanghai) Co. Ltd. (ii) Thượng Hải, Trung Quốc Kinh doanh và phân phối 99,999%

H.C. Starck Canada Inc. (ii) Sarnia, Ontario, Canada Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram) 99,999%

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty con	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế 31/12/2021 và 1/1/2021
H.C. Starck Tungsten GK	(ii) Tokyo, Nhật Bản	Kinh doanh và phân phối	99,999%
H.C. Starck Tungsten LLC	(ii) Newton, Mỹ	Kinh doanh và phân phối	99,999%
H.C. Starck Jiangwu Tungsten Specialities (Ganzhou) Co., Ltd.	(ii) Cám Châu, Trung Quốc	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	59,999%
<hr/>			
Công ty liên kết	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế 31/12/2021 và 1/1/2021
Tên công ty liên kết			
<i>Công ty liên kết gián tiếp</i>			
Jiangwu H.C. Starck Tungsten Products Co., Ltd.	(ii) Cám Châu, Trung Quốc	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	29,999%
<hr/>			

(i) MTC là công ty con của Công ty.

(ii) Các đơn vị này là các công ty con và công ty liên kết trực tiếp và gián tiếp của HCS.

HCS là nhà chế tạo hàng đầu về bột kim loại vonfram kỹ thuật cao và vonfram cacbua (giai đoạn giữa của chuỗi giá trị). HCS có các tổ hợp sản xuất tại Châu Âu, Bắc Mỹ và Trung Quốc, phục vụ khách hàng trên toàn cầu. HCS và các công ty con hoạt động chủ yếu chuyên về phát triển, sản xuất và cung cấp các loại bột chất lượng cao sản xuất dựa trên công nghệ vonfram kim loại và vonfram hợp chất, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại các công ty con. Tỷ lệ quyền biểu quyết bằng tỷ lệ lợi ích kinh tế trừ khi được trình bày khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có 2.142 nhân viên (1/1/2021: 2.206 nhân viên).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VND”), trừ khi được trình bày khác.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng của giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

Nếu việc kế toán ban đầu đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh chưa hoàn thành trước thời điểm cuối kỳ kế toán mà giao dịch hợp nhất kinh doanh diễn ra do giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được hoặc nợ tiềm tàng của bên bị mua hoặc giá phí hợp nhất kinh doanh chỉ được xác định tạm thời, Tập đoàn sẽ kế toán giao dịch hợp nhất kinh doanh theo các giá trị tạm thời đó. Trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua (giai đoạn sử dụng giá trị tạm thời), Tập đoàn sẽ điều chỉnh hồi tố các giá trị tạm thời đã ghi nhận tại ngày mua.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

(ii) Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt kiểm soát đối với đơn vị này.

(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ lợi ích kinh tế của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”), được áp dụng phi hồi tố từ ngày 1 tháng 1 năm 2015, chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

11/11

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Công ty liên kết

Công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể, nhưng không kiểm soát, các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền bỏ phiếu. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của các công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các khoản mục tiền tệ nội bộ Tập đoàn, ngắn hạn hoặc dài hạn, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua để có được quyền kiểm soát đơn vị bị mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua.

Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và bán chuyển khoản đối với nợ phải trả của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

11
12
13
14
15
16

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND như sau:

- Các tài sản và nợ phải trả, bao gồm các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh tại ngày mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với tài sản) và bán chuyển khoản (đối với nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ Lỗ lũy kế và các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được tính toán từ lợi nhuận sau thuế thuần/các biến động đã được quy đổi.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do quy đổi báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu. Khi chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến một hoạt động ở nước ngoài được hợp nhất nhưng không thuộc sở hữu toàn bộ, chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế phát sinh do quy đổi thuộc về lợi ích cổ đông không kiểm soát được phân bổ và ghi nhận là một phần của lợi ích cổ đông không kiểm soát trong bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản phải thu về cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Bao thanh toán

Theo tình hình của thị trường và yêu cầu về thanh khoản, Tập đoàn ký kết các thỏa thuận bao thanh toán để chuyển giao khoản phải thu khách hàng. Đối với các giao dịch bao thanh toán, Tập đoàn đánh giá cố ghi giảm toàn bộ khoản phải thu hay không dựa trên mức độ chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu.

Nếu Tập đoàn:

- chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu, Tập đoàn sẽ ghi giảm khoản phải thu và ghi nhận riêng rẽ tài sản hoặc nợ phải trả đối với các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ việc chuyển giao khoản phải thu;
- còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu, Tập đoàn sẽ tiếp tục ghi nhận khoản phải thu;
- không chuyển giao cũng như không nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu thì Tập đoàn xác định xem liệu có nắm giữ quyền kiểm soát đối với tài sản không. Nếu Tập đoàn không nắm giữ quyền kiểm soát thì Tập đoàn sẽ ghi giảm khoản phải thu và ghi nhận riêng rẽ tài sản hoặc nợ phải trả đối với các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ việc chuyển giao khoản phải thu. Nếu Tập đoàn nắm giữ quyền kiểm soát thì Tập đoàn sẽ tiếp tục ghi nhận khoản phải thu đến giá trị còn tiếp tục liên quan đến tài sản được chuyển giao.

Mức độ còn tiếp tục liên quan đến tài sản được chuyển giao là mức độ Tập đoàn bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về giá trị của tài sản chuyển giao và được xác định bằng giá trị thấp hơn giữa giá trị ghi sổ của khoản phải thu và số tiền cao nhất mà Tập đoàn phải trả (“số tiền bảo lãnh”).

Khi Tập đoàn tiếp tục ghi nhận tài sản chuyển giao đến giá trị còn tiếp tục liên quan đến tài sản được chuyển giao, Tập đoàn đồng thời ghi nhận nghĩa vụ liên quan. Nghĩa vụ liên quan ban đầu được ghi nhận bằng số tiền bảo lãnh cộng với giá trị hợp lý của bảo lãnh. Sau đó, giá trị hợp lý của bảo lãnh được phân bổ dần theo thời gian vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phân ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mỏ, các tài sản được kết chuyển vào “nhà cửa, vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Trường hợp tài sản cố định hữu hình tự xây dựng được hoàn thành và được đưa vào sử dụng nhưng chi phí chưa được quyết toán thì Công ty hạch toán nguyên giá của tài sản cố định hữu hình theo giá tạm tính và nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh sau khi chi phí quyết toán được phê duyệt.

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản và tài nguyên khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh.

(ii) Khấu hao

NPM: Máy móc, thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến khoáng sản và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh.

Máy móc, thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến khoáng sản và giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh được khấu hao theo phương pháp khối lượng sản phẩm với căn cứ khấu hao được tính dựa trên trữ lượng khoáng sản đã được chứng minh và tương đối chắc chắn sẽ thu được và một phần tài nguyên dự kiến sẽ được chuyển thành trữ lượng khoáng sản.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2021, Tập đoàn cập nhật ước tính về trữ lượng và tài nguyên khoáng sản dựa trên (i) kết quả đánh giá kỹ thuật của chuyên gia khai mỏ về trữ lượng khoáng sản trong khu vực Dự án Núi Pháo, (ii) phân tài nguyên khoáng sản dự kiến chuyển đổi thành trữ lượng và (iii) tài nguyên khoáng sản khác có thể được tái xử lý từ hồ chứa đuôi quặng oxit (“OTC”) của Công ty. Những số liệu ước tính cập nhật này phản ánh sản lượng quặng có thể được khai thác hợp pháp và thu được lợi ích kinh tế từ tài sản khai thác khoáng sản của Tập đoàn.

Chi tiết thay đổi về số lượng quặng tương đương còn lại làm cơ sở tính khấu hao tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 như sau:

	Giá trị tăng lên tính theo tấn quặng
Máy móc, thiết bị liên quan đến hoạt động chế biến khoáng sản	6.422.588
Máy móc, thiết bị liên quan đến hoạt động chế biến khoáng sản và được sử dụng cho tái xử lý tại hồ chứa đuôi quặng oxit	21.742.588
Giá trị hợp lý của trữ lượng khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh	21.742.588

Ảnh hưởng của những thay đổi này là làm giảm 155 tỷ VND chi phí khấu hao trong năm hiện hành.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

MTC: Máy móc và thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất

Máy móc và thiết bị của MTC liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến các sản phẩm tinh chế từ vonfram được tính khấu hao trong thời gian sử hữu ích ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm. Tổng đơn vị sản phẩm ước tính mà tài sản cố định khấu hao theo phương pháp khấu hao theo khối lượng sản phẩm như sau:

Nhà máy ST	171.865 tấn vonfram
Nhà máy APT	166.990 tấn vonfram

Các tài sản khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng hữu ích ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 22 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 25 năm
▪ các tài sản khai thác khoáng sản khác	26 năm

Trong trường hợp xây dựng cơ bản được hoàn thành và đưa vào sử dụng trước khi chi phí xây dựng được quyết toán thì nguyên giá tài sản được xác định theo nguyên giá tạm tính. Khi chi phí xây dựng tài sản cố định được quyết toán và phê duyệt, Công ty điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định theo giá trị đã quyết toán và không điều chỉnh lại giá trị hao mòn lũy kế. Chi phí khấu hao sau thời điểm quyết toán được xác định bằng giá trị quyết toán đã được phê duyệt trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế được trích đến thời điểm phê duyệt quyết toán tài sản chia (÷) cho thời gian khấu hao còn lại của tài sản cố định theo các quy định hiện hành.

Trong năm hiện tại, do thay đổi trong ước tính dựa trên đánh giá trữ lượng khoáng sản mới nhất và dự án tái xử lý tại hồ chứa đuôi quặng oxit tại Thuyết minh 3(g)(ii) *Máy móc, thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến khoáng sản* trên đây, NPM đã điều chỉnh thời gian sử dụng hữu ích ước tính của một số nhóm tài sản. Ảnh hưởng của những thay đổi này là làm giảm 26 tỷ VND chi phí khấu hao trong năm hiện hành.

Thời gian sử dụng hữu ích ước tính được điều chỉnh như sau:

	2021	2020
▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 27 năm	5 - 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 22 năm	3 - 20 năm
▪ các tài sản khai thác khoáng sản khác	26 năm	19 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Đất

Đất gồm có đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Đất được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá gốc của phần mềm máy vi tính bao gồm:

- Phần mềm máy vi tính được mua mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được mua mới được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm;
- Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển phần mềm nếu thỏa mãn các tiêu chí sau:
 - Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc hình thành phần mềm trong giai đoạn phát triển;
 - Tập đoàn dự định hoàn thành phần mềm để sử dụng hoặc để bán có thể được kiểm chứng bằng các thiết kế chương trình, mô hình hoặc các sản phẩm tương tự;
 - Tập đoàn có khả năng triển khai và sử dụng phần mềm sau giai đoạn phát triển;
 - Có đầy đủ nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và con người để hoàn tất giai đoạn phát triển phần mềm;
 - Tập đoàn có thể xác định được các chi phí phát sinh liên quan đến giai đoạn phát triển phần mềm một cách đáng tin cậy.

Phần mềm tự phát triển được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 4 năm kể từ khi mỗi cấu phần của phần mềm được hoàn thành.

(iii) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 (“Nghị định 67”) có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2019, thay thế Nghị định 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản đã được chứng minh và tương đối chắc chắn sẽ thu được và một phần tài nguyên dự kiến sẽ được chuyển thành trữ lượng.

(iv) Chi phí triển khai

Chi phí triển khai bao gồm:

- Chi phí cho các hoạt động triển khai mà thông qua các hoạt động này các kết quả nghiên cứu được áp dụng vào việc lập kế hoạch hoặc thiết kế các quy trình sản xuất và sản xuất các sản phẩm mới hoặc được cải tiến đáng kể, sẽ được vốn hóa nếu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất đó khả thi về mặt kỹ thuật và thương mại và Tập đoàn có đủ nguồn lực để hoàn tất việc triển khai. Các chi phí triển khai được vốn hóa bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ thích hợp. Các chi phí triển khai khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh.
- Chi phí triển khai mà Tập đoàn có được thông qua hợp nhất kinh doanh được vốn hóa và trình bày là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của chi phí triển khai được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 10 đến 16 năm.

Giá trị hợp lý của chi phí triển khai có được qua hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp dòng tiền gia tăng, theo đó các tài sản chủ thể được định giá sau khi trừ đi lợi tức hợp lý của tất cả các tài sản khác góp phần tạo ra các dòng tiền liên quan.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Tên thương hiệu

Chi phí mua tên thương hiệu được ghi nhận là tài sản vô hình.

Giá trị hợp lý của tên thương hiệu có được qua hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách chiết khấu các khoản thanh toán phí bản quyền ước tính tránh được do sở hữu tên thương hiệu. Giá trị hợp lý của tên thương hiệu có được qua hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 20 đến 30 năm.

(vi) Quan hệ khách hàng

Quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được thông qua hợp nhất kinh doanh được vốn hóa và trình bày là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của quan hệ khách hàng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 36 năm.

Giá trị hợp lý của các mối quan hệ khách hàng có được qua hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp thu nhập thặng dư nhiều kỳ, theo đó các tài sản chủ thể được định giá sau khi trừ đi lợi tức hợp lý của tất cả các tài sản khác góp phần tạo ra các dòng tiền liên quan.

(vii) Công nghệ

Các công nghệ mà Tập đoàn có được thông qua hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý. Giá trị công nghệ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích của các công nghệ này là từ 16 đến 31 năm.

Giá trị hợp lý của các công nghệ có được qua hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp thu nhập thặng dư nhiều kỳ, theo đó các tài sản chủ thể được định giá sau khi trừ đi lợi tức hợp lý của tất cả các tài sản khác góp phần tạo ra các dòng tiền liên quan và/hoặc dựa trên các khoản thanh toán phí bản quyền chiết khấu ước tính tránh được do sở hữu các công nghệ này.

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí quyền sử dụng đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 40 – 60 năm

Đất được ghi nhận theo giá gốc và không khấu hao.

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, giá trị của trữ lượng khai thác khoáng sản, trữ lượng địa chất khoáng sản và các chi phí phát triển mỏ liên quan. Các tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khai thác khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Các tài sản này được vốn hóa sau khi cân trừ tiền thu về từ việc bán sản phẩm sản xuất thử trong giai đoạn phát triển mỏ. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là “nhà cửa và vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” hoặc vào chi phí trả trước dài hạn là “chi phí khai thác khoáng sản khác”.

Tập đoàn không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt và chạy thử để đưa tài sản vào sử dụng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 35 đến 50 năm.

(ii) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm tiền thuê đất trả trước, chi phí bồi thường, tái định cư và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất liên quan.

(iii) Chi phí khai thác khoáng sản khác

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần “Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ”).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Tập đoàn chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời mỏ của các thành phần đã xác định được của thân quặng.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời mỏ của các thành phần đã xác định được của thân quặng. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống dựa trên trữ lượng khoáng sản và tài nguyên khoáng sản dự kiến sẽ chuyển thành trữ lượng khoáng sản của các thành phần khoáng sản liên quan. Trong năm, NPM, một công ty con của Tập đoàn, đã cập nhật ước tính trữ lượng và tài nguyên khoáng sản làm cơ sở tính toán và khấu hao chi phí triển khai và chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất. Ước tính mới được dựa trên kết quả đánh giá kỹ thuật của chuyên gia khai mỏ về trữ lượng khoáng sản trong khu vực dự án Núi Pháo và phần tài nguyên dự kiến chuyển đổi thành trữ lượng như được trình bày tại Thuyết minh 3(g)(g)(ii). Ảnh hưởng của chi phí phân bổ trong năm hiện tại là làm tăng 9 tỷ VND chi phí phân bổ.

(iv) Chi phí phát sinh để có được hợp đồng

Các chi phí phát sinh để có được hợp đồng là các chi phí để Tập đoàn có được hợp đồng với khách hàng mà chi phí này sẽ không phát sinh nếu Tập đoàn không có được hợp đồng đó. Tập đoàn vốn hóa các chi phí phát sinh để có được hợp đồng nếu các chi phí đó thỏa mãn các điều kiện sau:

- Chi các chi phí tăng thêm do có được hợp đồng mới được vốn hóa;
- Chi phí đó phải thu hồi được.

Tài sản đã ghi nhận được khấu hao theo phương pháp mang tính hệ thống và phù hợp với việc chuyển giao hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng mà tài sản đó có liên quan.

(v) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(m) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HDHTKD) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Tập đoàn hạch toán mỗi HDHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn trong hợp đồng. Trường hợp Tập đoàn nhận vốn góp dưới hình thức tài sản tài chính từ các bên khác và do đó tiếp nhận một nghĩa vụ hợp đồng – phải chi trả tiền hoặc tài sản tài chính khác cho các bên khác theo HDHTKD, Tập đoàn sẽ ghi nhận nợ phải trả tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận cho các bên khác của HDHTKD có bản chất là chi phí tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là chi phí tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HDHTKD và được ghi nhận là chi phí khi khả năng phải phân chia các khoản này là chắc chắn.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Quyền khai thác khoáng sản

Theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, một công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản. Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trong đó giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên, tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản theo Nghị định 67.

Giá tính thuế tài nguyên là giá áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty, do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh xác định. Phương pháp quy đổi được dựa vào các thông số khác nhau của hệ số quy đổi theo hướng dẫn tại Nghị định 67.

(ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Tập đoàn làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bần mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường ("BTNMT") và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường.



Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại mỗi thời điểm báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản nếu nghĩa vụ về đóng cửa và phục hồi môi trường là không thể tránh khỏi đối với việc xây dựng tài sản. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

(iii) Trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí là các khoản phúc lợi cho nhân viên khi nghỉ hưu và được phân loại thành Quỹ với mức đóng góp xác định hoặc Quỹ phúc lợi xác định.

Theo Quỹ đóng góp xác định, Tập đoàn sẽ phải đóng góp một khoản tiền cố định vào một quỹ riêng. Nhân viên sẽ nhận được khoản tiền trợ cấp hưu trí trong tương lai dựa trên số tiền đã đóng và thu nhập mang lại từ việc đầu tư của quỹ riêng này. Tập đoàn không có nghĩa vụ pháp lý hay nghĩa vụ liên đới phải chi trả thêm khoản đóng góp nào nếu quỹ đó không có đủ tài sản để chi trả cho tất cả nhân viên khoản trợ cấp liên quan đến thời gian làm việc của nhân viên trong kỳ hiện tại và các kỳ trước đó. Các khoản đóng góp của Tập đoàn Quỹ đóng góp xác định sẽ được ghi nhận là chi phí trong kỳ được chi trả.



Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Theo Quỹ phúc lợi xác định, nhân viên sẽ nhận được một khoản trợ cấp hưu trí xác định khi nghỉ hưu, khoản trợ cấp này thường phụ thuộc vào một hoặc nhiều yếu tố như tuổi tác, số năm làm việc và lương thường tại thời điểm nghỉ hưu. Dự phòng phải trả cho Quỹ phúc lợi xác định được xác định bằng giá trị hiện tại của nghĩa vụ phúc lợi xác định tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nghĩa vụ với mức trợ cấp xác định được tính toán hàng năm bởi các chuyên gia độc lập. Giá trị hiện tại của nghĩa vụ phúc lợi xác định được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền phải trả ước tính trong tương lai sử dụng lãi suất của trái phiếu doanh nghiệp chất lượng cao AA với thời hạn tương tự thời hạn phải trả các khoản trợ cấp này, thể hiện bằng đơn vị tiền tệ mà khoản trợ cấp sẽ được thanh toán. Tập đoàn xác định chi phí lãi thuần tính trên nghĩa vụ nợ (tài sản) phúc lợi xác định thuần trong năm bằng cách áp dụng tỷ lệ chiết khấu được sử dụng để xác định giá trị của nghĩa vụ phúc lợi xác định tại thời điểm đầu kỳ kế toán năm nhân với giá trị nghĩa vụ phúc lợi xác định thuần tại thời điểm báo cáo, có tính đến các thay đổi về nghĩa vụ phúc lợi xác định thuần trong kỳ do các khoản mới đóng góp vào quỹ. Chi phí lãi thuần và các chi phí khác liên quan đến Quỹ phúc lợi xác định được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Việc tái xác định (remeasurement) nghĩa vụ phúc lợi xác định được thực hiện do thay đổi các ước tính dòng tiền tương lai, tỷ lệ nghỉ việc của nhân viên, tỷ lệ tử vong và tỷ lệ tăng lương trong tương lai.

Lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc tái xác định của nghĩa vụ phúc lợi xác định thuần, bao gồm các khoản lãi và lỗ thống kê (actuarial gains and losses) và thuế thu nhập hoãn lại liên quan, được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu ở tài khoản "Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu" theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính ("BTC").

(o) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(p) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

TR
NAM

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo cơ sở dồn tích.

(ii) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

(t) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g)(g)(ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(u) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản dù điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

11
16
TY
HỮU
G
11

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và vùng địa lý theo thứ tự tương ứng.

(w) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

T.N.H.H
Khai
Thác
Chế
Biến
Khoáng
Sản
Núi
Pháo

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

Từ ngày 1/1/2021 đến ngày 31/12/2021	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bộ phận	56.404.090	1.347.940.363	11.912.310.136	247.635.257	13.564.289.846
Lợi nhuận gộp của bộ phận	25.960.601	906.093.981	1.368.817.718	90.768.273	2.391.640.573
Chi phí không phân bổ					(1.074.926.103)
Thu nhập từ hoạt động tài chính					343.675.897
Chi phí tài chính					(1.443.627.160)
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết					3.064.567
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					219.827.774
Thu nhập khác					162.183.553
Chi phí khác					(104.424.966)
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp					82.778.777
Lợi nhuận thuần sau thuế					360.365.138

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1/1/2020 đến ngày 31/12/2020	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bộ phận	749.991.344	1.505.652.970	4.985.152.820	50.383.524	7.291.180.658
Lợi nhuận/(lỗ) gộp của bộ phận	(247.121.467)	986.948.048	(428.472.698)	60.084.916	371.438.799
Chi phí không phân bổ					(503.028.481)
Doanh thu từ hoạt động tài chính					638.887.799
Chi phí tài chính					(1.652.450.825)
Phần lỗ trong công ty liên kết					(29.488.203)
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					(1.174.640.911)
Thu nhập khác					1.328.986.069
Chi phí khác					(59.310.118)
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp					111.061.312
Lợi nhuận thuần sau thuế					206.096.352

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2021	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tài sản của bộ phận	141.513.923	717.362.819	7.947.576.784	1.694.692.887	10.501.146.413
Tài sản không phân bổ					25.406.273.567
Tổng tài sản					35.907.419.980
Tổng nợ phải trả					24.525.470.058
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tài sản của bộ phận	155.580.332	768.295.308	5.534.610.900	968.885.505	7.427.372.045
Tài sản không phân bổ					29.039.550.260
Tổng tài sản					36.466.922.305
Tổng nợ phải trả					25.445.852.181

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Từ ngày 1/1/2021 đến ngày 31/12/2021					
Chi tiêu vốn của bộ phận	-	-	112.758.089	164.118.584	276.876.673
Chi tiêu vốn không phân bổ					619.720.048
Khấu hao tài sản cố định	11.728.610	44.344.098	679.307.009	69.379.559	804.759.276
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ					643.879.173
Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					317.121.351
Từ ngày 1/1/2020 đến ngày 31/12/2020					
Chi tiêu vốn của bộ phận	-	-	95.552.600	83.095.789	178.648.389
Chi tiêu vốn không phân bổ					969.021.023
Khấu hao tài sản cố định	13.996.276	69.972.694	395.149.563	88.187.478	567.306.011
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ					793.513.682
Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					235.765.103

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo vùng địa lý chính như sau:

	Việt Nam Nghìn VND	Bỉ Nghìn VND	Đức Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Mỹ Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Các nước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021								
Doanh thu bán ra ngoài	103.896.711	77.128.101	2.254.194.005	890.305.497	2.739.884.245	3.172.104.872	4.326.776.415	13.564.289.846
Tài sản của bộ phận	26.826.341.372	221.363.342	3.795.213.885	298.007.504	1.080.375.416	1.829.894.491	1.856.223.970	35.907.419.980
Chi tiêu vốn	821.275.517	-	69.172.058	-	-	5.101.715	1.047.431	896.596.721

	Việt Nam Nghìn VND	Bỉ Nghìn VND	Cộng hòa Séc Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Mỹ Nghìn VND	Singapore Nghìn VND	Các nước khác Nghìn VND
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020							
Doanh thu bán ra ngoài	100.310.278	2.168.030.828	721.401.110	592.321.521	614.301.694	3.094.815.227	7.291.180.658
Tài sản của bộ phận	27.911.798.728	102.805.243	5.706.084.571	215.265.268	318.909.291	2.212.059.204	36.466.922.305
Chi tiêu vốn	1.081.448.536	-	66.220.876	-	-	-	1.147.669.412

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Tiền mặt	227.268	229.529
Tiền gửi ngân hàng	642.759.210	694.288.507
Tiền đang chuyển	-	9.653.700
Các khoản tương đương tiền	390.000.000	-
	1.032.986.478	704.171.736

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	7.400.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	-	7.400.000

(b) Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết

Đầu tư vào các công ty liên doanh, liên kết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 thể hiện khoản đầu tư vào Jiangwu H.C. Starck Tungsten Products Co. Ltd. – một công ty được thành lập tại Trung Quốc, và là công ty liên kết của HCS. Tập đoàn có 29,999% lợi ích và quyền biểu quyết tại đơn vị này.

	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
Số dư đầu năm	195.227.868	-
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	213.921.246
Phản lãi/(lỗ) trong công ty liên kết	3.064.567	(29.488.203)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	(17.781.945)	10.794.825
	180.510.490	195.227.868

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2021	1/1/2021
	Nghìn VND	Nghìn VND
<i>Bên thứ ba</i>		
Khách hàng mua vonfram	1.481.640.329	966.871.809
Khách hàng mua fluorspar	217.890.096	102.016.555
Khách hàng mua bismuth	173.757.817	23.036.447
Khách hàng mua đồng	112.652.650	74.769.087
Các khách hàng khác	2.320.495	-
	1.988.261.387	1.166.693.898

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 1 tháng 1 năm 2021, một phần khoản phải thu ngắn hạn được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh (Thuyết minh 22(a))).

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2021	1/1/2021
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan		
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan – công ty mẹ cấp cao nhất	-	1.143.479.452
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan	21.200.000	-
	21.200.000	1.143.479.452

Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan là khoản phải thu không được đảm bảo, phải thu trong vòng 12 tháng kể từ mỗi lần giải ngân và hưởng lãi theo các mức lãi suất được thỏa thuận trong các hợp đồng tại ngày giao dịch.

11/21/2021

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) – công ty mẹ cấp cao nhất		
Tiền lãi phải thu	-	18.793.927
Phải thu từ Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“MHT”) – công ty mẹ cấp trung		
Phải thu phi thương mại (a)	10.294.685	10.294.685
Tiền lãi phải thu	157.984	-
Chi phí phát triển hệ thống ERP	22.011.726	-
Phải thu khác từ các bên khác		
Phải thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (b)	241.979.433	239.835.807
Bồi thường bảo hiểm (c)	74.794.500	-
Nộp trước phí bảo vệ môi trường	43.000.000	-
Nộp trước thuế xuất khẩu	19.568.139	-
Thuế xuất khẩu phải thu	17.175.216	-
Phải thu do giảm giá mua theo SPA	-	26.476.816
Tiền lãi phải thu	893.018	394.318
Phải thu ngắn hạn khác	23.844.687	37.322.554
	453.719.388	333.118.107
Phải thu dài hạn khác		
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND tỉnh Thái Nguyên (d)	1.230.754.171	1.234.392.503
Nộp tiền ký quỹ cho Quỹ Bảo vệ Môi trường (e)	70.220.846	61.310.120
Tài sản phức lợi xác định thuần	43.599.772	-
Phải thu dài hạn khác	-	562.828
	1.344.574.789	1.296.265.451

- (a) Phải thu phi thương mại thể hiện khoản trả hộ MHT không có đảm bảo, không tính lãi và phải thu theo thỏa thuận.
- (b) Khoản phải thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (“TCQKTKS”) thể hiện tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung của Công ty cho năm 2018 và 2019 và phí hành chính liên quan mà Công ty đã nộp cho cơ quan có thẩm quyền dựa trên tính toán tạm thời của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (“TCĐCKSVN”) theo Công văn số 3724/ĐCKS-KTĐCKS ngày 28 tháng 12 năm 2018 (“Công văn 3724”).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Công ty không đồng ý với khoản tiền bổ sung này và cơ sở của Công văn 3724 vì Ban Giám đốc Công ty cho rằng công văn này là không hợp lý và không theo đúng các quy định hiện hành, bởi vì:

- Giá được sử dụng để tính phí cấp quyền khai thác khoáng sản (hay tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) (“Giá tính TCQKTKS”) được xác định dựa trên giá tính thuế tài nguyên. Theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 2 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về Thuế tài nguyên, nếu doanh nghiệp khai thác tài nguyên không bán ra mà phải qua chế biến, sản xuất, giá tài nguyên sẽ không bao gồm chi phí chế biến với điều kiện là giá đó phải nằm trong bảng giá tính thuế do Ủy ban Nhân dân Tỉnh quy định. Sản phẩm của Công ty là sản phẩm công nghiệp mà giá để tính thuế tài nguyên được xác định theo giá cao hơn giữa giá bán trừ (-) chi phí chế biến và giá tính thuế do Ủy ban Nhân dân Tỉnh quy định. TCĐCKSVN đã không sử dụng giá tính thuế được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp mà sử dụng giá tính thuế áp dụng cho quặng vonfram (hàm lượng: $0,1\% < WO_3 < 0,3\%$).

Công ty đã thanh toán TCQKTKS theo Quyết định số 500/QĐ-BTNMT (“Quyết định 500”) do Bộ Tài Nguyên và Môi trường (“BTNMT”) ban hành ngày 4 tháng 5 năm 2015, sử dụng giá ước tính để tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm công nghiệp.

Công ty cũng đã gửi công văn lên cơ quan quản lý các cấp để nêu rõ vấn đề và xin giải quyết phù hợp về TCQKTKS của Công ty. Năm 2021, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 978/VPCP-KTTH ngày 8 tháng 2 năm 2021 và công văn số 5987/VPCP-KTTH ngày 28 tháng 8 năm 2021, vụ việc đang được Bộ Tài chính, BTNMT, UBND tỉnh Thái Nguyên và Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên xem xét và báo cáo lên Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Kinh tế của Quốc hội. Tại ngày báo cáo, BTNMT và UBND tỉnh Thái Nguyên đang làm việc để xác định giá tính thuế tài nguyên cho sản phẩm công nghiệp của NPM.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, BTNMT ban hành Quyết định số 1640/QĐ/BTNMT (“Quyết định 1640”) để phê duyệt TCQKTKS chính thức cho mỏ Núi Pháo, thay thế phê duyệt tạm thu TCQKTKS theo Quyết định 500 và Công văn 3724 mặc dù giá tính thuế tài nguyên cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được xác định. Khi ban hành Quyết định 1640, Bộ TNMT tiếp tục sử dụng giá tính thuế áp dụng cho quặng vonfram (hàm lượng: $0,1\% < WO_3 < 0,3\%$) thay vì sử dụng giá tính thuế được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp. Vấn đề này đã được Công ty nêu ra trước đây. Theo Điều 3 Điều 15 Nghị định 67, đối với những trường hợp đang tạm thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khi giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đang có hiệu lực và đúng quy định về giá khoáng sản nguyên khai để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thì được áp dụng chính thức, thay thế giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tạm thu trước đây. Ban Giám đốc đánh giá rằng do giá tính thuế áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được BTNMT và UBND tỉnh Thái Nguyên xác định, Giá tính TCQKTKS làm cơ sở để tính TCQKTKS theo Quyết định 1640 chưa phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Do đó, sau khi Quyết định 1640 được ban hành, Công ty đã gửi nhiều công văn đến Thủ tướng Chính phủ và BTNMT để đề xuất tạm hoãn thi hành thu bổ sung TCQKTKS theo Quyết định 1640 và yêu cầu xác định lại TCQKTKS.

Ban Giám đốc cho rằng bằng việc áp dụng giá dựa trên Quyết định 500 Công ty đã trích lập đầy đủ dự phòng cho các khoản nợ phải trả đối với TCQKTKS dựa trên diễn giải của Công ty về quy định pháp luật liên quan, bao gồm các quy định về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các quy định về thuế tài nguyên. Do đó, Công ty đã kế toán khoản TCQKTKS nộp bổ sung trong năm 2019 là khoản phải thu khác và không ghi nhận khoản TCQKTKS bổ sung theo Quyết định 1640 là nợ phải trả. Ban giám đốc tin rằng khoản phải thu này sẽ được thu hồi khi giá tính thuế tài nguyên cho sản phẩm công nghiệp của NPM được xác định.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (c) Đây là khoản bồi thường bảo hiểm ước tính phải thu từ các công ty bảo hiểm cho tổn thất do mất lợi nhuận phát sinh từ việc gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ tháng 7 đến tháng 10 năm 2021. Cho đến ngày báo cáo, các công ty bảo hiểm đã chấp nhận yêu cầu bồi thường bảo hiểm của Công ty và đang làm việc với chuyên viên giám định tổn thất độc lập để xác định số tiền bồi thường.
- (d) Khoản này thể hiện khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với tiền thuê đất hàng năm trong các năm sau này.
- (e) Công ty có nghĩa vụ ký quỹ cho nghĩa vụ đóng cửa mỏ và nghĩa vụ phục hồi môi trường cho Quỹ Bảo vệ Môi trường. Theo Quyết định 1536/QĐ-BTNMT do BTNMT ban hành ngày 20 tháng 6 năm 2019, kế hoạch phục hồi mỏ đòi hỏi phải tăng khoản ký quỹ lên 123.460 triệu VND. Cũng tại ngày này, khoản ký quỹ còn lại là 87.692 triệu VND được phê duyệt cho trả góp hàng năm trong vòng 10 năm kể từ năm 2019. Đối với các lần ký quỹ trong tương lai, tiền ký quỹ trả góp sẽ bao gồm yếu tố trượt giá căn cứ vào chỉ số giá tiêu dùng hàng năm theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015.

10. Hàng tồn kho

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc Nghìn VND	Dự phòng Nghìn VND	Giá gốc Nghìn VND	Dự phòng Nghìn VND
Hàng mua đang đi trên đường	372.098.029	-	71.956.654	-
Nguyên vật liệu	753.100.358	(1.628.513)	952.738.268	-
Công cụ và dụng cụ	730.776.119	(7.482.718)	686.047.326	(30.721.208)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	945.659.620	(1.793.382)	668.781.756	(10.176.195)
Thành phẩm	2.933.086.998	(17.075.145)	2.430.831.136	(17.819.524)
Hàng hóa	389.748	-	23.320.446	-
Hàng gửi đi bán	153.828.563	-	54.045.839	-
	5.888.939.435	(27.979.758)	4.887.721.425	(58.716.927)

Bao gồm trong hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 có 1.629 triệu VND nguyên vật liệu, 101.919 triệu VND công cụ dụng cụ, 307.957 triệu VND sản phẩm dở dang và 1.243,221 triệu VND thành phẩm (1/1/2021: 30.721 triệu VND công cụ dụng cụ, VND276,046 triệu VND sản phẩm dở dang và 1.453.984 triệu VND thành phẩm) được xác định theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND	Máy móc và thiết bị Nghìn VND	Dụng cụ văn phòng Nghìn VND	Phương tiện vận chuyển Nghìn VND	Tài sản khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	7.912.446.053	17.590.561.933	43.103.947	17.787.998	89.121.554	25.653.021.485
Tăng trong năm	5.232.855	83.406.632	-	-	-	88.639.487
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	178.665.481	208.850.013	-	4.917.502	-	392.432.996
Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh 13)	(1.220.893.978)	-	-	-	-	(1.220.893.978)
Thanh lý	(1.990.310)	(51.453.623)	-	-	-	(53.443.933)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	(92.555.627)	(269.225.291)	-	-	-	(361.780.918)
Số dư cuối năm	6.780.904.474	17.562.139.664	43.103.947	22.705.500	89.121.554	24.497.975.139
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	2.037.686.024	7.286.256.771	40.016.435	14.270.784	13.708.400	9.391.938.414
Khấu hao trong năm	304.344.942	843.446.388	1.109.187	2.439.026	3.802.344	1.155.141.887
Chuyển sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh 13)	(315.295.303)	-	-	-	-	(315.295.303)
Thanh lý	(309.350)	(30.428.605)	-	-	-	(30.737.955)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	(16.480.142)	(177.795.636)	-	-	-	(194.275.778)
Số dư cuối năm	2.009.946.171	7.921.478.918	41.125.622	16.709.810	17.510.744	10.006.771.265
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	5.874.760.029	10.304.305.162	3.087.512	3.517.214	75.413.154	16.261.083.071
Số dư cuối năm	4.770.958.303	9.640.660.746	1.978.325	5.995.690	71.610.810	14.491.203.874

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá 98.143 tỷ VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 73.443 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có giá trị còn lại là 10.323 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty (1/1/2021: 10.833 tỷ VND) (Thuyết minh 22(b)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Đất Nghìn VND	Phần mềm máy vi tính Nghìn VND	Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND	Chi phí triển khai (*) Nghìn VND	Tên thương hiệu Nghìn VND	Quan hệ với khách hàng Nghìn VND	Công nghệ Nghìn VND	Tài sản cố định vô hình khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá									
Số dư đầu năm	71.973.549	426.285.410	588.370.818	685.832.537	1.120.478.861	230.117.249	1.545.588.076	26.485.360	4.695.131.860
Tăng trong năm	-	1.786.218	204.284.393	-	-	-	-	-	206.070.611
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	-	3.717.151	-	-	-	-	-	-	3.717.151
Phân loại lại sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh 13)	(37.535.619)	-	-	-	-	-	-	-	(37.535.619)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	(2.757.450)	(29.039.864)	-	(63.707.482)	(104.082.094)	(21.375.758)	(143.570.797)	(969.745)	(365.503.190)
Số dư cuối năm	31.680.480	402.748.915	792.655.211	622.125.055	1.016.396.767	208.741.491	1.402.017.279	25.515.615	4.501.880.813
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu năm	-	385.138.990	188.670.687	89.794.389	22.316.296	3.791.608	44.077.926	3.228.536	737.018.432
Khấu hao trong năm	-	20.085.873	47.063.729	42.598.930	36.595.677	6.295.853	73.190.095	1.876.830	227.706.987
Phân loại lại sang bất động sản đầu tư (Thuyết minh 13)	-	-	-	-	-	-	-	-	-
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	-	(27.736.819)	-	(10.996.472)	(4.821.220)	(781.787)	(9.088.376)	(189.483)	(53.614.157)
Số dư cuối năm	-	377.488.044	235.734.416	121.396.847	54.090.753	9.305.674	108.179.645	4.915.883	911.111.262
Giá trị còn lại									
Số dư đầu năm	71.973.549	41.146.420	399.700.131	596.038.148	1.098.162.565	226.325.641	1.501.510.150	23.256.824	3.958.113.428
Số dư cuối năm	31.680.480	25.260.871	556.920.795	500.728.208	962.306.014	199.435.817	1.293.837.634	20.599.732	3.590.769.551

(*) Chi phí triển khai chủ yếu là dự án cải tiến sản xuất đã hoàn thành áp dụng trong các nhà máy của công ty con.

Trong tài sản cố định vô hình có các tài sản với nguyên giá 18.005 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 17.311 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 các tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại là 571 tỷ VND (1/1/2021: 422 tỷ VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay của Tập đoàn (Thuyết minh 22(b)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND	Đất Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	-	-	-
Phân loại lại sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	1.220.893.978	-	1.220.893.978
Phân loại lại sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)	-	37.535.619	37.535.619
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	(98.768.634)	(3.486.710)	(102.255.344)
Số dư cuối năm	1.122.125.344	34.048.909	1.156.174.253
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	-	-
Phân loại lại từ tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	315.295.303	-	315.295.303
Khấu hao trong năm	65.789.575	-	65.789.575
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	(25.457.933)	-	(25.457.933)
Số dư cuối năm	355.626.945	-	355.626.945
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	-	-	-
Số dư cuối năm	766.498.399	34.048.909	800.547.308

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản tại ngày mua HCS.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
Số dư đầu năm	1.467.480.229	1.694.487.259
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	112.549.289
Tăng trong năm	746.691.703	550.262.314
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(392.432.996)	(846.725.865)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)	(3.717.151)	(5.097.779)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15)	(560.333.761)	(8.934.805)
Chuyển sang chi phí trả trước ngắn hạn	-	(35.711.256)
Chuyển sang phải thu khác	(120.700.853)	-
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	(4.466.240)	6.651.072
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.132.520.931	1.467.480.229

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn trị giá là 29 tỷ VND (2020: 34 tỷ VND).

Tại ngày báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang của Công ty chủ yếu phản ánh chi phí đền bù đất, chi phí phát triển mỏ và nhà máy và chi phí xây dựng nhà máy được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty (Thuyết minh 22(b)). Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Đền bù đất	337.970.014	774.195.509
Giải phóng mặt bằng, di dời cơ sở hạ tầng và các chi phí khác	194.478.207	209.074.215
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	477.823.887	151.254.220
Các đập chứa đuôi quặng	-	25.288
Các tài sản khác	122.248.823	332.930.997
	<hr/>	<hr/>
	1.132.520.931	1.467.480.229

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước và chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND	Chi phí khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Chi phí tăng thêm để có được hợp đồng (*) Nghìn VND	Chi phí trả trước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	948.324.935	1.592.541.169	181.973.835	205.583.619	2.928.423.558
Tăng trong năm	-	205.410.232	-	65.972.381	271.382.613
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	433.138.222	106.227.414	-	20.968.125	560.333.761
Chuyển từ phải thu dài hạn	77.591.432	-	-	-	77.591.432
Phân bổ trong năm	(79.827.648)	(131.643.519)	(24.941.561)	(80.708.623)	(317.121.351)
Số dư cuối năm	1.379.226.941	1.772.535.296	157.032.274	211.815.502	3.520.610.013

(*) Tháng 9 năm 2020, NPM phát sinh chi phí chấm dứt hợp đồng bao tiêu dài hạn với một khách hàng hiện hữu để có được một hợp đồng thuận lợi hơn với một khách hàng mới. Chi phí này là chi phí phát sinh để có được hợp đồng, do đó được vốn hóa và phân bổ theo phương pháp mang tính hệ thống và phù hợp với việc chuyển giao hàng hóa theo hợp đồng mới này.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại</i>			
Tái xác định dự phòng trợ cấp hưu trí phải trả thuần (*)	30%	653.730.131	941.694.831
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	30%	181.477.931	187.383.399
Lãi từ các giao dịch nội bộ chưa được ghi nhận	10%	2.537.590	-
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	30%	33.723.569	58.298.409
Quan hệ cố từ trước – Lợi ích của hợp đồng với NPM	30%	16.036.546	20.045.683
Bù trừ	30%	(590.701.894)	(513.938.646)
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		296.803.873	693.483.676
<i>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i>			
Lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	10% - 15%	11.438.679	45.054.074
Tài sản vô hình mới được xác định từ hợp nhất kinh doanh	25% - 30%	878.862.616	1.010.890.563
Tài sản hữu hình mới được xác định từ hợp nhất kinh doanh (*)	15% - 30%	635.445.223	713.331.143
Các khoản khác	30%	103.227.175	(12.320.768)
Bù trừ	30%	(615.032.281)	(466.198.512)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		1.013.941.412	1.290.756.500

(*) Các khoản tài sản và nợ phải trả thuế thu nhập hoãn lại này chủ yếu phát sinh từ HCS và các công ty con. Các khoản mục này được trình bày trên cơ sở thuần do các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành với nợ thuế thu nhập hiện hành phải trả, và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản thuế thu nhập được áp bởi cùng một cơ quan quản lý thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

181
C
H
N
1
/ 1/1/

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Biến động các chênh lệch tạm thời trong năm

	1/1/2021 Nghìn VND	Được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất Nghìn VND	Được ghi nhận trong vốn chủ sở hữu Nghìn VND	31/12/2021 Nghìn VND
Lỗi chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	(45.054.074)	36.152.985	-	(8.901.089)
Tài sản quan hệ có từ trước	20.045.683	(4.009.137)	-	16.036.546
Tái xác định dự phòng trợ cấp hưu trí (*)	941.694.831	106.038.210	(394.002.910)	653.730.131
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	187.383.399	3.691.092	(9.596.560)	181.477.931
Tài sản vô hình mới được xác định từ hợp nhất kinh doanh	(1.010.890.563)	44.318.402	87.709.545	(878.862.616)
Tài sản hữu hình mới được xác định từ hợp nhất kinh doanh	(713.331.143)	27.204.558	50.681.362	(635.445.223)
Các khoản khác	22.879.043	(71.189.793)	3.137.531	(45.173.219)
	(597.272.824)	142.206.317	(262.071.032)	(717.137.539)

(*) Thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận trong vốn chủ sở hữu bao gồm khoản thuế thu nhập hoãn lại liên quan của giá trị tái xác định nghĩa vụ với mức trợ cấp xác định thuần – dự phòng trợ cấp hưu trí. Như trình bày tại Thuyết minh 3(n)(iii), các khoản này được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu dưới tài khoản “Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu” theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/12/2021	1/1/2021
	Nghìn VND	Nghìn VND
<i>Các bên khác</i>		
Nhà thầu khai thác mỏ	79.113.396	31.387.485
Nhà thầu xây dựng đập chứa đuôi quặng	-	10.899.312
Các nhà cung cấp khác	1.426.237.962	910.676.468
	<u>1.505.351.358</u>	<u>952.963.265</u>

Khoản phải trả thương mại cho công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu của công ty liên quan.

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Người mua trả tiền trước ngắn hạn chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2021	1/1/2021
	Nghìn VND	Nghìn VND
<i>Các bên khác</i>		
Khách hàng mua Bismuth	10.884.532	103.650.397
Khách hàng mua Fluorspa	-	645.340.981
Các khách hàng khác	23.824.819	206.743.844
	<u>34.709.351</u>	<u>955.735.222</u>

Khoản khách hàng trả tiền trước cho giao dịch bán Fluorspa và Bismuth được cầm giữ hàng tháng thông qua các lần giao hàng sau đó. Khoản trả tiền trước của khách hàng mua fluorit chịu phí trả trước theo điều khoản thỏa thuận và được công ty mẹ cấp trung và cấp cao nhất bảo lãnh.

T. Nguyễn Minh

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 Nghìn VND	Số phải nộp trong năm Nghìn VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm Nghìn VND	Biến động khác Nghìn VND	Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ Nghìn VND	31/12/2021 Nghìn VND
Thuế phải trả Nhà nước Việt Nam						
Thuế giá trị gia tăng	-	456.402.747	(456.402.747)	-	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	201.218.548	(201.218.548)	-	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	21.409.619	(20.500.000)	-	-	909.619
Thuế bảo vệ môi trường	-	63.532.212	(63.532.212)	-	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.780.103	99.655.361	(99.278.164)	-	-	9.157.300
Thuế tài nguyên	-	282.373.180	(282.373.180)	-	-	-
Các loại thuế khác	3.863.317	17.008.625	(16.124.074)	-	-	4.747.868
	12.643.420	1.141.600.292	(1.139.428.925)	-	-	14.814.787
Thuế phải trả cơ quan thuế nước ngoài						
Thuế thu nhập doanh nghiệp	101.345.073	38.017.922	(102.233.347)	45.401.147	(103.975)	82.426.820
Các loại thuế khác	48.232.285	346.012.147	(279.533.109)	(45.401.147)	209.243	69.519.419
	149.577.358	384.030.069	(381.766.456)	-	105.268	151.946.239
	162.220.778	1.525.630.361	(1.521.195.381)	-	105.268	166.761.026

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Chi phí hoạt động	437.262.097	576.632.203
Tiền lãi vay phải trả	166.960.789	183.101.195
Phí tư vấn	474.240	42.620.276
Thuế và phí tài nguyên	159.686.751	25.766.750
Tiền thưởng	180.705.685	15.469.187
Chi phí xây dựng phải trả	3.364.036	10.576.562
Các chi phí tài chính khác	1.161.030	919.329
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.384.685	-
	950.999.313	855.085.502

21. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác bao gồm các khoản sau:

	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Ngắn hạn		
Phải trả MSN – công ty mẹ cấp cao nhất		
Chi phí tài chính – ngắn hạn (a)	9.781.016	244.123.839
Phải trả MHT – công ty mẹ cấp trung		
Phần lợi nhuận được chia từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (b)	54.956.940	49.962.110
Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	-	1.000.000.000
Khoản phí trái phiếu chuyển giao cho công ty con	23.695.454	-
Các bên khác		
Thư tín dụng trả chậm có điều khoản thanh toán ngay (UPAS LC) – ngắn hạn (c)	316.882.305	-
Phải trả do chấm dứt hợp đồng bao tiêu với khách hàng	-	46.596.000
Phải trả ngắn hạn khác	12.553.017	13.397.839
	417.868.732	1.354.079.788
Dài hạn		
Phải trả MHT – công ty mẹ cấp trung		
Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (d)	3.000.000.000	2.000.000.000
Các bên khác		
Phải trả dài hạn khác	-	500.170
	3.000.000.000	2.000.500.170

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i)	USD	349.968.164	1.135.396.849
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i)	VND	908.780.000	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	USD	99.247.616	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iii)	VND	966.211.032	895.817.351
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iv)	USD	462.795.428	333.766.713
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iv)	VND	974.000	286.954.000
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo	VND	-	190.352.000
Khoản vay ngân hàng không được đảm bảo (v)	VND	35.000.000	100.589.728
Khoản vay ngân hàng không được đảm bảo (v)	USD	291.496.322	96.054.387
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (vi)	USD	55.056.000	125.712.990
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (vii)	VND	107.331.633	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (vii)	USD	334.198.913	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (viii)	VND	8.895.279	-
Khoản vay bên liên quan được đảm bảo (ix)	VND	181.676.000	-
		3.801.630.387	3.164.644.018

- (i) Khoản vay bằng USD và VND từ một bên liên quan chịu lãi suất lần lượt từ 3,34% đến 4,07% một năm đối với khoản vay bằng USD và 4,1% một năm cộng lãi suất biên dựa trên mức tỷ giá hối đoái theo thỏa thuận giữa Công ty và ngân hàng đối với khoản vay bằng VND (1/1/2021: 3,45% - 4,93% và 8,70% - 9,25%).
- (ii) Khoản vay bằng USD từ một bên liên quan chịu lãi suất 3,92% một năm.
- Các khoản vay nêu trên tại a(i) và a(ii) được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn của NPM và 79 triệu cổ phiếu của công ty mẹ cấp trung.
- (iii) Khoản vay từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng hàng tồn kho, một phần phải thu ngắn hạn của Công ty với tổng giá trị bằng 2 lần hạn mức tín dụng và được bảo lãnh bởi MSN. Khoản vay bằng VND chịu lãi suất trong khoảng từ 6,2% đến 7,3% một năm (1/1/2021: 7,0% đến 7,5%).
- (iv) Các khoản vay cụ thể bằng USD và VND của một công ty con, chịu lãi suất lần lượt từ 4,0% đến 5,3% và từ 7,7% đến 8,7% một năm (1/1/2021: 5,1% đến 6,1% và 7,7% đến 9,3%). Khoản vay được đảm bảo bằng 85 triệu cổ phiếu của công ty mẹ cấp trung.
- (v) Khoản vay của một công ty con từ hai chi nhánh của một ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam không được đảm bảo. Các khoản vay cụ thể giải ngân bằng USD và VND chịu lãi suất lần lượt từ 3,05% đến 3,5% một năm và từ 4,7% đến 5,4% một năm (1/1/2021: 3,08% đến 4,57% và 4,7% đến 6,8%).
- (vi) Khoản vay bằng USD của một công ty con từ một ngân hàng nước ngoài tại Việt Nam được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn và toàn bộ tài khoản ngân hàng đang hoạt động của một công ty con mở tại ngân hàng này. Các khoản vay cụ thể giải ngân bằng USD chịu lãi suất trong khoảng từ 3,0 đến 3,7% một năm (1/1/2021: 2,22% đến 4,3%).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (vii) Các khoản vay cụ thể bằng USD và VND của một công ty con chịu lãi suất lần lượt từ 4,6% đến 5,1% một năm và 7,2% một năm.
- (viii) Khoản vay cụ thể bằng VND của Công ty chịu lãi suất trong khoảng từ 7,2% đến 7,25% một năm.

Các khoản vay nêu trên tại a(vii), a(viii) và một phần của số dư phải trả UPAS LC (Thuyết minh 21) được đảm bảo bằng 60 triệu cổ phiếu của một công ty mẹ cấp trung.

- (ix) Khoản vay từ MSN – công ty mẹ cấp cao nhất là khoản vay không có tài sản đảm bảo, phải thu trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân với lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng vay tại ngày giao dịch.

(b) Trái phiếu phát hành dài hạn

	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn	7.259.604.696	7.229.909.187
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 22(a))	(998.462.786)	-
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	6.261.141.910	7.229.909.187

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (a)	VND	2023	498.669.652	497.829.434
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (b)	VND	2024	498.030.696	497.186.709
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (c)	VND	2022	299.718.671	298.874.684
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (d)	VND	2022	199.765.559	199.202.900
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (e)	VND	2022	99.795.510	99.488.774
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (f)	VND	2022	189.611.468	189.028.670
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (g)	VND	2022	209.571.578	209.000.349
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (h)	VND	2023	1.587.200.000	1.577.600.000
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (i)	VND	2023	992.000.000	986.000.000
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (j)	VND	2023	693.700.000	689.638.629
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (k)	VND	2023	996.000.000	993.333.333
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (l)	VND	2023	995.541.561	992.725.705
			7.259.604.695	7.229.909.187

- (a) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Số tiền thu được từ phát hành trái phiếu được Công ty sử dụng và được đảm bảo bằng 51,6 triệu cổ phiếu của một công ty mẹ cấp trung.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (b) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 10,2% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,3%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 55,6 triệu cổ phiếu của công ty mẹ cấp trung.
- (c) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 31,2 triệu cổ phiếu của công ty mẹ cấp trung.
- (d) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 20,8 triệu cổ phiếu của công ty mẹ cấp trung.
- (e) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 10,7 triệu cổ phiếu của công ty mẹ cấp trung.
- (f) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng một phần tài sản dài hạn của Công ty (Thuyết minh 11, Thuyết minh 12 và Thuyết minh 14).
- (g) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 22,3 triệu cổ phiếu của công ty mẹ cấp trung.
- (h) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,2%. Trái phiếu được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) – công ty mẹ cấp cao nhất, và một số tài sản dài hạn của Dự án Núi Pháo (Thuyết minh 11, Thuyết minh 12 và Thuyết minh 14).
- (i) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,2%. Trái phiếu được đảm bảo bởi MSN – công ty mẹ cấp cao nhất và một số tài sản dài hạn của Công ty (Note 11, Thuyết minh 12 và Thuyết minh 14).
- (j) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,2%. Trái phiếu được đảm bảo bởi MSN và một số tài sản dài hạn của Dự án Núi Pháo (Thuyết minh 11, Thuyết minh 12 và Thuyết minh 14).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (k) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 107,9 triệu cổ phiếu của công ty mẹ cấp trung.
- (l) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 107,9 triệu cổ phiếu của công ty mẹ cấp trung.

Giá trị trái phiếu có đảm bảo trong báo cáo tài chính hợp nhất được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

Đại diện của các trái chủ trong tất cả các thuyết minh đã trình bày ở trên là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương – công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất.

23. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Khôi phục môi trường môi Nghìn VND	Quyền khai thác mỏ Nghìn VND	Dự phòng trợ cấp hưu trí và các khoản dự phòng khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	103.800.497	390.248.573	6.963.327.332	7.457.376.402
Dự phòng lập trong năm	4.899.383	216.015.571	17.683.356	238.598.310
Đánh giá lại dự phòng trợ cấp hưu trí (*)	-	-	(483.845.303)	(483.845.303)
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(73.145.650)	(201.538.021)	(274.683.671)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	(586.720.592)	(586.720.592)
Số dư cuối năm	108.699.880	533.118.494	5.708.906.772	6.350.725.146

- (*) Như trình bày tại Thuyết minh 3(n)(iii), giá trị tái xác định nghĩa vụ phúc lợi xác định thuần – dự phòng trợ cấp hưu trí và khoản thuế thu nhập hoãn lại liên quan được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu dưới tài khoản “Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu” theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp Nghìn VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Nghìn VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu Nghìn VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Nghìn VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về các chủ sở hữu của Công ty Nghìn VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát Nghìn VND	Tổng vốn chủ sở hữu Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	8.048.709.226	-	-	515.834.608	8.564.543.834	846	8.564.544.680
Vốn góp	2.744.205.929	-	-	-	2.744.205.929	1.280	2.744.207.209
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	193.500.829	193.500.829	12.595.523	206.096.352
Tăng do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	-	-	49.291.905	49.291.905
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(189.058.585)	-	-	(189.058.585)	4.955.905	(184.102.680)
Đánh giá lại dự phòng trợ cấp hưu trí	-	-	(358.967.342)	-	(358.967.342)	-	(358.967.342)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	10.792.915.155	(189.058.585)	(358.967.342)	709.335.437	10.954.224.665	66.845.459	11.021.070.124
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	294.852.352	294.852.352	65.512.786	360.365.138
Đánh giá lại dự phòng trợ cấp hưu trí	-	-	188.714.955	-	188.714.955	-	188.714.955
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(176.770.525)	-	-	(176.770.525)	(11.429.770)	(188.200.295)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	10.792.915.155	(365.829.110)	(170.252.387)	1.004.187.789	11.261.021.447	120.928.475	11.381.949.922

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn góp

Vốn pháp định được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Được duyệt và đã góp	
	31/12/2021 và 1/1/2021	
	Nghìn VND	%
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên ("TNTI")	2.158.583.031	20%
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên ("MRTN")	8.634.332.124	80%
	10.792.915.155	100%

Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên và Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên đều được thành lập tại Việt Nam. Công ty mẹ cấp cao nhất, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, cũng được thành lập tại Việt Nam.

Biến động vốn điều lệ đã góp trong năm như sau:

	2021	2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Số dư đầu năm	10.792.915.155	8.048.709.226
Góp vốn bằng tiền mặt của TNTI	-	533.731.531
Góp vốn bằng tiền mặt của MRTN	-	2.210.474.398
	10.792.915.155	10.792.915.155

26. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021	1/1/2021
	Nghìn VND	Nghìn VND
Trong vòng một năm	12.395.324	16.366.622
Trong vòng hai đến năm năm	16.227.391	16.358.709
	29.252.715	32.725.331

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND
USD	14.045.416.12	318.128.675	12.139.880.37	279.035.150
EUR	8.071.721.05	205.570.592	10.166.623.19	285.438.113
JPY	341.132.473.00	66.309.330	149.538.241.00	33.004.585
CNY	8.405.767.48	28.495.552	10.586.982.83	36.747.417
CAD	451.969.71	7.970.486	763.488.94	13.650.419

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Nợ khó đòi đã xử lý	30.294.111	23.456.986

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2021 Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	3.099.626.529	176.985.972
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	82.949.023	85.765.512
	3.182.575.552	262.751.484

27. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, cung cấp dịch vụ không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế xuất khẩu.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021	2020
	Ngàn VND	Ngàn VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	333.321.053	179.843.108
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	10.279.897	52.571.691
Phí quyền chọn mua	-	406.473.000
Doanh thu hoạt động tài chính khác	74.947	-
	<hr/>	<hr/>
	343.675.897	638.887.799
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí tài chính

	2021	2020
	Ngàn VND	Ngàn VND
Chi phí lãi vay	804.954.900	901.526.249
Chi phí tài chính cho HDHTKD	279.984.084	308.512.188
Chi phí đi vay	68.557.297	75.235.417
Lỗ chênh lệch tỷ giá	172.839.990	223.669.259
Chi phí tài chính khác	117.290.889	143.507.712
	<hr/>	<hr/>
	1.443.627.160	1.652.450.825
	<hr/>	<hr/>

30. Chi phí bán hàng

	2021	2020
	Ngàn VND	Ngàn VND
Cước phí vận chuyển	230.927.869	129.429.031
Chi phí dịch vụ mua ngoài	81.969.934	33.076.145
Chi phí khấu hao	7.503.098	3.696.804
Chi phí lương	76.581.084	3.517.901
Các khoản khác	48.640.408	56.504.185
	<hr/>	<hr/>
	445.622.393	226.224.066
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021	2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Văn phòng phẩm	55.680.642	34.849.671
Chi phí dịch vụ mua ngoài	36.414.185	26.726.647
Chi phí khấu hao	75.427.755	34.364.522
Chi phí lương	330.781.719	123.630.449
Thuê và phí pháp lý	8.280.893	5.258.848
Các khoản khác	122.718.516	51.974.278
	629.303.710	276.804.415

32. Thu nhập khác

	2021	2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Lãi từ mua giá rẻ trong giao dịch hợp nhất kinh doanh	-	1.298.081.205
Thu nhập từ bồi thường bảo hiểm	87.316.300	-
Thu nhập từ cung cấp dịch vụ cho công ty mẹ cấp trung	20.010.660	-
Lãi do thanh lý tài sản cố định	121.641	12.478.204
Lãi bán phế liệu	10.795.294	2.026.312
Các khoản khác	43.939.658	16.400.348
	162.183.553	1.328.986.069

33. Chi phí khác

	2021	2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	1.201.810	8.776.981
Các khoản phạt thuế	-	9.872.395
Chi phí từ cung cấp dịch vụ cho công ty mẹ cấp trung	19.998.660	-
Các khoản khác	83.224.496	40.660.742
	104.424.966	59.310.118

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/IN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2021	2020
	Ngàn VND	Ngàn VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	59.726.292	24.460.388
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(298.751)	2.133.361
	<hr/> 59.427.541	<hr/> 26.593.749
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh chênh lệch tạm thời	(177.952.130)	(137.655.061)
Ghi giảm thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận	35.745.812	-
	<hr/> (142.206.318)	<hr/> (137.655.061)
Chi phí thuế thu nhập	<hr/> (82.778.777)	<hr/> (111.061.312)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021	2020
	Ngàn VND	Ngàn VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	277.586.361	95.035.040
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	41.637.954	14.255.256
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.963.248	7.124.171
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với thu nhập khác	(1.082.902)	6.768.712
Thu nhập không bị tính thuế	-	(259.616.241)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(191.568.784)	4.102.360
Ưu đãi thuế	(27.844.449)	-
Lỗi tính thuế được sử dụng	(24.856.632)	-
Dự phòng (thừa)/thiếu trong những năm trước	(298.751)	2.133.361
Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận phát sinh từ các chênh lệch tạm thời	80.525.727	114.171.069
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	35.745.812	-
	<hr/> (82.778.777)	<hr/> (111.061.312)

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Thuế suất áp dụng

Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp theo các quy định hiện hành như sau:

- MTC – một công ty con được hưởng các ưu đãi thuế áp dụng cho dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam; và
- HCS và các công ty con của HSC có trụ sở tại Đức, Canada, Trung Quốc.
 - Các công ty có trụ sở tại Đức có hình thức pháp lý là công ty cổ phần phải chịu mức thuế doanh nghiệp 15% cộng với khoản phụ thu thuế với mức 5,5% (phụ thu thuế đoàn kết cộng đồng – solidarity surcharge). Do đó, tổng thuế suất phải nộp là 15,825%. Các công ty này cũng phải nộp thuế Thương mại (Trade tax), bằng thuế suất cơ bản (uniform tax rate) 3,5 % (mức thuế cơ sở) nhân với mức thuế suất địa phương tùy thuộc vào vị trí của trụ sở công ty. Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng thuế suất và thuế mật dịch, trung bình xấp xỉ 30%;
 - H.C. Starck Jiangwu Tungsten Specialities (Ganzhou), Co., Ltd chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất có vốn đầu tư nước ngoài và thành lập tại Cám Châu, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc;
 - H.C. Starck Canada Inc. chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp Canada, xấp xỉ 25%.

(d) Các vấn đề thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng luật thuế tại một số quốc gia nơi Công ty và các công ty con hoạt động phụ thuộc vào việc diễn giải và có thể thay đổi theo thời gian. Số liệu quyết toán thuế có thể tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau. Các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Thực tế này có thể dẫn đến rủi ro về thuế cho Công ty và các công ty con. Ban lãnh đạo tin rằng, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản thuế phải nộp dựa trên cách diễn giải về luật thuế, bao gồm các quy định về chống chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Tuy nhiên, các cơ quan thuế có thẩm quyền có thể có những cách diễn giải luật khác nhau.

35. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất, trong năm Tập đoàn có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính và trong năm tài chính như sau.

(a) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tập đoàn có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn và các giao dịch đại lý tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“TCB”) theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ các khoản trái phiếu đã phát hành của Công ty trị giá 182.823 triệu VND (1/1/2021: 290.644 triệu VND).

12-C
TY
DU HA
P 110

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
Các nhà đầu tư			
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên ("TNTT")	Góp vốn Chi trả lợi nhuận phân phối	- -	533.731.531 141.314.094
Công ty TNHH MTV Tài nguyên Masan Thái Nguyên ("MRTN")	Góp vốn Chi trả lợi nhuận phân phối	- -	2.210.474.398 558.685.906
Công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan ("MSN")	Khoản vay nhận được Khoản vay đã trả Chi phí lãi vay Cho vay Nhận hoàn trả gốc vay Thu nhập lãi cho vay Chi phí tài chính đã trả	241.676.000 60.000.000 9.850.057 - 1.143.479.452 4.270.122 -	2.181.000.000 2.181.000.000 13.773.529 1.923.753.425 1.780.273.973 46.046.908 880.000.000
Công ty mẹ cấp trung			
Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials ("MHT")	Lợi nhuận được chia từ HĐHTKD Chi trả lợi nhuận được chia Số tiền yêu cầu công ty mẹ hoàn trả Số tiền công ty mẹ yêu cầu công ty con hoàn trả	279.984.084 274.989.256 20.010.660 23.531.814	308.512.188 308.512.188 - -
Công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Mua hàng hóa Mua dịch vụ	1.395.460 786.573	1.346.803 1.273.609
Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất			
TCB và các công ty con	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay Khoản vay nhận được Hoàn trả gốc vay Phí đã trả liên quan đến trái phiếu Mua chứng khoán kinh doanh Bán chứng khoán kinh doanh	82.884.527 1.621.482.534 1.393.426.927 - 194.755.460 195.548.150	80.269.263 1.900.979.224 1.777.789.296 75.400.000 - -
Cán bộ quản lý chủ chốt			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (**)	39.110.438	25.157.139

(*) Trái phiếu đã được niêm yết và bán rộng rãi cho các nhà đầu tư theo một thỏa thuận thu xếp giao dịch.

(**) Không có khoản phí quản lý nào được thanh toán cho các thành viên Hội đồng Thành viên cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

36. Nợ tiềm tàng

Như đã thuyết minh tại Thuyết minh 9(b), vào ngày 23 tháng 8 năm 2021, Bộ TNMT ban hành Quyết định số 1640/QĐ/BTNMT (“Quyết định 1640”) để phê duyệt TCQKTKS cho mỏ Núi Pháo, thay thế phê duyệt tạm thu TCQKTKS theo Quyết định 500 và Công văn 3724 mặc dù giá tính thuế áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty vẫn chưa được xác định. Khi ban hành Quyết định 1640, Bộ TNMT tiếp tục sử dụng giá tính thuế được áp dụng cho quặng vonfram (hàm lượng: $0,1\% < WO_3 < 0,3\%$) thay vì sử dụng giá tính thuế được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp. Vấn đề này đã được Công ty nêu ra trước đây. Giá tính TCQKTKS chính thức theo Quyết định 1640 là 1.831.085 VND/tấn trong khi Giá tính TCQKTKS tạm thu theo Quyết định 500 là 775.026 VND/tấn. Theo đó, số TCQKTKS bổ sung phải nộp thêm do chênh lệch về Giá tính TCQKTKS trong giai đoạn từ 2015 đến 2021 là 394,5 tỷ VND.

Sau khi Quyết định 1640 được ban hành, Công ty đã gửi nhiều công văn đến Thủ tướng Chính phủ và Bộ TNMT để đề xuất tạm hoãn thi hành thu bổ sung TCQKTKS theo Quyết định 1640 và yêu cầu xác định lại TCQKTKS áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của NPM.

Ngày 6 tháng 10 năm 2021, Công ty nhận được Thông báo nộp TCQKTKS từ Cục thuế tỉnh Thái Nguyên căn cứ theo Quyết định 1640. Ngày 8 tháng 12 năm 2021, Cục thuế tỉnh Thái Nguyên ban hành Công văn số 4883/CTTNG-QLN yêu cầu Công ty nộp bổ sung 125,8 tỷ VND TCQKTKS cho giai đoạn 2018 đến 2021 và 4,1 tỷ VND tiền chậm nộp tương ứng.

Ban Giám đốc tin rằng Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản nợ phải trả về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2015 đến nay dựa trên diễn giải của NPM về quy định pháp luật liên quan, bao gồm các quy định về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và quy định về thuế tài nguyên. Do đó, Công ty đã gửi công văn lên cơ quan quản lý các cấp để nêu rõ vấn đề và xin giải quyết phù hợp cho việc xác định TCQKTKS của Công ty.

Trong năm 2021, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 978/VPCP-KTTH ngày 8 tháng 2 năm 2021 và Công văn số 5987/VPCP-KTTH ngày 28 tháng 8 năm 2021, vụ việc đang được Bộ Tài chính, Bộ TNMT, UBND tỉnh Thái Nguyên và Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên xem xét. Tại ngày báo cáo, Bộ TNMT và UBND tỉnh Thái Nguyên vẫn đang làm việc để xác định giá tính thuế tài nguyên cho sản phẩm công nghiệp của NPM.

Ban Giám đốc đánh giá rằng vì giá tính thuế tài nguyên cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được Bộ TNMT và UBND tỉnh Thái Nguyên xác định nên Giá tính TCQKTKS làm căn cứ xác định TCQKTKS theo Quyết định 1640 chưa phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Do đó, Công ty tin rằng khi giá tính thuế tài nguyên cho sản phẩm công nghiệp của Công ty được xác định, TCQKTKS chính thức của mỏ Núi Pháo cho giai đoạn từ 2015 trở đi sẽ được xác định, và thay thế giá như đã phê duyệt tại Quyết định 1640.

Kết quả cuối cùng hiện nay vẫn chưa có và phụ thuộc vào giá tính thuế tài nguyên cho sản phẩm công nghiệp của Công ty cuối cùng được xác định và Bộ TNMT đồng ý xác định lại TCQKTKS theo quy định tại Quyết định 1640 sử dụng Giá tính TCQKTKS áp dụng với sản phẩm công nghiệp của Công ty. Do đó, nghĩa vụ cho TCQKTKS bổ sung cho giai đoạn từ 2015 đến 2021 theo Quyết định 1640 chưa được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất. Vấn đề này cho thấy một yếu tố không chắc chắn có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính hợp nhất.

01001
CỔ
RÁCH NH
KPI
LIÊM

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

37. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc





BẢN SAO

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản
Núi Pháo

Báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

NGÀY: 16-09-2022

SỐ CHỨNG THỰC: 33719 QUYỀN SỐ: Q.1. SCT/BS



CÔNG CHỨNG VIÊN

Vũ Thị Thùy Trang

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 4600864513

ngày 5 tháng 7 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 11 tháng 1 năm 2022. Giấy Chứng nhận và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 4600864513 được cấp vào ngày 5 tháng 7 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số

17121000026

ngày 21 tháng 7 năm 2010

17121000026-điều chỉnh lần 1

ngày 23 tháng 2 năm 2011

17121000026-điều chỉnh lần 2

ngày 6 tháng 2 năm 2013

17121000026-điều chỉnh lần 3

ngày 23 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đầu tư và các bản điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư “Dự án Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo”. Dự án có thời gian hoạt động 30 năm kể từ ngày 3 tháng 2 năm 2004.

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Thiệu Nam

Chủ tịch

Ông Nguyễn Văn Thắng

Phó Chủ tịch

Ông Craig Richard Bradshaw

Thành viên

Ông Danny Le

Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw Tổng Giám đốc

Trụ sở đăng ký

Xóm 2, Xã Hà Thượng

Huyện Đại Từ

Tỉnh Thái Nguyên

Việt Nam

Văn phòng đại diện Hà Nội

106 Hoàng Quốc Việt

Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy

Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

TRẮC
1
M 7

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo ("Công ty") trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính riêng được trình bày từ trang 5 đến trang 48 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Công ty sẽ không thể tái cơ cấu nợ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính riêng đính kèm



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022



BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Nhà đầu tư
Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo ("Công ty") bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 28 tháng 3 năm 2022, được trình bày từ trang 5 đến trang 48.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

TY
HỮU HẠ
G
T.P.V



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi không đưa ra ý kiến ngoại trừ nhưng lưu ý người đọc tới Thuyết minh 7(b) và Thuyết minh 35 của báo cáo tài chính riêng đề cập đến việc trong năm 2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường ("BTNMT") đã ban hành Quyết định số 1640/QĐ/BTNMT ("Quyết định 1640") xác định mức giá được sử dụng để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ("Giá tính TCQKTKS") và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản ("TCQKTKS") của mỏ Núi Pháo thay thế TCQKTKS tạm tính trong các quyết định trước đây mặc dù tại thời điểm ban hành Quyết định này giá tính thuế áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa có. Giá tính TCQKTKS theo Quyết định 1640 là 1.831.085 VND/tấn trong khi Giá tính TCQKTKS tạm thu theo quyết định trước đây là 775.026 VND/tấn. Theo đó, TCQKTKS bổ sung do thay đổi về Giá tính TCQKTKS trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2021 là 394,5 tỷ VND. Hiện Ban Giám đốc Công ty đã đề nghị các cơ quan quản lý có thẩm quyền tạm hoãn thi hành Quyết định 1640 và xác định lại Giá tính TCQKTKS áp dụng với sản phẩm công nghiệp của Công ty. Kết quả cuối cùng của vấn đề này hiện chưa được xác định và có thể phụ thuộc vào việc BTNMT có chấp thuận sử dụng Giá tính TCQKTKS áp dụng với sản phẩm công nghiệp của Công ty để thực hiện tính toán lại TCQKTKS trong Quyết định 1640 hay không. Do đó, Công ty chưa thực hiện ghi nhận bất cứ nghĩa vụ nào liên quan đến TCQKTKS bổ sung trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2021 như đã nêu trong Quyết định 1640 trong báo cáo tài chính riêng. Vấn đề này cho thấy một yếu tố không chắc chắn có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng. Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề cần nhấn mạnh này.



Trần Anh Quân
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0306-2018-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 28 tháng 3 năm 2022

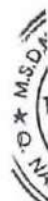
Phan Mỹ Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3064-2019-007-1

HH
KH

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.735.712.295	4.732.297.717
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	33.299.677	210.946.976
Tiền	111		33.299.677	210.946.976
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		7.400.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	12(b)	7.400.000	-
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.081.559.775	2.523.865.241
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	1.488.441.289	446.847.537
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		47.250.170	79.573.952
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	6	17.000.000	1.474.479.452
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	528.868.316	522.964.300
Hàng tồn kho	140	8	2.246.082.881	1.702.545.245
Hàng tồn kho	141		2.246.082.881	1.702.545.245
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		367.369.962	294.940.255
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		38.073.042	46.443.453
Thuê giá trị gia tăng được khấu trừ	152		329.296.920	248.496.802


 M.S.D.A.
 NA

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		20.124.172.843	20.142.194.091
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.300.955.017	1.296.265.451
Phải thu dài hạn khác	216	7	1.300.955.017	1.296.265.451
Tài sản cố định	220		10.893.898.756	11.254.801.114
Tài sản cố định hữu hình	221	9	10.323.038.940	10.832.571.132
<i>Nguyên giá</i>	222		16.273.755.287	16.055.307.573
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(5.950.716.347)	(5.222.736.441)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		67.300.000	67.300.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(67.300.000)	(67.300.000)
Tài sản cố định vô hình	227	10	570.859.816	422.229.982
<i>Nguyên giá</i>	228		900.463.898	692.462.354
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(329.604.082)	(270.232.372)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.010.929.090	1.249.744.128
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.010.929.090	1.249.744.128
Đầu tư tài chính dài hạn	250	12	3.458.093.500	3.465.493.500
Đầu tư vào công ty con	251		3.458.093.500	3.458.093.500
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	7.400.000
Tài sản dài hạn khác	260		3.460.296.480	2.875.889.898
Chi phí trả trước dài hạn	261	13	3.460.296.480	2.875.889.898
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		24.859.885.138	24.874.491.808

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		14.169.983.479	13.942.254.292
Nợ ngắn hạn	310		5.233.113.161	5.218.296.035
Phải trả người bán ngắn hạn	311	15	942.056.298	252.444.328
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	11.728.594	750.219.587
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	13.405.779	12.113.243
Phải trả người lao động	314		110.932	10.166
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	779.043.160	649.998.114
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	72.775.136	1.331.944.397
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	20(a)	3.413.993.262	2.221.566.200
Nợ dài hạn	330		8.936.870.318	8.723.958.257
Phải trả dài hạn khác	337	19	2.000.000.000	1.000.000.000
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	20(b)	6.261.141.910	7.229.909.187
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	14	33.910.034	-
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	641.818.374	494.049.070
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		10.689.901.659	10.932.237.516
Vốn chủ sở hữu	410	22	10.689.901.659	10.932.237.516
Vốn góp	411	23	10.792.915.155	10.792.915.155
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		(103.013.496)	139.322.361
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		139.322.361	879.042.469
- Lỗ năm nay	421b		(242.335.857)	(739.720.108)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		24.859.885.138	24.874.491.808

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

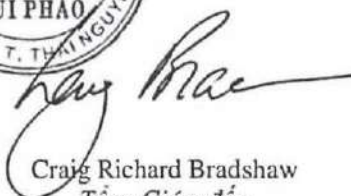
Người soát xét:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính



Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.986.671.131	4.202.777.184
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		146.159.446	60.813.995
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	3.840.511.685	4.141.963.189
Giá vốn hàng bán	11		2.844.854.750	3.960.014.358
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		995.656.935	181.948.831
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	62.997.978	550.359.359
Chi phí tài chính	22	27	1.061.968.274	1.270.412.627
Chi phí bán hàng	25	28	134.999.218	110.892.578
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	29	156.975.858	57.506.511
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		(295.288.437)	(706.503.526)
Thu nhập khác	31	30	306.986.607	239.050.839
Chi phí khác	32	31	220.123.993	270.134.060
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		86.862.614	(31.083.221)
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(208.425.823)	(737.586.747)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	32	-	2.133.361
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	33.910.034	-
Lỗ sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60		(242.335.857)	(739.720.108)

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập:



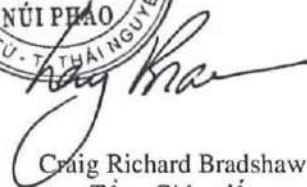
Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

duyet:

Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lỗ trước thuế	01	(208.425.823)	(737.586.747)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	787.351.616	960.085.060
Các khoản dự phòng	03	16.630.562	38.291.614
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(2.601.834)	1.563.005
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(26.718.500)	(43.825.694)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06	1.016.524.125	1.094.381.233
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.582.760.146	1.312.908.471
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(1.115.458.920)	(374.871.865)
Biến động hàng tồn kho	10	(543.537.636)	557.022.521
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	67.603.308	(538.463.726)
Biến động chi phí trả trước	12	32.190.431	(176.838.278)
		23.557.329	779.757.123
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay đã trả	14	(1.206.881.123)	(1.432.831.390)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả	15	-	(130.139.941)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(1.183.323.794)	(783.214.208)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(700.227.610)	(975.817.697)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	-	481.818
Gửi tiền gửi có kỳ hạn và tiền chi cho vay	23	(239.000.000)	(2.262.153.425)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và thu hồi cho vay đối với các bên khác	24	1.696.479.452	1.786.173.973
Mua công ty con (đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua) và chi đầu tư góp vốn vào một công ty con và tiền chi mua lại phần vốn góp của cổ đông không kiểm soát	25	-	(1.988.490.000)
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	71.803.038	250.009.396
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	829.054.880	(3.189.795.935)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

NHÀ MÁY

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	2.744.205.929
Tiền vay và trái phiếu nhận được	33	3.179.144.608	8.992.107.478
Tiền chi trả nợ gốc vay và trái phiếu	34	(2.979.567.132)	(8.331.573.826)
Tiền chi trả chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu	34	(22.746.393)	(144.430.313)
Tiền trả cổ tức	36	-	(700.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	176.831.083	2.560.309.268
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(177.437.831)	(1.412.700.875)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	210.946.976	1.625.602.004
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(209.468)	(1.954.153)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	33.299.677	210.946.976


Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập:



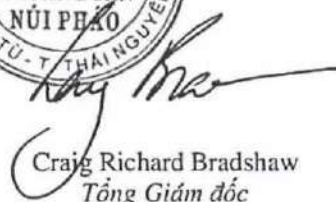
Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính

Người duyệt:

Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Đ. M.S.D.

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“Công ty” hoặc “NPM”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác và chế biến vonfram, fluorspar, bismuth và đồng tại xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để xuất khẩu và bán tại thị trường nội địa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có 1.158 nhân viên (1/1/2021: 1.096 nhân viên).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VND”), trừ khi được trình bày khác.

TH
C
RÁC
1
/ 12

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và bán chuyển khoản đối với nợ phải trả của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

III
13
NG
HỆ
PN
—
—

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mỏ, các tài sản được kết chuyển vào “nhà cửa, vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Trường hợp tài sản cố định hữu hình tự xây dựng được hoàn thành và được đưa vào sử dụng nhưng chi phí chưa được quyết toán thì Công ty hạch toán nguyên giá của tài sản cố định hữu hình theo giá tạm tính và nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh sau khi chi phí quyết toán được phê duyệt.

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ.

(ii) Khấu hao

Máy móc và thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản

Máy móc và thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động khai thác khoáng sản được khấu hao theo phương pháp khối lượng sản phẩm xác định bằng ước tính trừ lượng khoáng sản của mỏ. Trừ lượng khoáng sản của mỏ là sản lượng quặng ước tính có thể được khai thác hợp pháp và thu được lợi ích kinh tế từ tài sản khai thác khoáng sản của Công ty.

11/12/2021
T.P.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Máy móc và thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất

Máy móc, thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến khoáng sản được khấu hao theo phương pháp khối lượng sản phẩm với căn cứ khấu hao được tính toán theo trữ lượng khoáng sản đã được chứng minh và tương đối chắc chắn sẽ thu được và một phần tài nguyên dự kiến sẽ được chuyển thành trữ lượng.

Kể từ ngày 1 tháng 1 năm 2021, Công ty cập nhật ước tính về trữ lượng và tài nguyên khoáng sản dựa trên (i) kết quả đánh giá kỹ thuật của chuyên gia khai mỏ về trữ lượng khoáng sản trong khu vực Dự án Núi Pháo, (ii) phần tài nguyên khoáng sản dự kiến chuyển đổi thành trữ lượng và (iii) tài nguyên khoáng sản khác có thể được tái chế từ hồ chứa đuôi quặng oxit (“OTC”) của Công ty. Những số liệu ước tính cập nhật này phản ánh sản lượng quặng có thể được khai thác hợp pháp và thu được lợi ích kinh tế từ tài sản khai thác khoáng sản của Công ty.

Chi tiết thay đổi về số lượng quặng tương đương còn lại làm cơ sở tính khấu hao tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 như sau:

	Giá trị tăng lên tính theo tấn quặng
Máy móc, thiết bị liên quan đến hoạt động chế biến khoáng sản	6.422.588
Máy móc, thiết bị liên quan đến hoạt động chế biến khoáng sản và sẽ được sử dụng cho dự án tái xử lý tại hồ chứa đuôi quặng oxit	21.742.588

Ảnh hưởng của những thay đổi này là làm giảm 155 tỷ VND chi phí khấu hao trong năm hiện hành.

Các tài sản khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 22 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 25 năm
▪ các tài sản khai thác khoáng sản khác	26 năm

Trong trường hợp xây dựng cơ bản được hoàn thành và đưa vào sử dụng trước khi chi phí xây dựng được quyết toán thì nguyên giá tài sản được xác định theo nguyên giá tạm tính. Khi chi phí xây dựng tài sản cố định được quyết toán và phê duyệt, Công ty điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định theo giá trị đã quyết toán và không điều chỉnh lại giá trị hao mòn lũy kế. Chi phí khấu hao sau thời điểm quyết toán được xác định bằng giá trị quyết toán đã được phê duyệt trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế được trích đến thời điểm phê duyệt quyết toán tài sản chia (÷) cho thời gian khấu hao còn lại của tài sản cố định theo các quy định hiện hành.

Trong năm hiện tại, do thay đổi trong ước tính dựa trên đánh giá trữ lượng khoáng sản mới nhất và dự án tái xử lý tại hồ chứa đuôi quặng oxit tại Thuyết minh 3(g)(ii) *Máy móc, thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến khoáng sản* trên đây, Công ty đã điều chỉnh thời gian hữu dụng ước tính của một số nhóm tài sản. Ảnh hưởng của những thay đổi này là làm giảm 26 tỷ VND chi phí khấu hao trong năm hiện hành.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thời gian sử dụng hữu ích ước tính được điều chỉnh như sau:

	2021	2020
▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 - 27 năm	5 - 20 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 - 22 năm	3 - 20 năm
▪ các tài sản khai thác khoáng sản khác	26 năm	19 năm

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính được mua mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được mua mới được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

(ii) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định số 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 (“Nghị định 67”) có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2019, thay thế Nghị định 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản đã được chứng minh và tương đối chắc chắn sẽ thu được và một phần tài nguyên dự kiến sẽ được chuyển thành trữ lượng.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, giá trị của trữ lượng khai thác khoáng sản, trữ lượng địa chất khoáng sản và các chi phí phát triển mỏ liên quan. Các tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khai thác khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Các tài sản này được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán sản phẩm sản xuất thứ trong giai đoạn phát triển mỏ. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là “nhà cửa và vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” hoặc vào chi phí trả trước dài hạn là “chi phí khai thác khoáng sản khác”.

Công ty không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt và chạy thử để đưa tài sản vào sử dụng.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo các quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 35 đến 50 năm.

10 * MISA

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm tiền thuê đất trả trước, chi phí bồi thường, tái định cư và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất.

(iii) Chi phí khai thác khoáng sản khác

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần 'Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ').

Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời mỏ của các thành phần đã xác định được của thân quặng.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời mỏ của các thành phần đã xác định được của thân quặng. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống dựa trên trữ lượng khoáng sản và tài nguyên khoáng sản dự kiến sẽ chuyển thành trữ lượng khoáng sản của các thành phần khoáng sản liên quan. Trong năm, Công ty đã cập nhật ước tính trữ lượng và tài nguyên khoáng sản làm cơ sở tính toán và khấu hao chi phí triển khai và chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất. Ước tính mới được dựa trên kết quả đánh giá kỹ thuật của chuyên gia khai mỏ về trữ lượng khoáng sản trong khu vực dự án Núi Pháo và phân tài nguyên dự kiến chuyển đổi thành trữ lượng như được trình bày tại Thuyết minh 3(f)(ii). Ảnh hưởng của chi phí phân bổ trong năm hiện tại là làm giảm 9 tỷ VND chi phí phân bổ.

11/01/2022

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Chi phí phát sinh để có được hợp đồng

Các chi phí phát sinh để có được hợp đồng là các chi phí để Công ty có được hợp đồng với khách hàng mà chi phí này sẽ không phát sinh nếu Công ty không có được hợp đồng đó. Công ty vốn hóa các chi phí phát sinh để có được hợp đồng nếu các chi phí đó thỏa mãn các điều kiện sau:

- Chi các chi phí tăng thêm do có được hợp đồng mới được vốn hóa;
- Chi phí đó phải thu hồi được.

Tài sản đã ghi nhận được khấu hao theo phương pháp mang tính hệ thống và phù hợp với việc chuyển giao hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng mà tài sản đó có liên quan.

(v) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

(j) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác thể hiện theo giá gốc.

(k) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HĐHTKD) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Công ty hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong hợp đồng. Trường hợp Công ty nhận vốn góp dưới hình thức tài sản tài chính từ các bên khác và do đó tiếp nhận một nghĩa vụ hợp đồng – phải chi trả tiền hoặc tài sản tài chính khác cho các bên khác theo HĐHTKD, Công ty sẽ ghi nhận nợ phải trả tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận cho các bên khác của HĐHTKD có bản chất là chi phí tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là chi phí tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là chi phí khi khả năng phải phân chia các khoản này là chắc chắn.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

121
G
EM
IV
IEN

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(i) Quyền khai thác khoáng sản

Theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản. Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trong đó giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên, là Nghị định 67, tại thời điểm xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản một cách chính thức.

Giá tính thuế tài nguyên là giá áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty, do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh xác định. Phương pháp quy đổi được dựa vào các thông số khác nhau của hệ số quy đổi theo hướng dẫn tại Nghị định 67.

(ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Công ty làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường (“BTNMT”) và các chính sách môi trường của Công ty theo Báo cáo Tác động Môi trường.

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại mỗi thời điểm báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản nếu nghĩa vụ về đóng cửa và phục hồi môi trường là không thể tránh khỏi đối với việc xây dựng tài sản. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

JHA
T.P

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

(m) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu có lãi suất cố định được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(n) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ phạm vi liên quan đến khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(p) Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 tới 180 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên kết quả khảo nghiệm hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi kết quả khảo nghiệm của khách hàng nằm trong phạm vi sai số đã được quy định tại hợp đồng bán sản phẩm, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất được các bên chấp thuận.

(q) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo cơ sở dồn tích.

Thu nhập từ lợi nhuận được chia từ công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được xác lập. Lợi nhuận nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(ii) *Chi phí hoạt động tài chính*

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

(r) Thuê tài sản

(i) *Tài sản thuê*

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

TRÁI
M.T.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(f)(ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

1204
NG T
KIỂM H
M
EM -

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2021	1/1/2021
	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền mặt	197.262	226.280
Tiền gửi ngân hàng	33.102.415	210.720.696
	<hr/>	<hr/>
	33.299.677	210.946.976

5. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2021	1/1/2021
	Nghìn VND	Nghìn VND
<i>Các công ty liên quan</i>		
Công ty TNHH Vonfram Masan ("MTC") – công ty con	584.097.003	179.851.328
H.C. Starck Tungsten GmbH – công ty con	398.005.984	67.174.120
<i>Các bên khác</i>		
Khách hàng mua Fluorspar	217.890.096	102.016.555
Khách hàng mua Đồng	112.652.650	74.769.087
Khách hàng mua Bismuth	174.109.673	23.036.447
Các khách hàng khác	1.685.883	-
	<hr/>	<hr/>
	1.488.441.289	446.847.537

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và thu được khi có yêu cầu.

6. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2021	1/1/2021
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan		
MTC – công ty con	17.000.000	331.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan ("MSN") – công ty mẹ cấp cao nhất	-	1.143.479.452
	<hr/>	<hr/>
	17.000.000	1.474.479.452

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan là khoản phải thu không được đảm bảo, phải thu trong vòng 12 tháng kể từ mỗi lần giải ngân và hưởng lãi theo các mức lãi suất được thỏa thuận trong các hợp đồng tại ngày giao dịch.

7. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) – công ty mẹ cấp cao nhất		
Tiền lãi phải thu	-	18.793.927
Phải thu từ Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“MHT”) – công ty mẹ cấp trung		
Phải thu phi thương mại (a)	10.294.685	10.294.685
Chi phí phát triển hệ thống ERP	22.011.726	-
Phải thu từ MTC – công ty con		
Phải thu phi thương mại (a)	92.342.140	100.725.486
Phải thu về lợi nhuận được chia	-	27.112.368
Chuyển chi phí đầu tư	-	123.774.798
Tiền lãi phải thu	599.611	276.553
Phải thu ngắn hạn khác	693.000	693.000
Phải thu khác từ các bên khác		
Phải thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (b)	241.979.433	239.835.807
Bồi thường bảo hiểm (c)	74.794.500	-
Tiền lãi phải thu	893.017	394.318
Phải thu ngắn hạn khác	85.260.204	1.063.358
	528.868.316	522.964.300
Phải thu dài hạn khác		
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND tỉnh Thái Nguyên (d)	1.230.754.171	1.234.392.503
Nộp tiền ký quỹ cho Quỹ Bảo vệ Môi trường (e)	69.638.018	61.310.120
Phải thu dài hạn khác	562.828	562.828
	1.300.955.017	1.296.265.451

- (a) Phải thu phi thương mại thể hiện khoản trả hộ MHT và MTC không có đảm bảo, phải thu theo thỏa thuận và không chịu lãi.
- (b) Khoản phải thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (“TCQKTKS”) thể hiện tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung của Công ty cho năm 2018 và 2019 và phí hành chính liên quan mà Công ty đã nộp cho cơ quan có thẩm quyền dựa trên tính toán tạm thời của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (“TCĐCKSVN”) theo Công văn số 3724/ĐCKS-KTĐCKS ngày 28 tháng 12 năm 2018 (“Công văn 3724”).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Công ty không đồng ý với khoản tiền bổ sung này và cơ sở của Công văn 3724 vì Ban Giám đốc Công ty cho rằng công văn này là không hợp lý và không theo đúng các quy định hiện hành, bởi vì:

- Giá được sử dụng để tính phí cấp quyền khai thác khoáng sản (hay tiền cấp quyền khai thác khoáng sản) (“Giá tính TCQKTKS”) được xác định dựa trên giá tính thuế tài nguyên. Theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 2 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về Thuế tài nguyên, nếu doanh nghiệp khai thác tài nguyên không bán ra mà phải qua chế biến, sản xuất, giá tài nguyên sẽ không bao gồm chi phí chế biến với điều kiện là giá đó phải nằm trong bảng giá tính thuế do Ủy ban Nhân dân Tỉnh quy định. Sản phẩm của Công ty là sản phẩm công nghiệp mà giá để tính thuế tài nguyên được xác định theo giá cao hơn giữa giá bán trừ (-) chi phí chế biến và giá tính thuế do Ủy ban Nhân dân Tỉnh quy định. TCĐCKSVN đã không sử dụng giá tính thuế được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp mà sử dụng giá tính thuế áp dụng cho quặng vonfram (hàm lượng: $0,1\% < WO_3 < 0,3\%$).

Công ty đã thanh toán TCQKTKS theo Quyết định số 500/QĐ-BTNMT (“Quyết định 500”) do Bộ Tài Nguyên và Môi trường (“BTNMT”) ban hành ngày 4 tháng 5 năm 2015, sử dụng giá ước tính để tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm công nghiệp.

Công ty cũng đã gửi công văn lên cơ quan quản lý các cấp để nêu rõ vấn đề và xin giải quyết phù hợp về TCQKTKS của Công ty. Năm 2021, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 978/VPCP-KTTH ngày 8 tháng 2 năm 2021 và công văn số 5987/VPCP-KTTH ngày 28 tháng 8 năm 2021, vụ việc đang được Bộ Tài chính, BTNMT, UBND tỉnh Thái Nguyên và Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên xem xét và báo cáo lên Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Kinh tế của Quốc hội. Tại ngày báo cáo, BTNMT và UBND tỉnh Thái Nguyên đang làm việc để xác định giá tính thuế tài nguyên cho sản phẩm công nghiệp của NPM.

Vào ngày 23 tháng 8 năm 2021, BTNMT ban hành Quyết định số 1640/QĐ/BTNMT (“Quyết định 1640”) để phê duyệt TCQKTKS chính thức cho mỏ Núi Pháo, thay thế phê duyệt tạm thu TCQKTKS theo Quyết định 500 và Công văn 3724 mặc dù giá tính thuế tài nguyên cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được xác định. Khi ban hành Quyết định 1640, Bộ TNMT tiếp tục sử dụng giá tính thuế áp dụng cho quặng vonfram (hàm lượng: $0,1\% < WO_3 < 0,3\%$) thay vì sử dụng giá tính thuế được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp. Vấn đề này đã được Công ty nêu ra trước đây. Theo Điều 3 Điều 15 Nghị định 67, đối với những trường hợp đang tạm thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khi giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đang có hiệu lực và đúng quy định về giá khoáng sản nguyên khai để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thì được áp dụng chính thức, thay thế giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tạm thu trước đây. Ban Giám đốc đánh giá rằng do giá tính thuế áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được BTNMT và UBND tỉnh Thái Nguyên xác định, Giá tính TCQKTKS làm cơ sở để tính TCQKTKS theo Quyết định 1640 chưa phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Do đó, sau khi Quyết định 1640 được ban hành, Công ty đã gửi nhiều công văn đến Thủ tướng Chính phủ và BTNMT để đề xuất tạm hoãn thi hành thu bổ sung TCQKTKS theo Quyết định 1640 và yêu cầu xác định lại TCQKTKS.

Ban Giám đốc cho rằng bằng việc áp dụng giá dựa trên Quyết định 500 Công ty đã trích lập đầy đủ dự phòng cho các khoản nợ phải trả đối với TCQKTKS dựa trên diễn giải của Công ty về quy định pháp luật liên quan, bao gồm các quy định về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các quy định về thuế tài nguyên. Do đó, Công ty đã kế toán khoản TCQKTKS nộp bổ sung trong năm 2019 là khoản phải thu khác và không ghi nhận khoản TCQKTKS nộp bổ sung theo Quyết định 1640 là nợ phải trả. Ban giám đốc tin rằng khoản phải thu này sẽ được thu hồi khi giá tính thuế tài nguyên cho sản phẩm công nghiệp của Công ty được xác định.

10/1
CT
RACH
1
10/1

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (c) Đây là khoản bồi thường bảo hiểm ước tính phải thu từ các công ty bảo hiểm cho tổn thất do mất lợi nhuận phát sinh từ việc gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 10 năm 2021. Cho đến ngày báo cáo, các công ty bảo hiểm đã chấp nhận yêu cầu bồi thường bảo hiểm của Công ty và đang làm việc với chuyên viên giám định tổn thất độc lập để xác định số tiền bồi thường.
- (d) Khoản này thể hiện khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với tiền thuế đất hàng năm trong các năm sau này.
- (e) Công ty phải ký quỹ cho nghĩa vụ đóng cửa mỏ và nghĩa vụ phục hồi môi trường cho Quỹ Bảo vệ Môi trường. Theo Quyết định 1536/QĐ-BTNMT do BTNMT ban hành ngày 20 tháng 6 năm 2019, kế hoạch phục hồi mỏ đòi hỏi phải tăng khoản ký quỹ lên 123.460 triệu VND. Cũng tại ngày này, khoản ký quỹ còn lại là 87.692 triệu VND được phê duyệt cho trả góp hàng năm trong vòng 10 năm kể từ năm 2019. Đối với các lần ký quỹ trong tương lai, tiền ký quỹ trả góp sẽ bao gồm yếu tố trượt giá căn cứ vào chỉ số giá tiêu dùng hàng năm theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2021		1/1/2021	
	Giá gốc Nghìn VND	Dự phòng Nghìn VND	Giá gốc Nghìn VND	Dự phòng Nghìn VND
Hàng mua đang đi trên đường	66.972.063	-	40.134.818	-
Nguyên vật liệu	71.656.074	-	100.464.760	-
Công cụ và dụng cụ	486.920.047	-	443.698.749	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	10.658.715	-	8.376.126	-
Thành phẩm	1.609.875.982	-	1.109.870.792	-
	2.246.082.881	-	1.702.545.245	-

II
 IG
 HỀ
 PI
 LIỀ
 II

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính Nghìn VND	Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	104.091.536	588.370.818	692.462.354
Tăng trong năm	-	204.284.393	204.284.393
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	3.717.151	-	3.717.151
Số dư cuối năm	107.808.687	792.655.211	900.463.898
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	81.561.685	188.670.687	270.232.372
Khấu hao trong năm	12.307.980	47.063.730	59.371.710
Số dư cuối năm	93.869.665	235.734.417	329.604.082
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	22.529.851	399.700.131	422.229.982
Số dư cuối năm	13.939.022	556.920.794	570.859.816

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty có các tài sản với nguyên giá 12.384 tỷ VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 (1/1/2021: 12.384 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, tài sản cố định vô hình của Công ty có giá trị còn lại là 571 tỷ VND được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành bởi Công ty (1/1/2021: 422 tỷ VND) (Thuyết minh 20(b)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
Số dư đầu năm	1.249.744.128	1.612.028.741
Tăng trong năm	643.416.315	426.561.891
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(218.447.714)	(779.911.699)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 10)	(3.717.151)	-
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 13)	(539.365.635)	(8.934.805)
Chuyển sang phải thu dài hạn khác	(120.700.853)	-
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.010.929.090	1.249.744.128

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang của Công ty trị giá là 29 tỷ VND (2020: 34 tỷ VND).

Tại ngày báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang của Công ty chủ yếu phản ánh chi phí đền bù đất, chi phí phát triển mỏ và nhà máy và chi phí xây dựng nhà máy được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty (Thuyết minh 20(b)). Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Đền bù đất	337.970.015	774.195.509
Giải phóng mặt bằng, di dời cơ sở hạ tầng và các chi phí khác	194.478.207	209.074.215
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	477.823.887	150.824.221
Các đập chứa đuôi quặng	-	25.287
Các tài sản khác	656.981	115.624.896
	<hr/>	<hr/>
	1.010.929.090	1.249.744.128

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư vào công ty con

	31/12/2021	1/1/2021
	Ngàn VND	Ngàn VND
Đầu tư vào công ty con		
Đầu tư vào MTC (*)	3.458.093.500	3.458.093.500

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá gốc.

(b) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2021	1/1/2021
	Ngàn VND	Ngàn VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	7.400.000	-
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – dài hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	-	7.400.000

M.S.C

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước và chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND	Chi phí khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Chi phí tăng thêm để có được hợp đồng (*) Nghìn VND	Chi phí trả trước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	948.324.935	1.592.541.169	181.973.835	153.049.959	2.875.889.898
Tăng trong năm	-	205.410.233	-	65.582.869	270.993.102
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	433.138.222	-	-	106.227.413	539.365.635
Chuyển từ phải thu dài hạn	77.591.432	-	-	-	77.591.432
Phân bổ trong năm	(79.827.648)	(131.643.519)	(24.941.561)	(67.130.859)	(303.543.587)
Số dư cuối năm	1.379.226.941	1.666.307.883	157.032.274	257.729.382	3.460.296.480

(*) Tháng 9 năm 2020, Công ty phát sinh chi phí chấm dứt hợp đồng bao tiêu dài hạn với một khách hàng hiện hữu để có được một hợp đồng thuận lợi hơn với một khách hàng mới. Chi phí này là chi phí phát sinh để có được hợp đồng, do đó được vốn hóa và phân bổ theo phương pháp mang tính hệ thống và phù hợp với việc chuyển giao hàng hóa theo hợp đồng mới này.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
<i>Thuế thu nhập hoãn lại phải trả</i>			
Chênh lệch tạm thời từ khấu hao	7,5%-20%	26.775.596	-
Chênh lệch tạm thời từ trả trước dài hạn	7,5%-20%	22.416.520	-
Chênh lệch tạm thời các giao dịch bán hàng đã xuất hóa đơn mà chưa giao hàng	7,5%	8.394.854	-
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	7,5%	367.343	-
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	7,5%-20%	(18.288.974)	-
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	7,5%	(5.755.305)	-
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		33.910.034	-

15. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ 31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
<i>Công ty liên quan</i>		
MTC – công ty con	602.693.350	15.018.153
<i>Các bên khác</i>		
Nhà thầu khai thác mỏ	79.113.396	31.387.485
Nhà thầu xây dựng đập chứa đuôi quặng	-	10.899.312
Các nhà cung cấp khác	260.249.552	195.139.378
	942.056.298	252.444.328

Khoản phải trả thương mại cho công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu của công ty liên quan.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Người mua trả tiền trước ngắn hạn chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
<i>Các bên khác</i>		
Khách hàng mua Bismuth	10.884.532	103.650.397
Khách hàng mua Fluorspar	-	645.340.981
Các khách hàng khác	844.062	1.228.209
	<u>11.728.594</u>	<u>750.219.587</u>

Khoản khách hàng trả tiền trước cho giao dịch bán Fluorspar và Bismuth được căn trừ hàng tháng thông qua các lần giao hàng sau đó. Khoản trả tiền trước của khách hàng mua fluorspar chịu phí trả trước theo điều khoản thỏa thuận và được công ty mẹ cấp trung và cấp cao nhất bảo lãnh.

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2021 Nghìn VND	Số phải nộp trong năm Nghìn VND	Số đã nộp/bù trừ trong năm Nghìn VND	31/12/2021 Nghìn VND
Thuế giá trị gia tăng	-	288.299.052	(288.299.052)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	201.185.402	(201.185.402)	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	63.532.212	(63.532.212)	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.712.218	98.248.493	(97.884.495)	9.076.216
Thuế tài nguyên	-	282.373.179	(282.373.179)	-
Các loại thuế khác	3.401.025	14.707.908	(13.779.370)	4.329.563
	<u>12.113.243</u>	<u>948.346.246</u>	<u>(947.053.710)</u>	<u>13.405.779</u>

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Chi phí hoạt động	349.178.144	419.644.211
Tiền lãi vay phải trả	161.544.528	180.432.825
Thuế và phí tài nguyên	159.686.751	25.766.750
Tiền thưởng	103.800.798	12.658.437
Chi phí xây dựng phải trả	3.913.610	10.576.562
Các chi phí tài chính khác	919.329	919.329
	<u>779.043.160</u>	<u>649.998.114</u>

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác bao gồm các khoản sau:

	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Ngắn hạn		
Phải trả MSN – công ty mẹ cấp cao nhất		
Chi phí tài chính – ngắn hạn (a)	9.781.016	244.123.839
Phải trả MHT – công ty mẹ cấp trung		
Phần lợi nhuận được chia từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (b)	39.840.942	38.286.412
Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh	-	1.000.000.000
Phí phát hành trái phiếu	22.799.957	-
Các bên khác		
Phải trả khác – ngắn hạn	353.221	2.938.146
Phải trả do chấm dứt hợp đồng bao tiêu với khách hàng	-	46.596.000
	72.775.136	1.331.944.397
Dài hạn		
Phải trả MHT – công ty mẹ cấp trung		
Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (c)	2.000.000.000	1.000.000.000
	2.000.000.000	1.000.000.000

- (a) Theo thỏa thuận với MSN – công ty mẹ cấp cao nhất, các khoản này không được đảm bảo và không chịu lãi.
- (b) Phần lợi nhuận được chia từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh phải trả MHT không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả dựa trên thỏa thuận giữa các bên.
- (c) Các khoản này phản ánh khoản đóng góp của MHT theo các HĐHTKD ngày 21 tháng 9 năm 2018 và sửa đổi 5 lần sau đó, theo đó MHT sử dụng số tiền thu được từ phát hành trái phiếu trị giá lần lượt là 1.000 tỷ, 500 tỷ VND và 500 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với Công ty. Các HĐHTKD này có thời gian hợp tác lần lượt là sáu mươi (60) tháng kể từ ngày thanh toán khoản đóng góp cuối cùng. Việc hoàn trả toàn bộ hoặc một phần số tiền đã góp vào HĐHTKD sẽ được hai bên thỏa thuận trước khi kết thúc thời hạn hợp tác. Theo đó, cả hai bên đã nhất trí rằng lịch trả nợ ban đầu của khoản đóng góp đầu tiên 1.000 tỷ VND vào tháng 9 năm 2021 và sau đó được điều chỉnh thành khi kết thúc thời hạn hợp tác.

Khai thác

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay và trái phiếu phát hành

(a) Vay và trái phiếu phát hành

	1/1/2021		Biến động trong năm			31/12/2021
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Tăng Nghìn VND	Thanh toán Nghìn VND	Phân bổ phí phát hành trái phiếu Nghìn VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện Nghìn VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ Nghìn VND
Vay ngắn hạn	2.221.566.200	3.179.144.607	(2.979.428.503)	-	(5.751.829)	2.415.530.475
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20(b))	-	997.132.592	-	1.330.194	-	998.462.787
	2.221.566.200	3.179.144.607	(2.979.428.503)	1.330.194	(5.751.829)	3.413.993.262

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i)	USD	349.968.164	1.135.396.849
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (i)	VND	908.780.000	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (ii)	VND	966.211.032	895.817.351
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo	VND	-	190.352.000
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (iii)	VND	8.895.279	-
Khoản vay bên liên quan được đảm bảo (iv)	VND	181.676.000	-
		2.415.530.475	2.221.566.200

- (i) Khoản vay bằng USD và VND từ một bên liên quan chịu lãi suất lần lượt từ 3,34% đến 4,46% một năm và 4,1% một năm cộng lãi suất bổ sung dựa trên mức tỷ giá hối đoái theo thỏa thuận giữa Công ty và ngân hàng (1/1/2021: 3,45% - 4,93% và 8,70% - 9,25%). Khoản vay được đảm bảo bằng một phần phải thu ngắn hạn của Công ty và 79 triệu cổ phiếu của công ty mẹ cấp trung.
- (ii) Khoản vay từ một ngân hàng trong nước được đảm bảo bằng hàng tồn kho và một phần phải thu ngắn hạn của Công ty. Các khoản vay giải ngân bằng VND chịu lãi suất lần lượt trong khoảng từ 6,2% đến 7,3% một năm (1/1/2021: 7,0% - 7,5%).
- (iii) Các khoản vay cụ thể bằng VND của Công ty chịu lãi suất từ 7,2% đến 7,25% một năm. Khoản vay được đảm bảo bằng 60 triệu cổ phiếu của công ty mẹ cấp trung.
- (iv) Khoản vay từ MSN – công ty mẹ cấp cao nhất. Khoản vay này không có tài sản đảm bảo, phải thu trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân với lãi suất được thỏa thuận trong hợp đồng vay tại ngày giao dịch.

(b) Trái phiếu phát hành dài hạn

	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn	7.259.604.697	7.229.909.187
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 20(a))	(998.462.787)	-
	6.261.141.910	7.229.909.187

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	Năm đáo hạn	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (a)	VND	2023	498.669.652	497.829.434
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (b)	VND	2024	498.030.696	497.186.709
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (c)	VND	2022	299.718.671	298.874.684
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (d)	VND	2022	199.765.559	199.202.900
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (e)	VND	2022	99.795.510	99.488.774
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (f)	VND	2022	189.611.468	189.028.670
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (g)	VND	2022	209.571.578	209.000.349
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (h)	VND	2023	992.000.000	1.577.600.000
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (i)	VND	2023	1.587.200.000	986.000.000
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (j)	VND	2023	693.700.000	689.638.629
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (k)	VND	2023	996.000.000	993.333.333
Phát hành trái phiếu có bảo đảm (l)	VND	2023	995.541.563	992.725.705
			7.259.604.697	7.229.909.187

- (a) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,25%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 51,6 triệu cổ phiếu của công ty mẹ cấp trung.
- (b) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 5 năm và chịu lãi suất 10,2% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,3%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 55,6 triệu cổ phiếu của công ty mẹ cấp trung.
- (c) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 31,2 triệu cổ phiếu của công ty mẹ cấp trung.
- (d) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 20,8 triệu cổ phiếu của công ty mẹ cấp trung.
- (e) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 10,7 triệu cổ phiếu của công ty mẹ cấp trung.

204:
 NG 1
 NIỆM 1
 PM
 NIỆM

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (f) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng một phần tài sản dài hạn của Công ty (Thuyết minh 9, Thuyết minh 10 và Thuyết minh 11).
- (g) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 22,3 triệu cổ phiếu của công ty mẹ cấp trung.
- (h) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,2%. Trái phiếu được đảm bảo bởi Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”) – công ty mẹ cấp cao nhất, và một số tài sản dài hạn của Dự án Núi Pháo (Thuyết minh 9, Thuyết minh 10 và Thuyết minh 11).
- (i) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,2%. Trái phiếu được đảm bảo bởi MSN và một số tài sản dài hạn của Dự án Núi Pháo (Thuyết minh 9, Thuyết minh 10 và Thuyết minh 11).
- (j) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,2%. Trái phiếu được đảm bảo bởi MSN và một số tài sản dài hạn của Dự án Núi Pháo (Thuyết minh 9, Thuyết minh 10 và Thuyết minh 11).
- (k) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 107,9 triệu cổ phiếu của công ty mẹ cấp trung.
- (l) Số trái phiếu bằng VND do Công ty phát hành có kỳ hạn 3 năm và chịu lãi suất 10% trong 12 tháng đầu. Sau khi kết thúc 12 tháng đầu tiên, lãi suất được điều chỉnh mỗi sáu tháng và tính bằng trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng trả lãi sau của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng 3,1%. Trái phiếu được đảm bảo bằng 107,9 triệu cổ phiếu của công ty mẹ cấp trung.

Giá trị trái phiếu có đảm bảo này được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

Đại diện của các trái chủ trong tất cả các thuyết minh đã trình bày ở trên là Công ty Cổ phần Chứng khoán Kỹ thương – công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

21. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Khôi phục môi trường mỏ Nghìn VND	Quyền khai thác mỏ Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	103.800.497	390.248.573	494.049.070
Dự phòng lập trong năm	4.899.383	216.015.572	220.914.955
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(73.145.651)	(73.145.651)
Số dư cuối năm	108.699.880	533.118.494	641.818.374

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp Nghìn VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Nghìn VND	Tổng vốn chủ sở hữu Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2020	8.048.709.226	879.042.469	8.927.751.695
Vốn góp	2.744.205.929	-	2.744.205.929
Lỗ thuần trong năm	-	(739.720.108)	(739.720.108)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	10.792.915.155	139.322.361	10.932.237.516
Lỗ thuần trong năm	-	(242.335.857)	(242.335.857)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021	10.792.915.155	(103.013.496)	10.689.901.659

38

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn góp

Vốn pháp định được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Được duyệt và đã góp	
	31/12/2021	và 1/1/2021
	Nghìn VND	%
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”)	2.158.583.031	20%
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	8.634.332.124	80%
	10.792.915.155	100%

Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên và Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên đều được thành lập tại Việt Nam. Công ty mẹ cấp cao nhất, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, cũng được thành lập tại Việt Nam.

Biến động vốn điều lệ đã góp trong năm như sau:

	2021	2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Số dư đầu năm	10.792.915.155	8.048.709.226
Góp vốn bằng tiền mặt của TNTI	-	533.731.531
Góp vốn bằng tiền mặt của MRTN	-	2.210.474.398
Số dư cuối năm	10.792.915.155	10.792.915.155

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2021	1/1/2021
	Nghìn VND	Nghìn VND
Trong vòng một năm	11.961.622	16.366.622
Trong vòng hai đến năm năm	14.864.212	16.358.709
	26.825.834	32.725.331

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2021		1/1/2021	
	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND
USD	967.424	21.912.133	8.280.310	190.322.922

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Nợ khó đòi đã xử lý	16.216.387	23.456.986

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2021 Nghìn VND	1/1/2021 Nghìn VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	3.054.019.543	-
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	40.338.813	15.437.279
	3.094.358.356	15.437.279

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế xuất khẩu.

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	26.718.500	52.602.676
Lãi chênh lệch tỷ giá	36.279.478	91.283.683
Phí quyền chọn mua	-	406.473.000
	62.997.978	550.359.359

131
CÔ
H N
K
/21

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

27. Chi phí tài chính

	2021	2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Chi phí lãi vay	762.789.071	814.578.999
Chi phí tài chính cho HĐHTKD	188.143.785	204.566.817
Chi phí đi vay	65.591.268	75.235.417
Lỗ chênh lệch tỷ giá	11.272.316	86.256.745
Chi phí tài chính khác	34.171.834	89.774.649
	<hr/>	<hr/>
	1.061.968.274	1.270.412.627
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí bán hàng

	2021	2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Cước phí vận chuyển	92.961.028	86.420.420
Chi phí dịch vụ mua ngoài	31.019.532	19.697.022
Chi phí lương	3.865.208	3.517.901
Các khoản khác	7.153.450	1.257.235
	<hr/>	<hr/>
	134.999.218	110.892.578
	<hr/>	<hr/>

29. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2021	2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	28.457.267	3.829.979
Chi phí khấu hao	9.879.270	9.988.729
Chi phí lương	39.331.281	20.836.101
Các khoản khác	79.308.040	22.851.702
	<hr/>	<hr/>
	156.975.858	57.506.511
	<hr/>	<hr/>

42
 T'
 M H
 M
 EM

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Thu nhập khác

	2021	2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Thu nhập chi phí yêu cầu công ty con hoàn trả	152.371.155	123.047.967
Chi phí đầu tư chuyển giao cho công ty con	49.400.863	113.152.544
Lãi bán phế liệu	8.971.614	2.026.312
Thu nhập từ chi phí hoàn trả cho MHT	20.010.660	-
Thu nhập từ bồi thường bảo hiểm	74.794.500	-
Các khoản khác	1.437.815	824.016
	306.986.607	239.050.839

31. Chi phí khác

	2021	2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Chi phí liên quan đến các khoản yêu cầu công ty con hoàn trả	152.371.155	123.047.967
Chi phí đầu tư chuyển giao cho công ty con	49.400.863	113.152.544
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	-	8.776.981
Các khoản phạt thuế	-	9.779.526
Các khoản khác	18.351.975	15.377.042
	220.123.993	270.134.060

32. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2021	2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	2.133.361
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập chênh lệch tạm thời	33.910.034	-
	33.910.034	2.133.361

T.N.H. 2021

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2021	2020
	Nghìn VND	Nghìn VND
Lỗi kế toán trước thuế	(208.425.823)	(737.586.747)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	(31.263.873)	(110.638.012)
Chi phí không được khấu trừ thuế	4.894.209	7.032.970
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với thu nhập khác	(1.082.902)	6.768.712
Lỗi tính thuế được sử dụng	(19.845.586)	-
Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận phát sinh từ các chênh lệch tạm thời	81.208.186	96.836.330
Dự phòng thiếu trong những năm trước	-	2.133.361
	33.910.034	2.133.361

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản đối với các sản phẩm khoáng sản không phải vàng trong 12 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh (2014-2025) và thuế suất thuế thu nhập thông thường theo Giấy chứng nhận Đầu tư và các quy định thuế hiện hành cho các năm sau. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2014-2016) và giảm 50% thuế thu nhập trong 8 năm tiếp theo (2017-2024). Tất cả các điều khoản miễn giảm thuế nêu trên sẽ không áp dụng với thu nhập khác và thu nhập khác sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

(d) Các vấn đề thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng luật thuế phụ thuộc vào việc diễn giải và có thể thay đổi theo thời gian. Số liệu quyết toán thuế có thể tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau. Các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Thực tế này có thể dẫn đến rủi ro về thuế cho Công ty. Ban lãnh đạo tin rằng, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản thuế phải nộp dựa trên cách diễn giải về luật thuế, bao gồm các quy định về chống chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Tuy nhiên, các cơ quan thuế có thẩm quyền có thể có những cách diễn giải luật khác nhau.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Các hợp đồng bao tiêu sản phẩm

(i) Thỏa thuận

Ngày 1 tháng 7 năm 2014, Công ty ký Hợp Đồng Cung Cấp Tinh Quặng Vonfram Cố Định (“Hợp đồng số 1”) với một công ty con – MTC (trước đây là Công ty TNHH Tinh Luyện Vonfram Núi Pháo – HC. Starck (“Núi Pháo – HC. Starck”), theo đó, Công ty cung cấp tinh quặng vonfram cho MTC với số lượng cam kết nhất định để tinh chế ra sản phẩm hóa chất vonfram như APT, BTO, YTO tại nhà máy tinh luyện vonfram của MTC.

Cùng ngày, Công ty ký Hợp Đồng Bao Tiêu Hóa Chất Vonfram Cố Định (“Hợp đồng số 2”) với MTC, theo đó Công ty mua sản phẩm hóa chất vonfram (bao gồm APT, BTO, YTO) được MTC sản xuất từ số lượng vonfram được cung cấp từ Hợp đồng số 1. Theo các điều khoản của Hợp đồng số 2, giá bán được xác định dựa trên giá kim loại trên Sàn giao dịch Kim loại Luân Đôn (LMB Low) của tháng liền kề ngay trước tháng giao hàng trừ đi tỷ lệ chiết khấu.

Cùng ngày, Công ty ký Hợp đồng bán Hóa Chất Vonfram Cố Định (Hợp đồng số 3”) với H.C. Starck GmbH (“Bên Khác”), theo đó Công ty bán cho Bên Khác toàn bộ sản phẩm hóa chất vonfram với số lượng cam kết nhất định tương ứng với lượng hàng hóa mà Công ty mua từ MTC tại Hợp Đồng số 2. Theo các điều khoản của Hợp đồng số 3, giá bán được xác định dựa trên giá kim loại trên Sàn giao dịch Kim loại Luân Đôn (LMB Low) của tháng liền kề ngay trước tháng giao hàng trừ đi tỷ lệ chiết khấu.

Theo điều 4 và điều 9 của Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 14 – Doanh thu và Thu nhập khác và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam, Công ty chỉ ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phần giá trị thuần giữ lại, tức là chênh lệch giữa giá trị của hàng hóa đã xuất khẩu và giá trị mà Công ty đã mua và trả cho MTC. Giá trị giao dịch từ các hoạt động trên như sau:

	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
Giá trị đã nhận/phải thu đối với hàng hóa đã bán/xuất khẩu cho Bên Khác theo Thỏa thuận (a)	1.093.894.586	649.514.842
Giá trị đã trả/phải trả theo Thỏa thuận trên để mua hàng hóa (b)	(1.098.191.768)	(651.320.529)
	<u>(4.297.182)</u>	<u>(1.805.687)</u>



Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đối chiếu doanh thu

	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
<i>Thông tin theo báo cáo quản trị</i>		
Giá trị hàng bán nội địa	2.271.886.920	1.852.756.388
Giá trị hàng bán xuất khẩu cho Bên khác theo Thỏa thuận trên (mục (a))	1.093.894.586	649.514.842
Giá trị hàng bán xuất khẩu khác	1.568.624.765	2.289.206.801
Tổng	4.934.406.271	4.791.478.031
Trừ đi: Giá trị hàng xuất khẩu cho Bên khác theo Thỏa thuận trên (mục (a))	(1.093.894.586)	(649.514.842)
Tổng doanh thu trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	3.840.511.685	4.141.963.189

(iii) Đối chiếu giá vốn hàng bán

	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
<i>Thông tin theo báo cáo quản trị</i>		
Giá vốn hàng hóa bán nội địa	2.248.717.455	2.413.768.983
Giá vốn hàng hóa xuất khẩu đã mua theo Thỏa thuận trên (mục (b))	1.098.191.768	651.320.529
Giá vốn hàng hóa xuất khẩu khác	596.137.295	1.546.245.375
Tổng	3.943.046.518	4.611.334.887
Trừ đi: Giá vốn hàng hóa xuất khẩu đã mua theo Thỏa thuận trên (mục (b))	(1.098.191.768)	(651.320.529)
Giá vốn hàng bán trình bày trên Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh riêng	2.844.854.750	3.960.014.358

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính và trong năm tài chính như sau.

(a) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn và các giao dịch đại lý tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“TCB”) theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2021, các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ các khoản trái phiếu đã phát hành của Công ty trị giá 182.823 triệu VND (1/1/2021: 290.644 triệu VND)..

(b) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2021 Nghìn VND	2020 Nghìn VND
Các nhà đầu tư			
Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”)	Góp vốn	-	533.731.531
	Chi trả lợi nhuận phân phối	-	141.314.094
Công ty TNHH MTV Tài nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	Góp vốn	-	2.210.474.398
	Chi trả lợi nhuận phân phối	-	558.685.906
Công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”)	Khoản vay nhận được	241.676.000	400.000.000
	Khoản vay đã trả	60.000.000	400.000.000
	Chi phí lãi vay	9.850.057	2.246.575
	Cho vay	-	1.923.753.425
	Nhận hoàn trả gốc vay	1.143.479.452	1.780.273.973
	Thu nhập lãi cho vay	4.270.122	46.046.908
	Chi phí tài chính đã trả	-	880.000.000
Công ty mẹ cấp trung			
Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“MHT”)	Lợi nhuận được chia từ HĐHTKD	188.143.785	204.566.817
	Chi trả lợi nhuận được chia	186.589.256	204.566.817
	Số tiền yêu cầu công ty mẹ hoàn trả	20.010.660	-
	Số tiền công ty mẹ yêu cầu công ty con hoàn trả	22.799.957	-
Công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Mua hàng hóa	1.395.460	1.346.803
	Mua dịch vụ	786.573	1.273.609
Công ty con			
Công Ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”)	Góp vốn	-	1.988.490.000
	Cho vay	239.000.000	331.000.000
	Thu hồi khoản cho vay	553.000.000	-
	Thu nhập lãi cho vay	21.203.178	276.553
	Lợi nhuận được chia	-	215.000.000
	Bán hàng hóa	2.173.823.816	1.835.239.348
	Thu nhập từ khoản yêu cầu công ty con hoàn trả	48.770.863	113.152.544
	Thu nhập và chi phí yêu cầu công ty con hoàn trả	152.371.154	123.047.967
	Mua hàng hóa	1.107.998.518	660.504.499
	Thu nhập cho thuê đất	630.000	630.000

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2021	2020
		Nghìn VND	Nghìn VND
H.C. Starck Tungsten GmbH	Bán hàng hóa	1.093.894.586	649.514.842
Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất			
TCB và các công ty con	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	81.912.366	80.269.263
	Khoản vay nhận được	1.522.530.071	1.900.979.224
	Hoàn trả gốc vay	1.389.818.433	1.777.789.296
	Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (*)	-	5.300.138.629
	Phí đã trả liên quan đến trái phiếu	-	75.400.000
Cán bộ quản lý chủ chốt			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (**)	33.110.438	25.157.139

(*) Trái phiếu đã được niêm yết và bán rộng rãi cho các nhà đầu tư theo một thỏa thuận thu xếp giao dịch.

(**) Không có khoản phí quản lý nào được thanh toán cho các thành viên Hội đồng Thành viên cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

35. Nợ tiềm tàng

Như đã thuyết minh tại Thuyết minh 7(b), vào ngày 23 tháng 8 năm 2021, Bộ TNMT ban hành Quyết định số 1640/QĐ/BTNMT (“Quyết định 1640”) phê duyệt TCQKTKS cho mỏ Núi Pháo, thay thế phê duyệt tạm thu TCQKTKS theo Quyết định 500 và Công văn 3724 mặc dù giá tính thuế áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty vẫn chưa được xác định. Khi ban hành Quyết định 1640, Bộ TNMT tiếp tục sử dụng giá tính thuế được áp dụng cho quặng vonfram (hàm lượng: $0,1\% < WO_3 < 0,3\%$) thay vì sử dụng giá tính thuế được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp. Vấn đề này đã được Công ty nêu ra trước đây. Giá tính TCQKTKS chính thức theo Quyết định 1640 là 1.831.085 VND/tấn trong khi Giá tính TCQKTKS tạm thu theo Quyết định 500 là 775.026 VND/tấn. Theo đó, số TCQKTKS bổ sung phải nộp thêm do chênh lệch về Giá tính TCQKTKS trong giai đoạn từ 2015 đến 2021 là 394,5 tỷ VND.

Sau khi Quyết định 1640 được ban hành, Công ty đã gửi nhiều công văn đến Thủ tướng Chính phủ và Bộ TNMT đề đề xuất tạm hoãn thi hành thu bổ sung TCQKTKS theo Quyết định 1640 và yêu cầu xác định lại TCQKTKS áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty.

Ngày 6 tháng 10 năm 2021, Công ty nhận được Thông báo nộp TCQKTKS từ Cục thuế tỉnh Thái Nguyên căn cứ theo Quyết định 1640. Ngày 8 tháng 12 năm 2021, Cục thuế tỉnh Thái Nguyên ban hành Công văn số 4883/CTTNG-QLN yêu cầu Công ty nộp bổ sung 125,8 tỷ VND TCQKTKS cho giai đoạn 2018 đến 2021 và 4,1 tỷ VND tiền lãi chậm nộp tương ứng.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Ban Giám đốc tin rằng Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản nợ phải trả về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản từ năm 2015 đến nay dựa trên diễn giải của NPM về quy định pháp luật liên quan, bao gồm các quy định về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và quy định về thuế tài nguyên. Do đó, Công ty đã gửi công văn lên cơ quan quản lý các cấp để nêu rõ vấn đề và xin giải quyết phù hợp cho việc xác định TCQKTKS của Công ty.

Trong năm 2021, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 978/VPCP-KTTH ngày 8 tháng 2 năm 2021 và Công văn số 5987/VPCP-KTTH ngày 28 tháng 8 năm 2021, vụ việc đang được Bộ Tài chính, Bộ TNMT, UBND tỉnh Thái Nguyên và Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên xem xét. Tại ngày báo cáo, Bộ TNMT và UBND tỉnh Thái Nguyên vẫn đang làm việc để xác định giá tính thuế tài nguyên cho sản phẩm công nghiệp của NPM.

Ban Giám đốc đánh giá rằng vì giá tính thuế tài nguyên cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được Bộ TNMT và UBND tỉnh Thái Nguyên xác định nên Giá tính TCQKTKS làm căn cứ xác định TCQKTKS theo Quyết định 1640 chưa phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành. Do đó, Công ty tin rằng khi giá tính thuế tài nguyên cho sản phẩm công nghiệp của Công ty được xác định, TCQKTKS chính thức của mỏ Núi Pháo cho giai đoạn từ 2015 trở đi sẽ được xác định, và thay thế giá như đã phê duyệt tại Quyết định 1640.

Kết quả cuối cùng của vấn đề này hiện nay vẫn chưa có và phụ thuộc vào giá tính thuế tài nguyên cho sản phẩm công nghiệp của Công ty cuối cùng được xác định và Bộ TNMT đồng ý xác định lại TCQKTKS tại Quyết định 1640 sử dụng giá tính TCQKTKS áp dụng với sản phẩm công nghiệp của Công ty. Do đó, nghĩa vụ cho TCQKTKS bổ sung cho giai đoạn từ 2015 đến 2021 theo Quyết định 1640 chưa được ghi nhận là khoản nợ phải trả trong báo cáo tài chính riêng. Vấn đề này cho thấy một yếu tố không chắc chắn có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng.

36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập:

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:

Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

112
CỘNG HÒA
KH
KI
M TỬ

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thông tin tài chính bổ sung tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty			
Cho năm tài chính			
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021			
Mã số	Theo báo cáo kế toán quân trị Nghìn VND	Điều chỉnh Nghìn VND	Trình bày từ báo cáo kết quả kinh doanh Nghìn VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 5.080.565.717	(1.093.894.586)	3.986.671.131
Các khoản giảm trừ doanh thu	02 146.159.446	-	146.159.446
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10 4.934.406.271	(1.093.894.586)	3.840.511.685
Giá vốn hàng bán	11 3.943.046.518	(1.098.191.768)	2.844.854.750
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20 991.359.753	4.297.182	995.656.935
Doanh thu hoạt động tài chính	21 62.997.978	-	62.997.978
Chi phí tài chính	22 1.061.968.274	4.297.182	1.061.968.274
Chi phí bán hàng	25 134.999.218	-	134.999.218
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 156.975.858	-	156.975.858
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30 (295.288.437)	-	(295.288.437)
Thu nhập khác	31 306.986.607	-	306.986.607
Chi phí khác	32 220.123.993	-	220.123.993
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40 86.862.614	-	86.862.614
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50 (208.425.823)	-	(208.425.823)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51 -	-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52 33.910.034	-	33.910.034
Lỗ sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60 (242.335.857)	-	(242.335.857)

C.T.
 T.Y.
 HỮU HI
 .IG
 .M - T.F


Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thông tin tài chính bổ sung tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty				
Cho năm tài chính				
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Mã số	Theo báo cáo	Điều chỉnh		Trình bày từ
	kế toán quản trị Nghìn VND	Nghìn VND		báo cáo kết quả kinh doanh Nghìn VND
Doanh thu bán hàng	01	4.852.292.026	(649.514.842)	4.202.777.184
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	60.813.995	-	60.813.995
Doanh thu thuần về bán hàng (10 = 01 - 02)	10	4.791.478.031	(649.514.842)	4.141.963.189
Giá vốn hàng bán	11	4.611.334.887	(651.320.529)	3.960.014.358
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20	180.143.144	1.805.687	181.948.831
Doanh thu hoạt động tài chính	21	550.359.359	-	550.359.359
Chi phí tài chính	22	1.268.606.940	1.805.687	1.270.412.627
Chi phí bán hàng	25	110.892.578	-	110.892.578
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	57.506.511	-	57.506.511
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30	(706.503.526)	-	(706.503.526)
Thu nhập khác	31	239.050.839	-	239.050.839
Chi phí khác	32	270.134.060	-	270.134.060
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40	(31.083.221)	-	(31.083.221)
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	(737.586.747)	-	(737.586.747)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	2.133.361	-	2.133.361
Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 51)	60	(739.720.108)	-	(739.720.108)

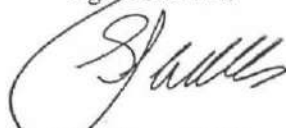
Ngày 28 tháng 3 năm 2022

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Stuart James Wells
Giám đốc Tài chính



Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc



**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản
Núi Pháo**

**Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022**

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 4600864513 ngày 5 tháng 7 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 3 tháng 6 năm 2022. Giấy Chứng nhận và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 4600864513 được cấp vào ngày 5 tháng 7 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 17121000026 ngày 21 tháng 7 năm 2010
17121000026-điều chỉnh lần 1 ngày 23 tháng 2 năm 2011
17121000026-điều chỉnh lần 2 ngày 6 tháng 2 năm 2013
17121000026-điều chỉnh lần 3 ngày 23 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đầu tư và các bản điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư “Dự án Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo”. Dự án có thời gian hoạt động 30 năm kể từ ngày 3 tháng 2 năm 2004.

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Thiệu Nam	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Chủ tịch
Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên
Ông Danny Le	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw	Tổng Giám đốc
Bà Đinh Lệ Hằng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 20 tháng 2 năm 2023)
Ông Nguyễn Huy Tuấn	Quyền Giám đốc Tài chính (từ ngày 1 tháng 7 năm 2022)
Ông Stuart James Wells	Giám đốc Tài chính (đến ngày 30 tháng 6 năm 2022)

Trụ sở đăng ký

Xóm Suối Cát, Xã Hà Thượng
Huyện Đại Từ
Tỉnh Thái Nguyên
Việt Nam

Văn phòng đại diện Hà Nội

106 Hoàng Quốc Việt
Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Báo cáo của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“Công ty”) trình bày báo cáo này và báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Theo ý kiến của Ban Giám đốc Công ty:

- (a) báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày từ trang 5 đến trang 68 đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn cho năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính; và
- (b) tại ngày lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc cho rằng Tập đoàn sẽ không thể tái cơ cấu nợ hoặc thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn. Báo cáo tài chính hợp nhất đã thuyết minh đầy đủ các thông tin liên quan đến đánh giá của Ban Giám đốc về giả định hoạt động liên tục được áp dụng để lập báo cáo tài chính.

Tại ngày lập báo cáo này, Ban Giám đốc Công ty đã phê duyệt phát hành báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

Thay mặt Ban Giám đốc



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Thái Nguyên, ngày 15 tháng 3 năm 2023



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Nhà đầu tư Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“Công ty”) và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), bao gồm bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 68.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00131-23-2



Trần Đình Vinh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0339-2023-007-1

Phó Tổng Giám đốc

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2023

Phan Mỹ Linh

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3064-2019-007-1

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 Nghìn VND	1/1/2022 Nghìn VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		12.180.692.183	10.549.879.151
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.496.827.172	1.032.986.478
Tiền	111		801.086.748	642.986.478
Các khoản tương đương tiền	112		695.740.424	390.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6(a)	8.110.000	7.400.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.110.000	7.400.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.982.434.724	2.706.513.883
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.170.552.039	1.988.261.387
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		371.153.813	243.333.108
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	21.200.000	21.200.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	434.402.560	453.719.388
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(14.873.688)	-
Hàng tồn kho	140	10	6.778.223.251	5.860.959.677
Hàng tồn kho	141		6.825.093.471	5.888.939.435
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(46.870.220)	(27.979.758)
Tài sản ngắn hạn khác	150		915.097.036	942.019.113
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		74.887.091	46.128.020
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		803.991.934	895.835.495
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		36.218.011	55.598

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 Nghìn VND	1/1/2022 Nghìn VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		26.000.469.263	25.357.540.829
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.403.254.299	1.344.574.789
Phải thu dài hạn khác	216	9	1.403.254.299	1.344.574.789
Tài sản cố định	220		16.902.263.782	18.081.973.425
Tài sản cố định hữu hình	221	11	13.580.855.598	14.491.203.874
Nguyên giá	222		24.564.313.453	24.497.975.139
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(10.983.457.855)	(10.006.771.265)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224		-	-
Nguyên giá	225		67.300.000	67.300.000
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(67.300.000)	(67.300.000)
Tài sản cố định vô hình	227	12	3.321.408.184	3.590.769.551
Nguyên giá	228		4.420.728.476	4.501.880.813
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.099.320.292)	(911.111.262)
Bất động sản đầu tư	230	13	722.403.002	800.547.308
Nguyên giá	231		1.129.619.792	1.156.174.253
Giá trị hao mòn lũy kế	232		(407.216.790)	(355.626.945)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.049.410.181	1.132.520.931
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	2.049.410.181	1.132.520.931
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	1.532.527.099	180.510.490
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		190.164.060	180.510.490
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.342.363.039	-
Tài sản dài hạn khác	260		3.390.610.900	3.817.413.886
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	3.369.731.622	3.520.610.013
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	16	20.879.278	296.803.873
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		38.181.161.446	35.907.419.980

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 Nghìn VND	1/1/2022 Nghìn VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		25.784.749.480	24.525.470.058
Nợ ngắn hạn	310		16.661.285.825	7.899.661.590
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.566.467.511	1.505.351.358
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	489.804.070	34.709.351
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	160.004.510	166.761.026
Phải trả người lao động	314		14.841.657	4.777.953
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	763.178.902	950.999.313
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	2.049.516.375	417.868.732
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	21(a)	11.607.475.407	4.800.093.173
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		9.997.393	19.100.684
Nợ dài hạn	330		9.123.463.655	16.625.808.468
Phải trả dài hạn khác	337	20	2.000.000.000	3.000.000.000
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	21(b)	1.490.595.850	6.261.141.910
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	16	1.010.085.662	1.013.941.412
Dự phòng phải trả dài hạn	342	22	4.622.782.143	6.350.725.146
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		12.396.411.966	11.381.949.922
Vốn chủ sở hữu	410	23	12.396.411.966	11.381.949.922
Vốn góp	411	24	10.792.915.155	10.792.915.155
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(419.419.764)	(365.829.110)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		675.544.001	(170.252.387)
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.181.414.939	1.004.187.789
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.004.187.789	709.335.437
- LNST năm nay	421b		177.227.150	294.852.352
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		165.957.635	120.928.475
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		38.181.161.446	35.907.419.980

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho năm kết thúc
ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 02 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	2022 Nghìn VND	2021 Nghìn VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		15.562.992.329	13.729.801.227
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		13.444.675	165.511.381
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	15.549.547.654	13.564.289.846
Giá vốn hàng bán	11		13.041.427.472	11.172.649.273
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		2.508.120.182	2.391.640.573
Doanh thu hoạt động tài chính	21	27	535.760.789	343.675.897
Chi phí tài chính	22	28	1.991.930.138	1.443.627.160
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		<i>1.204.017.711</i>	<i>1.153.496.281</i>
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	24		13.938.538	3.064.567
Chi phí bán hàng	25	29	452.974.941	445.622.393
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	30	579.865.495	629.303.710
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	30		33.048.935	219.827.774
Thu nhập khác	31	31	171.642.933	162.183.553
Chi phí khác	32	32	96.870.711	104.424.966
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		74.772.222	57.758.587
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		107.821.157	277.586.361
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	45.084.307	59.427.541
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52	33	(150.617.028)	(142.206.318)
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		213.353.878	360.365.138
Lợi nhuận thuần phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		177.227.150	294.852.352
Cổ đông không kiểm soát	62		36.126.728	65.512.786

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Người soát xét:

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính




Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 Nghìn VND	2021 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	107.821.157	277.586.361
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	1.359.771.215	1.448.638.449
Các khoản dự phòng	03	108.590.016	14.073.974
(Lãi)/lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(59.317.383)	15.702.295
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(25.731.228)	(12.264.294)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06	1.204.017.711	1.153.496.285
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	2.695.151.488	2.897.233.070
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(323.547.674)	(738.358.041)
Biến động hàng tồn kho	10	(936.154.036)	(1.001.218.010)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	752.637.292	(333.518.703)
Biến động chi phí trả trước	12	94.464.380	43.931.473
		2.282.551.450	868.069.789
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay đã trả	14	(1.108.505.523)	(1.335.762.652)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(46.980.529)	(122.733.347)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.127.065.398	(590.426.210)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.325.870.615)	(896.596.721)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22	3.194.364	21.625.809
Gửi tiền gửi có kỳ hạn và tiền chi cho vay	23	(8.110.000)	(21.200.000)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và thu hồi cho vay đối với các bên khác	24	7.400.000	1.143.479.452
Hợp nhất kinh doanh (đã trừ đi số dư tiền của công ty con được mua)	25	-	26.476.816
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	25	(1.342.363.039)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	11.474.868	28.417.140
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(2.654.274.422)	302.202.496

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 Nghìn VND	2021 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu	33	9.447.891.713	5.608.097.474
Tiền chi trả nợ gốc vay và chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu	34	(7.450.091.614)	(4.966.849.015)
Tiền chi trả chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu	34	-	(21.756.393)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	1.997.800.099	619.492.066
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	470.591.075	331.268.352
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.032.986.478	704.171.736
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(6.750.381)	(2.453.610)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	1.496.827.172	1.032.986.478

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“Công ty” hoặc “NPM”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác và chế biến vonfram, flourit, bismuth và đồng tại xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để xuất khẩu và bán tại thị trường nội địa.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của các công ty con và công ty liên kết được trình bày như sau:

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các công ty con:					
Tên công ty con	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày		
<i>Công ty con trực tiếp</i>					
Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”)	(i) Tỉnh Thái Nguyên	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%		
<i>Các công ty con gián tiếp</i>					
H.C. Starck Holding (Germany) GmbH (“HCS”)	(i) Goslar, Đức	Tư vấn quản lý	100%		
ChemiLytics Beteiligung GmbH	(ii) Goslar, Đức	Tư vấn quản lý	100%		
H.C. Starck GmbH	(ii) Goslar, Đức	Tư vấn quản lý	100%		
Chemische Fabriken Oker und Branschweig AG	(ii) Goslar, Đức	Sản xuất hóa chất dùng trong sản xuất giấy và phụ gia cho ngành vật liệu hấp thụ	100%		
H.C. Starck Infrastructure GmbH & Co. KG	(ii) Munich, Đức	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%		
ChemiLytics GmbH & Co. KG	(ii) Goslar, Đức	Phân tích hóa học và dữ liệu đo lường vật lý	100%		
H.C. Starck Tungsten GmbH	(ii) Munich, Đức	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%		
H.C. Starck Nonferrous Metals Trading (Shanghai) Co. Ltd.	(ii) Thượng Hải, Trung Quốc	Kinh doanh và phân phối	100%		
H.C. Starck Canada Inc.	(ii) Sarnia, Ontario, Canada	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%		

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty con	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2022 và 1/1/2022
H.C. Starck Tungsten GK	(ii) Tokyo, Nhật Bản	Kinh doanh và phân phối	100%
H.C. Starck Tungsten LLC	(ii) Newton, Mỹ	Kinh doanh và phân phối	100%
H.C. Starck Jiangwu Tungsten Specialities (Ganzhou) Co., Ltd.	(ii) Cám Châu, Trung Quốc	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	60%

Công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày 31/12/2022 và 1/1/2022
Công ty liên kết gián tiếp Jiangwu H.C. Starck Tungsten Products Co., Ltd.	(ii) Cám Châu, Trung Quốc	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	30%

(i) HCS là công ty con của MTC. MTC là công ty con của Công ty.

(ii) Các đơn vị này là các công ty con và công ty liên kết trực tiếp và gián tiếp của HCS.

HCS là nhà chế tạo hàng đầu về bột kim loại vonfram kỹ thuật cao và vonfram cacbua (giai đoạn giữa của chuỗi giá trị). HCS có các tổ hợp sản xuất tại Châu Âu, Bắc Mỹ và Trung Quốc, phục vụ khách hàng trên toàn cầu. HCS và các công ty con hoạt động chủ yếu về phát triển, sản xuất và cung cấp các loại bột chất lượng cao sản xuất dựa trên công nghệ vonfram kim loại và vonfram hợp chất, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại các công ty con. Tỷ lệ quyền biểu quyết bằng tỷ lệ lợi ích kinh tế trừ khi được trình bày khác.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn có 2.263 nhân viên (1/1/2022: 2.142 nhân viên).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 4.481 tỷ VND (1/1/2022: nợ ngắn hạn không vượt quá tài sản ngắn hạn). Hơn nữa, Tập đoàn có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 21(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này cơ bản tùy thuộc vào việc công ty mẹ cấp cao nhất tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Tập đoàn có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Tập đoàn trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban Giám đốc tin rằng công ty mẹ cấp cao nhất sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VND”), trừ khi được trình bày khác.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

Nếu việc kế toán ban đầu đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh chưa hoàn thành trước thời điểm cuối kỳ kế toán mà giao dịch hợp nhất kinh doanh diễn ra do giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được hoặc nợ tiềm tàng của bên bị mua hoặc giá phí hợp nhất kinh doanh chỉ được xác định tạm thời, Tập đoàn sẽ kế toán giao dịch hợp nhất kinh doanh theo các giá trị tạm thời đó. Trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua (giai đoạn sử dụng giá trị tạm thời), Tập đoàn sẽ điều chỉnh hồi tố các giá trị tạm thời đã ghi nhận tại ngày mua.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt kiểm soát đối với các đơn vị này.

(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ lợi ích kinh tế của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”), chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iv) Công ty liên kết

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền bỏ phiếu. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các khoản mục tiền tệ của nội bộ Tập đoàn, cả ngắn hạn và dài hạn, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(vi) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua để có được quyền kiểm soát đơn vị bị mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua.

Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và bán chuyển khoản đối với nợ phải trả, của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND như sau:

- Các tài sản và nợ phải trả, bao gồm các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh tại ngày mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với tài sản) và bán chuyển khoản (đối với nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ Lũy lũy kế và các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được tính toán từ lợi nhuận sau thuế thuần/các biến động đã được quy đổi.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do quy đổi báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài sang VND được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu. Khi chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến một hoạt động ở nước ngoài được hợp nhất nhưng không thuộc sở hữu toàn bộ, chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế phát sinh do quy đổi thuộc về lợi ích cổ đông không kiểm soát được phân bổ và ghi nhận là một phần của lợi ích cổ đông không kiểm soát trong bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(ii) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản phải thu về cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bao thanh toán

Theo tình hình của thị trường và yêu cầu về thanh khoản, Tập đoàn ký kết các thỏa thuận bao thanh toán để chuyển giao khoản phải thu khách hàng. Đối với các giao dịch bao thanh toán, Tập đoàn đánh giá có ghi giảm toàn bộ khoản phải thu hay không dựa trên mức độ chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu.

Nếu Tập đoàn:

- chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu, Tập đoàn sẽ ghi giảm khoản phải thu và ghi nhận riêng rẽ tài sản hoặc nợ phải trả đối với các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ việc chuyển giao khoản phải thu;
- còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu, Tập đoàn sẽ tiếp tục ghi nhận khoản phải thu;
- không chuyển giao cũng như không nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu thì Tập đoàn xác định xem liệu có nắm giữ quyền kiểm soát đối với tài sản không. Nếu Tập đoàn không nắm giữ quyền kiểm soát thì Tập đoàn sẽ ghi giảm khoản phải thu và ghi nhận riêng rẽ tài sản hoặc nợ phải trả đối với các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ việc chuyển giao khoản phải thu. Nếu Tập đoàn nắm giữ quyền kiểm soát thì Tập đoàn sẽ tiếp tục ghi nhận khoản phải thu đến giá trị còn tiếp tục liên quan đến tài sản được chuyển giao.

Mức độ còn tiếp tục liên quan đến tài sản được chuyển giao là mức độ Tập đoàn bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về giá trị của tài sản chuyển giao và được xác định bằng giá trị thấp hơn giữa giá trị ghi sổ của khoản phải thu và số tiền cao nhất mà Tập đoàn phải trả (“số tiền bảo lãnh”).

Khi Tập đoàn tiếp tục ghi nhận tài sản chuyển giao đến giá trị còn tiếp tục liên quan đến tài sản được chuyển giao, Tập đoàn đồng thời ghi nhận nghĩa vụ liên quan. Nghĩa vụ liên quan ban đầu được ghi nhận bằng số tiền bảo lãnh cộng với giá trị hợp lý của bảo lãnh. Sau đó, giá trị hợp lý của bảo lãnh được phân bổ dần theo thời gian vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mỏ, các tài sản được kết chuyển vào “nhà cửa, vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Trường hợp tài sản cố định hữu hình tự xây dựng được hoàn thành và được đưa vào sử dụng nhưng chi phí chưa được quyết toán thì Công ty hạch toán nguyên giá của tài sản cố định hữu hình theo giá tạm tính và nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh sau khi chi phí quyết toán được phê duyệt.

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ; và giá trị hợp lý của trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh.

(ii) Khấu hao

NPM: Máy móc, thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến khoáng sản

Máy móc, thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến khoáng sản được khấu hao theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Theo phương pháp này, căn cứ khấu hao được tính dựa trên trữ lượng khoáng sản đã được chứng minh và tương đối chắc chắn sẽ thu được; trữ lượng khoáng sản này là ước tính về khối lượng quặng (tính bằng tấn) có thể được khai thác hợp pháp và có hiệu quả kinh tế từ các tài sản khai thác khoáng sản của Tập đoàn và một phần tài nguyên dự kiến sẽ được chuyển thành trữ lượng khoáng sản. Cụ thể, căn cứ khấu hao đối với các tài sản liên quan đến khai thác mỏ được tính theo:

- trữ lượng khoáng sản và tài nguyên khoáng sản dự kiến sẽ được chuyển thành trữ lượng khoáng sản theo kết quả đánh giá kỹ thuật của chuyên gia khai mỏ trong khu vực Dự án Núi Pháo; và
- phần tài nguyên khoáng sản có thể được tái chế từ hồ chứa đuôi quặng oxit (“OTC”) của NPM.

Căn cứ khấu hao cho từng loại tài sản khai thác khoáng sản được áp dụng như sau:

Máy móc, thiết bị chỉ liên quan đến hoạt động chế biến khoáng sản;	Căn cứ khấu hao
Máy móc, thiết bị liên quan đến hoạt động chế biến khoáng sản và được sử dụng cho hoạt động tái chế quặng thải tại hồ chứa đuôi quặng oxit OTC	(a)
	(a) và (b)

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

MTC: Máy móc và thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất

Máy móc và thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến các sản phẩm tinh chế từ vonfram của MTC được tính khấu hao trong thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm. Tổng đơn vị sản phẩm ước tính của tài sản cố định khấu hao theo phương pháp khối lượng sản phẩm là như sau:

Nhà máy ST (Muối Natri Vonframmat)	171.865 tấn vonfram
Nhà máy APT (Muối Amoni Paratungstate)	166.990 tấn vonfram

Các tài sản khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 22 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 25 năm
▪ các tài sản khai thác khoáng sản khác	26 năm

Trong trường hợp xây dựng cơ bản được hoàn thành và đưa vào sử dụng trước khi chi phí xây dựng được quyết toán thì nguyên giá tài sản được xác định theo nguyên giá tạm tính. Khi chi phí xây dựng tài sản cố định được quyết toán và phê duyệt, Công ty điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định theo giá trị đã quyết toán và không điều chỉnh lại giá trị hao mòn lũy kế. Chi phí khấu hao sau thời điểm quyết toán được xác định bằng giá trị quyết toán đã được phê duyệt trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế được trích đến thời điểm phê duyệt quyết toán tài sản chia (÷) cho thời gian khấu hao còn lại của tài sản cố định theo các quy định hiện hành.

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Đất

Đất gồm có đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Đất được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ.

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá gốc của phần mềm máy vi tính bao gồm:

- Phần mềm máy vi tính được mua mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được mua mới được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm;
- Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển phần mềm nếu thỏa mãn các tiêu chí sau:
 - Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc hình thành phần mềm trong giai đoạn phát triển;
 - Tập đoàn dự định hoàn thành phần mềm để sử dụng hoặc để bán có thể được kiểm chứng bằng các thiết kế chương trình, mô hình hoặc các sản phẩm tương tự;
 - Tập đoàn có khả năng triển khai và sử dụng phần mềm sau giai đoạn phát triển;

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- o Có đầy đủ nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và con người để hoàn tất giai đoạn phát triển phần mềm;
- o Tập đoàn có thể xác định được các chi phí phát sinh liên quan đến giai đoạn phát triển phần mềm một cách đáng tin cậy.

Phần mềm tự phát triển được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong bốn (4) năm kể từ khi mỗi cấu phần của phần mềm được hoàn thành.

(iii) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 (“Nghị định 67”) có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2019, thay thế Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản đã được chứng minh và tương đối chắc chắn sẽ thu được và một phần tài nguyên dự kiến sẽ được chuyển thành trữ lượng khoáng sản.

(iv) Chi phí triển khai

Chi phí triển khai bao gồm:

- Chi phí cho các hoạt động triển khai mà thông qua các hoạt động này các kết quả nghiên cứu được áp dụng vào việc lập kế hoạch hoặc thiết kế các quy trình sản xuất và sản xuất các sản phẩm mới hoặc được cải tiến đáng kể, sẽ được vốn hóa nếu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất đó khả thi về mặt kỹ thuật và thương mại và Tập đoàn có đủ nguồn lực để hoàn tất việc triển khai. Các chi phí triển khai được vốn hóa bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ thích hợp. Các chi phí triển khai khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh;
- Chi phí triển khai mà Tập đoàn có được thông qua hợp nhất kinh doanh được vốn hóa và trình bày là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của chi phí triển khai được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 10 đến 16 năm.

Giá trị hợp lý của chi phí triển khai có được thông qua hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp dòng tiền gia tăng, theo đó tài sản chủ thể được định giá sau khi trừ đi lợi tức hợp lý từ tất cả các tài sản khác góp phần tạo ra các dòng tiền liên quan.

(v) Tên thương hiệu

Chi phí mua tên thương hiệu được ghi nhận là tài sản vô hình.

Giá trị hợp lý của tên thương hiệu có được qua hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách chiết khấu các khoản thanh toán phí bản quyền ước tính tránh được do sở hữu tên thương hiệu. Giá trị hợp lý của tên thương hiệu có được qua hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 20 đến 30 năm.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(vi) Quan hệ khách hàng

Quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được thông qua hợp nhất kinh doanh được vốn hóa và trình bày là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các mối quan hệ khách hàng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 36 năm.

Giá trị hợp lý của các mối quan hệ khách hàng có được qua hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp thu nhập thặng dư nhiều kỳ, theo đó các tài sản chủ thể được định giá sau khi trừ đi lợi tức hợp lý từ tất cả các tài sản khác góp phần tạo ra các dòng tiền liên quan.

(vii) Công nghệ

Các công nghệ mà Tập đoàn có được thông qua hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý. Giá trị công nghệ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích của các công nghệ này là từ 16 đến 31 năm.

Giá trị hợp lý của các công nghệ có được qua hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp thu nhập thặng dư nhiều kỳ, theo đó các tài sản chủ thể được định giá sau khi trừ đi lợi tức hợp lý của tất cả các tài sản khác góp phần tạo ra các dòng tiền liên quan và/hoặc dựa trên các khoản thanh toán phí bản quyền chiết khấu ước tính tránh được do sở hữu các công nghệ này.

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 40 – 60 năm

Đất được ghi nhận theo giá gốc và không được phân bổ.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí phát triển trữ lượng khai thác khoáng sản, trữ lượng địa chất khoáng sản và các chi phí phát triển mô liên quan. Các tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khai thác khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Các tài sản này được vốn hóa sau khi cân trừ tiền thu về từ việc bán sản phẩm sản xuất thử trong giai đoạn phát triển mở. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là “nhà cửa và vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” hoặc vào chi phí trả trước dài hạn là “chi phí khai thác khoáng sản khác”.

Tập đoàn không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mở, xây dựng, lắp đặt và chạy thử để đưa tài sản vào sử dụng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 17 đến 24 năm.

(ii) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm tiền thuê đất trả trước, chi phí bồi thường, tái định cư và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất liên quan.

(iii) Chi phí khai thác khoáng sản khác

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần ‘Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ’).

Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Tập đoàn chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời mỏ của các thành phần của thân quặng đã được xác định.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời mỏ của các thành phần của thân quặng đã được xác định. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống dựa trên trữ lượng khoáng sản và tài nguyên dự kiến có thể chuyển đổi thành trữ lượng khoáng sản của các thành phần của phần thân quặng có liên quan như được trình bày tại Thuyết minh 3(g)(ii)a.

(iv) Chi phí phát sinh để có được hợp đồng

Các chi phí phát sinh để có được hợp đồng là các chi phí để Tập đoàn có được hợp đồng với khách hàng mà chi phí này sẽ không phát sinh nếu Tập đoàn không có được hợp đồng đó. Tập đoàn vốn hóa các chi phí phát sinh để có được hợp đồng nếu các chi phí đó thỏa mãn các điều kiện sau:

- Chỉ các chi phí tăng thêm do có được hợp đồng mới được vốn hóa;
- Chi phí đó phải thu hồi được.

Tài sản đã ghi nhận được khấu hao theo phương pháp mang tính hệ thống và phù hợp với việc chuyển giao hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng mà tài sản đó có liên quan.

(v) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

(l) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Tập đoàn hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn trong hợp đồng. Trường hợp Tập đoàn nhận vốn góp dưới hình thức tài sản tài chính từ các bên khác và do đó tiếp nhận một nghĩa vụ hợp đồng – phải chi trả tiền hoặc tài sản tài chính khác cho các bên khác theo HĐHTKD, Tập đoàn sẽ ghi nhận nợ phải trả tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận cho các bên khác của HĐHTKD có bản chất là chi phí tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là chi phí tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là chi phí khi khả năng phải phân chia các khoản này là chắc chắn.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Quyền khai thác khoáng sản

Theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, một công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản. Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trong đó giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên – Nghị định 67, tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Giá tính thuế tài nguyên là giá áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty, do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh xác định. Phương pháp quy đổi được dựa vào các thông số khác nhau của hệ số quy đổi theo hướng dẫn tại Nghị định 67.

(ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Tập đoàn làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường (“BTNMT”) và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường.

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại mỗi thời điểm báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản nếu nghĩa vụ về đóng cửa và phục hồi môi trường là không thể tránh khỏi đối với việc xây dựng tài sản. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

(iii) Trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí là các khoản phúc lợi cho nhân viên khi nghỉ hưu và được phân loại thành Quỹ với mức đóng góp xác định hoặc Quỹ phúc lợi xác định.

Theo Quỹ đóng góp xác định, Tập đoàn sẽ phải đóng góp một khoản tiền cố định vào một quỹ riêng. Nhân viên sẽ nhận được khoản tiền trợ cấp hưu trí trong tương lai dựa trên số tiền đã đóng và thu nhập mang lại từ việc đầu tư của quỹ riêng này. Tập đoàn không có nghĩa vụ pháp lý hay nghĩa vụ liên đới phải chi trả thêm khoản đóng góp nào nếu quỹ đó không có đủ tài sản để chi trả cho tất cả nhân viên khoản trợ cấp liên quan đến thời gian làm việc của nhân viên trong kỳ hiện tại và các kỳ trước đó. Các khoản đóng góp của Tập đoàn cho Quỹ đóng góp xác định sẽ được ghi nhận là chi phí trong kỳ được đóng góp.

Theo Quỹ phúc lợi xác định, nhân viên sẽ nhận được một khoản trợ cấp hưu trí xác định khi nghỉ hưu, khoản trợ cấp này thường phụ thuộc vào một hoặc nhiều yếu tố như tuổi tác, số năm làm việc và lương thường tại thời điểm nghỉ hưu. Dự phòng phải trả cho Quỹ phúc lợi xác định được xác định bằng giá trị hiện tại của nghĩa vụ phúc lợi xác định tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nghĩa vụ với mức trợ cấp xác định được tính toán hàng năm bởi các chuyên gia độc lập. Giá trị hiện tại của nghĩa vụ phúc lợi xác định được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền phải trả ước tính trong tương lai sử

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

dụng lãi suất của trái phiếu doanh nghiệp chất lượng cao AA với thời hạn tương tự thời hạn phải trả các khoản trợ cấp này, thể hiện bằng đơn vị tiền tệ mà khoản trợ cấp sẽ được thanh toán. Tập đoàn xác định chi phí lãi thuần tính trên nghĩa vụ nợ (tài sản) phúc lợi xác định thuần trong năm bằng cách áp dụng tỷ lệ chiết khấu được sử dụng để xác định giá trị của nghĩa vụ phúc lợi xác định tại thời điểm đầu kỳ kế toán năm nhân với giá trị nghĩa vụ phúc lợi xác định thuần tại thời điểm báo cáo, có tính đến các thay đổi về nghĩa vụ phúc lợi xác định thuần trong kỳ do các khoản mới đóng góp vào quỹ. Chi phí lãi thuần và các chi phí khác liên quan đến Quỹ phúc lợi xác định được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Việc tái xác định (remeasurement) nghĩa vụ phúc lợi xác định được thực hiện do thay đổi các ước tính dòng tiền tương lai, tỷ lệ nghỉ việc của nhân viên, tỷ lệ tử vong và tỷ lệ tăng lương trong tương lai.

Lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc tái xác định của nghĩa vụ phúc lợi xác định thuần, bao gồm các khoản lãi và lỗ thống kê (actuarial gains and losses) và thuế thu nhập hoãn lại liên quan, được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu ở tài khoản “Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu” theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính (“BTC”).

(o) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(p) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ phạm vi liên quan đến khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

M.S. NAM

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 tới 180 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên kết quả khảo nghiệm hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi kết quả khảo nghiệm của khách hàng nằm trong phạm vi sai số đã được quy định tại hợp đồng bán sản phẩm, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất được các bên chấp thuận.

(ii) Doanh thu từ dịch vụ gia công thu phí

Dịch vụ gia công thu phí được Tập đoàn cung cấp cho các khách hàng trong ngành bột kim loại. Với dịch vụ này, khách hàng giao vật liệu đã qua sử dụng hoặc phế liệu kim loại cho Tập đoàn để tái chế thành thành phẩm – bột kim loại và thu phí gia công. Doanh thu từ dịch vụ gia công thu phí được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi hàng hóa được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu từ dịch vụ gia công thu phí được xác định dựa trên giá trị thanh toán mà Tập đoàn dự kiến được hưởng trong hợp đồng, đó là phí gia công. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo cơ sở dồn tích.

(ii) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo

**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(t) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g)(ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(u) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm mà chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và vùng địa lý theo thứ tự tương ứng.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(w) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(x) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính hợp nhất này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính kỳ hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Tập đoàn trong năm trước.

HAN
N.2

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

(a) Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

Từ ngày 1/1/2022 đến ngày 31/12/2022	Đồng VND	Fluorit	Vonfram	Các bộ phận khác	Tổng cộng
	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND
Doanh thu bộ phận	48.416.484	1.758.590.684	13.465.667.192	276.873.294	15.549.547.654
Lợi nhuận gộp của bộ phận	26.994.632	1.168.055.936	1.238.893.058	74.176.556	2.508.120.182
Chi phí không phân bổ					(1.032.840.436)
Thu nhập từ hoạt động tài chính					535.760.789
Chi phí tài chính					(1.991.930.138)
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết					13.938.538
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					33.048.935
Thu nhập khác					171.642.933
Chi phí khác					(96.870.711)
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp					105.532.721
Lợi nhuận thuần sau thuế					213.353.878

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1/1/2021 đến ngày 31/12/2021	Đồng VND		Fluorit		Vonfram		Các bộ phận khác		Tổng cộng	
	Nghìn VND		Nghìn VND		Nghìn VND		Nghìn VND		Nghìn VND	
Doanh thu bộ phận	56.404.090	1.347.940.363	11.912.310.136	247.635.257	13.564.289.846					
Lợi nhuận gộp của bộ phận	25.960.601	906.093.981	1.368.817.718	90.768.273	2.391.640.573					
Chi phí không phân bổ										(1.074.926.103)
Thu nhập từ hoạt động tài chính										343.675.897
Chi phí tài chính										(1.443.627.160)
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết										3.064.567
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh										219.827.774
Thu nhập khác										162.183.553
Chi phí khác										(104.424.966)
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp										82.778.777
Lợi nhuận thuần sau thuế										360.365.138

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	Đồng VND		Fluorit Nghìn VND		Vonfram Nghìn VND		Các bộ phận khác Nghìn VND		Tổng cộng Nghìn VND	
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	131.599.588	681.906.225	7.343.405.288	1.550.931.914	9.707.843.015	28.473.318.431				
Tổng tài sản					38.181.161.446					
Tổng nợ phải trả					25.784.749.480					
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2022										
Tài sản của bộ phận Tài sản không phân bổ	141.513.923	717.362.819	7.947.576.784	1.694.692.887	10.501.146.413	25.406.273.567				
Tổng tài sản					35.907.419.980					
Tổng nợ phải trả					24.525.470.058					

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1/1/2022 đến ngày 31/12/2022

	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Chi tiêu vốn của bộ phận	150.046.047	-	651.625.175	-	801.671.222
Chi tiêu vốn không phân bổ					524.199.393
Khấu hao tài sản cố định	12.073.478	45.953.995	552.356.374	130.504.111	740.887.958
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ					618.883.257
Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					387.292.770

Từ ngày 1/1/2021 đến ngày 31/12/2021

	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Chi tiêu vốn của bộ phận	-	-	112.758.089	164.118.584	276.876.673
Chi tiêu vốn không phân bổ					619.720.048
Khấu hao tài sản cố định	11.728.610	44.344.098	679.307.009	69.379.559	804.759.276
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ					643.879.173
Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					317.121.351

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Bộ phận chia theo vùng địa lý

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động vùng địa lý như sau:

	Việt Nam Nghìn VND	Bỉ Nghìn VND	Đức Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Mỹ Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Luxembourg Nghìn VND	Các nước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022									
Doanh thu bán ra ngoài	62.729.553	161.866.133	2.536.010.744	1.365.710.654	3.394.402.865	2.792.535.048	1.709.453.626	3.526.839.031	15.549.547.654
Tài sản của bộ phận	27.640.392.114	-	4.512.600.316	284.784.080	1.579.649.622	1.636.333.070	480.097.514	2.047.304.730	38.181.161.446
Chi tiêu vốn	1.207.095.762	-	76.692.387	-	-	18.310.495	-	23.771.971	1.325.870.615

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

	Việt Nam Nghìn VND	Bỉ Nghìn VND	Đức Nghìn VND	Nhật Bản Nghìn VND	Mỹ Nghìn VND	Trung Quốc Nghìn VND	Luxembourg Nghìn VND	Các nước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bán ra ngoài	103.896.711	77.128.101	2.254.194.005	890.305.497	2.739.884.245	3.172.104.872	1.223.018.101	3.103.758.314	13.564.289.846
Tài sản của bộ phận	26.826.341.372	221.363.342	3.795.213.885	298.007.504	1.080.375.416	1.829.894.491	68.450.429	1.787.773.541	35.907.419.980
Chi tiêu vốn	821.275.517	-	69.172.058	-	-	5.101.715	-	1.047.431	896.596.721

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	1/1/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND
Tiền mặt	36.096	227.268
Tiền gửi ngân hàng	801.050.652	642.759.210
Các khoản tương đương tiền	695.740.424	390.000.000
	<hr/>	<hr/>
	1.496.827.172	1.032.986.478

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một phần tiền và các khoản tương đương tiền trị giá 52.507 triệu VND (1/1/2022: 81.527 triệu VND) được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của các công ty con (Thuyết minh 21(a)).

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND
Tiền gửi ngắn hạn	8.110.000	7.400.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

	Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	31/12/2022		1/1/2022		
				Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết								
Jiangwu H.C. Starck Tungsten Products Co. Ltd. Trung Quốc		30%	190.164.060	-	N/A	30%	180.510.490	N/A
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Nyobolt Limited (*) Cambridge, Anh	755.161	21,5%	1.342.363.039	-	(**)	-	-	-
			<u>1.532.527.099</u>	<u>-</u>			<u>180.510.490</u>	

(*) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 thể hiện khoản đầu tư vào 755.161 cổ phiếu của Nyobolt Limited (“Nyobolt”). Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, khoản đầu tư chiếm 21,5% vốn chủ sở hữu hoặc 15% lợi ích vốn chủ sở hữu trên cơ sở cổ phần pha loãng hoàn toàn. Ban Giám đốc đánh giá rằng Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể đối với Nyobolt và do đó, hạch toán khoản đầu tư này là đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác.

(**) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2022	1/1/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND
<i>Bên thứ ba</i>		
Khách hàng mua vonfram	1.390.396.738	1.481.640.329
Khách hàng mua fluorspar	611.534.261	217.890.096
Khách hàng mua bismuth	110.699.668	173.757.817
Khách hàng mua đồng	55.412.375	112.652.650
Các khách hàng khác	2.508.997	2.320.495
	<hr/>	<hr/>
	2.170.552.039	1.988.261.387

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 1 tháng 1 năm 2022, một phần khoản phải thu ngắn hạn được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 21(a)).

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan	21.200.000	21.200.000

Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan không được đảm bảo, phải thu trong vòng 12 tháng kể từ mỗi lần giải ngân và hưởng lãi theo các mức lãi suất được thỏa thuận trong các hợp đồng tại ngày giao dịch.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)***9. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác**

	31/12/2022	1/1/2022
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu từ công ty mẹ cấp trung		
Phải thu phi thương mại (a)	10.294.685	10.294.685
Tiền lãi phải thu	836.384	157.984
Chi phí phát triển hệ thống ERP	9.844.813	22.011.726
Phải thu khác từ các bên khác		
Phải thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (b)	244.772.921	241.979.433
Bồi thường bảo hiểm (c)	14.873.688	74.794.500
Nộp trước phí bảo vệ môi trường	114.239.595	43.000.000
Nộp trước thuế xuất khẩu	-	19.568.139
Thuế xuất khẩu phải thu	1.431.323	17.175.216
Tiền lãi phải thu	394.574	893.018
Phải thu ngắn hạn khác	37.714.577	23.844.687
	434.402.560	453.719.388
Phải thu dài hạn khác		
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND tỉnh Thái Nguyên (d)	1.230.754.171	1.230.754.171
Nộp tiền ký quỹ cho Quỹ Bảo vệ Môi trường (e)	78.049.195	70.220.846
Tài sản phức lợi xác định thuần	85.153.285	43.599.772
Phải thu dài hạn khác	9.297.648	-
	1.403.254.299	1.344.574.789

- (a) Phải thu phi thương mại thể hiện khoản trả hộ một công ty mẹ cấp trung không có đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo thỏa thuận.
- (b) Khoản phải thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (“TCQKTKS”) thể hiện tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung cho năm 2018 và 2019 và phí hành chính liên quan mà Công ty đã nộp cho cơ quan có thẩm quyền dựa trên tính toán tạm thời của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (“TCĐCKSVN”) theo Công văn số 3724/ĐCKS-KTĐCKS ngày 28 tháng 12 năm 2018 (“Công văn 3724”).

Công ty không đồng ý với khoản tiền bổ sung này và cơ sở của Công văn 3724 vì Ban Giám đốc Công ty cho rằng công văn này là không hợp lý và không theo đúng các quy định hiện hành, bởi vì theo Công văn 3724, giá được sử dụng để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (“Giá tính TCQKTKS”) được dựa trên giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm tài nguyên khoáng sản thay vì giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp. Theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 2 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về Thuế tài nguyên, nếu tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra, giá tính thuế tài nguyên là (=) giá bán sản phẩm công nghiệp trừ đi (-) chi phí chế biến phát sinh của công đoạn chế biến từ sản phẩm

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp nhưng không thấp hơn giá tính thuế do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định. Sản phẩm của Công ty là sản phẩm công nghiệp mà giá tính thuế tài nguyên được xác định theo giá cao hơn giữa giá bán trừ (-) chi phí chế biến và giá tính thuế do Ủy ban Nhân dân Tỉnh quy định (“UBNDT”). TCĐCKSVN đã không sử dụng giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp; mà sử dụng giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm tài nguyên khoáng sản - quặng vonfram (hàm lượng: $0,1\% < WO_3 < 0,3\%$).

Công ty đã thanh toán TCQKTKS sử dụng ước tính giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp theo Quyết định số 500/QĐ-BTNMT (“Quyết định 500”) do Bộ Tài Nguyên và Môi trường (“BTNMT”) ban hành ngày 4 tháng 3 năm 2015.

Công ty cũng đã gửi công văn lên cơ quan quản lý các cấp để nêu rõ vấn đề và xin giải quyết phù hợp cho việc xác định TCQKTKS của Công ty. Năm 2021, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 978/VPCP-KTTH ngày 8 tháng 2 năm 2021 và công văn số 5987/VPCP-KTTH ngày 28 tháng 8 năm 2021, vụ việc đang được Bộ Tài chính, BTNMT, UBND tỉnh Thái Nguyên và Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên xem xét để báo cáo lên Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Kinh tế của Quốc hội.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, Bộ TNMT ban hành Quyết định số 1640/QĐ/BTNMT (“Quyết định 1640”) để phê duyệt TCQKTKS cho mỏ Núi Pháo, thay thế phê duyệt tạm thu TCQKTKS theo Quyết định 500 và Công văn 3724 mặc dù giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được xác định. Khi ban hành Quyết định 1640 này, Bộ TNMT tiếp tục sử dụng giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho quặng vonfram (hàm lượng $0,1\% < WO_3 < 0,3\%$) thay vì sử dụng giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp mà bất cập của việc sử dụng giá này đã được Công ty nêu rõ trước đây. Theo Điểm 3 Điều 15 Nghị định 67, đối với những trường hợp đang tạm thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khi giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đang có hiệu lực và đúng quy định về giá khoáng sản nguyên khai để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thì được áp dụng chính thức, thay thế giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tạm thu trước đây. Ban Giám đốc đánh giá rằng vì giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được xác định bởi BTNMT và UBND tỉnh Thái Nguyên, Giá tính TCQKTKS làm căn cứ xác định TCQKTKS theo Quyết định 1640 chưa phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Do đó, sau khi Quyết định 1640 được ban hành, Công ty đã gửi nhiều công văn đến Thủ tướng Chính phủ và BNMT để đề xuất tạm thời chưa thực hiện thu bổ sung TCQKTKS theo Quyết định 1640 và yêu cầu xác định Giá tính TCQKTKS. Như đề cập tại Thuyết minh 35, tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, UBND tỉnh Thái Nguyên, Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan chức năng có liên quan vẫn đang phối hợp làm việc để xác định giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty.

Ban Giám đốc cho rằng bằng việc áp dụng giá được xác định trong Quyết định 500, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản nợ phải trả về TCQKTKS và khoản tiền đã nộp trên đây sẽ được hoàn lại hoặc bù cho các khoản nợ phải trả về TCQKTKS trong tương lai, dựa trên diễn giải của Công ty về quy định pháp luật liên quan, bao gồm các quy định về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các quy định về thuế tài nguyên. Do đó, Tập đoàn đã kế toán khoản TCQKTKS nộp thêm trong năm 2019 là khoản phải thu và chưa ghi nhận TCQKTKS tăng thêm theo Quyết định 1640 là nợ phải trả. Ban Giám đốc tin rằng khoản phải thu này sẽ được thu hồi khi giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty được xác định.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo**Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)****Mẫu B 09 – DN/HN***(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (c) Đây là khoản bồi thường bảo hiểm phải thu từ các công ty bảo hiểm cho tổn thất do mất lợi nhuận phát sinh từ việc gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 10 năm 2021. Số tiền bồi thường đã được các công ty bảo hiểm đầu mỗi xác nhận và đã được thu được một phần trong năm 2022.
- (d) Khoản này thể hiện khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với tiền thuê đất hàng năm trong các năm sau này.
- (e) Công ty có nghĩa vụ ký quỹ đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường. Theo Quyết định 1536/QĐ-BTNMT do BTNMT ban hành ngày 20 tháng 6 năm 2019, kế hoạch phục hồi mỏ đòi hỏi phải tăng khoản ký quỹ lên 123.460 triệu VND. Cũng tại ngày này, khoản ký quỹ còn lại là 87.692 triệu VND được phê duyệt cho trả góp hàng năm trong vòng 10 năm kể từ năm 2019. Đối với các lần ký quỹ trong tương lai, tiền ký quỹ trả góp sẽ bao gồm yếu tố trượt giá căn cứ vào chỉ số giá tiêu dùng hàng năm theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015.

10. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc Nghìn VND	Dự phòng Nghìn VND	Giá gốc Nghìn VND	Dự phòng Nghìn VND
Hàng mua đang đi trên đường	151.170.551	-	372.098.029	-
Nguyên vật liệu	715.317.905	(5.182.267)	753.100.358	(1.628.513)
Công cụ và dụng cụ	854.292.798	(9.008.193)	730.776.119	(7.482.718)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	941.458.267	(10.362.219)	945.659.620	(1.793.382)
Thành phẩm	3.999.477.087	(22.317.541)	2.933.086.998	(17.075.145)
Hàng hóa	21.880.799	-	389.748	-
Hàng gửi đi bán	141.496.064	-	153.828.563	-
	6.825.093.471	(46.870.220)	5.888.939.435	(27.979.758)

Trong hàng tồn kho của Tập đoàn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 có 96.285 triệu VND nguyên vật liệu, 135.138 triệu VND công cụ dụng cụ, 626.698 triệu VND sản phẩm dở dang và 1.101.051 triệu VND thành phẩm (1/1/2022: 1.629 triệu VND nguyên vật liệu, 101.919 triệu VND công cụ dụng cụ, 307.957 triệu VND chi phí sản xuất kinh doanh dở dang và 1.243.221 triệu VND thành phẩm) được ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

11. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND	Máy móc và thiết bị Nghìn VND	Dụng cụ văn phòng Nghìn VND	Phương tiện vận chuyển Nghìn VND	Tài sản khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	6.780.904.474	17.562.139.664	43.103.947	22.705.500	89.121.554	24.497.975.139
Tăng trong năm	391.256	38.983.984	-	-	-	39.375.240
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	167.508.265	72.485.557	-	-	-	239.993.822
Thanh lý	(395.994)	(31.284.905)	-	-	-	(31.680.899)
Biến động khác	2.363.111	(6.578.161)	-	-	-	(4.215.050)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	(38.758.047)	(138.376.752)	-	-	-	(177.134.799)
Số dư cuối năm	6.912.013.065	17.497.369.387	43.103.947	22.705.500	89.121.554	24.564.313.453
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	2.009.946.171	7.921.478.918	41.125.622	16.709.810	17.510.744	10.006.771.265
Khấu hao trong năm	314.311.554	778.327.499	716.236	1.971.835	3.802.344	1.099.129.468
Thanh lý	(154.973)	(28.521.198)	-	-	-	(28.676.171)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	(11.221.934)	(82.544.773)	-	-	-	(93.766.707)
Số dư cuối năm	2.312.880.818	8.588.740.446	41.841.858	18.681.645	21.313.088	10.983.457.855
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	4.770.958.303	9.640.660.746	1.978.325	5.995.690	71.610.810	14.491.203.874
Số dư cuối năm	4.599.132.247	8.908.628.941	1.262.089	4.023.855	67.808.466	13.580.855.598

Trong tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có các tài sản có nguyên giá là 116.895 triệu VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 98.143 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình của Tập đoàn có giá trị còn lại là 10.423 tỷ VND và 696 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để lần lượt đảm bảo cho các khoản trái phiếu dài hạn và khoản vay ngắn hạn của Công ty và một công ty mẹ cấp trung (1/1/2022: 10.323 tỷ VND và Không) (Thuyết minh 21(b) và Thuyết minh 21(a)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định vô hình

	Đất Nghìn VND	Phần mềm máy vi tính Nghìn VND	Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND	Chi phí triển khai (*) Nghìn VND	Tên thương hiệu Nghìn VND	Quan hệ với khách hàng Nghìn VND	Tài sản cố định vô hình khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND					
									Nguyên giá	Số dư đầu năm	Chuyển từ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	Xóa số	Chênh lệch do quy đổi tiền tệ
Nguyên giá	31.680.480	402.748.915	792.655.211	622.125.055	1.016.396.767	208.741.491	25.515.615	4.501.880.813					
Số dư đầu năm	-	-	-	-	-	-	-	94.079					
Chuyển từ Chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	(51.770)	94.079	-	-	-	-	-	(51.770)					
Xóa số	(732.570)	(6.597.845)	-	(13.972.653)	(22.827.821)	(4.688.241)	(886.829)	(81.194.646)					
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	-	-	-	-	-	-	-	-					
Số dư cuối năm	30.896.140	396.245.149	792.655.211	608.152.402	993.568.946	204.053.250	24.628.786	4.420.728.476					
Giá trị hao mòn lũy kế	-	377.488.044	235.734.416	121.396.847	54.090.753	9.305.674	4.915.883	911.111.262					
Số dư đầu năm	-	12.019.679	47.063.731	34.659.720	33.235.083	5.717.704	1.675.771	200.840.707					
Khấu hao trong năm	-	(6.324.148)	-	(2.624.591)	(1.117.116)	(192.187)	(139.443)	(12.631.677)					
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	-	-	-	-	-	-	-	-					
Số dư cuối năm	-	383.183.575	282.798.147	153.431.976	86.208.720	14.831.191	6.452.211	1.099.320.292					
Giá trị còn lại	31.680.480	25.260.871	556.920.795	500.728.208	962.306.014	199.435.817	20.599.732	3.590.769.551					
Số dư đầu năm	30.896.140	13.061.574	509.857.064	454.720.426	907.360.226	189.222.059	18.176.575	3.321.408.184					

(*) Chi phí triển khai bao gồm các dự án đã hoàn thành liên quan đến các biện pháp khác phục sự cố được sử dụng trong quy trình sản xuất của các công ty con.

Trong tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có các tài sản với nguyên giá 123.105 triệu VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 18.005 triệu VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có giá trị còn lại là 543 tỷ VND và 25 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để lần lượt đảm bảo cho các khoản trái phiếu dài hạn và khoản vay ngắn hạn của Công ty và một công ty mẹ cấp trung (1/1/2022: 571 tỷ VND và Không) (Thuyết minh 21(b) và Thuyết minh 21(a)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND	Đất Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	1.122.125.344	34.048.909	1.156.174.253
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	(25.789.738)	(764.723)	(26.554.461)
Số dư cuối năm	1.096.335.606	33.284.186	1.129.619.792
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	355.626.945	-	355.626.945
Khấu hao trong năm	59.801.040	-	59.801.040
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	(8.211.195)	-	(8.211.195)
Số dư cuối năm	407.216.790	-	407.216.790
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	766.498.399	34.048.909	800.547.308
Số dư cuối năm	689.118.816	33.284.186	722.403.002

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản tại ngày mua HCS.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, bất động sản đầu tư có giá trị ghi sổ là 649 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của một công ty con (1/1/2022: Không) (Thuyết minh 21(a)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2022	2021
	Ngàn VND	Ngàn VND
Số dư đầu năm	1.132.520.931	1.467.480.229
Tăng trong năm	1.162.281.719	746.691.703
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(239.993.822)	(392.432.996)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)	(94.079)	(3.717.151)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15)	(3.359.516)	(560.333.761)
Chuyển sang các khoản phải thu khác	-	(120.700.853)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	(1.945.052)	(4.466.240)
	2.049.410.181	1.132.520.931

Trong năm, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn trị giá là 67 tỷ VND (2021: 29 tỷ VND).

Tại ngày báo cáo, chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn có giá trị ghi sổ 1.874 tỷ VND chủ yếu phản ánh chi phí đền bù đất, chi phí phát triển và xây dựng mỏ và nhà máy và các chi phí khác được vốn hóa liên quan đến các đập chứa đuôi quặng, được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của Tập đoàn (Thuyết minh 21(b)).

	31/12/2022	1/1/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND
Đền bù đất	388.080.883	337.970.014
Giải phóng mặt bằng, di dời cơ sở hạ tầng và các chi phí khác	205.963.050	194.478.207
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	1.120.275.292	477.823.887
Các đập chứa đuôi quặng	168.661.925	-
Các tài sản khác	166.429.031	122.248.823
	2.049.410.181	1.132.520.931

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước và chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND	Chi phí khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Chi phí phát sinh để có được hợp đồng (*) Nghìn VND	Chi phí trả trước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	1.379.226.941	1.772.535.296	157.032.274	211.815.502	3.520.610.013
Tăng trong năm	-	180.106.351	-	52.948.512	233.054.863
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	-	-	-	3.359.516	3.359.516
Phân bổ trong năm	(81.324.893)	(172.340.627)	(26.178.476)	(107.448.774)	(387.292.770)
Số dư cuối năm	1.297.902.048	1.780.301.020	130.853.798	160.674.756	3.369.731.622

(*) Tháng 9 năm 2020, Công ty phát sinh chi phí chấm dứt hợp đồng bao tiêu dài hạn với một khách hàng hiện hữu để có được một hợp đồng thuận lợi hơn với một khách hàng mới. Chi phí này là chi phí phát sinh để có được hợp đồng, do đó được vốn hóa và phân bổ theo phương pháp mang tính hệ thống và phù hợp với việc chuyển giao hàng hóa theo hợp đồng mới này.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

(a) Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận

	Thuế suất	31/12/2022 Nghìn VND	1/1/2022 Nghìn VND
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại			
Tái xác định dự phòng trợ cấp hưu trí phải trả thuần	30%	225.806.679	653.730.131
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	7,5% - 30%	278.547.539	187.233.236
Chi phí phải trả và các khoản dự phòng (*)	30%	38.057.534	27.968.264
Quan hệ có từ trước – Lợi ích của hợp đồng với Công ty	30%	12.027.409	16.036.546
Lãi chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	5% - 10%	2.861.558	2.537.590
Bù trừ		(536.421.441)	(590.701.894)
Tổng tài sản thuế thu nhập hoãn lại		20.879.278	296.803.873
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả			
Tài sản vô hình mới được xác định từ hợp nhất kinh doanh	25% - 30%	818.635.499	878.862.616
Tài sản hữu hình mới được xác định từ hợp nhất kinh doanh (*)	15% - 30%	583.281.891	635.445.223
Tài sản dài hạn	7,5% - 20%	82.201.035	45.870.277
Đầu tư vào công ty liên kết	25%	49.629.963	45.127.623
Lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ	10% - 30%	35.604.296	27.647.631
Các khoản khác (*)	10% - 30%	159.765	(3.979.677)
Bù trừ		(559.426.787)	(615.032.281)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		1.010.085.662	1.013.941.412

(*) Các khoản tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ phải trả thuế thu nhập hoãn lại này chủ yếu phát sinh từ HCS và các công ty con. Các khoản mục này được trình bày trên cơ sở thuần do các công ty con có quyền hợp pháp được bù trừ tài sản thuế thu nhập hiện hành với nợ thuế thu nhập hiện hành phải trả, và tài sản thuế thu nhập hoãn lại với thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan đến các khoản thuế thu nhập được áp bởi cùng một cơ quan quản lý thuế đối với cùng một đơn vị chịu thuế.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

17. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Người mua trả tiền trước ngắn hạn chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2022	1/1/2022
	Nghìn VND	Nghìn VND
<i>Các bên khác</i>		
Khách hàng mua Fluorspa	476.200.000	-
Khách hàng mua Bismuth	251.506	10.884.532
Các khách hàng khác	13.352.564	23.824.819
	<hr/>	<hr/>
	489.804.070	34.709.351
	<hr/>	<hr/>

Khoản khách hàng trả tiền trước cho giao dịch bán Fluorspa và Bismuth được căn trừ hàng tháng thông qua các lần giao hàng sau đó. Khoản trả tiền trước của khách hàng mua fluorspa chịu phí trả trước theo điều khoản thỏa thuận và được công ty mẹ cấp trung và cấp cao nhất bảo lãnh.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2022 Nghìn VND	Số phải nộp trong kỳ Nghìn VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ Nghìn VND	Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ Nghìn VND	31/12/2022 Nghìn VND
Thuế phải trả Nhà nước Việt Nam					
Thuế giá trị gia tăng	-	474.598.937	(474.598.937)	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	221.906.308	(221.906.308)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	909.619	21.697.585	(1.052.525)	-	21.554.679
Thuế bảo vệ môi trường	-	20.868.536	(20.868.536)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	9.157.300	136.285.058	(136.421.254)	-	9.021.104
Thuế tài nguyên	-	459.285.699	(459.285.699)	-	-
Các loại thuế khác	4.747.868	27.742.790	(31.711.743)	-	778.915
	14.814.787	1.362.384.913	(1.345.845.002)	-	31.354.698
Thuế phải trả cơ quan thuế nước ngoài					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	82.426.820	23.386.722	(45.928.004)	(2.014.291)	57.871.247
Các loại thuế khác	69.519.419	314.018.907	(311.455.063)	(1.304.698)	70.778.565
	151.946.239	337.405.629	(357.383.067)	(3.318.989)	128.649.812
	166.761.026	1.699.790.542	(1.703.228.069)	(3.318.989)	160.004.510

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	Nghìn VND	Nghìn VND
Chi phí hoạt động	353.630.937	437.262.097
Tiền lãi vay phải trả	202.150.017	166.960.789
Phí tư vấn	15.851.304	474.240
Thuế và phí tài nguyên	138.872.954	159.686.751
Tiền thưởng	46.335.612	180.705.685
Chi phí xây dựng phải trả	3.597.485	3.364.036
Các chi phí tài chính khác	919.329	1.161.030
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.821.264	1.384.685
	763.178.902	950.999.313

20. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác bao gồm các khoản sau:

	31/12/2022	1/1/2022
	Nghìn VND	Nghìn VND
Ngắn hạn		
Phải trả công ty mẹ cấp cao nhất		
Chi phí tài chính – ngắn hạn	-	9.781.016
Phải trả công ty mẹ cấp trung		
Phải trả theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) (a)	1.000.000.000	-
Phần lợi nhuận được chia từ HĐHTKD (b)	66.104.124	54.956.940
Các khoản khác chuyển giao cho công ty con	5.311.259	23.695.454
Phải trả công ty mẹ		
Lợi nhuận được chia phải trả	225	-
Các bên khác		
Thư tín dụng trả chậm có điều khoản thanh toán ngay (UPAS LC) (c)	935.610.039	316.570.655
Phải trả ngắn hạn khác	42.490.728	12.864.667
	2.049.516.375	417.868.732
Dài hạn		
Phải trả công ty mẹ cấp trung		
Phải trả theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (a)	2.000.000.000	3.000.000.000

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (a) Các khoản này phản ánh khoản đóng góp của một công ty mẹ cấp trung theo các HĐHTKD ngày 21 tháng 9 năm 2018 và 16 tháng 11 năm 2018 và các bản sửa đổi nhiều lần sau đó, theo đó công ty mẹ cấp trung này sử dụng số tiền thu được từ phát hành trái phiếu trị giá lần lượt là 1.000 tỷ, 500 tỷ VND, 500 tỷ VND và 1.000 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với Tập đoàn. Ba khoản HĐHTKD đầu tiên trị giá 2.000 tỷ VND có thời gian hợp tác là sáu mươi (60) tháng kể từ ngày thanh toán khoản đóng góp trị giá 500 tỷ VND cuối cùng vào ngày 28 tháng 5 năm 2019. Khoản HĐHTKD thứ tư trị giá 1.000 tỷ VND có thời gian hợp tác là sáu mươi (60) tháng kể từ ngày thanh toán khoản đóng góp vào tháng 11 năm 2018 và đã được phân loại sang phải trả ngắn hạn khác.
- (b) Phần lợi nhuận được chia từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) phải trả một công ty mẹ cấp trung không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả dựa trên thỏa thuận giữa các bên.
- (a) Đây là các khoản phải trả các ngân hàng trong nước phát hành UPAS LC cho Tập đoàn. Số dư chưa thanh toán chịu lãi suất cố định trong thời hạn trả chậm từ 4 đến 9 tháng và một phần của số dư này được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo sau:
- một số cổ phần của công ty mẹ cấp trung do một công ty liên quan nắm giữ;
 - quyền đối với các khoản phải thu phát sinh từ (i) hợp đồng mua bán với MTC, một công ty con và (ii) hợp đồng mua bán thành phẩm giữa Công ty với các đối tác khác;
 - toàn bộ hàng tồn kho của Công ty;
 - quyền đối với các khoản phải thu liên quan đến hối phiếu hoặc chứng từ được chiết khấu;
 - một phần hoặc toàn bộ động sản và bất động sản (bao gồm cả quyền đối với tài sản) thuộc Dự án Núi Pháo của Công ty;
 - được bảo lãnh của công ty mẹ cấp cao nhất.

Biến động của các khoản phải trả từ UPAS LC trong năm như sau:

	2022	2021
	Nghìn VND	Nghìn VND
Số dư đầu kỳ	316.570.655	-
Tăng trong kỳ	1.464.668.400	801.207.252
Các khoản thanh toán	(845.629.016)	(484.636.597)
	935.610.039	316.570.655

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Vay và trái phiếu phát hành

(a) Vay ngắn hạn và trái phiếu phát hành ngắn hạn

	1/1/2022		Biến động trong năm		31/12/2022	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Tăng Nghìn VND	Thanh toán Nghìn VND	Phân bổ phí phát hành trái phiếu Nghìn VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện Nghìn VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (Thuyết minh 2(c)) Nghìn VND
Vay ngắn hạn	3.801.630.387	8.447.891.713	(6.441.091.614)	-	9.810.965	5.818.241.451
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 21(b))	998.462.786	5.774.181.930	(1.000.000.000)	16.589.240	-	5.789.233.956
	4.800.093.173	14.222.073.643	(7.441.091.614)	16.589.240	9.810.965	11.607.475.407

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2022		1/1/2022	
		Lãi suất năm %	Nghìn VND	Lãi suất năm %	Nghìn VND
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*) (**)	USD	3,92 - 8,60	563.751.158	3,34 - 4,46	349.968.164
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*) (**)	VND	4,10 - 8,87	333.714.270	3,34 - 4,07	908.780.000
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*) (**)	USD	3,92 - 10,24	185.404.032	3,92	99.247.616
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	VND	6,20 - 8,50	957.259.856	6,20 - 7,30	966.211.032
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	5,10 - 5,90	25.727.971	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	4,00 - 9,50	394.465.896	4,00 - 5,30	462.795.428
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	VND	8,40 - 9,30	305.413.750	7,70 - 8,70	974.000
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	VND	9,30	151.947.330	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	6,50 - 9,50	11.756.448	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	3,00 - 7,80	533.739.324	3,00 - 3,70	55.056.000
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	4,60 - 7,70	206.931.566	4,60 - 5,10	334.198.913
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	5,00 - 5,10	7.547.532	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	5,20 - 6,45	58.834.403	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	EUR	3,23	779.220.000	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	CNY	4,35	35.299.394	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	5,20 - 7,50	117.278.387	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo	VND	-	-	7,20 - 7,25	8.895.279
Khoản vay ngân hàng không được đảm bảo	VND	-	-	7,20	107.331.633
Khoản vay ngân hàng không được đảm bảo	VND	4,30 - 9,20	50.911.992	4,70 - 5,40	35.000.000
Khoản vay ngân hàng không được đảm bảo	USD	3,05 - 7,42	301.798.142	3,05 - 3,50	291.496.322
Khoản vay từ bên liên quan	VND	5,00 - 7,00	197.240.000	7,00	181.676.000
Khoản vay từ bên liên quan	VND	6,50 - 7,30	600.000.000	-	-
			5.818.241.451		3.801.630.387

- (*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng các tài sản sau:
- một phần phải thu ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 7); và/hoặc
 - một số cổ phiếu do công ty mẹ cấp trung phát hành do một công ty liên quan nắm giữ; và/hoặc
 - bất động sản đầu tư có giá trị ghi sổ là 649 tỷ VND (Thuyết minh 13); và/hoặc
 - một phần khoản phải thu ngắn hạn và tất cả các tài khoản ngân hàng của một công ty con mở tại ngân hàng cho vay (Thuyết minh 5 và Thuyết minh 7); và/hoặc
 - một phần tài sản dài hạn của Công ty và công ty con (Thuyết minh 11, Thuyết minh 12 và Thuyết minh 14).

(**) Đây là các khoản vay một ngân hàng trong nước là một công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Trái phiếu phát hành dài hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn	7.279.829.806	7.259.604.696
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 21(a))	(5.789.233.956)	(998.462.786)
	1.490.595.850	6.261.141.910

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn hiện còn số dư như sau:

		Loại	Năm	31/12/2022	1/1/2022
		tiền	đáo hạn	Nghìn VND	Nghìn VND
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	VND	2023	1.596.800.000	1.587.200.000
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	VND	2023	998.666.667	996.000.000
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	VND	2023	998.357.417	995.541.561
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	VND	2023	998.000.000	992.000.000
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	VND	2023	697.900.000	693.700.000
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	VND	2023	499.509.872	498.669.652
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(i)	VND	2024	498.874.684	498.030.696
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	VND	2027	497.833.333	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	VND	2027	286.481.333	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	VND	2027	207.406.500	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	VND	2022	-	209.571.578
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	VND	2022	-	189.611.468
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	VND	2022	-	99.795.510
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	VND	2022	-	299.718.671
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	VND	2022	-	199.765.560
				7.279.829.806	7.259.604.696

- (i) Đây là số trái phiếu không chuyên đổi do Công ty phát hành, có lãi suất được điều chỉnh sáu tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bình quân kỳ hạn mười hai tháng của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng với 3,1% đến 4,6%/năm.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các trái phiếu không chuyên đổi bằng VND này được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo sau:

- một phần tài sản dài hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 11, Thuyết minh 12 và Thuyết minh 14); và/hoặc
- một số cổ phiếu do công ty mẹ cấp trung phát hành và nắm giữ bởi một công ty liên quan; và/hoặc
- được bảo lãnh bởi công ty mẹ cấp cao nhất.

Giá trị trái phiếu có đảm bảo này được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

- (*) Đại diện của các trái chủ của số trái phiếu trên là công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Khôi phục môi trường mỏ Nghìn VND	Quyền khai thác mỏ Nghìn VND	Dự phòng trợ cấp hưu trí và các khoản dự phòng khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	108.699.880	533.118.494	5.708.906.772	6.350.725.146
Dự phòng lập trong năm	5.130.634	10.349.353	68.449.170	83.929.157
Tái xác định dự phòng trợ cấp hưu trí (*)	-	-	(1.241.558.061)	(1.241.558.061)
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(173.145.651)	(215.735.697)	(388.881.348)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	(181.432.751)	(181.432.751)
Số dư cuối năm	113.830.514	370.322.196	4.138.629.433	4.622.782.143

(*) Như trình bày tại Thuyết minh 3(n)(iii), giá trị tái xác định nghĩa vụ phúc lợi xác định thuần – dự phòng trợ cấp hưu trí và khoản thuế thu nhập hoãn lại liên quan được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu dưới tài khoản “Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu” theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp Nghìn VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Nghìn VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu Nghìn VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Nghìn VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về các chủ sở hữu của Công ty Nghìn VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát Nghìn VND	Tổng vốn chủ sở hữu Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	10.792.915.155	(189.058.585)	(358.967.342)	709.335.437	10.954.224.665	66.845.459	11.021.070.124
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	294.852.352	294.852.352	65.512.786	360.365.138
Tái xác định dự phòng trợ cấp hưu trí	-	-	188.714.955	-	188.714.955	-	188.714.955
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(176.770.525)	-	-	(176.770.525)	(11.429.770)	(188.200.295)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	10.792.915.155	(365.829.110)	(170.252.387)	1.004.187.789	11.261.021.447	120.928.475	11.381.949.922
Lợi nhuận thuần trong năm	-	-	-	177.227.150	177.227.150	36.126.728	213.353.878
Tái xác định dự phòng trợ cấp hưu trí	-	-	845.796.388	-	845.796.388	-	845.796.388
Lợi nhuận phân phối	-	-	-	-	-	(225)	(225)
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(53.590.654)	-	-	(53.590.654)	8.902.657	(44.687.997)
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	10.792.915.155	(419.419.764)	675.544.001	1.181.414.939	12.230.454.331	165.957.635	12.396.411.966

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Được duyệt và đã góp	
	31/12/2022	1/1/2022
	Ngàn VND	%
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”)	2.158.583.031	20%
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	8.634.332.124	80%
	10.792.915.155	100%

Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên và Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên đều được thành lập tại Việt Nam. Công ty mẹ cấp cao nhất, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, cũng được thành lập tại Việt Nam.

25. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022	1/1/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND
Trong vòng một năm	17.090.495	12.395.324
Trong vòng hai đến năm năm	11.877.804	16.227.391
	28.968.299	28.622.715

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương Ngàn VND	Nguyên tệ	Tương đương Ngàn VND
USD	35.832.904,37	838.848.291	14.045.416,12	318.128.675
EUR	9.992.102,47	248.763.383	8.071.721,05	205.570.592
JPY	463.833.343,00	81.653.222	341.132.473,00	66.309.330
CNY	13.688.956,86	41.614.429	8.405.767,48	28.495.552
CAD	1.058.111,48	18.116.985	451.969,71	7.970.486

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2022	1/1/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND
Nợ khó đòi đã xử lý	30.294.111	30.294.111

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày ngày 31 tháng 12 năm 2022 Tập đoàn có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2022	1/1/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	3.287.792.135	3.099.626.529
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	413.393.152	82.949.023
	3.701.185.287	3.182.575.552

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, cung cấp dịch vụ không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế xuất khẩu.

27. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022	2021
	Ngàn VND	Ngàn VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	523.367.307	333.321.053
Lãi tiền gửi và cho vay	11.654.824	10.279.897
Doanh thu hoạt động tài chính khác	738.658	74.947
	535.760.789	343.675.897

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Chi phí tài chính

	2022	2021
	Ngàn VND	Ngàn VND
Chi phí lãi vay	848.051.101	804.954.900
Chi phí tài chính cho HĐHTKD	281.490.988	279.984.084
Chi phí đi vay	74.475.622	68.557.297
Lỗ chênh lệch tỷ giá	625.299.246	172.839.990
Chi phí tài chính khác	162.613.181	117.290.889
	1.991.930.138	1.443.627.160

29. Chi phí bán hàng

	2022	2021
	Ngàn VND	Ngàn VND
Cước phí vận chuyển	270.781.317	230.927.869
Chi phí dịch vụ mua ngoài	73.086.068	81.969.934
Chi phí khấu hao	7.596.042	7.503.098
Chi phí lương	56.762.081	76.581.084
Các khoản khác	44.749.433	48.640.408
	452.974.941	445.622.393

30. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022	2021
	Ngàn VND	Ngàn VND
Chi phí lương	342.206.820	330.781.719
Chi phí dịch vụ mua ngoài	80.453.227	36.414.185
Chi phí khấu hao	60.219.812	75.427.755
Thuế và phí pháp lý	5.283.023	8.280.893
Văn phòng phẩm	1.270.669	55.680.642
Các khoản khác	90.431.944	122.718.516
	579.865.495	629.303.710

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Thu nhập khác

	2022	2021
	Nghìn VND	Nghìn VND
Thu nhập từ cho thuê tài sản	57.919.402	-
Thu nhập từ bồi thường bảo hiểm	42.221.376	87.316.300
Lãi bán phế liệu	12.430.944	10.795.294
Thu nhập từ cung cấp dịch vụ cho công ty mẹ cấp trung	3.907.531	20.010.660
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	137.866	121.641
Hoàn nhập thuế GTGT đầu vào đã xóa sổ các năm trước	25.158.904	-
Các khoản khác	29.866.910	43.939.658
	<hr/>	<hr/>
	171.642.933	162.183.553
	<hr/>	<hr/>

32. Chi phí khác

	2022	2021
	Nghìn VND	Nghìn VND
Chi phí cho thuê tài sản	57.590.091	-
Lỗ do thanh lý tài sản cố định	3.096.997	1.201.810
Chi phí từ cung cấp dịch vụ cho công ty mẹ cấp trung	-	19.998.660
Các khoản khác	36.183.623	83.224.496
	<hr/>	<hr/>
	96.870.711	104.424.966
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

33. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	2022	2021
	Ngàn VND	Ngàn VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Năm hiện hành	47.467.044	59.726.292
Dự phòng thừa trong những năm trước	(2.382.737)	(298.751)
	<hr/> 45.084.307	<hr/> 59.427.541
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh chênh lệch tạm thời	13.106.966	(177.952.130)
Lợi ích của lỗ tính thuế được ghi nhận	(97.182.841)	-
Ghi giảm thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận	(66.541.153)	35.745.812
	<hr/> (150.617.028)	<hr/> (142.206.318)
Lợi ích thuế thu nhập hoãn lại	<hr/> (105.532.721)	<hr/> (82.778.777)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022	2021
	Ngàn VND	Ngàn VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	107.821.157	277.586.361
	<hr/>	<hr/>
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	16.173.174	41.637.954
Chi phí không được khấu trừ thuế	1.053.495	4.963.248
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với thu nhập khác	(19.607.290)	(1.082.902)
Ảnh hưởng của các mức thuế suất khác áp dụng cho các công ty con	(61.080.281)	(191.568.784)
Ưu đãi thuế	(20.022.083)	(27.844.449)
Lỗ tính thuế được sử dụng	(13.005.112)	(24.856.632)
Dự phòng thừa trong những năm trước	(2.382.737)	(298.751)
Biến động tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận phát sinh từ các chênh lệch tạm thời	59.879.266	80.525.727
Ghi giảm tài sản thuế thu nhập hoãn lại	(66.541.153)	35.745.812
	<hr/> (105.532.721)	<hr/> (82.778.777)

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Thuế suất áp dụng

Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận tính thuế. Các công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập theo quy định hiện hành. Công ty và các công ty con của Công ty được hưởng các ưu đãi thuế khác nhau, theo đó các công ty con này được hưởng thêm các miễn giảm thuế như sau:

- Công ty được hưởng các ưu đãi thuế áp dụng cho hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản đối với các sản phẩm khoáng sản không phải vàng tại các địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.
- MTC – một công ty con được hưởng các ưu đãi thuế áp dụng cho dự án đầu tư ứng dụng công nghệ cao theo các quy định thuế hiện hành tại Việt Nam.

Tất cả các điều khoản miễn giảm thuế nêu trên sẽ không áp dụng với thu nhập khác và thu nhập khác sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

- HCS và các công ty con của HSC có trụ sở tại Đức, Canada, Trung Quốc.
 - Các công ty có trụ sở tại Đức có hình thức pháp lý là công ty cổ phần phải chịu mức thuế doanh nghiệp 15% cộng với khoản phụ thu thuế với mức 5,5% (phụ thu thuế đoàn kết cộng đồng – solidarity surcharge). Do đó, tổng thuế suất phải nộp là 15,825%. Các công ty này cũng phải nộp thuế Thương mại (Trade tax), bằng thuế suất cơ bản (uniform tax rate) 3,5 % (mức thuế cơ sở) nhân với mức thuế suất địa phương tùy thuộc vào vị trí của trụ sở công ty. Mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp là tổng thuế suất và thuế mật dịch, trung bình xấp xỉ 30%;
 - H.C. Starck Jiangwu Tungsten Specialities (Ganzhou), Co., Ltd chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp 15% áp dụng cho doanh nghiệp sản xuất có vốn đầu tư nước ngoài và thành lập tại Cám Châu, tỉnh Giang Tây, Trung Quốc;
 - H.C. Starck Canada Inc. chịu mức thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp áp dụng cho doanh nghiệp Canada, xấp xỉ 25%.

(d) Các vấn đề thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng luật thuế tại một số quốc gia nơi Công ty và các công ty con hoạt động phụ thuộc vào việc diễn giải và có thể thay đổi theo thời gian. Số liệu quyết toán thuế có thể tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau. Các cơ quan này có thẩm quyền ấn, phạt thuế và tính lãi chậm nộp. Thực tế này có thể dẫn đến rủi ro về thuế cho Công ty và các công ty con. Ban lãnh đạo tin rằng, Công ty và các công ty con đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản thuế phải nộp dựa trên cách diễn giải về luật thuế, bao gồm các quy định về chống chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Tuy nhiên, các cơ quan thuế có thẩm quyền có thể có những cách diễn giải luật khác nhau.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong năm Tập đoàn có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau.

(a) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Tập đoàn có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“TCB”) theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con và các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất nắm giữ các khoản trái phiếu đã phát hành của Công ty trị giá lần lượt là 70.000 triệu VND (1/1/2022: không), 807.193 triệu VND (1/1/2022: không) và 182.823 triệu VND (1/1/2022: 182.823 triệu VND).

(b) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2022 Nghìn VND	2021 Nghìn VND
Nhà đầu tư			
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”)	Phân phối lợi nhuận	225	-
Công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”)	Khoản vay nhận được	797.240.000	241.676.000
	Khoản vay đã trả	181.676.000	60.000.000
	Chi phí lãi vay	19.593.762	9.850.057
	Thu hồi khoản cho vay	-	1.143.479.452
	Thu nhập lãi cho vay	-	4.270.122
Công ty mẹ cấp trung			
Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“MHT”)	Lợi nhuận được chia từ HĐHTKD	281.490.988	279.984.084
	Chi trả lợi nhuận được chia	270.343.803	274.989.256
	Số tiền yêu cầu công ty mẹ hoàn trả	3.907.531	20.010.660
	Số tiền công ty mẹ yêu cầu công ty con hoàn trả	-	23.531.814
Công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Mua hàng hóa	1.351.022	1.395.460
	Mua dịch vụ	122.030	786.573
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce (“WCM”)	Lãi trái phiếu	24.127.446	-
Công ty Cổ phần Masan Meat Life (“MML”)	Lãi trái phiếu	5.748.164	-
Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất			

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2022	2021
		Nghìn VND	Nghìn VND
TCB và các công ty con	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	114,766,583	82.884.527
	Khoản vay nhận được	1.688.168.551	1.621.482.534
	Hoàn trả gốc vay	1.961.417.271	1.393.426.927
	Tiền thu được từ phát hành trái phiếu (*)	290.000.000	-
	Mua lại trái phiếu	45.176.200	194.755.460
	Bán chứng khoán kinh doanh	-	195.548.150
Cán bộ quản lý chủ chốt			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (**)	23.084.039	39.110.438

(*) Trái phiếu đã được niêm yết và bán rộng rãi cho các nhà đầu tư theo một thỏa thuận thu xếp giao dịch.

(**) Không có khoản phí quản lý nào được thanh toán cho các thành viên Hội đồng Thành viên cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

35. Nợ tiềm tàng

Như đã thuyết minh tại Thuyết minh 9(b), vào ngày 23 tháng 8 năm 2021, Bộ TNMT ban hành Quyết định số 1640/QĐ/BTNMT (“Quyết định 1640”) phê duyệt TCQKTKS cho mỏ Núi Pháo, thay thế phê duyệt tạm thu TCQKTKS theo Quyết định 500 và Công văn 3724 mặc dù giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được xác định. Khi ban hành Quyết định 1640 này, Bộ TNMT tiếp tục sử dụng giá tính thuế tài nguyên cho sản phẩm tài nguyên áp dụng cho quặng vonfram (hàm lượng $0,1\% < WO_3 < 0,3\%$) thay vì sử dụng giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp mà bất cập của việc sử dụng giá này đã được Công ty nêu rõ trước đây. Giá tính TCQKTKS chính thức theo Quyết định 1640 là 1.831.085 đồng/tấn trong khi Giá tính TCQKTKS tạm thu theo Quyết định 500 là 775.026 đồng/tấn. Theo đó, số TCQKTKS phải nộp thêm do chênh lệch Giá tính TCQKTKS trong giai đoạn từ 2015 đến 2021 là 394,5 tỷ VND.

Sau khi Quyết định 1640 được ban hành, Công ty đã gửi nhiều công văn đến Thủ tướng Chính phủ và Bộ TNMT để đề xuất tạm thời chưa thực hiện thu bổ sung thu TCQKTKS theo Quyết định 1640 và yêu cầu xác định TCQKTKS áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty.

Vào ngày 6 tháng 10 năm 2021, Công ty nhận được Thông báo nộp TCQKTKS từ Cục thuế tỉnh Thái Nguyên căn cứ theo Quyết định 1640. Ngày 8 tháng 12 năm 2021, Cục thuế tỉnh Thái Nguyên ban hành Công văn số 4883/CTTNG-QLN yêu cầu Công ty nộp bổ sung 125,8 tỷ VND TCQKTKS cho giai đoạn 2018 đến 2021 và 4,1 tỷ VND tiền chậm nộp tương ứng.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Ban Giám đốc tin rằng Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản nợ phải trả về TCQKTKS dựa trên diễn giải của Công ty về quy định pháp luật liên quan, bao gồm các quy định về TCQKTKS và quy định về thuế tài nguyên. Do đó, Ban Giám đốc Công ty đã gửi công văn lên cơ quan quản lý các cấp để nêu rõ vấn đề và xin giải quyết phù hợp cho việc xác định TCQKTKS của Công ty.

Trong năm 2021, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 978/VPCP-KTTH ngày 8 tháng 2 năm 2021 và Công văn số 5987/VPCP-KTTH ngày 28 tháng 8 năm 2021, vụ việc đang được Bộ Tài chính, Bộ TNMT, UBND tỉnh Thái Nguyên và Sở Tài chính (“STC”) tỉnh Thái Nguyên xem xét để báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Kinh tế Quốc hội. Năm 2022, các cơ quan liên quan của trung ương và của tỉnh, thông qua cuộc họp do TCĐCKSVN chủ trì, đã thống nhất xác định có bất cập về giá tính thuế tài nguyên làm căn cứ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho dự án Núi Pháo. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Thái Nguyên đã làm việc với Bộ Tài chính và Bộ TNMT để tìm kiếm đơn vị tư vấn kỹ thuật, đồng thời chỉ đạo Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên phối hợp với các sở, ngành liên quan của địa phương hoàn thiện thủ tục lựa chọn đơn vị tư vấn kỹ thuật phù hợp để xây dựng cơ chế xác định giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm công nghiệp của Công ty. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính hợp nhất này, UBND tỉnh Thái Nguyên, Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan chức năng có liên quan vẫn đang phối hợp làm việc để xác định giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty.

Ban Giám đốc đánh giá rằng vì giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được Bộ TNMT và UBND tỉnh Thái Nguyên xác định, cho nên giá tính TCQKTKS làm căn cứ xác định TCQKTKS theo Quyết định 1640 chưa phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Do đó, Công ty tin rằng khi giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty được xác định, TCQKTKS chính thức của mỏ Núi Pháo cho giai đoạn từ 2015 trở đi sẽ được xác định, và thay thế TCQKTKS như đã phê duyệt tại Quyết định 1640.

Kết quả cuối cùng của vấn đề này hiện nay vẫn chưa có và phụ thuộc vào việc giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty được xác định và Bộ TNMT có chấp thuận tính toán lại TCQKTKS tại Quyết định 1640 theo Giá tính TCQKTKS đó khi được xác định. Do đó, Công ty chưa ghi nhận TCQKTKS bổ sung theo Quyết định 1640 là nợ phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

36. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Người soát xét:

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc



**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản
Núi Pháo**

Báo cáo tài chính riêng
cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 4600864513 ngày 5 tháng 7 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 3 tháng 6 năm 2022. Giấy Chứng nhận và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 4600864513 được cấp vào ngày 5 tháng 7 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 17121000026 ngày 21 tháng 7 năm 2010
17121000026-điều chỉnh lần 1 ngày 23 tháng 2 năm 2011
17121000026-điều chỉnh lần 2 ngày 6 tháng 2 năm 2013
17121000026-điều chỉnh lần 3 ngày 23 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đầu tư và các bản điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư “Dự án Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo”. Dự án có thời gian hoạt động 30 năm kể từ ngày 3 tháng 2 năm 2004.

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Thiệu Nam	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Chủ tịch
Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên
Ông Danny Le	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw	Tổng Giám đốc
Bà Đinh Lệ Hằng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 20 tháng 2 năm 2023)
Ông Nguyễn Huy Tuấn	Quyền Giám đốc Tài chính (từ ngày 1 tháng 7 năm 2022)
Ông Stuart James Wells	Giám đốc Tài chính (đến ngày 30 tháng 6 năm 2022)

Trụ sở đăng ký

Xóm Suối Cát, Xã Hà Thượng
Huyện Đại Từ
Tỉnh Thái Nguyên
Việt Nam

Văn phòng đại diện Hà Nội

106 Hoàng Quốc Việt
Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH KPMG
Việt Nam



KPMG Limited
46th Floor, Keangnam Landmark 72
E6 Pham Hung Street, Me Tri Ward
South Tu Liem District, Hanoi, Vietnam
+84 (24) 3946 1600 | kpmg.com.vn

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi các Nhà đầu tư Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng đính kèm của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“Công ty”), bao gồm bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng liên quan cho năm kết thúc cùng ngày và các thuyết minh kèm theo được Ban Giám đốc Công ty phê duyệt phát hành ngày 15 tháng 3 năm 2023, được trình bày từ trang 5 đến trang 47.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính, và chịu trách nhiệm đối với hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hay nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng này dựa trên kết quả kiểm toán của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm việc thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và các thuyết minh trong báo cáo tài chính. Các thủ tục được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện các đánh giá rủi ro này, kiểm toán viên xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan tới việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc Công ty, cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi thu được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

11
Đ
N
N
H
I
E
N



Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính trước hợp nhất của Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý người đọc tới Thuyết minh 33 của báo cáo tài chính riêng đề cập đến việc trong năm 2021, Bộ Tài nguyên và Môi trường (“BTNMT”) đã ban hành Quyết định số 1640/QĐ/BTNMT (“Quyết định 1640”) xác định mức giá được sử dụng để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (“Giá tính TCQKTKS”) và tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (“TCQKTKS”) của mỏ Núi Pháo thay thế Giá tính TCQKTKS và TCQKTKS tạm tính trong Quyết định số 500/QĐ-BTNMT do BTNMT ban hành vào ngày 4 tháng 3 năm 2015, mặc dù tại thời điểm ban hành Quyết định này giá tính thuế áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được xác định. Giá tính TCQKTKS theo Quyết định 1640 là 1.831.085 VND/tấn trong khi Giá tính TCQKTKS tạm thu theo quyết định trước đây là 775.026 VND/tấn. Theo đó, TCQKTKS bổ sung do thay đổi về Giá tính TCQKTKS trong giai đoạn từ năm 2015 đến 2021 là 394,5 tỷ VND. Ban Giám đốc Công ty đã đề nghị các cơ quan quản lý có thẩm quyền tạm hoãn thi hành Quyết định 1640 và xác định Giá tính TCQKTKS áp dụng với sản phẩm công nghiệp của Công ty. Kết quả cuối cùng của vấn đề này hiện nay vẫn chưa được xác định và phụ thuộc vào việc xác định giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty và BTNMT có chấp thuận tính toán lại TCQKTKS tại Quyết định 1640 khi Giá tính TCQKTKS được xác định. Do đó, TCQKTKS bổ sung theo Quyết định 1640 chưa được ghi nhận là nợ phải trả trong báo cáo tài chính riêng. Vấn đề này cho thấy một yếu tố không chắc chắn có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng. Kết luận kiểm toán của chúng tôi không bị thay đổi do ảnh hưởng của vấn đề cần nhấn mạnh này.

TRANG 4/11

Công ty TNHH KPMG

Việt Nam

Báo cáo kiểm toán số: 22-02-00131-23-1



Trần Đình Vinh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 0339-2023-007-1
Phó Tổng Giám đốc

Phan Mỹ Linh
Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
kiểm toán số 3064-2019-007-1

Hà Nội, ngày 17 tháng 3 năm 2023

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 Nghìn VND	1/1/2022 Nghìn VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		5.736.027.999	4.735.712.295
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	473.790.453	33.299.677
Tiền	111		353.790.453	33.299.677
Các khoản tương đương tiền	112		120.000.000	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.110.000	7.400.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	8.110.000	7.400.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.109.577.711	2.081.559.775
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	1.194.842.395	1.488.441.289
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		185.308.226	47.250.170
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	17.000.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	744.300.778	528.868.316
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(14.873.688)	-
Hàng tồn kho	140	8	2.847.208.586	2.246.082.881
Hàng tồn kho	141		2.847.208.586	2.246.082.881
Tài sản ngắn hạn khác	150		297.341.249	367.369.962
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		54.403.388	38.073.042
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		242.937.861	329.296.920

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 Nghìn VND	1/1/2022 Nghìn VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		20.211.832.765	20.124.172.843
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.318.081.014	1.300.955.017
Phải thu dài hạn khác	216	7	1.318.081.014	1.300.955.017
Tài sản cố định	220		10.268.805.095	10.893.898.756
Tài sản cố định hữu hình	221	9	9.751.060.567	10.323.038.940
<i>Nguyên giá</i>	222		16.453.238.185	16.273.755.287
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.702.177.618)	(5.950.716.347)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		67.300.000	67.300.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(67.300.000)	(67.300.000)
Tài sản cố định vô hình	227	10	517.744.528	570.859.816
<i>Nguyên giá</i>	228		900.463.898	900.463.898
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(382.719.370)	(329.604.082)
Tài sản dở dang dài hạn	240		1.847.402.698	1.010.929.090
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	1.847.402.698	1.010.929.090
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.458.093.500	3.458.093.500
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	3.458.093.500	3.458.093.500
Tài sản dài hạn khác	260		3.319.450.458	3.460.296.480
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	3.319.450.458	3.460.296.480
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		25.947.860.764	24.859.885.138

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/12/2022 Nghìn VND	1/1/2022 Nghìn VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		15.237.114.161	14.169.983.479
Nợ ngắn hạn	310		11.199.427.374	5.233.113.161
Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	981.077.570	942.056.298
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	622.281.024	11.728.594
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	9.256.230	13.405.779
Phải trả người lao động	314		171.224	110.932
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	637.599.256	779.043.160
Phải trả ngắn hạn khác	319	18	493.585.162	72.775.136
Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn	320	19(a)	8.455.456.908	3.413.993.262
Nợ dài hạn	330		4.037.686.787	8.936.870.318
Phải trả dài hạn khác	337	18	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	19(b)	1.490.595.850	6.261.141.910
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341	13	62.938.227	33.910.034
Dự phòng phải trả dài hạn	342	20	484.152.710	641.818.374
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		10.710.746.603	10.689.901.659
Vốn chủ sở hữu	410	21	10.710.746.603	10.689.901.659
Vốn góp	411	22	10.792.915.155	10.792.915.155
Lỗi lũy kế	421		(82.168.552)	(103.013.496)
- (Lỗ)/lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(103.013.496)	139.322.361
- Lợi nhuận/(lỗ) năm nay	421b		20.844.944	(242.335.857)
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		25.947.860.764	24.859.885.138

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	2022 Nghìn VND	2021 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận/(lỗ) trước thuế	01	49.873.137	(208.425.823)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	804.576.559	787.351.616
Các khoản dự phòng	03	30.353.675	16.630.562
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	17.612.381	(2.601.834)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(322.369.757)	(26.718.500)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06	997.266.115	1.016.524.125
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	1.577.312.110	1.582.760.146
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	392.925.844	(1.115.458.920)
Biến động hàng tồn kho	10	(601.125.705)	(543.537.636)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	814.755.227	67.603.308
Biến động chi phí trả trước	12	98.092.853	32.190.431
		2.281.960.329	23.557.329
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay đã trả	14	(951.618.781)	(1.206.881.123)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	1.330.341.548	(1.183.323.794)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(1.144.335.204)	(700.227.610)
Gửi tiền gửi có kỳ hạn và tiền chi cho vay	23	(8.110.000)	(239.000.000)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và thu hồi cho vay đối với các bên khác	24	24.400.000	1.696.479.452
Tiền thu lãi tiền gửi	27	3.468.036	71.803.038
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(1.124.577.168)	829.054.880

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	2022 Nghìn VND	2021 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay và trái phiếu nhận được	33	4.916.719.046	3.179.144.608
Tiền chi trả nợ gốc vay và trái phiếu	34	(4.668.873.689)	(2.979.567.132)
Tiền chi trả chi phí liên quan đến phát hành trái phiếu	34	(9.000.000)	(22.746.393)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	238.845.357	176.831.083
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	444.609.737	(177.437.831)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	33.299.677	210.946.976
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(4.118.961)	(209.468)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	473.790.453	33.299.677

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Người soát xét:

Người duyệt:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng



Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính




Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“Công ty” hoặc “NPM”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác và chế biến vonfram, fluorspar, bismuth và đồng tại xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để xuất khẩu và bán tại thị trường nội địa.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có 1.166 nhân viên (1/1/2022: 1.158 nhân viên).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Giả định hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính riêng được lập trên cơ sở hoạt động liên tục. Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, nợ ngắn hạn đã vượt quá tài sản ngắn hạn là 5.463 tỷ VND (1/1/2022: 497 tỷ VND). Hơn nữa, Công ty có các khoản vay đáng kể cần tái tài trợ trong vòng 12 tháng kế tiếp (Thuyết minh 19(a)). Giá trị của giả định hoạt động liên tục sử dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này cơ bản phụ thuộc vào việc công ty mẹ cấp cao nhất tiếp tục cung cấp các hỗ trợ tài chính cần thiết nhằm giúp Công ty có thể thanh toán các khoản nợ phải trả khi đến hạn và duy trì sự tồn tại và hoạt động liên tục của Công ty trong một tương lai có thể dự kiến trước được.

Tại thời điểm lập báo cáo này, không có lý do gì để Ban giám đốc tin rằng công ty mẹ cấp cao nhất sẽ không tiếp tục sự hỗ trợ của họ.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(d) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(e) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được làm tròn đến hàng nghìn (“Ngìn VND”), trừ khi được trình bày khác.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và bán chuyển khoản đối với nợ phải trả của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mô, các tài sản được kết chuyển vào “nhà cửa, vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Trường hợp tài sản cố định hữu hình tự xây dựng được hoàn thành và được đưa vào sử dụng nhưng chi phí chưa được quyết toán thì Công ty hạch toán nguyên giá của tài sản cố định hữu hình theo giá tạm tính và nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh sau khi chi phí quyết toán được phê duyệt.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ.

(ii) Khấu hao

Máy móc và thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất và khai thác khoáng sản

Máy móc, thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất và khai thác chế biến khoáng sản được khấu hao theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Theo phương pháp này, căn cứ khấu hao được tính dựa trên trữ lượng khoáng sản đã được chứng minh và tương đối chắc chắn sẽ thu được; trữ lượng khoáng sản này là khối lượng quặng ước tính (tính bằng tấn) có thể được khai thác hợp pháp và có hiệu quả kinh tế từ các tài sản khai thác khoáng sản của Công ty và một phần tài nguyên dự kiến sẽ được chuyển thành trữ lượng khoáng sản. Cụ thể, căn cứ khấu hao đối với các tài sản liên quan đến khai thác mỏ được tính theo:

- a. trữ lượng khoáng sản và tài nguyên khoáng sản dự kiến sẽ được chuyển thành trữ lượng khoáng sản theo kết quả đánh giá kỹ thuật của chuyên gia khai mỏ trong khu vực Dự án Núi Pháo; và
- b. phần tài nguyên khoáng sản có thể được tái chế từ hồ chứa đuôi quặng oxit (“OTC”) của Công ty.

Căn cứ khấu hao cho từng loại tài sản khai thác khoáng sản được áp dụng như sau:

Máy móc, thiết bị chỉ liên quan đến hoạt động chế biến khoáng sản	Căn cứ khấu hao (a)
Máy móc, thiết bị liên quan đến hoạt động chế biến khoáng sản và sẽ được sử dụng cho hoạt động tái chế quặng thải tại hồ chứa đuôi quặng OTC	(a) và (b)

Các tài sản khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa và vật kiến trúc 5 – 40 năm
- máy móc và thiết bị 3 – 22 năm
- dụng cụ văn phòng 3 – 10 năm
- phương tiện vận chuyển 3 – 25 năm
- các tài sản khai thác khoáng sản khác 26 năm

Trong trường hợp xây dựng cơ bản được hoàn thành và đưa vào sử dụng trước khi chi phí xây dựng được quyết toán thì nguyên giá tài sản được xác định theo nguyên giá tạm tính. Khi chi phí xây dựng tài sản cố định được quyết toán và phê duyệt, Công ty điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định theo giá trị đã quyết toán và không điều chỉnh lại giá trị hao mòn lũy kế. Chi phí khấu hao sau thời điểm quyết toán được xác định bằng giá trị quyết toán đã được phê duyệt trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế đã được trích đến thời điểm phê duyệt quyết toán tài sản chia (÷) cho thời gian khấu hao còn lại của tài sản cố định theo các quy định hiện hành.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính được mua mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được mua mới được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

(ii) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 (“Nghị định 67”) có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2019, thay thế Nghị định 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản đã được chứng minh và tương đối chắc chắn sẽ thu được và một phần tài nguyên dự kiến sẽ được chuyển thành trữ lượng khoáng sản.

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí phát triển trữ lượng khai thác khoáng sản, trữ lượng địa chất khoáng sản và các chi phí phát triển mỏ liên quan. Các tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khai thác khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Các tài sản này được vốn hóa sau khi cần trừ tiền thu về từ việc bán sản phẩm sản xuất thử trong giai đoạn phát triển mỏ. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là “nhà cửa và vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” hoặc vào chi phí trả trước dài hạn là “chi phí khai thác khoáng sản khác”.

Công ty không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt và chạy thử để đưa tài sản vào sử dụng.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 17 đến 24 năm.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm tiền thuê đất trả trước, chi phí bồi thường, tái định cư và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất liên quan.

(iii) Chi phí khai thác khoáng sản khác

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần ‘Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ’).

Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời mỏ của các thành phần của thân quặng đã được xác định.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời mỏ của các thành phần của thân quặng đã được xác định. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống dựa trên trữ lượng khoáng sản và tài nguyên dự kiến có thể chuyển đổi thành trữ lượng khoáng sản của các thành phần của phần thân quặng có liên quan như được trình bày tại Thuyết minh 3(f)(ii)a.

(iv) Chi phí phát sinh để có được hợp đồng

Các chi phí phát sinh để có được hợp đồng là các chi phí để Công ty có được hợp đồng với khách hàng mà chi phí này sẽ không phát sinh nếu Công ty không có được hợp đồng đó. Công ty vốn hóa các chi phí phát sinh để có được hợp đồng nếu các chi phí đó thỏa mãn các điều kiện sau:

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- Chỉ các chi phí tăng thêm do có được hợp đồng mới được vốn hóa; và
- Chi phí đó phải thu hồi được.

Tài sản đã ghi nhận được khấu hao theo phương pháp mang tính hệ thống và phù hợp với việc chuyển giao hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng mà tài sản đó có liên quan.

(v) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

(j) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(k) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HĐHTKD) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Công ty hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong hợp đồng. Trường hợp Công ty nhận vốn góp dưới hình thức tài sản tài chính từ các bên khác và do đó tiếp nhận một nghĩa vụ hợp đồng – phải chi trả tiền hoặc tài sản tài chính khác cho các bên khác theo HĐHTKD, Công ty sẽ ghi nhận nợ phải trả tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận cho các bên khác của HĐHTKD có bản chất là chi phí tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là chi phí tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là chi phí khi khả năng phải phân chia các khoản này là chắc chắn.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Quyền khai thác khoáng sản

Theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản. Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trong đó giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên – Nghị định 67, tại thời điểm xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Giá tính thuế tài nguyên là giá áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty, do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh xác định. Phương pháp quy đổi được dựa vào các thông số khác nhau của hệ số quy đổi theo hướng dẫn tại Nghị định 67.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Công ty làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường (“BTNMT”) và các chính sách môi trường của Công ty theo Báo cáo Tác động Môi trường.

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại mỗi thời điểm báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản nếu nghĩa vụ về đóng cửa và phục hồi môi trường là không thể tránh khỏi đối với việc xây dựng tài sản. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(n) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ phạm vi liên quan đến khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 tới 180 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên kết quả khảo nghiệm hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi kết quả khảo nghiệm của khách hàng nằm trong phạm vi sai số đã được quy định tại hợp đồng bán sản phẩm, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất được các bên chấp thuận.

(q) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay, thu nhập từ lợi nhuận được chia, và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo cơ sở dồn tích.

Thu nhập từ lợi nhuận được chia từ công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được xác lập. Lợi nhuận nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(ii) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

(r) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán tại Thuyết minh 3(f)(ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty.

Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

(u) Thông tin so sánh

Thông tin so sánh trong báo cáo tài chính riêng này được trình bày dưới dạng dữ liệu tương ứng. Theo phương pháp này, các thông tin so sánh của năm trước được trình bày như một phần không thể tách rời của báo cáo tài chính năm hiện tại và phải được xem xét trong mối liên hệ với các số liệu và thuyết minh của năm hiện tại. Theo đó, thông tin so sánh bao gồm trong báo cáo tài chính riêng này không nhằm mục đích trình bày về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ trước hợp nhất của Công ty trong năm trước.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2022	1/1/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND
Tiền mặt	34.589	197.262
Tiền gửi ngân hàng	353.755.864	33.102.415
Các khoản tương đương tiền	120.000.000	-
	473.790.453	33.299.677

5. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
Tiền gửi cố kỳ hạn	8.110.000	7.400.000
	8.110.000	7.400.000

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND với kỳ hạn gốc 12 tháng và lãi suất 4,9% (1/1/2022: 6,5% đến 6,8%) một năm.

(b) Đầu tư vào công ty con

	31/12/2022	1/1/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND
Đầu tư vào công ty con		
Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (*)	3.458.093.500	3.458.093.500
	3.458.093.500	3.458.093.500

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá gốc.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2022	1/1/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND
<i>Các công ty liên quan</i>		
Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) – công ty con	371.426.726	584.097.003
H.C. Starck Canada Inc – công ty con của MTC	43.260.368	285.322.068
H.C. Starck Tungsten GmbH – công ty con của MTC	-	112.683.916
<i>Các bên khác</i>		
Khách hàng mua Fluorspar	611.534.262	217.890.096
Khách hàng mua Đồng	55.412.375	112.652.650
Khách hàng mua Bismuth	110.699.668	174.109.673
Các khách hàng khác	2.508.996	1.685.883
	1.194.842.395	1.488.441.289

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và thu được khi có yêu cầu.

Một phần khoản phải thu ngắn hạn tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và 1/1/2022 đã được dùng để thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 19(a)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	31/12/2022	1/1/2022
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu từ công ty mẹ cấp trung		
Phải thu phi thương mại (a)	10.294.685	10.294.685
Chi phí phát triển hệ thống ERP	9.844.813	22.011.726
Phải thu từ công ty con		
Phải thu lợi nhuận được chia (b)	319.999.775	-
Phải thu phi thương mại (a)	26.192.109	92.342.140
Tiền lãi phải thu	-	599.611
Phải thu ngắn hạn khác	693.000	693.000
Phải thu khác từ các bên khác		
Phải thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (c)	244.772.921	241.979.433
Trả trước phí bảo vệ môi trường	114.239.595	43.000.000
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm (d)	14.873.688	74.794.500
Tiền lãi phải thu	394.574	893.017
Phải thu ngắn hạn khác	2.995.618	42.260.204
	744.300.778	528.868.316
Phải thu dài hạn		
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND tỉnh Thái Nguyên (e)	1.230.754.171	1.230.754.171
Nộp tiền ký quỹ cho Quỹ Bảo vệ Môi trường (f)	78.049.195	69.638.018
Phải thu dài hạn khác	9.277.648	562.828
	1.318.081.014	1.300.955.017

- (a) Phải thu phi thương mại thể hiện khoản trả hộ một công ty mẹ cấp trung và một công ty con không chịu lãi, không có đảm bảo và phải thu theo thỏa thuận.
- (b) Các khoản phải thu từ công ty con không có đảm bảo và không chịu lãi.
- (c) Khoản phải thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (“TCQKTKS”) thể hiện tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung cho năm 2018 và 2019 và phí hành chính liên quan mà Công ty đã nộp cho cơ quan có thẩm quyền dựa trên tính toán tạm thời của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (“TCĐCKSVN”) theo Công văn số 3724/ĐCKS-KTĐCKS ngày 28 tháng 12 năm 2018 (“Công văn 3724”).

Công ty không đồng ý với khoản tiền bổ sung này và cơ sở của Công văn 3724 vì Ban Giám đốc Công ty cho rằng công văn này là không hợp lý và không theo đúng các quy định hiện hành bởi vì theo Công văn 3724, giá được sử dụng để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (“Giá tính TCQKTKS”) được dựa trên giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm tài nguyên khoáng sản thay vì giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp. Theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

152/2015/TT-BTC ngày 2 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về Thuế tài nguyên, nếu tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra, giá tính thuế tài nguyên là (=) giá bán sản phẩm công nghiệp trừ đi (-) chi phí chế biến phát sinh của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp nhưng không thấp hơn giá tính thuế do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định. Sản phẩm của Công ty là sản phẩm công nghiệp mà giá tính thuế tài nguyên được xác định theo giá cao hơn giữa giá bán trừ (-) chi phí chế biến và giá tính thuế do Ủy ban Nhân dân Tỉnh quy định (“UBNDT”). TCĐCKSVN đã không sử dụng giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp mà sử dụng giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm tài nguyên khoáng sản - quặng vonfram (hàm lượng: $0,1\% < WO_3 < 0,3\%$).

Công ty đã thanh toán TCQKTKS sử dụng ước tính giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp theo Quyết định số 500/QĐ-BTNMT (“Quyết định 500”) do Bộ Tài Nguyên và Môi trường (“BTNMT”) ban hành ngày 4 tháng 3 năm 2015.

Công ty cũng đã gửi công văn lên cơ quan quản lý các cấp để nêu rõ vấn đề và xin giải quyết phù hợp cho việc xác định TCQKTKS của Công ty. Năm 2021, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 978/VPCP-KTTH ngày 8 tháng 2 năm 2021 và công văn số 5987/VPCP-KTTH ngày 28 tháng 8 năm 2021, vụ việc đang được Bộ Tài chính, BTNMT, UBND tỉnh Thái Nguyên và Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên xem xét để báo cáo lên Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Kinh tế của Quốc hội.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, Bộ TNMT ban hành Quyết định số 1640/QĐ/BTNMT (“Quyết định 1640”) để phê duyệt TCQKTKS cho mỏ Núi Pháo, thay thế phê duyệt tạm thu TCQKTKS theo Quyết định 500 và Công văn 3724 mặc dù giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được xác định. Khi ban hành Quyết định 1640 này, Bộ TNMT tiếp tục sử dụng giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho quặng vonfram (hàm lượng $0,1\% < WO_3 < 0,3\%$) thay vì sử dụng giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp mà bất cập của việc sử dụng giá này đã được Công ty nêu rõ trước đây. Theo Điểm 3 Điều 15 Nghị định 67, đối với những trường hợp đang tạm thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khi giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đang có hiệu lực và đúng quy định về giá khoáng sản nguyên khai để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thì được áp dụng chính thức, thay thế giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tạm thu trước đây. Ban Giám đốc đánh giá rằng vì giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được xác định bởi BTNMT và UBND tỉnh Thái Nguyên, Giá tính TCQKTKS làm căn cứ xác định TCQKTKS theo Quyết định 1640 chưa phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Do đó, sau khi Quyết định 1640 được ban hành, Công ty đã gửi nhiều công văn đến Thủ tướng Chính phủ và BTNMT để đề xuất tạm thời chưa thực hiện thu bổ sung TCQKTKS theo Quyết định 1640 và yêu cầu xác định Giá tính TCQKTKS. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng này, UBND tỉnh Thái Nguyên, Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan chức năng có liên quan vẫn đang phối hợp làm việc để xác định giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty.

Ban Giám đốc cho rằng bằng việc áp dụng giá được xác định trong Quyết định 500, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản nợ phải trả về TCQKTKS và khoản tiền đã nộp trên đây sẽ được hoàn lại hoặc bù cho các khoản nợ phải trả về TCQKTKS trong tương lai, dựa trên diễn giải của Công ty về quy định pháp luật liên quan, bao gồm các quy định về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các quy định về thuế tài nguyên. Do đó, Tập đoàn đã kế toán khoản TCQKTKS nộp thêm trong năm 2019 là khoản phải thu và chưa ghi nhận TCQKTKS tăng thêm theo Quyết định 1640 là nợ phải trả. Ban Giám đốc tin rằng khoản phải thu này sẽ được thu hồi khi giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty được xác định.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (d) Đây là khoản bồi thường bảo hiểm phải thu từ các công ty bảo hiểm cho tổn thất do mất lợi nhuận phát sinh từ việc gián đoạn hoạt động kinh doanh của Công ty trong thời gian từ tháng 7 năm 2021 đến tháng 10 năm 2021. Số tiền bồi thường đã được các công ty bảo hiểm đầu mỗi xác nhận và đã nhận được một phần trong năm 2022.
- (e) Khoản này thể hiện khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với tiền thuê đất hàng năm trong các năm sau này.
- (f) Công ty có nghĩa vụ ký quỹ đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường. Theo Quyết định 1536/QĐ-BTNMT do BTNMT ban hành ngày 20 tháng 6 năm 2019, kế hoạch phục hồi mỏ đòi hỏi phải tăng khoản ký quỹ lên 123.460 triệu VND. Cũng tại ngày này, khoản ký quỹ còn lại là 87.692 triệu VND được phê duyệt cho trả góp hàng năm trong vòng 10 năm kể từ năm 2019. Đối với các lần ký quỹ trong tương lai, tiền ký quỹ trả góp sẽ bao gồm yếu tố trượt giá căn cứ vào chỉ số giá tiêu dùng hàng năm theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015.

8. Hàng tồn kho

	31/12/2022		1/1/2022	
	Giá gốc Nghìn VND	Dự phòng Nghìn VND	Giá gốc Nghìn VND	Dự phòng Nghìn VND
Hàng mua đang đi trên đường	84.483.237	-	66.972.063	-
Nguyên vật liệu	120.751.863	-	71.656.074	-
Công cụ và dụng cụ	564.271.287	-	486.920.047	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	12.793.509	-	10.658.715	-
Thành phẩm	2.064.908.690	-	1.609.875.982	-
	2.847.208.586	-	2.246.082.881	-

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND	Máy móc và thiết bị Nghìn VND	Dụng cụ văn phòng Nghìn VND	Phương tiện vận chuyển Nghìn VND	Tài sản khai thác khoáng sản khác		Tổng cộng Nghìn VND
					Nghìn VND	Nghìn VND	
Số dư đầu năm	5.031.527.542	11.092.790.190	37.610.500	22.705.501	89.121.554		16.273.755.287
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	162.264.217	17.218.681	-	-	-		179.482.898
Số dư cuối năm	5.193.791.759	11.110.008.871	37.610.500	22.705.501	89.121.554		16.453.238.185
Giá trị hao mòn lũy kế							
Số dư đầu năm	1.491.920.528	4.388.943.090	35.632.175	16.709.810	17.510.744		5.950.716.347
Khấu hao trong năm	251.563.609	493.407.247	716.236	1.971.835	3.802.344		751.461.271
Số dư cuối năm	1.743.484.137	4.882.350.337	36.348.411	18.681.645	21.313.088		6.702.177.618
Giá trị còn lại							
Số dư đầu năm	3.539.607.014	6.703.847.100	1.978.325	5.995.691	71.610.810		10.323.038.940
Số dư cuối năm	3.450.307.622	6.227.658.534	1.262.089	4.023.856	67.808.466		9.751.060.567

Trong nguyên giá tài sản cố định hữu hình của Công ty có các tài sản có nguyên giá 94 tỷ VND đã khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 80 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 9.751 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty (1/1/2022: 10.323 tỷ VND) (Thuyết minh 19(b)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính Nghìn VND	Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối năm	107.808.687	792.655.211	900.463.898
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	93.869.665	235.734.417	329.604.082
Khấu hao trong năm	6.051.559	47.063.729	53.115.288
Số dư cuối năm	99.921.224	282.798.146	382.719.370
Giá trị còn lại			
Số dư đầu năm	13.939.022	556.920.794	570.859.816
Số dư cuối năm	7.887.463	509.857.065	517.744.528

Trong nguyên giá tài sản cố định vô hình của Công ty có các tài sản với nguyên giá 88 tỷ VND đã được khấu hao hết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 (1/1/2022: 12 tỷ VND), nhưng vẫn đang được sử dụng.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, tài sản cố định vô hình của Công ty có giá trị còn lại là 518 tỷ VND được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành bởi Công ty (1/1/2022: 571 tỷ VND) (Thuyết minh 19(b)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	2022	2021
	Ngàn VND	Ngàn VND
Số dư đầu năm	1.010.929.090	1.249.744.128
Tăng trong năm	1.018.348.139	643.416.315
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 9)	(179.482.898)	(218.447.714)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 10)	-	(3.717.151)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12)	(2.391.633)	(539.365.635)
Chuyển sang phải thu dài hạn khác	-	(120.700.853)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối năm	1.847.402.698	1.010.929.090
	<hr/>	<hr/>

Trong năm, chi phí lãi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang của Công ty trị giá là 67 tỷ VND (2021: 29 tỷ VND).

Tại ngày báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang của Công ty chủ yếu phản ánh chi phí đền bù đất, chi phí phát triển và xây dựng mỏ và nhà máy và các chi phí khác được vốn hóa liên quan đến các đập chứa đuôi quặng được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty (Thuyết minh 19(b)).

Các công trình xây dựng cơ bản dở dang lớn như sau:

	31/12/2022	1/1/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND
Đền bù đất	387.018.766	337.970.015
Giải phóng mặt bằng, di dời cơ sở hạ tầng và các chi phí khác	207.025.167	194.478.207
Nhà xưởng, máy móc và thiết bị	1.083.073.895	477.823.887
Các đập chứa đuôi quặng	168.661.925	-
Các tài sản khác	1.622.945	656.981
	<hr/>	<hr/>
	1.847.402.698	1.010.929.090
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước và chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND	Chi phí khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Chi phí phát sinh để có được hợp đồng (*) Nghìn VND	Chi phí trả trước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	1.379.226.941	1.666.307.883	157.032.274	257.729.382	3.460.296.480
Tăng trong năm	-	180.106.350	-	53.070.019	233.176.369
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	-	-	-	2.391.633	2.391.633
Phân bổ trong năm	(81.324.893)	(172.340.627)	(26.178.476)	(96.570.028)	(376.414.024)
Số dư cuối năm	1.297.902.048	1.674.073.606	130.853.798	216.621.006	3.319.450.458

(*) Tháng 9 năm 2020, Công ty phát sinh chi phí chấm dứt hợp đồng bao tiêu dài hạn với một khách hàng hiện hữu để có được một hợp đồng thuận lợi hơn với một khách hàng mới. Chi phí này là chi phí phát sinh để có được hợp đồng, do đó được vốn hóa và phân bổ theo phương pháp mang tính hệ thống và phù hợp với việc chuyển giao hàng hóa theo hợp đồng mới này.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận đối với các khoản mục sau:

	Thuế suất	31/12/2022 Nghìn VND	1/1/2022 Nghìn VND
Chênh lệch tạm thời từ khấu hao	7,5% - 20%	65.769.629	26.775.596
Chênh lệch tạm thời từ Chi phí trả trước dài hạn	7,5% - 20%	9.293.346	22.416.520
Chênh lệch tạm thời các giao dịch bán hàng đã xuất hóa đơn mà chưa giao hàng	7,5%	8.458.705	8.394.854
Chênh lệch tạm thời từ Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	7,5%	(536.735)	367.343
Chênh lệch tạm thời từ Chi phí phải trả và các khoản dự phòng	7,5% - 20%	(19.834.150)	(18.288.974)
Giá trị thuế của các khoản lỗ mang sang	7,5%	(212.568)	(5.755.305)
Tổng thuế thu nhập hoãn lại phải trả		62.938.227	33.910.034

14. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ (Thuyết minh 2(c))	
	31/12/2022 Nghìn VND	1/1/2022 Nghìn VND
Công ty liên quan		
Công ty con	255.260.435	602.693.350
Các bên khác		
Nhà thầu khai thác mỏ	49.193.410	79.113.396
Các nhà cung cấp khác	676.623.725	260.249.552
	981.077.570	942.056.298

Khoản phải trả thương mại cho công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Người mua trả tiền trước ngắn hạn chi tiết theo khách hàng lớn

	31/12/2022	1/1/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND
<i>Công ty liên quan</i>		
Công ty con	142.000.000	-
<i>Các bên khác</i>		
Khách hàng mua Fluorspar	476.200.000	-
Khách hàng mua Bismuth	251.506	10.884.532
Các khách hàng hàng	3.829.518	844.062
	622.281.024	11.728.594

Khoản khách hàng trả tiền trước cho giao dịch bán Fluorspar và Bismuth được căn trừ hàng tháng thông qua các lần giao hàng sau đó. Khoản trả tiền trước của khách hàng mua fluorspar chịu phí trả trước theo điều khoản thỏa thuận và được công ty mẹ cấp trung và cấp cao nhất bảo lãnh.

16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2022	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp/ bù trừ trong năm	31/12/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND	Ngàn VND
Thuế giá trị gia tăng	-	313.851.621	(313.851.621)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	221.897.288	(221.897.288)	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	20.868.536	(20.868.536)	-
Thuế thu nhập cá nhân	9.076.216	133.989.839	(134.128.147)	8.937.908
Thuế tài nguyên	-	459.285.699	(459.285.699)	-
Các loại thuế khác	4.329.563	21.277.638	(25.288.879)	318.322
	13.405.779	1.171.170.621	(1.175.320.170)	9.256.230

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	Nghìn VND	Nghìn VND
Chi phí hoạt động	285.565.504	349.178.144
Tiền lãi vay phải trả	166.369.376	161.544.528
Tiền lãi vay phải trả các bên liên quan	8.542.740	-
Thuế và phí tài nguyên	137.930.030	159.686.751
Tiền thưởng trích trước	34.674.792	103.800.798
Chi phí xây dựng trích trước	3.597.485	3.913.610
Các chi phí tài chính khác	919.329	919.329
	637.599.256	779.043.160

18. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác bao gồm các khoản sau:

	31/12/2022	1/1/2022
	Nghìn VND	Nghìn VND
Ngắn hạn		
Phải trả công ty mẹ cấp cao nhất		
Chi phí tài chính – ngắn hạn	-	9.781.016
Phải trả công ty mẹ cấp trung		
Phần lợi nhuận được chia từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (a)	24.173.761	39.840.942
Phí phát hành trái phiếu	879.925	22.799.957
Phải trả khác	3.497.620	-
Các bên khác		
Thư tín dụng trả ngay (UPAS LC) – ngắn hạn (b)	461.668.527	-
Phải trả khác – ngắn hạn	3.365.329	353.221
	493.585.162	72.775.136
Dài hạn		
Phải trả công ty mẹ cấp trung		
Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (c)	2.000.000.000	2.000.000.000

(a) Phần lợi nhuận được chia từ Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) phải trả một công ty mẹ cấp trung không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả dựa trên thỏa thuận giữa các bên.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(b) Các khoản phải trả các ngân hàng trong nước phát hành UPAS LC cho Công ty. Số dư chưa thanh toán chịu lãi suất cố định trong thời hạn trả chậm từ 6 đến 9 tháng và một phần của số dư được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo sau:

- một số cổ phần của công ty mẹ cấp trung do một công ty liên quan nắm giữ;
- quyền đối với các khoản phải thu phát sinh từ (i) hợp đồng mua bán với MTC, một công ty con và (ii) hợp đồng mua bán thành phẩm giữa Công ty với các đối tác khác;
- toàn bộ hàng tồn kho của Công ty;
- quyền đối với các khoản phải thu liên quan đến hối phiếu hoặc chứng từ được chiết khấu;
- một phần hoặc toàn bộ động sản và bất động sản (bao gồm cả quyền đối với tài sản) thuộc Dự án Núi Pháo của Công ty;
- được bảo lãnh của công ty mẹ cấp cao nhất.

Biến động của các khoản phải trả từ UPAS LC trong kỳ như sau:

	2022	2021
	Ngàn VND	Ngàn VND
Số dư đầu năm	-	-
Tăng trong năm	545.894.388	-
Đã trả trong năm	(82.360.430)	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	(1.865.431)	-
Số dư cuối năm	461.668.527	-

(c) Các khoản này phản ánh khoản đóng góp của một công ty mẹ cấp trung theo các HĐHTKD ngày 21 tháng 9 năm 2018 và các bản sửa đổi nhiều lần sau đó, theo đó công ty mẹ cấp trung này sử dụng số tiền thu được từ phát hành trái phiếu trị giá lần lượt là 1.000 tỷ, 500 tỷ VND và 500 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với Công ty. Các HĐHTKD này có thời gian hợp tác sáu mươi (60) tháng kể từ ngày thanh toán khoản đóng góp trị giá 500 tỷ VND cuối cùng vào ngày 28 tháng 5 năm 2019.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	1/1/2022				31/12/2022			
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Tăng Nghìn VND	Thanh toán Nghìn VND	Phân bổ phí phát hành trái phiếu Nghìn VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện Nghìn VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ (Thuyết minh 2(c)) Nghìn VND		
19. Vay và trái phiếu phát hành								
(a) Vay và trái phiếu phát hành ngắn hạn								
Vay ngắn hạn	2.415.530.475	3.916.719.046	(3.668.873.689)	-	2.847.120	2.666.222.952		
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 19(b))	998.462.787	5.774.181.930	(1.000.000.000)	16.589.239	-	5.789.233.956		
	3.413.993.262	9.690.900.976	(4.668.873.689)	16.589.239	2.847.120	8.455.456.908		

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Điều khoản và điều kiện của các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/12/2022		1/1/2022	
		Lãi suất năm %	Nghìn VND	Lãi suất năm %	Nghìn VND
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	VND	6,20 - 8,50%	957.259.856	6,20 - 7,30%	966.211.032
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*) (**)	USD	3,92 - 10,43%	563.751.158	3,34 - 4,46%	349.968.164
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*) (**)	VND	4,10 - 8,87%	333.714.270	3,34 - 4,07%	908.780.000
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	VND	9,30%	151.947.330	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	4,50 - 6,95%	117.278.387	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	5,10 - 5,90%	25.727.971	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	6,50 - 9,50%	11.756.448	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	5,00 - 7,80%	7.547.532	-	-
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	VND	-	-	7,20 - 7,25%	8.895.279
Khoản vay công ty mẹ cấp cao nhất không được đảm bảo	VND	5,00 - 7,00%	197.240.000	7,00%	181.676.000
Khoản vay công ty con không được đảm bảo	VND	7,00 - 7,30%	300.000.000	-	-
			2.666.222.952		2.415.530.475

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các khoản vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo sau:

- một phần phải thu ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 6); và/hoặc
- một số cổ phiếu do công ty mẹ cấp trung phát hành nắm giữ bởi một bên liên quan.

(**) Đây là các khoản vay một ngân hàng nội địa là một công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Trái phiếu phát hành dài hạn

	31/12/2022	1/1/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn	7.279.829.806	7.259.604.697
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 19(a))	(5.789.233.956)	(998.462.787)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.490.595.850	6.261.141.910
	<hr/>	<hr/>

Điều khoản và điều kiện của trái phiếu dài hạn hiện còn số dư như sau:

		Năm	31/12/2022	1/1/2022
		đáo hạn	Ngàn VND	Ngàn VND
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	2023	1.596.800.000	1.587.200.000
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	2023	998.666.667	996.000.000
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	2023	998.357.417	995.541.563
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	2023	998.000.000	992.000.000
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	2023	697.900.000	693.700.000
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	2023	499.509.872	498.669.652
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	2024	498.874.684	498.030.696
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	2027	497.833.333	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	2027	286.481.333	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	2027	207.406.500	-
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	2022	-	209.571.578
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	2022	-	189.611.468
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	2022	-	99.795.510
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	2022	-	299.718.671
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (*)	(i)	2022	-	199.765.559
			<hr/>	<hr/>
			7.279.829.806	7.259.604.697
			<hr/>	<hr/>

- (i) Đây là số trái phiếu không chuyển đổi do Công ty phát hành, có lãi suất được điều chỉnh sáu tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bình quân kỳ hạn mười hai tháng của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng với 3,1% đến 4,6% (1/1/2022: 3,1% - 3,3%).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, các trái phiếu không chuyển đổi bằng VND này được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo sau:

- một phần tài sản dài hạn của Công ty (Thuyết minh 9, Thuyết minh 10 và Thuyết minh 11); và/hoặc
- một số cổ phiếu do công ty mẹ cấp trung phát hành do một công ty liên quan nắm giữ; và/hoặc
- được bảo lãnh bởi công ty mẹ cấp cao nhất.

Giá trị trái phiếu có đảm bảo này được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

- (*) Đại diện của các trái chủ trong các khoản trái phiếu phát hành thuyết minh đã trình bày ở trên là công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

20. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Khôi phục môi trường mỏ Nghìn VND	Quyền khai thác mỏ Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu năm	108.699.880	533.118.494	641.818.374
Dự phòng lập trong năm	5.130.634	10.349.353	15.479.987
Dự phòng sử dụng trong năm	-	(173.145.651)	(173.145.651)
Số dư cuối năm	113.830.514	370.322.196	484.152.710

21. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp Nghìn VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) Nghìn VND	Tổng vốn chủ sở hữu Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2021	10.792.915.155	139.322.361	10.932.237.516
Lỗ thuần trong năm	-	(242.335.857)	(242.335.857)
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	10.792.915.155	(103.013.496)	10.689.901.659
Lợi nhuận thuần trong năm	-	20.844.944	20.844.944
Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2022	10.792.915.155	(82.168.552)	10.710.746.603

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Được duyệt và đã góp 31/12/2022 và 1/1/2022	
	Nghìn VND	%
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên ("TNTI")	2.158.583.031	20%
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên ("MRTN")	8.634.332.124	80%
	10.792.915.155	100%

Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên và Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên đều được thành lập tại Việt Nam. Công ty mẹ cấp cao nhất, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, cũng được thành lập tại Việt Nam.

23. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Tài sản thuê ngoài

Các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai phải trả cho các hợp đồng thuê hoạt động không được hủy ngang như sau:

	31/12/2022 Nghìn VND	1/1/2022 Nghìn VND
Trong vòng một năm	17.090.495	11.961.622
Trong vòng hai đến năm năm	11.877.804	14.864.212
	28.968.299	26.825.834

(b) Ngoại tệ các loại

	31/12/2022		1/1/2022	
	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND
USD	10.199.824	238.777.912	967.424	21.912.133

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(c) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/12/2022	1/1/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND
Nợ khó đòi đã xử lý	16.216.387	16.216.387

(d) Cam kết chi tiêu vốn

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, Công ty có các cam kết vốn sau đã được duyệt nhưng chưa được phản ánh trong bảng cân đối kế toán:

	31/12/2022	1/1/2022
	Ngàn VND	Ngàn VND
Đã được duyệt nhưng chưa ký kết hợp đồng	3.010.140.275	3.054.019.543
Đã được duyệt và đã ký kết hợp đồng	138.458.277	40.338.813
	3.148.598.552	3.094.358.356

24. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế xuất khẩu.

25. Doanh thu hoạt động tài chính

	2022	2021
	Ngàn VND	Ngàn VND
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	2.369.982	26.718.500
Lãi chênh lệch tỷ giá	92.637.349	36.279.478
Lợi nhuận được chia	319.999.775	-
	415.007.106	62.997.978

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Chi phí tài chính

	2022	2021
	Ngàn VND	Ngàn VND
Chi phí lãi vay	755.640.722	762.789.071
Chi phí tài chính cho HĐHTKD	174.585.826	188.143.785
Chi phí đi vay	67.039.567	65.591.268
Lỗ chênh lệch tỷ giá	45.989.713	11.272.316
Chi phí tài chính khác	36.655.838	34.171.834
	<hr/>	<hr/>
	1.079.911.666	1.061.968.274
	<hr/>	<hr/>

27. Chi phí bán hàng

	2022	2021
	Ngàn VND	Ngàn VND
Cước phí vận chuyển	92.421.577	92.961.028
Chi phí dịch vụ mua ngoài	33.746.146	31.019.532
Chi phí lương	4.188.142	3.865.208
Các khoản khác	1.102.793	7.153.450
	<hr/>	<hr/>
	131.458.658	134.999.218
	<hr/>	<hr/>

28. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	2022	2021
	Ngàn VND	Ngàn VND
Chi phí dịch vụ mua ngoài	18.733.437	28.457.267
Chi phí khấu hao	3.865.517	9.879.270
Chi phí lương	73.150.295	39.331.281
Các khoản khác	34.753.826	79.308.040
	<hr/>	<hr/>
	130.503.075	156.975.858
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

29. Thu nhập khác

	2022	2021
	Ngàn VND	Ngàn VND
Thu nhập từ các chi phí công ty con hoàn trả	155.191.331	152.371.155
Thu nhập từ chi phí đầu tư công ty con hoàn trả	10.091.459	49.400.863
Lãi từ bán phế liệu	12.103.775	8.971.614
Thu nhập từ chi phí yêu cầu công ty mẹ cấp trung hoàn trả	3.907.531	20.010.660
Bồi thường bảo hiểm	42.221.376	74.794.500
Các khoản khác	681.255	1.437.815
	224.196.727	306.986.607

30. Chi phí khác

	2022	2021
	Ngàn VND	Ngàn VND
Chi phí liên quan đến khoản công ty con hoàn trả	155.191.331	152.371.155
Chi phí liên quan đến chi phí đầu tư công ty con hoàn trả	10.091.459	49.400.863
Các khoản khác	5.909.038	18.351.975
	171.191.828	220.123.993

31. Thuế thu nhập

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

	2022	2021
	Ngàn VND	Ngàn VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập hiện hành	-	-
Chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	29.028.193	33.910.034
	29.028.193	33.910.034

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đối chiếu thuế suất thực tế

	2022	2021
	Ngàn VND	Ngàn VND
Lợi nhuận/(lỗ) kế toán trước thuế	49.873.137	(208.425.823)
Thuế tính theo thuế suất của Công ty	7.480.971	(31.263.873)
Chi phí không được khấu trừ thuế	988.744	4.894.209
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với thu nhập khác	4.994.257	(1.082.902)
Ảnh hưởng của mức thuế suất khác áp dụng đối với các khoản chênh lệch tạm thời	10.098.297	-
Các khoản miễn thuế	(47.999.966)	-
Lỗ tính thuế được sử dụng	(13.005.112)	(19.845.586)
Biến động chênh lệch tạm thời	66.471.002	81.208.186
	29.028.193	33.910.034

(c) Thuế suất áp dụng

Theo các điều khoản trong Giấy Chứng nhận Đầu tư, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước thuế thu nhập doanh nghiệp bằng 15% trên lợi nhuận chịu thuế từ hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản đối với các sản phẩm khoáng sản không phải vàng trong 12 năm kể từ ngày bắt đầu hoạt động kinh doanh (2014-2025) và thuế suất thuế thu nhập thông thường theo Giấy chứng nhận Đầu tư và các quy định thuế hiện hành cho các năm sau. Các quy định hiện hành về thuế cho phép Công ty được miễn thuế thu nhập trong 3 năm kể từ năm đầu tiên có lợi nhuận chịu thuế (2014-2016) và giảm 50% thuế thu nhập trong 8 năm tiếp theo (2017-2024). Tất cả các điều khoản miễn giảm thuế nêu trên sẽ không áp dụng với thu nhập khác và thu nhập khác sẽ chịu mức thuế suất thuế thu nhập thông thường áp dụng cho doanh nghiệp chưa tính các ưu đãi là 20%.

(d) Các vấn đề thuế tiềm tàng

Luật thuế và việc áp dụng luật thuế phụ thuộc vào việc diễn giải và có thể thay đổi theo thời gian. Số liệu quyết toán thuế có thể tùy thuộc vào kết quả kiểm tra và thanh tra của các cơ quan thuế khác nhau. Các cơ quan này có thẩm quyền phạt, đánh thuế và tính lãi chậm nộp. Thực tế này có thể dẫn đến rủi ro về thuế cho Công ty. Ban lãnh đạo tin rằng, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản thuế phải nộp dựa trên cách diễn giải về luật thuế, bao gồm các quy định về chống chuyển giá và cách tính thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập hoãn lại phải trả. Tuy nhiên, các cơ quan thuế có thẩm quyền có thể có những cách diễn giải luật khác nhau.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

32. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong năm Công ty có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan trong kỳ như sau.

(a) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn và các giao dịch đại lý tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“TCB”) theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất, các công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất lần lượt nắm giữ 70.000 triệu VND (1/1/2022: không), 807.193 triệu VND (1/1/2022: không) và 268.501 triệu VND (1/1/2022: 182.823 triệu VND) trái phiếu đã phát hành của Công ty.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2022	2021
		Nghìn VND	Nghìn VND
Công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”)	Khoản vay nhận được	197.240.000	241.676.000
	Khoản vay đã trả	181.676.000	60.000.000
	Chi phí lãi vay	11.187.603	9.850.057
	Nhận hoàn trả gốc vay	-	1.143.479.452
	Thu nhập lãi cho vay	-	4.270.122
Công ty mẹ cấp trung			
Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“MHT”)	Lợi nhuận được chia từ HĐHTKD	174.585.826	188.143.785
	Chi trả lợi nhuận được chia	190.253.007	186.589.256
	Số tiền yêu cầu công ty mẹ hoàn trả	3.907.531	20.010.660
	Số tiền công ty mẹ yêu cầu công ty con hoàn trả	-	22.799.957
Công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Mua hàng hóa	1.351.022	1.395.460
	Mua dịch vụ	122.030	786.573
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce (“WCM”)	Lãi trái phiếu	24.127.446	-
Công ty Cổ phần Masan Meat Life (“MML”)	Lãi trái phiếu	5.748.164	-
Các công ty con			
Công Ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”)	Cho vay	-	239.000.000
	Thu hồi khoản cho vay	17.000.000	553.000.000
	Thu nhập lãi cho vay	1.172.488	21.203.178
	Khoản vay nhận được	300.000.000	-
	Chi phí lãi vay	3.138.904	-
	Lợi nhuận được chia phải thu	319.999.775	-
	Bán hàng hóa	2.281.807.993	2.173.823.816
	Thu nhập từ khoản yêu cầu công ty con hoàn trả	10.091.459	48.770.863
	Thu nhập và chi phí yêu cầu công ty con hoàn trả	155.191.331	152.371.154
	Mua hàng hóa	10.401.282	1.107.998.518
	Thu nhập cho thuê đất	-	630.000
H.C. Starck Tungsten GmBH	Bán hàng hóa	-	1.093.894.586
	Khoản vay nhận được	223.695.000	-
	Hoàn trả gốc vay	223.695.000	-
	Chi phí lãi vay	1.117.806	-

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	2022 Nghìn VND	2021 Nghìn VND
Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất			
TCB và các công ty con			
	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	107.128.690	81.912.366
	Khoản vay nhận được	1.404.171.097	1.522.530.071
	Hoàn trả gốc vay	1.765.520.958	1.389.818.433
	Mua lại trái phiếu	1.000.000.000	-
Cán bộ quản lý chủ chốt			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (*)	23.084.039	33.110.438

(*) Không có khoản phí quản lý nào được thanh toán cho Ban Giám đốc cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.

33. Nợ tiềm tàng

Như đã thuyết minh tại Thuyết minh 7(c), vào ngày 23 tháng 8 năm 2021, Bộ TNMT ban hành Quyết định số 1640/QĐ/BTNMT (“Quyết định 1640”) để phê duyệt TCQKTKS cho mỏ Núi Pháo, thay thế phê duyệt tạm thu TCQKTKS theo Quyết định 500 và Công văn 3724 mặc dù giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được xác định. Khi ban hành Quyết định 1640 này, Bộ TNMT tiếp tục sử dụng giá tính thuế tài nguyên cho sản phẩm tài nguyên áp dụng cho quặng vonfram (hàm lượng $0,1\% < WO_3 < 0,3\%$) thay vì sử dụng giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp mà bất cập của việc sử dụng giá này đã được Công ty nêu rõ trước đây. Giá tính TCQKTKS chính thức theo Quyết định 1640 là 1.831.085 đồng/tấn trong khi Giá tính TCQKTKS tạm thu theo Quyết định 500 là 775.026 đồng/tấn. Theo đó, số TCQKTKS phải nộp thêm do chênh lệch Giá tính TCQKTKS trong giai đoạn từ 2015 đến 2021 là 394,5 tỷ VND.

Sau khi Quyết định 1640 được ban hành, Công ty đã gửi nhiều công văn đến Thủ tướng Chính phủ và Bộ TNMT để đề xuất tạm thời chưa thực hiện thu bổ sung thu TCQKTKS theo Quyết định 1640 và yêu cầu xác định TCQKTKS áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty.

Vào ngày 6 tháng 10 năm 2021, Công ty nhận được Thông báo nộp TCQKTKS từ Cục thuế tỉnh Thái Nguyên căn cứ theo Quyết định 1640. Ngày 8 tháng 12 năm 2021, Cục thuế tỉnh Thái Nguyên ban hành Công văn số 4883/CTTNG-QLN yêu cầu Công ty nộp bổ sung 125,8 tỷ VND TCQKTKS cho giai đoạn 2018 đến 2021 và 4,1 tỷ VND tiền chậm nộp tương ứng.

Ban Giám đốc tin rằng Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản nợ phải trả về TCQKTKS dựa trên diễn giải của Công ty về quy định pháp luật liên quan, bao gồm các quy định về TCQKTKS và quy định về thuế tài nguyên. Do đó, Ban Giám đốc Công ty đã gửi công văn lên cơ quan quản lý các cấp để nêu rõ vấn đề và xin giải quyết phù hợp cho việc xác định TCQKTKS của Công ty.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Trong năm 2021, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 978/VPCP-KTTH ngày 8 tháng 2 năm 2021 và Công văn số 5987/VPCP-KTTH ngày 28 tháng 8 năm 2021, vụ việc đang được Bộ Tài chính, Bộ TNMT, UBND tỉnh Thái Nguyên và Sở Tài chính (“STC”) tỉnh Thái Nguyên xem xét để báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Kinh tế Quốc hội. Năm 2022, các cơ quan liên quan của trung ương và của tỉnh, thông qua cuộc họp do TCĐCKSVN chủ trì, đã thống nhất xác định có bất cập về giá tính thuế tài nguyên làm căn cứ tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho dự án Núi Pháo. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Thái Nguyên đã làm việc với Bộ Tài chính và Bộ TNMT để tìm kiếm đơn vị tư vấn kỹ thuật, đồng thời chỉ đạo Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên phối hợp với các sở, ngành liên quan của địa phương hoàn thiện thủ tục lựa chọn đơn vị tư vấn kỹ thuật phù hợp để xây dựng cơ chế xác định giá tính thuế tài nguyên đối với sản phẩm công nghiệp của Công ty. Tại thời điểm phát hành báo cáo tài chính riêng này, UBND tỉnh Thái Nguyên, Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên và các cơ quan chức năng có liên quan vẫn đang phối hợp làm việc để xác định giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty.

Ban Giám đốc đánh giá rằng vì giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được Bộ TNMT và UBND tỉnh Thái Nguyên xác định, cho nên giá tính TCQKTKS làm căn cứ xác định TCQKTKS theo Quyết định 1640 chưa phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Do đó, Công ty tin rằng khi giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty được xác định, TCQKTKS chính thức của mỏ Núi Pháo cho giai đoạn từ 2015 trở đi sẽ được xác định, và thay thế TCQKTKS như đã phê duyệt tại Quyết định 1640.

Kết quả cuối cùng của vấn đề này hiện nay vẫn chưa có và phụ thuộc vào việc giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty được xác định và Bộ TNMT có chấp thuận tính toán lại TCQKTKS tại Quyết định 1640 khi Giá tính TCQKTKS được xác định. Do đó, Công ty chưa ghi nhận TCQKTKS bổ sung theo Quyết định 1640 là nợ phải trả trong báo cáo tài chính riêng. Vấn đề này cho thấy một yếu tố không chắc chắn có thể có ảnh hưởng trọng yếu đến báo cáo tài chính riêng.

34. Thông tin so sánh

Thông tin so sánh tại ngày 1 tháng 1 năm 2022 được mang sang từ số liệu trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:

Người soát xét:

Người duyệt:

Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo**Thông tin tài chính bổ sung tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022****Mẫu B 09 – DN***(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Công ty				
Cho năm tài chính				
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022				
Mã số	Theo báo cáo kế toán quản trị Nghìn VND	Điều chỉnh Nghìn VND	Trình bày từ báo cáo kết quả kinh doanh Nghìn VND	
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	4.370.318.684	-	4.370.318.684
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01)	10	4.370.318.684	-	4.370.318.684
Giá vốn hàng bán	11	3.446.584.153	-	3.446.584.153
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20	923.734.531	-	923.734.531
Doanh thu hoạt động tài chính	21	415.007.106	-	415.007.106
Chi phí tài chính	22	1.079.911.666	-	1.079.911.666
Chi phí bán hàng	25	131.477.572	-	131.477.572
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	130.484.161	-	130.484.161
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30	(3.131.762)	-	(3.131.762)
Thu nhập khác	31	224.196.727	-	224.196.727
Chi phí khác	32	171.191.828	-	171.191.828
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40	53.004.899	-	53.004.899
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	49.873.137	-	49.873.137
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	29.028.193	-	29.028.193
Lợi nhuận sau thuế (60 = 50 - 52)	60	20.844.944	-	20.844.944

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thông tin tài chính bổ sung tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Công ty			
Cho năm tài chính			
kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021			
Mã số	Theo báo cáo kế toán quản trị Nghìn VND	Điều chỉnh Nghìn VND	Trình bày từ báo cáo kết quả kinh doanh Nghìn VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01 5.080.565.717	(1.093.894.586)	3.986.671.131
Các khoản giảm trừ doanh thu	02 146.159.446	-	146.159.446
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10 4.934.406.271	(1.093.894.586)	3.840.511.685
Giá vốn hàng bán	11 3.943.046.518	(1.098.191.768)	2.844.854.750
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20 991.359.753	4.297.182	995.656.935
Doanh thu hoạt động tài chính	21 62.997.978	-	62.997.978
Chi phí tài chính	22 1.057.671.092	4.297.182	1.061.968.274
Chi phí bán hàng	25 134.999.218	-	134.999.218
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26 156.975.858	-	156.975.858
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30 (295.288.437)	-	(295.288.437)
Thu nhập khác	31 306.986.607	-	306.986.607
Chi phí khác	32 220.123.993	-	220.123.993
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40 86.862.614	-	86.862.614
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50 (208.425.823)	-	(208.425.823)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52 33.910.034	-	33.910.034
Lỗ sau thuế (60 = 50 - 52)	60 (242.335.857)	-	(242.335.857)

Ngày 15 tháng 3 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính

Người duyệt:




Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản
Núi Pháo**

Báo cáo tài chính hợp nhất cho quý
kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023



Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Báo cáo của Ban Giám đốc

Giấy Chứng nhận
Đăng ký Doanh nghiệp số 4600864513 ngày 5 tháng 7 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 3 tháng 6 năm 2022. Giấy Chứng nhận và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 4600864513 được cấp vào ngày 5 tháng 7 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 17121000026 ngày 21 tháng 7 năm 2010
17121000026-điều chỉnh lần 1 ngày 23 tháng 2 năm 2011
17121000026-điều chỉnh lần 2 ngày 6 tháng 2 năm 2013
17121000026-điều chỉnh lần 3 ngày 23 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đầu tư và các bản điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư “Dự án Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo”. Dự án có thời gian hoạt động 30 năm kể từ ngày 3 tháng 2 năm 2004.

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Thiệu Nam	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Chủ tịch
Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên
Ông Danny Le	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw	Tổng Giám đốc
Bà Đinh Lệ Hằng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 20 tháng 2 năm 2023)
Ông Nguyễn Huy Tuấn	Quyền Giám đốc Tài chính

Trụ sở đăng ký

Xóm Suối Cát, Xã Hà Thượng
Huyện Đại Từ
Tỉnh Thái Nguyên
Việt Nam

Văn phòng đại diện Hà Nội

106 Hoàng Quốc Việt
Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2023

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2023 Nghìn VND	1/1/2023 Nghìn VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		12.380.053.478	12.180.692.183
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5	1.440.110.477	1.496.827.172
Tiền	111		1.440.110.477	801.086.748
Các khoản tương đương tiền	112		-	695.740.424
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	6(a)	8.110.000	8.110.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		8.110.000	8.110.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.100.770.727	2.982.434.724
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	7	2.233.448.375	2.170.552.039
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		415.039.977	371.153.813
Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	8	21.200.000	21.200.000
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	445.956.063	434.402.560
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(14.873.688)	(14.873.688)
Hàng tồn kho	140	10	6.779.450.592	6.778.223.251
Hàng tồn kho	141		6.822.319.860	6.825.093.471
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(42.869.268)	(46.870.220)
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.051.611.682	915.097.036
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		148.975.574	74.887.091
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		861.922.160	803.991.934
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		40.713.948	36.218.011

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2023 Nghìn VND	1/1/2023 Nghìn VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 230 + 240 + 250 + 260)	200		26.063.103.632	26.000.469.263
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.403.683.088	1.403.254.299
Phải thu dài hạn khác	216	9	1.403.683.088	1.403.254.299
Tài sản cố định	220		16.684.314.057	16.902.263.782
Tài sản cố định hữu hình	221	11	13.375.790.395	13.580.855.598
<i>Nguyên giá</i>	222		24.618.414.398	24.564.313.453
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(11.242.624.003)	(10.983.457.855)
Tài sản cố định hữu hình thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		67.300.000	67.300.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(67.300.000)	(67.300.000)
Tài sản cố định vô hình	227	12	3.308.523.662	3.321.408.184
<i>Nguyên giá</i>	228		4.466.068.674	4.420.728.476
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(1.157.545.012)	(1.099.320.292)
Bất động sản đầu tư	230	13	711.018.227	722.403.002
<i>Nguyên giá</i>	231		1.136.446.554	1.129.619.792
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		(425.428.327)	(407.216.790)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.314.486.241	2.049.410.181
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	2.314.486.241	2.049.410.181
Đầu tư tài chính dài hạn	250	6(b)	1.555.532.779	1.532.527.099
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		195.969.635	190.164.060
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.359.563.144	1.342.363.039
Tài sản dài hạn khác	260		3.394.069.240	3.390.610.900
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	3.366.831.656	3.369.731.622
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		27.237.584	20.879.278
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		38.443.157.110	38.181.161.446

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2023 Nghìn VND	1/1/2023 Nghìn VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		25.976.939.654	25.784.749.480
Nợ ngắn hạn	310		16.796.885.454	16.661.285.825
Phải trả người bán ngắn hạn	311		1.385.925.794	1.566.467.511
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	16	729.354.389	489.804.070
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	115.445.872	160.004.510
Phải trả người lao động	314		5.285.696	14.841.657
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	905.372.249	763.178.902
Phải trả ngắn hạn khác	319	19	1.454.541.639	2.049.516.375
Vay ngắn hạn				
và trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	320	20(a)	12.193.263.020	11.607.475.407
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		7.696.795	9.997.393
Nợ dài hạn	330		9.180.054.200	9.123.463.655
Phải trả dài hạn khác	337	19	2.000.000.000	2.000.000.000
Vay và trái phiếu phát hành dài hạn	338	20(b)	1.561.462.697	1.490.595.850
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		994.594.493	1.010.085.662
Dự phòng phải trả dài hạn	342	21	4.623.997.010	4.622.782.143
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		12.466.217.456	12.396.411.966
Vốn chủ sở hữu	410	22	12.466.217.456	12.396.411.966
Vốn góp	411	23	10.792.915.155	10.792.915.155
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		(380.197.281)	(419.419.764)
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		667.155.538	675.544.001
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		1.212.080.154	1.181.414.939
- LNST chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		1.181.414.939	1.004.187.789
- LNST năm nay	421b		30.665.215	177.227.150
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		174.263.890	165.957.635
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		38.443.157.110	38.181.161.446

Ngày 04 tháng 5 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính



Người ký duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho quý kết thúc
ngày 31 tháng 3 năm 2023

Mẫu B 02 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 Nghìn VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		3.788.515.137	3.934.366.379
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		2.013.226	4.540.328
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	25	3.786.501.911	3.929.826.051
Giá vốn hàng bán	11		3.213.595.798	3.217.740.625
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		572.906.113	712.085.426
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	103.976.257	107.276.359
Chi phí tài chính	22	27	501.734.957	383.787.983
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		349.164.896	265.083.389
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết	24		3.415.882	7.959.942
Chi phí bán hàng	25		99.117.839	125.641.190
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		77.065.034	159.450.839
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 + 24 - 25 - 26)	30		2.380.422	158.441.715
Thu nhập khác	31	28	17.966.174	56.364.863
Chi phí khác	32	29	6.249.760	20.206.478
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		11.716.414	36.158.385
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		14.096.836	194.600.100
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		5.806.318	5.336.293
Lợi ích thuế TNDN hoãn lại	52		(31.515.049)	41.474.952
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		39.805.567	147.788.855
Lợi nhuận thuần phân bổ cho:				
Chủ sở hữu của Công ty	61		30.665.215	144.982.911
Cổ đông không kiểm soát	62		9.140.352	2.805.944

Ngày 04 tháng 5 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lợi nhuận trước thuế	01	14.096.836	194.600.100
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	303.068.451	350.854.243
Các khoản dự phòng	03	15.858.329	20.341.541
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	4.977.580	4.936.078
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(9.502.887)	(8.820.696)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06	367.643.483	282.644.760
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	696.141.792	844.556.026
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	(270.540.621)	(448.108.605)
Biến động hàng tồn kho	10	2.773.612	(427.716.561)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(353.639.118)	(59.865.372)
Biến động chi phí trả trước	12	(77.983.930)	(70.955.234)
		(3.248.265)	(162.089.746)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay đã trả	14	(302.587.753)	(269.314.949)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(49.918.067)	(23.141.150)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(355.754.085)	(454.545.845)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(361.793.594)	(182.146.932)
Gửi tiền gửi có kỳ hạn và tiền chi cho vay	23	(8.100.000)	(8.110.000)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và thu hồi cho vay đối với các bên khác	24	8.100.000	1.500.000
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27	6.554.751	5.573.225
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(355.238.843)	(183.183.707)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền thu từ đi vay và phát hành trái phiếu	33	2.191.775.526	1.846.727.022
Tiền chi trả nợ gốc vay và trái phiếu	34	(1.531.881.411)	(1.526.018.478)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	659.894.115	320.708.544
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50	(51.098.813)	(317.021.008)
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	1.496.827.172	1.032.986.478
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(5.617.882)	(954.790)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 5)	70	1.440.110.477	715.010.680

Ngày 04 tháng 5 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính hợp nhất này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“Công ty” hoặc “NPM”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác và chế biến vonfram, flourit, bismuth và đồng tại xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để xuất khẩu và bán tại thị trường nội địa.

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”) và lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của các công ty con và công ty liên kết được trình bày như sau:

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Các công ty con:

Tên công ty con	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày 31/3/2023 và 1/1/2023
<i>Công ty con trực tiếp</i>			
Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”)	(i) Tỉnh Thái Nguyên	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%
<i>Các công ty con gián tiếp</i>			
H.C. Starck Holding (Germany) GmbH (“HCS”)	(i) Goslar, Đức	Tư vấn quản lý	100%
ChemiLytics Beteiligungs GmbH	(ii) Goslar, Đức	Tư vấn quản lý	100%
H.C. Starck GmbH	(ii) Goslar, Đức	Tư vấn quản lý	100%
Chemische Fabriken Oker und Branschweig AG	(ii) Goslar, Đức	Sản xuất hóa chất dùng trong sản xuất giấy và phụ gia cho ngành vật liệu hấp thụ	100%
H.C. Starck Infrastructure GmbH & Co. KG	(ii) Munich, Đức	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%
ChemiLytics GmbH & Co. KG	(ii) Goslar, Đức	Phân tích hóa học và dữ liệu đo lường vật lý	100%
H.C. Starck Tungsten GmbH	(ii) Munich, Đức	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%
H.C. Starck Nonferrous Metals Trading (Shanghai) Co. Ltd.	(ii) Thượng Hải, Trung Quốc	Kinh doanh và phân phối	100%
H.C. Starck Canada Inc.	(ii) Sarnia, Ontario, Canada	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	100%

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tên công ty con	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày 31/3/2023 và 1/1/2023
H.C. Starck Tungsten GK	(ii) Tokyo, Nhật Bản	Kinh doanh và phân phối	100%
H.C. Starck Tungsten LLC	(ii) Newton, Mỹ	Kinh doanh và phân phối	100%
H.C. Starck Jiangwu Tungsten Specialities (Ganzhou) Co., Ltd.	(ii) Cám Châu, Trung Quốc	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	60%

Công ty liên kết

Tên công ty liên kết	Địa chỉ	Hoạt động chính	Tỷ lệ lợi ích kinh tế tại ngày 31/3/2023 và 1/1/2023
<i>Công ty liên kết gián tiếp</i> Jiangwu H.C. Starck Tungsten Products Co., Ltd.	(ii) Cám Châu, Trung Quốc	Chế biến sâu kim loại màu và kim loại quý hiếm (Vonfram)	30%

- (i) HCS là công ty con của MTC. MTC là công ty con của Công ty.
- (ii) Các đơn vị này là các công ty con và công ty liên kết trực tiếp và gián tiếp của HCS.

HCS là nhà chế tạo hàng đầu về bột kim loại vonfram kỹ thuật cao và vonfram cacbua (giai đoạn giữa của chuỗi giá trị). HCS có các tổ hợp sản xuất tại Châu Âu, Bắc Mỹ và Trung Quốc, phục vụ khách hàng trên toàn cầu. HCS và các công ty con hoạt động chủ yếu về phát triển, sản xuất và cung cấp các loại bột chất lượng cao sản xuất dựa trên công nghệ vonfram kim loại và vonfram hợp chất, đáp ứng nhu cầu đa dạng của khách hàng.

Tỷ lệ lợi ích kinh tế phản ánh tỷ lệ thực tế của các lợi ích kinh tế trực tiếp và gián tiếp của Công ty tại các công ty con. Tỷ lệ quyền biểu quyết bằng tỷ lệ lợi ích kinh tế trừ khi được trình bày khác.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, Tập đoàn có 2.351 nhân viên (1/1/2023: 2.263 nhân viên).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty và các công ty con là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Tập đoàn là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VND”), trừ khi được trình bày khác.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Khi đánh giá quyền kiểm soát, Tập đoàn phải xem xét quyền biểu quyết tiềm tàng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

Theo phương pháp mua, tài sản và nợ phải trả của công ty được mua được hợp nhất theo giá trị hợp lý khi hợp nhất. Giá phí hợp nhất kinh doanh (giá phí mua) gồm tổng giá trị hợp lý, tại ngày trao đổi, của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận, các công cụ vốn do bên mua phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày mua.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Bất kỳ khoản lợi thế thương mại nào phát sinh thể hiện khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán hợp nhất, sau đó được phân bổ vào kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của năm hiện tại sau khi đã tiến hành soát xét lại nhằm đảm bảo việc xác định giá trị của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được, nợ tiềm tàng và việc xác định giá phí hợp nhất kinh doanh đã phản ánh phù hợp việc cân nhắc tất cả thông tin có tại ngày mua.

Nếu việc kế toán ban đầu đối với giao dịch hợp nhất kinh doanh chưa hoàn thành trước thời điểm cuối kỳ kế toán mà giao dịch hợp nhất kinh doanh diễn ra do giá trị hợp lý của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được hoặc nợ tiềm tàng của bên bị mua hoặc giá phí hợp nhất kinh doanh chỉ được xác định tạm thời, Tập đoàn sẽ kế toán giao dịch hợp nhất kinh doanh theo các giá trị tạm thời đó. Trong vòng 12 tháng kể từ ngày mua (giai đoạn sử dụng giá trị tạm thời), Tập đoàn sẽ điều chỉnh hồi tố các giá trị tạm thời đã ghi nhận tại ngày mua.

Các chi phí giao dịch, ngoại trừ các chi phí liên quan đến việc phát hành công cụ nợ hoặc chứng khoán vốn của Tập đoàn liên quan đến việc hợp nhất kinh doanh, bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh, như chi phí trả cho tư vấn tài chính, tư vấn pháp lý, thẩm định viên về giá và các nhà tư vấn liên quan đến hợp nhất kinh doanh. Các chi phí giao dịch này được tính vào giá phí hợp nhất kinh doanh. Các chi phí quản lý chung và các chi phí khác không liên quan trực tiếp đến giao dịch hợp nhất kinh doanh cụ thể đang được ghi nhận thì không được tính vào chi phí mua, mà được ghi nhận là chi phí phát sinh trong năm.

(ii) Các công ty con

Các công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Sự kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại. Báo cáo tài chính của các công ty con được hợp nhất trong báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt kiểm soát đối với các đơn vị này.

(iii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ lợi ích kinh tế của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Theo Thông tư 202/2014/TT-BTC ban hành bởi Bộ Tài Chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất (“Thông tư 202”), chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iv) Công ty liên kết

Các công ty liên kết là những công ty mà Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của công ty. Sự ảnh hưởng đáng kể này được giả định tồn tại khi Tập đoàn nắm giữ từ 20% đến 50% quyền bỏ phiếu. Các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, gồm cả chi phí giao dịch. Sau ghi nhận ban đầu, báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong lãi hoặc lỗ của công ty liên kết, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các đơn vị này. Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào công ty liên kết cũng được điều chỉnh cho những thay đổi về lợi ích của nhà đầu tư trong công ty liên kết phát sinh từ những thay đổi vốn chủ sở hữu của công ty liên kết mà không phản ánh trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh (như việc đánh giá lại tài sản cố định, hay chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính, v.v...).

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

(v) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các giao dịch và số dư trong nội bộ tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Tuy nhiên, chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh từ các khoản mục tiền tệ của nội bộ Tập đoàn, cả ngắn hạn và dài hạn, được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với công ty liên kết được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại đơn vị nhận đầu tư.

(vi) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh trong việc mua lại công ty con và được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại là khoản chênh lệch giữa giá phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua để có được quyền kiểm soát đơn vị bị mua cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến giao dịch mua.

Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và bán chuyển khoản đối với nợ phải trả, của ngân hàng thương mại nơi Công ty hoặc các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Cho mục đích trình bày báo cáo tài chính hợp nhất, tài sản và nợ phải trả của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND như sau:

- Các tài sản và nợ phải trả, bao gồm các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh tại ngày mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản (đối với tài sản) và bán chuyển khoản (đối với nợ phải trả) của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán;
- Doanh thu, thu nhập, chi phí và lưu chuyển tiền tệ của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch;
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ Lỗ lũy kế và các quỹ trích từ lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được tính toán từ lợi nhuận sau thuế thuần/các biến động đã được quy đổi.

Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do quy đổi báo cáo tài chính của các hoạt động ở nước ngoài sang VND được ghi nhận vào bảng cân đối kế toán tại khoản mục “Chênh lệch tỷ giá hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu. Khi chênh lệch tỷ giá hối đoái liên quan đến một hoạt động ở nước ngoài được hợp nhất nhưng không thuộc sở hữu toàn bộ, chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế phát sinh do quy đổi thuộc về lợi ích cổ đông không kiểm soát được phân bổ và ghi nhận là một phần của lợi ích cổ đông không kiểm soát trong bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(d) Các khoản đầu tư

(i) Chứng khoán kinh doanh

Chứng khoán kinh doanh là các loại chứng khoán được Tập đoàn nắm giữ vì mục đích kinh doanh, tức là mua vào bán ra để thu lợi nhuận trong thời gian ngắn. Chứng khoán kinh doanh được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua cộng các chi phí mua. Sau ghi nhận ban đầu, chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập khi có bằng chứng là giá thị trường của chứng khoán giảm xuống thấp hơn giá trị ghi sổ của chúng. Sau khi khoản dự phòng được lập, nếu giá thị trường của chứng khoán tăng lên thì khoản dự phòng sẽ được hoàn nhập. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của chứng khoán kinh doanh không vượt quá giá trị ghi sổ của các chứng khoán này khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) *Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn*

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Tập đoàn dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn, trái phiếu và các khoản phải thu về cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(iii) *Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác*

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Tập đoàn có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) *Các khoản phải thu*

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Bao thanh toán

Theo tình hình của thị trường và yêu cầu về thanh khoản, Tập đoàn ký kết các thỏa thuận bao thanh toán để chuyển giao khoản phải thu khách hàng. Đối với các giao dịch bao thanh toán, Tập đoàn đánh giá có ghi giảm toàn bộ khoản phải thu hay không dựa trên mức độ chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu.

Nếu Tập đoàn:

- chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu, Tập đoàn sẽ ghi giảm khoản phải thu và ghi nhận riêng rẽ tài sản hoặc nợ phải trả đối với các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ việc chuyển giao khoản phải thu;
- còn nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu, Tập đoàn sẽ tiếp tục ghi nhận khoản phải thu;
- không chuyển giao cũng như không nắm giữ phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của khoản phải thu thì Tập đoàn xác định xem liệu có nắm giữ quyền kiểm soát đối với tài sản không. Nếu Tập đoàn không nắm giữ quyền kiểm soát thì Tập đoàn sẽ ghi giảm khoản phải thu và ghi nhận riêng rẽ tài sản hoặc nợ phải trả đối với các quyền và nghĩa vụ phát sinh từ việc chuyển giao khoản phải thu. Nếu Tập đoàn nắm giữ quyền kiểm soát thì Tập đoàn sẽ tiếp tục ghi nhận khoản phải thu đến giá trị còn tiếp tục liên quan đến tài sản được chuyển giao.

Mức độ còn tiếp tục liên quan đến tài sản được chuyển giao là mức độ Tập đoàn bị ảnh hưởng bởi những thay đổi về giá trị của tài sản chuyển giao và được xác định bằng giá trị thấp hơn giữa giá trị ghi sổ của khoản phải thu và số tiền cao nhất mà Tập đoàn phải trả (“số tiền bảo lãnh”).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Khi Tập đoàn tiếp tục ghi nhận tài sản chuyển giao đến giá trị còn tiếp tục liên quan đến tài sản được chuyên giao, Tập đoàn đồng thời ghi nhận nghĩa vụ liên quan. Nghĩa vụ liên quan ban đầu được ghi nhận bằng số tiền bảo lãnh cộng với giá trị hợp lý của bảo lãnh. Sau đó, giá trị hợp lý của bảo lãnh được phân bổ dần theo thời gian vào báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mỏ, các tài sản được kết chuyển vào “nhà cửa, vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Trường hợp tài sản cố định hữu hình tự xây dựng được hoàn thành và được đưa vào sử dụng nhưng chi phí chưa được quyết toán thì Công ty hạch toán nguyên giá của tài sản cố định hữu hình theo giá tạm tính và nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh sau khi chi phí quyết toán được phê duyệt.

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ; và giá trị hợp lý của trữ lượng khai thác và trữ lượng địa chất khoáng sản từ hợp nhất kinh doanh.

(ii) Khấu hao

NPM: Máy móc, thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến khoáng sản

Máy móc, thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến khoáng sản được khấu hao theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Theo phương pháp này, căn cứ khấu hao được tính dựa trên trữ lượng khoáng sản đã được chứng minh và tương đối chắc chắn sẽ thu được; trữ lượng khoáng sản này là ước tính về khối lượng quặng (tính bằng tấn) có thể được khai thác hợp pháp và có hiệu quả kinh tế từ các tài sản khai thác khoáng sản của Tập đoàn và một phần tài nguyên dự kiến sẽ được chuyển

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

thành trữ lượng khoáng sản. Cụ thể, căn cứ khấu hao đối với các tài sản liên quan đến khai thác mỏ được tính theo:

- a. trữ lượng khoáng sản và tài nguyên khoáng sản dự kiến sẽ được chuyển thành trữ lượng khoáng sản theo kết quả đánh giá kỹ thuật của chuyên gia khai mỏ trong khu vực Dự án Núi Pháo; và
- b. phần tài nguyên khoáng sản có thể được tái chế từ hồ chứa đuôi quặng oxit (“OTC”) của NPM.

Căn cứ khấu hao cho từng loại tài sản khai thác khoáng sản được áp dụng như sau:

	Căn cứ khấu hao
Máy móc, thiết bị chỉ liên quan đến hoạt động chế biến khoáng sản;	(a)
Máy móc, thiết bị liên quan đến hoạt động chế biến khoáng sản và được sử dụng cho hoạt động tái chế quặng thải tại hồ chứa đuôi quặng oxit OTC	(a) và (b)

MTC: Máy móc và thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất

Máy móc và thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động chế biến các sản phẩm tinh chế từ vonfram của MTC được tính khấu hao trong thời gian hữu dụng ước tính của tài sản theo đơn vị sản phẩm. Tổng đơn vị sản phẩm ước tính của tài sản cố định khấu hao theo phương pháp khối lượng sản phẩm là như sau:

Nhà máy ST (Muối Natri Vonfram)	171.865 tấn vonfram
Nhà máy APT (Muối Amoni Paratungstate)	166.990 tấn vonfram

Các tài sản khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian sử dụng hữu ích ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 22 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 25 năm
▪ các tài sản khai thác khoáng sản khác	26 năm

Trong trường hợp xây dựng cơ bản được hoàn thành và đưa vào sử dụng trước khi chi phí xây dựng được quyết toán thì nguyên giá tài sản được xác định theo nguyên giá tạm tính. Khi chi phí xây dựng tài sản cố định được quyết toán và phê duyệt, Công ty điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định theo giá trị đã quyết toán và không điều chỉnh lại giá trị hao mòn lũy kế. Chi phí khấu hao sau thời điểm quyết toán được xác định bằng giá trị quyết toán đã được phê duyệt trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế được trích đến thời điểm phê duyệt quyết toán tài sản chia (÷) cho thời gian khấu hao còn lại của tài sản cố định theo các quy định hiện hành.

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Đất

Đất gồm có đất nhận chuyển nhượng hợp pháp. Đất được thể hiện theo nguyên giá và không được phân bổ.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá gốc của phần mềm máy vi tính bao gồm:

- Phần mềm máy vi tính được mua mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được mua mới được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm;
- Chi phí phát sinh trong giai đoạn phát triển phần mềm nếu thỏa mãn các tiêu chí sau:
 - Các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc hình thành phần mềm trong giai đoạn phát triển;
 - Tập đoàn dự định hoàn thành phần mềm để sử dụng hoặc để bán có thể được kiểm chứng bằng các thiết kế chương trình, mô hình hoặc các sản phẩm tương tự;
 - Tập đoàn có khả năng triển khai và sử dụng phần mềm sau giai đoạn phát triển;
 - Có đầy đủ nguồn lực về kỹ thuật, tài chính và con người để hoàn tất giai đoạn phát triển phần mềm;
 - Tập đoàn có thể xác định được các chi phí phát sinh liên quan đến giai đoạn phát triển phần mềm một cách đáng tin cậy.

Phần mềm tự phát triển được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong bốn (4) năm kể từ khi mỗi cấu phần của phần mềm được hoàn thành.

(iii) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 (“Nghị định 67”) có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2019, thay thế Nghị định 203/2013/NĐ-CP ngày 28 tháng 11 năm 2013. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản đã được chứng minh và tương đối chắc chắn sẽ thu được và một phần tài nguyên dự kiến sẽ được chuyển thành trữ lượng khoáng sản.

(iv) Chi phí triển khai

Chi phí triển khai bao gồm:

- Chi phí cho các hoạt động triển khai mà thông qua các hoạt động này các kết quả nghiên cứu được áp dụng vào việc lập kế hoạch hoặc thiết kế các quy trình sản xuất và sản xuất các sản phẩm mới hoặc được cải tiến đáng kể, sẽ được vốn hóa nếu sản phẩm hoặc quy trình sản xuất đó khả thi về mặt kỹ thuật và thương mại và Tập đoàn có đủ nguồn lực để hoàn tất việc triển khai. Các chi phí triển khai được vốn hóa bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và một phần chi phí chung được phân bổ thích hợp. Các chi phí triển khai khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một khoản chi phí trong kỳ khi các chi phí này phát sinh;
- Chi phí triển khai mà Tập đoàn có được thông qua hợp nhất kinh doanh được vốn hóa và trình bày là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của chi phí triển khai được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 10 đến 16 năm.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Giá trị hợp lý của chi phí triển khai có được thông qua hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp dòng tiền gia tăng, theo đó tài sản chủ thể được định giá sau khi trừ đi lợi tức hợp lý từ tất cả các tài sản khác góp phần tạo ra các dòng tiền liên quan.

(v) Tên thương hiệu

Chi phí mua tên thương hiệu được ghi nhận là tài sản vô hình.

Giá trị hợp lý của tên thương hiệu có được qua hợp nhất kinh doanh được xác định bằng cách chiết khấu các khoản thanh toán phí bản quyền ước tính tránh được do sở hữu tên thương hiệu. Giá trị hợp lý của tên thương hiệu có được qua hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản vô hình và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 20 đến 30 năm.

(vi) Quan hệ khách hàng

Quan hệ khách hàng mà Tập đoàn có được thông qua hợp nhất kinh doanh được vốn hóa và trình bày là tài sản cố định vô hình. Giá trị hợp lý của các mối quan hệ khách hàng được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian 36 năm.

Giá trị hợp lý của các mối quan hệ khách hàng có được qua hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp thu nhập thặng dư nhiều kỳ, theo đó các tài sản chủ thể được định giá sau khi trừ đi lợi tức hợp lý từ tất cả các tài sản khác góp phần tạo ra các dòng tiền liên quan.

(vii) Công nghệ

Các công nghệ mà Tập đoàn có được thông qua hợp nhất kinh doanh được ghi nhận là tài sản cố định vô hình và được ghi nhận ban đầu theo giá trị hợp lý. Giá trị công nghệ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian sử dụng hữu ích của các công nghệ này là từ 16 đến 31 năm.

Giá trị hợp lý của các công nghệ có được qua hợp nhất kinh doanh được xác định theo phương pháp thu nhập thặng dư nhiều kỳ, theo đó các tài sản chủ thể được định giá sau khi trừ đi lợi tức hợp lý của tất cả các tài sản khác góp phần tạo ra các dòng tiền liên quan và/hoặc dựa trên các khoản thanh toán phí bản quyền chiết khấu ước tính tránh được do sở hữu các công nghệ này.

(i) Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

(i) Nguyên giá

Bất động sản đầu tư cho thuê được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của bất động sản đầu tư cho thuê bao gồm giá mua, chi phí đất và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đến điều kiện cần thiết để tài sản có thể hoạt động theo cách thức đã dự kiến bởi Ban Giám đốc. Các chi phí phát sinh sau khi bất động sản đầu tư cho thuê đã được đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa và bảo trì được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong năm mà các chi phí này phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ bất động sản đầu tư cho thuê vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của bất động sản đầu tư cho thuê.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

- nhà cửa 40 – 60 năm

Đất được ghi nhận theo giá gốc và không được phân bổ.

(j) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí phát triển trữ lượng khai thác khoáng sản, trữ lượng địa chất khoáng sản và các chi phí phát triển mỏ liên quan. Các tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khai thác khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Các tài sản này được vốn hóa sau khi cân trừ tiền thu về từ việc bán sản phẩm sản xuất thử trong giai đoạn phát triển mỏ. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là “nhà cửa và vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” hoặc vào chi phí trả trước dài hạn là “chi phí khai thác khoáng sản khác”.

Tập đoàn không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt và chạy thử để đưa tài sản vào sử dụng.

(k) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Tập đoàn đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 17 đến 24 năm.

(ii) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm tiền thuê đất trả trước, chi phí bồi thường, tái định cư và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất liên quan.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(iii) Chi phí khai thác khoáng sản khác

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần ‘Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ’).

Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Tập đoàn chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời mỏ của các thành phần của thân quặng đã được xác định.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời mỏ của các thành phần của thân quặng đã được xác định. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống dựa trên trữ lượng khoáng sản và tài nguyên dự kiến có thể chuyển đổi thành trữ lượng khoáng sản của các thành phần của phần thân quặng có liên quan như được trình bày tại Thuyết minh 3(g)(ii)a.

(iv) Chi phí phát sinh để có được hợp đồng

Các chi phí phát sinh để có được hợp đồng là các chi phí để Tập đoàn có được hợp đồng với khách hàng mà chi phí này sẽ không phát sinh nếu Tập đoàn không có được hợp đồng đó. Tập đoàn vốn hóa các chi phí phát sinh để có được hợp đồng nếu các chi phí đó thỏa mãn các điều kiện sau:

- Chỉ các chi phí tăng thêm do có được hợp đồng mới được vốn hóa;
- Chi phí đó phải thu hồi được.

Tài sản đã ghi nhận được khấu hao theo phương pháp mang tính hệ thống và phù hợp với việc chuyển giao hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng mà tài sản đó có liên quan.

(v) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(l) Phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

(m) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (“HĐHTKD”) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Tập đoàn hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Tập đoàn trong hợp đồng. Trường hợp Tập đoàn nhận vốn góp dưới hình thức tài sản tài chính từ các bên khác và do đó tiếp nhận một nghĩa vụ hợp đồng – phải chi trả tiền hoặc tài sản tài chính khác cho các bên khác theo HĐHTKD, Tập đoàn sẽ ghi nhận nợ phải trả tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận cho các bên khác của HĐHTKD có bản chất là chi phí tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là chi phí tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là chi phí khi khả năng phải phân chia các khoản này là chắc chắn.

(n) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Quyền khai thác khoáng sản

Theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, một công ty con của Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản. Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trong đó giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên – Nghị định 67, tại thời điểm tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Giá tính thuế tài nguyên là giá áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty, do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh xác định. Phương pháp quy đổi được dựa vào các thông số khác nhau của hệ số quy đổi theo hướng dẫn tại Nghị định 67.

(ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Tập đoàn làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường (“BTNMT”) và các chính sách môi trường của Tập đoàn theo Báo cáo Tác động Môi trường.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại mỗi thời điểm báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản nếu nghĩa vụ về đóng cửa và phục hồi môi trường là không thể tránh khỏi đối với việc xây dựng tài sản. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

(iii) Trợ cấp hưu trí

Trợ cấp hưu trí là các khoản phúc lợi cho nhân viên khi nghỉ hưu và được phân loại thành Quỹ với mức đóng góp xác định hoặc Quỹ phúc lợi xác định.

Theo Quỹ đóng góp xác định, Tập đoàn sẽ phải đóng góp một khoản tiền cố định vào một quỹ riêng. Nhân viên sẽ nhận được khoản tiền trợ cấp hưu trí trong tương lai dựa trên số tiền đã đóng và thu nhập mang lại từ việc đầu tư của quỹ riêng này. Tập đoàn không có nghĩa vụ pháp lý hay nghĩa vụ liên đới phải chi trả thêm khoản đóng góp nào nếu quỹ đó không có đủ tài sản để chi trả cho tất cả nhân viên khoản trợ cấp liên quan đến thời gian làm việc của nhân viên trong kỳ hiện tại và các kỳ trước đó. Các khoản đóng góp của Tập đoàn cho Quỹ đóng góp xác định sẽ được ghi nhận là chi phí trong kỳ được đóng góp.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Theo Quỹ phúc lợi xác định, nhân viên sẽ nhận được một khoản trợ cấp hưu trí xác định khi nghỉ hưu, khoản trợ cấp này thường phụ thuộc vào một hoặc nhiều yếu tố như tuổi tác, số năm làm việc và lương thường tại thời điểm nghỉ hưu. Dự phòng phải trả cho Quỹ phúc lợi xác định được xác định bằng giá trị hiện tại của nghĩa vụ phúc lợi xác định tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Nghĩa vụ với mức trợ cấp xác định được tính toán hàng năm bởi các chuyên gia độc lập. Giá trị hiện tại của nghĩa vụ phúc lợi xác định được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền phải trả ước tính trong tương lai sử dụng lãi suất của trái phiếu doanh nghiệp chất lượng cao AA với thời hạn tương tự thời hạn phải trả các khoản trợ cấp này, thể hiện bằng đơn vị tiền tệ mà khoản trợ cấp sẽ được thanh toán. Tập đoàn xác định chi phí lãi thuần tính trên nghĩa vụ nợ (tài sản) phúc lợi xác định thuần trong năm bằng cách áp dụng tỷ lệ chiết khấu được sử dụng để xác định giá trị của nghĩa vụ phúc lợi xác định tại thời điểm đầu kỳ kế toán năm nhân với giá trị nghĩa vụ phúc lợi xác định thuần tại thời điểm báo cáo, có tính đến các thay đổi về nghĩa vụ phúc lợi xác định thuần trong kỳ do các khoản mới đóng góp vào quỹ. Chi phí lãi thuần và các chi phí khác liên quan đến Quỹ phúc lợi xác định được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Việc tái xác định (remeasurement) nghĩa vụ phúc lợi xác định được thực hiện do thay đổi các ước tính dòng tiền tương lai, tỷ lệ nghỉ việc của nhân viên, tỷ lệ tử vong và tỷ lệ tăng lương trong tương lai.

Lãi hoặc lỗ phát sinh từ việc tái xác định của nghĩa vụ phúc lợi xác định thuần, bao gồm các khoản lãi và lỗ thống kê (actuarial gains and losses) và thuế thu nhập hoãn lại liên quan, được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu ở tài khoản “Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu” theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính (“BTC”).

(o) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(p) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

(q) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ phạm vi liên quan đến khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(r) Doanh thu

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 tới 180 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên kết quả khảo nghiệm hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi kết quả khảo nghiệm của khách hàng nằm trong phạm vi sai số đã được quy định tại hợp đồng bán sản phẩm, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất được các bên chấp thuận.

(ii) Doanh thu từ dịch vụ gia công thu phí

Dịch vụ gia công thu phí được Tập đoàn cung cấp cho các khách hàng trong ngành bột kim loại. Với dịch vụ này, khách hàng giao vật liệu đã qua sử dụng hoặc phế liệu kim loại cho Tập đoàn để tái chế thành thành phẩm – bột kim loại và thu phí gia công. Doanh thu từ dịch vụ gia công thu phí được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh hợp nhất khi hàng hóa được gia công xong và được người mua chấp nhận. Doanh thu từ dịch vụ gia công thu phí được xác định dựa trên giá trị thanh toán mà Tập đoàn dự kiến được hưởng trong hợp đồng, đó là phí gia công. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố trọng yếu không chắc chắn liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo cơ sở dồn tích.

(ii) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

(t) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Tập đoàn, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán 3(g)(ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán hợp nhất của Tập đoàn.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

(u) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm mà chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận chính yếu và thứ yếu của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh và vùng địa lý theo thứ tự tương ứng.

(w) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty. Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

4. Báo cáo bộ phận

Bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh

Tập đoàn gồm các bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh chính như sau:

Từ ngày 1/1/2023 đến ngày 31/3/2023	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bộ phận	146.383.808	552.494.353	3.013.992.358	73.631.392	3.786.501.911
Lợi nhuận gộp của bộ phận	81.332.525	398.584.234	83.494.518	9.494.836	572.906.113
Chi phí không phân bổ					(176.182.873)
Thu nhập từ hoạt động tài chính					103.976.257
Chi phí tài chính					(501.734.957)
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết					3.415.882
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					2.380.422
Thu nhập khác					17.966.174
Chi phí khác					(6.249.760)
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp					25.708.731
Lợi nhuận thuần sau thuế					39.805.567

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Từ ngày 1/1/2022 đến ngày 31/3/2022	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Doanh thu bộ phận	-	355.552.724	3.508.833.481	65.439.846	3.929.826.051
Lợi nhuận gộp của bộ phận	249.844	252.343.760	437.140.759	22.351.063	712.085.426
Chi phí không phân bổ					(285.092.029)
Thu nhập từ hoạt động tài chính					107.276.359
Chi phí tài chính					(383.787.983)
Phần lợi nhuận trong công ty liên kết					7.959.942
Kết quả từ các hoạt động kinh doanh					158.441.715
Thu nhập khác					56.364.863
Chi phí khác					(20.206.478)
Lợi ích thuế thu nhập doanh nghiệp					(46.811.245)
Lợi nhuận thuần sau thuế					147.788.855

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tài sản của bộ phận	129.027.960	672.235.859	7.297.817.214	1.528.668.636	9.627.749.669
Tài sản không phân bổ					28.815.407.441
Tổng tài sản					38.443.157.110
Tổng nợ phải trả					25.976.939.654
Tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	Đồng Nghìn VND	Fluorit Nghìn VND	Vonfram Nghìn VND	Các bộ phận khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Tài sản của bộ phận	131.599.588	681.906.225	7.343.405.288	1.550.931.914	9.707.843.015
Tài sản không phân bổ					28.473.318.431
Tổng tài sản					38.181.161.446
Tổng nợ phải trả					25.784.749.480

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Đồng	Fluorit	Vonfram	Các bộ phận	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	khác	Nghìn VND
				Nghìn VND	Nghìn VND
Từ ngày 1/1/2023 đến ngày 31/3/2023					
Chi tiêu vốn của bộ phận	12.348.601	-	27.539.037	-	39.887.638
Chi tiêu vốn không phân bổ					317.759.005
Khấu hao tài sản cố định	2.571.624	9.670.339	116.405.025	28.963.962	157.610.950
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ					145.457.501
Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					95.476.897
<hr/>					
	Đồng	Fluorit	Vonfram	Các bộ phận	Tổng cộng
	Nghìn VND	Nghìn VND	Nghìn VND	khác	Nghìn VND
				Nghìn VND	Nghìn VND
Từ ngày 1/1/2022 đến ngày 31/3/2022					
Chi tiêu vốn của bộ phận	-	-	36.648.935	42.404.022	79.052.957
Chi tiêu vốn không phân bổ					103.093.975
Khấu hao tài sản cố định	2.879.348	10.922.709	153.375.712	32.271.508	199.449.277
Khấu hao tài sản cố định không phân bổ					151.404.966
Chi phí trả trước kết chuyển vào hoạt động sản xuất kinh doanh chung không phân bổ theo bộ phận					97.905.083

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

5. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/3/2023	1/1/2023
	Ngàn VND	Ngàn VND
Tiền mặt	28.589	36.096
Tiền gửi ngân hàng	1.431.346.183	801.050.652
Các khoản tương đương tiền	-	695.740.424
Tiền đang chuyển	8.735.705	-
	<hr/>	<hr/>
	1.440.110.477	1.496.827.172
	<hr/>	<hr/>

6. Các khoản đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/3/2023	1/1/2023
	Ngàn VND	Ngàn VND
Tiền gửi ngân hạn	8.110.000	8.110.000
	<hr/>	<hr/>

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

Địa chỉ	Số lượng	% sở hữu	31/3/2023			1/1/2023				
			Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND	Số lượng	% sở hữu	Giá trị ghi sổ Nghìn VND	Dự phòng giảm giá VND	Giá trị hợp lý VND
Đầu tư góp vốn vào công ty liên kết										
Jiangwu H.C. Starck Tungsten Products Co. Ltd. Trung Quốc		30%	195.969.635	-	N/A		30%	190.164.060	-	N/A
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác										
Nyobolt Limited (*) Cambridge, Anh	755.161	21,5%	1.359.563.144	-	(**)	755.161	21,5%	1.342.363.039	-	
			<u>1.555.532.779</u>	<u>-</u>		<u>1.532.527.099</u>			<u>-</u>	

(*) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 thể hiện khoản đầu tư vào 755.161 cổ phiếu của Nyobolt Limited (“Nyobolt”). Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, khoản đầu tư chiếm 21,5% vốn chủ sở hữu hoặc 15% lợi ích vốn chủ sở hữu trên cơ sở cổ phần pha loãng hoàn toàn. Ban Giám đốc đánh giá rằng Tập đoàn không có ảnh hưởng đáng kể đối với Nyobolt và do đó, hạch toán khoản đầu tư này là đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác.

(**) Tập đoàn chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư vốn để thuyết minh trong báo cáo tài chính hợp nhất do không có thông tin về giá thị trường của các khoản đầu tư này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách xác định giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư góp vốn có thể khác với giá trị ghi sổ của chúng.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

7. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/3/2023	1/1/2023
	Nghìn VND	Nghìn VND
<i>Bên thứ ba</i>		
Khách hàng mua vonfram	1.606.068.322	1.390.396.738
Khách hàng mua fluorspar	409.420.836	611.534.261
Khách hàng mua bismuth	94.864.454	110.699.668
Khách hàng mua đồng	119.541.996	55.412.375
Các khách hàng khác	3.552.767	2.508.997
	<hr/>	<hr/>
	2.233.448.375	2.170.552.039

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, một phần khoản phải thu ngắn hạn được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 20(a)).

8. Phải thu về cho vay ngắn hạn

	31/3/2023	1/1/2023
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan	21.200.000	21.200.000

Phải thu về cho vay ngắn hạn từ các bên liên quan không được đảm bảo, phải thu trong vòng 12 tháng kể từ mỗi lần giải ngân và hưởng lãi theo các mức lãi suất được thỏa thuận trong các hợp đồng tại ngày giao dịch.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

9. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	31/3/2023	1/1/2023
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu từ công ty mẹ cấp trung		
Phải thu phi thương mại (a)	10.294.685	10.294.685
Tiền lãi phải thu	1.254.575	836.384
Chi phí phát triển hệ thống ERP	9.844.813	9.844.813
Phải thu khác từ các bên khác		
Phải thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (b)	244.772.921	244.772.921
Bồi thường bảo hiểm	14.873.688	14.873.688
Nộp trước phí bảo vệ môi trường	114.239.595	114.239.595
Thuế xuất khẩu phải thu	6.121.787	1.431.323
Tiền lãi phải thu	26.130	394.574
Phải thu ngắn hạn khác	44.527.869	37.714.577
	445.956.063	434.402.560
Phải thu dài hạn khác		
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND tỉnh Thái Nguyên (c)	1.230.754.171	1.230.754.171
Nộp tiền ký quỹ cho Quỹ Bảo vệ Môi trường (d)	86.764.016	78.049.195
Tài sản phúc lợi xác định thuần	85.582.074	85.153.285
Phải thu dài hạn khác	582.827	9.297.648
	1.403.683.088	1.403.254.299

- (a) Phải thu phi thương mại thể hiện khoản trả hộ một công ty mẹ cấp trung không có đảm bảo, không chịu lãi và phải thu theo thỏa thuận.
- (b) Khoản phải thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (“TCQKTKS”) thể hiện tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung cho năm 2018 và 2019 và phí hành chính liên quan mà Công ty đã nộp cho cơ quan có thẩm quyền dựa trên tính toán tạm thời của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (“TCĐCKSVN”) theo Công văn số 3724/ĐCKS-KTĐCKS ngày 28 tháng 12 năm 2018 (“Công văn 3724”).

Công ty không đồng ý với khoản tiền bổ sung này và cơ sở của Công văn 3724 vì Ban Giám đốc Công ty cho rằng công văn này là không hợp lý và không theo đúng các quy định hiện hành bởi vì giá được sử dụng để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (“Giá tính TCQKTKS - G”) theo công văn này được dựa trên giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm tài nguyên khoáng sản thay vì giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp. Theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 2 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về Thuế tài nguyên, nếu tài nguyên khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra, giá tính thuế tài nguyên là giá bán sản phẩm công nghiệp trừ (-) chi phí chế biến phát sinh của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp nhưng không thấp hơn giá tính thuế do Ủy ban nhân dân cấp

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

tính quy định. Sản phẩm của Công ty là sản phẩm công nghiệp mà giá tính thuế tài nguyên được xác định theo giá cao hơn giữa giá bán trừ (-) chi phí chế biến và giá tính thuế do Ủy ban Nhân dân Tỉnh (“UBNDT”) quy định. TCĐCKSVN đã không sử dụng giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp mà sử dụng giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm tài nguyên khoáng sản - quặng vonfram (hàm lượng: $0,1\% < WO_3 < 0,3\%$).

Công ty đã thanh toán TCQKTKS sử dụng ước tính giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp theo Quyết định số 500/QĐ-BTNMT (“Quyết định 500”) do Bộ Tài Nguyên và Môi trường (“BTNMT”) ban hành ngày 4 tháng 3 năm 2015.

Công ty cũng đã gửi công văn lên cơ quan quản lý các cấp đề nêu rõ vấn đề và xin giải quyết phù hợp cho việc xác định TCQKTKS của Công ty. Năm 2021, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 978/VPCP-KTTH ngày 8 tháng 2 năm 2021 và công văn số 5987/VPCP-KTTH ngày 28 tháng 8 năm 2021, vụ việc đang được Bộ Tài chính, BTNMT, UBND tỉnh Thái Nguyên và Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên xem xét đề báo cáo lên Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Kinh tế của Quốc hội.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, Bộ TNMT ban hành Quyết định số 1640/QĐ/BTNMT (“Quyết định 1640”) để phê duyệt TCQKTKS cho mỏ Núi Pháo, thay thế phê duyệt tạm thu TCQKTKS theo Quyết định 500 và Công văn 3724 mặc dù giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được xác định. Khi ban hành Quyết định 1640 này, Bộ TNMT tiếp tục sử dụng giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm tài nguyên – quặng vonfram (hàm lượng $0,1\% < WO_3 < 0,3\%$) thay vì sử dụng giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp. Vương mắc này đã được Công ty nêu rõ trước đây. Theo Điểm 3 Điều 15 Nghị định 67, đối với những trường hợp đang tạm thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khi giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đang có hiệu lực và đúng quy định về giá khoáng sản nguyên khai để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thì được áp dụng chính thức, thay thế giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tạm thu trước đây. Ban Giám đốc đánh giá rằng vì giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được xác định bởi BTNMT và UBND tỉnh Thái Nguyên, Giá tính TCQKTKS - G làm căn cứ xác định TCQKTKS theo Quyết định 1640 chưa phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Do đó, sau khi Quyết định 1640 được ban hành, Công ty đã gửi nhiều công văn đến Thủ tướng Chính phủ và BNMT đề đề xuất tạm thời chưa thực hiện thu bổ sung TCQKTKS theo Quyết định 1640 và yêu cầu xác định Giá tính TCQKTKS - G. Như đã đề cập ở Thuyết minh 31, tại ngày phát hành báo cáo, UBND tỉnh Thái Nguyên và Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên cùng các cơ quan ban ngành chức năng các cấp đang tích cực làm việc để xác định giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của NPM.

Ban Giám đốc cho rằng bằng việc áp dụng giá tính thuế tài nguyên dùng để tính TCQKTKS theo Quyết định 500, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản nợ phải trả về TCQKTKS và khoản tiền đã nộp trên đây sẽ được hoàn lại để bù trừ cho các khoản nợ phải trả về TCQKTKS trong tương lai, dựa trên diễn giải của Công ty về quy định pháp luật liên quan, bao gồm các quy định về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các quy định về thuế tài nguyên. Do đó, Công ty đã kế toán khoản TCQKTKS nộp thêm trong năm 2019 là khoản phải thu và chưa ghi nhận TCQKTKS tăng thêm theo Quyết định 1640 là nợ phải trả. Ban Giám đốc tin rằng khoản phải thu này sẽ được thu hồi khi giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty được xác định chính thức.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (c) Khoản này thể hiện khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với tiền thuê đất hàng năm trong các năm sau này.
- (d) Công ty có nghĩa vụ ký quỹ cho nghĩa vụ đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường cho Quỹ Bảo vệ Môi trường. Theo Quyết định 1536/QĐ-BTNMT do BTNMT ban hành ngày 20 tháng 6 năm 2019, kế hoạch phục hồi mỏ đòi hỏi phải tăng khoản ký quỹ lên 123.460 triệu VND. Cũng tại ngày này, khoản ký quỹ còn lại là 87.692 triệu VND được phê duyệt cho trả góp hàng năm trong vòng 10 năm kể từ năm 2019. Đối với các lần ký quỹ trong tương lai, tiền ký quỹ trả góp sẽ bao gồm yếu tố trượt giá căn cứ vào chỉ số giá tiêu dùng hàng năm theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015.

10. Hàng tồn kho

	31/3/2023		1/1/2023	
	Giá gốc Nghìn VND	Dự phòng Nghìn VND	Giá gốc Nghìn VND	Dự phòng Nghìn VND
Hàng mua đang đi trên đường	166.516.495	-	151.170.551	-
Nguyên vật liệu	932.523.554	(57.744)	715.317.905	(5.182.267)
Công cụ và dụng cụ	829.144.564	(9.123.618)	854.292.798	(9.008.193)
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	994.481.052	(9.791.223)	941.458.267	(10.362.219)
Thành phẩm	3.827.704.987	(23.896.683)	3.999.477.087	(22.317.541)
Hàng hóa	17.418.432	-	21.880.799	-
Hàng gửi đi bán	54.530.776	-	141.496.064	-
	6.822.319.860	(42.869.268)	6.825.093.471	(46.870.220)

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Tài sản cố định vô hình

	Đất Nghìn VND	Phần mềm máy vi tính Nghìn VND	Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND	Chi phí triển khai (*) Nghìn VND	Tên thương hiệu Nghìn VND	Quan hệ với khách hàng Nghìn VND	Công nghệ Nghìn VND	Tài sản cố định vô hình khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá									
Số dư đầu kỳ	30.896.140	396.245.149	792.655.211	608.152.402	993.568.946	204.053.250	1.370.528.592	24.628.786	4.420.728.476
Tăng trong kỳ	-	737.522	-	-	-	-	-	-	737.522
Thanh lý	-	-	-	-	-	-	-	(174.545)	(174.545)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	395.882	3.543.737	-	7.792.441	12.730.900	2.614.596	17.560.999	138.666	44.777.221
Số dư cuối kỳ	31.292.022	400.526.408	792.655.211	615.944.843	1.006.299.846	206.667.846	1.388.089.591	24.592.907	4.466.068.674
Giá trị hao mòn lũy kế									
Số dư đầu kỳ	-	383.183.575	282.798.147	153.431.976	86.208.720	14.831.191	172.414.472	6.452.211	1.099.320.292
Khấu hao trong kỳ	-	2.111.611	11.765.932	8.626.823	8.412.181	1.447.216	16.824.072	429.691	49.617.526
Thanh lý	-	-	-	-	-	-	-	(9.518)	(9.518)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	-	3.471.965	-	1.875.914	1.016.802	174.929	2.033.570	43.532	8.616.712
Số dư cuối kỳ	-	388.767.151	294.564.079	163.934.713	95.637.703	16.453.336	191.272.114	6.915.916	1.157.545.012
Giá trị còn lại									
Số dư đầu kỳ	30.896.140	13.061.574	509.857.064	454.720.426	907.360.226	189.222.059	1.198.114.120	18.176.575	3.321.408.184
Số dư cuối kỳ	31.292.022	11.759.257	498.091.132	452.010.130	910.662.143	190.214.510	1.196.817.477	17.676.991	3.308.523.662

(*) Chi phí triển khai bao gồm các dự án đã hoàn thành liên quan đến các biện pháp khắc phục sự cố được sử dụng trong quy trình sản xuất của các công ty con.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, tài sản cố định vô hình của Tập đoàn có giá trị còn lại là 505 tỷ VND và 25 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để lần lượt đảm bảo cho các khoản trái phiếu dài hạn và khoản vay ngắn hạn của Công ty và một công ty mẹ cấp trung (1/1/2023: 543 tỷ VND và 25 tỷ VND) (Thuyết minh 20(b) và Thuyết minh 20(a)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND	Đất Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	1.096.335.606	33.284.186	1.129.619.792
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	6.400.281	426.481	6.826.762
Số dư cuối kỳ	1.102.735.887	33.710.667	1.136.446.554
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	407.216.790	-	407.216.790
Khấu hao trong kỳ	14.109.143	-	14.109.143
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	4.102.394	-	4.102.394
Số dư cuối kỳ	425.428.327	-	425.428.327
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	689.118.816	33.284.186	722.403.002
Số dư cuối kỳ	677.307.560	33.710.667	711.018.227

Nguyên giá của bất động sản đầu tư được xác định theo giá trị hợp lý của tài sản tại ngày mua HCS.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, bất động sản đầu tư có giá trị ghi sổ là 642 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để đảm bảo cho khoản vay ngắn hạn của một công ty con (1/1/2023: 649 tỷ VND) (Thuyết minh 20(a)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 Nghìn VND
Số dư đầu kỳ	2.049.410.181	1.132.520.931
Tăng trong kỳ	271.168.493	180.956.670
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình (Thuyết minh 11)	(3.002.254)	(9.942.656)
Chuyển sang tài sản cố định vô hình (Thuyết minh 12)	-	(97.342)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 15)	(4.146.951)	(329.529)
Chênh lệch do quy đổi tiền tệ	1.056.772	(910.719)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	2.314.486.241	1.302.197.355

Trong kỳ, chi phí vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn trị giá là 30 tỷ VND (cùng kỳ năm 2022: 8 tỷ VND).

Tại ngày báo cáo, chi phí xây dựng cơ bản dở dang của Tập đoàn chủ yếu phản ánh chi phí đền bù đất, chi phí phát triển và xây dựng mỏ và nhà máy và các chi phí khác được vốn hóa liên quan đến các đập chứa đuôi quặng, được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của Tập đoàn (Thuyết minh 20(b)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

15. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước và chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND	Chi phí khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Chi phí phát sinh để có được hợp đồng (*) Nghìn VND	Chi phí trả trước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu kỳ	1.297.902.048	1.780.301.020	130.853.798	160.674.756	3.369.731.622
Tăng trong kỳ	-	75.784.546	-	12.645.434	88.429.980
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 14)	-	-	-	4.146.951	4.146.951
Phân bổ trong kỳ	(20.331.223)	(41.773.200)	(7.139.441)	(26.233.033)	(95.476.897)
Số dư cuối kỳ	1.277.570.825	1.814.312.366	123.714.357	151.234.108	3.366.831.656

(*) Tháng 9 năm 2020, Công ty phát sinh chi phí chấm dứt hợp đồng bao tiêu dài hạn với một khách hàng hiện hữu để có được một hợp đồng thuận lợi hơn với một khách hàng mới. Chi phí này là chi phí phát sinh để có được hợp đồng, do đó được vốn hóa và phân bổ theo phương pháp mang tính hệ thống và phù hợp với việc chuyển giao hàng hóa theo hợp đồng mới này.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

16. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Người mua trả tiền trước ngắn hạn chi tiết theo khách hàng lớn

	31/3/2023	1/1/2023
	Ngàn VND	Ngàn VND
<i>Các bên khác</i>		
Khách hàng mua Fluorspa	726.552.941	476.200.000
Khách hàng mua Bismuth	251.506	251.506
Các khách hàng khác	2.549.942	13.352.564
	<hr/>	<hr/>
	729.354.389	489.804.070

Khoản khách hàng trả tiền trước cho giao dịch bán Fluorspa và Bismuth được cần trừ hàng tháng thông qua các lần giao hàng sau đó. Khoản trả tiền trước của khách hàng mua Fluorspa chịu phí trả trước theo điều khoản thỏa thuận và được công ty mẹ cấp trung và cấp cao nhất bảo lãnh.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 Nghìn VND	Số phải nộp trong kỳ Nghìn VND	Số đã nộp/bù trừ trong kỳ Nghìn VND	Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ Nghìn VND	31/3/2023 Nghìn VND
Thuế phải trả Nhà nước Việt Nam					
Thuế giá trị gia tăng	-	102.730.273	(102.730.273)	-	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	35.097.326	(33.825.154)	-	1.272.172
Thuế thu nhập doanh nghiệp	21.554.679	356.693	(21.911.374)	-	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	3.630.079	(3.630.079)	-	-
Thuế thu nhập cá nhân	9.021.104	30.481.481	(30.967.020)	-	8.535.566
Thuế tài nguyên	-	176.270.279	(176.270.279)	-	-
Các loại thuế khác	778.915	5.276.611	(5.754.851)	-	300.674
	31.354.698	353.842.742	(375.089.030)	-	10.108.412
Thuế phải trả cơ quan thuế nước ngoài					
Thuế thu nhập doanh nghiệp	57.871.247	5.449.624	(28.006.695)	(75.798)	35.238.377
Các loại thuế khác	70.778.565	50.429.479	(51.803.559)	694.599	70.099.083
	128.649.812	55.879.103	(79.810.254)	618.801	105.337.460
	160.004.510	409.721.845	(454.899.284)	618.801	115.445.872

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/3/2023	1/1/2023
	Nghìn VND	Nghìn VND
Chi phí hoạt động	612.091.632	353.630.937
Tiền lãi vay phải trả	240.175.218	202.150.017
Phí tư vấn	12.619.180	15.851.304
Thuế và phí tài nguyên	26.165.457	138.872.954
Tiền thưởng	-	46.335.612
Chi phí xây dựng phải trả	5.647.336	3.597.485
Các chi phí tài chính khác	7.292.597	919.329
Chi phí phải trả ngắn hạn khác	1.380.829	1.821.264
	905.372.249	763.178.902

19. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác bao gồm các khoản sau:

	31/3/2023	1/1/2023
	Nghìn VND	Nghìn VND
Ngắn hạn		
Phải trả công ty mẹ cấp trung		
Phải trả theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) (a)	1.000.000.000	1.000.000.000
Phần lợi nhuận phải chia cho HĐHTKD (b)	88.116.406	66.104.124
Các khoản khác chuyển giao cho công ty con	8.362.981	5.311.259
Phải trả công ty mẹ		
Lợi nhuận được chia phải trả	225	225
Các bên khác		
Thư tín dụng trả chậm có điều khoản thanh toán ngay (UPAS LC) (c)	318.250.922	935.610.039
Phải trả ngắn hạn khác	39.811.105	42.490.728
	1.454.541.639	2.049.516.375
Dài hạn		
Phải trả công ty mẹ cấp trung		
Phải trả theo Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (c)	2.000.000.000	2.000.000.000

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

- (a) Các khoản này phản ánh khoản đóng góp của một công ty mẹ cấp trung theo các HĐHTKD ngày 21 tháng 9 năm 2018 và 16 tháng 11 năm 2018 và các bản sửa đổi nhiều lần sau đó, theo đó công ty mẹ cấp trung này sử dụng số tiền thu được từ phát hành trái phiếu trị giá lần lượt là 1.000 tỷ, 500 tỷ VND, 500 tỷ VND và 1.000 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với Tập đoàn. Ba khoản HĐHTKD đầu tiên trị giá 2.000 tỷ VND có thời gian hợp tác là sáu mươi (60) tháng kể từ ngày thanh toán khoản đóng góp trị giá 500 tỷ VND cuối cùng vào ngày 28 tháng 5 năm 2019. Khoản HĐHTKD thứ tư trị giá 1.000 tỷ VND có thời gian hợp tác là sáu mươi (60) tháng kể từ ngày thanh toán khoản đóng góp vào tháng 11 năm 2018 và đã được phân loại sang phải trả ngắn hạn khác.
- (b) Phần lợi nhuận phải chia cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) là khoản phải trả một công ty mẹ cấp trung không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả dựa trên thỏa thuận giữa các bên.
- (c) Đây là các khoản phải trả các ngân hàng trong nước phát hành UPAS LC cho Tập đoàn. Số dư chưa thanh toán chịu lãi suất cố định trong thời hạn trả chậm từ 4 đến 9 tháng và một phần của số dư này được đảm bảo bằng một số cổ phiếu của công ty mẹ cấp trung do một công ty liên quan nắm giữ.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Vay và trái phiếu phát hành

(a) Vay ngắn hạn và trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả

	1/1/2023		Biến động trong kỳ				31/3/2023
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Tăng Nghìn VND	Thanh toán Nghìn VND	Phân bổ	Chênh lệch tỷ giá	Chênh lệch tỷ giá	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ Nghìn VND
				phí phát hành trái phiếu Nghìn VND	chưa thực hiện Nghìn VND	do chuyển đổi tiền tệ Nghìn VND	
Vay ngắn hạn	5.818.241.451	2.122.592.897	(1.531.881.411)	-	(19.358.090)	7.903.531	6.397.498.378
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 20(b))	5.789.233.956	-	-	6.530.686	-	-	5.795.764.642
	<u>11.607.475.407</u>	<u>2.122.592.897</u>	<u>(1.531.881.411)</u>	<u>6.530.686</u>	<u>(19.358.090)</u>	<u>7.903.531</u>	<u>12.193.263.020</u>

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

	Loại tiền	31/3/2023	1/1/2023
		Ngìn VND	Ngìn VND
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	962.795.022	563.751.158
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	VND	2.205.000	333.714.270
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	265.415.718	185.404.032
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	VND	984.203.301	957.259.856
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	14.634.130	25.727.971
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	460.509.694	394.465.896
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	VND	262.859.098	305.413.750
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	VND	157.847.330	151.947.330
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	56.778.243	11.756.448
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	579.405.068	533.739.324
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	437.568.420	206.931.566
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	73.130.453	7.547.532
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	58.517.450	58.834.403
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	EUR	787.320.000	779.220.000
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	CNY	35.102.926	35.299.394
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	65.452.180	117.278.387
Khoản vay ngân hàng không được đảm bảo	VND	52.511.992	50.911.992
Khoản vay ngân hàng không được đảm bảo	USD	344.002.353	301.798.142
Khoản vay từ bên liên quan	VND	197.240.000	197.240.000
Khoản vay từ bên liên quan	VND	600.000.000	600.000.000
		6.397.498.378	5.818.241.451

- (*) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, các khoản vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng các tài sản sau:
- một phần phải thu ngắn hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 7); và/hoặc
 - một số cổ phiếu do công ty mẹ cấp trung phát hành do một công ty liên quan nắm giữ; và/hoặc
 - bất động sản đầu tư có giá trị ghi sổ là 642 tỷ VND (Thuyết minh 13); và/hoặc
 - một phần khoản phải thu ngắn hạn và tất cả các tài khoản ngân hàng của một công ty con mở tại ngân hàng cho vay (Thuyết minh 5 và Thuyết minh 7); và/hoặc
 - một phần tài sản dài hạn của Công ty và công ty con (Thuyết minh 11, Thuyết minh 12 và Thuyết minh 14).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay và trái phiếu phát hành dài hạn

	31/3/2023	1/1/2023
	Nghìn VND	Nghìn VND
Vay dài hạn	70.205.850	-
Phát hành trái phiếu dài hạn (*)	7.287.021.489	7.279.829.806
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 20(a))	(5.795.764.642)	(5.789.233.956)
	1.561.462.697	1.490.595.850

(*) Các trái phiếu dài hạn hiện còn số dư như sau:

		Loại	Năm	31/3/2023	1/1/2023
		tiền	đáo hạn	Nghìn VND	Nghìn VND
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(i)	VND	2023	1.599.200.000	1.596.800.000
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(i)	VND	2023	999.333.333	998.666.667
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(i)	VND	2023	999.061.383	998.357.417
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(i)	VND	2023	999.500.000	998.000.000
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(i)	VND	2023	698.950.000	697.900.000
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(i)	VND	2023	499.719.927	499.509.872
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(i)	VND	2024	499.085.680	498.874.684
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(i)	VND	2027	497.958.333	497.833.333
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(i)	VND	2027	286.669.833	286.481.333
Phát hành trái phiếu có đảm bảo	(i)	VND	2027	207.543.000	207.406.500
				7.287.021.489	7.279.829.806

(i) Đây là số trái phiếu không chuyển đổi do Công ty phát hành, có lãi suất được điều chỉnh sáu tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bình quân kỳ hạn mười hai tháng của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng với 3,1% đến 4,6%/năm (1/1/2023: 3,1% đến 4,6%).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, các trái phiếu không chuyển đổi bằng VND này được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo sau:

- một phần tài sản dài hạn của Tập đoàn (Thuyết minh 11, Thuyết minh 12 và Thuyết minh 14); và/hoặc
- một số cổ phiếu do công ty mẹ cấp trung phát hành và nắm giữ bởi một công ty liên quan; và/hoặc
- được bảo lãnh bởi công ty mẹ cấp cao nhất.

Giá trị trái phiếu có đảm bảo này được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

Đại diện của các trái chủ của số trái phiếu trên là công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

21. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Khôi phục môi trường mỏ Nghìn VND	Quyền khai thác mỏ Nghìn VND	Dự phòng trợ cấp hưu trí và các khoản dự phòng khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu kỳ	113.830.514	370.322.196	4.138.629.433	4.622.782.143
Dự phòng lập trong kỳ	1.343.200	2.234.109	18.582.569	22.159.878
Dự phòng sử dụng trong kỳ	-	-	(62.030.647)	(62.030.647)
Chênh lệch do chuyển đổi tiền tệ	-	-	41.085.636	41.085.636
Số dư cuối kỳ	115.173.714	372.556.305	4.136.266.991	4.623.997.010

- (*) Như trình bày tại Thuyết minh 3(n)(iii), giá trị tái xác định nghĩa vụ phúc lợi xác định thuần – dự phòng trợ cấp hưu trí và khoản thuế thu nhập hoãn lại liên quan được ghi nhận vào vốn chủ sở hữu dưới tài khoản “Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu” theo hướng dẫn riêng của Bộ Tài chính.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp Nghìn VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái Nghìn VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu Nghìn VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối Nghìn VND	Vốn chủ sở hữu thuộc về các chủ sở hữu của Công ty Nghìn VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát Nghìn VND	Tổng vốn chủ sở hữu Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	10.792.915.155	(365.829.110)	(170.252.387)	1.004.187.789	11.261.021.447	120.928.475	11.381.949.922
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	144.982.911	144.982.911	2.805.944	147.788.855
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	(10.604.213)	-	-	(10.604.213)	15.197.424	4.593.211
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2022	10.792.915.155	(376.433.323)	(170.252.387)	1.149.170.700	11.395.400.145	138.931.843	11.534.331.988
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	10.792.915.155	(419.419.764)	675.544.001	1.181.414.939	12.230.454.331	165.957.635	12.396.411.966
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	30.665.215	30.665.215	9.140.352	39.805.567
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	39.222.483	-	-	39.222.483	(834.097)	38.388.386
Biến động khác	-	-	(8.388.463)	-	(8.388.463)	-	(8.388.463)
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2023	10.792.915.155	(380.197.281)	667.155.538	1.212.080.154	12.291.953.566	174.263.890	12.466.217.456

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

23. Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Được duyệt và đã góp	
	31/3/2023 và 1/1/2023	
	Ngàn VND	%
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên (“TNTI”)	2.158.583.031	20%
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên (“MRTN”)	8.634.332.124	80%
	10.792.915.155	100%

Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên và Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên đều được thành lập tại Việt Nam. Công ty mẹ cấp cao nhất, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, cũng được thành lập tại Việt Nam.

24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/3/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương Ngàn VND	Nguyên tệ	Tương đương Ngàn VND
USD	49.845.818,86	1.161.307.888	35.832.904,37	838.848.291
EUR	3.815.986,91	96.220.110	9.992.102,47	248.763.383
JPY	290.999.506,00	50.145.035	463.833.343,00	81.653.222
CNY	4.855.729,20	14.761.417	13.688.956,86	41.614.429
CAD	1.657.939,32	28.264.550	1.058.111,48	18.116.985

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/3/2023	1/1/2023
	Ngàn VND	Ngàn VND
Nợ khó đòi đã xử lý	30.294.111	30.294.111

25. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, cung cấp dịch vụ không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế xuất khẩu.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 Nghìn VND
Lãi chênh lệch tỷ giá	97.089.000	103.116.506
Lãi tiền gửi và cho vay	6.604.499	4.151.372
Doanh thu hoạt động tài chính khác	282.758	8.481
	103.976.257	107.276.359

27. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 Nghìn VND
Chi phí lãi vay	269.864.896	196.046.218
Chi phí tài chính cho HĐHTKD	79.300.000	69.037.171
Chi phí đi vay	18.478.587	17.561.371
Lỗ chênh lệch tỷ giá	85.199.318	72.895.308
Chi phí tài chính khác	48.892.156	28.247.915
	501.734.957	383.787.983

28. Thu nhập khác

	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 Nghìn VND
Lãi bán phế liệu	9.598.152	1.861.568
Bồi thường bảo hiểm	-	40.362.895
Các khoản khác	8.368.022	14.140.400
	17.966.174	56.364.863

29. Chi phí khác

	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 Nghìn VND
Lỗ bán phế liệu	2.695.651	-
Các khoản khác	3.554.109	20.206.478
	6.249.760	20.206.478

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

30. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính hợp nhất này, trong kỳ Tập đoàn có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau.

Tại ngày và cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023, Tập đoàn có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“TCB”) theo các điều khoản giao dịch thông thường.

Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 Nghìn VND
Công ty mẹ cấp cao nhất Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”)	Chi phí lãi vay	15.277.046	3.135.778
Công ty mẹ cấp trung Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“MHT”)	Lợi nhuận phải chia cho HDHTKD	79.300.000	69.037.171
	Chi trả lợi nhuận được chia	57.287.718	45.700.000
	Thu nhập lãi từ cho vay	418.192	167.277
	Số tiền công ty mẹ yêu cầu hoàn trả	3.051.722	-
Công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Mua hàng hóa	216.000	656.992
	Mua dịch vụ	-	323.478
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce (“WCM”)	Lãi trái phiếu	18.515.276	2.259.863
Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất TCB và các công ty con	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	32.185.767	19.164.761
	Khoản vay nhận được	710.104.742	590.185.649
	Hoàn trả gốc vay	552.573.431	493.736.431
Cán bộ quản lý chủ chốt	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (*)	5.691.064	5.554.769

(*) Không có khoản phí quản lý nào được thanh toán cho các thành viên Hội đồng Thành viên cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 và ngày 31 tháng 3 năm 2022.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

31. Nợ tiềm tàng

Như đã thuyết minh tại Thuyết minh 9(b), vào ngày 23 tháng 8 năm 2021, Bộ TNMT ban hành Quyết định số 1640/QĐ/BTNMT (“Quyết định 1640”) để phê duyệt TCQKTKS cho mỏ Núi Pháo, thay thế phê duyệt tạm thu TCQKTKS theo Quyết định 500 và Công văn 3724 mặc dù giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được xác định. Khi ban hành Quyết định 1640 này, Bộ TNMT tiếp tục sử dụng giá tính thuế tài nguyên cho sản phẩm tài nguyên áp dụng cho quặng vonfram (hàm lượng $0,1\% < \text{WO}_3 < 0,3\%$) thay vì sử dụng giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp mà việc ban hành này đã được Công ty nêu rõ trước đây. Giá tính TCQKTKS chính thức theo Quyết định 1640 là 1.831.085 đồng/tấn trong khi Giá tính TCQKTKS tạm thu theo Quyết định 500 là 775.026 đồng/tấn. Theo đó, số TCQKTKS phải nộp thêm do chênh lệch Giá tính TCQKTKS trong giai đoạn từ 2015 đến 2021 là 394,5 tỷ VND.

Sau khi Quyết định 1640 được ban hành, Công ty đã gửi nhiều công văn đến Thủ tướng Chính phủ và Bộ TNMT đề xuất tạm thời chưa thực hiện thu bổ sung thu TCQKTKS theo Quyết định 1640 và yêu cầu xác định TCQKTKS áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty.

Vào ngày 6 tháng 10 năm 2021, Công ty nhận được Thông báo nộp TCQKTKS từ Cục thuế tỉnh Thái Nguyên căn cứ theo Quyết định 1640. Ngày 8 tháng 12 năm 2021, Cục thuế tỉnh Thái Nguyên ban hành Công văn số 4883/CTTNG-QLN yêu cầu Công ty nộp bổ sung 125,8 tỷ VND TCQKTKS cho giai đoạn 2018 đến 2021 và 4,1 tỷ VND tiền chậm nộp tương ứng.

Ban Giám đốc tin rằng Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản nợ phải trả về TCQKTKS dựa trên diễn giải của Công ty về quy định pháp luật liên quan, bao gồm các quy định về TCQKTKS và quy định về thuế tài nguyên. Do đó, Ban Giám đốc Công ty đã gửi công văn lên cơ quan quản lý các cấp để nêu rõ vấn đề và xin giải quyết phù hợp cho việc xác định TCQKTKS của Công ty.

Trong năm 2021, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 978/VPCP-KTTH ngày 8 tháng 2 năm 2021 và Công văn số 5987/VPCP-KTTH ngày 28 tháng 8 năm 2021, vụ việc đang được Bộ Tài chính, Bộ TNMT, UBND tỉnh Thái Nguyên và Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên xem xét để báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Kinh tế Quốc hội. Trong năm 2022, các cơ quan ban ngành có liên quan cấp Trung ương và địa phương thông qua buổi họp do TCĐCKS chủ trì đã nhất trí có bất cập về giá tính thuế tài nguyên đối với quặng vonfram đa kim dùng để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho dự án Núi Pháo. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Thái Nguyên đã triển khai làm việc với Bộ Tài chính, Bộ TNMT về việc tìm kiếm chuyên gia tư vấn, đồng thời chỉ đạo Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên phối hợp cùng các sở ban ngành địa phương có liên quan hoàn thành thủ tục lựa chọn đơn vị tư vấn phù hợp để xây dựng cơ chế xác định giá tính thuế tài nguyên cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty. Tại phát hành ngày báo cáo tài chính hợp nhất này, UBND tỉnh Thái Nguyên và Sở Tài chính Thái Nguyên cùng các cơ quan ban ngành chức năng các cấp đang tích cực làm việc để xác định giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty.

Ban Giám đốc đánh giá rằng vì giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được Bộ TNMT và UBND tỉnh Thái Nguyên xác định, cho nên Giá tính TCQKTKS - G làm căn cứ xác định TCQKTKS theo Quyết định 1640 chưa phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Do đó, Tập đoàn tin rằng khi giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty được xác định, TCQKTKS chính thức của mỏ Núi Pháo cho giai đoạn từ 2015 trở đi sẽ được xác định, và thay thế TCQKTKS như đã phê duyệt tại Quyết định 1640.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN/HN
*(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Kết quả cuối cùng của vấn đề này hiện nay vẫn chưa có và phụ thuộc vào việc giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty được xác định và việc Bộ TNMT có chấp thuận tính toán lại TCQKTKS tại Quyết định 1640 theo giá này khi được xác định. Do đó, Tập đoàn chưa ghi nhận TCQKTKS bổ sung theo Quyết định 1640 là khoản nợ phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính



Crang Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc



**Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản
Núi Pháo**

Báo cáo tài chính riêng cho quý
kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023



Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận

Đăng ký Doanh nghiệp số 4600864513 ngày 5 tháng 7 năm 2010

Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần, và lần điều chỉnh gần đây nhất là ngày 3 tháng 6 năm 2022. Giấy Chứng nhận và các bản điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Thái Nguyên cấp. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh lần đầu số 4600864513 được cấp vào ngày 5 tháng 7 năm 2010.

Giấy Chứng nhận Đầu tư số 17121000026 ngày 21 tháng 7 năm 2010
17121000026-điều chỉnh lần 1 ngày 23 tháng 2 năm 2011
17121000026-điều chỉnh lần 2 ngày 6 tháng 2 năm 2013
17121000026-điều chỉnh lần 3 ngày 23 tháng 7 năm 2015

Giấy Chứng nhận Đầu tư và các bản điều chỉnh do Ủy ban Nhân dân tỉnh Thái Nguyên cấp cho Công ty để thực hiện việc đầu tư “Dự án Khai thác và Chế biến Khoáng sản Núi Pháo”. Dự án có thời gian hoạt động 30 năm kể từ ngày 3 tháng 2 năm 2004.

Hội đồng Thành viên

Ông Nguyễn Thiệu Nam	Chủ tịch
Ông Nguyễn Văn Thắng	Phó Chủ tịch
Ông Craig Richard Bradshaw	Thành viên
Ông Danny Le	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Craig Richard Bradshaw	Tổng Giám đốc
Bà Đinh Lệ Hằng	Phó Tổng Giám đốc (từ ngày 20 tháng 2 năm 2023)
Ông Nguyễn Huy Tuấn	Quyên Giám đốc Tài chính

Trụ sở đăng ký

Xóm Suối Cát, Xã Hà Thượng
Huyện Đại Từ
Tỉnh Thái Nguyên
Việt Nam

Văn phòng đại diện Hà Nội

106 Hoàng Quốc Việt
Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy
Hà Nội, Việt Nam

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2023

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2023 Nghìn VND	1/1/2023 Nghìn VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		5.267.877.962	5.736.027.999
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	327.418.175	473.790.453
Tiền	111		327.418.175	353.790.453
Các khoản tương đương tiền	112		-	120.000.000
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		8.110.000	8.110.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5(a)	8.110.000	8.110.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.803.367.902	2.109.577.711
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	835.081.286	1.194.842.395
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		198.379.417	185.308.226
Phải thu ngắn hạn khác	136	7	784.780.887	744.300.778
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(14.873.688)	(14.873.688)
Hàng tồn kho	140	8	2.770.931.773	2.847.208.586
Hàng tồn kho	141		2.770.931.773	2.847.208.586
Tài sản ngắn hạn khác	150		358.050.112	297.341.249
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		98.430.776	54.403.388
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		257.562.324	242.937.861
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153		2.057.012	-

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2023 Nghìn VND	1/1/2023 Nghìn VND
Tài sản dài hạn (200 = 210 + 220 + 240 + 250 + 260)	200		20.266.036.980	20.211.832.765
Các khoản phải thu dài hạn	210		1.318.081.014	1.318.081.014
Phải thu dài hạn khác	216	7	1.318.081.014	1.318.081.014
Tài sản cố định	220		10.084.467.686	10.268.805.095
Tài sản cố định hữu hình	221	9	9.579.248.857	9.751.060.567
<i>Nguyên giá</i>	222		16.453.238.185	16.453.238.185
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(6.873.989.328)	(6.702.177.618)
Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
<i>Nguyên giá</i>	225		67.300.000	67.300.000
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(67.300.000)	(67.300.000)
Tài sản cố định vô hình	227	10	505.218.829	517.744.528
<i>Nguyên giá</i>	228		900.463.898	900.463.898
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(395.245.069)	(382.719.370)
Tài sản dở dang dài hạn	240		2.088.208.947	1.847.402.698
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	2.088.208.947	1.847.402.698
Đầu tư tài chính dài hạn	250		3.458.093.500	3.458.093.500
Đầu tư vào công ty con	251	5(b)	3.458.093.500	3.458.093.500
Tài sản dài hạn khác	260		3.317.185.833	3.319.450.458
Chi phí trả trước dài hạn	261	12	3.317.185.833	3.319.450.458
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		25.533.914.942	25.947.860.764

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 (tiếp theo)

Mẫu B 01 – DN
 (Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	31/3/2023 Nghìn VND	1/1/2023 Nghìn VND
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		14.917.091.753	15.237.114.161
Nợ ngắn hạn	310		10.875.166.660	11.199.427.374
Phải trả người bán ngắn hạn	311	13	484.405.211	981.077.570
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	14	821.199.284	622.281.024
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	15	9.156.497	9.256.230
Phải trả người lao động	314		196.608	171.224
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	16	743.193.027	637.599.256
Phải trả ngắn hạn khác	319	17	347.965.732	493.585.162
Vay ngắn hạn				
và trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả	320	18(a)	8.469.050.301	8.455.456.908
Nợ dài hạn	330		4.041.925.093	4.037.686.787
Phải trả dài hạn khác	337	17	2.000.000.000	2.000.000.000
Trái phiếu phát hành dài hạn	338	18(b)	1.491.256.847	1.490.595.850
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		62.938.227	62.938.227
Dự phòng phải trả dài hạn	342	19	487.730.019	484.152.710
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		10.616.823.189	10.710.746.603
Vốn chủ sở hữu	410	20	10.616.823.189	10.710.746.603
Vốn góp	411	21	10.792.915.155	10.792.915.155
Lỗi lũy kế	421		(176.091.966)	(82.168.552)
- Lỗi sau thuế chưa phân phối đến cuối năm trước	421a		(82.168.552)	(103.013.496)
- Lỗi kỳ này/năm nay	421b		(93.923.414)	20.844.944
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		25.533.914.942	25.947.860.764

Ngày 04 tháng 5 năm 2023

Người lập:



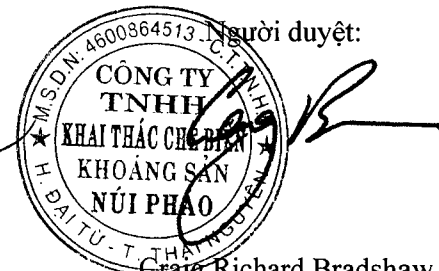
Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc



Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023

Mẫu B 02 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 Nghìn VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01		1.067.967.350	936.297.144
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	23	1.067.967.350	936.297.144
Giá vốn hàng bán	11		841.570.585	763.375.055
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		226.396.765	172.922.089
Doanh thu hoạt động tài chính	21	24	26.648.491	6.923.160
Chi phí tài chính	22	25	317.363.770	251.358.665
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>			<i>249.118.905</i>	<i>227.820.882</i>
Chi phí bán hàng	25		29.704.278	35.732.828
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26		4.827.861	28.203.231
Lỗ thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 - 25 - 26)	30		(98.850.653)	(135.449.475)
Thu nhập khác	31	26	39.536.235	80.795.262
Chi phí khác	32	27	34.608.996	38.658.379
Kết quả từ các hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		4.927.239	42.136.883
Lỗ kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		(93.923.414)	(93.312.592)
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	7.885.247
Lỗ sau thuế (60 = 50 - 51 - 52)	60		(93.923.414)	(101.197.839)

Ngày 04 tháng 5 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
Lỗ trước thuế	01	(93.923.414)	(93.312.591)
Điều chỉnh cho các khoản			
Khấu hao và phân bổ	02	184.337.408	195.527.134
Các khoản dự phòng	03	3.577.309	3.869.997
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	3.015.257	(622.950)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(812.853)	(497.412)
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay	06	266.702.952	244.591.599
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08	362.896.659	349.555.777
Biến động các khoản phải thu và tài sản khác	09	212.455.159	155.384.859
Biến động hàng tồn kho	10	76.276.813	(133.474.640)
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11	(215.942.565)	(150.456.906)
Biến động chi phí trả trước	12	(48.008.176)	(56.358.075)
		387.677.890	164.651.015
Chi phí lãi vay và chi phí đi vay đã trả	14	(219.546.690)	(220.930.580)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	168.131.200	(56.279.565)
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
Tiền chi mua sắm, xây dựng tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(329.305.550)	(149.109.364)
Gửi tiền gửi có kỳ hạn và tiền chi cho vay	23	(8.110.000)	(8.110.000)
Tiền thu tiền gửi có kỳ hạn tại ngân hàng và thu hồi cho vay đối với các bên khác	24	8.110.000	1.500.000
Tiền thu lãi tiền gửi	27	1.181.298	211.589
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(328.124.252)	(155.507.775)

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 Nghìn VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
Tiền vay và trái phiếu nhận được	33	819.872.340	982.238.984
Tiền chi trả nợ gốc vay và trái phiếu	34	(801.821.545)	(752.912.319)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	18.050.795	229.326.665
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20 + 30 + 40)	50	(141.942.257)	17.539.325
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu năm	60	473.790.453	33.299.677
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61	(4.430.021)	(8.133)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối năm (70 = 50 + 60 + 61) (Thuyết minh 4)	70	327.418.175	50.830.869

Ngày 04 tháng 5 năm 2023

Người lập:



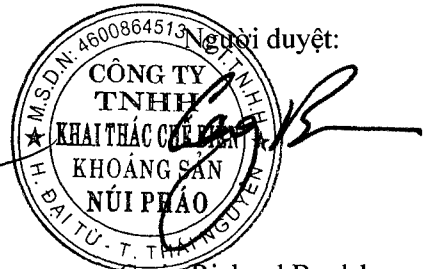
Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc

Các thuyết minh đính kèm là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính riêng đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo (“Công ty” hoặc “NPM”) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập tại Việt Nam. Hoạt động chính của Công ty là thăm dò, khai thác và chế biến vonfram, fluorspar, bismuth và đồng tại xã Hà Thượng, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên để xuất khẩu và bán tại thị trường nội địa.

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, Công ty có 1.235 nhân viên (1/1/2023: 1.166 nhân viên).

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty nằm trong phạm vi 12 tháng.

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính riêng được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Công ty cũng lập và phát hành riêng rẽ báo cáo tài chính hợp nhất. Để có thông tin đầy đủ về tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty và các công ty con (gọi chung là “Tập đoàn”), báo cáo tài chính riêng này cần được đọc cùng với báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính riêng, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính. Toàn bộ các số liệu được làm tròn đến hàng nghìn (“Nghìn VND”), trừ khi được trình bày khác.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng này.

(a) Các giao dịch ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong năm được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua chuyển khoản đối với tài sản và bán chuyển khoản đối với nợ phải trả của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng.

(b) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

(c) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Giám đốc của Công ty dự định và có khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư vào công ty con

Cho mục đích của báo cáo tài chính riêng này, các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn, trừ khi có bằng chứng rằng giá trị của khoản đầu tư không bị suy giảm. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giả định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(d) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(e) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí khai thác khoáng sản và sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí ước tính để bán sản phẩm.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

(f) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Khi kết thúc giai đoạn xây dựng mỏ, các tài sản được kết chuyển vào “nhà cửa, vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” thuộc khoản mục tài sản cố định hữu hình. Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua hoặc chi phí xây dựng, bao gồm thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, và chi phí để tháo dỡ, di dời tài sản và khôi phục hiện trường tại địa điểm đặt tài sản. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng trong năm mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

Trường hợp tài sản cố định hữu hình tự xây dựng được hoàn thành và được đưa vào sử dụng nhưng chi phí chưa được quyết toán thì Công ty hạch toán nguyên giá của tài sản cố định hữu hình theo giá tạm tính và nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh sau khi chi phí quyết toán được phê duyệt.

Tài sản khai thác khoáng sản khác bao gồm chi phí phục hồi môi trường mỏ.

(ii) Khấu hao

Máy móc và thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất và khai thác khoáng sản

Máy móc, thiết bị liên quan trực tiếp đến hoạt động sản xuất và khai thác chế biến khoáng sản được khấu hao theo phương pháp khối lượng sản phẩm. Theo phương pháp này, căn cứ khấu hao được tính dựa trên trữ lượng khoáng sản đã được chứng minh và tương đối chắc chắn sẽ thu được; trữ lượng khoáng sản này là khối lượng quặng ước tính (tính bằng tấn) có thể được khai thác hợp pháp và có hiệu quả kinh tế từ các tài sản khai thác khoáng sản của Công ty và một phần tài nguyên dự kiến sẽ được chuyển thành trữ lượng khoáng sản. Cụ thể, căn cứ khấu hao đối với các tài sản liên quan đến khai thác mỏ được tính theo:

- a. trữ lượng khoáng sản và tài nguyên khoáng sản dự kiến sẽ được chuyển thành trữ lượng khoáng sản theo kết quả đánh giá kỹ thuật của chuyên gia khai mỏ trong khu vực Dự án Núi Pháo; và
- b. phần tài nguyên khoáng sản có thể được tái chế từ hồ chứa đuôi quặng oxit (“OTC”) của Công ty.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Căn cứ khấu hao cho từng loại tài sản khai thác khoáng sản được áp dụng như sau:

	Căn cứ khấu hao
Máy móc, thiết bị chỉ liên quan đến hoạt động chế biến khoáng sản	(a)
Máy móc, thiết bị liên quan đến hoạt động chế biến khoáng sản và sẽ được sử dụng cho hoạt động tái chế quặng thải tại hồ chứa đuôi quặng OTC	(a) và (b)

Các tài sản khác

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa và vật kiến trúc	5 – 40 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 22 năm
▪ dụng cụ văn phòng	3 – 10 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 25 năm
▪ các tài sản khai thác khoáng sản khác	26 năm

Trong trường hợp xây dựng cơ bản được hoàn thành và đưa vào sử dụng trước khi chi phí xây dựng được quyết toán thì nguyên giá tài sản được xác định theo nguyên giá tạm tính. Khi chi phí xây dựng tài sản cố định được quyết toán và phê duyệt, Công ty điều chỉnh lại nguyên giá tài sản cố định theo giá trị đã quyết toán và không điều chỉnh lại giá trị hao mòn lũy kế. Chi phí khấu hao sau thời điểm quyết toán được xác định bằng giá trị quyết toán đã được phê duyệt trừ (-) giá trị hao mòn lũy kế đã được trích đến thời điểm phê duyệt quyết toán tài sản chia (÷) cho thời gian khấu hao còn lại của tài sản cố định theo các quy định hiện hành.

(g) Tài sản cố định vô hình

(i) Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính được mua mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được mua mới được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong vòng từ ba (3) đến tám (8) năm.

(ii) Quyền khai thác khoáng sản

Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại nhân với giá khoáng sản do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh công bố theo quy định tại Nghị định 67/2019/NĐ-CP ngày 31 tháng 7 năm 2019 (“Nghị định 67”) có hiệu lực từ ngày 15 tháng 9 năm 2019, thay thế Nghị định 203/2013/NĐ/CP ngày 28 tháng 11 năm 2013. Nguyên giá của quyền khai thác khoáng sản được trình bày theo giá trị hiện tại của tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và được vốn hóa và hạch toán như một tài sản cố định vô hình. Quyền khai thác khoáng sản được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên vòng đời kinh tế của trữ lượng khoáng sản đã được chứng minh và tương đối chắc chắn sẽ thu được và một phần tài nguyên dự kiến sẽ được chuyển thành trữ lượng khoáng sản.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(h) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang chủ yếu bao gồm tài sản khoáng sản đang trong quá trình phát triển và chi phí xây dựng và máy móc chưa hoàn thành, chưa lắp đặt xong và chưa nghiệm thu đưa vào hoạt động. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang cũng bao gồm chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí phát triển trữ lượng khai thác khoáng sản, trữ lượng địa chất khoáng sản và các chi phí phát triển mỏ liên quan. Các tài sản này đủ điều kiện để được vốn hóa khi trữ lượng khai thác khoáng sản liên quan đã được chứng minh là có tính khả thi về lợi ích kinh tế và kỹ thuật. Các tài sản này được vốn hóa sau khi cân trừ tiền thu về từ việc bán sản phẩm sản xuất thử trong giai đoạn phát triển mỏ. Khi hoàn thành giai đoạn xây dựng, được xác định là từ khi tài sản được đưa đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến, toàn bộ tài sản được phân loại lại vào tài sản cố định hữu hình là “nhà cửa và vật kiến trúc”, “máy móc và thiết bị” hoặc “tài sản khai thác khoáng sản khác” hoặc vào chi phí trả trước dài hạn là “chi phí khai thác khoáng sản khác”.

Công ty không tính khấu hao cho chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình phát triển mỏ, xây dựng, lắp đặt và chạy thử để đưa tài sản vào sử dụng.

(i) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước, kể cả các khoản liên quan đến đất thuê mà Công ty đã nhận được giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng không đủ điều kiện ghi nhận tài sản cố định vô hình theo quy định pháp luật hiện hành, và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất từ 17 đến 24 năm.

(ii) Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng

Chi phí đền bù giải phóng mặt bằng bao gồm tiền thuê đất trả trước, chi phí bồi thường, tái định cư và các chi phí khác phát sinh liên quan đến việc bảo đảm mặt bằng cần thiết cho việc sử dụng đất thuê phục vụ hoạt động khai thác khoáng sản. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của các hợp đồng thuê đất liên quan.

(iii) Chi phí khai thác khoáng sản khác

Chi phí khai thác khoáng sản khác bao gồm:

- Chi phí thăm dò, đánh giá và phát triển mỏ (bao gồm chi phí bóc đất đá phát triển mỏ); và
- Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất (như được nêu dưới đây trong phần ‘Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ’).

Chi phí bóc đất đá chờ phân bổ

Hoạt động khai thác mỏ lộ thiên đòi hỏi phải bóc lớp đất đá phủ bên trên và các loại phế liệu khác để tiếp cận thân quặng cần khai thác. Chi phí bóc đất đá phát sinh trong quá trình phát triển mỏ (chi phí bóc đất đá phát triển mỏ) được ghi nhận vào chi phí xây dựng mỏ. Toàn bộ chi phí bóc đất đá phát triển mỏ phát sinh trong giai đoạn xây dựng được kết chuyển vào chi phí khai thác khoáng sản khác.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Chi phí loại bỏ đất đá trong giai đoạn sản xuất của mỏ (chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất) được giữ lại chờ phân bổ khi chi phí này làm phát sinh lợi ích trong tương lai:

- a) Khi Công ty chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai;
- b) Khi có thể xác định được thành phần của phần thân quặng mà khả năng tiếp cận đã được cải thiện; và
- c) Khi các chi phí phát sinh có thể được tính toán được một cách đáng tin cậy.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được phân bổ giữa hàng tồn kho và chi phí trả trước dài hạn trong quá trình sản xuất dựa trên tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời mỏ của các thành phần của thân quặng đã được xác định.

Tỷ lệ bóc đất đá trong vòng đời của mỏ là tỷ lệ giữa tổng lượng đất đá và phế liệu ước tính phải bóc trên tổng lượng quặng ước tính có thể thu hồi được lợi ích kinh tế trong suốt vòng đời mỏ của các thành phần của thân quặng đã được xác định. Chi phí bóc đất đá trong quá trình sản xuất được ghi nhận thành chi phí trả trước dài hạn khi tỷ lệ bóc đất đá thực tế của kỳ hiện tại cao hơn tỷ lệ bóc đất đá trung bình trong vòng đời của mỏ.

Chi phí bóc đất đá trong quá trình phát triển mỏ và sản xuất được phân bổ một cách có hệ thống dựa trên trữ lượng khoáng sản và tài nguyên dự kiến có thể chuyển đổi thành trữ lượng khoáng sản của các thành phần của phần thân quặng có liên quan như được trình bày tại Thuyết minh 3(f)(ii)a.

(iv) Chi phí phát sinh để có được hợp đồng

Các chi phí phát sinh để có được hợp đồng là các chi phí để Công ty có được hợp đồng với khách hàng mà chi phí này sẽ không phát sinh nếu Công ty không có được hợp đồng đó. Công ty vốn hóa các chi phí phát sinh để có được hợp đồng nếu các chi phí đó thỏa mãn các điều kiện sau:

- Chi các chi phí tăng thêm do có được hợp đồng mới được vốn hóa; và
- Chi phí đó phải thu hồi được.

Tài sản đã ghi nhận được khấu hao theo phương pháp mang tính hệ thống và phù hợp với việc chuyển giao hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng mà tài sản đó có liên quan.

(v) Chi phí trả trước khác

Chi phí trả trước khác bao gồm phí dịch vụ được ghi nhận lần đầu theo nguyên giá và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn hợp đồng.

(j) Phải trả người bán và các khoản phải trả khác

Phải trả người bán và các khoản phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(k) Hợp đồng hợp tác kinh doanh

Hợp đồng hợp tác kinh doanh (HĐHTKD) là hợp đồng mà trong đó các bên tham gia ký kết đồng ý thực hiện các hoạt động kinh doanh cụ thể mà qua đó không yêu cầu phải thành lập một pháp nhân. Công ty hạch toán mỗi HĐHTKD dựa theo bản chất của hợp đồng và các quyền và nghĩa vụ của Công ty trong hợp đồng. Trường hợp Công ty nhận vốn góp dưới hình thức tài sản tài chính từ các bên khác và do đó tiếp nhận một nghĩa vụ hợp đồng – phải chi trả tiền hoặc tài sản tài chính khác cho các bên khác theo HĐHTKD, Công ty sẽ ghi nhận nợ phải trả tài chính. Trường hợp các khoản phân chia lợi nhuận cho các bên khác của HĐHTKD có bản chất là chi phí tài chính, các khoản này sẽ được ghi nhận là chi phí tài chính dựa trên tỷ lệ lợi nhuận theo thỏa thuận của các bên tham gia. Các khoản phân chia còn phụ thuộc vào kết quả kinh doanh cuối cùng của HĐHTKD và được ghi nhận là chi phí khi khả năng phải phân chia các khoản này là chắc chắn.

(l) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Quyền khai thác khoáng sản

Theo quy định của Luật Khoáng sản năm 2010, Công ty có nghĩa vụ nộp cho Nhà nước tiền cấp Quyền khai thác khoáng sản. Quyền khai thác khoáng sản được tính dựa trên trữ lượng khai thác còn lại và giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, trong đó giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản được xác định trên cơ sở quy đổi từ giá tính thuế tài nguyên theo quy định của pháp luật về thuế tài nguyên – Nghị định 67, tại thời điểm xác định tiền cấp quyền khai thác khoáng sản.

Giá tính thuế tài nguyên là giá áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty, do Ủy ban Nhân dân cấp tỉnh xác định. Phương pháp quy đổi được dựa vào các thông số khác nhau của hệ số quy đổi theo hướng dẫn tại Nghị định 67.

(ii) Dự phòng phục hồi môi trường mỏ

Hoạt động khai thác và chế biến khoáng sản của Công ty làm phát sinh nghĩa vụ đóng cửa mỏ hoặc phục hồi môi trường mỏ. Hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ có thể bao gồm việc giải bản mỏ và tháo dỡ thiết bị; phục hồi mặt bằng đất và khu vực khai thác. Phạm vi công việc phải thực hiện và các chi phí liên quan tùy thuộc vào các quy định của Bộ Tài nguyên và Môi trường (“BTNMT”) và các chính sách môi trường của Công ty theo Báo cáo Tác động Môi trường.

Dự phòng chi phí của mỗi chương trình đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận tại thời điểm ảnh hưởng tiêu cực đến môi trường xảy ra. Khi mức độ ảnh hưởng đến môi trường tăng lên theo thời gian hoạt động khai thác, dự phòng sẽ tăng theo tương ứng. Các chi phí được tính vào dự phòng bao gồm tất cả các chi phí liên quan đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ dự kiến sẽ được trích lập liên tục theo suốt thời gian khai thác, chế biến khoáng sản, tương ứng với mức độ ảnh hưởng đối với môi trường tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

Trong trường hợp hoạt động phục hồi mỏ được thực hiện một cách có hệ thống trong suốt thời gian hoạt động khai thác mà không phải tại thời điểm đóng cửa mỏ, dự phòng được trích lập cho công việc phục hồi mỏ liên tục chưa thực hiện ước tính tại mỗi thời điểm báo cáo và chi phí được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Chi phí hoạt động thường ngày có thể tác động đến các hoạt động đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường mỏ sau này như công việc xử lý vật liệu thải được thực hiện như một phần không tách rời của quá trình khai thác khoáng sản hoặc sản xuất, không được tính vào dự phòng. Chi phí phát sinh từ các tình huống không dự kiến trước được, như tình trạng ô nhiễm do chất thải ngoài dự kiến, được ghi nhận là chi phí và nợ phải trả khi sự cố làm phát sinh một nghĩa vụ có thể ước tính được một cách đáng tin cậy.

Thời gian đóng cửa mỏ thực tế và chi phí phục hồi môi trường mỏ phụ thuộc vào vòng đời của mỏ. Dự phòng đóng cửa và phục hồi mỏ được ghi nhận theo giá trị dự kiến của dòng tiền trong tương lai, được chiết khấu về giá trị hiện tại và được xác định theo xác suất ước tính của các dòng tiền phát sinh đối với mỗi hoạt động khai thác. Các xét đoán và ước tính trọng yếu được sử dụng để hình thành dự kiến về các hoạt động trong tương lai và giá trị và thời gian của dòng tiền liên quan. Những dự kiến này được hình thành dựa trên yêu cầu về môi trường và pháp lý hiện hành làm phát sinh một nghĩa vụ liên đới.

Khi dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ được ghi nhận lần đầu, chi phí tương ứng được vốn hóa như một tài sản nếu nghĩa vụ về đóng cửa và phục hồi môi trường là không thể tránh khỏi đối với việc xây dựng tài sản. Chi phí đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ đã vốn hóa được ghi nhận vào tài sản khai thác khoáng sản khác và được khấu hao sau đó. Chênh lệch về giá trị của khoản dự phòng tăng lên theo thời gian do ảnh hưởng của việc chiết khấu đến giá trị hiện tại, được ghi nhận là chi phí tài chính.

Dự phòng đóng cửa và phục hồi môi trường mỏ sẽ được điều chỉnh theo các thay đổi về ước tính. Các điều chỉnh này sẽ được hạch toán như một thay đổi về chi phí được vốn hóa tương ứng, trừ trường hợp số giảm dự phòng cao hơn chi phí được vốn hóa chưa được trích khấu hao của các tài sản liên quan, khi đó chi phí được vốn hóa được giảm xuống bằng không và phần chênh lệch còn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng. Các thay đổi về chi phí được vốn hóa dẫn đến thay đổi về chi phí khấu hao trong tương lai. Các thay đổi về giá trị và thời gian ước tính của các dòng tiền trong tương lai đối với hoạt động đóng cửa và phục hồi mỏ là một sự kiện bình thường phù hợp với các xét đoán và ước tính quan trọng liên quan.

(m) Trái phiếu phát hành

Tại thời điểm ghi nhận ban đầu, trái phiếu thường được xác định theo giá gốc bao gồm khoản tiền thu được từ việc phát hành trái phiếu trừ đi chi phí phát hành. Các khoản chiết khấu, phụ trội và chi phí phát hành được phân bổ dần theo phương pháp đường thẳng trong suốt kỳ hạn của trái phiếu.

(n) Vốn góp

Vốn góp được ghi nhận tại ngày góp vốn theo số thực góp trừ đi các chi phí liên quan trực tiếp đến việc góp vốn.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ của năm bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những năm trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng ngoại trừ phạm vi liên quan đến khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để các chênh lệch tạm thời này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá.

Đối với doanh thu bán khoáng sản, giá bán thường được xác định sơ bộ tại ngày ghi nhận doanh thu và điều chỉnh giá bán phát sinh sau đó dựa trên biến động giá niêm yết trên thị trường hoặc giá theo hợp đồng cho đến ngày định giá chính thức. Khoảng thời gian giữa thời điểm ghi nhận doanh thu sơ bộ và thời điểm định giá chính thức thường là từ 30 đến 60 ngày, tuy nhiên một số trường hợp có thể lên đến 90 tới 180 ngày. Doanh thu ghi nhận sơ bộ được ghi nhận dựa trên giá trị hợp lý ước tính của tổng giá trị các khoản phải thu.

Trong trường hợp các điều kiện trong hợp đồng mua bán cho phép điều chỉnh giá bán dựa trên kết quả khảo nghiệm hàng hóa của khách hàng, kết quả phân tích được lập bởi một bên thứ ba sẽ được sử dụng, trừ khi kết quả khảo nghiệm của khách hàng nằm trong phạm vi sai số đã được quy định tại hợp đồng bán sản phẩm, khi đó doanh thu được ghi nhận dựa trên bản phân tích chất lượng sản phẩm gần nhất được các bên chấp thuận.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(q) Doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

(i) Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm thu nhập lãi tiền gửi và cho vay, thu nhập từ lợi nhuận được chia, và lãi chênh lệch tỷ giá. Thu nhập lãi được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo cơ sở dồn tích.

Thu nhập từ lợi nhuận được chia từ công ty con được ghi nhận khi quyền nhận lợi nhuận được xác lập. Lợi nhuận nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(ii) Chi phí hoạt động tài chính

Chi phí tài chính bao gồm chi phí lãi vay, lãi trái phiếu, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lỗ do chênh lệch tỷ giá.

(r) Thuê tài sản

(i) Tài sản thuê

Các hợp đồng thuê được phân loại là thuê tài chính nếu theo các điều khoản của hợp đồng, Công ty, với tư cách là bên thuê, đã nhận phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu. Tài sản cố định hữu hình dưới hình thức thuê tài chính được thể hiện bằng số tiền tương đương với số thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản cố định và giá trị hiện tại của các khoản tiền thuê tối thiểu, tính tại thời điểm bắt đầu thuê, trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Khấu hao của tài sản thuê tài chính được hạch toán theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê và thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính trừ khi chắc chắn là Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê. Thời gian hữu dụng ước tính của tài sản thuê tài chính nhất quán với tài sản cố định hữu hình được nêu trong phần chính sách kế toán tại Thuyết minh 3(f)(ii).

Các tài sản thuê theo các hợp đồng thuê khác được phân loại là thuê hoạt động và không được ghi nhận trên bảng cân đối kế toán riêng của Công ty.

(ii) Các khoản thanh toán tiền thuê

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê trong suốt thời hạn thuê.

Các khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia tách thành chi phí tài chính và khoản trả nợ gốc. Chi phí tài chính phải được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê để đạt tới một tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

(s) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm chi phí lãi vay, phí thu xếp tín dụng, chi phí tài chính, chi phí giao dịch và lệ phí vay. Chi phí đi vay được ghi nhận là chi phí trong năm khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(t) Các bên liên quan

Các bên được xem là bên liên quan của Công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hay gián tiếp, kiểm soát bên kia hay có ảnh hưởng đáng kể đến bên kia trong việc đưa ra các quyết định ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu các bên cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan. Các bên liên quan cá nhân là các cán bộ quản lý chủ chốt có thẩm quyền và trách nhiệm trong việc lập kế hoạch, chỉ đạo và kiểm soát hoạt động của Công ty, bao gồm các giám đốc và cán bộ của Công ty.

Các công ty liên quan bao gồm các nhà đầu tư, công ty mẹ cấp cao nhất và các công ty con và công ty liên kết của các công ty này.

4. Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/3/2023	1/1/2023
	Nghìn VND	Nghìn VND
Tiền mặt	27.082	34.589
Tiền gửi ngân hàng	327.391.093	353.755.864
Các khoản tương đương tiền	-	120.000.000
	<hr/>	<hr/>
	327.418.175	473.790.453
	<hr/>	<hr/>

5. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	31/3/2023	1/1/2023
	Nghìn VND	Nghìn VND
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn – ngắn hạn		
Tiền gửi có kỳ hạn	8.110.000	8.110.000
	<hr/>	<hr/>

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng bằng VND với kỳ hạn gốc 12 tháng và lãi suất 4,9% (1/1/2023: 4,9%) một năm.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Đầu tư vào công ty con

	31/3/2023	1/1/2023
	Ngìn VND	Ngìn VND
Đầu tư vào công ty con		
Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) (*)	3.458.093.500	3.458.093.500

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của khoản đầu tư này để thuyết minh trong báo cáo tài chính bởi vì không có giá niêm yết trên thị trường cho các công cụ tài chính này và Chuẩn mực Kế toán Việt Nam hoặc Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam hiện không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của khoản đầu tư này có thể khác với giá gốc.

6. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu ngắn hạn của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	31/3/2023	1/1/2023
	Ngìn VND	Ngìn VND
Các công ty liên quan		
Công ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”) – công ty con	164.647.835	371.426.726
H.C. Starck Canada Inc – công ty con của MTC	43.053.398	43.260.368
Các bên khác		
Khách hàng mua Fluorspar	409.420.836	611.534.262
Khách hàng mua Đồng	94.864.454	55.412.375
Khách hàng mua Bismuth	119.541.996	110.699.668
Các khách hàng khác	3.552.767	2.508.996
	835.081.286	1.194.842.395

Khoản phải thu thương mại từ các công ty liên quan không có đảm bảo, không tính lãi và thu được khi có yêu cầu.

Một phần khoản phải thu ngắn hạn tại ngày 31 tháng 3 năm 2023 và ngày 1 tháng 1 năm 2023, đã được dùng để thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản vay của Công ty (Thuyết minh 18(a)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Phải thu ngắn hạn và dài hạn khác

	31/3/2023	1/1/2023
	Ngìn VND	Ngìn VND
Phải thu ngắn hạn khác		
Phải thu từ công ty mẹ cấp trung		
Phải thu phi thương mại (a)	10.294.685	10.294.685
Chi phí phát triển hệ thống ERP	9.844.813	9.844.813
Phải thu từ công ty con		
Phải thu lợi nhuận được chia (b)	319.999.775	319.999.775
Phải thu phi thương mại (a)	62.142.324	26.192.109
Phải thu ngắn hạn khác	1.039.500	693.000
Phải thu khác từ các bên khác		
Phải thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (c)	244.772.921	244.772.921
Trả trước phí bảo vệ môi trường	114.239.595	114.239.595
Phải thu tiền bồi thường bảo hiểm	14.873.688	14.873.688
Tiền lãi phải thu	26.130	394.574
Phải thu ngắn hạn khác	7.547.456	2.995.618
	784.780.887	744.300.778
Phải thu dài hạn		
Phải thu tiền bồi thường giải phóng mặt bằng từ UBND tỉnh Thái Nguyên (d)	1.230.754.171	1.230.754.171
Nộp tiền ký quỹ cho Quỹ Bảo vệ Môi trường (e)	78.049.195	78.049.195
Phải thu dài hạn khác	9.277.648	9.277.648
	1.318.081.014	1.318.081.014

- (a) Phải thu phi thương mại thể hiện khoản trả hộ một công ty mẹ cấp trung và một công ty con không chịu lãi, không có đảm bảo và phải thu theo thỏa thuận.
- (b) Các khoản phải thu từ công ty con không có đảm bảo và không chịu lãi.
- (c) Khoản phải thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (“TCQKTKS”) thể hiện tiền cấp quyền khai thác khoáng sản bổ sung cho năm 2018 và 2019 và phí hành chính liên quan mà Công ty đã nộp cho cơ quan có thẩm quyền dựa trên tính toán tạm thời của Tổng cục Địa chất và Khoáng sản Việt Nam (“TCĐCKSVN”) theo Công văn số 3724/ĐCKS-KTĐCKS ngày 28 tháng 12 năm 2018 (“Công văn 3724”).

Công ty không đồng ý với khoản tiền bổ sung này và cơ sở của Công văn 3724 vì Ban Giám đốc Công ty cho rằng công văn này là không hợp lý và không theo đúng các quy định hiện hành bởi vì giá được sử dụng để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản (“Giá tính TCQKTKS - G”) theo công văn này được dựa trên giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm tài nguyên khoáng sản thay vì giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp. Theo quy định tại Nghị định số 12/2015/NĐ-CP ngày 12 tháng 2 năm 2015 của Chính phủ và hướng dẫn tại Thông tư số 152/2015/TT-BTC ngày 2 tháng 10 năm 2015 của Bộ Tài chính về Thuế tài nguyên, nếu tài nguyên

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

khai thác không bán ra mà phải qua sản xuất, chế biến mới bán ra, giá tính thuế tài nguyên là giá bán sản phẩm công nghiệp trừ (-) chi phí chế biến phát sinh của công đoạn chế biến từ sản phẩm tài nguyên thành sản phẩm công nghiệp nhưng không thấp hơn giá tính thuế do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định. Sản phẩm của Công ty là sản phẩm công nghiệp mà giá tính thuế tài nguyên được xác định theo giá cao hơn giữa giá bán trừ (-) chi phí chế biến và giá tính thuế do Ủy ban Nhân dân Tỉnh (“UBNDT”) quy định. TCĐCKSVN đã không sử dụng giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp mà sử dụng giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm tài nguyên khoáng sản - quặng vonfram (hàm lượng: $0,1\% < WO_3 < 0,3\%$).

Công ty đã thanh toán TCQKTKS sử dụng ước tính giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp theo Quyết định số 500/QĐ-BTNMT (“Quyết định 500”) do Bộ Tài Nguyên và Môi trường (“BTNMT”) ban hành ngày 4 tháng 3 năm 2015.

Công ty cũng đã gửi công văn lên cơ quan quản lý các cấp để nêu rõ vấn đề và xin giải quyết phù hợp cho việc xác định TCQKTKS của Công ty. Năm 2021, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại công văn số 978/VPCP-KTTH ngày 8 tháng 2 năm 2021 và công văn số 5987/VPCP-KTTH ngày 28 tháng 8 năm 2021, vụ việc đang được Bộ Tài chính, BTNMT, UBND tỉnh Thái Nguyên và Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên xem xét để báo cáo lên Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Kinh tế của Quốc hội.

Ngày 23 tháng 8 năm 2021, Bộ TNMT ban hành Quyết định số 1640/QĐ/BTNMT (“Quyết định 1640”) để phê duyệt TCQKTKS cho mỏ Núi Pháo, thay thế phê duyệt tạm thu TCQKTKS theo Quyết định 500 và Công văn 3724 mặc dù giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được xác định. Khi ban hành Quyết định 1640 này, Bộ TNMT tiếp tục sử dụng giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm tài nguyên – quặng vonfram (hàm lượng $0,1\% < WO_3 < 0,3\%$) thay vì sử dụng giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp. Vương mắc này đã được Công ty nêu rõ trước đây. Theo Điểm 3 Điều 15 Nghị định 67, đối với những trường hợp đang tạm thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, khi giá tính thuế tài nguyên do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ban hành đang có hiệu lực và đúng quy định về giá khoáng sản nguyên khai để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản thì được áp dụng chính thức, thay thế giá tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản tạm thu trước đây. Ban Giám đốc đánh giá rằng vì giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được xác định bởi BTNMT và UBND tỉnh Thái Nguyên, Giá tính TCQKTKS - G làm căn cứ xác định TCQKTKS theo Quyết định 1640 chưa phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành.

Do đó, sau khi Quyết định 1640 được ban hành, Công ty đã gửi nhiều công văn đến Thủ tướng Chính phủ và BNMT để đề xuất tạm thời chưa thực hiện thu bổ sung TCQKTKS theo Quyết định 1640 và yêu cầu xác định Giá tính TCQKTKS - G. Như đã đề cập ở Thuyết minh 29, tại ngày phát hành báo cáo, UBND tỉnh Thái Nguyên và Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên cùng các cơ quan ban ngành chức năng các cấp đang tích cực làm việc để xác định giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của NPM.

Ban Giám đốc cho rằng bằng việc áp dụng giá tính thuế tài nguyên dùng để tính TCQKTKS theo Quyết định 500, Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản nợ phải trả về TCQKTKS và khoản tiền đã nộp trên đây sẽ được hoàn lại để bù trừ cho các khoản nợ phải trả về TCQKTKS trong tương lai, dựa trên diễn giải của Công ty về quy định pháp luật liên quan, bao gồm các quy định về tiền cấp quyền khai thác khoáng sản và các quy định về thuế tài nguyên. Do đó, Công ty đã kế toán khoản TCQKTKS nộp thêm trong năm 2019 là khoản phải thu và chưa ghi nhận TCQKTKS tăng thêm theo Quyết định 1640 là nợ phải trả. Ban Giám đốc tin rằng khoản phải thu này sẽ được thu hồi khi giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty được xác định chính thức.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

- (d) Khoản này thể hiện khoản phải thu Ngân sách Nhà nước liên quan đến chi phí đền bù giải phóng mặt bằng mà Dự án Khai thác chế biến khoáng sản Núi Pháo đã chi trả cho các hộ gia đình nằm trong vùng bị ảnh hưởng của dự án tại Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên. Khoản phải thu này có thể được bù trừ với tiền thuê đất hàng năm trong các năm sau này.
- (e) Công ty có nghĩa vụ ký quỹ cho nghĩa vụ đóng cửa mỏ và phục hồi môi trường cho Quỹ Bảo vệ Môi trường. Theo Quyết định 1536/QĐ-BTNMT do BTNMT ban hành ngày 20 tháng 6 năm 2019, kế hoạch phục hồi mỏ đòi hỏi phải tăng khoản ký quỹ lên 123.460 triệu VND. Cũng tại ngày này, khoản ký quỹ còn lại là 87.692 triệu VND được phê duyệt cho trả góp hàng năm trong vòng 10 năm kể từ năm 2019. Đối với các lần ký quỹ trong tương lai, tiền ký quỹ trả góp sẽ bao gồm yếu tố trượt giá căn cứ vào chỉ số giá tiêu dùng hàng năm theo quy định tại Thông tư số 38/2015/TT-BTNMT ngày 30 tháng 6 năm 2015.

8. Hàng tồn kho

	31/3/2023		1/1/2023	
	Giá gốc Nghìn VND	Dự phòng Nghìn VND	Giá gốc Nghìn VND	Dự phòng Nghìn VND
Hàng mua đang đi trên đường	53.066.188	-	84.483.237	-
Nguyên vật liệu	131.769.192	-	120.751.863	-
Công cụ và dụng cụ	539.417.484	-	564.271.287	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	16.318.915	-	12.793.509	-
Thành phẩm	2.030.359.994	-	2.064.908.690	-
	2.770.931.773	-	2.847.208.586	-

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa và vật kiến trúc Nghìn VND	Máy móc và thiết bị Nghìn VND	Dụng cụ văn phòng Nghìn VND	Phương tiện vận chuyển Nghìn VND	Tài sản khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá						
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	5.193.791.759	11.110.008.871	37.610.500	22.705.501	89.121.554	16.453.238.185
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu kỳ	1.743.484.137	4.882.350.337	36.348.411	18.681.645	21.313.088	6.702.177.618
Khấu hao trong kỳ	65.532.970	104.718.490	145.288	464.495	950.467	171.811.710
Số dư cuối kỳ	1.809.017.107	4.987.068.827	36.493.699	19.146.140	22.263.555	6.873.989.328
Giá trị còn lại						
Số dư đầu kỳ	3.450.307.622	6.227.658.534	1.262.089	4.023.856	67.808.466	9.751.060.567
Số dư cuối kỳ	3.384.774.652	6.122.940.044	1.116.801	3.559.361	66.857.999	9.579.248.857

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, tài sản cố định hữu hình của Công ty có giá trị còn lại là 9.579 tỷ VND được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các khoản trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty (1/1/2023: 9.751 tỷ VND) (Thuyết minh 18(b)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

10. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm máy vi tính Nghìn VND	Quyền khai thác khoáng sản Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ và cuối kỳ	107.808.687	792.655.211	900.463.898
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	99.921.224	282.798.146	382.719.370
Khấu hao trong kỳ	759.767	11.765.932	12.525.699
Số dư cuối kỳ	100.680.991	294.564.078	395.245.069
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	7.887.463	509.857.065	517.744.528
Số dư cuối kỳ	7.127.696	498.091.133	505.218.829

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, tài sản cố định vô hình của Công ty có giá trị còn lại là 505 tỷ VND được thế chấp tại các ngân hàng để đảm bảo cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành bởi Công ty (1/1/2023: 518 tỷ VND) (Thuyết minh 18(b)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 Nghìn VND
Số dư đầu kỳ	1.847.402.698	1.010.929.090
Tăng trong kỳ	244.953.200	158.434.813
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn (Thuyết minh 12)	(4.146.951)	-
Số dư cuối kỳ	2.088.208.947	1.169.363.903

Trong kỳ, chi phí lãi vay được vốn hóa vào xây dựng cơ bản dở dang của Công ty trị giá là 30 tỷ VND (cùng kỳ năm 2022: 8 tỷ VND).

Tại ngày báo cáo, xây dựng cơ bản dở dang của Công ty chủ yếu phản ánh chi phí đền bù đất, chi phí phát triển và xây dựng mỏ và nhà máy và các chi phí khác được vốn hóa liên quan đến các đập chứa đê điều quặng được thế chấp tại ngân hàng để bảo đảm cho các trái phiếu dài hạn đã phát hành của Công ty (Thuyết minh 18(b)).

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Chi phí đất trả trước và chi phí đền bù giải phóng mặt bằng Nghìn VND	Chi phí khai thác khoáng sản khác Nghìn VND	Chi phí phát sinh để có được hợp đồng (*) Nghìn VND	Chi phí trả trước khác Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu kỳ	1.297.902.048	1.674.073.606	130.853.798	216.621.006	3.319.450.458
Tăng trong kỳ	-	75.784.546	-	10.349.604	86.134.150
Chuyển từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 11)	-	-	-	4.146.951	4.146.951
Phân bổ trong kỳ	(20.331.223)	(41.773.200)	(7.139.441)	(23.301.862)	(92.545.726)
Số dư cuối kỳ	1.277.570.825	1.708.084.952	123.714.357	207.815.699	3.317.185.833

(*) Tháng 9 năm 2020, Công ty phát sinh chi phí chấm dứt hợp đồng bao tiêu dài hạn với một khách hàng hiện hữu để có được một hợp đồng thuận lợi hơn với một khách hàng mới. Chi phí này là chi phí phát sinh để có được hợp đồng, do đó được vốn hóa và phân bổ theo phương pháp mang tính hệ thống và phù hợp với việc chuyển giao hàng hóa theo hợp đồng mới này.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán ngắn hạn chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	Giá gốc và số có khả năng trả nợ	
	31/3/2023	1/1/2023
	Nghìn VND	Nghìn VND
<i>Công ty liên quan</i>		
Công ty con	3.070.615	255.260.435
<i>Các bên khác</i>		
Nhà thầu khai thác mỏ	25.332.023	49.193.410
Các nhà cung cấp khác	456.002.573	676.623.725
	484.405.211	981.077.570

Khoản phải trả thương mại cho công ty liên quan không được đảm bảo, không chịu lãi và phải trả theo yêu cầu.

14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

Người mua trả tiền trước ngắn hạn chi tiết theo khách hàng lớn

	31/3/2023		1/1/2023	
	Nghìn VND		Nghìn VND	
<i>Công ty liên quan</i>				
Công ty con	92.820.435		142.000.000	
<i>Các bên khác</i>				
Khách hàng mua Fluorspar	726.552.941		476.200.000	
Khách hàng mua Bismuth	251.506		251.506	
Các khách hàng hàng	1.574.402		3.829.518	
	821.199.284		622.281.024	

Khoản khách hàng trả tiền trước cho giao dịch bán Fluorspar và Bismuth được căn trừ hàng tháng thông qua các lần giao hàng sau đó. Khoản trả tiền trước của khách hàng mua Fluorspar chịu phí trả trước theo điều khoản thỏa thuận và được công ty mẹ cấp trung và cấp cao nhất bảo lãnh.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	1/1/2023 Nghìn VND	Số phải nộp trong năm Nghìn VND	Số đã nộp/ bù trừ trong năm Nghìn VND	31/3/2023 Nghìn VND
Thuế giá trị gia tăng	-	64.972.923	(64.972.923)	-
Thuế xuất nhập khẩu	-	35.097.326	(35.097.326)	-
Thuế bảo vệ môi trường	-	3.630.079	(3.630.079)	-
Thuế thu nhập cá nhân	8.937.908	29.660.195	(30.125.142)	8.472.961
Thuế tài nguyên	-	176.270.279	(176.270.279)	-
Các loại thuế khác	318.322	3.468.358	(3.103.144)	683.536
	9.256.230	313.099.160	(313.198.893)	9.156.497

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	31/3/2023 Nghìn VND	1/1/2023 Nghìn VND
Chi phí hoạt động	507.427.691	285.565.504
Tiền lãi vay phải trả	183.983.404	166.369.376
Tiền lãi vay phải trả các bên liên quan	13.595.870	8.542.740
Thuế và phí tài nguyên	26.165.457	137.930.030
Tiền thưởng trích trước	-	34.674.792
Chi phí xây dựng trích trước	5.647.336	3.597.485
Các chi phí tài chính khác	6.373.269	919.329
	743.193.027	637.599.256

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

17. Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác

Phải trả ngắn hạn và dài hạn khác bao gồm các khoản sau:

	31/3/2023	1/1/2023
	Ngàn VND	Ngàn VND
Ngắn hạn		
Phải trả công ty mẹ cấp trung		
Phần lợi nhuận phải chia cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (a)	31.078.819	24.173.761
Phí phát hành trái phiếu	879.925	879.925
Phải trả khác	6.549.343	3.497.620
Các bên khác		
Thư tín dụng trả ngay (UPAS LC) – ngắn hạn (b)	307.242.174	461.668.527
Phải trả khác – ngắn hạn	2.215.471	3.365.329
	347.965.732	493.585.162
Dài hạn		
Phải trả công ty mẹ cấp trung		
Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (c)	2.000.000.000	2.000.000.000
	2.000.000.000	2.000.000.000

- (a) Phần lợi nhuận phải chia cho Hợp đồng Hợp tác Kinh doanh (“HĐHTKD”) là khoản phải trả một công ty mẹ cấp trung không được đảm bảo, không chịu lãi và có thời hạn hoàn trả dựa trên thỏa thuận giữa các bên.
- (b) Các khoản phải trả các ngân hàng trong nước phát hành UPAS LC cho Công ty. Số dư chưa thanh toán chịu lãi suất cố định trong thời hạn trả chậm từ 6 đến 9 tháng và một phần của số dư được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo bằng một số cổ phần của công ty mẹ cấp trung do một công ty liên quan nắm giữ.
- (c) Các khoản này phản ánh khoản đóng góp của một công ty mẹ cấp trung theo các HĐHTKD ngày 21 tháng 9 năm 2018 và các bản sửa đổi nhiều lần sau đó, theo đó công ty mẹ cấp trung này sử dụng số tiền thu được từ phát hành trái phiếu trị giá lần lượt là 1.000 tỷ, 500 tỷ VND và 500 tỷ VND cho các hoạt động hợp tác kinh doanh với Công ty. Các HĐHTKD này có thời gian hợp tác sáu mươi (60) tháng kể từ ngày thanh toán khoản đóng góp trị giá 500 tỷ VND cuối cùng vào ngày 28 tháng 5 năm 2019.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thuyết minh báo cáo tài chính riêng cho kỳ kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Vay và trái phiếu phát hành

(a) Vay ngắn hạn và trái phiếu phát hành dài hạn đến hạn trả

	1/1/2023	Biến động trong kỳ			31/3/2023	
	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ Nghìn VND	Tăng Nghìn VND	Thanh toán Nghìn VND	Phân bổ phí phát hành trái phiếu Nghìn VND	Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện Nghìn VND	Giá trị ghi sổ và số có khả năng trả nợ Nghìn VND
Vay ngắn hạn	2.666.222.952	819.872.340	(801.821.545)	-	(10.988.088)	2.673.285.659
Trái phiếu dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 18(b))	5.789.233.956	-	-	6.530.686	-	5.795.764.642
	8.455.456.908	819.872.340	(801.821.545)	6.530.686	(10.988.088)	8.469.050.301

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thông tin tài chính bổ sung tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các khoản vay ngắn hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

		31/3/2023	1/1/2023
	Loại tiền	Nghìn VND	Nghìn VND
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	VND	984.203.301	957.259.856
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	962.795.022	563.751.158
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	VND	2.205.000	333.714.270
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	VND	157.847.330	151.947.330
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	65.452.180	117.278.387
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	14.634.130	25.727.971
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	56.778.243	11.756.448
Khoản vay ngân hàng được đảm bảo (*)	USD	73.130.453	7.547.532
Khoản vay công ty mẹ cấp cao nhất không được đảm bảo	VND	197.240.000	197.240.000
Khoản vay công ty con không được đảm bảo	VND	159.000.000	300.000.000
		<hr/>	<hr/>
		2.673.285.659	2.666.222.952

- (*) Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, các khoản vay ngắn hạn này được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo sau:
- một phần phải thu ngắn hạn của Công ty (Thuyết minh 6); và/hoặc
 - một số cổ phiếu do công ty mẹ cấp trung phát hành nắm giữ bởi một bên liên quan.

(b) Trái phiếu phát hành dài hạn

	31/3/2023	1/1/2023
	Nghìn VND	Nghìn VND
Phát hành trái phiếu dài hạn (*)	7.287.021.489	7.279.829.806
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng (Thuyết minh 18(a))	(5.795.764.642)	(5.789.233.956)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	1.491.256.847	1.490.595.850

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thông tin tài chính bổ sung tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(*) Các trái phiếu dài hạn tại ngày báo cáo hiện còn số dư như sau:

	Năm đáo hạn	31/3/2023 Nghìn VND	1/1/2023 Nghìn VND
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (i)	2023	1.599.200.000	1.596.800.000
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (i)	2023	999.333.333	998.666.667
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (i)	2023	999.061.383	998.357.417
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (i)	2023	999.500.000	998.000.000
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (i)	2023	698.950.000	697.900.000
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (i)	2023	499.719.927	499.509.872
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (i)	2024	499.085.680	498.874.684
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (i)	2027	497.958.333	497.833.333
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (i)	2027	286.669.833	286.481.333
Phát hành trái phiếu có đảm bảo (i)	2027	207.543.000	207.406.500
		7.287.021.489	7.279.829.806

(i) Đây là số trái phiếu không chuyển đổi do Công ty phát hành, có lãi suất được điều chỉnh sáu tháng một lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm bình quân kỳ hạn mười hai tháng của các ngân hàng tham chiếu có liên quan cộng với 3,1% đến 4,6%/năm (1/1/2023: 3,1% đến 4,6%).

Tại ngày 31 tháng 3 năm 2023, các trái phiếu không chuyển đổi bằng VND này được đảm bảo bằng các tài sản đảm bảo sau:

- một phần tài sản dài hạn của Công ty (Thuyết minh 9, Thuyết minh 10 và Thuyết minh 11); và/hoặc
- một số cổ phiếu do công ty mẹ cấp trung phát hành do một công ty liên quan nắm giữ; và/hoặc
- được bảo lãnh bởi công ty mẹ cấp cao nhất.

Giá trị trái phiếu có đảm bảo này được ghi nhận sau khi trừ đi phí thu xếp phát hành trái phiếu.

Đại diện của các trái chủ của số trái phiếu trên là công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất.

19. Dự phòng phải trả dài hạn

Biến động của các khoản dự phòng phải trả dài hạn trong năm như sau:

	Khôi phục môi trường mô Nghìn VND	Quyền khai thác mỏ Nghìn VND	Tổng cộng Nghìn VND
Số dư đầu kỳ	113.830.514	370.322.196	484.152.710
Dự phòng lập trong kỳ	1.343.200	2.234.109	3.577.309
Số dư cuối kỳ	115.173.714	372.556.305	487.730.019

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thông tin tài chính bổ sung tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn góp Nghìn VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối/ (lỗ lũy kế) Nghìn VND	Tổng vốn chủ sở hữu Nghìn VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2022	10.792.915.155	(103.013.496)	10.689.901.659
Lỗ thuần trong kỳ	-	(101.197.839)	(101.197.839)
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2022	10.792.915.155	(204.211.335)	10.588.703.820
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2023	10.792.915.155	(82.168.552)	10.710.746.603
Lỗ thuần trong kỳ	-	(93.923.414)	(93.923.414)
Số dư tại ngày 31 tháng 3 năm 2023	10.792.915.155	(176.091.966)	10.616.823.189

21. Vốn góp

Vốn điều lệ được duyệt và đã góp của Công ty là:

	Được duyệt và đã góp 31/3/2023 và 1/1/2023	
	Nghìn VND	%
Công ty TNHH MTV Thương mại và Đầu tư Thái Nguyên ("TNTI")	2.158.583.031	20%
Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên ("MRTN")	8.634.332.124	80%
	10.792.915.155	100%

Công ty TNHH MTV Thương Mại và Đầu tư Thái Nguyên và Công ty TNHH MTV Tài Nguyên Masan Thái Nguyên đều được thành lập tại Việt Nam. Công ty mẹ cấp cao nhất, Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan, cũng được thành lập tại Việt Nam.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thông tin tài chính bổ sung tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

(a) Ngoại tệ các loại

	31/3/2023		1/1/2023	
	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND	Nguyên tệ	Tương đương Nghìn VND
USD	11.038.333	257.171.124	10.199.824	238.777.912

(b) Nợ khó đòi đã xử lý

	31/3/2023 Nghìn VND	1/1/2023 Nghìn VND
Nợ khó đòi đã xử lý	16.216.387	16.216.387

23. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán, không bao gồm thuế giá trị gia tăng và thuế xuất khẩu.

24. Doanh thu hoạt động tài chính

	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 Nghìn VND
Thu nhập lãi tiền gửi và cho vay	812.853	497.412
Lãi chênh lệch tỷ giá	25.835.638	6.425.748
	26.648.491	6.923.160

25. Chi phí tài chính

	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 Nghìn VND
Chi phí lãi vay	198.926.128	181.429.264
Chi phí tài chính cho HĐHTKD	50.192.777	46.391.618
Chi phí đi vay	17.584.047	16.770.717
Lỗ chênh lệch tỷ giá	21.804.003	2.750.828
Chi phí tài chính khác	28.856.815	4.016.238
	317.363.770	251.358.665

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thông tin tài chính bổ sung tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN
*(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)*

26. Thu nhập khác

	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 Nghìn VND
Thu nhập từ các chi phí công ty con hoàn trả	34.608.996	38.652.231
Lãi từ bán phế liệu	4.927.239	1.780.136
Bồi thường bảo hiểm	-	40.362.895
	39.536.235	80.795.262

27. Chi phí khác

	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 Nghìn VND
Chi phí liên quan đến khoản công ty con hoàn trả	34.608.996	38.652.231
Các khoản khác	-	6.148
	34.608.996	38.658.379

28. Các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan

Ngoài các số dư và giao dịch với bên liên quan được trình bày tại các thuyết minh khác của báo cáo tài chính riêng, trong kỳ Công ty có các số dư và giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan như sau.

(a) Số dư với các bên liên quan

Tại ngày và cho quý kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023, Công ty có các khoản tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn và các giao dịch đại lý tại Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam (“TCB”) theo các điều khoản giao dịch thông thường.

(b) Giao dịch với các bên liên quan

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 Nghìn VND
Công ty mẹ cấp cao nhất Công ty Cổ phần Tập đoàn Masan (“MSN”)	Chi phí lãi vay	3.643.629	3.135.777

3645
NG
NH
ACC
ANG
IPB
T. TH

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo
Thông tin tài chính bổ sung tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Bên liên quan	Bản chất của giao dịch	Từ 1/1/2023 đến 31/3/2023 Nghìn VND	Từ 1/1/2022 đến 31/3/2022 Nghìn VND
Công ty mẹ cấp trung			
Công ty Cổ phần Masan High-Tech Materials (“MHT”)	Lợi nhuận phải chia cho HĐQT Chi trả lợi nhuận được chia Số tiền công ty mẹ yêu cầu hoàn trả	50.192.777 43.287.719 3.051.722	46.391.618 45.700.000 -
Công ty con của công ty mẹ cấp cao nhất			
Công ty Cổ phần Hàng tiêu dùng Masan	Mua hàng hóa Mua dịch vụ	216.624 -	656.992 323.478
Công ty Cổ phần Dịch vụ Thương mại Tổng hợp Wincommerce (“WCM”)	Lãi trái phiếu	18.515.276	2.259.863
Các công ty con			
Công Ty TNHH Vonfram Masan (“MTC”)	Chi trả gốc vay Chi phí lãi vay Bán hàng hóa Thu nhập và chi phí yêu cầu công ty con hoàn trả Mua hàng hóa	141.000.000 3.763.288 295.457.798 34.608.996 2.791.468	- - 510.674.345 38.652.231 -
Công ty liên kết của công ty mẹ cấp cao nhất			
TCB và các công ty con	Chi phí lãi vay và chi phí đi vay Khoản vay nhận được Hoàn trả gốc vay	27.083.032 554.728.232 482.321.686	17.225.487 494.022.917 433.387.833
Cán bộ quản lý chủ chốt			
	Lương, thưởng và các phúc lợi khác (*)	5.691.064	5.554.769

(*) Không có khoản phí quản lý nào được thanh toán cho Ban Giám đốc cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023 và ngày 31 tháng 3 năm 2022.

29. Nợ tiềm tàng

Như đã thuyết minh tại Thuyết minh 7(c), vào ngày 23 tháng 8 năm 2021, Bộ TNMT ban hành Quyết định số 1640/QĐ/BTNMT (“Quyết định 1640”) để phê duyệt TCQKTKS cho mỏ Núi Pháo, thay thế phê duyệt tạm thu TCQKTKS theo Quyết định 500 và Công văn 3724 mặc dù giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được xác định. Khi ban hành Quyết định 1640 này, Bộ TNMT tiếp tục sử dụng giá tính thuế tài nguyên cho sản phẩm tài nguyên – quặng vonfram (hàm lượng $0,1\% < WO_3 < 0,3\%$) thay vì sử dụng giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp mà việc này đã được Công ty nêu rõ trước đây. Giá tính TCQKTKS - G chính thức theo Quyết định 1640 là 1.831.085 đồng/tấn trong khi Giá tính TCQKTKS - G tạm thu theo Quyết định 500 là 775.026 đồng/tấn. Theo đó, số TCQKTKS phải nộp thêm do chênh lệch Giá tính TCQKTKS trong giai đoạn từ 2015 đến 2021 là 394,5 tỷ VND.

Sau khi Quyết định 1640 được ban hành, Công ty đã gửi nhiều công văn đến Thủ tướng Chính phủ và Bộ TNMT để đề xuất tạm thời chưa thực hiện thu bổ sung thu TCQKTKS theo Quyết định 1640 và yêu cầu xác định TCQKTKS áp dụng cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty.

Công ty TNHH Khai thác Chế biến Khoáng sản Núi Pháo

**Thông tin tài chính bổ sung tại ngày và cho năm kết thúc ngày 31 tháng 3 năm 2023
(tiếp theo)**

Mẫu B 09 – DN

(Ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Vào ngày 6 tháng 10 năm 2021, Công ty nhận được Thông báo nộp TCQKTKS từ Cục thuế tỉnh Thái Nguyên căn cứ theo Quyết định 1640. Ngày 8 tháng 12 năm 2021, Cục thuế tỉnh Thái Nguyên ban hành Công văn số 4883/CTTNG-QLN yêu cầu Công ty nộp bổ sung 125,8 tỷ VND TCQKTKS cho giai đoạn 2018 đến 2021 và 4,1 tỷ VND tiền chậm nộp tương ứng.

Ban Giám đốc tin rằng Công ty đã trích lập dự phòng đầy đủ cho các khoản nợ phải trả về TCQKTKS dựa trên diễn giải của Công ty về quy định pháp luật liên quan, bao gồm các quy định về TCQKTKS và quy định về thuế tài nguyên. Do đó, Ban Giám đốc Công ty đã gửi công văn lên cơ quan quản lý các cấp để nêu rõ vấn đề và xin giải quyết phù hợp cho việc xác định TCQKTKS của Công ty.

Trong năm 2021, theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ tại Công văn số 978/VPCP-KTTH ngày 8 tháng 2 năm 2021 và Công văn số 5987/VPCP-KTTH ngày 28 tháng 8 năm 2021, vụ việc đang được Bộ Tài chính, Bộ TNMT, UBND tỉnh Thái Nguyên và Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên xem xét để báo cáo Thủ tướng Chính phủ và Ủy ban Kinh tế Quốc hội. Trong năm 2022, các cơ quan ban ngành có liên quan cấp Trung ương và địa phương thông qua buổi họp do TCĐCKS chủ trì đã nhất trí có bất cập về giá tính thuế tài nguyên đối với quặng vonfram đa kim dùng để tính tiền cấp quyền khai thác khoáng sản cho dự án Núi Pháo. Trên cơ sở đó, UBND tỉnh Thái Nguyên đã triển khai làm việc với Bộ Tài chính, Bộ TNMT về việc tìm kiếm chuyên gia tư vấn, đồng thời chỉ đạo Sở Tài chính tỉnh Thái Nguyên phối hợp cùng các sở ban ngành địa phương có liên quan hoàn thành thủ tục lựa chọn đơn vị tư vấn phù hợp để xây dựng cơ chế xác định giá tính thuế tài nguyên cho các sản phẩm công nghiệp của Công ty. Tại phát hành ngày báo cáo tài chính riêng này, UBND tỉnh Thái Nguyên và Sở Tài chính Thái Nguyên cùng các cơ quan ban ngành chức năng các cấp đang tích cực làm việc để xác định giá tính thuế tài nguyên được áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty.

Ban Giám đốc đánh giá rằng vì giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty chưa được Bộ TNMT và UBND tỉnh Thái Nguyên xác định, cho nên Giá tính TCQKTKS - G làm căn cứ xác định TCQKTKS theo Quyết định 1640 chưa phù hợp với quy định pháp luật hiện hành. Do đó, Công ty tin rằng khi giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty được xác định, TCQKTKS chính thức của mỏ Núi Pháo cho giai đoạn từ 2015 trở đi sẽ được xác định, và thay thế TCQKTKS như đã phê duyệt tại Quyết định 1640.

Kết quả cuối cùng của vấn đề này hiện nay vẫn chưa có và phụ thuộc vào việc giá tính thuế tài nguyên áp dụng cho sản phẩm công nghiệp của Công ty được xác định và việc Bộ TNMT có chấp thuận tính toán lại TCQKTKS tại Quyết định 1640 theo giá này khi được xác định. Do đó, Công ty chưa ghi nhận TCQKTKS bổ sung theo Quyết định 1640 là khoản nợ phải trả trong báo cáo tài chính riêng.

Ngày 04 tháng 5 năm 2023

Người lập:



Nguyễn Thị Thanh Mai
Kế toán trưởng

Người soát xét:



Nguyễn Huy Tuấn
Quyền Giám đốc Tài chính

Người duyệt:



Craig Richard Bradshaw
Tổng Giám đốc



**CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN
KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO**

-----o0o-----

V/v: Cam kết thực hiện nghĩa vụ của
Tổ Chức Phát Hành

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----o0o-----

Thái Nguyên, ngày 05 tháng 5 năm 2023

CAM KẾT CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo (“**Tổ Chức Phát Hành**”) dự kiến chào bán ra công chúng các trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành, có tổng mệnh giá tối đa là 1.200.000.000.000 VND (một nghìn hai trăm tỷ Đồng), với tên các trái phiếu là NPMPO2328003 và NPMPO2328004 (gọi chung là “**Trái Phiếu**”) theo các điều khoản và điều kiện cụ thể được nêu trong Bản cáo bạch chào bán trái phiếu ra công chúng và các văn kiện Trái Phiếu khác.

Tổ Chức Phát Hành hiện đang nộp hồ sơ lên Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước để xin cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán chứng khoán ra công chúng cho đợt chào bán Trái Phiếu. Tổ Chức Phát Hành bằng văn bản này cam kết với chủ sở hữu Trái Phiếu sẽ thực hiện nghiêm túc và đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu, bao gồm nhưng không giới hạn ở các cam kết về (i) tuân thủ điều kiện chào bán Trái Phiếu ra công chúng, (ii) việc thanh toán gốc và lãi Trái Phiếu, và (iii) việc bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của (các) chủ sở hữu Trái Phiếu theo các văn kiện Trái Phiếu.

Thay mặt và đại diện cho

Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo



Họ tên:

Chức vụ:

Nguyễn Huy Tuấn

QUYỀN GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU
Số: 07/2023/BHA/NPM-TCBS

giữa

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO
với tư cách là **Tổ Chức Phát Hành**

và

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG
với tư cách là **Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**

TRÁI PHIẾU NPMPO2328003

Ngày 8 tháng 6 năm 2023

MỤC LỤC

	Trang
ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI.....	2
1.1. Định Nghĩa.....	2
1.2. Nguyên Tắc Diễn Giải.....	3
ĐIỀU 2. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU.....	4
ĐIỀU 3. NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU.....	5
ĐIỀU 4. TRÁI PHIẾU.....	7
4.1. Giá Trị Phát Hành.....	7
4.2. Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu.....	7
4.3. Tính Chất Trái Phiếu.....	7
4.4. Giao Dịch Trái Phiếu.....	7
4.5. Quyết Định/Nghị Quyết Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.....	8
ĐIỀU 5. QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU.....	8
5.1. Quyền Hạn Và Nghĩa Vụ Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.....	8
5.2. Giới Hạn Trách Nhiệm Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.....	9
ĐIỀU 6. CAM ĐOAN, BẢO ĐẢM VÀ CAM KẾT.....	10
6.1. Cam Đoan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Tổ Chức Phát Hành.....	10
6.2. Cam Đoan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.....	13
ĐIỀU 7. PHÍ VÀ CHI PHÍ.....	14
ĐIỀU 8. BỒI HOÀN.....	15
ĐIỀU 9. THAY THẾ ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU.....	15
9.1. Các Quy Định Chung Về Thay Thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.....	15
9.2. Thay Thế Do Từ Nhiệm.....	16
9.3. Thay Thế Bắt Buộc.....	16
9.4. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm Chấm Dứt Hoạt Động.....	18
ĐIỀU 10. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT.....	18
ĐIỀU 11. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC.....	19
11.1. Chậm Thực Hiện Quyền; Các Quyền Tích Lũy.....	19
11.2. Bảo Mật.....	19
11.3. Chuyển Giao.....	20
11.4. Thông Báo.....	20
11.5. Luật Điều Chỉnh.....	20
11.6. Giải Quyết Tranh Chấp.....	20
11.7. Sửa Đổi.....	20
11.8. Hiệu Lực Riêng Rẽ.....	20
11.9. Ngôn Ngữ Và Số Bản.....	21
PHỤ LỤC I CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU.....	23
PHỤ LỤC II TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỘI NGHỊ VÀ LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN CỦA CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU.....	24
PHỤ LỤC III MẪU THỎA THUẬN THAM GIA.....	33

HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU NÀY (“Hợp Đồng”) được lập vào ngày 8 tháng 6 năm 2023 giữa:

(A) CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

Địa Chỉ : Xóm Suối Cát, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Thành Lập : Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 4600864513 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 5 tháng 7 năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm)

Người Đại Diện : *Nguyễn Huy Tuấn*

Chức Vụ : **QUYỀN GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH**

Văn Bản Ủy Quyền : *Số 14 - UQ / NPM - 2023*

(Trong Hợp Đồng này, Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo sau đây được gọi là “**Tổ Chức Phát Hành**”);

và

(B) CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG hành động với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (được định nghĩa dưới đây)

Địa Chỉ : Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, Tòa nhà C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Thành Lập : Giấy phép thành lập và hoạt động số 125/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 5 năm 2018 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

Người Đại Diện : **Bà: Trần Thị Thu Trang**

Chức Vụ : **Phó Tổng Giám đốc TCBS**
Số 020611/21/UQ-TCBS ngày 05/11/2021 của Chủ tịch HĐQT

Văn Bản Ủy Quyền :

(Trong Hợp Đồng này, Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương sau đây được gọi là “**TCBS**”).

CƠ SỞ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

XÉT RẰNG:

- (A) Tổ Chức Phát Hành dự định chào bán ra công chúng các trái phiếu bằng tiền Đồng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành, với tổng mệnh giá tối đa 700.000.000.000 VND (bảy trăm tỷ Đồng), với lãi suất kết hợp giữa lãi suất thả nổi và lãi suất cố định, đáo hạn năm 2028 (“**Trái Phiếu**”) với các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu được đính kèm tại Phụ Lục I của Hợp Đồng này (“**Các Điều Kiện Trái Phiếu**”);
- (B) Tổ Chức Phát Hành mong muốn chỉ định TCBS làm tổ chức đại diện ban đầu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này; và
- (C) TCBS đồng ý thực hiện nhiệm vụ đại diện ban đầu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này,

DO VẬY, NAY, các Bên thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI

1.1. Định Nghĩa

Trừ khi được định nghĩa khác đi trong Hợp Đồng này, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Hợp Đồng này (kể cả phần giới thiệu các bên tham gia Hợp Đồng này và phần Cơ Sở Ký Kết Hợp Đồng) sẽ có nghĩa như được quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu. Ngoài ra, khi được sử dụng trong Hợp Đồng này, các thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

“**Bên**” có nghĩa là mỗi bên trong số Tổ Chức Phát Hành và TCBS với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu.

“**Các Điều Kiện Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại đoạn (A) của phần Cơ Sở Ký Kết Hợp Đồng trên đây.

“**Đại Biểu**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 3.2 của Phụ Lục II.

“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều 2(a) và cũng là “Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu” được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm**” có nghĩa như được quy định tại Điều 9.1(a).

“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế**” có nghĩa như được quy định tại Điều 9.1(a).

“**Hội Nghị**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 1.1 của Phụ Lục II.

“**Hợp Đồng**” có nghĩa là hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu này, cùng với các Phụ Lục.

“**Phiếu Lấy Ý Kiến**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 6.2 của Phụ Lục II.

“**Sở Giao Dịch Chứng Khoán**”, tùy hoàn cảnh áp dụng, có nghĩa là bất kỳ sở giao dịch chứng khoán nào được công nhận tại Việt Nam mà (i) Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ gửi các nội dung công bố thông tin theo quy định tại Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật khác hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với Tổ Chức Phát Hành, hoặc (ii) tại đó, Trái Phiếu được phép niêm yết để giao dịch tập trung phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu và Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

“**TCBS**” có nghĩa như được quy định tại phần giới thiệu các Bên.

“**Thông Báo Lấy Ý Kiến**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 6.6 của Phụ Lục II.

“**Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 1.7 của Phụ Lục II.

“**Thỏa Thuận Tham Gia**” có nghĩa như được quy định tại Điều 9.1(d).

“**Tổ Chức Phát Hành**” có nghĩa như được quy định tại phần giới thiệu các Bên.

“**Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại đoạn (A) của phần Cơ Sở Ký Kết Hợp Đồng trên đây.

“**VIAC**” có nghĩa như được quy định tại Điều 11.6.

“**Yêu Cầu Lấy Ý Kiến**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 6.2 của Phụ Lục II.

“**Yêu Cầu Triệu Tập**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 1.3 của Phụ Lục II.

1.2. Nguyên Tắc Diễn Giải

(a) Nghĩa của các thuật ngữ được định nghĩa tại Điều 1.1 được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Trừ trường hợp văn cảnh cụ thể quy định khác đi, các từ được dùng ở dạng số ít cũng bao gồm ý nghĩa dùng ở dạng số nhiều và ngược lại.

(b) Tiêu đề của các Điều, khoản chỉ nhằm để tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích các điều, khoản của Hợp Đồng này.

(c) Trừ khi được quy định khác đi, dẫn chiếu trong Hợp Đồng này đến các Phụ Lục, Điều, khoản và đoạn là dẫn chiếu đến các phụ lục, điều, khoản và đoạn của Hợp Đồng này.

(d) Các từ “của Hợp Đồng này”, “trong Hợp Đồng này”, và “theo Hợp Đồng này” và các từ ngữ có ý nghĩa tương tự khi sử dụng trong Hợp Đồng này sẽ dẫn chiếu đến toàn bộ Hợp Đồng này chứ không phải đến một điều khoản cụ thể nào của Hợp Đồng.

(e) Dẫn chiếu đến bất kỳ văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận nào sẽ (i) bao gồm tất cả các phụ đính, phụ lục, và các phụ mục khác đính kèm văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, (ii) bao gồm tất cả các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận được phát hành hoặc ký để thay thế văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, và (iii) có nghĩa là các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận,

hoặc các văn kiện thay thế hoặc các văn kiện tiền thân của văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, cùng với các văn kiện sửa đổi, chỉnh lý và bổ sung tại từng thời điểm phù hợp với quy định của các văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực vào bất kỳ thời điểm nào.

(f) Dẫn chiếu đến bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật nào trong Hợp Đồng này sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó mà đã được sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật thay thế Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó.

(g) Dẫn chiếu đến “nghị quyết”, “quyết định”, “yêu cầu”, “ý kiến”, “chỉ thị” hay “chấp thuận” của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là dẫn chiếu đến nghị quyết, quyết định, yêu cầu, ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua một cách hợp lệ tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bằng cách Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này.

(h) Trừ trường hợp có quy định cụ thể yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải hành động theo một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bất kỳ công việc, hành động nào của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đề cập đến trong Hợp Đồng này sẽ được hiểu là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được toàn quyền quyết định đối với các công việc, hành động đó mà không cần phải có nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(i) Trái Phiếu “đang lưu hành” có nghĩa là bất kỳ Trái Phiếu nào đã được phát hành, được thanh toán đầy đủ bởi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhưng chưa được Tổ Chức Phát Hành mua lại và bị hủy bỏ.

(j) Thuật ngữ “chuyển nhượng” khi được sử dụng cho Trái Phiếu có nghĩa là giao dịch bán, chuyển nhượng, tặng, cho, góp vốn, hoán đổi, trao đổi, để lại thừa kế, chiết khấu không kèm theo cam kết mua lại hoặc chuyển quyền sở hữu theo hình thức khác đối với Trái Phiếu phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng; và “việc chuyển nhượng”, “bên chuyển nhượng”, “bên nhận chuyển nhượng” và các dạng từ khác của “chuyển nhượng” sẽ được diễn giải một cách tương ứng.

(k) Việc sử dụng thuật ngữ “bao gồm”, “bao gồm cả”, “kể cả” hoặc các diễn đạt tương tự sẽ được hiểu là không có giới hạn.

ĐIỀU 2. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

(a) Bằng Hợp Đồng này, Tổ Chức Phát Hành chỉ định TCBS làm tổ chức đại diện cho quyền lợi của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu với nhiệm vụ chung là giám sát việc Tổ Chức Phát Hành tuân thủ các cam kết, thỏa thuận và nghĩa vụ của mình đối với Trái Phiếu và thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác và hưởng các quyền, quyền hạn và lợi ích quy định cụ thể trong hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu có liên quan (“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**”). Bằng Hợp Đồng này, TCBS đồng ý việc chỉ định này.

(b) Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu có liên quan, công nhận và đồng ý không hủy ngang việc chỉ định TCBS làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu và các điều khoản và điều kiện khác của Hợp Đồng này.

(c) Trong khi Hợp Đồng này vẫn còn hiệu lực, sẽ chỉ có duy nhất một Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ định theo Hợp Đồng này. Việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này sẽ có hiệu lực cho đến khi Hợp Đồng này chấm dứt.

(d) Để tránh nhầm lẫn, trừ khi được quy định khác đi tại Điều 2(g) dưới đây và Các Điều Kiện Trái Phiếu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không tự mình mà phải thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền của mình theo Các Điều Kiện Trái Phiếu và/hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

(e) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể bị thay thế theo quy định tại Điều 9.

(f) Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu, và Tổ Chức Phát Hành đồng ý rằng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám (tùy trường hợp áp dụng) có thể là cùng một tổ chức và đồng ý miễn trừ mọi xung đột lợi ích thực tế hoặc xung đột lợi ích có khả năng phát sinh trong tương lai.

(g) Nếu:

(i) theo Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng (đang có hiệu lực hoặc sẽ có hiệu lực trong tương lai) hoặc theo phán quyết, quyết định có hiệu lực của bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không được phép hoặc không thể thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ hoặc quyền, lợi ích bất kỳ nào của mình được trao theo bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào; hoặc

(ii) xảy ra sự kiện thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này và/hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác nhưng việc thay thế đó chưa hoàn tất,

thì (các) nhiệm vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và quyền, lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực thi theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác có thể được thực hiện trực tiếp bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức/Cá Nhân khác được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ủy quyền (theo quyết định được thông qua hợp lệ bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu).

ĐIỀU 3. NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thực hiện các nhiệm vụ sau:

(i) ký kết và thực hiện Hợp Đồng này và bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là một bên nhân danh và vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;

(ii) thay mặt Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền lợi của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;

- (iii) thực hiện các công việc liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu và Các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (iv) phù hợp với quy định tại Điều 5.2, giám sát việc tuân thủ các cam kết của Tổ Chức Phát Hành quy định trong hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu; thông báo ngay cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khi có bằng chứng rõ ràng về việc Tổ Chức Phát Hành vi phạm cam kết theo bất kỳ hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu nào; báo cáo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong trường hợp phát hiện và có bằng chứng rõ ràng về việc Tổ Chức Phát Hành có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (v) triệu tập và tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Phụ Lục II của Hợp Đồng này khi có yêu cầu hợp lệ của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc của Tổ Chức Phát Hành hoặc các bên khác trong phạm vi các yêu cầu đó được đưa ra phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu (bao gồm cả việc quyết định hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều 5.1 của Hợp Đồng này), và ký biên bản Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhân danh các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, biên bản kiểm phiếu, các quyết định/ngợi quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao;
- (vi) nhận và thông báo ngay cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về nội dung của mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm, Các Bên Bảo Đảm hoặc VSD (tùy trường hợp áp dụng) gửi cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (vii) nhận và gửi ngay cho các bên liên quan mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào gửi cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm, Các Bên Bảo Đảm thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (viii) sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, hỗ trợ hoặc thay mặt Tổ Chức Phát Hành (trong phạm vi pháp luật cho phép) gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền nhằm mục đích chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại từng thời điểm cho VSD;
- (ix) thông báo và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm và Các Bên Bảo Đảm thực hiện các quyết định/ngợi quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi các quyết định/ngợi quyết đó được đưa ra phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (x) tạo điều kiện cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rà soát, nghiên cứu và sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu (kể cả các Văn Kiện Trái Phiếu) mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ và Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền tiếp cận theo Hợp Đồng này, Các Điều Khoản Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác trên cơ sở có thu phí đối với Chủ Sở Hữu Trái

Phiếu yêu cầu cung cấp tài liệu đó. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cũng có thể cho phép nhà đầu tư tiềm năng tiếp cận các tài liệu nêu trên hoặc cung cấp bản sao của các tài liệu đó cho nhà đầu tư tiềm năng trên cơ sở tuân thủ nghĩa vụ bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 11.2 và các Văn Kiện Trái Phiếu có liên quan và có thu phí đối với nhà đầu tư đó;

- (xi) lưu trữ các thông báo, văn bản và tài liệu mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được hoặc có được (trong vai trò là tổ chức đại diện cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) liên quan đến Trái Phiếu, trừ các thông báo, văn bản và tài liệu mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải chuyển giao cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác hoặc phải tiêu hủy theo quy định của Hợp Đồng này, các Văn Kiện Trái Phiếu khác và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan; và
- (xii) thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

ĐIỀU 4. TRÁI PHIẾU

4.1. Giá Trị Phát Hành

Tổng mệnh giá Trái Phiếu được phát hành tối đa là 700.000.000.000 VND (bảy trăm tỷ Đồng). Tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại từng thời điểm cụ thể sẽ được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký.

4.2. Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu

(a) Trái Phiếu được điều chỉnh bởi Các Điều Kiện Trái Phiếu và các quy định có liên quan của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

(b) Các Điều Kiện Trái Phiếu, cùng với các quy định có liên quan của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, quy định toàn bộ các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và xác lập quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với và liên quan đến Trái Phiếu.

4.3. Tính Chất Trái Phiếu

Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm không đủ để thanh toán cho các nghĩa vụ liên quan đến Trái Phiếu thì phần nghĩa vụ chưa được thanh toán đủ sẽ có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ khác không được bảo đảm (dù là nghĩa vụ hiện tại hoặc trong tương lai) của Tổ Chức Phát Hành (trừ trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan). Các Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau mà không Trái Phiếu nào có bất kỳ quyền ưu tiên thanh toán hơn so với các Trái Phiếu còn lại vì bất kỳ lý do nào.

4.4. Giao Dịch Trái Phiếu

Trong khi Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD và/hoặc niêm yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, mọi giao dịch đối với Trái Phiếu (kể cả chuyển nhượng)

sẽ theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký. Trong giai đoạn Trái Phiếu được đăng ký tại VSD và/hoặc niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, mọi giao dịch đối với Trái Phiếu (kể cả chuyển nhượng) sẽ thực hiện theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, và các quy chế có liên quan của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan.

4.5. Quyết Định/Nghị Quyết Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Phù hợp với quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua các quyết định/nghị quyết thuộc thẩm quyền của mình đối với các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu bằng hình thức biểu quyết tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bằng cách Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua các hình thức phù hợp với quy định của Hợp Đồng này, các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và Các Điều Kiện Trái Phiếu (bao gồm nhưng không giới hạn việc sử dụng một hoặc kết hợp các hình thức lấy ý kiến bằng văn bản giấy, hình thức bỏ phiếu điện tử, và các hình thức khác phù hợp với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan).

(b) Trình tự và thủ tục tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được quy định tại Phụ Lục II của Hợp Đồng này. Trình tự và thủ tục Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng hình thức bỏ phiếu điện tử (nếu áp dụng) hoặc các hình thức khác sẽ theo quy chế bỏ phiếu điện tử hoặc các quy chế khác có liên quan do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu công bố tại từng thời điểm và sẽ được gửi cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cùng các tài liệu Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan với điều kiện là các quy chế đó phải đảm bảo thời hạn lấy ý kiến tối đa không quá thời hạn Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu quy định tại Phụ Lục II.

ĐIỀU 5. QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

5.1. Quyền Hạn Và Nghĩa Vụ Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải thực hiện các công việc và nhiệm vụ được quy định trong Hợp Đồng này một cách cẩn trọng và phù hợp với thông lệ thị trường trong nước đã được công nhận áp dụng cho các công việc và nhiệm vụ tương tự như các công việc và nhiệm vụ tại của một tổ chức làm đại diện cho quyền lợi của các chủ sở hữu của loại chứng khoán tương tự như các Trái Phiếu tại Việt Nam.

(b) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện mọi quyền, quyền hạn và thẩm quyền và hưởng các lợi ích được quy định cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, kể cả các quyền và quyền hạn sau:

- (i) quyết định các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu (bao gồm cả các vấn đề liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm) trừ các vấn đề mà các Văn Kiện Trái Phiếu quy định phải xin ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được đưa ra quyết định phù hợp với ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;

- (ii) quyết định việc lựa chọn hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định của Hợp Đồng này khi có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến Trái Phiếu đòi hỏi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải đưa ra quyết định hoặc chỉ thị cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Trái Phiếu hoặc khi người có thẩm quyền yêu cầu Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không đưa ra phương thức lấy ý kiến cụ thể;
 - (iii) dựa vào bất kỳ văn kiện, thông báo hay tài liệu nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đánh giá là xác thực, chính xác và đã được ký kết, phê duyệt hợp lệ và không phải kiểm tra hay xác minh việc ký kết hay phê duyệt bất kỳ tài liệu nào như vậy để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng này; và
 - (iv) bằng chi phí của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, thuê các tổ chức tư vấn (luật, tài chính, kiểm toán hoặc khác) có uy tín và kinh nghiệm hỗ trợ việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các công việc và nhiệm vụ được quy định rõ ràng trong các Văn Kiện Trái Phiếu, và dựa vào các tư vấn đó để quyết định việc thực hiện hay không thực hiện bất kỳ công việc hoặc nhiệm vụ nào.
- (c) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền đầu tư vào Trái Phiếu, nhận Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia bất kỳ giao dịch nào khác với bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi được các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan cho phép.
- (d) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không bị hạn chế thực hiện vai trò đại diện (hay bất kỳ vai trò tương tự nào) cho người sở hữu bất kỳ chứng khoán nào không phải là Trái Phiếu trong thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng này.

5.2. Giới Hạn Trách Nhiệm Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành và mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu, công nhận và đồng ý rằng:

- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không có bất kỳ trách nhiệm, nghĩa vụ hay nhiệm vụ thuộc bất kỳ loại nào ngoài các công việc và nhiệm vụ được quy định rõ ràng trong các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (ii) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không phải thực hiện bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà trái với hoặc, theo đánh giá hợp lý của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là có thể trái với, bất kỳ quy định nào của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quyết định, phán quyết của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền nào hay quy chế của VSD hoặc bất kỳ Sở Giao Dịch Chứng Khoán nào;
- (iii) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ phải thông báo về việc xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm hay vi phạm đối với bất kỳ cam kết nào của Tổ Chức Phát Hành khi có bằng chứng rõ ràng về việc xảy ra Sự Kiện Vi Phạm hoặc vi phạm đó và việc thông báo về Sự Kiện Vi Phạm hay vi phạm đó (tùy trường hợp áp dụng) không dẫn đến việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu vi phạm nghĩa vụ bảo mật đối với các Tổ Chức/Cá Nhân khác (mà không phải là Tổ Chức Phát Hành). Nghĩa

vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu giám sát việc thực hiện các cam kết của Tổ Chức Phát Hành được quy định trong các hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu được giới hạn trong phạm vi hiểu biết thông thường và trong khả năng của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;

- (iv) khi có chỉ thị của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ hành động theo chỉ thị đó nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được cam kết hoặc bảo đảm (đáp ứng yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc bồi hoàn bất kỳ tổn thất, trách nhiệm hay nghĩa vụ thuộc bất kỳ loại nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể phải gánh chịu hoặc chi trả khi hành động theo chỉ thị đó; và
- (v) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện công việc hay nhiệm vụ đó theo đúng chỉ thị của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

ĐIỀU 6. CAM ĐOAN, BẢO ĐẢM VÀ CAM KẾT

6.1. Cam Đuan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Tổ Chức Phát Hành

(a) Cam Đuan Và Bảo Đảm

Tổ Chức Phát Hành cam đuan và bảo đảm với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rằng các cam đuan và bảo đảm dưới đây là trung thực, chính xác và không gây nhầm lẫn vào ngày ký kết Hợp Đồng này và vào Ngày Phát Hành (trừ các cam đuan và bảo đảm có dẫn chiếu đến một ngày cụ thể thì cam đuan và bảo đảm đó chỉ được đưa ra vào ngày cụ thể đó):

- (i) Tổ Chức Phát Hành (i) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập hợp lệ và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, và (ii) có đầy đủ quyền hạn và thẩm quyền để sở hữu tài sản của mình và thực hiện các hoạt động kinh doanh hiện tại đang được Tổ Chức Phát Hành tiến hành;
- (ii) Chưa có sự kiện nào có thể dẫn đến việc giải thể hoặc phá sản nào đã hoặc đang xảy ra hoặc chuẩn bị tiến hành đối với Tổ Chức Phát Hành mà Tổ Chức Phát Hành đã biết;
- (iii) ngoại trừ các chấp thuận của các Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền mà Tổ Chức Phát Hành bắt buộc phải có để đăng ký Trái Phiếu với VSD và niêm yết Trái Phiếu với Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan, vào Ngày Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành đã có được tất cả các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận cần thiết của các Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền để (A) chào bán các Trái Phiếu ra công chúng, (B) ký kết, chuyển giao và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên, và (C) hoàn thành các giao dịch được quy định trong Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên (nếu có);

- (iv) ngoại trừ chấp thuận của hội đồng thành viên và/hoặc cơ quan quản lý nội bộ khác của Tổ Chức Phát Hành để hoàn tất việc đăng ký Trái Phiếu với VSD và niêm yết Trái Phiếu với Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan mà VSD, Sở Giao Dịch Chứng Khoán đó và/hoặc Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền khác có thể yêu cầu tại từng thời điểm, Tổ Chức Phát Hành đã có được các chấp thuận nội bộ cần thiết phù hợp với điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành để (A) chào bán các Trái Phiếu ra công chúng, đăng ký Trái Phiếu với VSD và niêm yết Trái Phiếu với Sở Giao Dịch Chứng Khoán, (B) ký kết, chuyển giao và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên, và (C) hoàn thành các giao dịch được quy định trong Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên;
- (v) khi được ký kết hợp lệ, Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên sẽ xác lập các nghĩa vụ hợp pháp, có hiệu lực, có giá trị ràng buộc và có khả năng thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành phù hợp với các điều khoản của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu đó, trừ trường hợp việc thi hành các nghĩa vụ đó có thể bị hạn chế bởi các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật về phá sản, tái cơ cấu hoặc về các vấn đề tương tự mà liên quan hoặc ảnh hưởng đến việc thi hành các quyền của chủ nợ nói chung; và
- (vi) việc Tổ Chức Phát Hành phát hành Trái Phiếu và việc Tổ Chức Phát Hành ký kết, chuyển giao và thực hiện Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên sẽ không (A) vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong các văn kiện nội bộ của Tổ Chức Phát Hành hiện đang có hiệu lực, bao gồm nhưng không giới hạn bởi điều lệ của Tổ Chức Phát Hành, (B) vi phạm hoặc dẫn đến vi phạm hoặc cấu thành hành vi vi phạm theo bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan nào, hoặc (C) trái với, mâu thuẫn hoặc dẫn đến vi phạm bất kỳ hợp đồng hoặc thoả thuận quan trọng nào mà Tổ Chức Phát Hành là một bên tham gia.

(b) Cam Kết

Tổ Chức Phát Hành cam kết với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rằng:

- (i) Tổ Chức Phát Hành sẽ tuân thủ các trách nhiệm và nghĩa vụ của mình theo hoặc liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này (kể cả nghĩa vụ trả phí và chi phí cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu);
- (ii) Tổ Chức Phát Hành sẽ hợp tác và hỗ trợ Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tới đa trong việc thực hiện các công việc và nhiệm vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác;
- (iii) Tổ Chức Phát Hành sẽ có được và duy trì hiệu lực của tất cả phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận liên quan đến các Trái Phiếu phù hợp với các quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các văn kiện công ty của Tổ Chức Phát Hành, và cung cấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông tin chi tiết về các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận đó theo yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;

- (iv) Tổ Chức Phát Hành phải cung cấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (để Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khi có yêu cầu) các thông tin sau, trong phạm vi mà các thông tin đó chưa được Tổ Chức Phát Hành công bố công khai theo các quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và/hoặc chưa được Tổ Chức Phát Hành cung cấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Trái Phiếu, với điều kiện là việc cung cấp thông tin không dẫn đến việc Tổ Chức Phát Hành vi phạm bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật nào, quyết định hoặc yêu cầu của bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào:
- (A) (các) bản báo cáo về việc sử dụng số tiền thu được từ các Trái Phiếu bởi Tổ Chức Phát Hành là đúng mục đích được quy định tại Phương Án Phát Hành Trái Phiếu trong thời hạn như được quy định tại Điều Khoản 11(p) của Các Điều Khoản Trái Phiếu. Tổ Chức Phát Hành sẽ cung cấp các chứng từ hợp lý để chứng minh việc sử dụng vốn đó để Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu kiểm tra một cách hợp lý việc sử dụng tiền thu được từ phát hành Trái Phiếu và thực hiện các nghĩa vụ theo Trái Phiếu;
 - (B) trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày có bất kỳ thay đổi nào về (xx) tỷ lệ sở hữu của bất kỳ thành viên góp vốn nào sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành, (yy) tổng giám đốc của Tổ Chức Phát Hành và (zz) người đại diện theo pháp luật của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo về sự thay đổi đó cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trừ trường hợp các thay đổi đó đã được công bố thông tin theo yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật;
 - (C) Báo Cáo Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành ngay khi có Báo Cáo Tài Chính đó nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Năm Tài Chính có liên quan;
 - (D) Báo Cáo Tài Chính bán niên của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành ngay khi có nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo có liên quan;
 - (E) Một bản sao y được xác thực bởi đại diện có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành đối với toàn bộ hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu để Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện nhiệm vụ của mình theo quy định tại Hợp Đồng này không muộn hơn 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Phát Hành;
 - (F) tối thiểu 5 (năm) Ngày Làm Việc sau khi hoàn tất bất kỳ giao dịch tổ chức lại doanh nghiệp và/hoặc chuyển nhượng tài sản của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con Chính nào của Tổ Chức Phát Hành thỏa mãn quy định tại Điều Khoản 11(h) của Các Điều Khoản Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo về việc hoàn tất giao dịch đó cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu kèm theo các thông tin hoặc tài liệu liên quan

(nếu có);

- (G) thông tin về bất kỳ vụ kiện tụng nào (xx) theo đánh giá của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là có khả năng gây Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể ngay sau khi nhận được yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc (yy) theo đánh giá của Tổ Chức Phát Hành là có khả năng gây Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể ngay sau khi Tổ Chức Phát Hành biết được thông tin đó; và
- (H) thông tin về bất kỳ sự kiện nào mà dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến một Sự Kiện Vi Phạm ngay khi Tổ Chức Phát Hành biết được thông tin đó.

Bất kể có quy định nào khác đi trong Hợp Đồng này, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không được tiết lộ bất kỳ thông tin nào (mà không phải là thông tin đã được công khai một cách hợp pháp) nhận được từ Tổ Chức Phát Hành theo đoạn (iv) này cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào trừ trường hợp (x) bắt buộc phải tiết lộ thông tin theo yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan hoặc yêu cầu của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền, (y) được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận trước, hoặc (z) việc tiết lộ thông tin được thực hiện theo yêu cầu hợp lệ của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu; và

- (v) Tổ Chức Phát Hành sẽ tuân thủ đầy đủ các quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán về nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với Tổ Chức Phát Hành.

6.2. Cam Đoan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Cam Đoan Và Bảo Đảm

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cam đoan và bảo đảm với Tổ Chức Phát Hành rằng các cam đoan và bảo đảm dưới đây là trung thực, chính xác và không gây nhầm lẫn vào ngày ký kết Hợp Đồng này và vào Ngày Phát Hành (trừ các cam đoan và bảo đảm có dẫn chiếu đến một ngày cụ thể thì cam đoan và bảo đảm đó chỉ được đưa ra vào ngày cụ thể đó):

- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là một công ty được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, có đầy đủ quyền, thẩm quyền và quyền hạn nội bộ cần thiết và đã thực hiện tất cả các thủ tục nội bộ và đã có được tất cả các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận cần thiết để (A) ký kết, chuyển giao và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này và (B) hoàn thành các giao dịch được quy định trong Hợp Đồng này. Các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận đó đều còn đầy đủ hiệu lực và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chưa nhận được bất kỳ thông báo nào về việc thu hồi hay sửa đổi bất kỳ phê duyệt, giấy phép, đăng ký hay chấp thuận nào như vậy;
- (ii) khi được ký kết hợp lệ, Hợp Đồng này sẽ xác lập các nghĩa vụ pháp lý có giá trị ràng buộc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và có khả năng thi hành theo các điều khoản của Hợp Đồng này; và

- (iii) việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ký kết, chuyển giao hoặc thực hiện Hợp Đồng này sẽ không (A) vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong các văn kiện công ty của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hiện đang có hiệu lực, bao gồm nhưng không giới hạn bởi điều lệ và giấy phép hoạt động của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, (B) vi phạm hoặc dẫn đến vi phạm hoặc cấu thành hành vi vi phạm theo bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan nào, hoặc (C) trái với, mâu thuẫn hoặc dẫn đến vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo bất kỳ hợp đồng hoặc thỏa thuận quan trọng nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là một bên tham gia.
- (b) Cam Kết

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cam kết không tự chấm dứt vai trò hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào của mình trừ trường hợp được quy định trong Hợp Đồng này và Các Điều Kiện Trái Phiếu.

ĐIỀU 7. PHÍ VÀ CHI PHÍ

(a) Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khoản phí liên quan đến các công việc và dịch vụ mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng này với mức phí và theo lịch thanh toán cụ thể được quy định tại một thư thỏa thuận phí được ký giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(b) Liên quan đến bất kỳ công việc hay dịch vụ nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể cung cấp cho các Tổ Chức/Cá Nhân khác (không phải là Tổ Chức Phát Hành) liên quan đến Trái Phiếu, với điều kiện là việc thực hiện các công việc hay dịch vụ này không gây tổn hại hoặc có ảnh hưởng bất lợi đối với các quyền mà Tổ Chức Phát Hành có được theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền ấn định và giữ lại cho mình tất cả các khoản phí mà các Tổ Chức/Cá Nhân khác đó phải thanh toán cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(c) Mọi chi phí và phí tổn liên quan đến việc gửi thông báo cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành, Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, phân bổ các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và thực hiện các nhiệm vụ hay công việc khác phù hợp với Hợp Đồng này mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gánh chịu hoặc chi trả hợp lý trên thực tế sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán (hoặc bồi hoàn) cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 20 (hai mươi) Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được các hóa đơn và bằng chứng hợp lệ có liên quan từ Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện là các khoản phí và chi phí này đã được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo bằng văn bản và nhận được chấp thuận trước bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành. Để tránh nhầm lẫn, trong trường hợp Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, chi phí mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gánh chịu hoặc chi trả hợp lý để thực hiện các nhiệm vụ hay công việc có liên quan sẽ do các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó thanh toán (hoặc bồi hoàn) cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo thỏa thuận giữa Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó.

ĐIỀU 8. BỒI HOÀN

(a) Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý bồi thường và bồi hoàn (tính theo tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu) cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với bất kỳ thiệt hại, tổn thất hoặc trách nhiệm nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gánh chịu trên thực tế (trừ trường hợp và trong phạm vi thiệt hại, tổn thất hoặc trách nhiệm đó là phát sinh trực tiếp từ lỗi vô ý nghiêm trọng, lỗi cố ý và/hoặc bất kỳ vi phạm nào đối với Hợp Đồng này của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) khi hành động theo chỉ thị của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu khác nào.

(b) Mỗi Bên phải bồi thường và bồi hoàn cho Bên còn lại mọi thiệt hại, tổn thất, chi phí, phí và phí tổn hợp lý, bao gồm cả phí luật sư và phí trọng tài (nếu có) dưới bất kỳ hình thức nào mà Bên còn lại phải gánh chịu trên thực tế phát sinh trực tiếp từ hoặc liên quan đến bất kỳ hành vi vi phạm nào của Bên phải bồi thường theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu khác nào.

ĐIỀU 9. THAY THẾ ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

9.1. Các Quy Định Chung Về Thay Thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đương nhiệm ("**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm**") có thể bị thay thế bởi một tổ chức khác ("**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế**") theo các quy định tại Điều 9 này. Các trường hợp thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khác không thuộc phạm vi của Điều 9 này sẽ được các Bên hành động theo quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

(b) Việc thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ không có hiệu lực và không hợp lệ cho đến khi việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế có hiệu lực.

(c) Việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế bởi Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (tùy trường hợp áp dụng) nếu phù hợp với Điều 9 này sẽ ràng buộc Tổ Chức Phát Hành, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm, Các Bên Bảo Đảm và các bên khác có liên quan (nếu có) trong các Văn Kiện Trái Phiếu.

(d) Việc thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ có hiệu lực kể từ ngày các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phù hợp với quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (không áp dụng trong trường hợp thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấm dứt hoạt động quy định tại Điều 9.4), Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và Tổ Chức Phát Hành sẽ ký kết thỏa thuận tham gia về cơ bản theo mẫu quy định tại Phụ Lục III của Hợp Đồng này ("**Thỏa Thuận Tham Gia**").

(e) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phải là tổ chức có tư cách pháp nhân, có uy tín và kinh nghiệm và đáp ứng các điều kiện cần thiết để làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

(f) Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (tùy trường hợp áp dụng) sẽ gửi thông báo cho Bên còn lại, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm, Các Bên Bảo Đảm và các bên khác có liên quan (nếu có) trong các Văn Kiện Trái Phiếu về việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc từ ngày việc thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có hiệu lực và Thỏa Thuận Tham Gia được ký kết hợp lệ.

(g) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm phải bàn giao các hồ sơ, tài liệu, hoặc vật dụng mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có được khi thực hiện các công việc và nhiệm vụ liên quan đến Trái Phiếu cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế ngay khi có thể thực hiện được trên thực tế (nhưng sau khi đã nhận đủ tất cả các khoản thanh toán đến hạn cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm theo Hợp Đồng này).

(h) Nếu xảy ra sự kiện thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này nhưng việc thay thế chưa hoàn tất thì (các) nhiệm vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể được thực hiện trực tiếp bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức khác được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ủy quyền (theo quyết định được thông qua hợp lệ bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối phù hợp với các quy định của Hợp Đồng này, Các Điều Kiện Trái Phiếu, và Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan).

9.2. Thay Thế Do Từ Nhiệm

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có thể từ nhiệm và ngừng thực hiện toàn bộ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu sau khi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc trước ngày dự kiến từ nhiệm.

(b) Tổ Chức Phát Hành, hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm hoặc nhóm các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu từ 20% (hai mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó sẽ có quyền đề xuất một tổ chức làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và gửi đề xuất đó cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được thông báo từ nhiệm của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm.

(c) Trong vòng 25 (hai mươi lăm) Ngày Làm Việc sau khi nhận được đề xuất của các bên về Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế theo quy định nêu trên, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ thực hiện các trình tự và thủ tục để các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối về việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế hoặc lựa chọn một trong số các tổ chức được đề xuất theo đoạn (b) trên đây làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này.

9.3. Thay Thế Bất Buộc

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có thể bị thay thế khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây:

- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm vi phạm nghiêm trọng nhiệm vụ của mình như được quy định trong Hợp Đồng này và/hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu khác;
- (ii) có sự thay đổi đối với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng mà sự thay đổi này chưa được thi hành và chưa có hiệu lực vào ngày ký kết Hợp Đồng hoặc thỏa thuận tham gia có liên quan (tùy từng trường hợp áp dụng) nhưng gây ra ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, điều kiện tài chính, hoặc triển vọng của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm, hoặc khả năng thực hiện các nghĩa vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác; hoặc
- (iii) có kết luận hoặc quyết định đã có hiệu lực của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền về việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm không được thực hiện vai trò đại diện cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;

Tổ Chức Phát Hành theo đây đồng ý rằng ngay khi Tổ Chức Phát Hành có bằng chứng rõ ràng về việc vi phạm của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm theo quy định tại mục (i) của Điều 9.3(a) này, Tổ Chức Phát Hành sẽ nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc xảy ra sự kiện đó nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 1 (một) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành biết về việc sự kiện đó.

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm theo đây đồng ý rằng, ngay khi bất kỳ sự kiện nào quy định tại các mục (ii) và (iii) của Điều 9.3(a) này xảy ra trên thực tế hoặc có khả năng xảy ra trên thực tế, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành về việc xảy ra sự kiện đó nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 1 (một) Ngày Làm Việc kể từ ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm biết về việc sự kiện đó đã xảy ra hoặc có khả năng xảy ra trên thực tế.

(b) Tổ Chức Phát Hành hoặc nhóm các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu từ 20% (hai mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó sẽ có quyền đề xuất một tổ chức làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và gửi đề xuất đó của mình cho Tổ Chức Phát Hành trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày ghi trên thông báo của Tổ Chức Phát Hành về việc vi phạm của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm và/hoặc ngày ghi trên thông báo của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm về việc xảy ra sự kiện quy định tại các mục (ii) và (iii) của Điều 9.3(a) (tùy từng trường hợp áp dụng). Nếu việc thay thế thuộc trường hợp quy định mục đoạn (iii) của Điều 9.3(a) thì việc đề xuất một hoặc một vài tổ chức làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phải hoàn tất trước thời điểm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm bắt buộc phải thôi thực hiện vai trò đại diện cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo kết luận hoặc quyết định có liên quan của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền.

(c) Trong vòng 25 (hai mươi lăm) Ngày Làm Việc sau khi nhận được đề xuất của các bên về Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế theo quy định nêu trên, Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện các trình tự và thủ tục để các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối về việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế hoặc lựa chọn một trong số các tổ chức được đề xuất theo mục (b) trên đây làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế theo một nghị quyết theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này.

9.4. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm Chấm Dứt Hoạt Động

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi có bất kỳ quyết định nào về việc chấm dứt hoạt động của mình. Ngay sau khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm biết được thông tin sẽ bị chấm dứt hoạt động vì bất kỳ lý do nào, Tổ Chức Phát Hành phải nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi biết được các thông tin này.

(b) Tổ Chức Phát Hành hoặc nhóm các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu từ 20% (hai mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó sẽ có quyền đề xuất một tổ chức làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và gửi đề xuất đó cho Tổ Chức Phát Hành trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được quyết định của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm về việc chấm dứt hoạt động của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm.

(c) Ngay khi có thể sau khi nhận được đề xuất của nhóm các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế theo quy định nêu trên, Tổ Chức Phát Hành phải thực hiện các trình tự và thủ tục để các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối về việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế hoặc lựa chọn một trong số các tổ chức được đề xuất theo mục (b) trên đây làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng này.

(d) Tổ Chức Phát Hành công nhận và cam kết rằng kể cả và trong khi chưa có tổ chức nào được chỉ định làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm đã chấm dứt hoạt động thì Hợp Đồng này và các Văn Khoản Trái Phiếu khác mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm là một bên sẽ tiếp tục có hiệu lực và ràng buộc Tổ Chức Phát Hành như thể sự kiện thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu quy định tại Điều 9.4 này chưa xảy ra.

ĐIỀU 10. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT

(a) Hợp Đồng này có hiệu lực từ ngày ký. Kể từ ngày Hợp Đồng này có hiệu lực, (i) Hợp Đồng này và các quy định tại Hợp Đồng này sẽ thay thế cho toàn bộ Hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu số 03/2023/BHA/NPM-TCBS ngày 5 tháng 5 năm 2023 ký kết giữa các Bên (“Hợp Đồng Đại Diện 03”) và các quy định của Hợp Đồng Đại Diện 03, và (ii) Hợp Đồng Đại Diện 03 sẽ chấm dứt hiệu lực và không còn ràng buộc tất cả các Bên.

(b) Hợp Đồng này bị chấm dứt khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây, tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước:

- (i) không có bất kỳ Trái Phiếu nào được phát hành trước (A) ngày thứ 91 (chín mươi một) kể từ ngày có hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp, hoặc ngày của thông báo phát hành trái phiếu ra công chúng (tùy từng trường hợp áp dụng); hoặc (B) ngày kết thúc một thời hạn chào bán Trái Phiếu dài hơn nêu được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận gia hạn; và

- (ii) khi các Trái Phiếu đã được mua lại toàn bộ theo Các Điều Kiện Trái Phiếu hoặc mọi nghĩa vụ thanh toán theo Trái Phiếu đã được thực hiện đầy đủ.
- (c) Việc chấm dứt Hợp Đồng này sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền và trách nhiệm mà mỗi Bên có trước thời điểm chấm dứt. Các quy định tại các Điều 8, 10(c), 11.2, 11.4, 11.5 và 11.6 vẫn có giá trị ràng buộc các Bên sau khi Hợp Đồng này chấm dứt.

ĐIỀU 11. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

11.1. Chậm Thực Hiện Quyền; Các Quyền Tích Lũy

(a) Việc một Bên không thực hiện hay chậm thực hiện bất kỳ quyền nào của mình theo Hợp Đồng này sẽ không được hiểu là Bên đó từ bỏ quyền đó hoặc miễn cho Bên kia thực hiện nghĩa vụ có liên quan. Việc một Bên từ bỏ quyền hoặc miễn cho Bên kia thực hiện nghĩa vụ phải được lập bằng văn bản và được ký bởi Bên đó.

(b) Các quyền của một Bên theo Hợp Đồng này hoặc theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan có thể được thực hiện cùng nhau mà không loại trừ lẫn nhau trừ trường hợp việc thực hiện cùng nhau đó không được phép theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

11.2. Bảo Mật

Mỗi Bên phải bảo đảm giữ bí mật nội dung của Hợp Đồng này và không tiết lộ nội dung của Hợp Đồng này và việc thực hiện Hợp Đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào trừ trường hợp:

- (i) việc tiết lộ đó đã được Bên kia chấp thuận bằng văn bản;
- (ii) việc tiết lộ cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm, Các Bên Bảo Đảm và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (iii) việc tiết lộ là bắt buộc theo quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quy định của VSD và bất kỳ Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan nào, hoặc theo yêu cầu của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền;
- (iv) việc tiết lộ bởi Tổ Chức Phát Hành và đối tác tham gia giao dịch có liên quan đến Trái Phiếu cho nhà đầu tư hiện tại hoặc nhà đầu tư tiềm năng vào Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Phát Hành và đối tác tham gia giao dịch có liên quan đến Trái Phiếu với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (v) việc tiết lộ bởi một Bên cho Công Ty Con, công ty liên kết và cán bộ, nhân viên, kế toán, luật sư, đơn vị tư vấn và người đại diện tương ứng của Bên đó trong phạm vi mà các Tổ Chức/Cá Nhân này là những người cần được biết nội dung của Hợp Đồng này nhằm thực hiện nghĩa vụ của bên đó theo Hợp Đồng này; hoặc
- (vi) thông tin đã trở nên công khai (ngoại trừ trường hợp là hậu quả của việc vi phạm Điều 11.2 này),

tuy nhiên, với điều kiện là việc tiết lộ thông tin trong các trường hợp trên không áp dụng đối với thư thỏa thuận phí quy định tại Điều 7(a), và trước khi tiết lộ thông tin theo các Điều 11.2(iv) và 11.2(v) trên đây, Bên tiết lộ thông tin phải thông báo cho các Tổ Chức/Cá Nhân tiếp nhận thông tin về điều khoản bảo mật này và tính chất mật của nội dung của Hợp Đồng này và đồng thời đảm bảo các Tổ Chức/Cá Nhân đó cam kết tuân thủ nghĩa vụ bảo mật phù hợp với quy định của Điều 11.2 này.

11.3. Chuyển Giao

Trừ trường hợp thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, không Bên nào được chuyển giao hoặc chuyển nhượng bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này khi chưa được Bên còn lại chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ việc chuyển giao hoặc chuyển nhượng vì lý do tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

11.4. Thông Báo

Việc gửi thông báo theo Hợp Đồng này sẽ theo phương thức quy định tại Điều Kiện 13 của Các Điều Kiện Trái Phiếu.

11.5. Luật Điều Chỉnh

Hợp Đồng này sẽ được điều chỉnh bởi và được giải thích phù hợp với pháp luật Việt Nam.

11.6. Giải Quyết Tranh Chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này (kể cả bất kỳ vấn đề nào liên quan đến sự tồn tại, hiệu lực hoặc việc chấm dứt của Hợp Đồng này) sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (“VIAC”) theo quy tắc tố tụng trọng tài của VIAC bởi 3 (ba) trọng tài viên được chỉ định theo quy tắc đó. Địa điểm tiến hành thủ tục trọng tài là Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng trong tố tụng trọng tài là tiếng Việt.

11.7. Sửa Đổi

Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này đều phải được lập bằng văn bản và được ký kết bởi các Bên. Các Bên có thể sửa đổi Hợp Đồng này mà không cần chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nếu (i) việc sửa đổi không ảnh hưởng bất lợi đến quyền, lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu dưới bất kỳ hình thức nào hoặc việc sửa đổi hoàn toàn mang tính hình thức để sửa chữa các sai sót hiển nhiên hoặc mang tính kỹ thuật, (ii) việc sửa đổi đó đã được dự kiến trong Hợp Đồng này mà không yêu cầu phải được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận hoặc (iii) việc sửa đổi áp dụng đối với thư thỏa thuận phí quy định tại Điều 7(a) của Hợp Đồng này. Bất kỳ sửa đổi nào khác đối với Hợp Đồng này phải được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận trước.

11.8. Hiệu Lực Riêng Rẽ

Mỗi quy định trong Hợp Đồng này và mỗi phần của nó là riêng rẽ và phân biệt so với các quy định khác. Nếu có bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này là không có giá trị, không hợp pháp hoặc không có giá trị thi hành theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan thì giá trị, tính hợp pháp và khả năng thi hành của các quy định còn lại của Hợp Đồng này sẽ không bị ảnh hưởng theo bất kỳ cách nào.

11.9. Ngôn Ngữ Và Số Bản

Hợp Đồng này được lập thành 3 (ba) bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu giữ 1 (một) bản gốc, Tổ Chức Phát Hành giữ 2 (hai) bản gốc (bao gồm 1 (một) bản sử dụng để nộp cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước theo hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu).

*[Phần còn lại của trang này được chú ý để trống.
Phần chữ ký nằm ở trang tiếp theo.]*

ĐỀ GHI NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN, các Bên, thông qua người đại diện được ủy quyền hợp lệ của mình, đã ký kết Hợp Đồng này vào ngày được nêu ở trang đầu tiên của Hợp Đồng này.

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO
với tư cách là **Tổ Chức Phát Hành**



Chữ ký: _____
Họ tên: *Nguyễn Hưng Luân*
Chức vụ: **QUYỀN GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH**

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG
với tư cách là **Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**



Chữ ký: _____
Họ tên: **PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**
Chức vụ: *Trần Thị Thu Trang*

3-
TY
H
B
S
A
Á
C
A

Á
G
H

PHỤ LỤC I

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU

*[Các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu bắt đầu từ trang sau.
Phần còn lại của trang này được chú ý để trống.]*

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU
(Trái Phiếu NPMPO2328003)

1. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

- 1.1. Các điều khoản và điều kiện này ("**Các Điều Kiện Trái Phiếu**") điều chỉnh các Trái phiếu NPMPO2328003 ("**Trái Phiếu**") do Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo ("**Tổ Chức Phát Hành**" hoặc "**NPM**") phát hành theo phương án phát hành trái phiếu được Hội Đồng Thành Viên của Tổ Chức Phát Hành phê duyệt theo Nghị Quyết số 27/2023/NQ-HĐTV ngày 8 tháng 6 năm 2023 ("**Phương Án Phát Hành Trái Phiếu**") và bản cáo bạch đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành ("**Bản Cáo Bạch**"). Các thuật ngữ viết hoa khi được sử dụng trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 17.1.
- 1.2. Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ định một tổ chức thực hiện việc đăng ký, quản lý chuyển nhượng và các công việc khác đối với Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và thỏa thuận với Tổ Chức Phát Hành ("**Đại Lý Đăng Ký**"). Căn cứ hợp đồng đại lý đăng ký và quản lý chuyển nhượng số 03/2023/RA/NPM-TCBS ngày 8 tháng 6 năm 2023 ("**Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký**") được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và TCBS, Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định TCBS làm Đại Lý Đăng Ký ban đầu. Việc thay thế Đại Lý Đăng Ký (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký và Các Điều Kiện Trái Phiếu này.
- 1.3. Trong suốt thời hạn của Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ định một tổ chức thực hiện việc lưu ký và các công việc khác liên quan tới Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và thỏa thuận với Tổ Chức Phát Hành ("**Tổ Chức Lưu Ký**"). Để làm rõ, khi Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD, vai trò Tổ Chức Lưu Ký và Đại Lý Đăng Ký phải được thực hiện bởi cùng một tổ chức và tại một thời điểm, Trái Phiếu sẽ chỉ được đăng ký và lưu ký tại tổ chức đó. Căn cứ hợp đồng dịch vụ lưu ký số 03/2023/CA/NPM-TCBS ngày 8 tháng 6 năm 2023 ("**Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký**") được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và TCBS, Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định TCBS làm Tổ Chức Lưu Ký ban đầu. Việc thay thế Tổ Chức Lưu Ký (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký và Các Điều Kiện Trái Phiếu này.
- 1.4. Cho đến khi còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành, sẽ luôn có một tổ chức đại diện cho quyền lợi của tất cả Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Trái Phiếu và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và thỏa thuận với Tổ Chức Phát Hành ("**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**"). Căn cứ hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu số 07/2023/BHA/NPM-TCBS ngày 8 tháng 6 năm 2023 giữa Tổ Chức Phát Hành và TCBS ("**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**"), Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định TCBS làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu. Việc thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Các Điều Kiện Trái Phiếu này.
- 1.5. Trái Phiếu sẽ được đảm bảo bằng các Tài Sản Bảo Đảm theo quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đảm và Các Điều Kiện Trái Phiếu này. Cho đến khi còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành, sẽ luôn có ít nhất một tổ chức hành động nhân danh và vì lợi ích của tất cả Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong việc nhận và quản lý Tài Sản Bảo Đảm và thực hiện các công việc khác liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm ("**Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm**"). Bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu, mỗi

Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo đây chấp thuận việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc (các) tổ chức khác có thể sẽ được chỉ định làm Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm ban đầu liên quan đến Phần Vốn Góp Thể Chấp NPM và các Tài Sản Bảo Đảm khác trong trường hợp phát sinh Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung theo Điều Khoản 6.1(d).

Việc thay thế Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm có liên quan và Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

- 1.6. Mọi nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu được bảo đảm bằng Các Biện Pháp Bảo Đảm được xác lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm. Việc bảo đảm cho Trái Phiếu được quy định cụ thể tại Điều Khoản 6.
- 1.7. Các Điều Khoản Trái Phiếu này, cùng với các quy định có liên quan của các Văn Kiện Trái Phiếu khác, quy định các quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các bên liên quan khác đối với Trái Phiếu. Các Văn Kiện Trái Phiếu được lưu giữ tại địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể nghiên cứu, xem xét hoặc sao chụp hợp lệ. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành và/hoặc các bên có liên quan cung cấp một bản sao y bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào cho mục đích lưu giữ được đề cập trên đây.
- 1.8. Bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu, mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (i) chấp nhận việc lựa chọn TCBS làm Đại Lý Đăng Ký ban đầu, Tổ Chức Lưu Ký ban đầu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu, và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm ban đầu, (ii) đồng ý rằng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm có thể là cùng một tổ chức, (iii) ủy quyền cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để, nhân danh các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, ký kết các Văn Kiện Trái Phiếu và thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, (iv) đồng ý miễn trừ mọi xung đột lợi ích thực tế hoặc xung đột lợi ích có thể xảy ra trong tương lai liên quan đến việc chỉ định TCBS làm Đại Lý Đăng Ký ban đầu, Tổ Chức Lưu Ký ban đầu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm ban đầu, (v) xác nhận là đã nghiên cứu, đồng ý và chấp thuận toàn bộ nội dung của Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, và (vi) có các quyền, lợi ích và nghĩa vụ của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

2. TÍNH CHẤT

Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp đối với Tổ Chức Phát Hành. Các Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang bằng mà không Trái Phiếu nào sẽ có quyền ưu tiên thanh toán hơn so với các Trái Phiếu còn lại vì bất kỳ lý do nào. Nếu sau khi xử lý Tài Sản Bảo Đảm (với điều kiện là Các Biện Pháp Bảo Đảm đối với Tài Sản Bảo Đảm đã được tạo lập và đăng ký với Cơ Quan ĐKGDĐ (tùy trường hợp áp dụng) theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm) mà nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu còn tồn đọng do số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm không đủ thì phần nghĩa vụ còn tồn đọng (nếu có) sẽ có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ khác không được bảo đảm ở thời điểm hiện tại hoặc tương lai của Tổ Chức Phát

Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan).

3. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu cho các mục đích (i) cơ cấu lại nợ của Tổ Chức Phát Hành, (ii) tăng quy mô vốn hoạt động, (iii) thực hiện chương trình/ dự án đầu tư và/hoặc (iv) các mục đích sử dụng vốn khác được nêu tại Phương Án Phát Hành Trái Phiếu. Mục đích sử dụng cụ thể như được nêu tại Phương Án Phát Hành Trái Phiếu.

4. HÌNH THỨC, MỆNH GIÁ, THỜI HẠN, QUYỀN SỞ HỮU, SỔ ĐĂNG KÝ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG TRÁI PHIẾU

4.1. Hình Thức, Mệnh Giá Và Thời Hạn

- (a) Trái Phiếu được chào bán ra công chúng thông qua phương thức bảo lãnh phát hành theo hình thức cố gắng tối đa. Trái Phiếu được phát hành theo hình thức bút toán ghi sổ và/hoặc dữ liệu điện tử (quyền sở hữu đối với Trái Phiếu được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký) với mệnh giá mỗi Trái Phiếu là 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng).
- (b) Số lượng Trái Phiếu được phát hành tối đa là 7.000.000 (bảy triệu) Trái Phiếu. Số lượng phát hành thực tế là số lượng Trái Phiếu được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký.
- (c) Thời hạn của Trái Phiếu sẽ bắt đầu từ Ngày Phát Hành và kết thúc vào ngày tròn 60 (sáu mươi) tháng kể từ Ngày Phát Hành (“Ngày Đáo Hạn”).

4.2. Quyền Sở Hữu, Sổ Đăng Ký Và Chuyển Nhượng Trái Phiếu

- (a) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được tự do chuyển nhượng hoặc được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia các quan hệ dân sự, thương mại hợp pháp khác phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.
- (b) Kể từ Ngày Phát Hành cho đến trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD hoặc khi Trái Phiếu được mua lại và hủy bỏ (tùy trường hợp nào đến trước):
 - (i) Theo ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành và quy định của Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Đăng Ký sẽ lập, cập nhật và lưu giữ Sổ Đăng Ký. Sổ Đăng Ký sẽ ghi nhận các thông tin chi tiết khác mà Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký cho là phù hợp hoặc cần phải được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký theo quy định của các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, bên cạnh các nội dung chủ yếu sau:
 - (A) Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp của Tổ Chức Phát Hành;
 - (B) Các thông tin chính về Trái Phiếu gồm tổng số Trái Phiếu đã được phát hành, tổng số Trái Phiếu đang lưu hành, Ngày Phát Hành, Ngày Đáo Hạn, thời hạn, mệnh giá, Lãi Suất, phương thức thanh toán lãi và gốc;
 - (C) Họ và tên, địa chỉ, số, ngày cấp và nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc

thẻ căn cước công dân (hoặc tài liệu chứng thực cá nhân hợp pháp khác) còn hiệu lực của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là cá nhân; tên, địa chỉ đăng ký, mã số doanh nghiệp và/hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc tài liệu tương đương) của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức tại thời điểm họ sở hữu Trái Phiếu;

- (D) Thông tin về Trái Phiếu do từng Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu;
 - (E) Chi tiết về tài khoản nhận gốc, lãi và các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo thông báo hoặc đăng ký của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu với Đại Lý Đăng Ký và/hoặc Tổ Chức Lưu Ký tại từng thời điểm; và
 - (F) Các thông tin chi tiết khác mà Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký cho là phù hợp hoặc cần phải được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký theo quy định của các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.
- (ii) Quyền sở hữu Trái Phiếu chỉ được chuyển giao thông qua chuyển nhượng và được đăng ký vào Sổ Đăng Ký theo thủ tục quy định trong Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký và Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký. Bên nhận chuyển nhượng bất kỳ Trái Phiếu nào chỉ được xem là Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu đó khi thông tin về bên nhận chuyển nhượng và việc sở hữu Trái Phiếu của bên nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ Đăng Ký. Bên chuyển nhượng chỉ chấm dứt tư cách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu được chuyển nhượng nếu thông tin về bên chuyển nhượng trong Sổ Đăng Ký được xóa hoặc được cập nhật tương ứng với số Trái Phiếu còn lại mà bên chuyển nhượng sở hữu vào Sổ Đăng Ký.
- (c) Kể từ thời điểm Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc lập, cập nhật và lưu giữ Sổ Đăng Ký, nội dung và hình thức của Sổ Đăng Ký và việc chuyển nhượng Trái Phiếu sẽ tuân theo các quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng). Việc tạm ngừng giao dịch Trái Phiếu (nếu có) nhằm phục vụ việc đăng ký Trái Phiếu tại VSD sẽ tuân theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các quy chế, hướng dẫn của VSD.
 - (d) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với Trái Phiếu có liên quan trong trường hợp Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, VSD, Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan và các Cơ Quan Nhà Nước khác có yêu cầu.
 - (e) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc có thông báo bằng hình thức khác được Đại Lý Đăng Ký chấp nhận, sẽ được Đại Lý Đăng Ký cấp 1 (một) bản trích lục hợp lệ Sổ Đăng Ký ghi nhận việc sở hữu số Trái Phiếu được đăng ký của mình phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký. Từ khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc cấp trích lục Sổ Đăng Ký hoặc tài liệu tương đương sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, các quy chế có liên quan của VSD và Các Điều Kiện Trái Phiếu này (trong phạm vi các quy định đó phù hợp với pháp luật Việt Nam và quy định của VSD).

- (f) Trừ trường hợp các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan quy định khác, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được xem là chủ sở hữu hợp pháp và duy nhất của số Trái Phiếu được ghi nhận thuộc sở hữu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó trong Sổ Đăng Ký. Sổ Đăng Ký có giá trị hợp lệ và cao nhất để xác định quyền sở hữu Trái Phiếu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

5. ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ VÀ NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

- 5.1. Trái Phiếu phải được đăng ký tại Đại Lý Đăng Ký và lưu ký tại Tổ Chức Lưu Ký theo quy định tại các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, Các Điều Khoản Trái Phiếu và các Văn Khoản Trái Phiếu khác.
- 5.2. Trái Phiếu sẽ được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán theo quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 5.3. Tổ Chức Phát Hành sẽ có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký và/hoặc lưu ký Trái Phiếu với VSD theo các quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, quy chế của VSD, Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký. Việc chuyển nhượng Trái Phiếu trong quá trình làm thủ tục đăng ký hoặc lưu ký Trái Phiếu tại VSD (nếu áp dụng) sẽ theo quy định/hướng dẫn của VSD và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan tại thời điểm đó.
- 5.4. Sau khi Trái Phiếu đã được đăng ký với VSD, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tự lưu ký Trái Phiếu với VSD theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và các quy chế có liên quan của VSD.

6. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

Theo quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đảm, Trái Phiếu được bảo đảm bằng tài sản với các nội dung cơ bản như sau (phụ thuộc vào các sửa đổi, bổ sung đối với Các Hợp Đồng Bảo Đảm tại từng thời điểm):

6.1. Phương Thức Bảo Đảm

(a) Các Biện Pháp Bảo Đảm

Để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, Tổ Chức Phát Hành và/hoặc các Tổ Chức/Cá Nhân khác ("**Các Bên Bảo Đảm**") sẽ xác lập và hoàn thiện các biện pháp bảo đảm ("**Các Biện Pháp Bảo Đảm**") theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm, bao gồm nhưng không giới hạn các biện pháp bảo đảm được liệt kê dưới đây:

- (i) Tại Ngày Phát Hành, Bên Bảo Đảm có liên quan sẽ thế chấp cho Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (hành động vì lợi ích của tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) một phần của phần vốn góp tại NPM để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm theo các điều kiện được quy định cụ thể tại Điều Khoản 6.1(c) dưới đây và quy định của Hợp Đồng Bảo Đảm Phần Vốn Góp NPM và Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm Phần Vốn Góp; và/hoặc
- (ii) (các) Biện Pháp Bảo Đảm khác (nếu có) giữa Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám và Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bất kỳ Bên Bảo Đám nào khác vào từng thời điểm để bổ sung và/hoặc thay thế cho các Biện Pháp Bảo Đám nêu tại các mục (i) và/hoặc (ii) trên đây để bảo đảm cho Nghĩa Vụ Được Bảo Đám,

sao cho tại bất kỳ thời điểm nào kể từ Ngày Phát Hành cho đến khi Tổ Chức Phát Hành hoàn thành đầy đủ việc thanh toán các Nghĩa Vụ Được Bảo Đám, Tổng Giá Trị Bảo Đám không thấp hơn Giá Trị Bảo Đám Tối Thiểu tại thời điểm đó, trừ khi được chấp thuận khác đi bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(b) Giá Trị Tài Sản Bảo Đám

(i) Tổng giá trị bảo đảm của các Tài Sản Bảo Đám theo Các Hợp Đồng Bảo Đám ("**Tổng Giá Trị Bảo Đám**") được xác định (vào một ngày định giá lại Tài Sản Bảo Đám theo Các Hợp Đồng Bảo Đám) theo công thức tại **Phụ Đính 1**. Để làm rõ, công thức tính Tổng Giá Trị Bảo Đám tại Phụ Đính 1 cũng được sử dụng để tính Tổng Giá Trị Bảo Đám Duy Trì và Tổng Giá Trị Bảo Đám Ngưỡng Rút với các quy định cụ thể về từng loại Tài Sản Bảo Đám tương ứng tại đoạn (c), (d) và (e) dưới đây.

(ii) Khi phát sinh các sự kiện liên quan đến định giá/đánh giá giá trị của Tài Sản Bảo Đám, (các) Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám sẽ thông báo giá trị của Tài Sản Bảo Đám mà bên đó nhận và quản lý cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại (Các) Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đám có liên quan, Các Hợp Đồng Bảo Đám, và sau đó, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ dựa trên các thông báo này để tổng hợp và tính toán giá trị Tổng Giá Trị Bảo Đám, Tổng Giá Trị Bảo Đám Duy Trì, Tổng Giá Trị Bảo Đám Ngưỡng Rút của tất cả Tài Sản Bảo Đám theo cách thức được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này và thông báo kết quả cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(c) Giá Trị Bảo Đám Của Phần Vốn Góp Thế Chấp NPM

Liên quan đến việc xác định giá trị bảo đảm của Phần Vốn Góp Thế Chấp NPM ("**Giá Trị Bảo Đám Của Phần Vốn Góp Thế Chấp NPM**"), Giá Trị Bảo Đám Của Phần Vốn Góp Thế Chấp NPM được xác định theo công thức quy định tại Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đám Phần Vốn Góp.

(d) Bổ Sung Tài Sản Bảo Đám

Sau Ngày Phát Hành, (xx) khi Tổ Chức Phát Hành có nhu cầu bổ sung hoặc thay thế một phần hoặc toàn bộ các Tài Sản Bảo Đám đang được sử dụng để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đám và/hoặc (yy) trường hợp giá trị của các Tài Sản Bảo Đám sụt giảm dẫn đến Tổng Giá Trị Bảo Đám tại một ngày định giá lại thấp hơn Giá Trị Bảo Đám Tối Thiểu, Tổ Chức Phát Hành phải bổ sung thêm tài sản bảo đảm ("**Tài Sản Bảo Đám Bổ Sung**") bao gồm (i) tiền gửi và/hoặc (ii) tài sản bảo đảm khác (nếu được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận theo quyết định của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc theo một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu xét thấy cần thiết) sao cho Tổng Giá Trị Bảo Đám Duy Trì không thấp hơn Giá Trị Bảo Đám Tối Thiểu.

(e) Rút Tài Sản Bảo Đảm

Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Các Bên Bảo Đảm có thể rút bớt một phần hoặc toàn bộ các Tài Sản Bảo Đảm này đang được sử dụng để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm theo quy định tại Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm có liên quan, với điều kiện là (A) Tổng Giá Trị Bảo Đảm Ngưỡng Rút lớn hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm trước khi thực hiện rút bớt Tài Sản Bảo Đảm, và (B) Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì sau khi rút bớt Tài Sản Bảo Đảm đó không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm đó.

Thứ tự rút Tài Sản Bảo Đảm sẽ là (1) tiền gửi hoặc số dư ghi có trên tài khoản ngân hàng; (2) Phần Vốn Góp NPM và (3) các Tài Sản Bảo Đảm khác (nếu có).

(f) Thẩm Quyền Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận ủy quyền cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (nhân danh và vì quyền lợi của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) được quyền:

- (i) Nhận thế chấp Tài Sản Bảo Đảm là Phần Vốn Góp NPM, và/hoặc chỉ định một hoặc một số Tổ Chức/Cá Nhân đáp ứng các yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan làm Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm đối với các Tài Sản Bảo Đảm khác quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm có liên quan; và
- (ii) quyết định các nội dung cụ thể của Các Hợp Đồng Bảo Đảm và (Các) Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm tại từng thời điểm, và các sửa đổi, bổ sung, thay thế, cập nhật các hợp đồng này (nếu có), và hợp đồng bảo đảm, các hợp đồng, văn bản, tài liệu đối với Tài Sản Bảo Đảm là tiền gửi, hoặc Tài Sản Bảo Đảm khác và các tài liệu khác liên quan đến việc thế chấp tiền gửi hoặc các Tài Sản Bảo Đảm khác đó trên cơ sở không trái với các quy định có liên quan tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý miễn trừ các nghĩa vụ và trách nhiệm cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với các thiệt hại có thể xảy ra cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

6.2. Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm

Các nghĩa vụ được bảo đảm theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm là toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu (“**Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm**”) bao gồm nhưng không giới hạn: (i) nghĩa vụ thanh toán gốc của các Trái Phiếu đang lưu hành tại từng thời điểm áp dụng, (ii) nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản lãi đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán tính trên các Trái Phiếu (bao gồm cả lãi trong hạn và lãi quá hạn), (iii) tiền phạt và bồi thường thiệt hại của Tổ Chức Phát Hành đối với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và (iv) các nghĩa vụ thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

6.3. Thủ Tục Thi Hành Biện Pháp Bảo Đảm

86
N
N
H
O
U
T
2
N
I
IG
T
i
y

(a) Quy Định Chung

Khi một Sự Kiện Vi Phạm được xác định là đã xảy ra theo quy định tại Điều Khoản 12.1 và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã nhận được thông báo bằng văn bản của bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn theo Điều Khoản 12.2, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Các Bên Bảo Đảm và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Nếu các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm của Tổ Chức Phát Hành chưa được thanh toán vào hoặc trước Ngày Thanh Toán Cuối Cùng, phụ thuộc vào các quy định tại Điều Khoản 12.2, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm sẽ thực hiện các hành động nhằm xử lý toàn bộ hoặc bất kỳ phần nào của Tài Sản Bảo Đảm phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng, Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm tương ứng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm gửi Thông Báo Xử Lý Tài Sản (như được định nghĩa trong Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan) cho Tổ Chức Phát Hành, Các Bên Bảo Đảm, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký và Tổ Chức Lưu Ký (nếu áp dụng) và đăng ký Thông Báo Xử Lý Tài Sản và/hoặc việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm với (các) Cơ Quan ĐKGDBĐ có thẩm quyền (nếu các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có yêu cầu).

(b) Các Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm Hành Động Độc Lập

Sau khi nhận được Thông Báo Xử Lý Tài Sản, mỗi bên là các Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện độc lập các công việc liên quan đến xử lý từng loại Tài Sản Bảo Đảm trong phạm vi Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm đó nhận và quản lý, và các công việc này không phụ thuộc vào bất kỳ quy trình hay kết quả xử lý Tài Sản Bảo Đảm khác do Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm khác đang thực hiện. (Các) Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm hành động một cách độc lập và sẽ báo cáo cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về số tiền thu được từ việc xử lý mỗi Tài Sản Bảo Đảm và số tiền này sẽ được chuyển vào tài khoản nhận tiền xử lý tài sản bảo đảm được quy định cụ thể tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tổng hợp tổng số tiền thu được từ việc xử lý các Biện Pháp Bảo Đảm và số tiền còn thừa/thiếu (nếu có), thông báo và chỉ thị cho các bên có liên quan thực hiện các hành động phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

6.4. Đăng Ký Giao Dịch Bảo Đảm

Biện Pháp Bảo Đảm được quy định tại mỗi Hợp Đồng Bảo Đảm sẽ được các bên liên quan ký kết và công chứng (nếu Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có yêu cầu phải công chứng) hợp lệ, được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ và hợp lệ với (các) Cơ Quan ĐKGDBĐ có thẩm quyền (nếu Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và/hoặc Hợp Đồng Bảo Đảm đó có yêu cầu phải đăng ký giao dịch bảo đảm) theo quy định tương ứng của Hợp Đồng Bảo Đảm đó và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng.

6.5. Quyền Và Nhiệm Vụ Của Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm Liên Quan Đến Tài Sản Bảo Đảm

Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm có các quyền và nhiệm vụ sau:

513 - C
G TY
HH
C CHẾ P
NG SẢ
PHÁC
THAI

51
G
PH
K
U
1
11

- (i) ký kết Các Hợp Đồng Bảo Đảm, ký kết các hợp đồng dịch vụ với bên thứ ba (nếu cần thiết) liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm và việc thực hiện Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan như hợp đồng thuê định giá với tổ chức định giá, hợp đồng thuê kho, hợp đồng thuê vận chuyển, hợp đồng dịch vụ bảo vệ;
- (ii) nhận và quản lý hồ sơ, giấy tờ và tài liệu liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm; quản lý Tài Sản Bảo Đảm được giao cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc ủy quyền cho Tổ Chức/Cá Nhân khác quản lý theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm;
- (iii) thực hiện và thi hành bất kỳ quyền, quyền lợi, quyền hạn và thẩm quyền nào của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm và Các Điều Khoản Trái Phiếu này đối với Tài Sản Bảo Đảm và Các Biện Pháp Bảo Đảm được xác lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm, kể cả xử lý Tài Sản Bảo Đảm phù hợp với quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm;
- (iv) Thực hiện xử lý Tài Sản Bảo Đảm theo chỉ thị của (các) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu, Các Hợp Đồng Bảo Đảm và pháp luật có liên quan;
- (v) xem xét việc thực hiện chuyển nhượng Tài Sản Bảo Đảm bởi Các Bên Bảo Đảm cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm, với điều kiện là Tổ Chức/Cá Nhân nhận chuyển nhượng Tài Sản Bảo Đảm đó sẽ phải cầm cố và/hoặc thế chấp lại các Tài Sản Bảo Đảm đó cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các điều khoản và điều kiện tương đương với các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng Bảo Đảm tương ứng đã được ký kết đối với Tài Sản Bảo Đảm đó và các điều khoản, điều kiện khác theo yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động nhân danh và vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu); và
- (vi) các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định cho Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

Ngoại trừ việc chỉ định Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm theo quy định tại Điều Khoản 1.5 và Điều Khoản 6.1(f)(i), nếu các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật liên quan có yêu cầu, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm sẽ chỉ định một Tổ Chức/Cá Nhân đáp ứng các yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và Các Thỏa Thuận Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm làm đại lý nhận và quản lý tài sản bảo đảm để cùng với hoặc thay thế cho Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm nhận và quản lý các Tài Sản Bảo Đảm theo các điều khoản và điều kiện do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và đại lý nhận và quản lý tài sản bảo đảm đó thỏa thuận, với điều kiện là việc chỉ định Tổ Chức/Cá Nhân đó phải được Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận trước bằng văn bản (*tuy nhiên*, Tổ Chức Phát Hành không được từ chối đưa ra chấp thuận đó một cách bất hợp lý).

7. LÃI TRÁI PHIẾU

7.1. Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi với lãi suất (“**Lãi Suất**”) như sau:

(ix)

- (i) đối với 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, Lãi Suất bằng 9%/năm (chín phần trăm một năm); và
- (ii) đối với mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo, Lãi Suất bằng Lãi Suất Tham Chiếu của Kỳ Tính Lãi đó cộng với 4,1%/năm (bốn phẩy một phần trăm một năm).

Trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này,

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài 6 (sáu) tháng liên tục từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn (hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn dù là tự nguyện hay bắt buộc). Để tránh nhầm lẫn, Kỳ Tính Lãi đầu tiên sẽ bắt đầu vào Ngày Phát Hành và mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo sẽ bắt đầu vào ngày liền sau ngày kết thúc Kỳ Tính Lãi liền trước đó. Trong trường hợp Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu thì Kỳ Tính Lãi cuối cùng sẽ được tính từ (và bao gồm cả) ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi gần nhất cho đến (nhưng không bao gồm) Ngày Mua Lại Trước Hạn có liên quan.

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” có nghĩa, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam công bố vào hoặc vào khoảng 11:00 giờ sáng (giờ Việt Nam) của Ngày Xác Định Lãi Suất (như được định nghĩa dưới đây) của Kỳ Tính Lãi đó. Để làm rõ trong trường hợp Tổ Chức Lưu Ký không xác định được hay không có cơ sở để xác định một hay nhiều mức lãi suất tiền gửi nêu trên, Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được xác định theo các quy định liên quan tại Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký; và

“**Ngày Xác Định Lãi Suất**” có nghĩa là đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là Ngày Làm Việc thứ 11 (mười một) trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó.

Nếu Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật áp dụng đối với loại chứng khoán tương tự Trái Phiếu có quy định mức tối đa đối với lãi suất mà mức tối đa đó thấp hơn Lãi Suất quy định tại Điều Khoản 7.1 trên đây thì mức lãi suất tối đa đó sẽ được áp dụng.

- 7.2. Trái Phiếu sẽ hưởng lãi cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành đến (nhưng không bao gồm) Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này. Lãi phát sinh trên gốc Trái Phiếu được tính cho số ngày thực tế đã trôi qua trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.
- 7.3. Lãi trên khoản tiền gốc Trái Phiếu sẽ đến hạn và được thanh toán sau, định kỳ vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Lãi phải thanh toán vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi sẽ là:
 - (i) đối với Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên; và
 - (ii) đối với bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào sau Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Thanh Toán Lãi liền trước đến

(nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đó.

Trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này, “**Ngày Thanh Toán Lãi**” có nghĩa là (a) ngày cuối cùng của mỗi Kỳ Tính Lãi, và/hoặc (b) Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn.

- 7.4. Trong trường hợp tiền lãi phát sinh trên mỗi Trái Phiếu không phải là một số nguyên thì tiền lãi trên mỗi Trái Phiếu đó sẽ được làm tròn đến hàng chữ số thứ 3 (ba) ở phần thập phân và tổng số tiền lãi phát sinh trên các Trái Phiếu mà mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị.

8. THANH TOÁN

8.1. Thanh Toán Gốc, Lãi Và Các Khoản Tiền Khác Theo Trái Phiếu

- (a) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định dưới đây. Từ khi Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSD, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và quy chế có liên quan của VSD và các quy định dưới đây (trong phạm vi các quy định dưới đây không trái hoặc xung đột với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của VSD).
- (b) Gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thanh toán (thông qua Tổ Chức Lưu Ký) vào ngày đến hạn có liên quan (trừ trường hợp quy định tại Điều Khoản 8.3) bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký (tài khoản này được quy định cụ thể hơn tại Điều Khoản 8.2).
- (c) Thông qua Tổ Chức Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán gốc Trái Phiếu (cùng với lãi đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán) trong các trường hợp mua lại vào Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này, dù là tự nguyện hay bắt buộc (tùy trường hợp áp dụng). Để tránh nhầm lẫn, gốc của mỗi Trái Phiếu chính là mệnh giá của Trái Phiếu đó, và lãi (bao gồm cả lãi trên gốc Trái Phiếu và lãi quá hạn, nếu có) sẽ được tính theo Điều Khoản 7, Điều Khoản 8.3(b) và/hoặc Điều Khoản 8.4(b) (tùy trường hợp áp dụng). Khi thanh toán lãi trên gốc Trái Phiếu cùng với thanh toán gốc theo Điều Khoản 8.1(c) này, Tổ Chức Phát Hành được xem là đã hoàn thành việc thanh toán lãi quy định tại Điều Khoản 8.1(d).
- (d) Thông qua Tổ Chức Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán lãi trên gốc Trái Phiếu vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Lãi phải thanh toán trên Trái Phiếu là lãi được xác định theo quy định tương ứng tại Điều Khoản 7 cho Ngày Thanh Toán Lãi tương ứng.

Tổ Chức Phát Hành được xem là hoàn thành việc thanh toán bất kỳ khoản tiền nào theo Trái Phiếu khi Tổ Chức Lưu Ký đã nhận được toàn bộ khoản tiền đó phù hợp với quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký.

- (e) Các khoản thanh toán đối với Trái Phiếu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được phân bổ cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trên cơ sở tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu tương ứng của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó và theo thứ tự sau (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác):

- (i) thứ nhất, thanh toán tiền lãi phát sinh trên lãi Trái Phiếu bị quá hạn;
- (ii) thứ hai, thanh toán tiền lãi phát sinh trên gốc Trái Phiếu bị quá hạn;
- (iii) thứ ba, thanh toán tiền lãi Trái Phiếu; và
- (iv) thứ tư, thanh toán tiền gốc Trái Phiếu.

8.2. Tài Khoản Đăng Ký

Tài khoản đăng ký của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa là tài khoản ngân hàng bằng tiền Đồng được duy trì bởi hoặc nhân danh Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký cùng với tài khoản chứng khoán của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mở tại Tổ Chức Lưu Ký hoặc tài khoản khác (theo thông báo của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) để nhận các khoản tiền thanh toán liên quan đến Trái Phiếu với thông tin chi tiết được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng.

8.3. Thanh Toán Vào Ngày Làm Việc

- (a) Nếu ngày đến hạn của một khoản thanh toán theo Trái Phiếu không phải là Ngày Làm Việc thì Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán khoản tiền đó vào Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó (và không bị coi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán). Trừ trường hợp quy định tại Điều Khoản 8.3(b), Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền bị chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là Ngày Làm Việc.
- (b) Nếu Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này, dù là tự nguyện hay bắt buộc (tùy trường hợp áp dụng) không phải là Ngày Làm Việc thì đối với mỗi Trái Phiếu đang lưu hành vào ngày đó, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán lãi trên khoản gốc Trái Phiếu theo Lãi Suất đang áp dụng vào ngày đó cho giai đoạn tính từ (và bao gồm cả) ngày đó đến (nhưng không bao gồm) Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

8.4. Các Quy Định Khác

- (a) Trái Phiếu sẽ ngừng hưởng lãi từ Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này (tùy trường hợp áp dụng), trừ khi vào ngày đó, khoản gốc Trái Phiếu không được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán không phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này. Trong trường hợp đó, khoản gốc Trái Phiếu bị chậm thanh toán sẽ tiếp tục được hưởng lãi với lãi suất được quy định tại Điều Khoản 8.4(b).
- (b) Trừ khi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có chấp thuận khác, Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán lãi trên bất kỳ khoản tiền nào bị chậm thanh toán (dù là gốc, lãi hay bất kỳ khoản thanh toán nào khác theo Trái Phiếu) phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này với lãi suất quá hạn bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi liên quan được quy định tại Điều Khoản 7.1. Trong trường hợp các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật áp dụng đối với loại chứng khoán tương tự Trái Phiếu có quy định mức lãi suất quá hạn tối đa đối với bất kỳ khoản tiền chậm thanh toán nào nêu trên mà mức lãi suất

quá hạn tối đa đó thấp hơn 150% (một trăm năm mươi phần trăm) Lãi Suất quy định tại Điều Khoản 7.1 thì mức lãi suất quá hạn tối đa đó sẽ được áp dụng. Lãi quá hạn sẽ được tính cho số ngày thực tế trôi qua trong giai đoạn từ (và bao gồm cả) ngày đến hạn thanh toán đến (nhưng không bao gồm) ngày khoản tiền chậm thanh toán được Tổ Chức Phát Hành thanh toán trên thực tế trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày. Để tránh nhầm lẫn, (i) phụ thuộc vào quy định tại Điều Khoản 12.2, nếu phát sinh việc chậm thanh toán, Tổ Chức Phát Hành có thể thanh toán khoản tiền chậm thanh toán cùng với lãi quá hạn vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày đến hạn thanh toán có liên quan, và (ii) sẽ không có khoản lãi nào phát sinh trên lãi quá hạn trong bất kỳ trường hợp nào.

- (c) Thuế áp dụng đối với bất kỳ khoản thanh toán nào mà Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được liên quan đến Trái Phiếu sẽ do Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gánh chịu. Việc nộp thuế sẽ theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.
- (d) Chỉ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ để thực hiện một đợt thanh toán mới được nhận khoản tiền thanh toán tương ứng trong đợt thanh toán đó. Để làm rõ, đối với các giao dịch chuyển nhượng Trái Phiếu diễn ra sau Thời Điểm Khóa Sổ thì bên nhận chuyển nhượng sẽ không được nhận các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu cho lần thanh toán có liên quan đó.

9. MUA LẠI, MUA VÀ HỦY BỎ

9.1. Mua Lại Vào Ngày Đáo Hạn

Vào Ngày Đáo Hạn, Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó với mức giá mua lại mỗi Trái Phiếu bằng tổng của mệnh giá Trái Phiếu, lãi và tất cả các khoản tiền khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán trên toàn bộ Trái Phiếu tính đến Ngày Đáo Hạn.

9.2. Mua Lại Khi Có Sự Kiện Vi Phạm

Tổ Chức Phát Hành phải mua lại Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 12.2 khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm theo quy định tại Điều Khoản 12.1.

9.3. Mua Lại Theo Quyền Chọn Của Tổ Chức Phát Hành

- (a) Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác và khi Trái Phiếu đang được đăng ký và lưu ký tại Đại Lý Đăng Ký và Tổ Chức Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành được thực hiện quyền chào mua, trong một hoặc nhiều lần, đối với một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu đang lưu hành theo các điều khoản và điều kiện sau:
 - (i) Tổ Chức Phát Hành công bố, công khai cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu kế hoạch mua lại Trái Phiếu trước hạn và gửi một thông báo chào mua Trái Phiếu (“**Thông Báo Chào Mua**”) đến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu), Tổ Chức Lưu Ký và Đại Lý Đăng Ký chậm nhất 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc trước Ngày Mua Lại Trước Hạn dự kiến hoặc một thời hạn khác dài hơn được quy định tại Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan. Thông Báo Chào Mua phải nêu rõ số lượng Trái Phiếu được chào mua, phương thức chào mua, giá chào mua, thời hạn để Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại Trái Phiếu (“**Thời Hạn Đăng Ký Bán**”), Ngày Mua Lại Trước Hạn

dự kiến và Ngày Đăng Ký Cuối Cùng tương ứng. Trong đó, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng là Ngày Làm Việc sau ngày của Thông Báo Chào Mua và không muộn hơn Ngày Làm Việc thứ 11 (mười một) trước Ngày Mua Lại Trước Hạn;

- (ii) Sau khi nhận được Thông Báo Chào Mua của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Lưu Ký sẽ thực hiện các thủ tục chào mua phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan (bao gồm việc gửi Thông Báo Chào Mua cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu);
 - (iii) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền chấp nhận hoặc từ chối bán lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu được chào mua cho Tổ Chức Phát Hành. Trường hợp chấp nhận bán lại Trái Phiếu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi thông báo xác nhận bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác do Tổ Chức Lưu Ký quy định, trong đó nêu rõ số lượng Trái Phiếu mà Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại ("**Trái Phiếu Đăng Ký Bán**") đến Tổ Chức Lưu Ký trước khi kết thúc Thời Hạn Đăng Ký Bán. Kể từ thời điểm Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gửi thông báo đăng ký bán lại Trái Phiếu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý không hủy ngang sẽ chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán cho Tổ Chức Phát Hành theo các điều kiện được quy định trong Thông Báo Chào Mua, và Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không có quyền chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán đó cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác ngoài Tổ Chức Phát Hành hoặc sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào; và
 - (iv) Sau khi thực hiện chào mua Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 9.3 này, nếu Tổ Chức Phát Hành chỉ mua lại một phần các Trái Phiếu đang lưu hành và muốn rút bớt một phần Tài Sản Bảo Đảm, với điều kiện là Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì sau khi rút bớt một phần Tài Sản Bảo Đảm không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm đó, thì Tổ Chức Phát Hành được quyền yêu cầu định giá lại Tài Sản Bảo Đảm (trong trường hợp cần thiết) và rút bớt một phần Tài Sản Bảo Đảm tương ứng theo quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan.
- (b) Nếu Trái Phiếu đã được đăng ký, lưu ký tại VSD và niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, việc mua lại Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định tại đoạn (a) nêu trên (trong phạm vi quy định tại đoạn (a) không trái với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán), và các quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có hiệu lực tại thời điểm đó.

9.4. Mua Trái Phiếu Sau Khi Niêm Yết

Khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD và/hoặc niêm yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, bên cạnh việc mua lại trước hạn Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 9.3 và các hình thức mua lại trước hạn khác phù hợp với các quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và các quy chế có liên quan của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổ Chức Phát Hành có thể mua Trái Phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại bất kỳ thời điểm nào từ sau khi Trái Phiếu được niêm yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán theo phương thức phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, các quy chế và hướng dẫn có liên quan của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

9.5. Mua Lại Khi Không Bổ Sung Tài Sản Bảo Đảm

- (a) Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không tự mình hoặc yêu cầu một hoặc một số Tổ Chức/Cá Nhân khác bổ sung Tài Sản Bảo Đảm hoặc tạo lập Các Biện Pháp Bảo Đảm bổ sung hoặc thực hiện các biện pháp khắc phục khác có liên quan theo quy định tại Điều Khoản 11(j) và Các Hợp Đồng Bảo Đảm để đảm bảo Tổng Giá Trị Bảo Đảm không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu, Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại từ tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và khi đó tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại cho Tổ Chức Phát Hành, một số Trái Phiếu nhất định theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu các Trái Phiếu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan sao cho Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì được xác định theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm ngay sau khi mua lại số lượng Trái Phiếu đó không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm đó.
- (b) Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ công bố, công khai thông tin về việc mua lại Trái Phiếu và gửi thông báo mua lại Trái Phiếu (nêu rõ số lượng Trái Phiếu mua lại, giá mua lại và Ngày Mua Lại Trước Hạn) cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) và Tổ Chức Lưu Ký (nếu áp dụng) chậm nhất 10 (mười) Ngày Làm Việc trước Ngày Mua Lại Trước Hạn có liên quan.
- (c) Trừ trường hợp việc thanh toán giá mua lại Trái Phiếu sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD và/hoặc niêm yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán được quy định tại Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán, trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc thời hạn bổ sung Tài Sản Bảo Đảm (để làm rõ, thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc này là thời hạn khắc phục vi phạm cam kết quy định tại Điều Khoản 12.1(d)), Tổ Chức Phát Hành sẽ, thông qua Tổ Chức Lưu Ký, thanh toán cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mức giá mua lại bằng tổng của (i) khoản gốc của các Trái Phiếu được mua lại, (ii) bất kỳ khoản lãi nào đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán tính trên khoản gốc của các Trái Phiếu được mua lại kể từ (và bao gồm cả) Ngày Thanh Toán Lãi gần nhất cho đến (nhưng không bao gồm) ngày thực hiện thanh toán giá mua lại tương ứng, và (iii) tất cả các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu được mua lại mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm đó theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này (nếu có). Ngoại trừ khoản thanh toán giá mua lại các Trái Phiếu theo quy định tại câu liền trước, Tổ Chức Phát Hành không có nghĩa vụ phải thanh toán bất kỳ khoản tiền nào khác liên quan đến các Trái Phiếu được mua lại nêu trên vào hoặc sau Ngày Mua Lại Trước Hạn đó.

9.6. Hủy Bỏ

Trái Phiếu sau khi được Tổ Chức Phát Hành hoàn tất việc mua lại sẽ bị hủy bỏ ngay lập tức và không được phát hành lại hoặc bán lại. Khi Trái Phiếu bị hủy bỏ phù hợp với quy định tại câu liền trước, mọi nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu đó sẽ chấm dứt.

9.7. Xử Lý Phần Lẻ Trái Phiếu

Trong mọi trường hợp mua lại Trái Phiếu, số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành có quyền hoặc phải mua lại từ một Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được làm tròn xuống số

nguyên gần nhất (nếu không phải là số nguyên). Đối với số lượng Trái Phiếu còn lại (được hình thành từ phần lẻ Trái Phiếu do số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành mua từ một Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trên cơ sở tỷ lệ không phải là một số nguyên), Tổ Chức Phát Hành có toàn quyền chỉ định một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhất định để mua lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu còn lại đó.

10. HỘI NGHỊ CÁC CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

- (a) (i) Tổ Chức Lưu Ký (khi Tổ Chức Lưu Ký và Tổ Chức Phát Hành có yêu cầu sửa đổi nội dung của Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký mà việc sửa đổi đó gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền, lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu dưới bất kỳ hình thức nào), (ii) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (khi có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến Trái Phiếu đòi hỏi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải đưa ra quyết định, chỉ thị theo các Văn Kiện Trái Phiếu có liên quan), (iii) Tổ Chức Phát Hành hoặc (iv) một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành có quyền yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập (A) hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ("**Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**") hoặc (B) tổ chức lấy ý kiến của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản thông qua các hình thức phù hợp (bao gồm nhưng không giới hạn việc sử dụng một hoặc kết hợp các hình thức lấy ý kiến bằng văn bản giấy, hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác) (gọi chung là "**Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**") phù hợp với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (b) Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức dưới các hình thức phù hợp như hội nghị qua điện thoại (teleconference), hội nghị trực tuyến (video conference) hoặc các hình thức khác được Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thỏa thuận bằng văn bản. Việc triệu tập và tiến hành Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện theo trình tự và thủ tục quy định trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (c) Sau khi nhận được yêu cầu triệu tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc yêu cầu tổ chức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hợp lệ theo quy định tại Điều Khoản 10(a) nêu trên, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thực hiện các công việc cần thiết để triệu tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo trình tự và thủ tục được quy định tại Phụ Lục II của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các quy định của Điều Khoản 10 này.
- (d) Phụ thuộc vào quy định tại Điều Khoản 10(a) nêu trên, Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được xem là được triệu tập hợp lệ nếu có sự tham dự của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu Trái Phiếu với tỷ lệ tương ứng như sau:
- (i) Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập liên quan đến hoặc để thông qua (các) Vấn Đề Loại Trừ là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị;
- (ii) Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập liên quan đến hoặc để thông qua (các) vấn đề không phải là Vấn Đề Loại Trừ, (A) lần thứ nhất, là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị, (B)

lần thứ hai (do lần triệu tập thứ nhất không đủ điều kiện số người tham dự cần thiết), trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu lần thứ nhất, là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng mệnh Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị, và (C) lần thứ ba (do lần triệu tập thứ hai không đủ điều kiện số người tham dự cần thiết), trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu lần thứ hai, là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu bất kỳ số lượng Trái Phiếu nào.

- (e) Ngoại trừ các vấn đề yêu cầu phải được quyết định bởi Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối, nghị quyết hoặc quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được coi là thông qua hợp lệ nếu được chấp thuận bởi hoặc nhân danh một hoặc nhiều Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) của (i) tổng mệnh giá các Trái Phiếu được nắm giữ bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự hội nghị nếu được biểu quyết tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc (ii) tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm thông qua nghị quyết hoặc quyết định đó nếu được biểu quyết dưới hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

Mọi Vấn Đề Loại Trừ phải được quyết định bởi một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối (dù tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hay bằng cách Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu). Tỷ lệ cần thiết để thông qua Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối được xác định trong định nghĩa “Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối” tại Điều Khoản 17.1.

Nghị quyết được thông qua bằng hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được tiến hành phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có giá trị như nghị quyết được thông qua tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Thủ tục Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

- (f) Nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (kể cả Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối) được thông qua hợp lệ sẽ có giá trị ràng buộc tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (cho dù Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có tham dự Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan hay đưa ra ý kiến theo hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu). Bất kỳ nghị quyết nào của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua hợp lệ theo quy định tại Điều Khoản 10 này mà:
- (i) có quyết định mâu thuẫn hoặc không nhất quán với bất kỳ quy định nào trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này hay bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác;
 - (ii) đòi hỏi hoặc dẫn đến việc sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt bất kỳ quy định nào của Các Điều Khoản Trái Phiếu này hay bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào; hoặc
 - (iii) làm phát sinh thêm hoặc làm tăng thêm nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào so với trước khi thông qua nghị quyết đó,

sẽ chỉ có giá trị ràng buộc Tổ Chức Phát Hành nếu được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận bằng văn bản.

Để tránh nhầm lẫn, Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua hợp lệ nhằm xác định Sự Kiện Vi Phạm hoặc yêu cầu Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu do xảy ra Sự Kiện Vi Phạm theo quy định tại Điều Khoản 12 sẽ có giá trị ràng buộc Tổ Chức Phát Hành theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà không cần chấp thuận bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành.

- (g) Chỉ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ cho một lần triệu tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mới được tham dự và biểu quyết tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó hoặc đưa ra ý kiến trong lần Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó.
- (h) Bất kể có quy định nào khác đi trong Các Văn Kiện Trái Phiếu, nghị quyết được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu 100% (một trăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó chấp thuận (dù tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hay bằng cách Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không đáp ứng quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành, có thể triệu tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo trình tự và thủ tục được quy định tại Phụ Lục II của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các quy định của Điều Khoản 10 này đối với các vấn đề đã được đưa ra thảo luận tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lần Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trước đó nhưng chưa có nghị quyết nào được thông qua liên quan đến vấn đề đó theo quy định tại Điều Khoản 10 này.

11. CAM KẾT

Tổ Chức Phát Hành cam kết sẽ tuân thủ các nghĩa vụ dưới đây tại mọi thời điểm từ Ngày Phát Hành đến khi không còn bất kỳ Trái Phiếu đang lưu hành nào:

(a) Tư Cách Pháp Lý

Tổ Chức Phát Hành sẽ duy trì tư cách pháp lý của Tổ Chức Phát Hành và bảo đảm mỗi Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành sẽ duy trì tư cách pháp lý là một công ty hoạt động theo quy định của Luật Doanh Nghiệp hoặc theo quy định của pháp luật nơi Công Ty Con Chính đó được thành lập (tùy trường hợp áp dụng), trừ các trường hợp được phép theo quy định tại các Điều Khoản 11(g) và 11(h).

(b) Tuân Thủ Luật

Tổ Chức Phát Hành sẽ tuân thủ và sẽ nỗ lực tối đa, bao gồm việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, để đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành tuân thủ bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan nào trên tất cả các khía cạnh quan trọng.

(c) Sửa Đổi Điều Lê

Tổ Chức Phát Hành đảm bảo rằng, trừ khi được yêu cầu khác đi bởi các quy định bất

buộc của bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng nào hoặc trừ khi được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động theo một nghị quyết thông thường của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) chấp thuận bằng văn bản, không có sửa đổi nào đối với điều lệ của Tổ Chức Phát Hành tại bất kỳ thời điểm nào sẽ được thông qua dưới bất kỳ hình thức nào theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng mà sẽ gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến các quyền của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu.

(d) Quản Lý Tài Chính Và Kế Toán

Tổ Chức Phát Hành sẽ ngay lập tức thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và kiểm soát, hệ thống quản lý thông tin, và sổ sách kế toán và các chứng từ khác, mà cùng với nhau đủ để thể hiện một cách khách quan, chính xác và đúng đắn điều kiện tài chính và kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành phù hợp với CMKTVN (nếu áp dụng) và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan trên tất cả các khía cạnh quan trọng.

(e) Bảo Hiểm

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và sẽ nỗ lực tối đa, bao gồm việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, để đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, nếu có thể mua được tại Việt Nam, mua bảo hiểm và duy trì bảo hiểm tại các công ty bảo hiểm có uy tín và lành mạnh về tài chính, đối với tất cả các tài sản và công việc kinh doanh quan trọng của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành khỏi các tổn thất lớn.

(f) Thuế

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và sẽ nỗ lực tối đa, bao gồm việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, để đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, thanh toán và hoàn thành hợp lệ và đúng hạn mọi khoản thuế ấn định cho Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con có liên quan đó hoặc ấn định lên tài sản của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng liên quan đến thuế.

(g) Không Giải Thể

Tổ Chức Phát Hành phải bảo đảm rằng sẽ không có bất kỳ quyết định giải thể nào (được quy định tại Khoản 1 Điều 208 của Luật Doanh Nghiệp) được thông qua đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con Chính nào của Tổ Chức Phát Hành trừ khi việc giải thể là vì mục đích, hoặc là kết quả, của việc tổ chức lại doanh nghiệp được phép theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng, Các Điều Kiện Trái Phiếu này hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

(h) Tổ Chức Lại Doanh Nghiệp Và Chuyên Nhượng Tài Sản

Tổ Chức Phát Hành không được:

- (i) cam kết hoặc cho phép bất kỳ giao dịch sáp nhập, chia, tách, hợp nhất hay tổ chức lại doanh nghiệp theo hình thức khác của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ

Công Ty Con Chính nào của Tổ Chức Phát Hành;

- (ii) chuyển nhượng tài sản của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành với tổng giá trị chuyển nhượng trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Tổ Chức Phát Hành (tính trên cơ sở hợp nhất) hoặc Công Ty Con Chính đó (tính trên cơ sở hợp nhất) theo Báo Cáo Tài Chính gần nhất của Tổ Chức Phát Hành/Công Ty Con Chính cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào; hoặc
- (iii) giảm tỷ lệ sở hữu (trực tiếp và gián tiếp) hoặc tỷ lệ biểu quyết xuống dưới (x) 65% (sáu mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của Công Ty Con Chính mà Tổ Chức Phát Hành nắm giữ từ 65% vốn điều lệ trở lên và (y) 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ tại Công Ty Con Chính khác tại bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn của Trái Phiếu;

trừ trường hợp các hành động nêu trên thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- (A) dẫn đến hoặc không dẫn đến việc Tổ Chức Phát Hành bị chấm dứt tồn tại và (các) doanh nghiệp hình thành hoặc tồn tại sau giao dịch có liên quan kế thừa hoặc liên đới chịu trách nhiệm phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật tại thời điểm đó đối với nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu;
- (B) dẫn đến hoặc không dẫn đến việc Công Ty Con Chính đó bị chấm dứt tồn tại với điều kiện là (xx) (các) doanh nghiệp hình thành hoặc tồn tại sau giao dịch có liên quan kế thừa hoặc liên đới chịu trách nhiệm phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật tại thời điểm đó đối với nghĩa vụ có liên quan của Công Ty Con Chính đó, và (yy) (I) Công Ty Con Chính đó hoặc (các) doanh nghiệp hình thành hoặc tồn tại sau giao dịch có liên quan đồng ý bảo lãnh, hoặc tạo lập các biện pháp bảo đảm khác, để bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu, hoặc (II) được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận;
- (C) không gây ra một Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể cho Tổ Chức Phát Hành;
- (D) nhằm tái cơ cấu hoạt động nội bộ của Tổ Chức Phát Hành hoặc các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành;
- (E) khoản tiền nhận được từ việc chuyển nhượng tài sản được dùng để (xx) nhận chuyển nhượng hoặc mua các tài sản sẽ được sử dụng trong hoạt động kinh doanh thông thường của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con Chính hoặc tăng quy mô vốn hoạt động hoặc thực hiện các chương trình dự án đầu tư của Tổ Chức Phát hành hay Công Ty Con Chính, hoặc (yy) thanh toán bất kỳ khoản nợ nào mà có thứ tự ưu tiên thanh toán không thấp hơn nghĩa vụ thanh toán Trái Phiếu, trong thời hạn 364 (ba trăm sáu mươi tư) ngày kể từ ngày chuyển nhượng;
- (F) được chấp thuận bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; hoặc

(G) được chấp thuận bởi một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau khi cơ quan có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành thông qua các chấp thuận nội bộ về việc thực hiện bất kỳ hành động nào được quy định tại các đoạn (i), (ii), và (iii) và thuộc bất kỳ trường hợp nào được quy định tại các đoạn (A) đến (F) nêu trên kèm theo thời gian dự kiến thực hiện và các tài liệu hoặc thông tin thể hiện các giao dịch đó được phép thực hiện theo các quy định nêu trên.

(i) Biện Pháp Bảo Đảm

Tổ Chức Phát Hành sẽ không tạo lập hoặc cho phép tồn tại bất kỳ biện pháp bảo đảm nào đối với các Tài Sản Bảo Đảm ngoại trừ (i) Các Biện Pháp Bảo Đảm được tạo lập theo Điều Khoản 6.1 và Các Hợp Đồng Bảo Đảm, và (iii) các trường hợp khác được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động theo một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) chấp thuận bằng văn bản.

(j) Định Giá Lại Tài Sản Bảo Đảm Và Thay Đổi Đối Với Tài Sản Bảo Đảm

Các Tài Sản Bảo Đảm tương ứng sẽ được định giá lại trong các trường hợp được quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này, mỗi Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan và trong trường hợp có yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành khi bất kỳ Trái Phiếu nào được Tổ Chức Phát Hành mua lại trước Ngày Đáo Hạn theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này, và nếu cần thiết, sẽ được bổ sung, thay thế hoặc rút bớt theo quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đảm. Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Các Bên Bảo Đảm cam kết sẽ hỗ trợ tối đa cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc các tổ chức định giá độc lập có liên quan nhằm đảm bảo thời hạn định giá lại Tài Sản Bảo Đảm và thanh toán mọi chi phí hợp lý phát sinh liên quan đến việc định giá lại Tài Sản Bảo Đảm nêu trên.

(k) Các Chấp Thuần

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, xin được, duy trì hiệu lực (kể cả gia hạn hoặc xin cấp mới) và tuân thủ các Chấp Thuần cần thiết và quan trọng cho (i) hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, và (ii) việc tuân thủ tất cả các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu (để tránh nhầm lẫn, nếu xảy ra bất kỳ sự kiện không tuân thủ nào đối với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật trong phạm vi liên quan đến Chấp Thuần thì sẽ áp dụng quy định tại Điều Khoản 11(k) này mà không phải quy định tại Điều Khoản 11(b) để xử lý).

(l) Thông Báo Sự Kiện Vi Phạm Tiềm Tàng

Nếu một sự kiện xảy ra mà dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến một Sự Kiện Vi Phạm, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi thông báo cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi Tổ Chức Phát Hành biết được sự tồn tại của sự kiện đó trong đó nêu các chi tiết hợp lý của sự kiện đó.

(m) Vi Trí Ngang Bằng

Các Trái Phiếu sẽ tạo thành các nghĩa vụ chung, trực tiếp, không mang tính thứ cấp và được bảo đảm kể từ Ngày Phát Hành và, tại mọi thời điểm, được xếp *ít nhất là ngang bằng* với tất cả các nghĩa vụ chung, trực tiếp và không được bảo đảm của của Tổ Chức Phát Hành trong hiện tại cũng như trong tương lai.

(n) Giao Dịch Với Người Có Liên Quan

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và sẽ nỗ lực tối đa để đảm bảo rằng các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, ký kết các Giao Dịch Với Người Có Liên Quan theo các điều kiện thương mại thông thường, chỉ trên cơ sở bình đẳng và phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

(o) Công Bố Thông Tin

Tổ Chức Phát Hành cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định về công bố tất cả các thông tin mà Tổ Chức Phát Hành được yêu cầu phải công bố theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và sẽ cung cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) hoặc công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Tổ Chức Phát Hành tất cả các thông tin mà Tổ Chức Phát Hành được yêu cầu phải cung cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu/thông tin sau đây:

- (i) Báo Cáo Tài Chính năm của Tổ Chức Phát Hành ngay khi có Báo Cáo Tài Chính đó nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Năm Tài Chính có liên quan (trừ khi các báo cáo này đã được công bố công khai);
- (ii) Báo Cáo Tài Chính bán niên của Tổ Chức Phát Hành ngay khi có nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo có liên quan (trừ khi các báo cáo này đã được công bố công khai);
- (iii) Thông tin về bất kỳ thay đổi nào về (A) tỷ lệ sở hữu của bất kỳ cổ đông nào sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành, (B) tổng giám đốc của Tổ Chức Phát Hành, và (C) người đại diện theo pháp luật của Tổ Chức Phát Hành trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày diễn ra thay đổi đó; và
- (iv) Danh sách Công Ty Con Chính được cập nhật định kỳ hàng năm vào mỗi thời điểm cung cấp Báo Cáo Tài Chính năm có liên quan tại đoạn (i) bên trên. Vào ngày ký Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, danh sách Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ % EBITDA hợp nhất của Công Ty Con Chính/EBITDA hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành (năm 2022)	Tỷ lệ sở hữu bởi Tổ Chức Phát Hành (trực tiếp hoặc gián tiếp) tại ngày 31/12/2022 (%)

		(≥20%)	
1	Công ty TNHH Vonfram Masan	31,8%	99,999%

(p) Sử Dụng Số Tiền Thu Được

Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ sử dụng số tiền thu được từ Trái Phiếu cho mục đích quy định tại Điều Khoản 3. Vì mục đích của quy định này, Tổ Chức Phát Hành sẽ bảo đảm rằng:

- (i) cho đến khi Tổ Chức Phát Hành đã sử dụng hết số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ, trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tròn mỗi giai đoạn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành, cung cấp cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Tổ Chức Lưu Ký hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) một bản báo cáo về việc sử dụng số tiền thu được từ các Trái Phiếu bởi Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn 6 (sáu) tháng đó kèm với các chứng từ hợp lý để chứng minh việc sử dụng đó là đúng mục đích được quy định tại Điều Khoản 3 của Các Điều Khoản Trái Phiếu này; và
- (ii) Tổ Chức Phát Hành sẽ, trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành sử dụng hết số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu, cung cấp cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Tổ Chức Lưu Ký hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) một bản báo cáo về việc sử dụng số tiền thu được từ các Trái Phiếu bởi Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn kể từ ngày gần nhất Tổ Chức Phát Hành cung cấp báo cáo theo quy định tại đoạn (i) nêu trên cho đến ngày sử dụng hết số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu kèm với các chứng từ hợp lý để chứng minh việc sử dụng đó là đúng mục đích được quy định tại Điều Khoản 3 của Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

(q) Cam Kết Khác

Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không có đủ nguồn tiền để thanh toán bất kỳ khoản gốc và lãi Trái Phiếu nào khi đến hạn, Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng quyền biểu quyết của Tổ Chức Phát Hành với tư cách là cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong một hoặc một số Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành để chấp thuận việc phân chia lợi nhuận của các Công Ty Con đó (trong phạm vi được các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng cho phép) để Tổ Chức Phát Hành sử dụng cho việc thanh toán khoản gốc và lãi Trái Phiếu đã đến hạn.

(r) Đáp Ứng Điều Khoản Chào Bán Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành bảo đảm rằng, tại Ngày Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành đã đáp ứng các điều kiện để chào bán trái phiếu của doanh nghiệp theo hình thức chào bán ra công chúng tại thị trường Việt Nam theo các quy định có liên quan của Luật Chứng Khoán, Nghị Định 155 và Thông Tư 118, bao gồm, nhưng không giới hạn, việc Tổ Chức Phát Hành không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 1 (một) năm.

12. SỰ KIẾN VI PHẠM

12.1. Sự Kiến Vi Phạm

Nếu (i) có bất kỳ sự kiện nào dưới đây đã xảy ra và đang tiếp diễn và (ii) đã có một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối được thông qua hợp lệ xác định sự kiện đó đã xảy ra và cấu thành một vi phạm theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và do đó Trái Phiếu cần bị tuyên bố đến hạn để Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn (điều kiện nêu tại mục (ii) này không áp dụng đối với bất kỳ sự kiện nào quy định tại đoạn (a) đến đoạn (c) dưới đây) thì sự kiện đó được xem là một sự kiện vi phạm ("**Sự Kiện Vi Phạm**"):

(a) Không Thanh Toán

Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ gốc hoặc lãi Trái Phiếu vào ngày đến hạn thanh toán có liên quan và việc không thanh toán đó không được Tổ Chức Phát Hành khắc phục trong thời hạn 7 (bảy) Ngày Làm Việc liên tục từ ngày đến hạn thanh toán có liên quan.

(b) Vi Phạm Pháp Luật Và/Hoặc Phương Án Phát Hành Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành vi phạm nghiêm trọng bất kỳ quy định có liên quan nào của pháp luật Việt Nam về chào bán trái phiếu ra công chúng (trong phạm vi liên quan đến Trái Phiếu) hoặc Phương Án Phát Hành Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành không chấm dứt và/hoặc không khắc phục vi phạm đó trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được thông báo của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về sự kiện có liên quan.

(c) Không Xác Lập Biện Pháp Bảo Đảm

Tổ Chức Phát Hành không xác lập và hoàn thiện Biện Pháp Bảo Đảm trong thời gian theo quy định tại Điều Khoản 6.1(a)(ii).

(d) Vi Phạm Cam Kết

Tổ Chức Phát Hành không tuân thủ bất kỳ cam kết nào được quy định tại Điều Khoản 11 sau khi Trái Phiếu đã được phát hành và việc không tuân thủ đó không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về sự kiện có liên quan, *tuy nhiên với điều kiện là* việc không tuân thủ các cam kết quy định tại các điều kiện sau:

- (i) Điều Khoản 11(b) (*Tuân Thủ Luật*);
- (ii) Điều Khoản 11(d) (*Quản Lý Tài Chính Và Kế Toán*);
- (iii) Điều Khoản 11(e) (*Bảo Hiểm*);
- (iv) Điều Khoản 11(f) (*Thuế*);
- (v) Điều Khoản 11(k) (*Các Chấp Thuận*); và
- (vi) Điều Khoản 11(n) (*Giao Dịch Với Người Có Liên Quan*),

sẽ chỉ được xem là Sự Kiện Vi Phạm nếu gây ra, hoặc có thể được dự tính một cách hợp lý và rõ ràng là sẽ gây ra, một Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể cho Tổ Chức Phát Hành. Cho dù có quy định tại câu liền trước, việc Tổ Chức Phát Hành không tuân thủ các cam kết nêu trên là kết quả của hoặc có liên quan đến việc thực hiện các hành động phù hợp với các Điều Khoản 11(g) và 11(h) sẽ không được xem là Sự Kiện Vi Phạm trong bất kỳ trường hợp nào và theo bất kỳ cách thức nào.

(e) Sự Kiện Vi Phạm Tiềm Tàng Theo Các Thỏa Thuận Khác

- (i) Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành không thanh toán bất kỳ Khoản Nợ nào (cho dù là một Khoản Nợ riêng lẻ hay một nhóm các Khoản Nợ có liên quan) khi đến hạn (nhưng chỉ sau khi kết thúc khoảng thời gian ân hạn có liên quan) hoặc có bất kỳ Khoản Nợ nào phải được thanh toán trước ngày đáo hạn của Khoản Nợ đó do vi phạm của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Khoản Nợ đó.

Vì mục đích của quy định này, “**Khoản Nợ**” có nghĩa là bất kỳ khoản nợ nào với tổng số tiền gốc trên 200.000.000.000 VND (hai trăm tỷ Đồng) (hoặc tương đương nếu được ghi nhận bằng loại tiền tệ khác) của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến:

- (A) các khoản tiền vay;
- (B) giấy nhận nợ, trái phiếu, hối phiếu nhận nợ hoặc các chứng khoán nợ tương tự khác;
- (C) thư tín dụng chấp nhận thanh toán (acceptance credit);
- (D) các khoản phải thu đã bán hoặc chiết khấu (trừ trường hợp được bán hoặc chiết khấu trên cơ sở không truy đòi);
- (E) chi phí mua bất kỳ tài sản nào phải thanh toán trước hoặc sau thời điểm người có nghĩa vụ thanh toán mua hoặc sở hữu tài sản đó nếu khoản thanh toán trước hoặc khoản tiền trả chậm chủ yếu được thu xếp như một phương thức huy động vốn hoặc tài trợ tài chính cho việc mua tài sản đó;
- (F) bất kỳ hợp đồng thuê tài sản nào được ký kết chủ yếu như là một phương thức huy động vốn hoặc tài trợ tài chính cho việc mua tài sản đó;
- (G) bất kỳ giao dịch hoán đổi tiền tệ hay hoán đổi lãi suất nào, giao dịch về mức trần hoặc mức sàn hoặc bất kỳ giao dịch phái sinh nào được ký kết nhằm tránh bị ảnh hưởng bởi hoặc nhằm thu lợi từ việc biến động lãi suất hoặc giá (trừ trường hợp đối với một khoản tiền không được thanh toán, khoản tiền đó sẽ được tính bằng cách sử dụng giá trị được điều chỉnh theo giá trị thị trường của bất kỳ giao dịch phái sinh nào);
- (H) bất kỳ khoản tiền nào được huy động theo bất kỳ giao dịch nào khác có giá trị về mặt thương mại như là một khoản vay hoặc hoạt động huy động vốn;

- (I) bất kỳ nghĩa vụ bồi hoàn đối ứng nào đối với bất kỳ bảo lãnh, bồi hoàn, trái phiếu, thư tín dụng hoặc bất kỳ công cụ nào khác do một ngân hàng hoặc một định chế tài chính cấp; hoặc
 - (J) bất kỳ bảo lãnh, bồi hoàn hoặc biện pháp đảm bảo có tính chất tương tự nào cho tổn thất tài chính của một Tổ Chức/Cá Nhân nào liên quan đến bất kỳ mục nào nêu tại các đoạn từ (A) đến (I) trên.
- (ii) Có bất kỳ tài sản nào có giá trị lớn hơn 200.000.000.000 VND (hai trăm tỷ Đồng) (hoặc tương đương nếu được ghi nhận bằng loại tiền tệ khác) của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành bị xử lý theo diện xử lý tài sản bảo đảm.
- (f) Mất Khả Năng Thanh Toán

Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành bị lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán (kể cả do ngừng hoặc đe dọa ngừng toàn bộ hoặc một phần đáng kể hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó) làm phát sinh quyền yêu cầu mở thủ tục tuyên bố phá sản đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó của chủ nợ nói chung (kể cả các chủ nợ đối với các khoản phải thanh toán của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó theo bất kỳ bản án hoặc quyết định nào của tòa án được ban hành và có hiệu lực thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó) theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật về phá sản doanh nghiệp và tình trạng đó không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

(g) Quốc Hữu Hóa

Bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào tịch thu, quốc hữu hóa, tịch biên, sung công hoặc bằng cách khác đoạt quyền chiếm hữu hoặc kiểm soát tất cả hoặc về cơ bản là (i) tất cả các công việc kinh doanh, hoạt động, bất động sản hoặc tài sản khác của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con Chính hoặc Các Bên Bảo Đảm hoặc (ii) vốn điều lệ/phần vốn góp của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con Chính hoặc Các Bên Bảo Đảm và biện pháp hoặc hành động đó không được giải trừ hoặc hủy bỏ trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

(h) Bất Hợp Pháp

Việc Tổ Chức Phát Hành hoặc Các Bên Bảo Đảm thực hiện hoặc tuân thủ các nghĩa vụ quan trọng của mình theo Các Điều Khoản Trái Phiếu là hoặc trở nên bất hợp pháp theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và sự kiện này không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

12.2. **Biện Pháp Khắc Phục Sự Kiện Vi Phạm**

- (a) Nếu bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào xảy ra và đang tiếp diễn, bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có quyền gửi thông báo bằng văn bản cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn.

- (b) Ngay sau khi nhận được thông báo từ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 12.2(a), Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành để tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và phải được Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn (“**Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn**”) và khi đó tất cả tiền gốc, lãi và các khoản thanh toán khác theo Trái Phiếu sẽ lập tức đến hạn và phải được thanh toán trong thời hạn quy định tại Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn. Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải nêu rõ Sự Kiện Vi Phạm dẫn đến việc mua lại trước hạn Trái Phiếu, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng và ngày Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán toàn bộ các khoản tiền liên quan đến việc mua lại trước hạn Trái Phiếu (“**Ngày Thanh Toán Cuối Cùng**”). Để làm rõ:
- (i) nếu Trái Phiếu chưa được lưu ký tại VSD tại thời điểm mua lại trước hạn, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng sẽ là ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn và Ngày Thanh Toán Cuối Cùng sẽ là Ngày Làm Việc thứ 11 (mười một) kể từ ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn; hoặc
 - (ii) nếu Trái Phiếu đã lưu ký tại VSD tại thời điểm mua lại trước hạn, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng sẽ là ngày do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ấn định phù hợp với quy chế thực hiện quyền của VSD. Trong trường hợp này, trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc ngay sau ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn, Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (theo ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành) phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đến VSD để thực hiện việc chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền có liên quan.
- (c) Tổ Chức Phát Hành phải mua lại tất cả Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó với giá mỗi Trái Phiếu bằng tổng mệnh giá, lãi và tất cả các khoản tiền khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán đối với Trái Phiếu đó tính đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Cuối Cùng (trừ trường hợp Trái Phiếu đã niêm yết tại thời điểm mua lại và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại thời điểm đó có quy định khác).
- (d) Nếu đến hết Ngày Thanh Toán Cuối Cùng mà Tổ Chức Phát Hành vẫn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ mua lại Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 12.2(c) trên đây và phụ thuộc vào quy định tại Điều Khoản 12.2(e) dưới đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm có quyền xử lý các Tài Sản Bảo Đảm thay mặt cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu, các điều khoản của Các Hợp Đồng Bảo Đảm tương ứng và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng, *tuy nhiên, với điều kiện là* việc xử lý các Tài Sản Bảo Đảm đó chỉ trong phạm vi các khoản nợ gốc chưa thanh toán của các Trái Phiếu, bất kỳ khoản lãi nào đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán và các khoản thanh toán khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán liên quan đến Trái Phiếu.
- (e) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm không bị buộc phải tiến hành bất kỳ thủ tục tố tụng hoặc hành động nào khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm trừ khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ thị hoặc được yêu cầu thực hiện các thủ tục hoặc hành động khác đó theo một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối, và chỉ khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bồi hoàn và/hoặc đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với toàn bộ trách nhiệm mà Đại Diện Chủ Sở Hữu

Trái Phiếu có thể phải gánh chịu hoặc có thể phải chịu khi thực hiện theo Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối đó.

- (f) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không tự mình mà phải thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc thực hiện các quyền của mình theo Các Điều Khoản Trái Phiếu và/hoặc Các Hợp Đồng Bảo Đảm (kể cả quyền yêu cầu xử lý Tài Sản Bảo Đảm).
- (g) Cho dù đã có các quy định trên đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không có quyền thực hiện bất kỳ hành động hoặc tiến hành bất kỳ thủ tục tố tụng nào đối với Tổ Chức Phát Hành trừ khi trước lúc tiến hành hành động hoặc thủ tục tố tụng đó, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm đã xử lý các Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc thi hành Biện Pháp Bảo Đảm được tạo lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm hoặc đã tiến hành các thủ tục để xử lý các Tài Sản Bảo Đảm được tạo lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm nhưng Các Bên Bảo Đảm hoặc Tổ Chức Phát Hành có hành động gây cản trở việc xử lý các Tài Sản Bảo Đảm đó.

13. THÔNG BÁO VÀ ĐỊA CHỈ ĐĂNG KÝ

13.1. Thông Báo

- (a) Trừ trường hợp có quy định khác tại các Văn Kiện Trái Phiếu, mọi thông báo và thư từ liên lạc gửi cho hoặc gửi từ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (nếu có) sẽ được xem là được gửi hợp lệ bằng một hoặc các hình thức sau: (i) giao tận tay, (ii) gửi bằng thư bảo đảm, (iii) gửi qua dịch vụ chuyển phát của tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát, (iv) gửi qua thư điện tử, (v) gửi qua tin nhắn điện thoại (vi) gửi qua fax (và bản gốc phải được gửi bằng đường bưu điện trong thời hạn 2 (hai) Ngày Làm Việc sau đó) đến địa chỉ và số fax được quy định tại Điều Khoản 13.1(c) dưới đây hoặc (vii) công bố trên website của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (nếu có). Để tránh nhầm lẫn, phương thức thông báo tại mục (iv) và (v) trong câu liên trước chỉ áp dụng đối với các thông báo và thư từ liên lạc gửi cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (b) Bất kỳ thông báo hoặc thư từ liên lạc nào như vậy sẽ được xem là đã nhận được:
 - (i) nếu được giao tận tay, tại thời điểm giao;
 - (ii) nếu được gửi bằng thư bảo đảm, tại thời điểm kết thúc thời hạn 3 (ba) Ngày Làm Việc sau khi gửi (có xác nhận của bưu điện);
 - (iii) nếu được gửi qua dịch vụ chuyển phát của tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát, tại thời điểm xác nhận nhận được gói bưu kiện đựng thông báo hoặc thư từ liên lạc có liên quan;
 - (iv) nếu được gửi qua thư điện tử, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi thư điện tử đến đúng địa chỉ đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận (để tránh nhầm lẫn, người gửi sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu người nhận không nhận được thư điện tử của người gửi do địa chỉ thư điện tử đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận bị sai, bị đầy dung lượng hoặc tự động chặn/trả lại thư điện tử của người gửi);

- (v) nếu được gửi qua tin nhắn điện thoại, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi tin nhắn đến đúng số điện thoại đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận (để tránh nhầm lẫn, người gửi sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu người nhận không nhận được tin nhắn của người gửi do số điện thoại đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận bị sai, bị đầy dung lượng hoặc tự động chặn/trả lại tin nhắn của người gửi);
- (vi) nếu được gửi qua fax, khi người gửi nhận được báo cáo chuyên fax xác nhận rằng thông báo hoặc thông điệp đã được gửi đầy đủ đến máy fax của người nhận, hoặc cách thức nhận báo cáo xác nhận tương tự khác; hoặc
- (vii) nếu được công bố trên website của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám (nếu có), hoặc Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi Trái Phiếu được niêm yết (nếu áp dụng) thời điểm tròn 24 (hai mươi bốn) giờ từ thời điểm công bố.
- (c) Địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax của mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng. Địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký ban đầu, Tổ Chức Lưu Ký ban đầu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu là các địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax tương ứng được quy định tại Điều Khoản 13.2.

13.2. Địa Chỉ Đăng Ký

Địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký ban đầu, Tổ Chức Lưu Ký ban đầu, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu sử dụng cho việc nhận thông báo và các mục đích khác quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này được ghi dưới đây hoặc bất kỳ địa chỉ nào khác được bên tương ứng thông báo bằng văn bản cho các bên có liên quan theo phương thức quy định tại Điều Khoản 13.1:

Đối với Tổ Chức Phát Hành:

Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo

Địa chỉ: Văn Phòng Đại Diện – Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo tại Hà Nội, Tầng 15, Tòa Nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84 – 24 – 3718 2490

Fax: 84 – 24 – 3718 2491

Người nhận: Kế Toán Trưởng

Website: <https://www.masanhightechmaterials.com/subsidiary/nui-phao-mining-company/>

Đối với Đại Lý Đăng Ký ban đầu:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

Địa chỉ: Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, Số 119 Trần Duy

Hung, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 84 – 24 – 3944 6368
Số fax: 84 – 24 – 3944 6583
Người nhận: Tổng Giám Đốc
Website: <https://www.tcbs.com.vn>

Đối với Tổ Chức Lưu Ký ban đầu:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

Địa chỉ: Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, Số 119 Trần Duy
Hung, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 84 – 24 – 3944 6368
Số fax: 84 – 24 – 3944 6583
Người nhận: Tổng Giám Đốc
Website: <https://www.tcbs.com.vn>

Đối với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

Địa chỉ: Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, Số 119 Trần Duy
Hung, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 84 – 24 – 3944 6368
Số fax: 84 – 24 – 3944 6583
Người nhận: Tổng Giám Đốc
Website: <https://www.tcbs.com.vn>

Đối với Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám ban đầu:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

Địa chỉ: Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, Số 119 Trần Duy
Hung, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 84 – 24 – 3944 6368
Số fax: 84 – 24 – 3944 6583
Người nhận: Tổng Giám Đốc
Website: <https://www.tcbs.com.vn>

14. SỬA ĐỔI

- (a) Bất kỳ sửa đổi nào đối với Các Điều Khoản Trái Phiếu này phải được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận và phải được Tổ Chức Phát Hành đồng ý bằng văn bản theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu. Tuy nhiên, Tổ Chức Phát Hành có thể tự mình sửa đổi Các Điều Khoản Trái Phiếu này để xử lý bất kỳ lỗi hoặc sai sót rõ ràng nào, bao gồm nhưng không bị giới hạn bởi các sai sót về lỗi chính tả, kỹ thuật soạn thảo văn bản và dẫn chiếu trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này mà không cần chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện là bất kỳ sửa đổi nào như vậy sẽ chỉ được tiến hành sau khi Tổ Chức Phát Hành đã trao đổi với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và việc sửa đổi đó sẽ được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi có thể nhưng không muộn hơn 2 (hai) Ngày Làm Việc kể từ khi việc sửa đổi được hoàn tất.

- (b) Việc sửa đổi, bổ sung mỗi Văn Kiện Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo phương thức quy định tại Văn Kiện Trái Phiếu đó.

15. LUẬT ÁP DỤNG

Các Điều Kiện Trái Phiếu này sẽ được điều chỉnh bởi và được giải thích phù hợp với pháp luật Việt Nam.

16. TRỌNG TÀI

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều Kiện Trái Phiếu này (kể cả tranh chấp liên quan đến việc tính toán bất kỳ khoản tiền nào theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này) sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (“VIAC”) theo quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC bởi 3 (ba) trọng tài viên được chỉ định theo quy tắc đó. Địa điểm tiến hành thủ tục trọng tài là tại Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài là tiếng Việt.

17. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI

17.1. Định Nghĩa

Khi được sử dụng trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này:

“**Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể**” có nghĩa, liên quan đến Tổ Chức Phát Hành hoặc MHT (tùy trường hợp áp dụng), là việc xảy ra một sự kiện mà có thể được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu dự tính một cách hợp lý là sẽ dẫn đến việc giảm EBITDA của Tổ Chức Phát Hành hoặc MHT trong Năm Tài Chính có liên quan ở mức bằng hoặc cao hơn 20% (hai mươi phần trăm) EBITDA tương ứng của Tổ Chức Phát Hành hoặc MHT trong Năm Tài Chính liền trước đó (trên cơ sở xem xét Báo Cáo Tài Chính hợp nhất năm có liên quan của Tổ Chức Phát Hành hoặc MHT).

“**Bản Cáo Bạch**” có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 1.1.

“**Báo Cáo Tài Chính**” có nghĩa,

- (i) đối với Tổ Chức Phát Hành, là các báo cáo tài chính năm được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành thông qua, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng lẻ và hợp nhất (nếu có) và bản thuyết minh của các báo cáo được lập phù hợp với CMKTVN; và
- (ii) đối với Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, là các báo cáo tài chính năm hoặc bán niên được cơ quan có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành thông qua, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ và hợp nhất (nếu có) được lập phù hợp với CMKTVN (nếu áp dụng) và bản thuyết minh của các báo cáo (nếu có).

“**Các Biện Pháp Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 6.1(a).

“**Các Điều Kiện Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 1.1.

“(Các) **Bên Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1(a).

“(Các) **Hợp Đồng Bảo Đảm**” có nghĩa chung là các hợp đồng/thỏa thuận sau:

- (i) Hợp Đồng Bảo Đảm Phần Vốn Góp NPM;
- (ii) bất kỳ hợp đồng và/hoặc thỏa thuận nào khác giữa Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm và Tổ Chức Phát Hành và/hoặc một Bên Bảo Đảm có hiệu lực xác lập Biện Pháp Bảo Đảm để bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu; và
- (iii) bất kỳ hợp đồng, thoả thuận, xác nhận hoặc tài liệu nào khác được Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý là một “Hợp Đồng Bảo Đảm” vì mục đích của Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

“(Chấp Thuận)” có nghĩa là (i) chấp thuận, giấy phép, cho phép, đồng ý, phê duyệt hoặc chấp thuận thuộc bất kỳ loại nào khác do bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào cấp hoặc (ii) đăng ký, báo cáo với hay thông báo cho bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào có thẩm quyền.

“(Chủ Sở Hữu Trái Phiếu)” có nghĩa là chủ sở hữu của Trái Phiếu và là Tổ Chức/Cá Nhân có thông tin được ghi trong Sổ Đăng Ký. Để tránh nhầm lẫn, nếu Trái Phiếu đã được đăng ký với VSD, việc xác định “Chủ Sở Hữu Trái Phiếu” phải tuân theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, và các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng).

“(CMKTVN)” có nghĩa là các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty hoạt động tại Việt Nam.

“(Công Ty Con)” có nghĩa, đối với bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào, là bất kỳ công ty hoặc thực thể kinh doanh nào khác của Tổ Chức/Cá Nhân đó mà Tổ Chức/Cá Nhân đó trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu hoặc kiểm soát (cho dù trực tiếp hoặc thông qua một hoặc nhiều công ty hoặc thực thể kinh doanh khác) hơn năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc quyền sở hữu khác có quyền biểu quyết để bổ nhiệm giám đốc, người quản lý hoặc người đại diện của công ty hoặc thực thể kinh doanh khác đó hoặc bất kỳ công ty hoặc thực thể kinh doanh khác nào mà tại bất kỳ thời điểm nào sổ sách kế toán của công ty hoặc thực thể kinh doanh khác đó được hợp nhất với sổ sách kế toán của Tổ Chức/Cá Nhân đó hoặc theo quy định của bất kỳ luật có liên quan nào khác, các quy chế hoặc chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung tại từng thời điểm thì các sổ sách kế toán của công ty hoặc thực thể kinh doanh khác đó phải được hợp nhất với sổ sách kế toán của Tổ Chức/Cá Nhân đó.

“(Công Ty Con Chính)” có nghĩa là bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành có EBITDA trong Năm Tài Chính liền trước chiếm từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với EBITDA của Tổ Chức Phát Hành trong Năm Tài Chính liền trước (trên cơ sở xem xét Báo Cáo Tài Chính hợp nhất năm có liên quan của Tổ Chức Phát Hành và Công Ty Con).

“(Cơ Quan ĐKGDBĐ)” có nghĩa là Cục Đăng Ký Quốc Gia Giao Dịch Bảo Đảm thuộc Bộ Tư Pháp, bất kỳ trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản nào trực thuộc Cục Đăng Ký

Quốc Gia Giao Dịch Bảo Đảm tại các địa phương hoặc bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào khác có thẩm quyền đăng ký các Biện Pháp Bảo Đảm liên quan đến động sản và bất động sản sản theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng.

“**Cơ Quan Nhà Nước**” bao gồm chính phủ Việt Nam hoặc các tổ chức hoặc cơ quan thuộc chính phủ Việt Nam, cơ quan chịu sự quản lý một phần của chính phủ hoặc cơ quan tư pháp hoặc cơ quan lập pháp có liên quan.

“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.4.

“**Đại Lý Đăng Ký**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.2.

“**Đồng**” hoặc “**VND**” có nghĩa là đơn vị tiền tệ hợp pháp của Việt Nam.

“**EBITDA**” có nghĩa, liên quan đến một công ty, là lợi nhuận trước lãi vay, thuế và khấu hao của công ty đó trên cơ sở xem xét Báo Cáo Tài Chính hợp nhất và được tính như sau:

$$\text{EBITDA} = \text{A} - \text{B} - \text{C} + \text{D}$$

trong đó,

- A, B, C** lần lượt là “*lợi nhuận gộp*”, “*chi phí bán hàng*” và “*chi phí quản lý doanh nghiệp*” như được trình bày tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và
- D** là “*khấu hao và phân bổ tài sản cố định, giá trị phân bổ của giá trị lợi thế thương mại, phân bổ của chi phí trả trước dài hạn*” như được trình bày tại thuyết minh tài sản cố định hữu hình, thuyết minh tài sản cố định hữu hình thuê tài chính, thuyết minh tài sản cố định vô hình, thuyết minh lợi thế thương mại và thuyết minh chi phí trả trước dài hạn của Báo Cáo Tài Chính hợp nhất trong kỳ kế toán tương ứng.

“**Giá Trị Bảo Đảm Của Phần Vốn Góp Thế Chấp NPM**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1(c).

“**Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu**” nghĩa là tổng mệnh giá của tất cả các Trái Phiếu đang lưu hành.

“**Giao Dịch Với Người Có Liên Quan**” nghĩa là bất kỳ giao dịch nào được quy định tại Khoản 1 Điều 67, Khoản 1 Điều 86 và Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh Nghiệp.

“**Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 10(a).

“**Hợp Đồng Bảo Đảm Phần Vốn Góp NPM**” có nghĩa hợp đồng bảo đảm bằng phần vốn góp được ký giữa MRTN hoặc Tổ Chức/Cá Nhân khác với tư cách là bên bảo đảm và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm với tư cách là tổ chức đại diện và thay mặt cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, theo đó các Bên Bảo Đảm thế chấp Phần Vốn Góp NPM thuộc sở hữu của các Bên Bảo Đảm cho

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (hành động nhân danh và vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.

“**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.4.

“**Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.2.

“(Các) **Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm**” có nghĩa chung là các hợp đồng, thỏa thuận sau (tại từng thời điểm):

- (i) tại Ngày Phát Hành, Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm Phần Vốn Góp;
- (ii) sau Ngày Phát Hành, (các) hợp đồng hoặc thỏa thuận liên quan đến việc quản lý Tài Sản Bảo Đảm khác theo quy định tại Điều Khoản 6.1(d).

“**Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm Phần Vốn Góp**” có nghĩa là Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm số 03/2023/HDQLTSBD/NPM-TCBS ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa Tổ Chức Phát Hành, (các) Bên Bảo Đảm và TCBS (với tư cách là Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm), như được sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm.

“**Khoản Nợ**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.1(e)(i).

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.1.

“**Lãi Suất**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.1.

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.1.

“**Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 10(a).

“**Luật Chứng Khoán**” có nghĩa là Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm.

“**Luật Doanh Nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 17 tháng 6 năm 2020, cùng các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

“**MHT**” có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Masan High-Tech Materials, một công ty được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0309966889 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2010 (như được sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm).

“**MRTN**” có nghĩa là Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên, một công ty được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0309960069 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 5 năm 2010 (được sửa đổi tại từng thời điểm).

“**Năm Tài Chính**” có nghĩa là giai đoạn tính từ và bao gồm ngày 1 tháng 1 của một năm dương lịch cho đến và bao gồm ngày 31 tháng 12 của cùng năm dương lịch đó.

“**Ngày Đáo Hạn**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 4.1(c).

“**Ngày Đăng Ký Cuối Cùng**”, liên quan đến việc chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền hoặc thực hiện nghĩa vụ theo Trái Phiếu (kể cả khi Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu), có nghĩa là:

- (i) trong trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD:
 - (A) Ngày Làm Việc thứ mười một (11) trước ngày đến hạn thanh toán hoặc ngày thực hiện quyền khác có liên quan, tùy trường hợp áp dụng (áp dụng cho việc thanh toán và các trường hợp thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ khác theo Trái Phiếu mà không phải là trường hợp (i)(B) và (i)(C) dưới đây);
 - (B) Ngày Làm Việc được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhằm triệu tập hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; hoặc
 - (C) ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn, hoặc ngày được quy định trong Thông Báo Chào Mua; hoặc
- (ii) trong trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSD:
 - (A) Ngày Làm Việc được ấn định bởi Tổ Chức Phát Hành phù hợp với các quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của VSD (áp dụng cho việc thanh toán và các trường hợp thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ khác theo Trái Phiếu mà không phải là trường hợp (ii)(B), (ii)(C) hoặc (ii)(D) dưới đây); hoặc
 - (B) Ngày Làm Việc được ấn định bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong phạm vi phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và quy chế của VSD nhằm thực hiện việc mua lại Trái Phiếu trước hạn bắt buộc theo quy định tại Điều Khoản 12.2(c); hoặc
 - (C) Ngày Làm Việc được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành lựa chọn phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan và quy chế của VSD và thông báo theo Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhằm triệu tập hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; hoặc
 - (D) Ngày Làm Việc được xác định theo quy chế của VSD để chốt danh sách đó trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không có quyền ấn định ngày chốt danh sách đó.

“**Ngày Giao Dịch**” có nghĩa, trừ trường hợp Sở Giao Dịch Chứng Khoán có quy định khác tại từng thời điểm, là bất kỳ ngày nào từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, trừ các

ngày nghỉ tại Việt Nam theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật.

“**Ngày Xác Định Lãi Suất**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.1.

“**Ngày Làm Việc**” có nghĩa là bất kỳ ngày nào không phải là Thứ Bảy, Chủ Nhật và bất kỳ ngày nghỉ chính thức nào (kể cả ngày nghỉ bù) tại Việt Nam.

“**Ngày Phát Hành**” có nghĩa là ngày kết thúc đợt chào bán Trái Phiếu theo quy định tại Luật Chứng Khoán.

“**Ngày Mua Lại Trước Hạn**” có nghĩa là ngày mà Tổ Chức Phát Hành mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu theo các sự kiện mua lại trước hạn quy định tại Điều Khoản 9.

“**Ngày Thanh Toán Cuối Cùng**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.2(b).

“**Ngày Thanh Toán Lãi**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.3.

“**Nghị Định 155**” nghĩa là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán.

“**Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối**” có nghĩa là nghị quyết hoặc quyết định bằng văn bản được thông qua bởi hoặc nhân danh một hoặc nhiều Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) của tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm thông qua nghị quyết hoặc quyết định đó (dù tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hay bằng cách Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu).

“**Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1.

“**Phần Vốn Góp NPM**” có nghĩa là phần vốn góp của các thành viên góp vốn của NPM.

“**Phần Vốn Góp Thế Chấp NPM**” có nghĩa là một phần Phần Vốn Góp mà MRTN và/hoặc các Bên Bảo Đảm có liên quan sẽ thế chấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động nhân danh và vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm để đảm bảo cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.

“**Phương Án Phát Hành Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.1.

“**Sổ Đăng Ký**” có nghĩa là sổ đăng ký Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu hợp pháp của mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với số Trái Phiếu được ghi nhận thuộc sở hữu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó trong sổ đăng ký Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Trong các quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này về tài khoản đăng ký của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc về việc xác định Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền hoặc có nghĩa vụ tương ứng khi Tổ Chức Phát Hành thực hiện việc thanh toán theo Trái Phiếu (kể cả thanh toán khi mua lại) sau khi Trái Phiếu đã được đăng ký với VSD, dẫn chiếu đến “Sổ Đăng Ký” còn bao gồm cả danh sách tổng hợp Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc tài liệu tương tự) được VSD lập và gửi cho Tổ Chức Phát Hành theo quy chế thực hiện quyền có liên quan của VSD cho lần thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ tương ứng.



“**Sở Giao Dịch Chứng Khoán**” có nghĩa là có nghĩa là Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam và/hoặc (các) công ty con của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam mà tại đó Trái Phiếu được phép niêm yết và/hoặc giao dịch tập trung.

“**Sự Kiện Vi Phạm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.1.

“**Tài Sản Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định trong Các Hợp Đồng Bảo Đảm, bao gồm Phần Vốn Góp Thế Chấp NPM và Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung theo các Hợp Đồng Bảo Đảm khác (nếu có).

“**Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1(d).

“**TCBS**” có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương, một công ty chứng khoán được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 125/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 5 năm 2018 và được sửa đổi bổ sung từ thời điểm.

“**Techcombank**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.5(ii).

“**Thành Viên Lưu Ký**” có nghĩa là các công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký và đã đăng ký làm thành viên của VSD.

“**Thời Điểm Khóa Sổ**” có nghĩa là (i) nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD, thời điểm 18:00 giờ (giờ Việt Nam) của Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan hoặc (ii) nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSD, thời điểm mà VSD thực hiện việc chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan.

“**Thời Hạn Đăng Ký Bán**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 9.3(a)(i).

“**Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.2(b).

“**Thông Báo Chào Mua**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 9.3(a)(i).

“**Thông Tư 118**” có nghĩa là Thông Tư số 118/2020/TT-BTC ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.

“**Tổ Chức/Cá Nhân**” có nghĩa là cá nhân hoặc pháp nhân theo quy định của Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 24 tháng 11 năm 2015.

“**Tổ Chức Lưu Ký**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.3.

“**Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.5.



“**Tổ Chức Phát Hành**” hay “**NPM**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.1.

“**Tổng Giá Trị Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1(b).

“**Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì**” có nghĩa là Tổng Giá Trị Bảo Đảm được tính sau khi xảy ra sự kiện bổ sung hoặc rút Tài Sản Bảo Đảm hoặc mua lại Trái Phiếu trước hạn hoặc các trường hợp khác được quy định tại Văn Kiện Trái Phiếu yêu cầu tính Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì.

“**Tổng Giá Trị Bảo Đảm Ngưỡng Rút**” có nghĩa là Tổng Giá Trị Bảo Đảm được tính trước khi xảy ra sự kiện rút Tài Sản Bảo Đảm hoặc các trường hợp khác được quy định tại Văn Kiện Trái Phiếu yêu cầu tính Tổng Giá Trị Bảo Đảm Ngưỡng Rút.

“**Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.1.

“**Trái Phiếu Đăng Ký Bán**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 9.3(a)(iii).

“**Thông Báo Xử Lý Tài Sản**” có nghĩa là thông báo mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (tùy từng trường hợp) gửi đến các Tổ Chức/Cá Nhân có liên quan (kể cả Cơ Quan ĐKGDBĐ) theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan.

“**Valuco**” có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Thẩm Định Giá Và Tư Vấn Quốc Tế, một công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305995166 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 1 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm).

“**Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật**” có nghĩa là bất kỳ văn bản nào được liệt kê tại các Điều 2, 4, 172.2 và 172.4 của Luật Ban Hành Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật số 80/2015/QH13 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 22 tháng 6 năm 2015 (như được sửa đổi tại từng thời điểm), và trong trường hợp các Điều trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thì sẽ bao gồm cả bất kỳ văn bản nào mà sau đó được định nghĩa là một văn bản quy phạm pháp luật theo quy định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của các Điều đó.

“**Văn Kiện Trái Phiếu**” có nghĩa là mỗi trong số các văn kiện sau:

- (i) Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- (ii) Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký;
- (iii) Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký;
- (iv) Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (v) Các Hợp Đồng Bảo Đảm và
- (vi) bất kỳ tài liệu, hợp đồng, thỏa thuận hoặc văn bản nào mà Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý bằng văn bản là một “Văn Kiện Trái Phiếu”.

“**Vấn Đề Loại Trừ**” có nghĩa là bất kỳ vấn đề nào dưới đây:

- (i) điều chỉnh Ngày Đáo Hạn hoặc bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào;
- (ii) giảm hoặc ngừng thanh toán gốc Trái Phiếu;
- (iii) điều chỉnh Lãi Suất;
- (iv) thay đổi loại tiền tệ thanh toán đối với Trái Phiếu;
- (v) thay đổi điều kiện tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hợp lệ;
- (vi) thay đổi tỷ lệ chấp thuận cần thiết để thông qua nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (vii) thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (viii) thay đổi chủng loại Tài Sản Bảo Đảm hoặc các thay đổi khác liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm cần hành động theo chỉ thị của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm và Các Điều Kiện Trái Phiếu mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không thể tự quyết định theo quy định của Các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (ix) sửa đổi định nghĩa về Sự Kiện Vi Phạm và Vấn Đề Loại Trừ; và
- (x) bất kỳ vấn đề nào khác được yêu cầu một cách cụ thể là phải được thông qua bởi Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối theo Các Điều Kiện Trái Phiếu hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác.

“**VIAC**” có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 16.

“**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

“**VSD**” có nghĩa là Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hoặc Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam hoặc tổ chức kế thừa của tổ chức này tại từng thời điểm.

17.2. Nguyên Tắc Diễn Giải

- (a) Các tiêu đề của bất kỳ Điều Kiện hay đoạn nào chỉ để tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích nội dung của Điều Kiện hay đoạn đó.
- (b) Trừ khi được quy định khác đi, dẫn chiếu trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này đến các Điều Kiện và đoạn là dẫn chiếu đến các điều kiện và đoạn của Các Điều Kiện Trái Phiếu này.
- (c) Các cụm từ “của Các Điều Kiện Trái Phiếu này”, “trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này” và “theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này” và các từ ngữ có ý nghĩa tương tự khi sử dụng trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này sẽ dẫn chiếu đến toàn bộ Các Điều Kiện Trái Phiếu

này chứ không phải đến một điều khoản cụ thể nào của Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

- (d) Dẫn chiếu đến bất kỳ văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận nào sẽ (i) bao gồm tất cả các phụ lục đính kèm văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó, (ii) bao gồm tất cả các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận được phát hành hoặc ký để thay thế văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, và (iii) có nghĩa là các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận, hoặc các văn kiện thay thế hoặc các văn kiện tiền thân của văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, cùng với các văn kiện sửa đổi, chỉnh lý và bổ sung tại từng thời điểm phù hợp với quy định của các văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực vào bất kỳ thời điểm nào.
- (e) Dẫn chiếu đến bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật nào trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó mà có thể được sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật thay thế Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó.
- (f) Đề cập đến một chủ thể (kể cả Đại Lý Đăng Ký hoặc Tổ Chức Lưu Ký hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này là đề cập đến cả chủ thể kế nhiệm, chủ thể nhận chuyển nhượng hoặc chủ thể nhận chuyển giao quyền và/hoặc nghĩa vụ từ chủ thể đó.
- (g) Dẫn chiếu đến “nghị quyết”, “quyết định”, “yêu cầu”, “ý kiến”, “chỉ thị” hay “chấp thuận” của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là dẫn chiếu đến nghị quyết, quyết định, yêu cầu, ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua một cách hợp lệ tại hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc dưới hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (h) Trừ trường hợp có quy định cụ thể yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải hành động theo một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bất kỳ công việc, hành động nào của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đề cập đến trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này sẽ được hiểu là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được toàn quyền quyết định đối với các công việc, hành động đó mà không cần phải có nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (i) Trừ khi ngữ cảnh yêu cầu cách diễn giải khác, việc xác định thời hạn sẽ được thực hiện theo quy định của Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 do Quốc Hội Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015.
- (j) Trái Phiếu “đang lưu hành” có nghĩa là bất kỳ Trái Phiếu nào đã được phát hành hợp lệ và được thanh toán đầy đủ bởi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhưng chưa được Tổ Chức Phát Hành mua lại và bị hủy bỏ theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- (k) Thuật ngữ “chuyển nhượng” khi được sử dụng cho Trái Phiếu có nghĩa là giao dịch bán, chuyển nhượng, chuyển giao, tặng, cho, góp vốn, hoán đổi, trao đổi, để lại thừa kế, chiết khấu không kèm theo cam kết mua lại, hoặc chuyển quyền sở hữu theo hình thức khác đối với Trái Phiếu phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng; và “việc chuyển nhượng”, “bên chuyển nhượng”, “bên nhận chuyển nhượng” và các dạng từ khác của “chuyển nhượng” sẽ được diễn giải một cách tương ứng.

- (l) Nghĩa của các thuật ngữ được định nghĩa tại Điều Kiện 17.1 được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể quy định khác đi, các từ được dùng ở dạng số ít cũng bao gồm ý nghĩa dùng ở dạng số nhiều và ngược lại.
- (m) Việc sử dụng thuật ngữ “bao gồm”, “bao gồm cả”, “kể cả” hoặc các diễn đạt tương tự sẽ được hiểu là không có giới hạn.

PHỤ ĐÍNH 1

TỔNG GIÁ TRỊ BẢO ĐẢM

Vì mục đích của Điều Khoản 6.1(b)(i), Tổng Giá Trị Bảo Đảm được xác định (vào một ngày định giá/định giá lại Tài Sản Bảo Đảm theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm) theo công thức sau:

$$\mathbf{TV = P + C + OA}$$

trong đó:

- TV** là Tổng Giá Trị Bảo Đảm vào ngày định giá/định giá lại có liên quan;
- P** là Giá Trị Bảo Đảm Của Phần Vốn Góp NPM vào ngày định giá/định giá lại có liên quan. Việc xác định Giá Trị Bảo Đảm Của Phần Vốn Góp NPM được quy định chi tiết tại Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm Phần Vốn Góp và Hợp Đồng Bảo Đảm Phần Vốn Góp NPM;
- C** là tổng các khoản tiền (nếu có) trong các tài khoản hoặc khoản tiền gửi theo các hợp đồng tiền gửi được cầm cố hoặc thế chấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (hành động nhân danh và vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) để bảo đảm cho việc thực hiện các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm được xác định vào 10:00 giờ sáng (giờ Việt Nam) của ngày định giá lại có liên quan; và
- OA** là tổng giá trị của các Tài Sản Bảo Đảm khác (nếu có),

với điều kiện là nếu (i) bất kỳ Tài Sản Bảo Đảm nào không được yêu cầu là phải được định giá lại vào cùng ngày định giá có liên quan, và (ii) không có bất kỳ thay đổi nào đối với Tài Sản Bảo Đảm đó từ ngày định giá gần nhất của Tài Sản Bảo Đảm khác đó, thì giá trị của Tài Sản Bảo Đảm đó sẽ là giá trị được xác định vào ngày định giá gần nhất của Tài Sản Bảo Đảm đó.

PHU LUC II

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỘI NGHỊ VÀ LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN CỦA CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

1. **Triệu Tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**
- 1.1 Trình tự triệu tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ("**Hội Nghị**") quy định từ Mục 1 đến Mục 5 được áp dụng nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký với VSD.
- 1.2 Hội Nghị sẽ do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập trong các trường hợp quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng này.
- 1.3 Khi có nhu cầu triệu tập Hội Nghị, người có thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị phải gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành yêu cầu bằng văn bản về việc triệu tập Hội Nghị ("**Yêu Cầu Triệu Tập**"). Yêu Cầu Triệu Tập phải (i) được người đưa ra yêu cầu ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ, (ii) có thông tin về người yêu cầu triệu tập, và (iii) đính kèm dự thảo nội dung và chương trình họp dự kiến của Hội Nghị và các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định.
- 1.4 Trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập hợp lệ, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải (i) xác định Thời Điểm Khóa Sổ để chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích tổ chức Hội Nghị, (ii) gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Đăng Ký về Yêu Cầu Triệu Tập và Thời Điểm Khóa Sổ đó, và (iii) chỉ trong trường hợp một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu triệu tập Hội Nghị, đề nghị Đại Lý Đăng Ký xác nhận thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị của (các) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó phù hợp với quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu. Để tránh nhầm lẫn, Thời Điểm Khóa Sổ theo xác định của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 10 (mười) Ngày Làm Việc sau ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được Yêu Cầu Triệu Tập có liên quan.
- 1.5 Trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập hợp lệ, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải làm việc với người yêu cầu triệu tập Hội Nghị và Tổ Chức Phát Hành để xác định địa điểm, phương thức tổ chức Hội Nghị và thống nhất nội dung và chương trình họp dự kiến của Hội Nghị, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung quyết định/ng nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Nếu các bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên thì sẽ thực hiện theo quyết định (tài liệu) của người yêu cầu triệu tập.
- 1.6 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Đại Lý Đăng Ký để bảo đảm Đại Lý Đăng Ký sẽ gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan.
- 1.7 Sau khi đã có bảo đảm của người yêu cầu triệu tập Hội Nghị về việc chi trả chi phí tổ chức Hội Nghị (đảm bảo đó phải đáp ứng được yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu), trong vòng 2 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Đoạn 1.6 trên đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ xác định ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị (với điều kiện là ngày dự kiến khai

mạc Hội Nghị trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan) và gửi thông báo mời tham dự Hội Nghị (“**Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị**”) cho tất cả các Đại Biểu (như được định nghĩa tại Đoạn 3.2 của Phụ Lục II này). Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có đầy đủ thông tin về địa điểm, ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị và tóm lược nội dung và chương trình họp của Hội Nghị. Kèm theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có mẫu văn bản chỉ định đại diện hợp pháp dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2. Chương Trình Và Nội Dung

- 2.1 Người yêu cầu triệu tập Hội Nghị phải chuẩn bị dự thảo nội dung và chương trình họp dự kiến của Hội Nghị và gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- 2.2 Nếu không phải là người yêu cầu triệu tập, Tổ Chức Phát Hành hoặc Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc nhóm Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền dự họp theo quy định tại Mục 3 của Phụ Lục II này sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành có quyền gửi văn bản kiến nghị bổ sung một hoặc một số vấn đề để đưa vào chương trình họp của Hội Nghị. Văn bản kiến nghị đó phải được gửi đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chậm nhất 3 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc Hội Nghị.
- 2.3 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải đưa kiến nghị bổ sung nêu tại Đoạn 2.2 trên đây vào chương trình họp của Hội Nghị, trừ trường hợp kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Đoạn 2.2 trên hoặc kiến nghị không phải là vấn đề cần Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận theo Các Điều Kiện Trái Phiếu. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình họp của Hội Nghị nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá của các Trái Phiếu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị.

3. Quyền Tham Dự Hội Nghị

- 3.1 Bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng sẽ có quyền tham dự Hội Nghị được triệu tập theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị.
- 3.2 Chỉ có các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền dự họp theo quy định tại Đoạn 3.1 trên đây và đại diện hợp pháp của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm và Các Bên Bảo Đảm (gọi chung là “**Đại Biểu**”) được tham dự và phát biểu tại Hội Nghị. Tuy nhiên, chỉ có Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người đại diện hợp pháp của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được biểu quyết tại Hội Nghị.

4. Thể Thức Tiên Hành Hội Nghị

- 4.1 Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể tự mình hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hợp pháp của mình tham dự Hội Nghị, với điều kiện là nếu Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự thông qua người đại diện, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi văn bản ủy quyền được công chứng/chứng thực đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 3 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày tiến hành Hội Nghị.

- 4.2 Trước thời điểm dự kiến khai mạc Hội Nghị, Đại Biểu phải đăng ký tham dự Hội Nghị bằng cách (i) xuất trình Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị, văn bản chỉ định đại diện dự họp đã được ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ và giấy tờ hợp pháp thể hiện thông tin nhận diện cá nhân của Đại Biểu để Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối chiếu, và (ii) ký vào danh sách đại biểu tham dự Hội Nghị tương ứng với tên của Đại Biểu đó (nếu Đại Biểu đó chính là Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cá nhân), tên của cá nhân mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cá nhân), hoặc tên của tổ chức mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức).
- 4.3 Thời điểm xác định số Đại Biểu tham dự cần thiết để tiến hành Hội Nghị theo quy định tại Điều Khoản 10(d) của Các Điều Khoản Trái Phiếu là lúc kết thúc khoảng thời gian 45 (bốn mươi lăm) phút sau giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị được quy định trong Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị.
- 4.4 Đối với một Hội Nghị được triệu tập để thông qua một vấn đề không phải là Vấn Đề Loại Trừ:
- (a) Nếu Hội Nghị thứ nhất được triệu tập không đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ nắm giữ Trái Phiếu tối thiểu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị theo quy định tại Điều Khoản 10(d)(ii)(A) của Các Điều Khoản Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải triệu tập Hội Nghị lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị lần thứ nhất bằng cách gửi một thông báo tương tự Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị (mà không cần phải nhận được một Yêu Cầu Triệu Tập) theo quy định tại Mục 1.7 của Phụ Lục II này.
 - (b) Nếu Hội Nghị thứ hai được triệu tập không đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ nắm giữ Trái Phiếu tối thiểu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị theo quy định tại Điều Khoản 10(d)(ii)(B) của Các Điều Khoản Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải triệu tập Hội Nghị lần thứ ba theo quy định tại Điều Khoản 10(d)(ii)(C) trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị lần thứ hai bằng cách gửi một thông báo tương tự Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị (mà không cần phải nhận được một Yêu Cầu Triệu Tập) theo quy định tại Mục 1.7 của Phụ Lục II này.
- 4.5 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ định chủ tọa Hội Nghị và một hoặc một số người làm thư ký Hội Nghị khi bắt đầu Hội Nghị.
- 4.6 Hội Nghị sẽ bầu ban kiểm phiếu không quá 3 (ba) người trong số các Đại Biểu tham dự Hội Nghị. Chủ tọa và thư ký không được tham gia ban kiểm phiếu.
- 4.7 Nội dung và chương trình họp của Hội Nghị phải được Hội Nghị thông qua trước khi Hội Nghị bắt đầu thảo luận. Hội Nghị thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung và chương trình họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc Hội Nghị. Với mỗi Trái Phiếu sở hữu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có một phiếu biểu quyết.

- 4.8 Bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bất kỳ đại diện hợp pháp dự họp của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào đến sau khi Hội Nghị đã khai mạc sẽ phải đăng ký dự họp theo quy định tại Đoạn 4.2 của Phụ Lục II này và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký đó. Chủ toạ không được dùng cuộc họp để những người nêu trên đăng ký dự họp; và trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
- 4.9 Cho dù có các quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu, khi Hội Nghị quyết định bất kỳ vấn đề nào thuần túy liên quan đến thể thức, thủ tục hay chương trình họp của Hội Nghị mà không phải là vấn đề cần được biểu quyết được đề cập trong dự thảo nghị quyết hay được đề cập trong văn bản kiến nghị bổ sung theo quy định tại Đoạn 2.2 của Phụ Lục II này (kể cả việc bầu ban kiểm phiếu và ấn định nội dung và chương trình họp của Hội Nghị), vấn đề đó sẽ được xem là được thông qua hợp lệ tại Hội Nghị nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá của các Trái Phiếu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị.

5. Biên Bản Hội Nghị

- 5.1 Diễn biến và nội dung Hội Nghị phải được ghi vào biên bản, lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) thông tin về Tổ Chức Phát Hành (tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh);
 - (ii) thông tin về Trái Phiếu;
 - (iii) thời gian và địa điểm tổ chức Hội Nghị;
 - (iv) chương trình và nội dung Hội Nghị;
 - (v) chủ toạ và thư ký;
 - (vi) tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Hội Nghị về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - (vii) số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và tổng số phiếu biểu quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị, phụ lục danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị với số Trái Phiếu và số phiếu biểu quyết tương ứng;
 - (viii) tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành và không tán thành; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị; và
 - (ix) các quyết định đã được thông qua.
- 5.2 Biên bản Hội Nghị phải được lập và thông qua trước khi bế mạc Hội Nghị và phải được ký bởi hoặc nhân danh tất cả Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị. Trong trường hợp biên bản đã có đủ các nội dung nêu tại Đoạn 5.1 của Phụ Lục II này mà bất kỳ Chủ

Sở Hữu Trái Phiếu nào hoặc đại diện của bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào từ chối ký biên bản thì chữ ký của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc đại diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó để xác nhận việc tham dự Hội Nghị theo quy định tại Đoạn 4.2(ii) của Phụ Lục II này sẽ được xem là chữ ký của họ trong biên bản. Biên bản Hội Nghị được lập theo quy trình nêu trên kèm theo các biên bản kiểm phiếu (nếu có) sẽ là bằng chứng chính thức về các nội dung và quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị có liên quan. Để tránh nhầm lẫn, quyết định về mỗi vấn đề được thông qua hợp lệ tại Hội Nghị (với tỷ lệ biểu quyết cần thiết được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Đoạn 4.9 của Phụ Lục II này) sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm được thông qua, trừ khi quyết định đó quy định một thời điểm có hiệu lực khác.

5.3 Trên cơ sở biên bản Hội Nghị, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ lập văn bản tổng hợp các quyết định đã được thông qua tại Hội Nghị và công bố tại Hội Nghị. Văn bản tổng hợp này được xem là nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị và được ký và đóng dấu hợp lệ bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

6. **Tổ Chức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Nếu Trái Phiếu Chưa Được Đăng Ký Với VSD**

6.1 Việc thực hiện Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tiến hành trong các trường hợp quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

6.2 Khi có nhu cầu Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, các đối tượng được quy định tại Điều Kiện 10(a) của Các Điều Kiện Trái Phiếu có yêu cầu Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành yêu cầu bằng văn bản về Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ("**Yêu Cầu Lấy Ý Kiến**"). Yêu Cầu Lấy Ý Kiến phải (i) được người đưa ra yêu cầu ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ, (ii) nêu vấn đề cần lấy ý kiến và ngày dự kiến kết thúc thời hạn nhận ý kiến và (iii) đính kèm dự thảo phiếu lấy ý kiến (theo mẫu do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp) ("**Phiếu Lấy Ý Kiến**").

6.3 Trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải (i) xác định Thời Điểm Khóa Sổ để chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và (ii) gửi thông báo cho Đại Lý Đăng Ký về Yêu Cầu Lấy Ý Kiến và Thời Điểm Khóa Sổ đó. Để tránh nhầm lẫn, Thời Điểm Khóa Sổ theo xác định của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 10 (mười) Ngày Làm Việc sau ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến có liên quan.

6.4 Trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải làm việc với Tổ Chức Phát Hành để thống nhất nội dung Phiếu Lấy Ý Kiến và dự thảo nội dung quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho từng vấn đề cần lấy ý kiến. Nếu các bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên thì sẽ thực hiện theo quyết định (tài liệu) của Tổ Chức Phát Hành.

6.5 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Đại Lý Đăng Ký để bảo đảm Đại Lý Đăng Ký sẽ gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan.

- 6.6 Sau khi đã có bảo đảm của người yêu cầu Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc chi trả chi phí tổ chức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (đảm bảo đó phải đáp ứng được yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu), trong vòng 2 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Đoạn 6.5 trên đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ xác định thời hạn mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận ý kiến từ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (với điều kiện là ngày kết thúc thời hạn đó trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan) và gửi thông báo Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ("**Thông Báo Lấy Ý Kiến**") cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhận thông báo theo quy định tại Đoạn 6.7 dưới đây. Thông Báo Lấy Ý Kiến phải có thông tin về thời hạn mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận ý kiến từ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Kèm theo Thông Báo Lấy Ý Kiến phải có Phiếu Lấy Ý Kiến và dự thảo quyết định/ng nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho từng vấn đề cần lấy ý kiến. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền gia hạn thời gian lấy ý kiến trong trường hợp đã kết thúc thời hạn nhận ý kiến quy định tại Thông Báo Lấy Ý Kiến mà chưa đủ Phiếu Lấy Ý Kiến cần thiết để thông qua một, một số hoặc toàn bộ nội dung xin ý kiến nhưng trong mọi trường hợp thời gian gia hạn lấy ý kiến không được vượt quá 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nhận ý kiến quy định tại Thông Báo Lấy Ý Kiến và phải thông báo cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc gia hạn này.
- 6.7 Bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng cũng sẽ có quyền đưa ra ý kiến theo Thông Báo Lấy Ý Kiến đó.
- 6.8 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi Thông Báo Lấy Ý Kiến cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký; tuy nhiên, chỉ có các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mới được đưa ra ý kiến.
- 6.9 Phiếu Lấy Ý Kiến đã được trả lời phải được Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ vào một trong hai nội dung sau: tán thành hoặc không tán thành (theo chọn lựa của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) đối với mỗi vấn đề cần lấy ý kiến.
- 6.10 Phiếu Lấy Ý Kiến được gửi đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải được đựng trong phong bì dán kín và không được mở trước khi kiểm phiếu. Các Phiếu Lấy Ý Kiến bị xem là không hợp lệ và không được tính khi kiểm phiếu nếu:
- (i) được gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sau khi kết thúc thời hạn nhận ý kiến được quy định trong Thông Báo Lấy Ý Kiến; hoặc
 - (ii) đối với mỗi vấn đề cần lấy ý kiến trong Phiếu Lấy Ý Kiến đó, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chọn nhiều hơn một trong hai nội dung sau: tán thành hoặc không tán thành.
- 6.11 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tiến hành kiểm phiếu tại các thời điểm như sau, tùy từng trường hợp áp dụng:
- (a) (i) Khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được số lượng Phiếu Lấy Ý Kiến của những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ số lượng Trái Phiếu chiếm tỷ lệ cần thiết để thông qua quyết định theo Các Điều Kiện Trái Phiếu (để làm rõ, trong trường hợp có nhiều nội dung lấy ý kiến thì số lượng Phiếu Lấy Ý Kiến cần thiết

là số lượng Phiếu Lấy Ý Kiến của những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ số lượng Trái Phiếu chiếm tỷ lệ cần thiết đối với vấn đề cần tỷ lệ thông qua cao nhất), hoặc (ii) khi hết thời hạn Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý gia hạn thời gian Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Đoạn 6.6 thì:

- (A) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu theo quy định tại Đoạn 6.12; và
 - (B) Trong trường hợp một, một số hoặc toàn bộ các nội dung xin ý kiến đã được thông qua bởi những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ số lượng Trái Phiếu cần thiết theo Các Điều Kiện Trái Phiếu, căn cứ vào biên bản kiểm phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ ký và ban hành nghị quyết đối với một, một số hoặc toàn bộ các nội dung xin ý kiến đã được chấp thuận (nếu có).
- (b) Đến thời điểm cuối cùng nhận ý kiến mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (i) không gia hạn thời gian Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Đoạn 6.6 hoặc (ii) khi kết thúc thời gian gia hạn thời gian Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Đoạn 6.6 hoặc (iii) khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã nhận đủ Phiếu Lấy Ý Kiến của toàn bộ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, ký và ban hành nghị quyết đối với các nội dung và vấn đề được đưa ra Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã được thông qua hợp lệ theo Các Điều Kiện Trái Phiếu trên cơ sở biên bản kiểm phiếu đã lập, trừ nội dung đã được chấp thuận tại Đoạn 6.11(a)(ii) (nếu có).
- 6.12 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Tổ Chức Phát Hành. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (ii) số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham gia biểu quyết;
 - (iii) tổng số phiếu hợp lệ tán thành và không tán thành đối với từng vấn đề cần lấy ý kiến;
 - (iv) tổng số phiếu không gửi về cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trước khi kết thúc thời hạn nhận ý kiến; và
 - (v) các quyết định đã được thông qua.

Biên bản kiểm phiếu phải được đại diện hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành và đại diện của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ký và đóng dấu hợp lệ. Để tránh nhầm lẫn, quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về mỗi vấn đề được thông qua hợp lệ dưới hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (với tỷ lệ biểu quyết cần thiết được quy định

tại Các Điều Khoản Trái Phiếu) sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm lập biên bản kiểm phiếu, trừ khi quyết định đó quy định một thời điểm có hiệu lực khác.

- 6.13 Tỷ lệ cần thiết để thông qua một quyết định/ngợi quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được quy định cụ thể tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.
- 6.14 Trên cơ sở biên bản kiểm phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ lập văn bản tổng hợp các quyết định đã được thông qua dưới hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Văn bản tổng hợp này được xem là nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong lần Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan và được ký và đóng dấu hợp lệ bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu vào cùng ngày lập biên bản kiểm phiếu.

7. Triệu Tập Hội Nghị Và Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Trong Trường Hợp Trái Phiếu Đã Được Đăng Ký Tại VSD

- 7.1 Nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSD thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm tổ chức Hội Nghị hoặc tổ chức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan (nếu áp dụng), và các quy định có liên quan của Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng này (trong phạm vi các quy định đó không trái với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan (nếu áp dụng).
- 7.2 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với VSD để nhận danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được chốt tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng cho mục đích tổ chức Hội Nghị hoặc Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (tùy trường hợp áp dụng).

8. Các Quy Định Chung

- 8.1. Thời điểm xác định số đại biểu tham dự cần thiết để tiến hành Hội Nghị là lúc kết thúc 45 (bốn mươi lăm) phút tính từ thời điểm ấn định khai mạc Hội Nghị.
- 8.2. Khi Hội Nghị quyết định bất kỳ vấn đề nào thuần túy liên quan đến thể thức, thủ tục hay chương trình tổ chức Hội Nghị mà không phải là vấn đề cần được biểu quyết được đề cập trong dự thảo nghị quyết (hay trong kiến nghị bổ sung chương trình) (kể cả bầu ban kiểm phiếu và ấn định chương trình và nội dung Hội Nghị), vấn đề đó được xem là được quyết định hoặc chấp thuận bởi Hội Nghị nếu được tán thành bởi một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá số Trái Phiếu đang lưu hành của những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị.
- 8.3. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi bản sao của biên bản Hội Nghị hoặc biên bản kiểm phiếu (tùy từng trường hợp áp dụng) và văn bản tổng hợp các quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (đã được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ký và đóng dấu hợp lệ) cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, trong thời hạn 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc Hội Nghị hoặc kết thúc thời hạn nhận ý kiến bằng văn bản (tùy từng trường hợp áp dụng). Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ (i) lưu giữ tại địa chỉ đăng ký của mình bản gốc mọi

biên bản Hội Nghị, biên bản kiểm phiếu và văn bản tổng hợp các quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cùng các tài liệu liên quan đến việc tổ chức Hội Nghị và Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và (ii) cung cấp bản sao của các tài liệu nêu trên theo yêu cầu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Đăng Ký và Tổ Chức Lưu Ký trên cơ sở có thu phí.

- 8.4. Mọi chi phí, phí tổn thực tế (nếu người yêu cầu tổ chức Hội Nghị hay Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là Tổ Chức Phát Hành) hoặc mọi chi phí, phí tổn hợp lý (nếu người yêu cầu tổ chức Hội Nghị hay Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không phải là Tổ Chức Phát Hành) liên quan đến việc triệu tập và tổ chức Hội Nghị hay Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Tổ Chức Phát Hành gánh chịu.

PHU LUC III

MẪU THỎA THUẬN THAM GIA

THỎA THUẬN THAM GIA NÀY (“**Thỏa Thuận Tham Gia**”) được lập vào ngày [●] tháng [●] năm [●] bởi và giữa:

- (1) [**Điền tên chính thức của Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia**] (“**Tổ Chức Phát Hành**”)

Mã số doanh nghiệp : [**Điền mã số doanh nghiệp hoặc tương đương của Tổ Chức Phát Hành xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia**]
(hoặc tương đương)

Địa chỉ đăng ký : [**Điền địa chỉ đăng ký chính thức của Tổ Chức Phát Hành xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia**]

- (2) [**Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia**] (“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm**”)

(3)

Mã số doanh nghiệp : [**Điền mã số doanh nghiệp hoặc tương đương của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia**]
(hoặc tương đương)

Địa chỉ đăng ký : [**Điền địa chỉ đăng ký chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia**]

và

- (4) [**Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia**] (“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế**”)

Mã số doanh nghiệp : [**Điền mã số doanh nghiệp hoặc tương đương của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia**]
(hoặc tương đương)

Địa chỉ đăng ký : [**Điền địa chỉ đăng ký chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia**]



1
2
3
4
5
6
7
8
9
10
11
12
13
14
15
16
17
18
19
20
21
22
23
24
25
26
27
28
29
30
31
32
33
34
35
36
37
38
39
40
41
42
43
44
45
46
47
48
49
50

¹ Không áp dụng trong trường hợp thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 9.4.

CƠ SỞ KẾT LẬP THỎA THUẬN

XÉT RÀNG,

- (A) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế đã nghiên cứu Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được ký ngày [●] tháng [●] năm [●] giữa Tổ Chức Phát Hành và Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu, như có thể được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại từng thời điểm ("**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**") và đồng ý thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm ngay trước ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này) để thực hiện các công việc, nhiệm vụ và hưởng các quyền, quyền hạn và lợi ích của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu như được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; và
- (B) Theo quy định tại Điều 9.1(d) của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phải ký kết Thỏa Thuận Tham Gia này với Tổ Chức Phát Hành,

DO VẬY, NAY, các bên thỏa thuận như sau:

1. Công Nhận Quyền Và Nghĩa Vụ

- 1.1 Bằng Thỏa Thuận Tham Gia này, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế công nhận và đồng ý với Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rằng kể từ ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế (i) sẽ trở thành Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thay thế cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm và (ii) do vậy, sẽ thực hiện mọi nhiệm vụ, công việc và được hưởng mọi quyền, quyền hạn và lợi ích của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu như được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.
- 1.2 Kể từ ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế.

2. Thông Báo

Vì mục đích được quy định tại Điều Kiện 13 của Các Điều Kiện Trái Phiếu và Điều 11.4 của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, địa chỉ, số fax và người nhận của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế như sau:

Đối với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu:

[Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế]

Địa chỉ: [●]

Số fax: [●]

Người nhận: [●]

08645
ÔNG
NE
BÁC
DÂN
I P
T. T

S
D
V
G

3. Các Quy Định Khác

- 3.1 Thỏa Thuận Tham Gia này là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và được xem là một Văn Kiện Trái Phiếu. Trừ khi được quy định rõ ràng khác đi trong Thỏa Thuận Tham Gia này, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Thỏa Thuận Tham Gia này sẽ có nghĩa như được quy định trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- 3.2 Các quy định tại Điều 11 của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được áp dụng với những sửa đổi cần thiết cho phù hợp với ngữ cảnh cho Thỏa Thuận Tham Gia này như thể được quy định rõ ràng trong Thỏa Thuận Tham Gia này.
- 3.3 Thỏa Thuận Tham Gia này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 3.4 Thỏa Thuận Tham Gia này được ký thành 4 (bốn) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau. Tổ Chức Phát Hành giữ 2 (hai) bản gốc và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế giữ 2 (hai) bản gốc.

13 -
TY
CH
HỆ
SÁ
HÁO
HÁI

ĐỀ GHI NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN, các bên, thông qua người đại diện được ủy quyền hợp lệ của mình, đã ký kết Thỏa Thuận Tham Gia này vào ngày được nêu ở trang đầu tiên của Thỏa Thuận Tham Gia này.

[Điền tên chính thức của Tổ Chức Phát Hành] với tư cách là Tổ Chức Phát Hành

[Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế] với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế

Chữ ký: _____
Họ tên: [●]
Chức vụ: [●]

Chữ ký: _____
Họ tên: [●]
Chức vụ: [●]

[Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm] với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm²

Chữ ký: _____
Họ tên: [●]
Chức vụ: [●]



² Không áp dụng trong trường hợp thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 9.4.

HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU
Số: 08/2023/BHA/NPM-TCBS

giữa

CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO
với tư cách là **Tổ Chức Phát Hành**

và

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG
với tư cách là **Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**

TRÁI PHIẾU NPMPO2328004

Ngày 08 tháng 06 năm 2023

MUC LUC

	Trang
ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI.....	2
1.1. Định Nghĩa.....	2
1.2. Nguyên Tắc Diễn Giải	3
ĐIỀU 2. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU	4
ĐIỀU 3. NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU.....	5
ĐIỀU 4. TRÁI PHIẾU.....	7
4.1. Giá Trị Phát Hành.....	7
4.2. Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu.....	7
4.3. Tính Chất Trái Phiếu.....	7
4.4. Giao Dịch Trái Phiếu	7
4.5. Quyết Định/Nghị Quyết Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu	8
ĐIỀU 5. QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU	8
5.1. Quyền Hạn Và Nghĩa Vụ Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu	8
5.2. Giới Hạn Trách Nhiệm Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu	9
ĐIỀU 6. CAM ĐOAN, BẢO ĐẢM VÀ CAM KẾT	10
6.1. Cam Đoan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Tổ Chức Phát Hành.....	10
6.2. Cam Đoan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu	13
ĐIỀU 7. PHÍ VÀ CHI PHÍ.....	14
ĐIỀU 8. BỒI HOÀN.....	15
ĐIỀU 9. THAY THẾ ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU	15
9.1. Các Quy Định Chung Về Thay Thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu	15
9.2. Thay Thế Do Từ Nhiệm.....	16
9.3. Thay Thế Bất Buộc	16
9.4. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm Chấm Dứt Hoạt Động.....	18
ĐIỀU 10. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT	18
ĐIỀU 11. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC	19
11.1. Chậm Thực Hiện Quyền; Các Quyền Tích Lũy	19
11.2. Bảo Mật.....	19
11.3. Chuyển Giao	20
11.4. Thông Báo.....	20
11.5. Luật Điều Chỉnh.....	20
11.6. Giải Quyết Tranh Chấp.....	20
11.7. Sửa Đổi	20
11.8. Hiệu Lực Riêng Rẽ	20
11.9. Ngôn Ngữ Và Số Bản	21
PHỤ LỤC I CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU.....	23
PHỤ LỤC II TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỘI NGHỊ VÀ LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN CỦA CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU.....	24
PHỤ LỤC III MẪU THỎA THUẬN THAM GIA	33

HỢP ĐỒNG ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU NÀY (“Hợp Đồng”) được lập vào ngày 08 tháng 06 năm 2023 giữa:

(A) CÔNG TY TNHH KHAI THÁC CHẾ BIẾN KHOÁNG SẢN NÚI PHÁO

Địa Chỉ : Xóm Suối Cát, Xã Hà Thượng, Huyện Đại Từ, Tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam

Thành Lập : Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 4600864513 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Tỉnh Thái Nguyên cấp lần đầu ngày 5 tháng 7 năm 2010 (được sửa đổi, bổ sung tùy từng thời điểm)

Người Đại Diện : *Nguyễn Huy Tuấn*
QUYỀN GIÁM ĐỐC TÀI CHÍNH

Chức Vụ :

Văn Bản Ủy Quyền : *Số 19 - UQ/ NPM - 2023*

(Trong Hợp Đồng này, Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo sau đây được gọi là “**Tổ Chức Phát Hành**”);

và

(B) CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN KỸ THƯƠNG hành động với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (được định nghĩa dưới đây)

Địa Chỉ : Tầng 27, tầng 28 và tầng 29, Tòa nhà C5 D'Capitale, số 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, Thành phố Hà Nội

Thành Lập : Giấy phép thành lập và hoạt động số 125/GP-UBCK do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 5 năm 2018 (được sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm)

Người Đại Diện : Bà: **Trần Thị Thu Trang**
Phó Tổng Giám đốc TCBS
Số 020511/21/UQ-TCBS ngày 05/11/2021 của Chủ tịch HĐQT

Chức Vụ :

Văn Bản Ủy Quyền :

(Trong Hợp Đồng này, Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương sau đây được gọi là “**TCBS**”).

CƠ SỞ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

XÉT RẰNG:

- (A) Tổ Chức Phát Hành dự định chào bán ra công chúng các trái phiếu bằng tiền Đồng, không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành, với tổng mệnh giá tối đa 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng), với lãi suất kết hợp giữa lãi suất thả nổi và lãi suất cố định, đáo hạn năm 2028 (“**Trái Phiếu**”) với các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu được đính kèm tại Phụ Lục I của Hợp Đồng này (“**Các Điều Kiện Trái Phiếu**”);
- (B) Tổ Chức Phát Hành mong muốn chỉ định TCBS làm tổ chức đại diện ban đầu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này; và
- (C) TCBS đồng ý thực hiện nhiệm vụ đại diện ban đầu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng này,

DO VẬY, NAY, các Bên thỏa thuận như sau:

ĐIỀU 1. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI

1.1. Định Nghĩa

Trừ khi được định nghĩa khác đi trong Hợp Đồng này, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Hợp Đồng này (kể cả phần giới thiệu các bên tham gia Hợp Đồng này và phần Cơ Sở Ký Kết Hợp Đồng) sẽ có nghĩa như được quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu. Ngoài ra, khi được sử dụng trong Hợp Đồng này, các thuật ngữ dưới đây sẽ có nghĩa như sau:

“**Bên**” có nghĩa là mỗi bên trong số Tổ Chức Phát Hành và TCBS với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu.

“**Các Điều Kiện Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại đoạn (A) của phần Cơ Sở Ký Kết Hợp Đồng trên đây.

“**Đại Biểu**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 3.2 của Phụ Lục II.

“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều 2(a) và cũng là “Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu” được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm**” có nghĩa như được quy định tại Điều 9.1(a).

“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế**” có nghĩa như được quy định tại Điều 9.1(a).

“**Hội Nghị**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 1.1 của Phụ Lục II.

“**Hợp Đồng**” có nghĩa là hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu này, cùng với các Phụ Lục.

“**Phiếu Lấy Ý Kiến**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 6.2 của Phụ Lục II.

“**Sở Giao Dịch Chứng Khoán**”, tùy hoàn cảnh áp dụng, có nghĩa là bất kỳ sở giao dịch chứng khoán nào được công nhận tại Việt Nam mà (i) Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ gửi các nội dung công bố thông tin theo quy định tại Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật khác hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán áp dụng đối với Tổ Chức Phát Hành, hoặc (ii) tại đó, Trái Phiếu được phép niêm yết để giao dịch tập trung phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu và Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

“**TCBS**” có nghĩa như được quy định tại phần giới thiệu các Bên.

“**Thông Báo Lấy Ý Kiến**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 6.6 của Phụ Lục II.

“**Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 1.7 của Phụ Lục II.

“**Thỏa Thuận Tham Gia**” có nghĩa như được quy định tại Điều 9.1(d).

“**Tổ Chức Phát Hành**” có nghĩa như được quy định tại phần giới thiệu các Bên.

“**Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại đoạn (A) của phần Cơ Sở Ký Kết Hợp Đồng trên đây.

“**VIAC**” có nghĩa như được quy định tại Điều 11.6.

“**Yêu Cầu Lấy Ý Kiến**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 6.2 của Phụ Lục II.

“**Yêu Cầu Triệu Tập**” có nghĩa như được quy định tại Đoạn 1.3 của Phụ Lục II.

1.2. Nguyên Tắc Diễn Giải

(a) Nghĩa của các thuật ngữ được định nghĩa tại Điều 1.1 được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Trừ trường hợp văn cảnh cụ thể quy định khác đi, các từ được dùng ở dạng số ít cũng bao gồm ý nghĩa dùng ở dạng số nhiều và ngược lại.

(b) Tiêu đề của các Điều, khoản chỉ nhằm để tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích các điều, khoản của Hợp Đồng này.

(c) Trừ khi được quy định khác đi, dẫn chiếu trong Hợp Đồng này đến các Phụ Lục, Điều, khoản và đoạn là dẫn chiếu đến các phụ lục, điều, khoản và đoạn của Hợp Đồng này.

(d) Các từ “của Hợp Đồng này”, “trong Hợp Đồng này”, và “theo Hợp Đồng này” và các từ ngữ có ý nghĩa tương tự khi sử dụng trong Hợp Đồng này sẽ dẫn chiếu đến toàn bộ Hợp Đồng này chứ không phải đến một điều khoản cụ thể nào của Hợp Đồng.

(e) Dẫn chiếu đến bất kỳ văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận nào sẽ (i) bao gồm tất cả các phụ đính, phụ lục, và các phụ mục khác đính kèm văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, (ii) bao gồm tất cả các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận được phát hành hoặc ký để thay thế văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, và (iii) có nghĩa là các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận,

hoặc các văn kiện thay thế hoặc các văn kiện tiền thân của văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, cùng với các văn kiện sửa đổi, chỉnh lý và bổ sung tại từng thời điểm phù hợp với quy định của các văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực vào bất kỳ thời điểm nào.

(f) Dẫn chiếu đến bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật nào trong Hợp Đồng này sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó mà đã được sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật thay thế Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó.

(g) Dẫn chiếu đến “nghị quyết”, “quyết định”, “yêu cầu”, “ý kiến”, “chỉ thị” hay “chấp thuận” của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là dẫn chiếu đến nghị quyết, quyết định, yêu cầu, ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua một cách hợp lệ tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bằng cách Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này.

(h) Trừ trường hợp có quy định cụ thể yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải hành động theo một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bất kỳ công việc, hành động nào của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đề cập đến trong Hợp Đồng này sẽ được hiểu là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được toàn quyền quyết định đối với các công việc, hành động đó mà không cần phải có nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(i) Trái Phiếu “đang lưu hành” có nghĩa là bất kỳ Trái Phiếu nào đã được phát hành, được thanh toán đầy đủ bởi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhưng chưa được Tổ Chức Phát Hành mua lại và bị hủy bỏ.

(j) Thuật ngữ “chuyển nhượng” khi được sử dụng cho Trái Phiếu có nghĩa là giao dịch bán, chuyển nhượng, tặng, cho, góp vốn, hoán đổi, trao đổi, để lại thừa kế, chiết khấu không kèm theo cam kết mua lại hoặc chuyển quyền sở hữu theo hình thức khác đối với Trái Phiếu phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng; và “việc chuyển nhượng”, “bên chuyển nhượng”, “bên nhận chuyển nhượng” và các dạng từ khác của “chuyển nhượng” sẽ được diễn giải một cách tương ứng.

(k) Việc sử dụng thuật ngữ “bao gồm”, “bao gồm cả”, “kể cả” hoặc các diễn đạt tương tự sẽ được hiểu là không có giới hạn.

ĐIỀU 2. CHỈ ĐỊNH ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

(a) Bằng Hợp Đồng này, Tổ Chức Phát Hành chỉ định TCBS làm tổ chức đại diện cho quyền lợi của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu với nhiệm vụ chung là giám sát việc Tổ Chức Phát Hành tuân thủ các cam kết, thỏa thuận và nghĩa vụ của mình đối với Trái Phiếu và thực hiện các công việc, nhiệm vụ khác và hưởng các quyền, quyền hạn và lợi ích quy định cụ thể trong hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu có liên quan (“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**”). Bằng Hợp Đồng này, TCBS đồng ý việc chỉ định này.

(b) Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu có liên quan, công nhận và đồng ý không hủy ngang việc chỉ định TCBS làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu và các điều khoản và điều kiện khác của Hợp Đồng này.

(c) Trong khi Hợp Đồng này vẫn còn hiệu lực, sẽ chỉ có duy nhất một Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ định theo Hợp Đồng này. Việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này sẽ có hiệu lực cho đến khi Hợp Đồng này chấm dứt.

(d) Để tránh nhầm lẫn, trừ khi được quy định khác đi tại Điều 2(g) dưới đây và Các Điều Khoản Trái Phiếu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không tự mình mà phải thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền của mình theo Các Điều Khoản Trái Phiếu và/hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

(e) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể bị thay thế theo quy định tại Điều 9.

(f) Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu, và Tổ Chức Phát Hành đồng ý rằng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (tùy trường hợp áp dụng) có thể là cùng một tổ chức và đồng ý miễn trừ mọi xung đột lợi ích thực tế hoặc xung đột lợi ích có khả năng phát sinh trong tương lai.

(g) Nếu:

- (i) theo Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng (đang có hiệu lực hoặc sẽ có hiệu lực trong tương lai) hoặc theo phán quyết, quyết định có hiệu lực của bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không được phép hoặc không thể thực hiện một hoặc một số nhiệm vụ hoặc quyền, lợi ích bất kỳ nào của mình được trao theo bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào; hoặc
- (ii) xảy ra sự kiện thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này và/hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác nhưng việc thay thế đó chưa hoàn tất,

thì (các) nhiệm vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và quyền, lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực thi theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác có thể được thực hiện trực tiếp bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức/Cá Nhân khác được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ủy quyền (theo quyết định được thông qua hợp lệ bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu).

ĐIỀU 3. NHIỆM VỤ CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thực hiện các nhiệm vụ sau:

- (i) ký kết và thực hiện Hợp Đồng này và bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là một bên nhân danh và vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (ii) thay mặt Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các quyền lợi của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;

- (iii) thực hiện các công việc liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (iv) phù hợp với quy định tại Điều 5.2, giám sát việc tuân thủ các cam kết của Tổ Chức Phát Hành quy định trong hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu; thông báo ngay cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khi có bằng chứng rõ ràng về việc Tổ Chức Phát Hành vi phạm cam kết theo bất kỳ hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu nào; báo cáo cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước trong trường hợp phát hiện và có bằng chứng rõ ràng về việc Tổ Chức Phát Hành có hành vi vi phạm ảnh hưởng đến quyền lợi của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (v) triệu tập và tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Phụ Lục II của Hợp Đồng này khi có yêu cầu hợp lệ của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc của Tổ Chức Phát Hành hoặc các bên khác trong phạm vi các yêu cầu đó được đưa ra phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu (bao gồm cả việc quyết định hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều 5.1 của Hợp Đồng này), và ký biên bản Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhân danh các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, biên bản kiểm phiếu, các quyết định/ngợi quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo thẩm quyền được giao;
- (vi) nhận và thông báo ngay cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về nội dung của mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm, Các Bên Bảo Đảm hoặc VSD (tùy trường hợp áp dụng) gửi cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (vii) nhận và gửi ngay cho các bên liên quan mỗi thông báo, giấy chứng nhận, tài liệu hoặc thư từ trao đổi bằng văn bản khác liên quan đến Trái Phiếu mà bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào gửi cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm, Các Bên Bảo Đảm thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (viii) sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, hỗ trợ hoặc thay mặt Tổ Chức Phát Hành (trong phạm vi pháp luật cho phép) gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền nhằm mục đích chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại từng thời điểm cho VSD;
- (ix) thông báo và yêu cầu Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm và Các Bên Bảo Đảm thực hiện các quyết định/ngợi quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi các quyết định/ngợi quyết đó được đưa ra phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (x) tạo điều kiện cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rà soát, nghiên cứu và sao chụp các văn bản, tài liệu liên quan đến Trái Phiếu (kể cả các Văn Kiện Trái Phiếu) mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm lưu giữ và Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền tiếp cận theo Hợp Đồng này, Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác trên cơ sở có thu phí đối với Chủ Sở Hữu Trái

Phiếu yêu cầu cung cấp tài liệu đó. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cũng có thể cho phép nhà đầu tư tiềm năng tiếp cận các tài liệu nêu trên hoặc cung cấp bản sao của các tài liệu đó cho nhà đầu tư tiềm năng trên cơ sở tuân thủ nghĩa vụ bảo mật thông tin theo quy định tại Điều 11.2 và các Văn Kiện Trái Phiếu có liên quan và có thu phí đối với nhà đầu tư đó;

- (xi) lưu trữ các thông báo, văn bản và tài liệu mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được hoặc có được (trong vai trò là tổ chức đại diện cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) liên quan đến Trái Phiếu, trừ các thông báo, văn bản và tài liệu mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải chuyển giao cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác hoặc phải tiêu hủy theo quy định của Hợp Đồng này, các Văn Kiện Trái Phiếu khác và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan; và
- (xii) thực hiện các nhiệm vụ khác theo quy định của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

ĐIỀU 4. TRÁI PHIẾU

4.1. Giá Trị Phát Hành

Tổng mệnh giá Trái Phiếu được phát hành tối đa là 500.000.000.000 VND (năm trăm tỷ Đồng). Tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại từng thời điểm cụ thể sẽ được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký.

4.2. Các Điều Khoản Và Điều Kiện Trái Phiếu

(a) Trái Phiếu được điều chỉnh bởi Các Điều Kiện Trái Phiếu và các quy định có liên quan của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

(b) Các Điều Kiện Trái Phiếu, cùng với các quy định có liên quan của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, quy định toàn bộ các điều khoản và điều kiện của Trái Phiếu và xác lập quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với và liên quan đến Trái Phiếu.

4.3. Tính Chất Trái Phiếu

Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp của Tổ Chức Phát Hành. Trong trường hợp số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm không đủ để thanh toán cho các nghĩa vụ liên quan đến Trái Phiếu thì phần nghĩa vụ chưa được thanh toán đủ sẽ có thứ tự thanh toán ít nhất ngang bằng với các nghĩa vụ khác không được bảo đảm (dù là nghĩa vụ hiện tại hoặc trong tương lai) của Tổ Chức Phát Hành (trừ trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan). Các Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang nhau mà không Trái Phiếu nào có bất kỳ quyền ưu tiên thanh toán hơn so với các Trái Phiếu còn lại vì bất kỳ lý do nào.

4.4. Giao Dịch Trái Phiếu

Trong khi Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD và/hoặc niêm yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, mọi giao dịch đối với Trái Phiếu (kể cả chuyển nhượng)

sẽ theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký. Trong giai đoạn Trái Phiếu được đăng ký tại VSD và/hoặc niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, mọi giao dịch đối với Trái Phiếu (kể cả chuyển nhượng) sẽ thực hiện theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, và các quy chế có liên quan của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan.

4.5. Quyết Định/Nghị Quyết Của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Phù hợp với quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua các quyết định/nghị quyết thuộc thẩm quyền của mình đối với các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu bằng hình thức biểu quyết tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bằng cách Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua các hình thức phù hợp với quy định của Hợp Đồng này, các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và Các Điều Khoản Trái Phiếu (bao gồm nhưng không giới hạn việc sử dụng một hoặc kết hợp các hình thức lấy ý kiến bằng văn bản giấy, hình thức bỏ phiếu điện tử, và các hình thức khác phù hợp với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan).

(b) Trình tự và thủ tục tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được quy định tại Phụ Lục II của Hợp Đồng này. Trình tự và thủ tục Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng hình thức bỏ phiếu điện tử (nếu áp dụng) hoặc các hình thức khác sẽ theo quy chế bỏ phiếu điện tử hoặc các quy chế khác có liên quan do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu công bố tại từng thời điểm và sẽ được gửi cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cùng các tài liệu Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan với điều kiện là các quy chế đó phải đảm bảo thời hạn lấy ý kiến tối đa không quá thời hạn Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu quy định tại Phụ Lục II.

ĐIỀU 5. QUYỀN HẠN, NGHĨA VỤ VÀ GIỚI HẠN TRÁCH NHIỆM CỦA ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

5.1. Quyền Hạn Và Nghĩa Vụ Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải thực hiện các công việc và nhiệm vụ được quy định trong Hợp Đồng này một cách cẩn trọng và phù hợp với thông lệ thị trường trong nước đã được công nhận áp dụng cho các công việc và nhiệm vụ tương tự như các công việc và nhiệm vụ tại của một tổ chức làm đại diện cho quyền lợi của các chủ sở hữu của loại chứng khoán tương tự như các Trái Phiếu tại Việt Nam.

(b) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện mọi quyền, quyền hạn và thẩm quyền và hưởng các lợi ích được quy định cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong các Văn Khoản Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, kể cả các quyền và quyền hạn sau:

- (i) quyết định các vấn đề liên quan đến Trái Phiếu hoặc các Văn Khoản Trái Phiếu (bao gồm cả các vấn đề liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm) trừ các vấn đề mà các Văn Khoản Trái Phiếu quy định phải xin ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được đưa ra quyết định phù hợp với ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;

- (ii) quyết định việc lựa chọn hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định của Hợp Đồng này khi có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến Trái Phiếu đòi hỏi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải đưa ra quyết định hoặc chỉ thị cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Trái Phiếu hoặc khi người có thẩm quyền yêu cầu Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không đưa ra phương thức lấy ý kiến cụ thể;
 - (iii) dựa vào bất kỳ văn kiện, thông báo hay tài liệu nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đánh giá là xác thực, chính xác và đã được ký kết, phê duyệt hợp lệ và không phải kiểm tra hay xác minh việc ký kết hay phê duyệt bất kỳ tài liệu nào như vậy để thực hiện các quyền và nhiệm vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Hợp Đồng này; và
 - (iv) bằng chi phí của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, thuê các tổ chức tư vấn (luật, tài chính, kiểm toán hoặc khác) có uy tín và kinh nghiệm hỗ trợ việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện các công việc và nhiệm vụ được quy định rõ ràng trong các Văn Kiện Trái Phiếu, và dựa vào các tư vấn đó để quyết định việc thực hiện hay không thực hiện bất kỳ công việc hoặc nhiệm vụ nào.
- (c) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền đầu tư vào Trái Phiếu, nhận Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia bất kỳ giao dịch nào khác với bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác liên quan đến Trái Phiếu trong phạm vi được các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan cho phép.
- (d) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không bị hạn chế thực hiện vai trò đại diện (hay bất kỳ vai trò tương tự nào) cho người sở hữu bất kỳ chứng khoán nào không phải là Trái Phiếu trong thời hạn hiệu lực của Hợp Đồng này.

5.2. Giới Hạn Trách Nhiệm Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành và mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu, công nhận và đồng ý rằng:

- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không có bất kỳ trách nhiệm, nghĩa vụ hay nhiệm vụ thuộc bất kỳ loại nào ngoài các công việc và nhiệm vụ được quy định rõ ràng trong các Văn Kiện Trái Phiếu;
- (ii) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không phải thực hiện bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà trái với hoặc, theo đánh giá hợp lý của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là có thể trái với, bất kỳ quy định nào của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quyết định, phán quyết của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền nào hay quy chế của VSD hoặc bất kỳ Sở Giao Dịch Chứng Khoán nào;
- (iii) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ phải thông báo về việc xảy ra một Sự Kiện Vi Phạm hay vi phạm đối với bất kỳ cam kết nào của Tổ Chức Phát Hành khi có bằng chứng rõ ràng về việc xảy ra Sự Kiện Vi Phạm hoặc vi phạm đó và việc thông báo về Sự Kiện Vi Phạm hay vi phạm đó (tùy trường hợp áp dụng) không dẫn đến việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu vi phạm nghĩa vụ bảo mật đối với các Tổ Chức/Cá Nhân khác (mà không phải là Tổ Chức Phát Hành). Nghĩa

vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu giám sát việc thực hiện các cam kết của Tổ Chức Phát Hành được quy định trong các hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu được giới hạn trong phạm vi hiểu biết thông thường và trong khả năng của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;

- (iv) khi có chỉ thị của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ hành động theo chỉ thị đó nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được cam kết hoặc bảo đảm (đáp ứng yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc bồi hoàn bất kỳ tổn thất, trách nhiệm hay nghĩa vụ thuộc bất kỳ loại nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể phải gánh chịu hoặc chi trả khi hành động theo chỉ thị đó; và
- (v) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không phải chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về bất kỳ công việc hay nhiệm vụ nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện công việc hay nhiệm vụ đó theo đúng chỉ thị của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

ĐIỀU 6. CAM ĐOAN, BẢO ĐẢM VÀ CAM KẾT

6.1. Cam Đuan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Tổ Chức Phát Hành

(a) Cam Đuan Và Bảo Đảm

Tổ Chức Phát Hành cam đuan và bảo đảm với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rằng các cam đuan và bảo đảm dưới đây là trung thực, chính xác và không gây nhầm lẫn vào ngày ký kết Hợp Đồng này và vào Ngày Phát Hành (trừ các cam đuan và bảo đảm có dẫn chiếu đến một ngày cụ thể thì cam đuan và bảo đảm đó chỉ được đưa ra vào ngày cụ thể đó):

- (i) Tổ Chức Phát Hành (i) là một công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập hợp lệ và hoạt động hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, và (ii) có đầy đủ quyền hạn và thẩm quyền để sở hữu tài sản của mình và thực hiện các hoạt động kinh doanh hiện tại đang được Tổ Chức Phát Hành tiến hành;
- (ii) Chưa có sự kiện nào có thể dẫn đến việc giải thể hoặc phá sản nào đã hoặc đang xảy ra hoặc chuẩn bị tiến hành đối với Tổ Chức Phát Hành mà Tổ Chức Phát Hành đã biết;
- (iii) ngoại trừ các chấp thuận của các Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền mà Tổ Chức Phát Hành bắt buộc phải có để đăng ký Trái Phiếu với VSD và niêm yết Trái Phiếu với Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan, vào Ngày Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành đã có được tất cả các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận cần thiết của các Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền để (A) chào bán các Trái Phiếu ra công chúng, (B) ký kết, chuyển giao và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên, và (C) hoàn thành các giao dịch được quy định trong Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên (nếu có);

- (iv) ngoại trừ chấp thuận của hội đồng thành viên và/hoặc cơ quan quản lý nội bộ khác của Tổ Chức Phát Hành để hoàn tất việc đăng ký Trái Phiếu với VSD và niêm yết Trái Phiếu với Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan mà VSD, Sở Giao Dịch Chứng Khoán đó và/hoặc Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền khác có thể yêu cầu tại từng thời điểm, Tổ Chức Phát Hành đã có được các chấp thuận nội bộ cần thiết phù hợp với điều lệ và các quy chế, quy định nội bộ đang có hiệu lực của Tổ Chức Phát Hành để (A) chào bán các Trái Phiếu ra công chúng, đăng ký Trái Phiếu với VSD và niêm yết Trái Phiếu với Sở Giao Dịch Chứng Khoán, (B) ký kết, chuyển giao và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên, và (C) hoàn thành các giao dịch được quy định trong Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên;
- (v) khi được ký kết hợp lệ, Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên sẽ xác lập các nghĩa vụ hợp pháp, có hiệu lực, có giá trị ràng buộc và có khả năng thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành phù hợp với các điều khoản của Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu đó, trừ trường hợp việc thi hành các nghĩa vụ đó có thể bị hạn chế bởi các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật về phá sản, tái cơ cấu hoặc về các vấn đề tương tự mà liên quan hoặc ảnh hưởng đến việc thi hành các quyền của chủ nợ nói chung; và
- (vi) việc Tổ Chức Phát Hành phát hành Trái Phiếu và việc Tổ Chức Phát Hành ký kết, chuyển giao và thực hiện Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Tổ Chức Phát Hành là một bên sẽ không (A) vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong các văn kiện nội bộ của Tổ Chức Phát Hành hiện đang có hiệu lực, bao gồm nhưng không giới hạn bởi điều lệ của Tổ Chức Phát Hành, (B) vi phạm hoặc dẫn đến vi phạm hoặc cấu thành hành vi vi phạm theo bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan nào, hoặc (C) trái với, mâu thuẫn hoặc dẫn đến vi phạm bất kỳ hợp đồng hoặc thoả thuận quan trọng nào mà Tổ Chức Phát Hành là một bên tham gia.

(b) Cam Kết

Tổ Chức Phát Hành cam kết với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rằng:

- (i) Tổ Chức Phát Hành sẽ tuân thủ các trách nhiệm và nghĩa vụ của mình theo hoặc liên quan đến Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này (kể cả nghĩa vụ trả phí và chi phí cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu);
- (ii) Tổ Chức Phát Hành sẽ hợp tác và hỗ trợ Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tối đa trong việc thực hiện các công việc và nhiệm vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác,
- (iii) Tổ Chức Phát Hành sẽ có được và duy trì hiệu lực của tất cả phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận liên quan đến các Trái Phiếu phù hợp với các quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các văn kiện công ty của Tổ Chức Phát Hành, và cung cấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông tin chi tiết về các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận đó theo yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;

- (iv) Tổ Chức Phát Hành phải cung cấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (để Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khi có yêu cầu) các thông tin sau, trong phạm vi mà các thông tin đó chưa được Tổ Chức Phát Hành công bố công khai theo các quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và/hoặc chưa được Tổ Chức Phát Hành cung cấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Trái Phiếu, với điều kiện là việc cung cấp thông tin không dẫn đến việc Tổ Chức Phát Hành vi phạm bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật nào, quyết định hoặc yêu cầu của bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào:
- (A) (các) bản báo cáo về việc sử dụng số tiền thu được từ các Trái Phiếu bởi Tổ Chức Phát Hành là đúng mục đích được quy định tại Phương Án Phát Hành Trái Phiếu trong thời hạn như được quy định tại Điều Khoản 11(p) của Các Điều Khoản Trái Phiếu. Tổ Chức Phát Hành sẽ cung cấp các chứng từ hợp lý để chứng minh việc sử dụng vốn đó để Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu kiểm tra một cách hợp lý việc sử dụng tiền thu được từ phát hành Trái Phiếu và thực hiện các nghĩa vụ theo Trái Phiếu;
 - (B) trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày có bất kỳ thay đổi nào về (xx) tỷ lệ sở hữu của bất kỳ thành viên góp vốn nào sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành, (yy) tổng giám đốc của Tổ Chức Phát Hành và (zz) người đại diện theo pháp luật của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo về sự thay đổi đó cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trừ trường hợp các thay đổi đó đã được công bố thông tin theo yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật;
 - (C) Báo Cáo Tài Chính của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành ngay khi có Báo Cáo Tài Chính đó nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Năm Tài Chính có liên quan;
 - (D) Báo Cáo Tài Chính bán niên của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành ngay khi có nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo có liên quan;
 - (E) Một bản sao y được xác thực bởi đại diện có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành đối với toàn bộ hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu để Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện nhiệm vụ của mình theo quy định tại Hợp Đồng này không muộn hơn 10 (mười) Ngày Làm Việc kể từ Ngày Phát Hành;
 - (F) tối thiểu 5 (năm) Ngày Làm Việc sau khi hoàn tất bất kỳ giao dịch tổ chức lại doanh nghiệp và/hoặc chuyển nhượng tài sản của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con Chính nào của Tổ Chức Phát Hành thỏa mãn quy định tại Điều Khoản 11(h) của Các Điều Khoản Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo về việc hoàn tất giao dịch đó cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu kèm theo các thông tin hoặc tài liệu liên quan

(nếu có);

- (G) thông tin về bất kỳ vụ kiện tụng nào (xx) theo đánh giá của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là có khả năng gây Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể ngay sau khi nhận được yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc (yy) theo đánh giá của Tổ Chức Phát Hành là có khả năng gây Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể ngay sau khi Tổ Chức Phát Hành biết được thông tin đó; và
- (H) thông tin về bất kỳ sự kiện nào mà dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến một Sự Kiện Vi Phạm ngay khi Tổ Chức Phát Hành biết được thông tin đó.

Bất kể có quy định nào khác đi trong Hợp Đồng này, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không được tiết lộ bất kỳ thông tin nào (mà không phải là thông tin đã được công khai một cách hợp pháp) nhận được từ Tổ Chức Phát Hành theo đoạn (iv) này cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào trừ trường hợp (x) bắt buộc phải tiết lộ thông tin theo yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan hoặc yêu cầu của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền, (y) được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận trước, hoặc (z) việc tiết lộ thông tin được thực hiện theo yêu cầu hợp lệ của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu; và

- (v) Tổ Chức Phát Hành sẽ tuân thủ đầy đủ các quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán về nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với Tổ Chức Phát Hành.

6.2. Cam Đoan, Bảo Đảm Và Cam Kết Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Cam Đoan Và Bảo Đảm

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cam đoan và bảo đảm với Tổ Chức Phát Hành rằng các cam đoan và bảo đảm dưới đây là trung thực, chính xác và không gây nhầm lẫn vào ngày ký kết Hợp Đồng này và vào Ngày Phát Hành (trừ các cam đoan và bảo đảm có dẫn chiếu đến một ngày cụ thể thì cam đoan và bảo đảm đó chỉ được đưa ra vào ngày cụ thể đó):

- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là một công ty được thành lập hợp pháp theo pháp luật Việt Nam, có đầy đủ quyền, thẩm quyền và quyền hạn nội bộ cần thiết và đã thực hiện tất cả các thủ tục nội bộ và đã có được tất cả các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận cần thiết để (A) ký kết, chuyển giao và thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này và (B) hoàn thành các giao dịch được quy định trong Hợp Đồng này. Các phê duyệt, giấy phép, đăng ký và chấp thuận đó đều còn đầy đủ hiệu lực và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chưa nhận được bất kỳ thông báo nào về việc thu hồi hay sửa đổi bất kỳ phê duyệt, giấy phép, đăng ký hay chấp thuận nào như vậy;
- (ii) khi được ký kết hợp lệ, Hợp Đồng này sẽ xác lập các nghĩa vụ pháp lý có giá trị ràng buộc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và có khả năng thi hành theo các điều khoản của Hợp Đồng này; và

(iii) việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ký kết, chuyển giao hoặc thực hiện Hợp Đồng này sẽ không (A) vi phạm bất kỳ điều khoản nào trong các văn kiện công ty của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hiện đang có hiệu lực, bao gồm nhưng không giới hạn bởi điều lệ và giấy phép hoạt động của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, (B) vi phạm hoặc dẫn đến vi phạm hoặc cấu thành hành vi vi phạm theo bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan nào, hoặc (C) trái với, mâu thuẫn hoặc dẫn đến vi phạm bất kỳ nghĩa vụ nào theo bất kỳ hợp đồng hoặc thỏa thuận quan trọng nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là một bên tham gia.

(b) Cam Kết

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cam kết không tự chấm dứt vai trò hoặc bất kỳ nghĩa vụ nào của mình trừ trường hợp được quy định trong Hợp Đồng này và Các Điều Kiện Trái Phiếu.

ĐIỀU 7. PHÍ VÀ CHI PHÍ

(a) Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khoản phí liên quan đến các công việc và dịch vụ mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp cho Tổ Chức Phát Hành theo Hợp Đồng này với mức phí và theo lịch thanh toán cụ thể được quy định tại một thư thỏa thuận phí được ký giữa Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(b) Liên quan đến bất kỳ công việc hay dịch vụ nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể cung cấp cho các Tổ Chức/Cá Nhân khác (không phải là Tổ Chức Phát Hành) liên quan đến Trái Phiếu, với điều kiện là việc thực hiện các công việc hay dịch vụ này không gây tổn hại hoặc có ảnh hưởng bất lợi đối với các quyền mà Tổ Chức Phát Hành có được theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền ấn định và giữ lại cho mình tất cả các khoản phí mà các Tổ Chức/Cá Nhân khác đó phải thanh toán cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(c) Mọi chi phí và phí tổn liên quan đến việc gửi thông báo cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành, Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, phân bổ các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và thực hiện các nhiệm vụ hay công việc khác phù hợp với Hợp Đồng này mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gánh chịu hoặc chi trả hợp lý trên thực tế sẽ được Tổ Chức Phát Hành thanh toán (hoặc bồi hoàn) cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 20 (hai mươi) Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được các hóa đơn và bằng chứng hợp lệ có liên quan từ Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện là các khoản phí và chi phí này đã được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo bằng văn bản và nhận được chấp thuận trước bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành. Để tránh nhầm lẫn, trong trường hợp Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, chi phí mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gánh chịu hoặc chi trả hợp lý để thực hiện các nhiệm vụ hay công việc có liên quan sẽ do các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó thanh toán (hoặc bồi hoàn) cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo thỏa thuận giữa Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó.

ĐIỀU 8. BỒI HOÀN

(a) Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý bồi thường và bồi hoàn (tính theo tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu) cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với bất kỳ thiệt hại, tổn thất hoặc trách nhiệm nào mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gánh chịu trên thực tế (trừ trường hợp và trong phạm vi thiệt hại, tổn thất hoặc trách nhiệm đó là phát sinh trực tiếp từ lỗi vô ý nghiêm trọng, lỗi cố ý và/hoặc bất kỳ vi phạm nào đối với Hợp Đồng này của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) khi hành động theo chỉ thị của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu khác nào.

(b) Mỗi Bên phải bồi thường và bồi hoàn cho Bên còn lại mọi thiệt hại, tổn thất, chi phí, phí và phí tổn hợp lý, bao gồm cả phí luật sư và phí trọng tài (nếu có) dưới bất kỳ hình thức nào mà Bên còn lại phải gánh chịu trên thực tế phát sinh trực tiếp từ hoặc liên quan đến bất kỳ hành vi vi phạm nào của Bên phải bồi thường theo Hợp Đồng này hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu khác nào.

ĐIỀU 9. THAY THẾ ĐẠI DIỆN CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

9.1. Các Quy Định Chung Về Thay Thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đương nhiệm ("**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm**") có thể bị thay thế bởi một tổ chức khác ("**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế**") theo các quy định tại Điều 9 này. Các trường hợp thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu khác không thuộc phạm vi của Điều 9 này sẽ được các Bên hành động theo quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

(b) Việc thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ không có hiệu lực và không hợp lệ cho đến khi việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế có hiệu lực.

(c) Việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế bởi Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (tùy trường hợp áp dụng) nếu phù hợp với Điều 9 này sẽ ràng buộc Tổ Chức Phát Hành, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm, Các Bên Bảo Đảm và các bên khác có liên quan (nếu có) trong các Văn Kiện Trái Phiếu.

(d) Việc thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ có hiệu lực kể từ ngày các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phù hợp với quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (không áp dụng trong trường hợp thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấm dứt hoạt động quy định tại Điều 9.4), Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và Tổ Chức Phát Hành sẽ ký kết thỏa thuận tham gia về cơ bản theo mẫu quy định tại Phụ Lục III của Hợp Đồng này ("**Thỏa Thuận Tham Gia**").

(e) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phải là tổ chức có tư cách pháp nhân, có uy tín và kinh nghiệm và đáp ứng các điều kiện cần thiết để làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

(f) Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (tùy trường hợp áp dụng) sẽ gửi thông báo cho Bên còn lại, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm, Các Bên Bảo Đảm và các bên khác có liên quan (nếu có) trong các Văn Kiện Trái Phiếu về việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc từ ngày việc thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có hiệu lực và Thỏa Thuận Tham Gia được ký kết hợp lệ.

(g) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm phải bàn giao các hồ sơ, tài liệu, hoặc vật dụng mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có được khi thực hiện các công việc và nhiệm vụ liên quan đến Trái Phiếu cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế ngay khi có thể thực hiện được trên thực tế (nhưng sau khi đã nhận đủ tất cả các khoản thanh toán đến hạn cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm theo Hợp Đồng này).

(h) Nếu xảy ra sự kiện thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Hợp Đồng này nhưng việc thay thế chưa hoàn tất thì (các) nhiệm vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể được thực hiện trực tiếp bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức khác được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ủy quyền (theo quyết định được thông qua hợp lệ bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối phù hợp với các quy định của Hợp Đồng này, Các Điều Kiện Trái Phiếu, và Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan).

9.2. Thay Thế Do Từ Nhiệm

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có thể từ nhiệm và ngừng thực hiện toàn bộ trách nhiệm và nghĩa vụ của mình với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu sau khi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc trước ngày dự kiến từ nhiệm.

(b) Tổ Chức Phát Hành, hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm hoặc nhóm các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu từ 20% (hai mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó sẽ có quyền đề xuất một tổ chức làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và gửi đề xuất đó cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được thông báo từ nhiệm của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm.

(c) Trong vòng 25 (hai mươi lăm) Ngày Làm Việc sau khi nhận được đề xuất của các bên về Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế theo quy định nêu trên, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ thực hiện các trình tự và thủ tục để các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối về việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế hoặc lựa chọn một trong số các tổ chức được đề xuất theo đoạn (b) trên đây làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này.

9.3. Thay Thế Bất Buộc

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có thể bị thay thế khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào sau đây:

- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm vi phạm nghiêm trọng nhiệm vụ của mình như được quy định trong Hợp Đồng này và/hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu khác;
- (ii) có sự thay đổi đối với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng mà sự thay đổi này chưa được thi hành và chưa có hiệu lực vào ngày ký kết Hợp Đồng hoặc thỏa thuận tham gia có liên quan (tùy từng trường hợp áp dụng) nhưng gây ra ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến công việc kinh doanh, điều kiện tài chính, hoặc triển vọng của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm, hoặc khả năng thực hiện các nghĩa vụ của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm theo Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác; hoặc
- (iii) có kết luận hoặc quyết định đã có hiệu lực của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền về việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm không được thực hiện vai trò đại diện cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;

Tổ Chức Phát Hành theo đây đồng ý rằng ngay khi Tổ Chức Phát Hành có bằng chứng rõ ràng về việc vi phạm của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm theo quy định tại mục (i) của Điều 9.3(a) này, Tổ Chức Phát Hành sẽ nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc xảy ra sự kiện đó nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 1 (một) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành biết về việc sự kiện đó.

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm theo đây đồng ý rằng, ngay khi bất kỳ sự kiện nào quy định tại các mục (ii) và (iii) của Điều 9.3(a) này xảy ra trên thực tế hoặc có khả năng xảy ra trên thực tế, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm sẽ nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành về việc xảy ra sự kiện đó nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 1 (một) Ngày Làm Việc kể từ ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm biết về việc sự kiện đó đã xảy ra hoặc có khả năng xảy ra trên thực tế.

(b) Tổ Chức Phát Hành hoặc nhóm các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu từ 20% (hai mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó sẽ có quyền đề xuất một tổ chức làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và gửi đề xuất đó của mình cho Tổ Chức Phát Hành trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày ghi trên thông báo của Tổ Chức Phát Hành về việc vi phạm của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm và/hoặc ngày ghi trên thông báo của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm về việc xảy ra sự kiện quy định tại các mục (ii) và (iii) của Điều 9.3(a) (tùy từng trường hợp áp dụng). Nếu việc thay thế thuộc trường hợp quy định mục đoạn (iii) của Điều 9.3(a) thì việc đề xuất một hoặc một vài tổ chức làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phải hoàn tất trước thời điểm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm bắt buộc phải thôi thực hiện vai trò đại diện cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo kết luận hoặc quyết định có liên quan của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền.

(c) Trong vòng 25 (hai mươi lăm) Ngày Làm Việc sau khi nhận được đề xuất của các bên về Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế theo quy định nêu trên, Tổ Chức Phát Hành sẽ thực hiện các trình tự và thủ tục để các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối về việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế hoặc lựa chọn một trong số các tổ chức được đề xuất theo mục (b) trên đây làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế theo một nghị quyết theo quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng này.

9.4. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm Chấm Dứt Hoạt Động

(a) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm có trách nhiệm thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi có bất kỳ quyết định nào về việc chấm dứt hoạt động của mình. Ngay sau khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm biết được thông tin sẽ bị chấm dứt hoạt động vì bất kỳ lý do nào, Tổ Chức Phát Hành phải nhanh chóng thông báo bằng văn bản cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi biết được các thông tin này.

(b) Tổ Chức Phát Hành hoặc nhóm các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu từ 20% (hai mươi phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó sẽ có quyền đề xuất một tổ chức làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế và gửi đề xuất đó cho Tổ Chức Phát Hành trong vòng 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được quyết định của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm về việc chấm dứt hoạt động của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm.

(c) Ngay khi có thể sau khi nhận được đề xuất của nhóm các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế theo quy định nêu trên, Tổ Chức Phát Hành phải thực hiện các trình tự và thủ tục để các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối về việc chỉ định Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế hoặc lựa chọn một trong số các tổ chức được đề xuất theo mục (b) trên đây làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng này.

(d) Tổ Chức Phát Hành công nhận và cam kết rằng kể cả và trong khi chưa có tổ chức nào được chỉ định làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm đã chấm dứt hoạt động thì Hợp Đồng này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm là một bên sẽ tiếp tục có hiệu lực và ràng buộc Tổ Chức Phát Hành như thể sự kiện thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu quy định tại Điều 9.4 này chưa xảy ra.

ĐIỀU 10. HIỆU LỰC VÀ CHẤM DỨT

(a) Hợp Đồng này có hiệu lực từ ngày ký. Kể từ ngày Hợp Đồng này có hiệu lực, (i) Hợp Đồng này và các quy định tại hợp Đồng này sẽ thay thế cho toàn bộ Hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu số 04/2023/BHA/NPM-TCBS ngày 5 tháng 5 năm 2023 ký kết giữa các Bên (“Hợp Đồng Đại Diện 04”) và các quy định của Hợp Đồng Đại Diện 04, và (ii) Hợp Đồng Đại Diện 04 sẽ chấm dứt hiệu lực và không còn ràng buộc tất cả các Bên.

(b) Hợp Đồng này bị chấm dứt khi xảy ra bất kỳ sự kiện nào dưới đây, tùy thuộc vào thời điểm nào đến trước:

(i) không có bất kỳ Trái Phiếu nào được phát hành trước (A) ngày thứ 91 (chín mươi một) kể từ ngày có hiệu lực của giấy chứng nhận đăng ký chào bán trái phiếu ra công chúng do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp, hoặc ngày của thông báo phát hành trái phiếu ra công chúng (tùy từng trường hợp áp dụng); hoặc (B) ngày kết thúc một thời hạn chào bán Trái Phiếu dài hơn nếu được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận gia hạn; và

- (ii) khi các Trái Phiếu đã được mua lại toàn bộ theo Các Điều Kiện Trái Phiếu hoặc mọi nghĩa vụ thanh toán theo Trái Phiếu đã được thực hiện đầy đủ.
- (c) Việc chấm dứt Hợp Đồng này sẽ không làm ảnh hưởng đến các quyền và trách nhiệm mà mỗi Bên có trước thời điểm chấm dứt. Các quy định tại các Điều 8, 10(c), 11.2, 11.4, 11.5 và 11.6 vẫn có giá trị ràng buộc các Bên sau khi Hợp Đồng này chấm dứt.

ĐIỀU 11. CÁC QUY ĐỊNH KHÁC

11.1. Chậm Thực Hiện Quyền; Các Quyền Tích Lũy

(a) Việc một Bên không thực hiện hay chậm thực hiện bất kỳ quyền nào của mình theo Hợp Đồng này sẽ không được hiểu là Bên đó từ bỏ quyền đó hoặc miễn cho Bên kia thực hiện nghĩa vụ có liên quan. Việc một Bên từ bỏ quyền hoặc miễn cho Bên kia thực hiện nghĩa vụ phải được lập bằng văn bản và được ký bởi Bên đó.

(b) Các quyền của một Bên theo Hợp Đồng này hoặc theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan có thể được thực hiện cùng nhau mà không loại trừ lẫn nhau trừ trường hợp việc thực hiện cùng nhau đó không được phép theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

11.2. Bảo Mật

Mỗi Bên phải bảo đảm giữ bí mật nội dung của Hợp Đồng này và không tiết lộ nội dung của Hợp Đồng này và việc thực hiện Hợp Đồng này cho bất kỳ bên thứ ba nào trừ trường hợp:

- (i) việc tiết lộ đó đã được Bên kia chấp thuận bằng văn bản;
- (ii) việc tiết lộ cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm, Các Bên Bảo Đảm và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (iii) việc tiết lộ là bắt buộc theo quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quy định của VSD và bất kỳ Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan nào, hoặc theo yêu cầu của Cơ Quan Nhà Nước có thẩm quyền;
- (iv) việc tiết lộ bởi Tổ Chức Phát Hành và đối tác tham gia giao dịch có liên quan đến Trái Phiếu cho nhà đầu tư hiện tại hoặc nhà đầu tư tiềm năng vào Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Phát Hành và đối tác tham gia giao dịch có liên quan đến Trái Phiếu với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (v) việc tiết lộ bởi một Bên cho Công Ty Con, công ty liên kết và cán bộ, nhân viên, kế toán, luật sư, đơn vị tư vấn và người đại diện tương ứng của Bên đó trong phạm vi mà các Tổ Chức/Cá Nhân này là những người cần được biết nội dung của Hợp Đồng này nhằm thực hiện nghĩa vụ của bên đó theo Hợp Đồng này; hoặc
- (vi) thông tin đã trở nên công khai (ngoại trừ trường hợp là hậu quả của việc vi phạm Điều 11.2 này),

tuy nhiên, với điều kiện là việc tiết lộ thông tin trong các trường hợp trên không áp dụng đối với thư thỏa thuận phí quy định tại Điều 7(a), và trước khi tiết lộ thông tin theo các Điều 11.2(iv) và 11.2(v) trên đây, Bên tiết lộ thông tin phải thông báo cho các Tổ Chức/Cá Nhân tiếp nhận thông tin về điều khoản bảo mật này và tính chất mật của nội dung của Hợp Đồng này và đồng thời đảm bảo các Tổ Chức/Cá Nhân đó cam kết tuân thủ nghĩa vụ bảo mật phù hợp với quy định của Điều 11.2 này.

11.3. Chuyển Giao

Trừ trường hợp thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, không Bên nào được chuyển giao hoặc chuyển nhượng bất kỳ quyền hoặc nghĩa vụ nào của mình theo Hợp Đồng này khi chưa được Bên còn lại chấp thuận trước bằng văn bản, ngoại trừ việc chuyển giao hoặc chuyển nhượng vì lý do tổ chức lại doanh nghiệp theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

11.4. Thông Báo

Việc gửi thông báo theo Hợp Đồng này sẽ theo phương thức quy định tại Điều Khoản 13 của Các Điều Khoản Trái Phiếu.

11.5. Luật Điều Chỉnh

Hợp Đồng này sẽ được điều chỉnh bởi và được giải thích phù hợp với pháp luật Việt Nam.

11.6. Giải Quyết Tranh Chấp

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Hợp Đồng này (kể cả bất kỳ vấn đề nào liên quan đến sự tồn tại, hiệu lực hoặc việc chấm dứt của Hợp Đồng này) sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (“VIAC”) theo quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC bởi 3 (ba) trọng tài viên được chỉ định theo quy tắc đó. Địa điểm tiến hành thủ tục trọng tài là Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài là tiếng Việt.

11.7. Sửa Đổi

Mọi sửa đổi, bổ sung Hợp Đồng này đều phải được lập bằng văn bản và được ký kết bởi các Bên. Các Bên có thể sửa đổi Hợp Đồng này mà không cần chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nếu (i) việc sửa đổi không ảnh hưởng bất lợi đến quyền, lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu dưới bất kỳ hình thức nào hoặc việc sửa đổi hoàn toàn mang tính hình thức để sửa chữa các sai sót hiển nhiên hoặc mang tính kỹ thuật, (ii) việc sửa đổi đó đã được dự kiến trong Hợp Đồng này mà không yêu cầu phải được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận hoặc (iii) việc sửa đổi áp dụng đối với thư thỏa thuận phí quy định tại Điều 7(a) của Hợp Đồng này. Bất kỳ sửa đổi nào khác đối với Hợp Đồng này phải được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận trước.

11.8. Hiệu Lực Riêng Rẽ

Mỗi quy định trong Hợp Đồng này và mỗi phần của nó là riêng rẽ và phân biệt so với các quy định khác. Nếu có bất kỳ quy định nào của Hợp Đồng này là không có giá trị, không

hợp pháp hoặc không có giá trị thi hành theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan thì giá trị, tính hợp pháp và khả năng thi hành của các quy định còn lại của Hợp Đồng này sẽ không bị ảnh hưởng theo bất kỳ cách nào.

11.9. Ngôn Ngữ Và Số Bản

Hợp Đồng này được lập thành 3 (ba) bản gốc bằng tiếng Việt, có giá trị pháp lý như nhau. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu giữ 1 (một) bản gốc, Tổ Chức Phát Hành giữ 2 (hai) bản gốc (bao gồm 1 (một) bản sử dụng để nộp cho Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước theo hồ sơ đăng ký chào bán Trái Phiếu).

*[Phần còn lại của trang này được chủ ý để trống.
Phần chữ ký nằm ở trang tiếp theo.]*

CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA TRÁI PHIẾU
(Trái Phiếu NPMPO2328004)

1. CÁC QUY ĐỊNH CHUNG

- 1.1. Các điều khoản và điều kiện này ("**Các Điều Kiện Trái Phiếu**") điều chỉnh các Trái phiếu NPMPO2328004 ("**Trái Phiếu**") do Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo ("**Tổ Chức Phát Hành**" hoặc "**NPM**") phát hành theo phương án phát hành trái phiếu được Hội Đồng Thành Viên của Tổ Chức Phát Hành phê duyệt theo Nghị Quyết số 27/2023/NQ-HĐTV ngày 8 tháng 6 năm 2023 ("**Phương Án Phát Hành Trái Phiếu**") và bản cáo bạch đăng ký chào bán Trái Phiếu ra công chúng của Tổ Chức Phát Hành ("**Bản Cáo Bạch**"). Các thuật ngữ viết hoa khi được sử dụng trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 17.1.
- 1.2. Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ định một tổ chức thực hiện việc đăng ký, quản lý chuyển nhượng và các công việc khác đối với Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và thỏa thuận với Tổ Chức Phát Hành ("**Đại Lý Đăng Ký**"). Căn cứ hợp đồng đại lý đăng ký và quản lý chuyển nhượng số 04/2023/RA/NPM-TCBS ngày 8 tháng 6 năm 2023 ("**Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký**") được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và TCBS, Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định TCBS làm Đại Lý Đăng Ký ban đầu. Việc thay thế Đại Lý Đăng Ký (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký và Các Điều Kiện Trái Phiếu này.
- 1.3. Trong suốt thời hạn của Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ định một tổ chức thực hiện việc lưu ký và các công việc khác liên quan tới Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và thỏa thuận với Tổ Chức Phát Hành ("**Tổ Chức Lưu Ký**"). Để làm rõ, khi Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD, vai trò Tổ Chức Lưu Ký và Đại Lý Đăng Ký phải được thực hiện bởi cùng một tổ chức và tại một thời điểm, Trái Phiếu sẽ chỉ được đăng ký và lưu ký tại tổ chức đó. Căn cứ hợp đồng dịch vụ lưu ký số 04/2023/CA/NPM-TCBS ngày 8 tháng 6 năm 2023 ("**Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký**") được ký kết giữa Tổ Chức Phát Hành và TCBS, Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định TCBS làm Tổ Chức Lưu Ký ban đầu. Việc thay thế Tổ Chức Lưu Ký (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký và Các Điều Kiện Trái Phiếu này.
- 1.4. Cho đến khi còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành, sẽ luôn có một tổ chức đại diện cho quyền lợi của tất cả Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Trái Phiếu và thực hiện các nhiệm vụ khác theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và thỏa thuận với Tổ Chức Phát Hành ("**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**"). Căn cứ hợp đồng đại diện chủ sở hữu trái phiếu số 08/2023/BHA/NPM-TCBS ngày 8 tháng 6 năm 2023 giữa Tổ Chức Phát Hành và TCBS ("**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**"), Tổ Chức Phát Hành đã chỉ định TCBS làm Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu. Việc thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Các Điều Kiện Trái Phiếu này.
- 1.5. Trái Phiếu sẽ được đảm bảo bằng các Tài Sản Bảo Đảm theo quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đảm và Các Điều Kiện Trái Phiếu này. Cho đến khi còn bất kỳ Trái Phiếu nào đang lưu hành, sẽ luôn có ít nhất một tổ chức hành động nhân danh và vì lợi ích của tất cả Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong việc nhận và quản lý Tài Sản Bảo Đảm và thực hiện các công việc khác liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm ("**Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm**"). Bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu, mỗi

Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo đây chấp thuận việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc (các) tổ chức khác có thể sẽ được chỉ định làm Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm ban đầu liên quan đến Phần Vốn Góp Thế Chấp NPM và các Tài Sản Bảo Đảm khác trong trường hợp phát sinh Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung theo Điều Khoản 6.1(d).

Việc thay thế Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (nếu có) sẽ được thực hiện theo quy định của Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm có liên quan và Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

- 1.6. Mọi nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu được bảo đảm bằng Các Biện Pháp Bảo Đảm được xác lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm. Việc bảo đảm cho Trái Phiếu được quy định cụ thể tại Điều Khoản 6.
- 1.7. Các Điều Khoản Trái Phiếu này, cùng với các quy định có liên quan của các Văn Kiện Trái Phiếu khác, quy định các quyền và nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các bên liên quan khác đối với Trái Phiếu. Các Văn Kiện Trái Phiếu được lưu giữ tại địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể nghiên cứu, xem xét hoặc sao chụp hợp lệ. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền yêu cầu Tổ Chức Phát Hành và/hoặc các bên có liên quan cung cấp một bản sao y bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào cho mục đích lưu giữ được đề cập trên đây.
- 1.8. Bằng việc đặt mua Trái Phiếu hoặc nhận chuyển nhượng Trái Phiếu, mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (i) chấp nhận việc lựa chọn TCBS làm Đại Lý Đăng Ký ban đầu, Tổ Chức Lưu Ký ban đầu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu, và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm ban đầu, (ii) đồng ý rằng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm có thể là cùng một tổ chức, (iii) ủy quyền cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để, nhân danh các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, ký kết các Văn Kiện Trái Phiếu và thực hiện các nhiệm vụ được quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, (iv) đồng ý miễn trừ mọi xung đột lợi ích thực tế hoặc xung đột lợi ích có thể xảy ra trong tương lai liên quan đến việc chỉ định TCBS làm Đại Lý Đăng Ký ban đầu, Tổ Chức Lưu Ký ban đầu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm ban đầu, (v) xác nhận là đã nghiên cứu, đồng ý và chấp thuận toàn bộ nội dung của Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, và (vi) có các quyền, lợi ích và nghĩa vụ của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

2. TÍNH CHẤT

Trái Phiếu là trái phiếu không chuyển đổi, không kèm chứng quyền, có bảo đảm và xác lập nghĩa vụ trả nợ trực tiếp đối với Tổ Chức Phát Hành. Các Trái Phiếu có thứ tự ưu tiên thanh toán ngang bằng mà không Trái Phiếu nào sẽ có quyền ưu tiên thanh toán hơn so với các Trái Phiếu còn lại vì bất kỳ lý do nào. Nếu sau khi xử lý Tài Sản Bảo Đảm (với điều kiện là Các Biện Pháp Bảo Đảm đối với Tài Sản Bảo Đảm đã được tạo lập và đăng ký với Cơ Quan ĐKGDBĐ (tùy trường hợp áp dụng) theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm) mà nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu còn tồn đọng do số tiền thu được từ việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm không đủ thì phần nghĩa vụ còn tồn đọng (nếu có) sẽ có thứ tự thanh toán ít nhất *ngang bằng* với các nghĩa vụ khác không được bảo đảm ở thời điểm hiện tại hoặc tương lai của Tổ Chức Phát

Hành (trừ các trường hợp ưu tiên thanh toán bắt buộc theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan).

3. MỤC ĐÍCH PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU

Tổ Chức Phát Hành dự kiến sử dụng số tiền thu được từ đợt phát hành Trái Phiếu cho các mục đích (i) cơ cấu lại nợ của Tổ Chức Phát Hành, (ii) tăng quy mô vốn hoạt động, (iii) thực hiện chương trình/ dự án đầu tư và/hoặc (iv) các mục đích sử dụng vốn khác được nêu tại Phương Án Phát Hành Trái Phiếu. Mục đích sử dụng cụ thể như được nêu tại Phương Án Phát Hành Trái Phiếu.

4. HÌNH THỨC, MỆNH GIÁ, THỜI HẠN, QUYỀN SỞ HỮU, SỔ ĐĂNG KÝ VÀ CHUYỂN NHƯỢNG TRÁI PHIẾU

4.1. Hình Thức, Mệnh Giá Và Thời Hạn

- (a) Trái Phiếu được chào bán ra công chúng thông qua phương thức bảo lãnh phát hành theo hình thức cố gắng tối đa. Trái Phiếu được phát hành theo hình thức bút toán ghi sổ và/hoặc dữ liệu điện tử (quyền sở hữu đối với Trái Phiếu được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký) với mệnh giá mỗi Trái Phiếu là 100.000 VND (một trăm nghìn Đồng).
- (b) Số lượng Trái Phiếu được phát hành tối đa là 5.000.000 (năm triệu) Trái Phiếu. Số lượng phát hành thực tế là số lượng Trái Phiếu được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký.
- (c) Thời hạn của Trái Phiếu sẽ bắt đầu từ Ngày Phát Hành và kết thúc vào ngày tròn 60 (sáu mươi) tháng kể từ Ngày Phát Hành (“Ngày Đáo Hạn”).

4.2. Quyền Sở Hữu, Sổ Đăng Ký Và Chuyển Nhượng Trái Phiếu

- (a) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được tự do chuyển nhượng hoặc được sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm hoặc tham gia các quan hệ dân sự, thương mại hợp pháp khác phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.
- (b) Kể từ Ngày Phát Hành cho đến trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD hoặc khi Trái Phiếu được mua lại và hủy bỏ (tùy trường hợp nào đến trước):
 - (i) Theo ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành và quy định của Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký, Đại Lý Đăng Ký sẽ lập, cập nhật và lưu giữ Sổ Đăng Ký. Sổ Đăng Ký sẽ ghi nhận các thông tin chi tiết khác mà Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký cho là phù hợp hoặc cần phải được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký theo quy định của các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, bên cạnh các nội dung chủ yếu sau:
 - (A) Tên, địa chỉ trụ sở chính và mã số doanh nghiệp của Tổ Chức Phát Hành;
 - (B) Các thông tin chính về Trái Phiếu gồm tổng số Trái Phiếu đã được phát hành, tổng số Trái Phiếu đang lưu hành, Ngày Phát Hành, Ngày Đáo Hạn, thời hạn, mệnh giá, Lãi Suất, phương thức thanh toán lãi và gốc;
 - (C) Họ và tên, địa chỉ, số, ngày cấp và nơi cấp chứng minh nhân dân hoặc

(iii)

thẻ căn cước công dân (hoặc tài liệu chứng thực cá nhân hợp pháp khác) còn hiệu lực của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là cá nhân; tên, địa chỉ đăng ký, mã số doanh nghiệp và/hoặc giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp (hoặc tài liệu tương đương) của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức tại thời điểm họ sở hữu Trái Phiếu;

- (D) Thông tin về Trái Phiếu do từng Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu;
 - (E) Chi tiết về tài khoản nhận gốc, lãi và các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo thông báo hoặc đăng ký của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu với Đại Lý Đăng Ký và/hoặc Tổ Chức Lưu Ký tại từng thời điểm; và
 - (F) Các thông tin chi tiết khác mà Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Lý Đăng Ký cho là phù hợp hoặc cần phải được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký theo quy định của các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.
- (ii) Quyền sở hữu Trái Phiếu chỉ được chuyển giao thông qua chuyển nhượng và được đăng ký vào Sổ Đăng Ký theo thủ tục quy định trong Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký và Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký. Bên nhận chuyển nhượng bất kỳ Trái Phiếu nào chỉ được xem là Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu đó khi thông tin về bên nhận chuyển nhượng và việc sở hữu Trái Phiếu của bên nhận chuyển nhượng được ghi vào Sổ Đăng Ký. Bên chuyển nhượng chỉ chấm dứt tư cách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với Trái Phiếu được chuyển nhượng nếu thông tin về bên chuyển nhượng trong Sổ Đăng Ký được xóa hoặc được cập nhật tương ứng với số Trái Phiếu còn lại mà bên chuyển nhượng sở hữu vào Sổ Đăng Ký.
- (c) Kể từ thời điểm Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc lập, cập nhật và lưu giữ Sổ Đăng Ký, nội dung và hình thức của Sổ Đăng Ký và việc chuyển nhượng Trái Phiếu sẽ tuân theo các quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng). Việc tạm ngừng giao dịch Trái Phiếu (nếu có) nhằm phục vụ việc đăng ký Trái Phiếu tại VSD sẽ tuân theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các quy chế, hướng dẫn của VSD.
 - (d) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ được cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu đối với Trái Phiếu có liên quan trong trường hợp Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, VSD, Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan và các Cơ Quan Nhà Nước khác có yêu cầu.
 - (e) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, khi có yêu cầu bằng văn bản hoặc có thông báo bằng hình thức khác được Đại Lý Đăng Ký chấp nhận, sẽ được Đại Lý Đăng Ký cấp 1 (một) bản trích lục hợp lệ Sổ Đăng Ký ghi nhận việc sở hữu số Trái Phiếu được đăng ký của mình phù hợp với Các Điều Kiện Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký. Từ khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc cấp trích lục Sổ Đăng Ký hoặc tài liệu tương đương sẽ được thực hiện theo các quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, các quy chế có liên quan của VSD và Các Điều Kiện Trái Phiếu này (trong phạm vi các quy định đó phù hợp với pháp luật Việt Nam và quy định của VSD).

- (f) Trừ trường hợp các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan quy định khác, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được xem là chủ sở hữu hợp pháp và duy nhất của số Trái Phiếu được ghi nhận thuộc sở hữu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó trong Sổ Đăng Ký. Sổ Đăng Ký có giá trị hợp lệ và cao nhất để xác định quyền sở hữu Trái Phiếu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

5. ĐĂNG KÝ, LƯU KÝ VÀ NIÊM YẾT TRÁI PHIẾU

- 5.1. Trái Phiếu phải được đăng ký tại Đại Lý Đăng Ký và lưu ký tại Tổ Chức Lưu Ký theo quy định tại các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, Các Điều Khoản Trái Phiếu và các Văn Khoản Trái Phiếu khác.
- 5.2. Trái Phiếu sẽ được niêm yết và giao dịch trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán theo quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.
- 5.3. Tổ Chức Phát Hành sẽ có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký và/hoặc lưu ký Trái Phiếu với VSD theo các quy định có liên quan của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật, quy chế của VSD, Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký. Việc chuyển nhượng Trái Phiếu trong quá trình làm thủ tục đăng ký hoặc lưu ký Trái Phiếu tại VSD (nếu áp dụng) sẽ theo quy định/hướng dẫn của VSD và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan tại thời điểm đó.
- 5.4. Sau khi Trái Phiếu đã được đăng ký với VSD, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tự lưu ký Trái Phiếu với VSD theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và các quy chế có liên quan của VSD.

6. BIỆN PHÁP BẢO ĐẢM

Theo quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đảm, Trái Phiếu được bảo đảm bằng tài sản với các nội dung cơ bản như sau (phụ thuộc vào các sửa đổi, bổ sung đối với Các Hợp Đồng Bảo Đảm tại từng thời điểm):

6.1. Phương Thức Bảo Đảm

(a) Các Biện Pháp Bảo Đảm

Để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, Tổ Chức Phát Hành và/hoặc các Tổ Chức/Cá Nhân khác ("**Các Bên Bảo Đảm**") sẽ xác lập và hoàn thiện các biện pháp bảo đảm ("**Các Biện Pháp Bảo Đảm**") theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm, bao gồm nhưng không giới hạn các biện pháp bảo đảm được liệt kê dưới đây:

- (i) Tại Ngày Phát Hành, Bên Bảo Đảm có liên quan sẽ thế chấp cho Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (hành động vì lợi ích của tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) một phần của phần vốn góp tại NPM để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm theo các điều kiện được quy định cụ thể tại Điều Khoản 6.1(c) dưới đây và quy định của Hợp Đồng Bảo Đảm Phần Vốn Góp NPM và Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm Phần Vốn Góp; và/hoặc
- (ii) (các) Biện Pháp Bảo Đảm khác (nếu có) giữa Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm và Tổ Chức Phát Hành và/hoặc bất kỳ Bên Bảo Đảm nào khác vào từng thời điểm để bổ sung và/hoặc thay thế cho các Biện Pháp Bảo Đảm nêu tại các mục (i) và/hoặc (ii) trên đây để bảo đảm cho Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm,

sao cho tại bất kỳ thời điểm nào kể từ Ngày Phát Hành cho đến khi Tổ Chức Phát Hành hoàn thành đầy đủ việc thanh toán các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm, Tổng Giá Trị Bảo Đảm không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm đó, trừ khi được chấp thuận khác đi bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(b) Giá Trị Tài Sản Bảo Đảm

(i) Tổng giá trị bảo đảm của các Tài Sản Bảo Đảm theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm ("**Tổng Giá Trị Bảo Đảm**") được xác định (vào một ngày định giá lại Tài Sản Bảo Đảm theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm) theo công thức tại **Phụ Đính 1**. Để làm rõ, công thức tính Tổng Giá Trị Bảo Đảm tại Phụ Đính 1 cũng được sử dụng để tính Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì và Tổng Giá Trị Bảo Đảm Ngưỡng Rút với các quy định cụ thể về từng loại Tài Sản Bảo Đảm tương ứng tại đoạn (c), (d) và (e) dưới đây.

(ii) Khi phát sinh các sự kiện liên quan đến định giá/đánh giá giá trị của Tài Sản Bảo Đảm, (các) Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm sẽ thông báo giá trị của Tài Sản Bảo Đảm mà bên đó nhận và quản lý cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại (Các) Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm có liên quan, Các Hợp Đồng Bảo Đảm, và sau đó, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ dựa trên các thông báo này để tổng hợp và tính toán giá trị Tổng Giá Trị Bảo Đảm, Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì, Tổng Giá Trị Bảo Đảm Ngưỡng Rút của tất cả Tài Sản Bảo Đảm theo cách thức được quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này và thông báo kết quả cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

(c) Giá Trị Bảo Đảm Của Phần Vốn Góp Thể Chấp NPM

Liên quan đến việc xác định giá trị bảo đảm của Phần Vốn Góp Thể Chấp NPM ("**Giá Trị Bảo Đảm Của Phần Vốn Góp Thể Chấp NPM**"), Giá Trị Bảo Đảm Của Phần Vốn Góp Thể Chấp NPM được xác định theo công thức quy định tại Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm Phần Vốn Góp.

(d) Bổ Sung Tài Sản Bảo Đảm

Sau Ngày Phát Hành, (xx) khi Tổ Chức Phát Hành có nhu cầu bổ sung hoặc thay thế một phần hoặc toàn bộ các Tài Sản Bảo Đảm đang được sử dụng để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm và/hoặc (yy) trường hợp giá trị của các Tài Sản Bảo Đảm sụt giảm dẫn đến Tổng Giá Trị Bảo Đảm tại một ngày định giá lại thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu, Tổ Chức Phát Hành phải bổ sung thêm tài sản bảo đảm ("**Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung**") bao gồm (i) tiền gửi và/hoặc (ii) tài sản bảo đảm khác (nếu được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận theo quyết định của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc theo một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu xét thấy cần thiết) sao cho Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu.

(e) Rút Tài Sản Bảo Đảm

Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Các Bên Bảo Đảm có thể rút bớt một phần hoặc toàn bộ các Tài Sản Bảo Đảm này đang được sử dụng để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm theo quy định tại Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm có liên quan, với điều kiện là (A) Tổng Giá Trị Bảo Đảm Ngưỡng Rút lớn hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm trước khi thực hiện rút bớt Tài Sản Bảo Đảm, và (B) Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì sau khi rút bớt Tài Sản Bảo Đảm đó không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm đó.

Thứ tự rút Tài Sản Bảo Đảm sẽ là (1) tiền gửi hoặc số dư ghi có trên tài khoản ngân hàng; (2) Phần Vốn Góp NPM và (3) các Tài Sản Bảo Đảm khác (nếu có).

(f) Thẩm Quyền Của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu

Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận ủy quyền cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (nhân danh và vì quyền lợi của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) được quyền:

- (i) Nhận thế chấp Tài Sản Bảo Đảm là Phần Vốn Góp NPM, và/hoặc chỉ định một hoặc một số Tổ Chức/Cá Nhân đáp ứng các yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan làm Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm đối với các Tài Sản Bảo Đảm khác quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm có liên quan; và
- (ii) quyết định các nội dung cụ thể của Các Hợp Đồng Bảo Đảm và (Các) Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm tại từng thời điểm, và các sửa đổi, bổ sung, thay thế, cập nhật các hợp đồng này (nếu có), và hợp đồng bảo đảm, các hợp đồng, văn bản, tài liệu đối với Tài Sản Bảo Đảm là tiền gửi, hoặc Tài Sản Bảo Đảm khác và các tài liệu khác liên quan đến việc thế chấp tiền gửi hoặc các Tài Sản Bảo Đảm khác đó trên cơ sở không trái với các quy định có liên quan tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

Mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý miễn trừ các nghĩa vụ và trách nhiệm cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với các thiệt hại có thể xảy ra cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nếu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu này.

6.2. Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm

Các nghĩa vụ được bảo đảm theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm là toàn bộ nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu ("**Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm**") bao gồm nhưng không giới hạn: (i) nghĩa vụ thanh toán gốc của các Trái Phiếu đang lưu hành tại từng thời điểm áp dụng, (ii) nghĩa vụ thanh toán toàn bộ khoản lãi đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán tính trên các Trái Phiếu (bao gồm cả lãi trong hạn và lãi quá hạn), (iii) tiền phạt và bồi thường thiệt hại của Tổ Chức Phát Hành đối với Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và (iv) các nghĩa vụ thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

6.3. Thủ Tục Thi Hành Biện Pháp Bảo Đảm

(a) Quy Định Chung

Khi một Sự Kiện Vi Phạm được xác định là đã xảy ra theo quy định tại Điều Khoản 12.1 và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã nhận được thông báo bằng văn bản của bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn theo Điều Khoản 12.2, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn cho Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Các Bên Bảo Đảm và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Nếu các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm của Tổ Chức Phát Hành chưa được thanh toán vào hoặc trước Ngày Thanh Toán Cuối Cùng, phụ thuộc vào các quy định tại Điều Khoản 12.2, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm sẽ thực hiện các hành động nhằm xử lý toàn bộ hoặc bất kỳ phần nào của Tài Sản Bảo Đảm phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng, Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm tương ứng, bao gồm nhưng không giới hạn bởi việc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm gửi Thông Báo Xử Lý Tài Sản (như được định nghĩa trong Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan) cho Tổ Chức Phát Hành, Các Bên Bảo Đảm, các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Lý Đăng Ký và Tổ Chức Lưu Ký (nếu áp dụng) và đăng ký Thông Báo Xử Lý Tài Sản và/hoặc việc xử lý Tài Sản Bảo Đảm với (các) Cơ Quan ĐKGDBĐ có thẩm quyền (nếu các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có yêu cầu).

(b) Các Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm Hành Động Độc Lập

Sau khi nhận được Thông Báo Xử Lý Tài Sản, mỗi bên là các Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thực hiện độc lập các công việc liên quan đến xử lý từng loại Tài Sản Bảo Đảm trong phạm vi Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm đó nhận và quản lý, và các công việc này không phụ thuộc vào bất kỳ quy trình hay kết quả xử lý Tài Sản Bảo Đảm khác do Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm khác đang thực hiện. (Các) Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm hành động một cách độc lập và sẽ báo cáo cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về số tiền thu được từ việc xử lý mỗi Tài Sản Bảo Đảm và số tiền này sẽ được chuyển vào tài khoản nhận tiền xử lý tài sản bảo đảm được quy định cụ thể tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tổng hợp tổng số tiền thu được từ việc xử lý các Biện Pháp Bảo Đảm và số tiền còn thừa/thiếu (nếu có), thông báo và chỉ thị cho các bên có liên quan thực hiện các hành động phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

6.4. Đăng Ký Giao Dịch Bảo Đảm

Biện Pháp Bảo Đảm được quy định tại mỗi Hợp Đồng Bảo Đảm sẽ được các bên liên quan ký kết và công chứng (nếu Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có yêu cầu phải công chứng) hợp lệ, được đăng ký giao dịch bảo đảm đầy đủ và hợp lệ với (các) Cơ Quan ĐKGDBĐ có thẩm quyền (nếu Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và/hoặc Hợp Đồng Bảo Đảm đó có yêu cầu phải đăng ký giao dịch bảo đảm) theo quy định tương ứng của Hợp Đồng Bảo Đảm đó và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng.

6.5. Quyền Và Nhiệm Vụ Của Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm Liên Quan Đến Tài Sản Bảo Đảm

Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm có các quyền và nhiệm vụ sau:

- (i) ký kết Các Hợp Đồng Bảo Đảm, ký kết các hợp đồng dịch vụ với bên thứ ba (nếu cần thiết) liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm và việc thực hiện Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan như hợp đồng thuê định giá với tổ chức định giá, hợp đồng thuê kho, hợp đồng thuê vận chuyển, hợp đồng dịch vụ bảo vệ;
- (ii) nhận và quản lý hồ sơ, giấy tờ và tài liệu liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm; quản lý Tài Sản Bảo Đảm được giao cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc ủy quyền cho Tổ Chức/Cá Nhân khác quản lý theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm;
- (iii) thực hiện và thi hành bất kỳ quyền, quyền lợi, quyền hạn và thẩm quyền nào của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm và Các Điều Khoản Trái Phiếu này đối với Tài Sản Bảo Đảm và Các Biện Pháp Bảo Đảm được xác lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm, kể cả xử lý Tài Sản Bảo Đảm phù hợp với quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm;
- (iv) Thực hiện xử lý Tài Sản Bảo Đảm theo chỉ thị của (các) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu, Các Hợp Đồng Bảo Đảm và pháp luật có liên quan;
- (v) xem xét việc thực hiện chuyển nhượng Tài Sản Bảo Đảm bởi Các Bên Bảo Đảm cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm, với điều kiện là Tổ Chức/Cá Nhân nhận chuyển nhượng Tài Sản Bảo Đảm đó sẽ phải cầm cố và/hoặc thế chấp lại các Tài Sản Bảo Đảm đó cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các điều khoản và điều kiện tương đương với các điều khoản và điều kiện của Hợp Đồng Bảo Đảm tương ứng đã được ký kết đối với Tài Sản Bảo Đảm đó và các điều khoản, điều kiện khác theo yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động nhân danh và vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu); và
- (vi) các quyền hạn và nhiệm vụ khác được quy định cho Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm.

Ngoại trừ việc chỉ định Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm theo quy định tại Điều Khoản 1.5 và Điều Khoản 6.1(f)(i), nếu các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật liên quan có yêu cầu, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm sẽ chỉ định một Tổ Chức/Cá Nhân đáp ứng các yêu cầu của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và Các Thỏa Thuận Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm làm đại lý nhận và quản lý tài sản bảo đảm để cùng với hoặc thay thế cho Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm nhận và quản lý các Tài Sản Bảo Đảm theo các điều khoản và điều kiện do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và đại lý nhận và quản lý tài sản bảo đảm đó thỏa thuận, với điều kiện là việc chỉ định Tổ Chức/Cá Nhân đó phải được Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận trước bằng văn bản (*tuy nhiên*, Tổ Chức Phát Hành không được từ chối đưa ra chấp thuận đó một cách bất hợp lý).

7. LÃI TRÁI PHIẾU

7.1. Trái Phiếu sẽ được hưởng lãi với lãi suất (“**Lãi Suất**”) như sau:

- (i) đối với 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, Lãi Suất bằng 9%/năm (chín phần trăm một năm); và
- (ii) đối với mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo, Lãi Suất bằng Lãi Suất Tham Chiếu của Kỳ Tính Lãi đó cộng với 4,1%/năm (bốn phẩy một phần trăm một năm).

Trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này,

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa là mỗi giai đoạn kéo dài 6 (sáu) tháng liên tục từ Ngày Phát Hành cho đến Ngày Đáo Hạn (hoặc ngày Trái Phiếu được mua lại trước hạn dù là tự nguyện hay bắt buộc). Để tránh nhầm lẫn, Kỳ Tính Lãi đầu tiên sẽ bắt đầu vào Ngày Phát Hành và mỗi Kỳ Tính Lãi tiếp theo sẽ bắt đầu vào ngày liền sau ngày kết thúc Kỳ Tính Lãi liền trước đó. Trong trường hợp Trái Phiếu được mua lại trước hạn theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu thì Kỳ Tính Lãi cuối cùng sẽ được tính từ (và bao gồm cả) ngày cuối cùng của Kỳ Tính Lãi gần nhất cho đến (nhưng không bao gồm) Ngày Mua Lại Trước Hạn có liên quan.

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” có nghĩa, đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là trung bình cộng của lãi suất tiền gửi tiết kiệm áp dụng cho khách hàng cá nhân, kỳ hạn 12 (mười hai) tháng (hoặc tương đương) bằng đồng Việt Nam do Ngân hàng TMCP Đầu Tư Và Phát Triển Việt Nam, Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam, Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Kỹ Thương Việt Nam công bố vào hoặc vào khoảng 11:00 giờ sáng (giờ Việt Nam) của Ngày Xác Định Lãi Suất (như được định nghĩa dưới đây) của Kỳ Tính Lãi đó. Để làm rõ trong trường hợp Tổ Chức Lưu Ký không xác định được hay không có cơ sở để xác định một hay nhiều mức lãi suất tiền gửi nêu trên, Lãi Suất Tham Chiếu sẽ được xác định theo các quy định liên quan tại Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký; và

“**Ngày Xác Định Lãi Suất**” có nghĩa là đối với mỗi Kỳ Tính Lãi sau 2 (hai) Kỳ Tính Lãi đầu tiên, là Ngày Làm Việc thứ 11 (mười một) trước ngày đầu tiên của Kỳ Tính Lãi đó.

Nếu Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật áp dụng đối với loại chứng khoán tương tự Trái Phiếu có quy định mức tối đa đối với lãi suất mà mức tối đa đó thấp hơn Lãi Suất quy định tại Điều Khoản 7.1 trên đây thì mức lãi suất tối đa đó sẽ được áp dụng.

- 7.2. Trái Phiếu sẽ hưởng lãi cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành đến (nhưng không bao gồm) Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này. Lãi phát sinh trên gốc Trái Phiếu được tính cho số ngày thực tế đã trôi qua trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.
- 7.3. Lãi trên khoản tiền gốc Trái Phiếu sẽ đến hạn và được thanh toán sau, định kỳ vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Lãi phải thanh toán vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi sẽ là:
 - (i) đối với Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Phát Hành đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên; và
 - (ii) đối với bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào sau Ngày Thanh Toán Lãi đầu tiên, lãi phát sinh cho giai đoạn từ (và bao gồm cả) Ngày Thanh Toán Lãi liền trước đến

(nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Lãi đó.

Trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này, “**Ngày Thanh Toán Lãi**” có nghĩa là (a) ngày cuối cùng của mỗi Kỳ Tính Lãi, và/hoặc (b) Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn.

- 7.4. Trong trường hợp tiền lãi phát sinh trên mỗi Trái Phiếu không phải là một số nguyên thì tiền lãi trên mỗi Trái Phiếu đó sẽ được làm tròn đến hàng chữ số thứ 3 (ba) ở phần thập phân và tổng số tiền lãi phát sinh trên các Trái Phiếu mà mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được sẽ được làm tròn đến hàng đơn vị.

8. THANH TOÁN

8.1. Thanh Toán Gốc, Lãi Và Các Khoản Tiền Khác Theo Trái Phiếu

- (a) Trước khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo các quy định dưới đây. Từ khi Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSD, việc thanh toán gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và quy chế có liên quan của VSD và các quy định dưới đây (trong phạm vi các quy định dưới đây không trái hoặc xung đột với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của VSD).
- (b) Gốc, lãi và các khoản tiền khác theo Trái Phiếu sẽ được thanh toán (thông qua Tổ Chức Lưu Ký) vào ngày đến hạn có liên quan (trừ trường hợp quy định tại Điều Khoản 8.3) bằng cách chuyển khoản vào tài khoản của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký trong Sổ Đăng Ký (tài khoản này được quy định cụ thể hơn tại Điều Khoản 8.2).
- (c) Thông qua Tổ Chức Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán gốc Trái Phiếu (cùng với lãi đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán) trong các trường hợp mua lại vào Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này, dù là tự nguyện hay bắt buộc (tùy trường hợp áp dụng). Để tránh nhầm lẫn, gốc của mỗi Trái Phiếu chính là mệnh giá của Trái Phiếu đó, và lãi (bao gồm cả lãi trên gốc Trái Phiếu và lãi quá hạn, nếu có) sẽ được tính theo Điều Khoản 7, Điều Khoản 8.3(b) và/hoặc Điều Khoản 8.4(b) (tùy trường hợp áp dụng). Khi thanh toán lãi trên gốc Trái Phiếu cùng với thanh toán gốc theo Điều Khoản 8.1(c) này, Tổ Chức Phát Hành được xem là đã hoàn thành việc thanh toán lãi quy định tại Điều Khoản 8.1(d).
- (d) Thông qua Tổ Chức Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán lãi trên gốc Trái Phiếu vào mỗi Ngày Thanh Toán Lãi. Lãi phải thanh toán trên Trái Phiếu là lãi được xác định theo quy định tương ứng tại Điều Khoản 7 cho Ngày Thanh Toán Lãi tương ứng.

Tổ Chức Phát Hành được xem là hoàn thành việc thanh toán bất kỳ khoản tiền nào theo Trái Phiếu khi Tổ Chức Lưu Ký đã nhận được toàn bộ khoản tiền đó phù hợp với quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký.

- (e) Các khoản thanh toán đối với Trái Phiếu cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được phân bổ cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trên cơ sở tỷ lệ sở hữu Trái Phiếu tương ứng của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó và theo thứ tự sau (trừ trường hợp pháp luật có quy định khác):

- (i) thứ nhất, thanh toán tiền lãi phát sinh trên lãi Trái Phiếu bị quá hạn;
- (ii) thứ hai, thanh toán tiền lãi phát sinh trên gốc Trái Phiếu bị quá hạn;
- (iii) thứ ba, thanh toán tiền lãi Trái Phiếu; và
- (iv) thứ tư, thanh toán tiền gốc Trái Phiếu.

8.2. Tài Khoản Đăng Ký

Tài khoản đăng ký của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa là tài khoản ngân hàng bằng tiền Đồng được duy trì bởi hoặc nhân danh Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đăng ký cùng với tài khoản chứng khoán của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mở tại Tổ Chức Lưu Ký hoặc tài khoản khác (theo thông báo của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) để nhận các khoản tiền thanh toán liên quan đến Trái Phiếu với thông tin chi tiết được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng.

8.3. Thanh Toán Vào Ngày Làm Việc

- (a) Nếu ngày đến hạn của một khoản thanh toán theo Trái Phiếu không phải là Ngày Làm Việc thì Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán khoản tiền đó vào Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó (và không bị coi là vi phạm nghĩa vụ thanh toán). Trừ trường hợp quy định tại Điều Khoản 8.3(b), Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không được hưởng lãi hay bất kỳ lợi ích nào khác trên số tiền bị chậm thanh toán do ngày đến hạn thanh toán không phải là Ngày Làm Việc.
- (b) Nếu Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này, dù là tự nguyện hay bắt buộc (tùy trường hợp áp dụng) không phải là Ngày Làm Việc thì đối với mỗi Trái Phiếu đang lưu hành vào ngày đó, Tổ Chức Phát Hành sẽ thanh toán lãi trên khoản gốc Trái Phiếu theo Lãi Suất đang áp dụng vào ngày đó cho giai đoạn tính từ (và bao gồm cả) ngày đó đến (nhưng không bao gồm) Ngày Làm Việc ngay sau ngày đó trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày.

8.4. Các Quy Định Khác

- (a) Trái Phiếu sẽ ngừng hưởng lãi từ Ngày Đáo Hạn hoặc Ngày Mua Lại Trước Hạn theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này (tùy trường hợp áp dụng), trừ khi vào ngày đó, khoản gốc Trái Phiếu không được Tổ Chức Phát Hành thanh toán đầy đủ hoặc bị từ chối thanh toán không phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này. Trong trường hợp đó, khoản gốc Trái Phiếu bị chậm thanh toán sẽ tiếp tục được hưởng lãi với lãi suất được quy định tại Điều Khoản 8.4(b).
- (b) Trừ khi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có chấp thuận khác, Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán lãi trên bất kỳ khoản tiền nào bị chậm thanh toán (dù là gốc, lãi hay bất kỳ khoản thanh toán nào khác theo Trái Phiếu) phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này với lãi suất quá hạn bằng 150% (một trăm năm mươi phần trăm) Lãi Suất của Kỳ Tính Lãi liên quan được quy định tại Điều Khoản 7.1. Trong trường hợp các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật áp dụng đối với loại chứng khoán tương tự Trái Phiếu có quy định mức lãi suất quá hạn tối đa đối với bất kỳ khoản tiền chậm thanh toán nào nêu trên mà mức lãi suất

quá hạn tối đa đó thấp hơn 150% (một trăm năm mươi phần trăm) Lãi Suất quy định tại Điều Khoản 7.1 thì mức lãi suất quá hạn tối đa đó sẽ được áp dụng. Lãi quá hạn sẽ được tính cho số ngày thực tế trôi qua trong giai đoạn từ (và bao gồm cả) ngày đến hạn thanh toán đến (nhưng không bao gồm) ngày khoản tiền chậm thanh toán được Tổ Chức Phát Hành thanh toán trên thực tế trên cơ sở một năm có 365 (ba trăm sáu mươi lăm) ngày. Để tránh nhầm lẫn, (i) phụ thuộc vào quy định tại Điều Khoản 12.2, nếu phát sinh việc chậm thanh toán, Tổ Chức Phát Hành có thể thanh toán khoản tiền chậm thanh toán cùng với lãi quá hạn vào bất kỳ thời điểm nào sau ngày đến hạn thanh toán có liên quan, và (ii) sẽ không có khoản lãi nào phát sinh trên lãi quá hạn trong bất kỳ trường hợp nào.

- (c) Thuế áp dụng đối với bất kỳ khoản thanh toán nào mà Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được liên quan đến Trái Phiếu sẽ do Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gánh chịu. Việc nộp thuế sẽ theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.
- (d) Chỉ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ để thực hiện một đợt thanh toán mới được nhận khoản tiền thanh toán tương ứng trong đợt thanh toán đó. Để làm rõ, đối với các giao dịch chuyển nhượng Trái Phiếu diễn ra sau Thời Điểm Khóa Sổ thì bên nhận chuyển nhượng sẽ không được nhận các khoản thanh toán liên quan đến Trái Phiếu cho lần thanh toán có liên quan đó.

9. MUA LẠI, MUA VÀ HỦY BỎ

9.1. Mua Lại Vào Ngày Đáo Hạn

Vào Ngày Đáo Hạn, Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại toàn bộ Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó với mức giá mua lại mỗi Trái Phiếu bằng tổng của mệnh giá Trái Phiếu, lãi và tất cả các khoản tiền khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán trên toàn bộ Trái Phiếu tính đến Ngày Đáo Hạn.

9.2. Mua Lại Khi Có Sự Kiện Vi Phạm

Tổ Chức Phát Hành phải mua lại Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 12.2 khi xảy ra Sự Kiện Vi Phạm theo quy định tại Điều Khoản 12.1.

9.3. Mua Lại Theo Quyền Chọn Của Tổ Chức Phát Hành

- (a) Trừ trường hợp pháp luật có quy định khác và khi Trái Phiếu đang được đăng ký và lưu ký tại Đại Lý Đăng Ký và Tổ Chức Lưu Ký, Tổ Chức Phát Hành được thực hiện quyền chào mua, trong một hoặc nhiều lần, đối với một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu đang lưu hành theo các điều khoản và điều kiện sau:
 - (i) Tổ Chức Phát Hành công bố, công khai cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu kế hoạch mua lại Trái Phiếu trước hạn và gửi một thông báo chào mua Trái Phiếu (“**Thông Báo Chào Mua**”) đến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu), Tổ Chức Lưu Ký và Đại Lý Đăng Ký chậm nhất 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc trước Ngày Mua Lại Trước Hạn dự kiến hoặc một thời hạn khác dài hơn được quy định tại Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan. Thông Báo Chào Mua phải nêu rõ số lượng Trái Phiếu được chào mua, phương thức chào mua, giá chào mua, thời hạn để Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại Trái Phiếu (“**Thời Hạn Đăng Ký Bán**”), Ngày Mua Lại Trước Hạn

dự kiến và Ngày Đăng Ký Cuối Cùng tương ứng. Trong đó, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng là Ngày Làm Việc sau ngày của Thông Báo Chào Mua và không muộn hơn Ngày Làm Việc thứ 11 (mười một) trước Ngày Mua Lại Trước Hạn;

- (ii) Sau khi nhận được Thông Báo Chào Mua của Tổ Chức Phát Hành, Tổ Chức Lưu Ký sẽ thực hiện các thủ tục chào mua phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan (bao gồm việc gửi Thông Báo Chào Mua cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu);
 - (iii) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền chấp nhận hoặc từ chối bán lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu được chào mua cho Tổ Chức Phát Hành. Trường hợp chấp nhận bán lại Trái Phiếu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi thông báo xác nhận bằng văn bản hoặc bằng hình thức khác do Tổ Chức Lưu Ký quy định, trong đó nêu rõ số lượng Trái Phiếu mà Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đăng ký bán lại ("**Trái Phiếu Đăng Ký Bán**") đến Tổ Chức Lưu Ký trước khi kết thúc Thời Hạn Đăng Ký Bán. Kể từ thời điểm Chủ Sở Hữu Trái Phiếu gửi thông báo đăng ký bán lại Trái Phiếu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý không hủy ngang sẽ chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán cho Tổ Chức Phát Hành theo các điều kiện được quy định trong Thông Báo Chào Mua, và Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không có quyền chuyển nhượng các Trái Phiếu Đăng Ký Bán đó cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào khác ngoài Tổ Chức Phát Hành hoặc sử dụng Trái Phiếu làm tài sản bảo đảm cho bất kỳ nghĩa vụ nào; và
 - (iv) Sau khi thực hiện chào mua Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 9.3 này, nếu Tổ Chức Phát Hành chỉ mua lại một phần các Trái Phiếu đang lưu hành và muốn rút bớt một phần Tài Sản Bảo Đảm, với điều kiện là Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì sau khi rút bớt một phần Tài Sản Bảo Đảm không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm đó, thì Tổ Chức Phát Hành được quyền yêu cầu định giá lại Tài Sản Bảo Đảm (trong trường hợp cần thiết) và rút bớt một phần Tài Sản Bảo Đảm tương ứng theo quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan.
- (b) Nếu Trái Phiếu đã được đăng ký, lưu ký tại VSD và niêm yết trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán, việc mua lại Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo quy định tại đoạn (a) nêu trên (trong phạm vi quy định tại đoạn (a) không trái với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán), và các quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có hiệu lực tại thời điểm đó.

9.4. Mua Trái Phiếu Sau Khi Niêm Yết

Khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD và/hoặc niêm yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán, bên cạnh việc mua lại trước hạn Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 9.3 và các hình thức mua lại trước hạn khác phù hợp với các quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và các quy chế có liên quan của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán, Tổ Chức Phát Hành có thể mua Trái Phiếu trên Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại bất kỳ thời điểm nào từ sau khi Trái Phiếu được niêm yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán theo phương thức phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, các quy chế và hướng dẫn có liên quan của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán.

9.5. Mua Lại Khi Không Bổ Sung Tài Sản Bảo Đảm

- (a) Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không tự mình hoặc yêu cầu một hoặc một số Tổ Chức/Cá Nhân khác bổ sung Tài Sản Bảo Đảm hoặc tạo lập Các Biện Pháp Bảo Đảm bổ sung hoặc thực hiện các biện pháp khắc phục khác có liên quan theo quy định tại Điều Khoản 11(j) và Các Hợp Đồng Bảo Đảm để đảm bảo Tổng Giá Trị Bảo Đảm không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu, Tổ Chức Phát Hành sẽ mua lại từ tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và khi đó tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có nghĩa vụ bán lại cho Tổ Chức Phát Hành, một số Trái Phiếu nhất định theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu các Trái Phiếu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan sao cho Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì được xác định theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm ngay sau khi mua lại số lượng Trái Phiếu đó không thấp hơn Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu tại thời điểm đó.
- (b) Tổ Chức Phát Hành có nghĩa vụ công bố, công khai thông tin về việc mua lại Trái Phiếu và gửi thông báo mua lại Trái Phiếu (nêu rõ số lượng Trái Phiếu mua lại, giá mua lại và Ngày Mua Lại Trước Hạn) cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) và Tổ Chức Lưu Ký (nếu áp dụng) chậm nhất 10 (mười) Ngày Làm Việc trước Ngày Mua Lại Trước Hạn có liên quan.
- (c) Trừ trường hợp việc thanh toán giá mua lại Trái Phiếu sau khi Trái Phiếu được đăng ký tại VSD và/hoặc niêm yết trên hệ thống giao dịch của Sở Giao Dịch Chứng Khoán được quy định tại Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán, trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc thời hạn bổ sung Tài Sản Bảo Đảm (để làm rõ, thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc này là thời hạn khắc phục vi phạm cam kết quy định tại Điều Khoản 12.1(d)), Tổ Chức Phát Hành sẽ, thông qua Tổ Chức Lưu Ký, thanh toán cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mức giá mua lại bằng tổng của (i) khoản gốc của các Trái Phiếu được mua lại, (ii) bất kỳ khoản lãi nào đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán tính trên khoản gốc của các Trái Phiếu được mua lại kể từ (và bao gồm cả) Ngày Thanh Toán Lãi gần nhất cho đến (nhưng không bao gồm) ngày thực hiện thanh toán giá mua lại tương ứng, và (iii) tất cả các khoản thanh toán khác liên quan đến Trái Phiếu được mua lại mà Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm đó theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này (nếu có). Ngoại trừ khoản thanh toán giá mua lại các Trái Phiếu theo quy định tại câu liền trước, Tổ Chức Phát Hành không có nghĩa vụ phải thanh toán bất kỳ khoản tiền nào khác liên quan đến các Trái Phiếu được mua lại nêu trên vào hoặc sau Ngày Mua Lại Trước Hạn đó.

9.6. Hủy Bỏ

Trái Phiếu sau khi được Tổ Chức Phát Hành hoàn tất việc mua lại sẽ bị hủy bỏ ngay lập tức và không được phát hành lại hoặc bán lại. Khi Trái Phiếu bị hủy bỏ phù hợp với quy định tại câu liền trước, mọi nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu đó sẽ chấm dứt.

9.7. Xử Lý Phần Lẻ Trái Phiếu

Trong mọi trường hợp mua lại Trái Phiếu, số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành có quyền hoặc phải mua lại từ một Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được làm tròn xuống số

nguyên gần nhất (nếu không phải là số nguyên). Đối với số lượng Trái Phiếu còn lại (được hình thành từ phần lẻ Trái Phiếu do số lượng Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành mua từ một Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trên cơ sở tỷ lệ không phải là một số nguyên), Tổ Chức Phát Hành có toàn quyền chỉ định một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhất định để mua lại một phần hoặc toàn bộ số Trái Phiếu còn lại đó.

10. HỘI NGHỊ CÁC CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

- (a) (i) Tổ Chức Lưu Ký (khi Tổ Chức Lưu Ký và Tổ Chức Phát Hành có yêu cầu sửa đổi nội dung của Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký mà việc sửa đổi đó gây ảnh hưởng bất lợi đến quyền, lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu dưới bất kỳ hình thức nào), (ii) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (khi có bất kỳ vấn đề nào phát sinh liên quan đến Trái Phiếu đòi hỏi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải đưa ra quyết định, chỉ thị theo các Văn Kiện Trái Phiếu có liên quan), (iii) Tổ Chức Phát Hành hoặc (iv) một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành có quyền yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập (A) hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ("**Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**") hoặc (B) tổ chức lấy ý kiến của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bằng văn bản thông qua các hình thức phù hợp (bao gồm nhưng không giới hạn việc sử dụng một hoặc kết hợp các hình thức lấy ý kiến bằng văn bản giấy, hình thức bỏ phiếu điện tử hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác) (gọi chung là "**Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**") phù hợp với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (b) Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể được tổ chức dưới các hình thức phù hợp như hội nghị qua điện thoại (teleconference), hội nghị trực tuyến (video conference) hoặc các hình thức khác được Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thỏa thuận bằng văn bản. Việc triệu tập và tiến hành Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thực hiện theo trình tự và thủ tục quy định trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (c) Sau khi nhận được yêu cầu triệu tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc yêu cầu tổ chức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hợp lệ theo quy định tại Điều Khoản 10(a) nêu trên, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ thực hiện các công việc cần thiết để triệu tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo trình tự và thủ tục được quy định tại Phụ Lục II của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các quy định của Điều Khoản 10 này.
- (d) Phụ thuộc vào quy định tại Điều Khoản 10(a) nêu trên, Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chỉ được xem là được triệu tập hợp lệ nếu có sự tham dự của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu Trái Phiếu với tỷ lệ tương ứng như sau:
- (i) Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập liên quan đến hoặc đề thông qua (các) Vấn Đề Loại Trừ là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị;
- (ii) Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được triệu tập liên quan đến hoặc đề thông qua (các) vấn đề không phải là Vấn Đề Loại Trừ, (A) lần thứ nhất, là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị, (B)

lần thứ hai (do lần triệu tập thứ nhất không đủ điều kiện số người tham dự cần thiết), trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu lần thứ nhất, là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu ít nhất 33% (ba mươi ba phần trăm) tổng mệnh Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm tiến hành hội nghị, và (C) lần thứ ba (do lần triệu tập thứ hai không đủ điều kiện số người tham dự cần thiết), trong thời hạn tối đa 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu lần thứ hai, là một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu bất kỳ số lượng Trái Phiếu nào.

- (e) Ngoại trừ các vấn đề yêu cầu phải được quyết định bởi Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối, nghị quyết hoặc quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được coi là thông qua hợp lệ nếu được chấp thuận bởi hoặc nhân danh một hoặc nhiều Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 51% (năm mươi một phần trăm) của (i) tổng mệnh giá các Trái Phiếu được nắm giữ bởi các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự hội nghị nếu được biểu quyết tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, hoặc (ii) tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm thông qua nghị quyết hoặc quyết định đó nếu được biểu quyết dưới hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bằng các hình thức lấy ý kiến khác của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

Mọi Vấn Đề Loại Trừ phải được quyết định bởi một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối (dù tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hay bằng cách Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu). Tỷ lệ cần thiết để thông qua Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối được xác định trong định nghĩa “Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối” tại Điều Khoản 17.1.

Nghị quyết được thông qua bằng hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được tiến hành phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có giá trị như nghị quyết được thông qua tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Thủ tục Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

- (f) Nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (kể cả Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối) được thông qua hợp lệ sẽ có giá trị ràng buộc tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (cho dù Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có tham dự Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan hay đưa ra ý kiến theo hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu). Bất kỳ nghị quyết nào của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua hợp lệ theo quy định tại Điều Khoản 10 này mà:

- (i) có quyết định mâu thuẫn hoặc không nhất quán với bất kỳ quy định nào trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này hay bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào khác;
- (ii) đòi hỏi hoặc dẫn đến việc sửa đổi, bổ sung hoặc chấm dứt bất kỳ quy định nào của Các Điều Khoản Trái Phiếu này hay bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào; hoặc
- (iii) làm phát sinh thêm hoặc làm tăng thêm nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu hoặc bất kỳ Văn Kiện Trái Phiếu nào so với trước khi thông qua nghị quyết đó,

sẽ chỉ có giá trị ràng buộc Tổ Chức Phát Hành nếu được Tổ Chức Phát Hành chấp thuận bằng văn bản.

Để tránh nhầm lẫn, Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông qua hợp lệ nhằm xác định Sự Kiện Vi Phạm hoặc yêu cầu Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu do xảy ra Sự Kiện Vi Phạm theo quy định tại Điều Khoản 12 sẽ có giá trị ràng buộc Tổ Chức Phát Hành theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác mà không cần chấp thuận bằng văn bản của Tổ Chức Phát Hành.

- (g) Chỉ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ cho một lần triệu tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mới được tham dự và biểu quyết tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó hoặc đưa ra ý kiến trong lần Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó.
- (h) Bất kể có quy định nào khác đi trong Các Văn Kiện Trái Phiếu, nghị quyết được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu 100% (một trăm phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó chấp thuận (dù tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hay bằng cách Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục triệu tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không đáp ứng quy định tại Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (i) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, theo yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành, có thể triệu tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc tổ chức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo trình tự và thủ tục được quy định tại Phụ Lục II của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các quy định của Điều Khoản 10 này đối với các vấn đề đã được đưa ra thảo luận tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc lần Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trước đó nhưng chưa có nghị quyết nào được thông qua liên quan đến vấn đề đó theo quy định tại Điều Khoản 10 này.

11. CAM KẾT

Tổ Chức Phát Hành cam kết sẽ tuân thủ các nghĩa vụ dưới đây tại mọi thời điểm từ Ngày Phát Hành đến khi không còn bất kỳ Trái Phiếu đang lưu hành nào:

(a) Tư Cách Pháp Lý

Tổ Chức Phát Hành sẽ duy trì tư cách pháp lý của Tổ Chức Phát Hành và bảo đảm mỗi Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành sẽ duy trì tư cách pháp lý là một công ty hoạt động theo quy định của Luật Doanh Nghiệp hoặc theo quy định của pháp luật nơi Công Ty Con Chính đó được thành lập (tùy trường hợp áp dụng), trừ các trường hợp được phép theo quy định tại các Điều Khoản 11(g) và 11(h).

(b) Tuân Thủ Luật

Tổ Chức Phát Hành sẽ tuân thủ và sẽ nỗ lực tối đa, bao gồm việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, để đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành tuân thủ bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan nào trên tất cả các khía cạnh quan trọng.

(c) Sửa Đổi Điều Lệ

Tổ Chức Phát Hành đảm bảo rằng, trừ khi được yêu cầu khác đi bởi các quy định bất

buộc của bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng nào hoặc trừ khi được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động theo một nghị quyết thông thường của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) chấp thuận bằng văn bản, không có sửa đổi nào đối với điều lệ của Tổ Chức Phát Hành tại bất kỳ thời điểm nào sẽ được thông qua dưới bất kỳ hình thức nào theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng mà sẽ gây ảnh hưởng bất lợi đáng kể đến các quyền của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo các Văn Kiện Trái Phiếu.

(d) Quản Lý Tài Chính Và Kế Toán

Tổ Chức Phát Hành sẽ ngay lập tức thiết lập và duy trì một hệ thống kế toán và kiểm soát, hệ thống quản lý thông tin, và sổ sách kế toán và các chứng từ khác, mà cùng với nhau đủ để thể hiện một cách khách quan, chính xác và đúng đắn điều kiện tài chính và kết quả hoạt động của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành phù hợp với CMKTVN (nếu áp dụng) và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan trên tất cả các khía cạnh quan trọng.

(e) Bảo Hiểm

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và sẽ nỗ lực tối đa, bao gồm việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, để đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, nếu có thể mua được tại Việt Nam, mua bảo hiểm và duy trì bảo hiểm tại các công ty bảo hiểm có uy tín và lành mạnh về tài chính, đối với tất cả các tài sản và công việc kinh doanh quan trọng của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành khỏi các tổn thất lớn.

(f) Thuế

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và sẽ nỗ lực tối đa, bao gồm việc thực hiện quyền biểu quyết của cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, để đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, thanh toán và hoàn thành hợp lệ và đúng hạn mọi khoản thuế ấn định cho Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con có liên quan đó hoặc ấn định lên tài sản của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng liên quan đến thuế.

(g) Không Giải Thể

Tổ Chức Phát Hành phải bảo đảm rằng sẽ không có bất kỳ quyết định giải thể nào (được quy định tại Khoản 1 Điều 208 của Luật Doanh Nghiệp) được thông qua đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con Chính nào của Tổ Chức Phát Hành trừ khi việc giải thể là vì mục đích, hoặc là kết quả, của việc tổ chức lại doanh nghiệp được phép theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng, Các Điều Kiện Trái Phiếu này hoặc các Văn Kiện Trái Phiếu khác.

(h) Tổ Chức Lại Doanh Nghiệp Và Chuyển Nhượng Tài Sản

Tổ Chức Phát Hành không được:

- (i) cam kết hoặc cho phép bất kỳ giao dịch sáp nhập, chia, tách, hợp nhất hay tổ chức lại doanh nghiệp theo hình thức khác của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ

Công Ty Con Chính nào của Tổ Chức Phát Hành;

- (ii) chuyển nhượng tài sản của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành với tổng giá trị chuyển nhượng trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng giá trị tài sản của Tổ Chức Phát Hành (tính trên cơ sở hợp nhất) hoặc Công Ty Con Chính đó (tính trên cơ sở hợp nhất) theo Báo Cáo Tài Chính gần nhất của Tổ Chức Phát Hành/Công Ty Con Chính cho bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào; hoặc
- (iii) giảm tỷ lệ sở hữu (trực tiếp và gián tiếp) hoặc tỷ lệ biểu quyết xuống dưới (x) 65% (sáu mươi lăm phần trăm) vốn điều lệ của Công Ty Con Chính mà Tổ Chức Phát Hành nắm giữ từ 65% vốn điều lệ trở lên và (y) 50% (năm mươi phần trăm) vốn điều lệ tại Công Ty Con Chính khác tại bất kỳ thời điểm nào trong thời hạn của Trái Phiếu;

trừ trường hợp các hành động nêu trên thuộc một trong các trường hợp sau đây:

- (A) dẫn đến hoặc không dẫn đến việc Tổ Chức Phát Hành bị chấm dứt tồn tại và (các) doanh nghiệp hình thành hoặc tồn tại sau giao dịch có liên quan kế thừa hoặc liên đới chịu trách nhiệm phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật tại thời điểm đó đối với nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu;
- (B) dẫn đến hoặc không dẫn đến việc Công Ty Con Chính đó bị chấm dứt tồn tại với điều kiện là (xx) (các) doanh nghiệp hình thành hoặc tồn tại sau giao dịch có liên quan kế thừa hoặc liên đới chịu trách nhiệm phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật tại thời điểm đó đối với nghĩa vụ có liên quan của Công Ty Con Chính đó, và (yy) (I) Công Ty Con Chính đó hoặc (các) doanh nghiệp hình thành hoặc tồn tại sau giao dịch có liên quan đồng ý bảo lãnh, hoặc tạo lập các biện pháp bảo đảm khác, để bảo đảm việc thực hiện các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Trái Phiếu, hoặc (II) được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận;
- (C) không gây ra một Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể cho Tổ Chức Phát Hành;
- (D) nhằm tái cơ cấu hoạt động nội bộ của Tổ Chức Phát Hành hoặc các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành;
- (E) khoản tiền nhận được từ việc chuyển nhượng tài sản được dùng để (xx) nhận chuyển nhượng hoặc mua các tài sản sẽ được sử dụng trong hoạt động kinh doanh thông thường của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con Chính hoặc tăng quy mô vốn hoạt động hoặc thực hiện các chương trình dự án đầu tư của Tổ Chức Phát hành hay Công Ty Con Chính, hoặc (yy) thanh toán bất kỳ khoản nợ nào mà có thứ tự ưu tiên thanh toán không thấp hơn nghĩa vụ thanh toán Trái Phiếu, trong thời hạn 364 (ba trăm sáu mươi tư) ngày kể từ ngày chuyển nhượng;
- (F) được chấp thuận bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; hoặc

(G) được chấp thuận bởi một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

Tổ Chức Phát Hành sẽ thông báo cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau khi cơ quan có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành thông qua các chấp thuận nội bộ về việc thực hiện bất kỳ hành động nào được quy định tại các đoạn (i), (ii), và (iii) và thuộc bất kỳ trường hợp nào được quy định tại các đoạn (A) đến (F) nêu trên kèm theo thời gian dự kiến thực hiện và các tài liệu hoặc thông tin thể hiện các giao dịch đó được phép thực hiện theo các quy định nêu trên.

(i) Biện Pháp Bảo Đảm

Tổ Chức Phát Hành sẽ không tạo lập hoặc cho phép tồn tại bất kỳ biện pháp bảo đảm nào đối với các Tài Sản Bảo Đảm ngoại trừ (i) Các Biện Pháp Bảo Đảm được tạo lập theo Điều Khoản 6.1 và Các Hợp Đồng Bảo Đảm, và (iii) các trường hợp khác được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động theo một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) chấp thuận bằng văn bản.

(j) Định Giá Lại Tài Sản Bảo Đảm Và Thay Đổi Đối Với Tài Sản Bảo Đảm

Các Tài Sản Bảo Đảm tương ứng sẽ được định giá lại trong các trường hợp được quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này, mỗi Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan và trong trường hợp có yêu cầu của Tổ Chức Phát Hành khi bất kỳ Trái Phiếu nào được Tổ Chức Phát Hành mua lại trước Ngày Đáo Hạn theo quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này, và nếu cần thiết, sẽ được bổ sung, thay thế hoặc rút bớt theo quy định của Các Hợp Đồng Bảo Đảm. Tổ Chức Phát Hành và/hoặc Các Bên Bảo Đảm cam kết sẽ hỗ trợ tối đa cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc các tổ chức định giá độc lập có liên quan nhằm đảm bảo thời hạn định giá lại Tài Sản Bảo Đảm và thanh toán mọi chi phí hợp lý phát sinh liên quan đến việc định giá lại Tài Sản Bảo Đảm nêu trên.

(k) Các Chấp Thuận

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và đảm bảo các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, xin được, duy trì hiệu lực (kể cả gia hạn hoặc xin cấp mới) và tuân thủ các Chấp Thuận cần thiết và quan trọng cho (i) hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, và (ii) việc tuân thủ tất cả các nghĩa vụ của Tổ Chức Phát Hành và các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu (để tránh nhầm lẫn, nếu xảy ra bất kỳ sự kiện không tuân thủ nào đối với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật trong phạm vi liên quan đến Chấp Thuận thì sẽ áp dụng quy định tại Điều Khoản 11(k) này mà không phải quy định tại Điều Khoản 11(b) để xử lý).

(l) Thông Báo Sự Kiện Vi Phạm Tiềm Tàng

Nếu một sự kiện xảy ra mà dẫn đến hoặc có khả năng dẫn đến một Sự Kiện Vi Phạm, Tổ Chức Phát Hành sẽ gửi thông báo cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi Tổ Chức Phát Hành biết được sự tồn tại của sự kiện đó trong đó nêu các chi tiết hợp lý của sự kiện đó.

(m) Vị Trí Ngang Bằng

Các Trái Phiếu sẽ tạo thành các nghĩa vụ chung, trực tiếp, không mang tính thứ cấp và được bảo đảm kể từ Ngày Phát Hành và, tại mọi thời điểm, được xếp *ít nhất là ngang bằng* với tất cả các nghĩa vụ chung, trực tiếp và không được bảo đảm của của Tổ Chức Phát Hành trong hiện tại cũng như trong tương lai.

(n) Giao Dịch Với Người Có Liên Quan

Tổ Chức Phát Hành sẽ, và sẽ nỗ lực tối đa để đảm bảo rằng các Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành sẽ, ký kết các Giao Dịch Với Người Có Liên Quan theo các điều kiện thương mại thông thường, chỉ trên cơ sở bình đẳng và phù hợp với các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan.

(o) Công Bố Thông Tin

Tổ Chức Phát Hành cam kết tuân thủ đầy đủ các quy định về công bố tất cả các thông tin mà Tổ Chức Phát Hành được yêu cầu phải công bố theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và sẽ cung cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) hoặc công bố công khai trên trang thông tin điện tử của Tổ Chức Phát Hành tất cả các thông tin mà Tổ Chức Phát Hành được yêu cầu phải cung cấp cho Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của Các Điều Kiện Trái Phiếu này và các Văn Kiện Trái Phiếu khác, bao gồm nhưng không giới hạn các tài liệu/thông tin sau đây:

- (i) Báo Cáo Tài Chính năm của Tổ Chức Phát Hành ngay khi có Báo Cáo Tài Chính đó nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 120 (một trăm hai mươi) ngày kể từ ngày kết thúc Năm Tài Chính có liên quan (trừ khi các báo cáo này đã được công bố công khai);
- (ii) Báo Cáo Tài Chính bán niên của Tổ Chức Phát Hành ngay khi có nhưng trong mọi trường hợp không muộn hơn 60 (sáu mươi) ngày kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo có liên quan (trừ khi các báo cáo này đã được công bố công khai);
- (iii) Thông tin về bất kỳ thay đổi nào về (A) tỷ lệ sở hữu của bất kỳ cổ đông nào sở hữu từ 10% (mười phần trăm) trở lên vốn điều lệ của Tổ Chức Phát Hành, (B) tổng giám đốc của Tổ Chức Phát Hành, và (C) người đại diện theo pháp luật của Tổ Chức Phát Hành trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày diễn ra thay đổi đó; và
- (iv) Danh sách Công Ty Con Chính được cập nhật định kỳ hàng năm vào mỗi thời điểm cung cấp Báo Cáo Tài Chính năm có liên quan tại đoạn (i) bên trên. Vào ngày ký Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, danh sách Công Ty Con Chính của Tổ Chức Phát Hành như sau:

STT	Tên công ty	Tỷ lệ % EBITDA hợp nhất của Công Ty Con Chính/EBITDA hợp nhất của Tổ Chức Phát Hành (năm 2022)	Tỷ lệ sở hữu bởi Tổ Chức Phát Hành (trực tiếp hoặc gián tiếp) tại ngày 31/12/2022 (%)
-----	-------------	--	---

		(≥20%)	
1	Công ty TNHH Vonfram Masan	31,8%	99,999%

(p) Sử Dụng Số Tiền Thu Được

Tổ Chức Phát Hành sẽ chỉ sử dụng số tiền thu được từ Trái Phiếu cho mục đích quy định tại Điều Khoản 3. Vì mục đích của quy định này, Tổ Chức Phát Hành sẽ bảo đảm rằng:

- (i) cho đến khi Tổ Chức Phát Hành đã sử dụng hết số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành sẽ, trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày tròn mỗi giai đoạn 6 (sáu) tháng kể từ Ngày Phát Hành, cung cấp cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Tổ Chức Lưu Ký hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) một bản báo cáo về việc sử dụng số tiền thu được từ các Trái Phiếu bởi Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn 6 (sáu) tháng đó kèm với các chứng từ hợp lý để chứng minh việc sử dụng đó là đúng mục đích được quy định tại Điều Khoản 3 của Các Điều Khoản Trái Phiếu này; và
- (ii) Tổ Chức Phát Hành sẽ, trong vòng 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày Tổ Chức Phát Hành sử dụng hết số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu, cung cấp cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (thông qua Tổ Chức Lưu Ký hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) một bản báo cáo về việc sử dụng số tiền thu được từ các Trái Phiếu bởi Tổ Chức Phát Hành trong giai đoạn kể từ ngày gần nhất Tổ Chức Phát Hành cung cấp báo cáo theo quy định tại đoạn (i) nêu trên cho đến ngày sử dụng hết số tiền thu được từ việc phát hành Trái Phiếu kèm với các chứng từ hợp lý để chứng minh việc sử dụng đó là đúng mục đích được quy định tại Điều Khoản 3 của Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

(q) Cam Kết Khác

Trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không có đủ nguồn tiền để thanh toán bất kỳ khoản gốc và lãi Trái Phiếu nào khi đến hạn, Tổ Chức Phát Hành sẽ sử dụng quyền biểu quyết của Tổ Chức Phát Hành với tư cách là cổ đông hoặc thành viên góp vốn trong một hoặc một số Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành để chấp thuận việc phân chia lợi nhuận của các Công Ty Con đó (trong phạm vi được các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng cho phép) để Tổ Chức Phát Hành sử dụng cho việc thanh toán khoản gốc và lãi Trái Phiếu đã đến hạn.

(r) Đáp Ứng Điều Khoản Chào Bán Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành bảo đảm rằng, tại Ngày Phát Hành, Tổ Chức Phát Hành đã đáp ứng các điều kiện để chào bán trái phiếu của doanh nghiệp theo hình thức chào bán ra công chúng tại thị trường Việt Nam theo các quy định có liên quan của Luật Chứng Khoán, Nghị Định 155 và Thông Tư 118, bao gồm, nhưng không giới hạn, việc Tổ Chức Phát Hành không có các khoản nợ phải trả quá hạn trên 1 (một) năm.

12. SỰ KIẾN VI PHẠM

12.1. Sự Kiến Vi Phạm

Nếu (i) có bất kỳ sự kiện nào dưới đây đã xảy ra và đang tiếp diễn và (ii) đã có một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối được thông qua hợp lệ xác định sự kiện đó đã xảy ra và cấu thành một vi phạm theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này và do đó Trái Phiếu cần bị tuyên bố đến hạn để Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn (điều kiện nêu tại mục (ii) này không áp dụng đối với bất kỳ sự kiện nào quy định tại đoạn (a) đến đoạn (c) dưới đây) thì sự kiện đó được xem là một sự kiện vi phạm ("**Sự Kiện Vi Phạm**"):

(a) Không Thanh Toán

Tổ Chức Phát Hành không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ gốc hoặc lãi Trái Phiếu vào ngày đến hạn thanh toán có liên quan và việc không thanh toán đó không được Tổ Chức Phát Hành khắc phục trong thời hạn 7 (bảy) Ngày Làm Việc liên tục từ ngày đến hạn thanh toán có liên quan.

(b) Vi Phạm Pháp Luật Và/Hoặc Phương Án Phát Hành Trái Phiếu

Tổ Chức Phát Hành vi phạm nghiêm trọng bất kỳ quy định có liên quan nào của pháp luật Việt Nam về chào bán trái phiếu ra công chúng (trong phạm vi liên quan đến Trái Phiếu) hoặc Phương Án Phát Hành Trái Phiếu mà Tổ Chức Phát Hành không chấm dứt và/hoặc không khắc phục vi phạm đó trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày nhận được thông báo của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về sự kiện có liên quan.

(c) Không Xác Lập Biện Pháp Bảo Đảm

Tổ Chức Phát Hành không xác lập và hoàn thiện Biện Pháp Bảo Đảm trong thời gian theo quy định tại Điều Kiện 6.1(a)(ii).

(d) Vi Phạm Cam Kết

Tổ Chức Phát Hành không tuân thủ bất kỳ cam kết nào được quy định tại Điều Kiện 11 sau khi Trái Phiếu đã được phát hành và việc không tuân thủ đó không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày Tổ Chức Phát Hành nhận được thông báo của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về sự kiện có liên quan, *tuy nhiên với điều kiện là* việc không tuân thủ các cam kết quy định tại các điều kiện sau:

- (i) Điều Kiện 11(b) (*Tuân Thủ Luật*);
- (ii) Điều Kiện 11(d) (*Quản Lý Tài Chính Và Kế Toán*);
- (iii) Điều Kiện 11(e) (*Bảo Hiểm*);
- (iv) Điều Kiện 11(f) (*Thuế*);
- (v) Điều Kiện 11(k) (*Các Chấp Thuận*); và
- (vi) Điều Kiện 11(n) (*Giao Dịch Với Người Có Liên Quan*),

sẽ chỉ được xem là Sự Kiện Vi Phạm nếu gây ra, hoặc có thể được dự tính một cách hợp lý và rõ ràng là sẽ gây ra, một Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể cho Tổ Chức Phát Hành. Cho dù có quy định tại câu liền trước, việc Tổ Chức Phát Hành không tuân thủ các cam kết nêu trên là kết quả của hoặc có liên quan đến việc thực hiện các hành động phù hợp với các Điều Kiện 11(g) và 11(h) sẽ không được xem là Sự Kiện Vi Phạm trong bất kỳ trường hợp nào và theo bất kỳ cách thức nào.

(e) Sự Kiện Vi Phạm Tiềm Tàng Theo Các Thỏa Thuận Khác

- (i) Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành không thanh toán bất kỳ Khoản Nợ nào (cho dù là một Khoản Nợ riêng lẻ hay một nhóm các Khoản Nợ có liên quan) khi đến hạn (nhưng chỉ sau khi kết thúc khoảng thời gian ân hạn có liên quan) hoặc có bất kỳ Khoản Nợ nào phải được thanh toán trước ngày đáo hạn của Khoản Nợ đó do vi phạm của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến Khoản Nợ đó.

Vi mục đích của quy định này, “**Khoản Nợ**” có nghĩa là bất kỳ khoản nợ nào với tổng số tiền gốc trên 200.000.000.000 VND (hai trăm tỷ Đồng) (hoặc tương đương nếu được ghi nhận bằng loại tiền tệ khác) của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành liên quan đến:

- (A) các khoản tiền vay;
- (B) giấy nhận nợ, trái phiếu, hối phiếu nhận nợ hoặc các chứng khoán nợ tương tự khác;
- (C) thư tín dụng chấp nhận thanh toán (acceptance credit);
- (D) các khoản phải thu đã bán hoặc chiết khấu (trừ trường hợp được bán hoặc chiết khấu trên cơ sở không truy đòi);
- (E) chi phí mua bất kỳ tài sản nào phải thanh toán trước hoặc sau thời điểm người có nghĩa vụ thanh toán mua hoặc sở hữu tài sản đó nếu khoản thanh toán trước hoặc khoản tiền trả chậm chủ yếu được thu xếp như một phương thức huy động vốn hoặc tài trợ tài chính cho việc mua tài sản đó;
- (F) bất kỳ hợp đồng thuê tài sản nào được ký kết chủ yếu như là một phương thức huy động vốn hoặc tài trợ tài chính cho việc mua tài sản đó;
- (G) bất kỳ giao dịch hoán đổi tiền tệ hay hoán đổi lãi suất nào, giao dịch về mức trần hoặc mức sàn hoặc bất kỳ giao dịch phái sinh nào được ký kết nhằm tránh bị ảnh hưởng bởi hoặc nhằm thu lợi từ việc biến động lãi suất hoặc giá (trừ trường hợp đối với một khoản tiền không được thanh toán, khoản tiền đó sẽ được tính bằng cách sử dụng giá trị được điều chỉnh theo giá trị thị trường của bất kỳ giao dịch phái sinh nào);
- (H) bất kỳ khoản tiền nào được huy động theo bất kỳ giao dịch nào khác có giá trị về mặt thương mại như là một khoản vay hoặc hoạt động huy động vốn;

- (I) bất kỳ nghĩa vụ bồi hoàn đối ứng nào đối với bất kỳ bảo lãnh, bồi hoàn, trái phiếu, thư tín dụng hoặc bất kỳ công cụ nào khác do một ngân hàng hoặc một định chế tài chính cấp; hoặc
 - (J) bất kỳ bảo lãnh, bồi hoàn hoặc biện pháp đảm bảo có tính chất tương tự nào cho tổn thất tài chính của một Tổ Chức/Cá Nhân nào liên quan đến bất kỳ mục nào nêu tại các đoạn từ (A) đến (I) trên.
- (ii) Có bất kỳ tài sản nào có giá trị lớn hơn 200.000.000.000 VND (hai trăm tỷ Đồng) (hoặc tương đương nếu được ghi nhận bằng loại tiền tệ khác) của Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành bị xử lý theo diện xử lý tài sản bảo đảm.

(f) Mất Khả Năng Thanh Toán

Tổ Chức Phát Hành hoặc bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành bị lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán (kể cả do ngừng hoặc đe dọa ngừng toàn bộ hoặc một phần đáng kể hoạt động kinh doanh của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó) làm phát sinh quyền yêu cầu mở thủ tục tuyên bố phá sản đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó của chủ nợ nói chung (kể cả các chủ nợ đối với các khoản phải thanh toán của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó theo bất kỳ bản án hoặc quyết định nào của tòa án được ban hành và có hiệu lực thi hành đối với Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con đó) theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật về phá sản doanh nghiệp và tình trạng đó không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

(g) Quốc Hữu Hóa

Bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào tịch thu, quốc hữu hóa, tịch biên, sung công hoặc bằng cách khác đoạt quyền chiếm hữu hoặc kiểm soát tất cả hoặc về cơ bản là (i) tất cả các công việc kinh doanh, hoạt động, bất động sản hoặc tài sản khác của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con Chính hoặc Các Bên Bảo Đảm hoặc (ii) vốn điều lệ/phần vốn góp của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con Chính hoặc Các Bên Bảo Đảm và biện pháp hoặc hành động đó không được giải trừ hoặc hủy bỏ trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

(h) Bất Hợp Pháp

Việc Tổ Chức Phát Hành hoặc Các Bên Bảo Đảm thực hiện hoặc tuân thủ các nghĩa vụ quan trọng của mình theo Các Điều Kiện Trái Phiếu là hoặc trở nên bất hợp pháp theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và sự kiện này không chấm dứt và/hoặc không được khắc phục trong thời hạn 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc từ ngày xuất hiện.

12.2. **Biện Pháp Khắc Phục Sự Kiện Vi Phạm**

- (a) Nếu bất kỳ Sự Kiện Vi Phạm nào xảy ra và đang tiếp diễn, bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào cũng có quyền gửi thông báo bằng văn bản cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu để yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tuyên bố Trái Phiếu đến hạn.

- (b) Ngay sau khi nhận được thông báo từ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 12.2(a), Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi thông báo bằng văn bản cho Tổ Chức Phát Hành để tuyên bố Trái Phiếu đến hạn và phải được Tổ Chức Phát Hành mua lại trước hạn ("**Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn**") và khi đó tất cả tiền gốc, lãi và các khoản thanh toán khác theo Trái Phiếu sẽ lập tức đến hạn và phải được thanh toán trong thời hạn quy định tại Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn. Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải nêu rõ Sự Kiện Vi Phạm dẫn đến việc mua lại trước hạn Trái Phiếu, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng và ngày Tổ Chức Phát Hành phải thanh toán toàn bộ các khoản tiền liên quan đến việc mua lại trước hạn Trái Phiếu ("**Ngày Thanh Toán Cuối Cùng**"). Để làm rõ:
- (i) nếu Trái Phiếu chưa được lưu ký tại VSD tại thời điểm mua lại trước hạn, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng sẽ là ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn và Ngày Thanh Toán Cuối Cùng sẽ là Ngày Làm Việc thứ 11 (mười một) kể từ ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn; hoặc
 - (ii) nếu Trái Phiếu đã lưu ký tại VSD tại thời điểm mua lại trước hạn, Ngày Đăng Ký Cuối Cùng sẽ là ngày do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ấn định phù hợp với quy chế thực hiện quyền của VSD. Trong trường hợp này, trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc ngay sau ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn, Tổ Chức Phát Hành hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (theo ủy quyền của Tổ Chức Phát Hành) phải gửi hồ sơ thông báo thực hiện quyền đến VSD để thực hiện việc chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền có liên quan.
- (c) Tổ Chức Phát Hành phải mua lại tất cả Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm đó với giá mỗi Trái Phiếu bằng tổng mệnh giá, lãi và tất cả các khoản tiền khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán đối với Trái Phiếu đó tính đến (nhưng không bao gồm) Ngày Thanh Toán Cuối Cùng (trừ trường hợp Trái Phiếu đã niêm yết tại thời điểm mua lại và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán tại thời điểm đó có quy định khác).
- (d) Nếu đến hết Ngày Thanh Toán Cuối Cùng mà Tổ Chức Phát Hành vẫn không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ mua lại Trái Phiếu theo quy định tại Điều Khoản 12.2(c) trên đây và phụ thuộc vào quy định tại Điều Khoản 12.2(e) dưới đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm có quyền xử lý các Tài Sản Bảo Đảm thay mặt cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phù hợp với Các Điều Khoản Trái Phiếu, các điều khoản của Các Hợp Đồng Bảo Đảm tương ứng và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng, *tuy nhiên, với điều kiện là* việc xử lý các Tài Sản Bảo Đảm đó chỉ trong phạm vi các khoản nợ gốc chưa thanh toán của các Trái Phiếu, bất kỳ khoản lãi nào đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán và các khoản thanh toán khác đã phát sinh nhưng chưa được thanh toán liên quan đến Trái Phiếu.
- (e) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm không bị buộc phải tiến hành bất kỳ thủ tục tố tụng hoặc hành động nào khác theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Các Hợp Đồng Bảo Đảm trừ khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được chỉ thị hoặc được yêu cầu thực hiện các thủ tục hoặc hành động khác đó theo một Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối, và chỉ khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu bồi hoàn và/hoặc đảm bảo đáp ứng yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với toàn bộ trách nhiệm mà Đại Diện Chủ Sở Hữu

Trái Phiếu có thể phải gánh chịu hoặc có thể phải chịu khi thực hiện theo Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối đó.

- (f) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không tự mình mà phải thông qua Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc thực hiện các quyền của mình theo Các Điều Khoản Trái Phiếu và/hoặc Các Hợp Đồng Bảo Đảm (kể cả quyền yêu cầu xử lý Tài Sản Bảo Đảm).
- (g) Cho dù đã có các quy định trên đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ không có quyền thực hiện bất kỳ hành động hoặc tiến hành bất kỳ thủ tục tố tụng nào đối với Tổ Chức Phát Hành trừ khi trước lúc tiến hành hành động hoặc thủ tục tố tụng đó, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm đã xử lý các Tài Sản Bảo Đảm và/hoặc thi hành Biện Pháp Bảo Đảm được tạo lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm hoặc đã tiến hành các thủ tục để xử lý các Tài Sản Bảo Đảm được tạo lập theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm nhưng Các Bên Bảo Đảm hoặc Tổ Chức Phát Hành có hành động gây cản trở việc xử lý các Tài Sản Bảo Đảm đó.

13. THÔNG BÁO VÀ ĐỊA CHỈ ĐĂNG KÝ

13.1. Thông Báo

- (a) Trừ trường hợp có quy định khác tại các Văn Kiện Trái Phiếu, mọi thông báo và thư từ liên lạc gửi cho hoặc gửi từ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (nếu có) sẽ được xem là được gửi hợp lệ bằng một hoặc các hình thức sau: (i) giao tận tay, (ii) gửi bằng thư bảo đảm, (iii) gửi qua dịch vụ chuyển phát của tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát, (iv) gửi qua thư điện tử, (v) gửi qua tin nhắn điện thoại (vi) gửi qua fax (và bản gốc phải được gửi bằng đường bưu điện trong thời hạn 2 (hai) Ngày Làm Việc sau đó) đến địa chỉ và số fax được quy định tại Điều Khoản 13.1(c) dưới đây hoặc (vii) công bố trên website của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (nếu có). Để tránh nhầm lẫn, phương thức thông báo tại mục (iv) và (v) trong câu liên trước chỉ áp dụng đối với các thông báo và thư từ liên lạc gửi cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (b) Bất kỳ thông báo hoặc thư từ liên lạc nào như vậy sẽ được xem là đã nhận được:
 - (i) nếu được giao tận tay, tại thời điểm giao;
 - (ii) nếu được gửi bằng thư bảo đảm, tại thời điểm kết thúc thời hạn 3 (ba) Ngày Làm Việc sau khi gửi (có xác nhận của bưu điện);
 - (iii) nếu được gửi qua dịch vụ chuyển phát của tổ chức cung cấp dịch vụ chuyển phát, tại thời điểm xác nhận nhận được gói bưu kiện đựng thông báo hoặc thư từ liên lạc có liên quan;
 - (iv) nếu được gửi qua thư điện tử, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi thư điện tử đến đúng địa chỉ đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận (để tránh nhầm lẫn, người gửi sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu người nhận không nhận được thư điện tử của người gửi do địa chỉ thư điện tử đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận bị sai, bị đầy dung lượng hoặc tự động chặn/trả lại thư điện tử của người gửi);

- (v) nếu được gửi qua tin nhắn điện thoại, khi người gửi đã hoàn thành việc gửi tin nhắn đến đúng số điện thoại đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận (để tránh nhầm lẫn, người gửi sẽ không chịu bất kỳ trách nhiệm nào nếu người nhận không nhận được tin nhắn của người gửi do số điện thoại đăng ký trong Sổ Đăng Ký của người nhận bị sai, bị đầy dung lượng hoặc tự động chặn/trả lại tin nhắn của người gửi);
- (vi) nếu được gửi qua fax, khi người gửi nhận được báo cáo chuyên fax xác nhận rằng thông báo hoặc thông điệp đã được gửi đầy đủ đến máy fax của người nhận, hoặc cách thức nhận báo cáo xác nhận tương tự khác; hoặc
- (vii) nếu được công bố trên website của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (nếu có), hoặc Sở Giao Dịch Chứng Khoán nơi Trái Phiếu được niêm yết (nếu áp dụng) thời điểm tròn 24 (hai mươi bốn) giờ từ thời điểm công bố.
- (c) Địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax của mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó được ghi nhận trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng. Địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký ban đầu, Tổ Chức Lưu Ký ban đầu và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu là các địa chỉ, thư điện tử, số điện thoại và số fax tương ứng được quy định tại Điều Khoản 13.2.

13.2. Địa Chỉ Đăng Ký

Địa chỉ đăng ký của Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký ban đầu, Tổ Chức Lưu Ký ban đầu, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu sử dụng cho việc nhận thông báo và các mục đích khác quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu này được ghi dưới đây hoặc bất kỳ địa chỉ nào khác được bên tương ứng thông báo bằng văn bản cho các bên có liên quan theo phương thức quy định tại Điều Khoản 13.1:

Đối với Tổ Chức Phát Hành:

Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo

Địa chỉ: Văn Phòng Đại Diện – Công Ty TNHH Khai Thác Chế Biến Khoáng Sản Núi Pháo tại Hà Nội, Tầng 15, Tòa Nhà Hòa Bình, 106 Hoàng Quốc Việt, Phường Nghĩa Đô, Quận Cầu Giấy, Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 84 – 24 – 3718 2490

Fax: 84 – 24 – 3718 2491

Người nhận: Kế Toán Trưởng

Website: <https://www.masanhightechmaterials.com/subsidiary/nui-phao-mining-company/>

Đối với Đại Lý Đăng Ký ban đầu:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

Địa chỉ: Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, Số 119 Trần Duy

Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 84 – 24 – 3944 6368
Số fax: 84 – 24 – 3944 6583
Người nhận: Tổng Giám Đốc
Website: <https://www.tcbs.com.vn>

Đối với Tổ Chức Lưu Ký ban đầu:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

Địa chỉ: Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, Số 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 84 – 24 – 3944 6368
Số fax: 84 – 24 – 3944 6583
Người nhận: Tổng Giám Đốc
Website: <https://www.tcbs.com.vn>

Đối với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

Địa chỉ: Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, Số 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 84 – 24 – 3944 6368
Số fax: 84 – 24 – 3944 6583
Người nhận: Tổng Giám Đốc
Website: <https://www.tcbs.com.vn>

Đối với Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đám ban đầu:

Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương

Địa chỉ: Tầng 27, Tầng 28 và Tầng 29, Tòa C5 D'Capitale, Số 119 Trần Duy Hưng, Phường Trung Hòa, Quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội
Điện thoại: 84 – 24 – 3944 6368
Số fax: 84 – 24 – 3944 6583
Người nhận: Tổng Giám Đốc
Website: <https://www.tcbs.com.vn>

14. SỬA ĐỔI

- (a) Bất kỳ sửa đổi nào đối với Các Điều Khoản Trái Phiếu này phải được các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận và phải được Tổ Chức Phát Hành đồng ý bằng văn bản theo quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu. Tuy nhiên, Tổ Chức Phát Hành có thể tự mình sửa đổi Các Điều Khoản Trái Phiếu này để xử lý bất kỳ lỗi hoặc sai sót rõ ràng nào, bao gồm nhưng không bị giới hạn bởi các sai sót về lỗi chính tả, kỹ thuật soạn thảo văn bản và dẫn chiếu trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này mà không cần chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, với điều kiện là bất kỳ sửa đổi nào như vậy sẽ chỉ được tiến hành sau khi Tổ Chức Phát Hành đã trao đổi với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và việc sửa đổi đó sẽ được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ngay khi có thể nhưng không muộn hơn 2 (hai) Ngày Làm Việc kể từ khi việc sửa đổi được hoàn tất.

- (b) Việc sửa đổi, bổ sung mỗi Văn Kiện Trái Phiếu sẽ được thực hiện theo phương thức quy định tại Văn Kiện Trái Phiếu đó.

15. LUẬT ÁP DỤNG

Các Điều Kiện Trái Phiếu này sẽ được điều chỉnh bởi và được giải thích phù hợp với pháp luật Việt Nam.

16. TRỌNG TÀI

Mọi tranh chấp phát sinh từ hoặc liên quan đến Trái Phiếu và Các Điều Kiện Trái Phiếu này (kể cả tranh chấp liên quan đến việc tính toán bất kỳ khoản tiền nào theo Các Điều Kiện Trái Phiếu này) sẽ được giải quyết bằng trọng tài tại Trung Tâm Trọng Tài Quốc Tế Việt Nam (“VIAC”) theo quy tắc tổ tụng trọng tài của VIAC bởi 3 (ba) trọng tài viên được chỉ định theo quy tắc đó. Địa điểm tiến hành thủ tục trọng tài là tại Thành Phố Hồ Chí Minh, Việt Nam. Ngôn ngữ sử dụng trong tổ tụng trọng tài là tiếng Việt.

17. ĐỊNH NGHĨA VÀ NGUYÊN TẮC DIỄN GIẢI

17.1. Định Nghĩa

Khi được sử dụng trong Các Điều Kiện Trái Phiếu này:

“**Ảnh Hưởng Bất Lợi Đáng Kể**” có nghĩa, liên quan đến Tổ Chức Phát Hành hoặc MHT (tùy trường hợp áp dụng), là việc xảy ra một sự kiện mà có thể được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu dự tính một cách hợp lý là sẽ dẫn đến việc giảm EBITDA của Tổ Chức Phát Hành hoặc MHT trong Năm Tài Chính có liên quan ở mức bằng hoặc cao hơn 20% (hai mươi phần trăm) EBITDA tương ứng của Tổ Chức Phát Hành hoặc MHT trong Năm Tài Chính liền trước đó (trên cơ sở xem xét Báo Cáo Tài Chính hợp nhất năm có liên quan của Tổ Chức Phát Hành hoặc MHT).

“**Bản Cáo Bạch**” có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 1.1.

“**Báo Cáo Tài Chính**” có nghĩa,

- (i) đối với Tổ Chức Phát Hành, là các báo cáo tài chính năm được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên được soát xét hoặc được cơ quan có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành thông qua, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ riêng lẻ và hợp nhất (nếu có) và bản thuyết minh của các báo cáo được lập phù hợp với CMKTVN; và
- (ii) đối với Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành, là các báo cáo tài chính năm hoặc bán niên được cơ quan có thẩm quyền của Tổ Chức Phát Hành hoặc Công Ty Con của Tổ Chức Phát Hành thông qua, bao gồm bảng cân đối kế toán, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng lẻ và hợp nhất (nếu có) được lập phù hợp với CMKTVN (nếu áp dụng) và bản thuyết minh của các báo cáo (nếu có).

“**Các Biện Pháp Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 6.1(a).

“**Các Điều Kiện Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Kiện 1.1.

“(Các) **Bên Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1(a).

“(Các) **Hợp Đồng Bảo Đảm**” có nghĩa chung là các hợp đồng/thỏa thuận sau:

- (i) Hợp Đồng Bảo Đảm Phần Vốn Góp NPM;
- (ii) bất kỳ hợp đồng và/hoặc thỏa thuận nào khác giữa Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm và Tổ Chức Phát Hành và/hoặc một Bên Bảo Đảm có hiệu lực xác lập Biện Pháp Bảo Đảm để bảo đảm cho các nghĩa vụ thanh toán của Tổ Chức Phát Hành theo Trái Phiếu; và
- (iii) bất kỳ hợp đồng, thỏa thuận, xác nhận hoặc tài liệu nào khác được Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý là một “Hợp Đồng Bảo Đảm” vì mục đích của Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

“(Chấp Thuận)” có nghĩa là (i) chấp thuận, giấy phép, cho phép, đồng ý, phê duyệt hoặc chấp thuận thuộc bất kỳ loại nào khác do bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào cấp hoặc (ii) đăng ký, báo cáo với hay thông báo cho bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào có thẩm quyền.

“(Chủ Sở Hữu Trái Phiếu)” có nghĩa là chủ sở hữu của Trái Phiếu và là Tổ Chức/Cá Nhân có thông tin được ghi trong Sổ Đăng Ký. Để tránh nhầm lẫn, nếu Trái Phiếu đã được đăng ký với VSD, việc xác định “Chủ Sở Hữu Trái Phiếu” phải tuân theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, và các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán (nếu áp dụng).

“(CMKTVN)” có nghĩa là các nguyên tắc và chuẩn mực kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty hoạt động tại Việt Nam.

“(Công Ty Con)” có nghĩa, đối với bất kỳ Tổ Chức/Cá Nhân nào, là bất kỳ công ty hoặc thực thể kinh doanh nào khác của Tổ Chức/Cá Nhân đó mà Tổ Chức/Cá Nhân đó trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu hoặc kiểm soát (cho dù trực tiếp hoặc thông qua một hoặc nhiều công ty hoặc thực thể kinh doanh khác) hơn năm mươi phần trăm (50%) vốn điều lệ hoặc quyền sở hữu khác có quyền biểu quyết để bổ nhiệm giám đốc, người quản lý hoặc người đại diện của công ty hoặc thực thể kinh doanh khác đó hoặc bất kỳ công ty hoặc thực thể kinh doanh khác nào mà tại bất kỳ thời điểm nào sổ sách kế toán của công ty hoặc thực thể kinh doanh khác đó được hợp nhất với sổ sách kế toán của Tổ Chức/Cá Nhân đó hoặc theo quy định của bất kỳ luật có liên quan nào khác, các quy chế hoặc chuẩn mực kế toán được thừa nhận chung tại từng thời điểm thì các sổ sách kế toán của công ty hoặc thực thể kinh doanh khác đó phải được hợp nhất với sổ sách kế toán của Tổ Chức/Cá Nhân đó.

“(Công Ty Con Chính)” có nghĩa là bất kỳ Công Ty Con nào của Tổ Chức Phát Hành có FBITDA trong Năm Tài Chính liền trước chiếm từ 20% (hai mươi phần trăm) trở lên so với EBITDA của Tổ Chức Phát Hành trong Năm Tài Chính liền trước (trên cơ sở xem xét Báo Cáo Tài Chính hợp nhất năm có liên quan của Tổ Chức Phát Hành và Công Ty Con).

“(Cơ Quan ĐKGDD)” có nghĩa là Cục Đăng Ký Quốc Gia Giao Dịch Bảo Đảm thuộc Bộ Tư Pháp, bất kỳ trung tâm đăng ký giao dịch, tài sản nào trực thuộc Cục Đăng Ký

Quốc Gia Giao Dịch Bảo Đảm tại các địa phương hoặc bất kỳ Cơ Quan Nhà Nước nào khác có thẩm quyền đăng ký các Biện Pháp Bảo Đảm liên quan đến động sản và bất động sản sản theo các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng.

“**Cơ Quan Nhà Nước**” bao gồm chính phủ Việt Nam hoặc các tổ chức hoặc cơ quan thuộc chính phủ Việt Nam, cơ quan chịu sự quản lý một phần của chính phủ hoặc cơ quan tư pháp hoặc cơ quan lập pháp có liên quan.

“**Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.4.

“**Đại Lý Đăng Ký**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.2.

“**Đồng**” hoặc “**VND**” có nghĩa là đơn vị tiền tệ hợp pháp của Việt Nam.

“**EBITDA**” có nghĩa, liên quan đến một công ty, là lợi nhuận trước lãi vay, thuế và khấu hao của công ty đó trên cơ sở xem xét Báo Cáo Tài Chính hợp nhất và được tính như sau:

$$\text{EBITDA} = \text{A} - \text{B} - \text{C} + \text{D}$$

trong đó,

A, B, C lần lượt là “*lợi nhuận gộp*”, “*chi phí bán hàng*” và “*chi phí quản lý doanh nghiệp*” như được trình bày tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; và

D là “*khấu hao và phân bổ tài sản cố định, giá trị phân bổ của giá trị lợi thế thương mại, phân bổ của chi phí trả trước dài hạn*” như được trình bày tại thuyết minh tài sản cố định hữu hình, thuyết minh tài sản cố định hữu hình thuê tài chính, thuyết minh tài sản cố định vô hình, thuyết minh lợi thế thương mại và thuyết minh chi phí trả trước dài hạn của Báo Cáo Tài Chính hợp nhất trong kỳ kế toán tương ứng.

“**Giá Trị Bảo Đảm Của Phần Vốn Góp Thế Chấp NPM**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1(c).

“**Giá Trị Bảo Đảm Tối Thiểu**” nghĩa là tổng mệnh giá của tất cả các Trái Phiếu đang lưu hành.

“**Giao Dịch Với Người Có Liên Quan**” nghĩa là bất kỳ giao dịch nào được quy định tại Khoản 1 Điều 67, Khoản 1 Điều 86 và Khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh Nghiệp.

“**Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 10(a).

“**Hợp Đồng Bảo Đảm Phần Vốn Góp NPM**” có nghĩa hợp đồng bảo đảm bằng phần vốn góp được ký giữa MRTN hoặc Tổ Chức/Cá Nhân khác với tư cách là bên bảo đảm và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm với tư cách là tổ chức đại diện và thay mặt cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, theo đó các Bên Bảo Đảm thế chấp Phần Vốn Góp NPM thuộc sở hữu của các Bên Bảo Đảm cho

Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (hành động nhân danh và vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) để bảo đảm cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.

“**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.4.

“**Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.2.

“(Các) **Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm**” có nghĩa chung là các hợp đồng, thỏa thuận sau (tại từng thời điểm):

- (i) tại Ngày Phát Hành, Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm Phần Vốn Góp;
- (ii) sau Ngày Phát Hành, (các) hợp đồng hoặc thỏa thuận liên quan đến việc quản lý Tài Sản Bảo Đảm khác theo quy định tại Điều Khoản 6.1(d).

“**Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm Phần Vốn Góp**” có nghĩa là Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm số 04/2023/HDQLTSBD/NPM-TCBS ngày 05 tháng 5 năm 2023 giữa Tổ Chức Phát Hành, (các) Bên Bảo Đảm và TCBS (với tư cách là Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm), như được sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm.

“**Khoản Nợ**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.1(e)(i).

“**Kỳ Tính Lãi**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.1.

“**Lãi Suất**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.1.

“**Lãi Suất Tham Chiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.1.

“**Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 10(a).

“**Luật Chứng Khoán**” có nghĩa là Luật Chứng Khoán số 54/2019/QH14 được Quốc Hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2019, được sửa đổi và bổ sung tại từng thời điểm.

“**Luật Doanh Nghiệp**” có nghĩa là Luật Doanh Nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 17 tháng 6 năm 2020, cùng các sửa đổi, bổ sung tại từng thời điểm.

“**MHT**” có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Masan High-Tech Materials, một công ty được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0309966889 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 27 tháng 4 năm 2010 (như được sửa đổi bổ sung tại từng thời điểm).

“**MRTN**” có nghĩa là Công Ty TNHH Một Thành Viên Tài Nguyên Masan Thái Nguyên, một công ty được thành lập theo Giấy Chứng Nhận Đăng Ký Doanh Nghiệp số 0309960069 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp ngày 7 tháng 5 năm 2010 (được sửa đổi tại từng thời điểm).

“**Năm Tài Chính**” có nghĩa là giai đoạn tính từ và bao gồm ngày 1 tháng 1 của một năm dương lịch cho đến và bao gồm ngày 31 tháng 12 của cùng năm dương lịch đó.

“**Ngày Đáo Hạn**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 4.1(c).

“**Ngày Đăng Ký Cuối Cùng**”, liên quan đến việc chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền hoặc thực hiện nghĩa vụ theo Trái Phiếu (kể cả khi Tổ Chức Phát Hành mua lại Trái Phiếu), có nghĩa là:

- (i) trong trường hợp Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD:
 - (A) Ngày Làm Việc thứ mười một (11) trước ngày đến hạn thanh toán hoặc ngày thực hiện quyền khác có liên quan, tùy trường hợp áp dụng (áp dụng cho việc thanh toán và các trường hợp thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ khác theo Trái Phiếu mà không phải là trường hợp (i)(B) và (i)(C) dưới đây);
 - (B) Ngày Làm Việc được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thông báo theo quy định của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhằm triệu tập hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; hoặc
 - (C) ngày của Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn, hoặc ngày được quy định trong Thông Báo Chào Mua; hoặc
- (ii) trong trường hợp Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSD:
 - (A) Ngày Làm Việc được ấn định bởi Tổ Chức Phát Hành phù hợp với các quy định của Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan và quy chế của VSD (áp dụng cho việc thanh toán và các trường hợp thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ khác theo Trái Phiếu mà không phải là trường hợp (ii)(B), (ii)(C) hoặc (ii)(D) dưới đây); hoặc
 - (B) Ngày Làm Việc được ấn định bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong phạm vi phù hợp với các quy định pháp luật có liên quan và quy chế của VSD nhằm thực hiện việc mua lại Trái Phiếu trước hạn bắt buộc theo quy định tại Điều Khoản 12.2(c); hoặc
 - (C) Ngày Làm Việc được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành lựa chọn phù hợp với các quy định của pháp luật có liên quan và quy chế của VSD và thông báo theo Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhằm triệu tập hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; hoặc
 - (D) Ngày Làm Việc được xác định theo quy chế của VSD để chốt danh sách đó trong trường hợp Tổ Chức Phát Hành không có quyền ấn định ngày chốt danh sách đó.

“**Ngày Giao Dịch**” có nghĩa, trừ trường hợp Sở Giao Dịch Chứng Khoán có quy định khác tại từng thời điểm, là bất kỳ ngày nào từ thứ Hai đến thứ Sáu hàng tuần, trừ các

ngày nghỉ tại Việt Nam theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật.

“**Ngày Xác Định Lãi Suất**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.1.

“**Ngày Làm Việc**” có nghĩa là bất kỳ ngày nào không phải là Thứ Bảy, Chủ Nhật và bất kỳ ngày nghỉ chính thức nào (kể cả ngày nghỉ bù) tại Việt Nam.

“**Ngày Phát Hành**” có nghĩa là ngày kết thúc đợt chào bán Trái Phiếu theo quy định tại Luật Chứng Khoán.

“**Ngày Mua Lại Trước Hạn**” có nghĩa là ngày mà Tổ Chức Phát Hành mua lại một phần hoặc toàn bộ Trái Phiếu theo các sự kiện mua lại trước hạn quy định tại Điều Khoản 9.

“**Ngày Thanh Toán Cuối Cùng**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.2(b).

“**Ngày Thanh Toán Lãi**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 7.3.

“**Nghị Định 155**” nghĩa là Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng Khoán.

“**Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối**” có nghĩa là nghị quyết hoặc quyết định bằng văn bản được thông qua bởi hoặc nhân danh một hoặc nhiều Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 65% (sáu mươi lăm phần trăm) của tổng mệnh giá các Trái Phiếu đang lưu hành tại thời điểm thông qua nghị quyết hoặc quyết định đó (dù tại Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hay bằng cách Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu).

“**Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1.

“**Phần Vốn Góp NPM**” có nghĩa là phần vốn góp của các thành viên góp vốn của NPM.

“**Phần Vốn Góp Thế Chấp NPM**” có nghĩa là một phần Phần Vốn Góp mà MRTN và/hoặc các Bên Bảo Đảm có liên quan sẽ thế chấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hành động nhân danh và vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm để đảm bảo cho các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm.

“**Phương Án Phát Hành Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.1.

“**Sổ Đăng Ký**” có nghĩa là sổ đăng ký Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, là bằng chứng xác nhận quyền sở hữu hợp pháp của mỗi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với số Trái Phiếu được ghi nhận thuộc sở hữu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó trong sổ đăng ký Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Trong các quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu này về tài khoản đăng ký của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc về việc xác định Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được hưởng quyền hoặc có nghĩa vụ tương ứng khi Tổ Chức Phát Hành thực hiện việc thanh toán theo Trái Phiếu (kể cả thanh toán khi mua lại) sau khi Trái Phiếu đã được đăng ký với VSD, dẫn chiếu đến “Sổ Đăng Ký” còn bao gồm cả danh sách tổng hợp Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (hoặc tài liệu tương tự) được VSD lập và gửi cho Tổ Chức Phát Hành theo quy chế thực hiện quyền có liên quan của VSD cho lần thực hiện quyền hoặc nghĩa vụ tương ứng.

“**Sở Giao Dịch Chứng Khoán**” có nghĩa là có nghĩa là Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam và/hoặc (các) công ty con của Sở Giao Dịch Chứng Khoán Việt Nam mà tại đó Trái Phiếu được phép niêm yết và/hoặc giao dịch tập trung.

“**Sự Kiện Vi Phạm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.1.

“**Tài Sản Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định trong Các Hợp Đồng Bảo Đảm, bao gồm Phần Vốn Góp Thế Chấp NPM và Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung theo các Hợp Đồng Bảo Đảm khác (nếu có).

“**Tài Sản Bảo Đảm Bổ Sung**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1(d).

“**TCBS**” có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương, một công ty chứng khoán được thành lập theo giấy phép thành lập và hoạt động số 125/GP-UBCK do Ủy Ban Chứng Khoán Nhà nước cấp ngày 30 tháng 5 năm 2018 và được sửa đổi bổ sung tùy thời điểm.

“**Techcombank**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.5(ii).

“**Thành Viên Lưu Ký**” có nghĩa là các công ty chứng khoán, ngân hàng thương mại được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động lưu ký và đã đăng ký làm thành viên của VSD.

“**Thời Điểm Khóa Sổ**” có nghĩa là (i) nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký tại VSD, thời điểm 18:00 giờ (giờ Việt Nam) của Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan hoặc (ii) nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSD, thời điểm mà VSD thực hiện việc chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho Ngày Đăng Ký Cuối Cùng có liên quan.

“**Thời Hạn Đăng Ký Bán**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 9.3(a)(i).

“**Thông Báo Buộc Mua Lại Trước Hạn**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 12.2(b).

“**Thông Báo Chào Mua**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 9.3(a)(i).

“**Thông Tư 118**” có nghĩa là Thông Tư số 118/2020/TT-BTC ngày ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài Chính hướng dẫn một số nội dung về chào bán, phát hành chứng khoán, chào mua công khai, mua lại cổ phiếu, đăng ký công ty đại chúng và hủy tư cách công ty đại chúng.

“**Tổ Chức/Cá Nhân**” có nghĩa là cá nhân hoặc pháp nhân theo quy định của Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 24 tháng 11 năm 2015.

“**Tổ Chức Lưu Ký**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.3.

“**Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.5.

“**Tổ Chức Phát Hành**” hay “**NPM**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.1.

“**Tổng Giá Trị Bảo Đảm**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 6.1(b).

“**Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì**” có nghĩa là Tổng Giá Trị Bảo Đảm được tính sau khi xảy ra sự kiện bổ sung hoặc rút Tài Sản Bảo Đảm hoặc mua lại Trái Phiếu trước hạn hoặc các trường hợp khác được quy định tại Văn Kiện Trái Phiếu yêu cầu tính Tổng Giá Trị Bảo Đảm Duy Trì.

“**Tổng Giá Trị Bảo Đảm Ngưỡng Rút**” có nghĩa là Tổng Giá Trị Bảo Đảm được tính trước khi xảy ra sự kiện rút Tài Sản Bảo Đảm hoặc các trường hợp khác được quy định tại Văn Kiện Trái Phiếu yêu cầu tính Tổng Giá Trị Bảo Đảm Ngưỡng Rút.

“**Trái Phiếu**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 1.1.

“**Trái Phiếu Đăng Ký Bán**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 9.3(a)(iii).

“**Thông Báo Xử Lý Tài Sản**” có nghĩa là thông báo mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (tùy từng trường hợp) gửi đến các Tổ Chức/Cá Nhân có liên quan (kể cả Cơ Quan ĐKGDBĐ) theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm có liên quan.

“**Valuco**” có nghĩa là Công Ty Cổ Phần Thẩm Định Giá Và Tư Vấn Quốc Tế, một công ty được thành lập và hoạt động tại Việt Nam theo giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0305995166 do Sở Kế Hoạch Và Đầu Tư Thành Phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 1 tháng 9 năm 2008 (như được sửa đổi bổ sung tùy từng thời điểm).

“**Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật**” có nghĩa là bất kỳ văn bản nào được liệt kê tại các Điều 2, 4, 172.2 và 172.4 của Luật Ban Hành Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật số 80/2015/QH13 được Quốc Hội Việt Nam thông qua vào ngày 22 tháng 6 năm 2015 (như được sửa đổi tại từng thời điểm), và trong trường hợp các Điều trên được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế, thì sẽ bao gồm cả bất kỳ văn bản nào mà sau đó được định nghĩa là một văn bản quy phạm pháp luật theo quy định sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế của các Điều đó.

“**Văn Kiện Trái Phiếu**” có nghĩa là mỗi trong số các văn kiện sau:

- (i) Các Điều Khoản Trái Phiếu;
- (ii) Hợp Đồng Đại Lý Đăng Ký;
- (iii) Hợp Đồng Dịch Vụ Lưu Ký;
- (iv) Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (v) Các Hợp Đồng Bảo Đảm và
- (vi) bất kỳ tài liệu, hợp đồng, thỏa thuận hoặc văn bản nào mà Tổ Chức Phát Hành và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý bằng văn bản là một “Văn Kiện Trái Phiếu”.

“**Vấn Đề Loại Trừ**” có nghĩa là bất kỳ vấn đề nào dưới đây:

- (i) điều chỉnh Ngày Đáo Hạn hoặc bất kỳ Ngày Thanh Toán Lãi nào;
- (ii) giảm hoặc ngừng thanh toán gốc Trái Phiếu;
- (iii) điều chỉnh Lãi Suất;
- (iv) thay đổi loại tiền tệ thanh toán đối với Trái Phiếu;
- (v) thay đổi điều kiện tổ chức Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hợp lệ;
- (vi) thay đổi tỷ lệ chấp thuận cần thiết để thông qua nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (vii) thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu;
- (viii) thay đổi chủng loại Tài Sản Bảo Đảm hoặc các thay đổi khác liên quan đến Tài Sản Bảo Đảm cần hành động theo chỉ thị của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Các Hợp Đồng Bảo Đảm và Các Điều Khoản Trái Phiếu mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không thể tự quyết định theo quy định của Các Văn Khoản Trái Phiếu;
- (ix) sửa đổi định nghĩa về Sự Kiện Vi Phạm và Vấn Đề Loại Trừ; và
- (x) bất kỳ vấn đề nào khác được yêu cầu một cách cụ thể là phải được thông qua bởi Nghị Quyết Đa Số Tuyệt Đối theo Các Điều Khoản Trái Phiếu hoặc bất kỳ Văn Khoản Trái Phiếu nào khác.

“**VIAC**” có nghĩa như được quy định tại Điều Khoản 16.

“**Việt Nam**” có nghĩa là nước Cộng Hòa Xã Hội Chủ Nghĩa Việt Nam.

“**VSD**” có nghĩa là Trung Tâm Lưu Ký Chứng Khoán Việt Nam hoặc Tổng Công Ty Lưu Ký Và Bù Trừ Chứng Khoán Việt Nam hoặc tổ chức kế thừa của tổ chức này tại từng thời điểm.

17.2. Nguyên Tắc Diễn Giải

- (a) Các tiêu đề của bất kỳ Điều Khoản hay đoạn nào chỉ để tiện cho việc tra cứu và không ảnh hưởng đến việc giải thích nội dung của Điều Khoản hay đoạn đó.
- (b) Trừ khi được quy định khác đi, dẫn chiếu trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này đến các Điều Khoản và đoạn là dẫn chiếu đến các điều kiện và đoạn của Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- (c) Các cụm từ “của Các Điều Khoản Trái Phiếu này”, “trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này” và “theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này” và các từ ngữ có ý nghĩa tương tự khi sử dụng trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này sẽ dẫn chiếu đến toàn bộ Các Điều Khoản Trái Phiếu

này chứ không phải đến một điều khoản cụ thể nào của Các Điều Khoản Trái Phiếu này.

- (d) Dẫn chiếu đến bất kỳ văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận nào sẽ (i) bao gồm tất cả các phụ lục đính kèm văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó, (ii) bao gồm tất cả các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận được phát hành hoặc ký để thay thế văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, và (iii) có nghĩa là các văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận, hoặc các văn kiện thay thế hoặc các văn kiện tiền thân của văn kiện, tài liệu, hoặc thỏa thuận đó, cùng với các văn kiện sửa đổi, chỉnh lý và bổ sung tại từng thời điểm phù hợp với quy định của các văn kiện, tài liệu hoặc thỏa thuận đó và có hiệu lực vào bất kỳ thời điểm nào.
- (e) Dẫn chiếu đến bất kỳ Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật nào trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này sẽ được hiểu là dẫn chiếu tới Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó mà có thể được sửa đổi, bổ sung, gia hạn hoặc Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật thay thế Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật đó.
- (f) Đề cập đến một chủ thể (kể cả Đại Lý Đăng Ký hoặc Tổ Chức Lưu Ký hoặc Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này là đề cập đến cả chủ thể kế nhiệm, chủ thể nhận chuyển nhượng hoặc chủ thể nhận chuyển giao quyền và/hoặc nghĩa vụ từ chủ thể đó.
- (g) Dẫn chiếu đến “nghị quyết”, “quyết định”, “yêu cầu”, “ý kiến”, “chỉ thị” hay “chấp thuận” của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là dẫn chiếu đến nghị quyết, quyết định, yêu cầu, ý kiến, chỉ thị hay chấp thuận của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được thông qua một cách hợp lệ tại hội nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc dưới hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này và Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (h) Trừ trường hợp có quy định cụ thể yêu cầu Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải hành động theo một nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, bất kỳ công việc, hành động nào của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được đề cập đến trong Các Điều Khoản Trái Phiếu này sẽ được hiểu là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được toàn quyền quyết định đối với các công việc, hành động đó mà không cần phải có nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- (i) Trừ khi ngữ cảnh yêu cầu cách diễn giải khác, việc xác định thời hạn sẽ được thực hiện theo quy định của Bộ Luật Dân Sự số 91/2015/QH13 do Quốc Hội Việt Nam thông qua ngày 24 tháng 11 năm 2015.
- (j) Trái Phiếu “đang lưu hành” có nghĩa là bất kỳ Trái Phiếu nào đã được phát hành hợp lệ và được thanh toán đầy đủ bởi Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhưng chưa được Tổ Chức Phát Hành mua lại và bị hủy bỏ theo Các Điều Khoản Trái Phiếu này.
- (k) Thuật ngữ “chuyển nhượng” khi được sử dụng cho Trái Phiếu có nghĩa là giao dịch bán, chuyển nhượng, chuyển giao, tặng, cho, góp vốn, hoán đổi, trao đổi, để lại thừa kế, chiết khấu không kèm theo cam kết mua lại, hoặc chuyển quyền sở hữu theo hình thức khác đối với Trái Phiếu phù hợp với các Văn Kiện Trái Phiếu và các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật được áp dụng; và “việc chuyển nhượng”, “bên chuyển nhượng”, “bên nhận chuyển nhượng” và các dạng từ khác của “chuyển nhượng” sẽ được diễn giải một cách tương ứng.

- (l) Nghĩa của các thuật ngữ được định nghĩa tại Điều Kiện 17.1 được áp dụng cho cả dạng số ít và số nhiều của thuật ngữ đó. Trừ trường hợp ngữ cảnh cụ thể quy định khác đi, các từ được dùng ở dạng số ít cũng bao gồm ý nghĩa dùng ở dạng số nhiều và ngược lại.
- (m) Việc sử dụng thuật ngữ “bao gồm”, “bao gồm cả”, “kể cả” hoặc các diễn đạt tương tự sẽ được hiểu là không có giới hạn.

PHỤ ĐÍNH 1

TỔNG GIÁ TRỊ BẢO ĐẢM

Vì mục đích của Điều Khoản 6.1(b)(i), Tổng Giá Trị Bảo Đảm được xác định (vào một ngày định giá/định giá lại Tài Sản Bảo Đảm theo Các Hợp Đồng Bảo Đảm) theo công thức sau:

$$TV = P + C + OA$$

trong đó:

- TV** là Tổng Giá Trị Bảo Đảm vào ngày định giá/định giá lại có liên quan;
- P** là Giá Trị Bảo Đảm Của Phần Vốn Góp NPM vào ngày định giá/định giá lại có liên quan. Việc xác định Giá Trị Bảo Đảm Của Phần Vốn Góp NPM được quy định chi tiết tại Hợp Đồng Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm Phần Vốn Góp và Hợp Đồng Bảo Đảm Phần Vốn Góp NPM;
- C** là tổng các khoản tiền (nếu có) trong các tài khoản hoặc khoản tiền gửi theo các hợp đồng tiền gửi được cầm cố hoặc thế chấp cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và/hoặc Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm (hành động nhân danh và vì lợi ích của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) để bảo đảm cho việc thực hiện các Nghĩa Vụ Được Bảo Đảm được xác định vào 10:00 giờ sáng (giờ Việt Nam) của ngày định giá lại có liên quan; và
- OA** là tổng giá trị của các Tài Sản Bảo Đảm khác (nếu có),

với điều kiện là nếu (i) bất kỳ Tài Sản Bảo Đảm nào không được yêu cầu là phải được định giá lại vào cùng ngày định giá có liên quan, và (ii) không có bất kỳ thay đổi nào đối với Tài Sản Bảo Đảm đó từ ngày định giá gần nhất của Tài Sản Bảo Đảm khác đó, thì giá trị của Tài Sản Bảo Đảm đó sẽ là giá trị được xác định vào ngày định giá gần nhất của Tài Sản Bảo Đảm đó.

PHU LUC II

TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC TỔ CHỨC HỘI NGHỊ VÀ LẤY Ý KIẾN BẰNG VĂN BẢN CỦA CHỦ SỞ HỮU TRÁI PHIẾU

1. **Triệu Tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**

- 1.1 Trình tự triệu tập Hội Nghị Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ("**Hội Nghị**") quy định từ Mục 1 đến Mục 5 được áp dụng nếu Trái Phiếu chưa được đăng ký với VSD.
- 1.2 Hội Nghị sẽ do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu triệu tập trong các trường hợp quy định tại Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng này.
- 1.3 Khi có nhu cầu triệu tập Hội Nghị, người có thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị phải gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành yêu cầu bằng văn bản về việc triệu tập Hội Nghị ("**Yêu Cầu Triệu Tập**"). Yêu Cầu Triệu Tập phải (i) được người đưa ra yêu cầu ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ, (ii) có thông tin về người yêu cầu triệu tập, và (iii) đính kèm dự thảo nội dung và chương trình họp dự kiến của Hội Nghị và các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định.
- 1.4 Trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập hợp lệ, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải (i) xác định Thời Điểm Khóa Sổ để chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích tổ chức Hội Nghị, (ii) gửi thông báo cho Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Đăng Ký về Yêu Cầu Triệu Tập và Thời Điểm Khóa Sổ đó, và (iii) chỉ trong trường hợp một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu yêu cầu triệu tập Hội Nghị, đề nghị Đại Lý Đăng Ký xác nhận thẩm quyền yêu cầu triệu tập Hội Nghị của (các) Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó phù hợp với quy định của Các Điều Khoản Trái Phiếu. Để tránh nhầm lẫn, Thời Điểm Khóa Sổ theo xác định của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 10 (mười) Ngày Làm Việc sau ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được Yêu Cầu Triệu Tập có liên quan.
- 1.5 Trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Yêu Cầu Triệu Tập hợp lệ, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải làm việc với người yêu cầu triệu tập Hội Nghị và Tổ Chức Phát Hành để xác định địa điểm, phương thức tổ chức Hội Nghị và thống nhất nội dung và chương trình họp dự kiến của Hội Nghị, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung quyết định/ng nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Nếu các bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên thì sẽ thực hiện theo quyết định (tài liệu) của người yêu cầu triệu tập.
- 1.6 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Đại Lý Đăng Ký để bảo đảm Đại Lý Đăng Ký sẽ gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan.
- 1.7 Sau khi đã có bảo đảm của người yêu cầu triệu tập Hội Nghị về việc chi trả chi phí tổ chức Hội Nghị (đảm bảo đó phải đáp ứng được yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu), trong vòng 2 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Đoạn 1.6 trên đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ xác định ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị (với điều kiện là ngày dự kiến khai

mạc Hội Nghị trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan) và gửi thông báo mời tham dự Hội Nghị (“**Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị**”) cho tất cả các Đại Biểu (như được định nghĩa tại Đoạn 3.2 của Phụ Lục II này). Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có đầy đủ thông tin về địa điểm, ngày, giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị và tóm lược nội dung và chương trình họp của Hội Nghị. Kèm theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị phải có mẫu văn bản chỉ định đại diện hợp pháp dự họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, các tài liệu thảo luận làm cơ sở thông qua quyết định và dự thảo nội dung quyết định đối với từng vấn đề trong chương trình họp.

2. Chương Trình Và Nội Dung

- 2.1 Người yêu cầu triệu tập Hội Nghị phải chuẩn bị dự thảo nội dung và chương trình họp dự kiến của Hội Nghị và gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- 2.2 Nếu không phải là người yêu cầu triệu tập, Tổ Chức Phát Hành hoặc Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc nhóm Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền dự họp theo quy định tại Mục 3 của Phụ Lục II này sở hữu ít nhất 10% (mười phần trăm) tổng mệnh giá Trái Phiếu đang lưu hành có quyền gửi văn bản kiến nghị bổ sung một hoặc một số vấn đề để đưa vào chương trình họp của Hội Nghị. Văn bản kiến nghị đó phải được gửi đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chậm nhất 3 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày khai mạc Hội Nghị.
- 2.3 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải đưa kiến nghị bổ sung nêu tại Đoạn 2.2 trên đây vào chương trình họp của Hội Nghị, trừ trường hợp kiến nghị được gửi đến không đúng quy định tại Đoạn 2.2 trên hoặc kiến nghị không phải là vấn đề cần Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chấp thuận theo Các Điều Kiện Trái Phiếu. Kiến nghị được chính thức bổ sung vào chương trình họp của Hội Nghị nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu trên 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá của các Trái Phiếu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị.

3. Quyền Tham Dự Hội Nghị

- 3.1 Bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng sẽ có quyền tham dự Hội Nghị được triệu tập theo Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị.
- 3.2 Chỉ có các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền dự họp theo quy định tại Đoạn 3.1 trên đây và đại diện hợp pháp của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Quản Lý Tài Sản Bảo Đảm và Các Bên Bảo Đảm (gọi chung là “**Đại Biểu**”) được tham dự và phát biểu tại Hội Nghị. Tuy nhiên, chỉ có Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc người đại diện hợp pháp của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được biểu quyết tại Hội Nghị.

4. Thủ Thức Tiên Hành Hội Nghị

- 4.1 Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có thể tự mình hoặc thông qua người đại diện được ủy quyền hợp pháp của mình tham dự Hội Nghị, với điều kiện là nếu Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự thông qua người đại diện, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi văn bản ủy quyền được công chứng/chứng thực đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ít nhất 3 (ba) Ngày Làm Việc trước ngày tiến hành Hội Nghị.

- 4.2 Trước thời điểm dự kiến khai mạc Hội Nghị, Đại Biểu phải đăng ký tham dự Hội Nghị bằng cách (i) xuất trình Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị, văn bản chỉ định đại diện dự họp đã được ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ và giấy tờ hợp pháp thể hiện thông tin nhận diện cá nhân của Đại Biểu để Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đối chiếu, và (ii) ký vào danh sách đại biểu tham dự Hội Nghị tương ứng với tên của Đại Biểu đó (nếu Đại Biểu đó chính là Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cá nhân), tên của cá nhân mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cá nhân), hoặc tên của tổ chức mà Đại Biểu đó đại diện (trong trường hợp Đại Biểu đó là đại diện được ủy quyền của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là tổ chức).
- 4.3 Thời điểm xác định số Đại Biểu tham dự cần thiết để tiến hành Hội Nghị theo quy định tại Điều Khoản 10(d) của Các Điều Khoản Trái Phiếu là lúc kết thúc khoảng thời gian 45 (bốn mươi lăm) phút sau giờ dự kiến khai mạc Hội Nghị được quy định trong Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị.
- 4.4 Đối với một Hội Nghị được triệu tập để thông qua một vấn đề không phải là Vấn Đề Loại Trừ:
- (a) Nếu Hội Nghị thứ nhất được triệu tập không đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ nắm giữ Trái Phiếu tối thiểu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị theo quy định tại Điều Khoản 10(d)(ii)(A) của Các Điều Khoản Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải triệu tập Hội Nghị lần thứ hai trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị lần thứ nhất bằng cách gửi một thông báo tương tự Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị (mà không cần phải nhận được một Yêu Cầu Triệu Tập) theo quy định tại Mục 1.7 của Phụ Lục II này.
 - (b) Nếu Hội Nghị thứ hai được triệu tập không đáp ứng được điều kiện về tỷ lệ nắm giữ Trái Phiếu tối thiểu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị theo quy định tại Điều Khoản 10(d)(ii)(B) của Các Điều Khoản Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải triệu tập Hội Nghị lần thứ ba theo quy định tại Điều Khoản 10(d)(ii)(C) trong thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày dự kiến khai mạc Hội Nghị lần thứ hai bằng cách gửi một thông báo tương tự Thông Báo Tổ Chức Hội Nghị (mà không cần phải nhận được một Yêu Cầu Triệu Tập) theo quy định tại Mục 1.7 của Phụ Lục II này.
- 4.5 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ chỉ định chủ tọa Hội Nghị và một hoặc một số người làm thư ký Hội Nghị khi bắt đầu Hội Nghị.
- 4.6 Hội Nghị sẽ bầu ban kiểm phiếu không quá 3 (ba) người trong số các Đại Biểu tham dự Hội Nghị. Chủ tọa và thư ký không được tham gia ban kiểm phiếu.
- 4.7 Nội dung và chương trình họp của Hội Nghị phải được Hội Nghị thông qua trước khi Hội Nghị bắt đầu thảo luận. Hội Nghị thảo luận và biểu quyết theo từng vấn đề trong nội dung và chương trình họp. Việc biểu quyết được tiến hành bằng cách thu phiếu biểu quyết tán thành nghị quyết, sau đó thu phiếu biểu quyết không tán thành, cuối cùng kiểm phiếu tập hợp số phiếu biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến. Kết quả kiểm phiếu sẽ được chủ tọa công bố ngay trước khi bế mạc Hội Nghị. Với mỗi Trái Phiếu sở hữu, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có một phiếu biểu quyết.

- 4.8 Bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc bất kỳ đại diện hợp pháp dự họp của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào đến sau khi Hội Nghị đã khai mạc sẽ phải đăng ký dự họp theo quy định tại Đoạn 4.2 của Phụ Lục II này và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi hoàn tất thủ tục đăng ký đó. Chủ tọa không được dùng cuộc họp để những người nêu trên đăng ký dự họp; và trong trường hợp này, hiệu lực của những biểu quyết đã tiến hành không bị ảnh hưởng.
- 4.9 Cho dù có các quy định trong Các Điều Kiện Trái Phiếu, khi Hội Nghị quyết định bất kỳ vấn đề nào thuần túy liên quan đến thể thức, thủ tục hay chương trình họp của Hội Nghị mà không phải là vấn đề cần được biểu quyết được đề cập trong dự thảo nghị quyết hay được đề cập trong văn bản kiến nghị bổ sung theo quy định tại Đoạn 2.2 của Phụ Lục II này (kể cả việc bầu ban kiểm phiếu và ấn định nội dung và chương trình họp của Hội Nghị), vấn đề đó sẽ được xem là được thông qua hợp lệ tại Hội Nghị nếu được chấp thuận bởi một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá của các Trái Phiếu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị.

5. Biên Bản Hội Nghị

- 5.1 Diễn biến và nội dung Hội Nghị phải được ghi vào biên bản, lập bằng tiếng Việt, có thể cả bằng tiếng nước ngoài và phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) thông tin về Tổ Chức Phát Hành (tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh);
 - (ii) thông tin về Trái Phiếu;
 - (iii) thời gian và địa điểm tổ chức Hội Nghị;
 - (iv) chương trình và nội dung Hội Nghị;
 - (v) chủ tọa và thư ký;
 - (vi) tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu tại Hội Nghị về từng vấn đề trong nội dung chương trình họp;
 - (vii) số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và tổng số phiếu biểu quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị, phụ lục danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị với số Trái Phiếu và số phiếu biểu quyết tương ứng;
 - (viii) tổng số phiếu biểu quyết đối với từng vấn đề biểu quyết, trong đó ghi rõ tổng số phiếu tán thành và không tán thành; tỷ lệ tương ứng trên tổng số phiếu biểu quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị; và
 - (ix) các quyết định đã được thông qua.
- 5.2 Biên bản Hội Nghị phải được lập và thông qua trước khi bế mạc Hội Nghị và phải được ký bởi hoặc nhân danh tất cả Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị. Trong trường hợp biên bản đã có đủ các nội dung nêu tại Đoạn 5.1 của Phụ Lục II này mà bất kỳ Chủ

Sở Hữu Trái Phiếu nào hoặc đại diện của bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào từ chối ký biên bản thì chữ ký của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu hoặc đại diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đó để xác nhận việc tham dự Hội Nghị theo quy định tại Đoạn 4.2(ii) của Phụ Lục II này sẽ được xem là chữ ký của họ trong biên bản. Biên bản Hội Nghị được lập theo quy trình nêu trên kèm theo các biên bản kiểm phiếu (nếu có) sẽ là bằng chứng chính thức về các nội dung và quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị có liên quan. Để tránh nhầm lẫn, quyết định về mỗi vấn đề được thông qua hợp lệ tại Hội Nghị (với tỷ lệ biểu quyết cần thiết được quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu và Đoạn 4.9 của Phụ Lục II này) sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm được thông qua, trừ khi quyết định đó quy định một thời điểm có hiệu lực khác.

5.3 Trên cơ sở biên bản Hội Nghị, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ lập văn bản tổng hợp các quyết định đã được thông qua tại Hội Nghị và công bố tại Hội Nghị. Văn bản tổng hợp này được xem là nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại Hội Nghị và được ký và đóng dấu hợp lệ bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.

6. Tổ Chức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Nếu Trái Phiếu Chưa Được Đăng Ký Với VSD

6.1 Việc thực hiện Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tiến hành trong các trường hợp quy định tại Các Điều Kiện Trái Phiếu.

6.2 Khi có nhu cầu Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, các đối tượng được quy định tại Điều Kiện 10(a) của Các Điều Kiện Trái Phiếu có yêu cầu Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và Tổ Chức Phát Hành yêu cầu bằng văn bản về Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ("**Yêu Cầu Lấy Ý Kiến**"). Yêu Cầu Lấy Ý Kiến phải (i) được người đưa ra yêu cầu ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ, (ii) nêu vấn đề cần lấy ý kiến và ngày dự kiến kết thúc thời hạn nhận ý kiến và (iii) đính kèm dự thảo phiếu lấy ý kiến (theo mẫu do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cung cấp) ("**Phiếu Lấy Ý Kiến**").

6.3 Trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau ngày nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải (i) xác định Thời Điểm Khóa Sổ để chốt danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho mục đích Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, và (ii) gửi thông báo cho Đại Lý Đăng Ký về Yêu Cầu Lấy Ý Kiến và Thời Điểm Khóa Sổ đó. Để tránh nhầm lẫn, Thời Điểm Khóa Sổ theo xác định của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 10 (mười) Ngày Làm Việc sau ngày Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến có liên quan.

6.4 Trong vòng 3 (ba) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được Yêu Cầu Lấy Ý Kiến, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải làm việc với Tổ Chức Phát Hành để thống nhất nội dung Phiếu Lấy Ý Kiến và dự thảo nội dung quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho từng vấn đề cần lấy ý kiến. Nếu các bên không thống nhất được các vấn đề nêu trên thì sẽ thực hiện theo quyết định (tài liệu) của Tổ Chức Phát Hành.

6.5 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với Đại Lý Đăng Ký để bảo đảm Đại Lý Đăng Ký sẽ gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong vòng 1 (một) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan.

- 6.6 Sau khi đã có bảo đảm của người yêu cầu Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc chi trả chi phí tổ chức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (đảm bảo đó phải đáp ứng được yêu cầu của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu), trong vòng 2 (hai) Ngày Làm Việc kể từ ngày nhận được danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Đoạn 6.5 trên đây, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ xác định thời hạn mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận ý kiến từ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (với điều kiện là ngày kết thúc thời hạn đó trong mọi trường hợp sẽ không muộn hơn 15 (mười lăm) Ngày Làm Việc sau Thời Điểm Khóa Sổ có liên quan) và gửi thông báo Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ("**Thông Báo Lấy Ý Kiến**") cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền nhận thông báo theo quy định tại Đoạn 6.7 dưới đây. Thông Báo Lấy Ý Kiến phải có thông tin về thời hạn mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận ý kiến từ các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Kèm theo Thông Báo Lấy Ý Kiến phải có Phiếu Lấy Ý Kiến và dự thảo quyết định/ng nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cho từng vấn đề cần lấy ý kiến. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có quyền gia hạn thời gian lấy ý kiến trong trường hợp đã kết thúc thời hạn nhận ý kiến quy định tại Thông Báo Lấy Ý Kiến mà chưa đủ Phiếu Lấy Ý Kiến cần thiết để thông qua một, một số hoặc toàn bộ nội dung xin ý kiến nhưng trong mọi trường hợp thời gian gia hạn lấy ý kiến không được vượt quá 30 (ba mươi) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc thời hạn nhận ý kiến quy định tại Thông Báo Lấy Ý Kiến và phải thông báo cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về việc gia hạn này.
- 6.7 Bất kỳ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nào có tên trong Sổ Đăng Ký tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng cũng sẽ có quyền đưa ra ý kiến theo Thông Báo Lấy Ý Kiến đó.
- 6.8 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải gửi Thông Báo Lấy Ý Kiến cho các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành, Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký; tuy nhiên, chỉ có các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mới được đưa ra ý kiến.
- 6.9 Phiếu Lấy Ý Kiến đã được trả lời phải được Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan ký và đóng dấu (nếu có) hợp lệ vào một trong hai nội dung sau: tán thành hoặc không tán thành (theo chọn lựa của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu) đối với mỗi vấn đề cần lấy ý kiến.
- 6.10 Phiếu Lấy Ý Kiến được gửi đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải được đựng trong phong bì dán kín và không được mở trước khi kiểm phiếu. Các Phiếu Lấy Ý Kiến bị xem là không hợp lệ và không được tính khi kiểm phiếu nếu:
- (i) được gửi cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sau khi kết thúc thời hạn nhận ý kiến được quy định trong Thông Báo Lấy Ý Kiến; hoặc
 - (ii) đối với mỗi vấn đề cần lấy ý kiến trong Phiếu Lấy Ý Kiến đó, Chủ Sở Hữu Trái Phiếu chọn nhiều hơn một trong hai nội dung sau: tán thành hoặc không tán thành.
- 6.11 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tiến hành kiểm phiếu tại các thời điểm như sau, tùy từng trường hợp áp dụng:
- (a) (i) Khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nhận được số lượng Phiếu Lấy Ý Kiến của những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ số lượng Trái Phiếu chiếm tỷ lệ cần thiết để thông qua quyết định theo Các Điều Kiện Trái Phiếu (để làm rõ, trong trường hợp có nhiều nội dung lấy ý kiến thì số lượng Phiếu Lấy Ý Kiến cần thiết

là số lượng Phiếu Lấy Ý Kiến của những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ số lượng Trái Phiếu chiếm tỷ lệ cần thiết đối với vấn đề cần tỷ lệ thông qua cao nhất), hoặc (ii) khi hết thời hạn Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đồng ý gia hạn thời gian Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Đoạn 6.6 thì:

- (A) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu theo quy định tại Đoạn 6.12; và
 - (B) Trong trường hợp một, một số hoặc toàn bộ các nội dung xin ý kiến đã được thông qua bởi những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu nắm giữ số lượng Trái Phiếu cần thiết theo Các Điều Kiện Trái Phiếu, căn cứ vào biên bản kiểm phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ ký và ban hành nghị quyết đối với một, một số hoặc toàn bộ các nội dung xin ý kiến đã được chấp thuận (nếu có).
- (b) Đến thời điểm cuối cùng nhận ý kiến mà Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (i) không gia hạn thời gian Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Đoạn 6.6 hoặc (ii) khi kết thúc thời gian gia hạn thời gian Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định tại Đoạn 6.6 hoặc (iii) khi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã nhận đủ Phiếu Lấy Ý Kiến của toàn bộ Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ tiến hành kiểm phiếu, lập biên bản kiểm phiếu, ký và ban hành nghị quyết đối với các nội dung và vấn đề được đưa ra Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu đã được thông qua hợp lệ theo Các Điều Kiện Trái Phiếu trên cơ sở biên bản kiểm phiếu đã lập, trừ nội dung đã được chấp thuận tại Đoạn 6.11(a)(ii) (nếu có).
- 6.12 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu phải kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Tổ Chức Phát Hành. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:
- (i) mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;
 - (ii) số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham gia biểu quyết;
 - (iii) tổng số phiếu hợp lệ tán thành và không tán thành đối với từng vấn đề cần lấy ý kiến;
 - (iv) tổng số phiếu không gửi về cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trước khi kết thúc thời hạn nhận ý kiến; và
 - (v) các quyết định đã được thông qua.

Biên bản kiểm phiếu phải được đại diện hợp pháp của Tổ Chức Phát Hành và đại diện của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ký và đóng dấu hợp lệ. Để tránh nhầm lẫn, quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu về mỗi vấn đề được thông qua hợp lệ dưới hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (với tỷ lệ biểu quyết cần thiết được quy định

tại Các Điều Khoản Trái Phiếu) sẽ có hiệu lực ngay tại thời điểm lập biên bản kiểm phiếu, trừ khi quyết định đó quy định một thời điểm có hiệu lực khác.

- 6.13 Tỷ lệ cần thiết để thông qua một quyết định/ngợi quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được quy định cụ thể tại Các Điều Khoản Trái Phiếu.
- 6.14 Trên cơ sở biên bản kiểm phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ lập văn bản tổng hợp các quyết định đã được thông qua dưới hình thức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu. Văn bản tổng hợp này được xem là nghị quyết của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu trong lần Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có liên quan và được ký và đóng dấu hợp lệ bởi Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu vào cùng ngày lập biên bản kiểm phiếu.

7. Triệu Tập Hội Nghị Và Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Trong Trường Hợp Trái Phiếu Đã Được Đăng Ký Tại VSD

- 7.1 Nếu Trái Phiếu đã được đăng ký tại VSD thì Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm tổ chức Hội Nghị hoặc tổ chức Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu của Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan (nếu áp dụng), và các quy định có liên quan của Các Điều Khoản Trái Phiếu và Hợp Đồng này (trong phạm vi các quy định đó không trái với quy định của các Văn Bản Quy Phạm Pháp Luật có liên quan, các quy chế của VSD và Sở Giao Dịch Chứng Khoán có liên quan (nếu áp dụng)).
- 7.2 Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu có trách nhiệm chủ động làm việc với VSD để nhận danh sách Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được chốt tại Thời Điểm Khóa Sổ tương ứng cho mục đích tổ chức Hội Nghị hoặc Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (tùy trường hợp áp dụng).

8. Các Quy Định Chung

- 8.1. Thời điểm xác định số đại biểu tham dự cần thiết để tiến hành Hội Nghị là lúc kết thúc 45 (bốn mươi lăm) phút tính từ thời điểm ấn định khai mạc Hội Nghị.
- 8.2. Khi Hội Nghị quyết định bất kỳ vấn đề nào thuần túy liên quan đến thể thức, thủ tục hay chương trình tổ chức Hội Nghị mà không phải là vấn đề cần được biểu quyết được đề cập trong dự thảo nghị quyết (hay trong kiến nghị bổ sung chương trình) (kể cả bầu ban kiểm phiếu và ấn định chương trình và nội dung Hội Nghị), vấn đề đó được xem là được quyết định hoặc chấp thuận bởi Hội Nghị nếu được tán thành bởi một hoặc một số Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sở hữu số Trái Phiếu chiếm ít nhất 50% (năm mươi phần trăm) tổng mệnh giá số Trái Phiếu đang lưu hành của những Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tham dự Hội Nghị.
- 8.3. Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ gửi bản sao của biên bản Hội Nghị hoặc biên bản kiểm phiếu (tùy từng trường hợp áp dụng) và văn bản tổng hợp các quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu (đã được Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ký và đóng dấu hợp lệ) cho tất cả các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Đăng Ký, Tổ Chức Lưu Ký, trong thời hạn 5 (năm) Ngày Làm Việc kể từ ngày kết thúc Hội Nghị hoặc kết thúc thời hạn nhận ý kiến bằng văn bản (tùy từng trường hợp áp dụng). Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ (i) lưu giữ tại địa chỉ đăng ký của mình bản gốc mọi

biên bản Hội Nghị, biên bản kiểm phiếu và văn bản tổng hợp các quyết định của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu cùng các tài liệu liên quan đến việc tổ chức Hội Nghị và Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và (ii) cung cấp bản sao của các tài liệu nêu trên theo yêu cầu của các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Tổ Chức Phát Hành và Đại Lý Đăng Ký và Tổ Chức Lưu Ký trên cơ sở có thu phí.

- 8.4. Mọi chi phí, phí tổn thực tế (nếu người yêu cầu tổ chức Hội Nghị hay Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu là Tổ Chức Phát Hành) hoặc mọi chi phí, phí tổn hợp lý (nếu người yêu cầu tổ chức Hội Nghị hay Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu không phải là Tổ Chức Phát Hành) liên quan đến việc triệu tập và tổ chức Hội Nghị hay Lấy Ý Kiến Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ do Tổ Chức Phát Hành gánh chịu.

PHU LUC III

MẪU THỎA THUẬN THAM GIA

THỎA THUẬN THAM GIA NÀY (“Thỏa Thuận Tham Gia”) được lập vào ngày [●] tháng [●] năm [●] bởi và giữa:

- (1) **[Điền tên chính thức của Tổ Chức Phát Hành tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]**
(“Tổ Chức Phát Hành”)

Mã số doanh nghiệp : [Điền mã số doanh nghiệp hoặc tương đương của Tổ Chức Phát Hành xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]

Địa chỉ đăng ký : [Điền địa chỉ đăng ký chính thức của Tổ Chức Phát Hành xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]

- (2) **[Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]** (“Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm”)

(3)

Mã số doanh nghiệp : [Điền mã số doanh nghiệp hoặc tương đương của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]

Địa chỉ đăng ký : [Điền địa chỉ đăng ký chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]

và

- (4) **[Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]** (“Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế”)

Mã số doanh nghiệp : [Điền mã số doanh nghiệp hoặc tương đương của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]

Địa chỉ đăng ký : [Điền địa chỉ đăng ký chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế xác định tại thời điểm ký Thỏa Thuận Tham Gia]

¹ Không áp dụng trong trường hợp thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 9.4.

CƠ SỞ KẾT LẬP THỎA THUẬN

XÉT RẰNG,

- (A) Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế đã nghiên cứu Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu được ký ngày [●] tháng [●] năm [●] giữa Tổ Chức Phát Hành và Công Ty Cổ Phần Chứng Khoán Kỹ Thương với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu ban đầu, như có thể được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế tại từng thời điểm ("**Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu**") và đồng ý thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm (là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu tại thời điểm ngay trước ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này) để thực hiện các công việc, nhiệm vụ và hưởng các quyền, quyền hạn và lợi ích của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu như được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu; và
- (B) Theo quy định tại Điều 9.1(d) của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế phải ký kết Thỏa Thuận Tham Gia này với Tổ Chức Phát Hành,

DO VẬY, NAY, các bên thỏa thuận như sau:

1. Công Nhận Quyền Và Nghĩa Vụ

- 1.1 Bằng Thỏa Thuận Tham Gia này, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế công nhận và đồng ý với Tổ Chức Phát Hành và các Chủ Sở Hữu Trái Phiếu rằng kể từ ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này, Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế (i) sẽ trở thành Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu thay thế cho Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm và (ii) do vậy, sẽ thực hiện mọi nhiệm vụ, công việc và được hưởng mọi quyền, quyền hạn và lợi ích của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu như được quy định cụ thể trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và các Văn Kiện Trái Phiếu khác.
- 1.2 Kể từ ngày ký Thỏa Thuận Tham Gia này, bất kỳ dẫn chiếu nào đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu theo Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được hiểu là dẫn chiếu đến Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế.

2. Thông Báo

Vì mục đích được quy định tại Điều Khoản 13 của Các Điều Khoản Trái Phiếu và Điều 11.4 của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu, địa chỉ, số fax và người nhận của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế như sau:

Đối với Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu:

[Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế]

Địa chỉ: [●]

Số fax: [●]

Người nhận: [●]

3. Các Quy Định Khác

- 3.1 Thỏa Thuận Tham Gia này là một phần không thể tách rời của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu và được xem là một Văn Kiện Trái Phiếu. Trừ khi được quy định rõ ràng khác đi trong Thỏa Thuận Tham Gia này, các thuật ngữ viết hoa được sử dụng trong Thỏa Thuận Tham Gia này sẽ có nghĩa như được quy định trong Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu.
- 3.2 Các quy định tại Điều 11 của Hợp Đồng Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu sẽ được áp dụng với những sửa đổi cần thiết cho phù hợp với ngữ cảnh cho Thỏa Thuận Tham Gia này như thể được quy định rõ ràng trong Thỏa Thuận Tham Gia này.
- 3.3 Thỏa Thuận Tham Gia này có hiệu lực kể từ ngày ký.
- 3.4 Thỏa Thuận Tham Gia này được ký thành 4 (bốn) bản gốc có giá trị pháp lý như nhau. Tổ Chức Phát Hành giữ 2 (hai) bản gốc và Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế giữ 2 (hai) bản gốc.

ĐỀ GHI NHẬN THỎA THUẬN CỦA CÁC BÊN, các bên, thông qua người đại diện được ủy quyền hợp lệ của mình, đã ký kết Thỏa Thuận Tham Gia này vào ngày được nêu ở trang đầu tiên của Thỏa Thuận Tham Gia này.

[Điền tên chính thức của Tổ Chức Phát Hành] với tư cách là Tổ Chức Phát Hành

Chữ ký: _____
Họ tên: [●]
Chức vụ: [●]

[Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế] với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Thay Thế

Chữ ký: _____
Họ tên: [●]
Chức vụ: [●]

[Điền tên chính thức của Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm²] với tư cách là Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm²

Chữ ký: _____
Họ tên: [●]
Chức vụ: [●]



² Không áp dụng trong trường hợp thay thế Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu do Đại Diện Chủ Sở Hữu Trái Phiếu Đương Nhiệm chấm dứt hoạt động theo quy định tại Điều 9.4.